

ngộ không phí ngọc hùng



một chút dối già

tập hai

Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu
2017



Như đã thưa gửi, người viết chỉ là người gõ chữ “cóoc... cóoc...” nào có khác gì mõ lằng. Chả là vì trộm thấy giấy trống trong tuyển tập có hơi trống trải với ngày rộng tháng dài nên gõ mõ vậy thôi. Thôi thì cứ theo cụ cổ lão sử thần cách đây cả nghìn năm mây bay đã “ngoại truyện” trong sử thi rằng: “Nước ta thiếu sử sách, biên khảo, mà đều do truyền văn. Sao chép có phần phiên tạp, chỉ làm loạn mắt. Phần ngoại truyện trong sử sách đây không dám rong ruổi làm chuyện chấp vá thàng có hay hoặc dở, nhưng may ra có thể góp nhặt được phần nào những mất mát tự ngàn xưa”.

Vì vậy người viết không ngoài chỉ nho nhe góp nhặt dăm chữ Tàu, chữ Ta. Đã có một chút đề dối già thì chẳng thể thiếu vắng tuổi già bóng xế với “xì tước” tức...gây răng. Hoặc với chữ nghĩa đang tàn lụn mà người viết đắp chữ và câu qua những bài viết. Chỉ có vậy và không hơn. Nếu như có rồi mắt bạn đọc không ngoài ý lực bất tòng tâm của người lấp giấy đắp chữ. Nay xin thưa.

Ngô Không Phí Ngọc Hùng

tv&bh

Ngô Không Phí Ngọc Hùng

Một Chút Dối Già

Tập Hai

Ấn Bản Điện Tử
do
Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu
Thực hiện 2017

Hình Bìa: Ngộ Không Phí Ngọc Hùng
Trình Bày: T.Vấn



Mục Lục

Lại bợc bạch nữa 001

- 01-Gã thiên giả 003
- 02-Gã biết chữ nhưng chữ
không hề biết gã 028
- 03.Giao lưu văn hóa 056
- 04-Nửa vách đèn tàn,
thị u lâm mặc luận 082
- 05-Tôi đi tìm nó 102
- 06-Như một chuyện tình 132
- 07-Sử quan 152
- 08-Mã nhật tượng điện
xe liên pháo cách 183
- 09-Phở thiên biên ký sự 210
- 10-Đàm hoa lạc khứ 234

- 11-Bức tượng Già Lam 259
- 12-Bà Hồ Xuân Hương
tân biên cổ truyện 282
- 13-Cái thẻ bài 313
- 14-Về cái sự biết 339
- 15-Chuồn chuồn
đi đón cơn mưa 369
- 16-Phố xưa 397
- 17-Bên rổ rau muống 426
- 18-Tử nhân bơi...hề tử nhân 449
- 09-Sài Gòn đầu đường cuối ngõ 474
- 20-Vườn nhà 499

Bạt 519

Lại bọc bạch nữa...

Một ngày bạn tới thăm, bèn mang chuyện đọc trên báo khoe mẽ: “Hồi nhỏ, mỗi lần vú chúng tôi dỗ chúng tôi nín khóc thường bảo: *Ngày mai, ngày mốt, ngày kia, ngày kìa, ngày kìa, ngày kìa, ngày kìa*, vú sẽ mua cho con một con mèo bé ...*cón còn còn con*.”

Vú chúng tôi không biết đọc, không biết viết nhưng rất nằm lòng về thanh điệu của tiếng Việt về khoảng cách giữa thời điểm này với thời điểm khác. Bây giờ thử tìm trong các từ điển, nhiều nhất tôi chỉ thấy được ba từ mà thôi: *kia, kìa, kìa*. Còn *cón còn còn con* thì theo tuổi tác *héo hẻo hẻo hẹo hèo heo* tôi tìm không ra.

Đọc xong, sau đó bạn phương xa gửi cho người viết một quyển truyện dài có rất nhiều chữ của các cụ ta xưa nay *gần như tàn lụi*. Từ đây, người viết lậm với *chữ Việt cổ* với một nhớ hai quên.

Thêm bạn già miền bắc đất lạnh tình nồng gửi tặng cái nôi đất cổ mà bạn già dậy là “Hán bản địa”. Mười năm sau thấy chữ nho phong sĩ khí *Hán bản địa* này nghe ra có chút nhi nhĩ “bất” thuận. Lại đeo

bồng với tuổi già, trộm thấy Hán tự nam là con trai. Chữ Nôm, *nam* thêm chữ “ba” (phong ba bão táp) nên gọi là “ông già”. Từ đó, người viết lân la làm quen với...*chi, hồ, giả, dã*.

Như đã thưa gửi, người viết chỉ là người gõ chữ “cóoc... cóoc...” nào có khác gì mõ làng. Chả là vì trộm thấy giấy trống trong tuyển tập có hơi trống trải với ngày rộng tháng dài nên gõ mõ vậy thôi. Thôi thì cứ theo cụ cổ lão sử thần cách đây cả nghìn năm mây bay đã “ngoại truyện” trong sử thi rằng: “Nước ta thiếu sử sách, biên khảo, mà đều do truyền văn. Sao chép có phần phiên tạp, chỉ làm loạn mắt. Phần ngoại truyện trong sử sách đây không dám rong ruổi làm chuyện chấp vá thẳng có hay hoặc dở, nhưng may ra có thể góp nhặt được phần nào những mất mát tự ngàn xưa”.

Vì vậy người viết không ngoài chỉ nho nhe góp nhặt dăm chữ Tàu, chữ Ta. Đã có một chút để dổi già thì chẳng thể thiếu vắng tuổi già bóng xế với “xỉ tước” tức...gầy rãnh. Hoặc với chữ nghĩa đang tàn lụn mà người viết đắp chữ vá câu qua những bài viết. Chỉ có vậy và không hơn. Nếu như có rối mắt bạn đọc không ngoài ý lực bất tòng tâm của người lấp giấy đắp chữ. Nay xin thưa.

Phí Ngọc Hùng

Gã thiền giả

*Sắc tức thị không, không thị sắc
Thiền giả hiểu thế việc nhân gian*

Qua hai câu thơ dẫn nhập của cụ bà Hồ Xuân Hương trên cho ra vẻ văn dĩ tải đạo, để bắt qua truyện thiền chương của bạn tôi trong bài viết. Ngoài ra, tôi còn dựa dẫm vào tác giả Nguyễn Hoài Phương, ông kể lể về căn bệnh thiền của “anh bạn” ông và chính ông cũng bị...bệnh thiền nó hành như thế này đây, thưa bạn đọc:

“...Bất kể là sáng, là trưa, là chiều, là tối... Hay là đêm... Hay là vào bất cứ thời điểm nào của ngày và đêm... Ngày nào cũng vậy, ngày nào anh cũng có thể bốc điện thoại gọi cho tôi ít nhất là năm lần, mỗi lần ít nhất là mười lăm phút... để nói cho tôi nghe về cái hay ho của thiền. Để thuyết phục tôi thiền, anh nói nhiều và nói dai, để tôi không thể không nhận lời.

Lúc đầu, tôi cứ nghĩ là cứ âm ừ rồi muốn ra sao thì ra. Nhưng không được với anh. Bất kể là sáng, là trưa, là chiều, là tối... Hay là đêm... Hay là vào bất cứ thời điểm nào của ngày và đêm... Ngày nào cũng vậy, ngày nào anh cũng có thể bốc điện thoại gọi cho tôi ít nhất là năm lần, mỗi lần ít nhất là mười lăm phút...để giục già tôi thiền. Để được một số cảnh giới. Để sống thanh thản, như anh nói, tôi sẽ bỏ qua, sẽ quên đi được rất nhiều thứ phiền toái của cuộc đời.

Chỉ còn mỗi một thứ phiền toái đầu cố gắng đến mấy tôi cũng không thể nào mà quên đi được. Ấy là, hình như tiếng chuông điện thoại của anh vẫn đã, đang và sẽ còn đi theo, vẫn còn ám ảnh tôi mãi mãi...Bất kể là sáng, là trưa, là chiều, là tối hay là đêm...Hay là vào bất cứ thời điểm nào của ngày và đêm...Ngày nào cũng vậy, ngày nào anh cũng có thể bốc điện thoại gọi cho tôi ít nhất là năm lần, mỗi lần ít nhất là mười lăm phút để trao đổi với tôi về những nét thăng hoa phát tiết của thiền cho người đời. Theo anh thì tuyệt vời trên cả...tuyệt vời !

Bây giờ thì lúc nào tôi cũng nơm nớp, nơm nớp...chỉ sợ lại phải nghe tiếng chuông điện thoại reo. Nơm nớp...Vì, đây rất có thể lại là điện thoại của anh...”.

Tôi áng chừng vậy là bạn đọc đã bắt mạch được bệnh chứng thiền như thế nào rồi. Cũng như người bạn thâm căn cố đế mà tôi gọi là “gã” sau đây, cũng

chẳng khác gì “anh bạn” của ông tác giả trên. Gã suốt ngày với dăm khoئن chữ lỗ mũi lơ ngơ, sáo mòn vô nghĩa, từ ngữ ta bà sáo rỗng phù vân, phù thế, hư ảo, hư vô. Cái gì cũng “hư”, cái gì cũng “vô”, cái gì cũng “phù”. Gã như con bò nhai lại những xác chữ bã mủn một cách... cực kỳ kinh khốai.

Cuối tuần này có bão rút lạc về, mưa gió nhì nhằng, chẳng đi đâu được nên gã “nằm” liêu xiêu ở nhà, gã căng mắt chiếu quán lên cái trần vô tri, vô tính trong phòng. Thấy lạ quá chừng nên tôi gõ cửa hỏi cho ra nhẽ thì bị gã mắng như tát nước vào mặt:

- Bá ngọ mày, tao đang tụng, chút nữa nói chuyện.

Lát sau, đợi gã tụng xong, tôi lật đật hỏi gã:

- Đang tụng sao lại chửi thề.

Gã trả lời tỉnh khô:

- Tao tụng...Phật nghe. Tao chửi...mày nghe.

Nghe thông suốt xong, tôi hỏi gã rằng...”nằm” thiền để làm gì mà khổ vậy. Nếu tôi là gã...thì...thì...thèm vào, đéch thiền nữa cho xong. Khi ạ. Thiền gì mà khi thế này chẳng biết nữa! Hết ngồi lại...nằm. Mà giờ ạ, chẳng thiền có chết ai đâu.

Với khuôn mặt thiền tính, thiền quán, gã vêu vao thuyết pháp:

“...Xưa...khi Mã Tổ còn là tăng và ngồi thiền. Bạn là Nam Nhạc hỏi rằng:

- Ông ngồi thiền để làm gì vậy?

- Để làm Phật.

Nam Nhạc vện vẹo Mã Tổ:

- Thiền không ăn nhằm đến nằm hay ngồi, học Phật như vậy là giết Phật. Phật vốn vô hình, vô tướng. Chấp tướng pháp vào ngồi thì không đạt được cái lý của thiền học.”

Lưỡi tôi đá cái miệng, bèn hỏi: “Phật là gì?”. Gã bệu bạo tiếp:

“...Một thầy tăng hỏi Thiền sư Triệu Châu:

- Phật là gì?

Triệu Châu đáp:

- Phật là que cút khô...”

Ông có nội tôi đội mồ sống dậy cũng chả hiểu...cút khô gì. Thôi thì hãy trở về với quá khứ vị lai của gã, chuyện là tôi biết tổng gã...tu bằng cách viết bài cho đặc san có tên *Đồng tu* cho nhà chùa ở thành phố San Antonio. Đồ phải gió cắn răng gì đâu, vậy mà ngày nào tôi cũng thấy gã...tu từ một tới hai chai bia.

Tôi chợt ra nhớ hồi này ở trong nước đôi mới tư duy với cao trào mang công án thiền vào quán nhậu. Vì cần thuyết phục nhau, thì "dùng công án Thiền dễ hiểu hơn nhiều". Như *Lấy đũa quơ trăng*, *Thiền sư qua sông*, *Một giỏ lông rùa nặng chín cân*, *Ngồi lâu thấm mệt*. Và chẳng thể thiếu vắng những hư từ, ngoa chữ "vô minh", "vô ngôn", "vô thường", "vô ngã", "vô sở đắc", "vô sở trụ" rất rõ ràng, sáng tỏ. Như hỏi một nhà văn rằng vì sao anh ta cứ mài óc ra mà viết bài cho báo lá cải. Đáp: *Phật cũng chỉ là que cút khô thôi mà!* Hỏi tiếp: *Sao Phật lại là que cút*

khô? Đáp: *Anh không biết công án Thiền à? Thế là người hỏi cứng họng. Trao đổi với một nhà phê bình văn học khác: Bài viết này của anh nội dung chả nói được điều gì. Đáp: Nói được cũng ngồi lâu thấm mệt, không nói được cũng thấm mệt thôi ông ạ. Bèn hỏi tiếp: Ngồi lâu thấm mệt ở đâu ra thế? Đáp: Thế là ông không ngồi ở quán nhậu rồi, vậy là ông không tư duy văn hóa nhậu rồi. Hay nói khác đi ông không đọc công án Thiền rồi!". Là...rồi, và xong.*

Bèn hỏi...tu gì mà hóc vậy? Gã nhét vào miệng tôi như vậy:

“...Thiền sư Dairyo được mời dự tiệc cùng với mấy tăng lữ. Chủ nhân muốn thử đạo hạnh của mấy vị sư này, nên thay vì hầu trà lại rót rượu vào mấy cái chén thố. Tất cả sư sãi ngồi ngó nhau, trừ thiền sư làm như không hay biết, và...tu cái ực và khả một tiếng. Có thầy tăng mách Dairyo :

- Đó là rượu đấy!

Dairyo chăm chăm nhìn vào mặt thầy tăng, hỏi:

- Sao ông biết tôi uống...rượu...”

Vắt óc nghĩ không ra công án...tu tỉnh ruồi bu trên. Vì không hiểu bèn học khôn, nên khen đây, chê đây. Cứ thế, khen rồi chê, chê lại khen. Khen, chê cho lắm cũng chuốc vạ vào thân vì tôi trở lại câu hỏi cũ rích mốc meo: Thiền là gì?. Như đợi cơ hội này từ đời tám kiếp nào rồi, gã buông xả thêm một giai thoại thiền nữa, và gã vả miệng cáit lưỡi tôi như thế này mới khổ tôi:

“...Ngày nọ có một ông quan hỏi thiền sư Taigu:

- Thiền là gì?

Thiền sư trả lời:

- Thiền là một cái gì đó...tròn và lăn, tròn và trượt.

Quan ngó ra chưa kịp hiểu. Thiền sư tiếp:

- Một cái gì không nắm bắt được, không mô tả được.

Quan ú ớ:

- Bản chức chẳng hiểu gì cả?

Thiền sư gục gặc cái đầu và âm ừ:

- Ít nhất thì Ngài cũng...”hiểu” được điều đó, thưa Ngài...”.

Ít ra thì tôi cũng vỡ bụng chút hiểu là gã chê tôi...dốt như me dốt đấy thôi. Tôi giận gã, nhiều khi phát chán, rồi lại không chán, lại chán, rồi lại không chán. Tôi không bao giờ giận lâu cho được. Tôi cạch mặt gã mấy ngày, gã dừng dung, tôi sợ mất gã như nhện sợ mất bọc trứng. Vì là bạn gã, tôi hiểu lơ mơ thiền gồm có ngôn ngữ bí ẩn, thái độ kỳ quặc của mấy ông thiền sư khi được vấn đạo. Ông chỉ giản dị nói ra những gì ông thấy và cảm nhận lúc đó. Để người hỏi nhức nhối thêm. Và nếu người hỏi không điền cái đầu là...ngộ, là đạt. Gã như thế đó...Tôi như vậy đấy....

Bạn đọc đừng rồi hơi hỏi...”Tôi là ai?”. Vì ấy là chuyện sau.

Như trên vừa kể lể, gã viết...*báo chùa* và lấy bút hiệu là...Ngộ Không. Chẳng qua là gã hủ nho, khùng khỉnh cọt đít nôi nhóp nhép được ba chữ chi, hồ, giả, dã. Nếu bạn đọc hỏi nghĩa gì, gã được thể nhang thơm đèn thấp, cảo mực đề văn, nuốt câu bót chữ, thêm dấm thêm tương dấm văn tự án, gia sản một mẻ ngôn từ vói: *Đại nghi đại ngộ, tiểu nghi tiểu ngộ, bất nghi bất ngộ*.

Ngoài trời bắt đầu mưa lâm râm, tôi ngó ngoài vì nghe rõ tiếng mưa rơi. Gã nói có mưa đấy, bộ mày không thấy mưa cũng theo nhau về đây đó sao? Có mưa theo nhau, sao mày không...theo tao? Thời buổi này mà không theo thiên thì lỗi thời quá đi! Ấy đấy, gã điên thế đấy! Gã khỉ vậy đó! Thế nên tôi không để ý lời gã nói. Ngoài kia trời vẫn mưa hiu hắt...

Nói cho ngay nào tôi có khác gì con ếch, con bướm của Trang Tử. Vì rằng con ếch ngồi trong đáy giếng, làm sao nói được chuyện biển cả. Con bướm chẳng sống qua mùa hè làm sao nói được chuyện tuyết rơi, vì nó không biết gì xa hơn đời nó. Thấy mặt tôi bè ra như cái bướm, mắt trở ra như mắt ếch. Như rình rập dịp này từ lâu, thuyết giảng cho tôi rạch ròi là “nghi lớn ngộ lớn, nghi nhỏ ngộ nhỏ, không nghi không ngộ” mới...chết “ngộ”.

Gã hé mở thêm, tham thiền không đem cái tâm ra đợi để được...ngộ. Vì đợi ngộ không khác gì ngồi bên đường đợi Phật, rốt cuộc Phật chẳng bao giờ

đến với mình, muốn Phật đến thì phải đi tìm thôi. Lộng giả thành chân, thà gã nói quách ra Ngộ Không là...’’không ngộ’’ cho tôi đỡ rối trí. Vì vậy tôi gọi gã là...’’*Gã thiền giả*’’. Giả hay thật, câu trả lời đầu môi chót lưỡi của gã vẫn là có và không. Diễn đạt theo thiền thì hết thấy tồn tại hiện hữu trong mê hay ngộ. Chỉ là niệm: Cũng...có mà cũng...không có. Có với không, gã lại làm tôi rối như canh hẹ thêm!

Lại nữa, gần đây gã thừa được cái tượng thiền sư ở tiệm bán đồ cổ, tượng gỗ cao hơn một mét, nặng cả chục ký lô, tướng hung dữ, lông mày sâu róm, mắt trắng dã, mũi quặp, râu quai nón. Tôi chả hiểu góc gác ông thiền sư này ngoài cái tên là Bồ Đề Đạt Ma. Trước đây qua tranh vẽ, tôi chỉ thấy ông ngồi trên thuyền lau, người to hơn thuyền, thuyền không có mái chèo, nên chẳng hay từ đâu đến và sẽ...đi về đâu.

Với tôi, hình ảnh lớn nhón của mấy ông thiền sư là ẩn náu cả chục năm trong hang hốc, người ngòm bụi bặm, tóc tai bù xù, râu ria lởm chởm. Suốt ngày hết chống gậy lên núi nhìn mây bay, lại chống gậy xuống sông nhìn nước chảy. Ngẩng đầu lên không thấy trời, cúi đầu xuống chẳng thấy đất. Thấy núi không là núi, nhìn sông chẳng là sông. Đi không biết mình đi, ngồi chẳng hay mình ngồi. Đến khi mệt mỏi tựa gốc cây, ngửa mặt lên trời cười khan ra cái điều...khinh bỉ cuộc đời. Một ngày thiền sư chống gậy xuống núi, giữa chốn ta bà chẳng thấy một ai

ngoài cái Ta. Suốt ngoài và trong cái thân, chỉ là một ụ mỗi nghi hoặc với hoài nghi.

Về lão Đại sư đeo bị, vai vác gậy treo lưng lửng cái hồ lô thật bắt mắt...Tôi hỏi gã bộ lão Đại sư qua Tàu để...uống rượu chẳng? Như được gãi ngứa, gã râm ran:

“...Ông tăng Tàu hỏi Thiền sư Cửu Phong cũng người Tàu rằng: “Ý của Tổ Bồ Đề Đạt Ma qua...Tàu là gì”. Cửu Phong trả lời: “Một giỏ lông rùa nặng chín cân. Hỏi nhằm nhĩ”. Thầy tăng không thông đạt, đi nửa đường gặp Thiền sư Hương Lâm, tăng vắn câu hỏi ấy và Hương Lâm đánh cho một gậy và giảng luận: “Ngồi lâu thấm mệt”. Vẫn chưa hanh thông, thầy tăng đến tham vắn Thiền sư Mã Tổ, bị Mã Tổ đập cho một cái ngã bở chĩnh. Thầy tăng lồm cồm ngồi dậy, chấp tay mừng rỡ: “Đại ngộ.. Đại ngộ”.

Bèn lạy tạ trở về chùa, sau thành đại thiền sư, dạy bảo thiền sinh: “Từ hồi Ta bị Mã Tổ đập cho một đập nên...cười chẳng nổi”.

Chuyện khi gió cắn răng gì đâu, tôi muốn...cười cũng không xong. Vì thấy mấy ông sư tàu tàu đứng là quái tăng, cứ rình rình dạy thiền nhau bằng cách khện vào đầu mấy gậy hay đập cho một đập. Diên không chịu nổi. Sao tôi lại làm bạn với người như gã và không dứt ra được. Đếch học thiền nữa cho rồi. Tôi muốn rút ra khỏi đời gã, rút khỏi thiền chương của gã. Nhưng tôi với thiền thành nếp rồi, sửa lại

không được nữa mới đau đời chứ. Thấy tôi chao đảo, gã mặt nghiêm và buồn rằng: *Với những công án của thiền, không nên luận giải hay phân tích.* Đó là những công án bí ẩn hay có vẻ vô nghĩa đến đâu nhưng vẫn có những ẩn tàng một cái gì sâu xa đằng sau những câu trả lời. Nếu mày có căn tu, một ngày nào đó trái nắng trở trời, mày sẽ...ngộ ra thôi”.

Nghe vậy, tôi vén môi vẫn gã công án u u minh minh mà tôi khổ công tâm chương trích cú với một rượu, một trà, một đàn bà.

Gã lao tứ khổ tâm, vượt râu thả chữ:

“...Một hôm thiền sư Ikkyu và Lâm Tế bất ngờ thấy một nữ nhân trần truồng tắm ở dưới sông. Ikkyu ngừng chân, cúi đầu, kính cẩn chiêm ngưỡng. Lâm Tế vặn hỏi: “Sự gì thầy nhìn chòng chọc vào cái thân thể trần truồng đó”. Ikkyu trả lời rất phàm tục: “Hãy như đi cầu, đi tiểu và làm người thật thôi. Khi đói thì ăn, mệt thì ngủ. Ông chớ nên mê Phật ghét phàm, làm vậy ông chỉ tổ chẳng bao giờ thoát ra được cái vòng luân hồi. Nếu ông khát, ông mơ về nước, nếu ông lạnh, ông mơ cái áo ấm. Còn ta, ta thấy một thân thể trần truồng, ta mơ về những niềm vui khuê phòng. Đó là bản ngã của ta”. Ikkyu giảng giải thêm: “Ông là người tu hành khi chưa đạt đạo thì đại kỳ chuyện giao tiếp của nam và nữ, thể nào cũng phạm giới vì phản chiếu cái tâm của mình. Ông sở dĩ kỳ nhìn người nữ ấy, cũng vì cái tâm súc sanh của ông vẫn còn. Như ta đây, khi giác ngộ đại đạo rồi thì ta chẳng có tà tâm nào cả. Vì chuyện

nam nữ giao tình, tương giao ấy vốn là lẽ tự nhiên của trời đất. Ta bảo rằng Phật đạo đã dậy như vậy đấy”.

Mặt tôi lại đực ra như ngỗng đực, rõ ra là chuyện khi ho cò gáy gì đâu chẳng biết nữa. Gã như thế đó...Tôi như vậy đấy...Một ngày như mọi ngày, mới sáng bảnh mắt ra kêu đói, bắt tôi đi mua phở về cho gã ăn rồi về bàn chuyện...thiền tiếp. Tôi hầu gã hơn hầu bố tôi không bằng, thế mà tôi thấy cực kỳ vui mới hay chứ.

Riêng hôm nay, bỗng có tiếng chuông điện thoại rôm rả như ẩm nước sôi reo, tôi đưa điện thoại cho gã, gã nghe mặt mày hớn hờ. Bỏ bu, tôi lại lây bệnh ông tác giả ở trên...Bây giờ thì lúc nào tôi cũng *nom nóp, nom nóp...chỉ sợ lại phải nghe tiếng chuông điện thoại reo. Nom nóp...* Vì rất có thể là điện thoại của...ông bạn nào đấy của gã gọi đề luận về thiền. Lát sau, gã xách xe ra khỏi nhà, biết là có mục, tôi theo gã vào một quán vắng trong phố chợ. Tôi hiểu bạn đọc đang thắc mắc tôi là ai. Có ở chung nhà với gã không? Sao mới nghe lóm điện thoại đã bèn gót theo gã ra quán che đóm ăn tàn? Tôi chẳng biết thừa thốt gì hơn với bạn đọc là...chuyện đâu vẫn còn đó, xin hãy đọc hồi sau sẽ rõ.

Họ cũng vừa tới và họ đây là hai mẹ con. Tôi ngấm trộm, bà mẹ khoảng bốn mươi, cô con gái cỡ

hai mươi. Bà mẹ vẫn còn có nét, nên tôi gọi bằng cô cho gần gũi. Thóang nhìn cô ta có nét xa vắng, u ẩn đến...nẫu người. Và tôi chợt bắt gặp gã, như đang ẩn hiện những nỗi tiếc cùng những ngày tháng qua mau. Gã cúi đầu xuống ly bia màu hổ phách đang sủi tăm, nhạt nhòa với *thóang hiện em về trong đấy cốc, nói cười như chuyện một đêm mơ*. Tôi tự thầm hỏi, hay là tình cũ không gọi mà tới, nào ai biết ma ăn cỗ vì chuyện này thì có thể sẩy ra cho bất cứ ai, một lần trong đời. Riêng tôi thì không!

Cô nói năng có chút e dè, và qua chuyện thì hóa ra gã và cô ta là hai anh em họ mới...đau cái đầu. Hai anh em nhỏ to, tôi biết thêm, cô ta ở mãi bên kia trời Âu lặn, hai mẹ con ở một tỉnh nhỏ, cô cắm hoa và vẽ tranh thiên triển lãm. Thơ thiên, nhạc thiên, tôi vật vờ, còn tranh thiên thì chịu chết. Nhưng cô có mang tặng gã hai bức, chốc nữa về tôi sẽ được ngắm...“thiên”. Bỗng cô bảo con ra chợ mua ít đồ vật vĩnh, cô con gái vừa rời khỏi chỗ. Cô kéo ghé gần gã hơn, lấy trong ví ra một tấm hình đã cũ.

Tôi lom lom thấy có ba người: Gã, cô ta và...*một cậu trai*.

Tôi nhận ra ngay gã. Còn cô, hình chụp ngày Tết, cô mặc áo dài, cổ đeo kiềng. Riêng cậu trai tóc chải ngôi giữa, mới đầu tôi nghĩ là họ hàng chi đây, hóa ra là bạn cùng xóm của gã và cô ấy thế mới...điên người. Ngoài ra tôi còn biết tên cậu ta nữa...Cô thì thâm sù sùi như âm ức, có sự như vậy nên tôi càng lảng tai qua tiếng còn tiếng mắt, nhưng nghe xong, tôi muốn bá thờ.

Mẹ ơi, cô con gái của cô ấy, cũng là: *Con của một...ông sư.*

Về đến nhà, gã nằm đo giường và thở hắt ra vì bão. Nằm chán chê đến hai ngày nhìn mưa rơi lộp độp, rồi trời quang mây tở, gã xách bịch bia ra vườn ngồi uống. Đang tu chai thứ hai, mắt gã lóe lên như đom đóm đực, vì bất ngờ chớp được hai con ruồi bự sự bằng móng tay út, như ruồi xanh, ruồi trâu, hay ruồi ma ấy. Chắc hẳn bạn đọc đang nghĩ đại, hay gã bắt mỗi đũa cay. Tôi cũng chưa biết nếp tẻ gì, thì thấy gã nhón từng con, bỏ vào cái chai không, nhưng vẫn còn chút ít bia thừa. Lạ chưa kia, bạn đọc thấy không? Vừa rơi tòm xuống lớp bia mỏng tang, chưa yên chỗ, con ruồi con đã thoả mái tắm tấp, lau mảy lau mặt, như thiếu nữ ngủ ngày ấy. Còn con ruồi lớn đứng đỉnh chấm mút chút bia cặn, rất tửu đồ, rất nam nhi sự nghiệp ư hồ thi...

Rách chuyện thêm là một buổi, gã hủ nho bạn tôi thơ thần phố chợ. Bỗng thấy sách bày trên kệ, thuận tay mở ra xem, bắt đồ cả mừng vì túm tó được một số...công án thiền “đóng hộp” bèn thừa về. Thế nên buổi nay gã lôi tập thiền thư ra tụng. Nhưng mắt vẫn ngó chừng hai con ruồi, lại nhìn tôi ra ý dò hỏi ắt hẳn là một cái, một đực chẳng? Gã và tôi, thấy mỗi lần con cái vo ve, con đực như bực bội và loi ngoi muốn bò ra khỏi cái cổ chai. Khi không gã nhóm dậy đi lấy cái kéo, đồ nghề Bonsai của gã. Tôi

chắc mẫm gã ngứa mắt vì ba cái lá lạc lõng, nên muốn tĩa tiếc chi đây. Chả là cây già lão, cắt với xén gã tạo ra dáng như cô gái đang thì. Cây đang mơn mớn động tình, gã làm cho lão hóa, hom hem. Mỗi lần hoàn tất xong một tác phẩm nghệ thuật...cây. Gã lỹ một lam, làm một ly, rồi đổ vấy cho *đoạn tổng nhất sinh duy hữu tửu* và buồn tình ngâm nga *không trời đất cổ kim, kim cổ, mảnh hình hài không có, có không*.

Gã nhìn tôi, như biết tôi đang thao tác về gã. Gã lên giọng tụng kinh thư thiên:

“...Một hôm thiền sư Tanzan và Ekido đi qua một vũng lội gặp một thiếu nữ trong bộ Kimono đai lưng bằng lụa. Họ thấy thiếu nữ ngập ngừng. Cô rón rén. Bước một chân chạm nước rồi do dự. Cô vén Kimono lên một chút...”.

Gã ngừng đọc, tu một hơi bia...Thấy con ruồi đục bò ra khỏi cổ chai, gã vớ cái kéo, như tĩa cây, gã cắt bết hai chân của nó. Tôi nhìn gã và con ruồi. Mà ủa lạ chưa kia? Gã bỏ con đục vào lại cái chai, lần này, con cái gắp lại chàng...ngày về anh đã cụt chân, lại hí hửng vo ve nữa, và con ruồi đục đi cà nhắc, cà nhắc.

Định hỏi gã gì quái vậy? Nhưng thôi, vì thấy gã vẫn đang đắm chìm với...thiên:

“...Lại dọ dẫm chẳng biết nông hay sâu. Nước lên gần đầu gối. Cô thấy gai gai lạnh nổi da gà. Vạt vấy Kimono vẫn còn vương vấy. Liều thêm một

chút. Cô cởi phắt cái đai lưng ra...Hiểu theo nghĩa là phân thân thể đăng trước của cô ...”

Con ruồi đục cứ nhảy cà từng, cà từng. Ngứa mắt, gã dốc chai, lôi nó ra, cắt hết chân và bỏ vào lại. Bây giờ con ruồi cái có vo ve cỡ nào, nó vẫn nằm yên không...cục cựa. Không hiểu bạn đọc nghĩ gì, riêng tôi đang lẩn quẩn với hình ảnh ông sư với người tình cũ em họ gã. Hay là....Nhưng tôi vội sua đuổi ý nghĩ u u minh minh ấy đi! Vì thằng này theo tôi nhắm chừng chỉ khẩu xà tâm Phật vậy vậy thôi, chứ chả đến nỗi nào.

Gã vẫn cắm cúi đọc, như không có chuyện gì xảy ra trong chôn u mê tục lụy này:

“...chẳng còn gì nhiều để ẩn dấu nữa. Thấy vậy Tanzan ghé vai công cô gái qua vũng nước. Thế là Ekido cần nhằn Tanzan tại sao lại công cô gái...”

Ha! Là người trần mắt tục, tôi không may may tin khi ông thiền sư Tanzan công cô gái hờ hơ mà chẳng cục cựa động não động tình với cái va chạm ngập da thịt...giết người từ sau lưng! Cứ theo gã, gốc gác chuyện này từ Nhật. Chả là chuyện Tàu qua thiền nhập môn phỏng theo chuyện Nhật cũng có chuyện ông sư trẻ vắn vẹo ông sư già công cô gái qua vũng nước mà gã đã kể tôi nghe. Gần mực thì đen gần đèn thì lu, tôi mù u rằng ông sư già chẳng hơn gì ông thiền sư. Ông sư già nhận thức da thịt mình quả tình có vô tình...va chạm tí ti vào chút dư thừa của cô gái, để chứng ngộ thấy cái bản ngã của

mình ẩn nấp trong bộ áo nâu sòng cũng liều đạt như ai, cũng trần tục như bất cứ ai trong chuyện đời thường. Đường như đúng thế, ít nhất tôi nghĩ thế.

Rõ khi! Thiền gì mà lãng nhãng vậy chẳng biết nữa nên tôi im như thóc ngâm vì biết gã mê thiền. Gã mê cái gì vậy? Không biết! Thiền có gì cho gã mê nhi? Chẳng có gì! Kệ, nghĩ nhiều đau đầu mệt xác. Thế nhưng ấy là chuyện Nhật hay Tàu đây không người mình qua sách vở, còn dưới đây là chuyện Ta với cụ Nguyễn Khuyến, thưa bạn đọc...

Chuyện quỉ tha ma bắt là một lần cũng qua sông như Ikkyu:

Cụ gặp một cô gái đang tắm, khác với Ikkyu khi bất ngờ thấy một nữ nhân trần truồng tắm ở dưới sông. Ikkyu ngừng chân, cúi đầu, kính cẩn chiêm ngưỡng. Thì cụ đề lại bốn câu thơ...để đời. Bài thơ này không có ghi trong sử sách và được thuật lại qua một bà. Bà này là con của người *con gái nhà ai tắm vệ sông* mà cụ Nguyễn Khuyến đã gặp một chiều trên bến nước :

Con gái nhà ai tắm vệ sông
Vú vè để hở váy quai cồng
Ước gì ta được mà ta đề...
Ta...để mà ta lại...để chung

Qua sông ai nữ quên đồ như cụ Nguyễn Khuyến:
Thiền như vậy mới là...thiền. Ít nhất tôi nghĩ vậy.
Đường như đúng như vậy.

Nốc hết chai bia, gã bỏ vào nhà. Con ruồi đục vẫn nằm quay đơ. Tôi lơ đãng theo xem gã dở quẻ gì nữa đây và tự than thầm hôm nay gặp ngày chéo ngoe gì đâu! Hóa ra gã đem treo hai bức tranh của cô em họ. Tôi tần ngần đứng ngắm, bức thứ nhất theo trường phái ấn tượng. Bạn đọc nên hiểu là không phải ấn...bức tượng vào tranh. Mà là trát thật nhiều bột màu vào bản vẽ, rồi ra người thưởng lãm muốn...hoang tưởng là gì cũng xong tuốt. Quả vậy, cô ta dùng nhiều mảng màu phủ lên nhau dày đặc, như mảnh phù điêu khắc mỏng nên tôi chả hiểu khi gì sát. Chỉ biết rằng ấy là...tranh thiền. Bức thứ hai màu sắc nhẹ nhàng, nét vẽ rõ hơn là một khúc cây khô, điểm dăm ba cánh hoa mai vàng chơ vơ...Bố cục cổ điển như tranh thủy mặc với những nét chấm phá, nhất là khúc cây nghiêng ngã, cằn cỗi, mốc meo rất...*ấn tượng*.

Và tôi nhớ hong hanh: Hình như đã thấy hình ảnh cảnh cây ngả nghiêng này ở đâu đó, lâu lắm rồi.

Hôm sau, mới sáng tinh mơ gã và tôi rời khỏi nhà. Ngồi trong xe, tôi cứ lẩn tránh chuyện hai con ruồi, làm như có một cái gì không đúng bài bản. Gã vẫn bình thản lái xe như không có tôi ở bên cạnh. Tôi vẫn vợ nghĩ ngợi mông lung, giống như chuyện ông sư già mà cứ theo thiền nhập môn khi công cô gái qua vũng nước là quên ngay, bỏ lại sau lưng mọi

56nhiều sự. Quên thật hay quên giả chưa biết. Nhưng thẳng tôi với ông sư trẻ vẫn lêu bêu theo sau và giữ tịt trong đầu những u mê ám chương...

Cuối cùng chịu hết nổi, tôi há họng hỏi gã. Gã giọng lừng khừng, không thiên tính chút nào: *Hữu hình tất hữu hại...* Mỗi điều thuốc lá, giọng khào khào: *Âm động của vô thức, âm thanh không âm thanh.* Nghe hã quá thể, tôi nghĩ đại, thôi rồi cứ như *Tiếng vỗ của một bàn tay.* Mà giờ ạ, tay chân con ruồi mới bị gã cắt bég đi rồi thì còn đâu mà vỗ mới viéc. Tôi chưa kịp “ngộ”, gã luận thêm một công án thiên của riêng gã, nghe tức như bò đá: *Khi con ruồi không còn chân tay. Nó sẽ bị...điéc.*

Và tôi chợt dạ, gã bóng gió gì đây? Chẳng dẫu gì bạn đọc, tôi có tật bẩm sinh là đầu hơi nhọn...Mà nhọn thật. Nên lúc nào cũng đội sùm sụp cái mũ. Như mũ ni che tai, nên gã muốn nói tôi...điéc đặc chẳng! Có giờ mới hiểu gã! Gã như thế đó...Tôi như vậy đấy...Bạn đọc đừng mất công hỏi tôi là ai? Đợi khúc sau hã hay!

Bỗng dung gã quay qua tôi, vén mồm sáo cuội:

“...Thiền sư Roykan khi đã đứng tuổi tu ở thiền viện hẻo lánh ven biển, tại đây có một thiếu nữ hay lang chạ với nhiều người rồi có con rơi. Một buổi, một thiếu nữ mang con mới sanh tới cổng chùa, đặt lên tay thiền sư và nói: “Con thầy đây”. Sư ngược mắt lên bông hai chữ: “Vây hã”. Vây thôi. Rồi cô gái bỏ đi. Thiền nam tín nữ thấy lạ nên tới hỏi sư: “Con của thầy ư?”, sư thân nhiên trả lời: “Vây

hả”. Là xong. Ít lâu sau cô gái trở lại chùa nói: “Không phải con của thầy” và cảm ơn và bế con đi. Sư cúi đầu xuống cũng chỉ thốt hai chữ: “Vậy hả”. Là hết...”

Tôi giật mình vì khi không gã mang công án sư có con kể lể khơi khơi. Dậy đồ bìm leo, tôi bốc nhằng hỏi chuyện về bạn gã mới gặp ngoài phố chợ. Gã trả lời bằng cách quay đi và phun khói mù mịt như tàu hỏa. Quay cái cửa kính xe xuống cho đỡ ngộp, tôi ngó lơ ra ngoài và bỗng thấy cái bảng chỉ đường. Ủa, gã đang đi về hướng đông, dọc ven biển tới tỉnh Seino

Tôi lặng người, tất cả mọi sự từ hôm qua đến bây giờ ăn khớp với nhau như hai cái đĩa răng cưa quay ngược chiều, từng khe nấc, từng thời điểm. Vậy mà cái đầu đất tôi nghĩ không ra! Khi thật! Vì gần đến tỉnh Seino, rẽ vào một con đường mòn có một cái chùa. Tại chùa có một ông sư trụ trì, trước đây nghe hơi nổi chỗ là bạn mèo mả gà đồng của gã, tên là...là...Tôi thộn mặt ra trông thấy, không lẽ nào...Giời ạ, chả là vì cùng tên! Hóa ra...

Cậu trai trong hình và ông sư trụ trì này là một.

Giống cuốn phim chậm quay chậm...Rằng bằng vào cách đây không lâu tôi nghe bát nháo gã có một ông bạn nổi khố mãi bên trời Âu, đang học nửa chừng bỏ đi tu. Mà tu cũng lạ đời. Ông tu theo kiểu hết sức âm u, xa lánh cõi trần tục, ẩn mình trong

rừng sâu. Ông cất...nhà chim trên cành cây, khát thì ông thả bộ xuống suối, đói thì chim ăn gì ông ăn nấy. Sáng, ông tĩnh tọa dưới gốc cây để chứng ngộ *chiếu kiến ngũ uẩn giai không*. Giác ngộ, ông vừa tụng kinh gõ mõ, vừa đi bộ chung quanh cây cổ thụ. Cây cổ thụ chung quanh góc đầu lên không nổi, nên đành...chết tiệt. Chiều, ông leo lên cây ngủ. Rồi ông chán cảnh rừng xanh chim kêu vượn hú, ông khăn gói gió đưa qua đây, trụ trì ở một tỉnh lỵ hẻo lánh bên đường, buồn như phố quận. Thí chủ kháo nhau rằng sư quán chiếu, quán niệm bằng cách thở bằng bụng. Sư thiền tọa, thiền định, bằng vào nhìn chăm bằm vào cái chấm trên tường. Cái chấm lúc đầu bằng hạt cát, lớn dần lên như hòn sỏi, sau bụi sự hơn cả hòn đá, và to kèn bằng núi Tu Di.

Núi Tu Di ở đâu chẳng hay? Nhưng họ tôn ông là...thiền sư.

Năm nào gã đến thăm. Nhớ lại lúc gã và sư gặp nhau, ở ngoài sân chấp tay thủ lễ bạch thầy với thí chủ. Bước vào thư phòng, họ mày, tao chỉ tớ côm cốp, chỉ thiếu vắng tiếng...chửi thề. Mới đây học gã, tôi chân trong chân ngoài cửa thiền môn, nên rất ái ngại gặp sư. Nhưng gặp rồi tôi thấy sư có nét mặt đôn hậu, nụ cười rất từ bi hỉ xả. Tôi mến mộ sư hơn nữa khi sư chỉ cây Bonsai đơn côi, đơn chiếc và chuyện trò với gã rằng một ngày như mọi ngày: Tôi sư bê ra ngoài hứng sương đêm, sáng sư khiêng vào trong đặt trên bệ cửa sổ. Mà cây Bonsai nào có đẹp gì cho cam: Chỉ là gốc mai rừng trơ trụi, chẳng có

đến một cái nụ non mẩn khai, ngoài dăm chiếc lá èo ụot, vạt vờ trên khúc cây già cỗi khô đét. Tôi băng quơ hỏi tên chậu Bonsai, sự ngần ngừ. Sự thờ ra...

 Gió thông đưa kệ tan niềm tục
 Hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời
 (Trần Nhân Tôn)

Đột tôi mừng tượng khúc cây thô trong bức tranh thiền cùng một thế la đà. Chỉ khác một điều, cảnh mai của cô em họ gã, nay đang đầy sức sống. Để rồi lúc này thì tôi đã hiểu. Kéo theo một mớ thơ thiền trốn nhủi trong tâm khảm rủ nhau lũ lượt chui ra:

 Đêm đêm tôi nhớ bàn tay cũ
 Và thấy trong kính đủ bóng hình
 Bé quan tọa thị, tôi và vách
 Tôi tụng kinh gì, em nghe đi
 (Du Tử Lê)

Mặc gã hục hặc lái xe. Tôi mông lung về ông sư và cô em họ gã như duyên với nghiệp, chỉ là bọt trong bể khổ, bèo đầu bến mê. Cả hai cùng đi chung một con thuyền hệ lụy, chưa ghé bến ngộ. Vốn liếng góp nhặt sỏi đá của tôi vốn dĩ có bấy nhiêu. Nhưng võ vẽ rằng giúp cho một người bằng mười lần xây tòa Bửu Tháp, huống chi chuyện sát sinh. Bỗng dưng với hai chữ sát sinh, tôi chợt dạ ngó quanh, nhìn xuống gầm sàn xe, xem có...dao, búa, kim, kéo gì chẳng?. Đường tới chùa gặp ông sư còn dài như

về Tây Trúc, mặt mày gầy mỗi lúc một nặng như chiếu ướt.

Buồn tình tôi lươn khươn kể cho gã nghe một chuyện thiền mà tôi vừa mới xem lóm trên mạng lưới:

“...Tại một thiền viện nọ, thiền sư giảng kinh kệ cho các thiền sinh để mong giải thoát và liễu ngộ. Ngài có ý chọn một trong những thiền sinh thấu triệt đạo, để lãnh ấn bát thay thế Ngài trông coi thiền viện khi Ngài viên tịch. Vị thiền sư giảng giải: “Trong luật giới có ba thứ phải ghét, năm thứ phải kiêng, một trong thứ ấy là sát sinh”. Các thiền sinh chăm chú nghe, Ngài giảng tiếp: “Nếu con giết một con kiến, kiếp sau con đầu thai sẽ là con kiến. Giết con bò kiếp sau sẽ là con bò. Giết một người, kiếp sau sẽ là...”.

Bỗng có một thiền sinh đứng dậy và lẳng lặng đi vào trai phòng. Thiền sư ngạc nhiên nên hỏi đi đâu thì thiền sinh ấy trả lời: “Thưa thầy, đệ tử vào bếp tìm...con dao”.

Dòm chừng gã chẳng chứng ngộ được công án cao thâm đến như vậy. Gần nửa đường, bỗng chốc hình ảnh cây Bonsai lại ẩn hiện trong tôi, qua cái lẳng đọng của một buổi sáng ít nắng nhiều mây. Tôi quay qua gã, nhắc lại chuyện ông sư, quanh năm suốt tháng cứ còm cõi, bê ra khiêng vào khúc cây khô cằn. Tôi thu vén với gã, gốc mai gầy nay chắc cũng xanh tươi, nếu có nụ non, thì phải đến kỳ mãn khai, rồi sẽ có một ngày sẽ rộ hoa. Gã thao láo nhìn

tôi. Trong một khoảnh khắc, như nhận thức được tiếng chuông tỉnh thức...Gã lảng lảng vòng xe trở lại ở một khúc quanh gần nhất. Trước khi về đến nhà, gã bắt.. một bạch bìa.

Về đến nhà, ngồi xuống bàn là uống bia, là gã đề “đầu” tôi xuống tờ giấy cho xem công án của gã viết. Gã vừa nguệch ngoạc xong cũng vừa đúng lúc tôi kiệt sức. Theo quán tính, tiện tay gã quăng mảnh giấy, chai bia và tôi vào...thùng rác. Nằm lẫn lộn giữa mấy chai bia, tôi một nơi, mũ một nẻo. Đang tự nhủ thân phận thằng tôi đâu có khác gì hai con ruồi trong vòng trầm luân, lồm bồm bơi trong bể khổ.

Thì giờì ạ, tôi vớ được tờ giấy gã vừa vất đi và mở ra đọc:

“...Thiền sư Inzan đến với Gazan để tham vấn công án. Gazan đưa tay ra hỏi:

- Sao cái này được gọi là cái tay?

Inzan chưa kịp trả lời. Thiền sư Gazan giờ chân lên hỏi tiếp:

- Sao cái này gọi là cái chân?

Inzan định mở miệng thì thiền sư ôm bụng cười ngất và nói:

- Người đời nay tìm con đường vào thiền bằng vào những công án, trích dẫn đủ loại luận giải. Đó chỉ là giải thiền ngoài cửa miệng, chẳng mang lại một thực chứng nào cả. Ngay bản thân những thiền sư, không vượt qua những chướng ngại của chính họ thì làm sao có huệ nhãn hay tâm thức điểm hóa người khác”

Thiền gì mà quái. Tôi nhủ thâm, hóa ra có...quái vậy nên mới là thiền sư. Vậy chứ gã là gã thiền...thật. Hay là thiền...giả?

Giả hay thật. Câu trả lời là có và không. Cũng...có mà cũng...không có. Vật lộn với chữ nghĩa cho lắm tôi nghĩ quần về một kiếp lai sinh trong cái vòng lẩn quẩn để chẳng hiểu bản thể của chính mình là tôi đây từ đâu mà có? Và...có hay...không?

Thế nên tôi đành phải bấm bụng hỏi lão bạn đời lâu năm của tôi là...cái tay phải. Lão tay phải cười ruồi:

- Bạn đừng lo! Tôi đã gặp trường hợp như vậy rồi. Vì bạn là vật bất ly thân của gã. Cái đầu đầy hoang tưởng của gã đã tạo ra nhân vật thứ hai để nói chuyện. Cái xứ vật chất này đã nuốt chửng cái thằng người thực của gã và gã khắc ra một thằng người khác là bạn. Bạn là bản ngã của gã, là...cái thằng người mới được khắc ra đó để viết về gã.

Bạn chính là...gã chứ chẳng phải ai khác.

Bạn đọc giật mình đánh thót vì nghe tiếng điện thoại reo...

Bây giờ thì lúc nào bạn đọc cũng *nom nóp, nom nóp...chỉ sợ lại phải nghe....Nom nóp...* Vì bệnh

thiền vừa mới lây sang bạn đọc đấy mà bạn đọc không biết đấy thôi. Không chừng rất có thể bạn đọc đang nhá nhem thêm một chuyện thiền hay một công án khác nữa. Tôi nào có hơn gì bạn đọc, mỗi lần nghe để kêu tôi cũng *nom nốp, nom nốp...chỉ sợ lại phải nghe....Nom nốp...*

*Thạch trúc gia Trang
Lập xuân, Canh Dần 2010*

Nguồn:

Bài viết được vay mượn từ truyện
“Con Bọ Xít” của Ngô Ngọc Trang và
“Chứng Bệnh Ferma” của một tác giả
khuyết danh ở Canada.

Gã biết chữ nhưng chữ không hề biết gã

Trong làng xóm văn chương ai chả hay biết là đã làm văn hóa thì phải có văn chương, một tác phẩm hay là có văn có truyện. Một truyện ngắn hay là truyện khó viết, không phải ai cũng viết được. Thêm nữa, chỉ một dúm chữ không thôi nhưng vẫn có hồn, có cốt trắng qua nét văn chương. Chữ đề ra chữ, có khi chỉ phẩy vài nét, mà tóm lược được thần thái, lột được hết hồn vía của nhân vật, tình tiết. Chữ để đọc. Gã nhai văn nhá chữ, nhá chữ chứ không nuốt chữ. Thế mà gã cũng chẳng biết. Chuyện là đắp chữ vá câu thì gã các cụm có một vốc chữ, lại mắc bệnh từ ám, nói cho ngay gã biết chữ nhưng chữ không hề biết gã. Chữ để viết. Vậy mà gã cũng không biết. Chẳng qua số gã ruồi vì không một ngày theo học Trường viết văn Nguyễn Du.

Chả là bấy lâu nay gã đau đầu với văn chương, vì vậy gã phải đi tìm thầy để ăn mày chữ nghĩa. Gã ghé quán bia hơi ở Phố Huế mà ông dế mèn gọi là bia bơm. Ông thường ngồi ở đấy nhưng gã đến lại không gặp. *Gã biết chữ nhưng chữ không hề biết* gã bèn lò dò đến trụ sở Hội nhà văn ở 65 đường Nguyễn Du, để hỏi và được trả lời thầy dạy chữ đang ở nhà viết hồi ký.

Gã tạt qua để học viết chữ.
Im ắng...Bước lên bậc tam cấp...
Gã gõ cửa và hỏi:
- Có ai ở nhà không?

Ông dế mèn thò đầu ra:
- Đi vắng rồi.

Tháng sau có nhút nhít thì giờ, gã tìm *Ông ấm đất* để kiếm ông dế mèn.

Gã trộm nghĩ muốn đi vào làng xóm văn chương nên ghé vỉa hè ồn ào, mắt gã đảo tí như rang lạc thì gặp ngay ông ta thật. Trước mặt *ông ấm đất* là một đĩa lạc rang, một chai rượu cuốc lùi và một đĩa thịt chó. Ông vẫy gã lại gần và rỉ rả chuyện ông từng được một ông sư đãi một bữa thịt chó độc đáo. Thịt chó ướp gia vị, đặt vào giữa bông sen, bó lại, đem đồ cho chín dừ. Món ăn vừa tục vừa thanh, vừa có vị chát của nhựa sen vừa có hương thơm của hoa sen

thể mới hay. Gã nghĩ bụng, thịt chó mà cho vào toà sen thì...chó thật.



*Bùi Xuân Phái và Nguyễn Tuân
Tranh Bùi Thanh Phương*

Lấy cái ba toong đập đập vào cạnh bàn kêu đĩa tiết canh cho gã. Rồi hỏi gã vác xác đi đâu thế!. Gã nhúm nhím là vừa ghé Hội nhà văn tìm ông để mèn, tới nhà cũng không gặp nên mò tới đây.

Ông ám đất chép miệng bỏ bã:

- Cậu tới đó làm đếch gì cho nhọc sức, nhìn chung đám hội nhà văn ấy, họ viết như đang lè nhè giữa một đám chén chú chén anh. Họ nhai chữ những miếng to tướng, vừa ăn vừa nhả ra nham nhở, chẳng nghệ thuật vị nhân sinh tí ti nào. Cút lảng giềng thì thôi, cút đầu gối thì thơm, thế là họ vãi cút vào mặt nhau. Họ đội khăn đóng áo dài vãi nhau như té sống, bốc thối nhau.

Thì đấy, Nguyễn Huy Thiệp gọi họ là bọn vô học. Cụ tiên chỉ Nguyễn Tuân được thể nước ao mà vỗ lên bờ, cụ viết truyện tiểu lâm đăng trên báo

Người Hà Nội: “Có một ông nhà văn nọ dựng chuyện khơi khơi các nhà văn nước ta “50% là vô học. Bị phản bác, ông ta xin lỗi ngay vì sai thì phải sửa và mau mắn sửa sai là 50%...có học”.

Ông cười đánh hặc một cái và tiếp rằng một đĩa tiết canh đánh giòi là “tiết canh xâu lạt” treo lên được. Gã cảm rằm không hiểu tiết canh xâu lạt là...chó gì thì ông đã rề rà:

- Cậu làm văn mà sao ngu thế! Làm văn phải biết quan sát. Thí dụ, nhìn lề đường có bao nhiêu cây me, cây sấu, cây gạo, cây bàng? Nhìn cái nhà biết cửa chính, cửa phụ, cửa thật, cửa giả. Làm văn giỏi là biết quan sát và kể chuyện. *Viết văn tức là kể một câu chuyện.* Tất nhiên, trong quá trình kể, có rất nhiều tình huống, nhiều chi tiết vụn vặt như đĩa thịt chó với rau thơm là... lá húng chó, là lá mơ trong Nam bộ gọi là...lá thúí địt.

Và ông cười lúng lẳng:

- Ông đế mèn nói đi vắng vì ngõ cậu đến ve con gái ông ấy!

Khuôn mặt gã như bát tiết canh sùng nước, lúc này gã quan sát gương mặt nửa thực nửa hư của ông, cái mặt của những cư dân nghĩa địa vì cũng sắp gần đất xa trời. Gã lậu bậu với ông là gã muốn viết truyện ngắn, mà chữ nghĩa nông choèn, văn vẻ nhảm khi tối như hủ nút. Ấy là chưa kể cái tai tệ nạn là đang bí lới, bí rị...đề tài.

Ông bồm bồm:

- Giả sử cậu bảo tôi viết về "Rượu". Thế là sẽ có truyện ngắn với nhan đề "Cái chai". *Hình ảnh sinh động làm nên tư tưởng*, chứ không phải tư tưởng tạo ra...cái chai.

Ưc cốc cuộc lủi một cái tốt, chống cái ba toong, ông khật khừ:

- Hay nhất là đi thực tế trại bồi dưỡng sáng tác Quảng Bá gặp ông đế mèn đang dạy văn ở đây. Mỗi người một khác: Tôi viết ký. Ông ta viết truyện ngắn.

Móc cái điện thoại cầm tay bấm số ông đế mèn. Cái máy kêu tí tí. Vì hoài bão chết tiệt, vì túng truyện viết để hóng cái viết nên gã đeo *ông ám đất* đi tìm *ông đế mèn*.

Đang phóng nhanh, gã giảm tốc con @ còng, phía trước có người ngồi vệ đường chặn bò. Gã thắng xe sát cạnh: “Cho hỏi thăm, Trại bồi dưỡng sáng tác Quảng Bá gần đây không?”. Người chặn bò vênh vành nón lên nhìn. Hai con mắt sắc, sắc lẹm, hiện rõ sự dò xét, cân nhắc. Mắt như thế gì cũng biết, không gì qua mắt được. *Ông ám đất* nhận xét và nói nhỏ thật nhỏ với gã: “Ấy là ánh mắt của ông đế mèn”. Gã lặp lại câu hỏi: “Thưa ông, tôi...” - “Anh tìm ai nhẩy?” - “Tìm ông đế mèn... nhà văn.” - “Các anh mua văn à?” - “Không. Chỉ học văn thôi” - “Đất nước ta nhiều trại văn lắm, Trại sáng tác văn học Đồ Sơn này, Trại dạy văn Tam Đảo này, Trại viết Đà Lạt này, Trại bồi

dưỡng sáng tác Vũng Tàu này, v...v...” - *Gã biết chữ nhưng chữ không hề biết* gã hỏi: “Vậy trại bồi dưỡng nằm ở đâu?”. Người chăn bò chỉ về phía xa xa: “Đấy, một dãy xanh xanh tre lá ấy.” - “Có đường vào không, thưa ông?” - “Đi một đoạn nữa sẽ thấy bờ đê thì rẽ trái vào.”

Ngồi sau lưng, *ông ẩm đất* vừa xia răng vừa nói chuyện nhậu văn chương với gã:

- Ông dễ mền bảo dạy văn chả khó gì, na ná như mổ lợn, thao tác chính là lọc phần thịt, để trơ ra phần cốt tủy cái nội dung của tác phẩm. Cậu học văn nên học mổ lợn hay học theo cái bệnh của nhà văn, nói như Nietzsche, là: *Không viết lên được gì nếu không dựa trên trích dẫn từ kẻ khác*. Tính sáng tạo viết lách chẳng qua là *sự nấu nướng những gì có sẵn thành một món ăn mới*. Đó là một quá trình dàn dựng sự kiện nhân sinh vào một mâm cỗ ngôn ngữ. Ẩm thực là một quá trình văn hóa chuyển hóa từ nấu nướng là thịt, là cá, là gạo và bày biện món ăn với thật nhiều gia vị.

Như cậu biết đấy, người Việt ở bắc thì ưa viết văn, người trung thì làm thơ, người nam thì viết báo. Người bắc viết văn mang cái bệnh đều, “sâu sắc”, “ẩn dụ”, bóng gió, nói cay, nói đắng, lấy cái gia vị của gừng, của ớt làm cái ngon miệng. Vì thức ăn chả có gì, như một chén cơm sống trộn tỏi với nghệ. Vậy mà người đọc cứ ào lên khen hay.

Gã nổ máy, phóng vút, để lại một làn khói vẩn vơ trên khóm mai vàng. Gã im lặng lái xe, gã đảo mắt về phía trái để kiểm con đường vào làng, nhưng chạy mãi vẫn không thấy! Gã chợt nhận ra...một dãy xanh xanh tre lá ấy ở phía sau lưng mình.

Bèn nói: “Quay xe lại, hồi lần nữa xem sao.” Ông cau mày: “Cái thằng mặt lợn đó cũng đéch biết đâu!”. Gã quay xe, chạy ngược lại để gặp người chặn bò. Người chặn bò vẫn còn ngồi đó. Gã rà xe lại hỏi: “Không thấy con đường nào cả!”. Ông ta mắt e dè, nhưng đầy láu lỉnh, ma mãnh: “Anh hỏi gì nhẩy! Anh phải đi ngược lại như thế này chứ.” - “VẬY ĐI NHƯ THẾ NÀY ĐÚNG CHƯA?” - “ĐÚNG.” - “Nhưng con đường rẽ vào làng... Xin lỗi, trại Quảng Bá nằm phía tay nào?” - “Ban nãy tôi chỉ anh phía tay nào?” - “Phía tay trái.” - “VẬY LÀ TAY TRÁI.” - “Nếu thế, trại nằm bên này đường, đâu phải bên kia?” - “Anh muốn bên này à? Ừ bên này đường.” - “Ông có phải người làng Quảng Bá không?” - “Anh hỏi gì nhẩy!”.

Búng cái que tằm cái tách bay thật xa, *ông ầm đất* phẩy tay thêm mắm thêm muối:

- Dân trung mang cái thi ca vớ vẩn biến thành cuộc đời với ý chí đi làm cách mạng hay vào chùa tu. Các nhà tu, chính trị gia chỉ là các nhà thơ thất chí với cuộc đời. Xứ càng khổ càng nhiều thi sĩ hiện sinh.

Còn dân nam ưa nhậu ở các quán cóc. Khi nhậu say lên là dân nam ta nói chuyện làm báo. Vì báo chí là một kiểu nhậu khác: Nhậu...văn chương.

Nếu văn chương bị bày biện vụng về trên các mâm cỗ quá tràn ngập đồ ăn chưa được nấu, sống sượng. Sự tiêu hóa của người đọc sẽ bị ngộ độc hay bội thực. Bây giờ vẫn còn như thế, nhìn đâu cũng thấy “văn học”, kể cả những gì rất là “vô văn học”. Trở lại để trích dẫn Nietzsche lần nữa: *Con gà mà đẻ nhiều thì trứng sẽ nhỏ đi*. Cái dở của văn chương ta là nhiều chữ quá mà chẳng nói lên được điều gì!.

Gã lại phóng xe, chạy quá năm phút vẫn không thấy hai bên có bờ đê nào! Gã bực dọc: “Thằng cha chặn bò chơi xỏ mình! Em nhớ là...là...”. Gã bỏ lửng câu nói, la lên: “Đằng trước có phụ nữ rồi. Hỏi phụ nữ là chắc cú.” Gã nhìn thấy đằng trước có một phụ nữ mặc đồ chàm, dắt một con nghé đi gặm cỏ. Gã rà rà con @ còng, và thắng lại: “Chị, cho hỏi thăm trại Quảng Bá nằm chỗ nào?”. Chị ta ngược nhìn vào mắt hai người. Gã giật mình. Ánh mắt nhí nhoáy của chị ta đầy ma mãnh của người chặn bò ban nãy. “Quảng Bá nào?” - “Trại bồi dưỡng ấy mà” - “Không có trại nào ở đây sát cả”. Gã chap cheng: “Thế, chị biết ông đế mèn không?” - “Nhiều ông đế mèn lắm.” - “Đế mèn ranh mãnh?” - “Ranh mãnh cũng nhiều lắm.” - “Đế mèn viết văn đó?” - “Văn ở đây cũng nhiều lắm.”

Ông ám đất đập đập vai gã bã bời:

- Cậu nên học quan sát theo ông để mèn để viết văn. Ở vườn nhà ông có một cái núi non bộ lớn, ông nuôi cá, nuôi khỉ, nuôi bồ nông, cò, vạc... Cứ xích chân, xích cổ vào hòn giả sơn. Tôi thấy ông cứ đứng hàng giờ quan sát các con vật và thỉnh thoảng lại phát hiện ra một điều gì lạ ở chúng, như chân con vạc nó thế nào đấy, hay con khỉ lại biết chơi trò thủ dâm...

Hay nói khác đi, như Henry Lewis Mencken chỉ vẽ: Mấy ông nhà văn viết văn là thủ dâm với chữ nghĩa, ông ta tự làm sướng, làm khoái cho chính mình đấy thôi. Một!

Ông vừa dứt lời gã bực bội vọt xe. Đột dung *ông ám đất* reo lên như ấm nước sôi: “Có bờ đê rồi.” Nghe thế, gã nhìn sang hai bên. Quả nhiên, bên trái có một con đường nhỏ, lát bê tông xi măng dẫn vào nơi xanh xanh tre lá như người chăn bò vừa rồi chỉ. Gã rẽ xe vào. Gió nam gió nồm quét mặt đường sạch tung. Nhưng khi đã vào làng, đường sá chỉ là đường đất. Đường ngắn, hẹp, liên tục rẽ trái, rẽ trái... Hai bên đường liên tu bất tận những tre tàn tàn tre toả bóng. Gió nồm gió nam giầy vò những cành tre kêu ken két. “Quái! Làng vắng hoe, chả thấy người.” *Ông ám đất* nói, giọng chắc nịch, làm như mình đã từng sống ở đây: “Họ đi làm đồng cả rồi. Đây đúng là làng Quảng Bá.” - “Sao biết?”, gã hỏi. Giọng ông ngang ngang: “Bệnh thằng chăn bò đấy!” - “Là gì?”. Ông nói như chọc vào tai gã: “Là nó đã lây sang anh mà anh không hay! Mà này, anh có nhớ đường ra

khỏi làng không?”. Gã chạy xe chậm. Chó sủa vang. Nhà nào cũng nuôi chó. Chúng phóng ra cả đàn, nhỏ, to, đực, cái đều có...Chúng không đuổi theo, không bỏ nhà chạy rông. Ông bảo: “Đi ra ngay khỏi làng. Nhiều chó quá” - “Bác chỉ em đường ra nào?”.

Ông ám đất đánh trống lảng, giọng dầy vắn dài, vắn ngắn:

- Tôi chịu ông dể mền dầy vắn trên mặt bằng văn học chính quy. Ông đăng đàn phát biểu: *Người viết nào cũng tìm cách tiến từ truyện ngắn sang truyện dài. Dừng lại ở truyện ngắn, sợ không phải là nhà văn.* Thực ra truyện dài chưa chắc đã khó. Họ viết như phóng ngựa chạy, chẳng rõ mặt mày gì cả. Nhưng họ chưa biết bố cục. Viết dài một chút, độ ba trăm trang trở lên, tôi cảm thấy có những phần đã phải độn rồi. Độn, lấy cái nọ đỡ cho cái kia, kéo nhau đi. Một!

Ông dể mền thích truyện ngắn. Ông cho rằng truyện ngắn là một thể văn tập cho người viết, viết từng cái ngắn là vừa sức hơn cả. *Chỉ với truyện ngắn, là nơi người ta có thể thử tìm phong cách cho mình. Người ta mới biết tận dụng từng câu, lo săn sóc từng chữ, rèn luyện đến việc dùng từng dấu phẩy, dấu chấm.*

Đã có nhiều cách định nghĩa về truyện ngắn, nhưng nếu nói nôm na với nhau, đưa ra một định nghĩa thì truyện ngắn chính là cách cura lấy một khúc đời sống. Ở đây, có thể nói ngắn gọn, nói trực

tiếp. Cái ngắn thích hợp với cuộc sống nhanh bây giờ.

Đường có nhiều lỗi rồi, hơn nữa tầm nhìn bị tre che khuất. Ông ám đất than: “Chạy mãi thế này, hết xăng phải đổ nước mắt”. Gã hô hoán “A! có thằng bé công em đằng trước kia.”. Thằng bé khoảng mười hai tuổi, đen nhẻm, đang đu đưa em thò lò mũi xanh. Gã thắng xe và tắt máy. Thằng bé lơ mơ nhìn con @ công. “Cháu cho bác hỏi...” - “Hỏi gì?” - “Cháu là con ông để mèn phải không?” - “Không.” - “Ông ta là gì với cháu?”. Thằng bé láo liên nhìn gã: “Ông ta là người nên cháu không biết.”. Gã hỏi: “Thế cháu biết gì?” - “Bò”. Gã đâm nghi nghi vì ông để mèn rất thích chuyện loài vật, như bò chẳng hạn. Bèn hỏi tiếp: “Nhà cháu ở đâu?” - “Xa lắm.” - “Xa là ở đâu?” - “Làng bên kia, hai bác cứ lội bộ tàn tàn, tìm cái xe bò nào đó mà nhảy lên. Xe bò tự hành không có chủ đâu!”. Gã đực ra, thằng bé tung tủy: “Xe bò chở rơm, rạ trong làng ra. Người ngoài này đón. Xong, chỉ cần dắt nó đến đầu đường, thả ra, tự khắc nó kéo xe về lại nhà!”.

Đường xa ướt đất, ông ám đất được thể thêm đũa thêm bát:

- Ông để mèn có lúc chủ trương viết những truyện không rắc rối như trên. Hay nói khác đi là truyện chẳng cần có cốt truyện. Và viết càng nhạt càng hay, có lần ông nói với tôi như thế. Nhưng đừng quên, đừng viết theo thị hiếu của người đọc mà

*bắt họ đọc những gì mình viết. Phải hé lộ những điểm thắt nút, gợi mở những gì sắp xảy ra, những chi tiết tinh tế. Viết sao cho người ta đọc văn mình, đọc đi đọc lại, vẫn thấy hay. Có truyện đọc lần đầu hay. Đọc lại không thấy hay nữa. Văn phải đọc đi đọc lại...Cứ theo Nguyễn Công Hoan thì: *Viết truyện tức là bịa. Nhưng phải dựa trên chuyện có thật, thật quá thì khô cứng nên phải hư cấu. Hiểu theo nghĩa là...bịa như...thật.**

Nghe chuyện bịa cứ như thật lắng nghe quá thể, gã nói với ông ám đất: “Bác với em hút thuốc thư giãn nhá.” Ông gạt phăng: “Nhá nhem gì, biến đi”. Và tiếp: “Lão chăn bò, con mẹ dắt con nghé, cả đến thằng bé kia đều là người làng thổ tả Quảng Bá này”. Ông chỉ gã: “Kìa... Có ông già kia kia... Vào nhà hỏi trẻ nhỏ, ra ngõ hỏi ông già...”. Lúc này, một cụ già chột gậy bước tới. Lưng cụ khòm, đeo kính lão, đầu ngược lên trông như con đà điểu. Gã dựng xe, bước xuống: “Thưa cụ, cho hỏi thăm nhà ông đế...” - “Đế nào?” - “Đế mèn có râu đó.” - “Đế nào mà chẳng có râu. Ông đế này có râu nhưng cạo nhẵn thín rồi” - “Sao vậy?” - “Phát tâm Bồ Đề đi tu!” - “Sao? Cụ nói sao? Đi tu rồi à?” - “Tu hú rồi.” - “Chùa nào vậy?” - “Chùa nào có giờ biết!” - “Xin cảm ơn cụ”.

Cụ già gạt đầu, chấp nhận lời cảm ơn, và chột gậy, lưng thẳng đi tiếp ra khỏi làng. *Gã biết chữ nhưng chữ không hề biết* gã ngược mặt lên dòm thấy

con tu hú có hai con mắt to như đeo kính lão, giống như con đà điểu lưng còng đang đậu trên ngọn tre.

Nhìn theo cụ già, *ông ám đất* nhăn mặt tập lự:

- Ông dễ mèn một lần nói với tôi thì đường ra khỏi làng này đây cũng dễ thôi. Dễ hiểu như tiếng Việt trong sáng. Sao cứ bịa ra những tiếng khó hiểu. Nhiều chữ họ không hiểu: Tại sao gọi là “bát đàn, bát sứ, bát kiêu”. Ông ta rất chú ý học chữ. Ông chê nhiều người viết văn bây giờ thiếu chữ và dùng chữ rất ẩu. Tiếng Việt ta có chữ “ăn nằm” rất hay, tránh nói thô. Ông phân biệt “mòm” với “miệng”. Nói “miệng” sang hơn nói “mòm”. Nhưng mòm miệng thì lại khác. Cờ nhà chùa thì phải gọi là cờ “điều” chứ không phải là cờ đỏ, sơn đen thì phải gọi là sơn “then”, quần đen thì phải gọi quần “thâm”. A! Chữ...

Mặt gã vẫn lặng như nước ao tù. Ông dửng dả.

- Chữ như cái búa. Không có chữ, không tạo ra hình ảnh đập vào đầu người đọc. Cuối cùng phải tìm từ, tìm chữ đích đáng để diễn đạt. Một bài viết hay là có được một hai từ đích đáng kết tinh được cái hiểu, cái ý của mình. Đó là cái thần của bài viết.

Đột ngột, gã đuổi theo ông cụ: “Cụ biết chú bé công em kia là con ai không?” - “Nó là con ông đánh xe bò”. Cụ trả lời, chân vẫn cứ đi mà không ngoái lại, mòm miệng í a: *Nà bò cỏ óng... Nà bò cỏ*

ông.... Gã trở lại chỗ ông ẩm đất và nhúc nhắc cái đầu...

Ông cười khìch khìch, gật gật đầu:

- Ông phát hiện rất tinh những nhược điểm của người viết: Như văn Anh Đức là thứ văn cải lương, có lúc viết anh hùng là “hùng anh”. Nguyễn Khải dựng nhân vật theo lối ghi chép rất sáng tạo, nhưng văn chưa thoát được lối biền ngẫu. Nguyễn Đình Thi xa đời sống, nên mắt không chọc thủng được tờ giấy để nhìn vào hiện thực. Thi tả cảnh chùa có cây bạch đàn. Xưa làm gì có bạch đàn ở chùa! Thơ Hoàng Cầm là thứ vàng mã trang kim. Thơ Kinh Bắc diêm dúa, lượt là xiêm y xanh đỏ, thực chất không có gì. Họ chỉ lo sản xuất cho nhiều, còn sống thế nào cũng được, cốt sao cho khoẻ, cho sướng. Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Nguyễn Đình Thi...là như thế. Còn Tô Hoài thông minh, nhưng thâm định xoàng, dạy văn ở trường Nguyễn Du với những lời dạy và giảng cứ lộn cộn và bốc mùi thoang thoảng của những thứ kiến thức chưa tiêu đã cũ mềm.

Gã lại nỏ máy xe, rẽ trái. Gặp một chị phụ nữ đi ngược chiều, ôm bó rau muống. Gã dừng xe. Chị phụ nữ nhìn chăm chăm vào hai người, mắt chị ta lộ ánh mắt dò xét, cân nhắc như ông chăn bò. Gã vén môi: “Chị cho hỏi thăm nhà ông đế?” - “Đế nào?” - “Đế đi tu.” - “Nhiều đế lắm.” - “Đế mèn đó.” - “Bỏ mẹ! Thế là đi tu rồi.” - “Tu chùa nào?” - “Chùa Một Cột.” - “Ồi giời! đế mèn đi tu à?” - “Đã bảo đi tu rồi

mà.” - “Mà chùa Một Cột ở đâu?” - “Ai biết đó là đâu!”. *Gã biết chữ nhưng chữ không hề biết gã* hỏi tới nữa: “Chị cho hỏi thăm đường ra khỏi làng?” - “Đi mãi thì ra.” - “Chúng tôi muốn ra đến con đường xi măng bê tông.” - “Thế thì đi theo hướng mặt trời.” - “Nếu đến chiều mặt trời lặn không ra được thì sao...” - “ Thì thôi.” - “Xin cảm ơn.” - “Chuyện nhỏ mà.”

Đội chị rau muống đi khuất. Ông bày mực tàu giấy đỏ bên phố đông người qua:

- Theo ông đế mèn thì Lưu Trọng Lư giờ hết thời rồi. Tài năng cũng chỉ có một thời thôi. Người ta viết có thời, hôn thơ có thời, có một lúc nào đó thôi. Như ông Lư ngày xưa làm thơ mới chân thật, có hôn thơ, sau này chẳng còn nữa. Nhiều người như thế. Thơ Huy Cận, thơ Tố Hữu giờ chỉ còn là thơ thù tạc. Nguyễn Huy Thiệp giỏi viết cái ác nhưng cũng sắp cùn rồi. Phạm Thị Hoài trí thức, lại muốn làm ra vẻ dân dã...Ông đế mèn đọc cả những cây bút trẻ. Ông cho là bọn này viết được. Nhưng thiếu một cái gì đó. Thiếu chữ của riêng mình, thiếu phong cách. Họ viết mới đấy. Nhưng rắc rối, khó hiểu. Chưa mấy hay. Bọn trẻ nói chung kiêu, ngông, bất cần đời như Nguyễn Tuân.

Lúc này đã đúng Ngọ. Gã lái xe về hướng mặt trời, nên xe chạy lạc bố nó mất. Nhưng gã không lạc. Ông ám đất nhắc khéo: “Cứ đâm đầu chạy vào trung tâm làng, lẽ tất yếu là phải...ra khỏi làng”. *Gã*

biết chữ nhưng chữ không hề biết gã lau mồ hôi trán: “Cứ rẽ trái, rẽ trái mãi”, ông nhắc: “Rồi cũng ra khỏi. Nhớ trái... Nhớ trái suốt nhà...”

Khi không ông ám đất cười khùng khục chuyện ông đế mèn:

- Ông ta bia rượu, gái ghê chẳng kém ai, có 7 con. Vợ cứ đề sồn sồn. Tôi thì rất ghét người đề nhiều, vô kế hoạch. Đi đâu ông cũng tuyên truyền sinh đẻ có kế hoạch. Tôi bực với ông ấy: “Sao đề lắm thế?”. Ông ta có câu trả lời rất lạ là: “Sướng con cu mù con mắt”. Rồi cười nhạt nhách: “Vì vợ tôi nó xấu”. Tôi không hiểu được ý ông muốn nói gì. Ông đế mèn lại hay đánh vợ. Quái thật! Chả lẽ vì vợ ông ấy...xấu! Hỏi ra ông ấy tổng cho một câu gọn lỏn: “Ông không biết chứ đánh vợ xong, nó chiều lắm”.

Gã cứ rẽ trái, rẽ trái một chặp là ra khỏi làng thật. Nhưng không gặp con đường bê tông xi măng, mà tiến vào một nghĩa địa. “Gã bảo: “Chạy luôn vào nghĩa địa. Nghĩa địa lúc nào cũng bên ngoài làng. Khỏe quá!”. Đây là một nghĩa địa nhỏ, cả hai thấy một bà đang vái hương nơi ngôi mộ mới xây. Gã dựng xe, cả hai đi bộ lại. *Gã biết chữ nhưng chữ không hề biết* gã hỏi bà: “Vợ ông đế mèn mới chết tháng trước, có chôn nơi đây không ạ?” - “Ông đế mèn?”. Bà vỗ vỗ trán: “À, đúng là chết rồi! Tôi nghiệp” và tiếp: “Không biết ông ấy học ở ai đó cầm bút viết chữ như cầm búa gõ vào đầu người ta để tạo cái của nợ gì ấy. Rồi chính ông búa vào đầu ông

chết tốt!”. Rồi lắc đầu: “Không chôn ở đây.” - “Thế ở chỗ nào?” - “Quý ông hỏi gì?” - “Hỏi để thấp nhang. Mà mộ ông để mền ở đâu” - “Chôn ở phía vợ.” - “Phía vợ ở đâu?” - “Ai rồi hơi!” - “Cám ơn bà.” - “Ồ”.

Ông cần nhân: “Láo thật! Láo đến thế thì thôi, đến chết rồi cũng không chịu cho người ta cái mộ”. Gã cãi nhắng: “Ông để mền chưa chết, biết mộ đâu mà chỉ”. Ông *ấm đất* cười đánh bịp một cái như con bịp bịp gáy: “Cậu làm văn mà sao ngu thế! Làm văn phải biết quan sát. Cậu không thấy bà ta xấu lắm à! Bà ta là vợ ông để mền đấy”.

Ông *ấm đất* có cái cười khinh đời, khinh mạn. Cái cười của ông không phải nụ cười, mà chỉ là sự nhần răng, nhần nhó:

- Nhưng nghiệm ra thấy ông để mền tinh đời, tinh như ma vì nói: Bọn văn xuôi chúng tôi rất đại, chỉ có bọn làm thơ là khôn. Sự thật quả có thế. Mấy ông văn xuôi thường hay bị đánh như Nguyễn Tuân (*Phở, Tình rừng...*), Nguyên Hồng (*Con hổ ở suối Cát*), Nguyễn Huy Tưởng (*Một ngày chủ nhật*), Tô Hoài (*Mười năm*), Nguyễn Khải (*Đổi mặt*)...

Bọn thơ thần, phần lớn là quan chức được đảng tín nhiệm như Tố Hữu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Xuân Diệu, Nguyễn Đình Thi. Sau là Hữu Thỉnh, Trần Đăng Khoa...

Từ nghĩa địa thoáng đảng, tầm nhìn không vương lũy tre nữa, gã thấy con đường bê tông xi

măng nằm phía bên trái. Cả hai thở phào, lòi thuốc ra hút để thư giãn. Khi bà đi ngang qua, gã hỏi: “Bà về à?” - “Ồ.” - “Nơi đây có phải là trại không?” - “Không trại, mà chỉ là làng” - “Làng tên gì?” - “Trại nào?”. Nghe vậy, ông ấm đất vỗ đét vào đùi gã: “Không có làng Quảng Bá. Tiên sư cái thằng đẻ mèn chết rồi mà vẫn còn nói láo!”. Gã lạc quan thấy rõ: “Dám cái nghĩa này là trại bồi dưỡng sáng tác Quảng Bá lắm ạ!”.

Đột dung ông ấm đất đột găm ghè ông đẻ mèn:

- Trời phú cho ông đẻ mèn có khả năng sống trong nước đục, sống giữa những cái nhờ nhờ, tối tối mà vẫn sống được. Giữa đời sống, ông ta xoay sở có chục khuôn mặt khác nhau, táo tợn một cách kín đáo, để ý từng tí một, tinh tế trong những cái vật. Trong văn nghiệp, ông nhả nha kẻ mọi việc, ghép chuyện nọ với chuyện kia, không thuyết phục ai, ấy thế mà lại đọc được. Cái chất văn của ông nó nằm trong một cái gì ẩn dưới câu văn, ẩn dưới chữ nghĩa. Là sự kiện, là con người với những vui buồn. Ông mang khuynh hướng dân gian, nhưng nặng về bản năng, thiếu lý tính. Nhưng truyện ông viết sau 1975 là chỗ sắc sảo, lọc lõi của ông. Nhất là sau 1986 với hồi ký mới thực sự là ông đẻ mèn với: *Chiều chiều, Cát bụi chân ai, Ba người khác...*

Ông ấm đất đột biến vặc gã: “Thôi, quên cái trại bồi dưỡng sáng tác đám dờ ấy đi. Giờ tôi phải vào

làng kiếm đĩa thịt chó cái đã...” rồi thả bộ bước một và rẽ trái vào làng một mình.

Gã nổ máy xe. Đám gà tre trong mấy cái mộ đất giật mình nhao lên một lượt kêu “tác...tác...”. Nhưng con @ còng lại kêu “tít...tít...”, và tít máy chắc vì hết xăng!

Gã biết chữ nhưng chữ không hề biết gã xục giày rồi nghĩa địa. Mặt nặng như đeo đá vì đi mãi, chỉ thấy con đường vắng hoe. Trời đất ánh lên những tia hấp hối của ngày. Cuối cùng cũng xuất hiện một đốm đen phía cuối con đường. Gã tăng tốc, chạy. Nhưng chỉ mười bước thấy sức lực tuột xuống hai chân. May cho gã, đốm đen quả thật là một chiếc xe bò. Đúng là xe bò chở rơm, rạ trong làng ra như thằng bé chỉ và chỉ cần dắt nó đến đầu đường, thả ra, “tự hành” nó về làng. Con bò bước còn chậm hơn gã. Gã đu lên nằm ngửa trên sàn xe. Cái túi kê làm gối. Mùi phân và nước đái bò ngợp vào mũi. Nao nao buồn tênh. Nắng đang dần lịm. Gã giơ tay vẫy vẫy chào...một dãy xanh xanh tre lá. Và nói lớn: “Chào!” Đoạn gã hôn “chụt” vào bàn tay mình rồi quăng bàn tay ra xa...

Gã nghe thoảng mùi khói trầm. Trên cái sàn xe bò lung linh một bó nhang đỏ quạch. Có ai đó vừa đốt nó lên. Nhà đóng cửa. Đèn đã tắt. Bầy chó sủa hực hực. Ông đánh xe bò quay lại bật quẹt để che

gió hút thuốc. Gã sững người vì hai con mắt sắc, sắc lẹm. Hay là gã chặn bò ngồi bên vệ đường hồi nãy. Thế nhưng gã thấy gằn gủi vì ông này ma lăm, ma đến tận xương thịt. Mà ma sống cao tay không biết sợ người là gì nên có mắt ở mọi nơi. Mà dám ở trên xe bò này lăm a! Cái quẹt máy nháng lửa. Gã bắt gặp đôi mắt ve vế, nhỏ, dài và hẹp của ai đó....

Bất chợt gã mừng rỡ hỏi như reo: “Ông...”.

Ông vẫn cái tật nhâm nháy mắt:

- “Hà...hà...chú bảo không ma sống sao được. Sau vụ *Nhân văn*, tội tôi còn to bằng mấy tội bọn ấy, thế mà chúng nó đều phải đi cải tạo tận Lào Cao, Yên Bái. Còn tôi cứ ở Hà Nội làm đến Bí thư đảng ủy Hội Nhà văn. Phải là ma để mà sống chứ!.

Ông đốt thuốc, gương mặt lập lờ như di ảnh. Ông dịch sang một bên: “Ngồi đây cho vui”. Và hỏi: “Đi Hà Nội?” – “Vâng” - “Đi làm ăn?” – “Thăm bạn” – “Phố hay ngõ?” – “Phố” – “Phố nào?”. Gã đang hăm hấp đến Trường dậy văn Nguyễn Du, tới cơ sở văn hóa cực kỳ xung kích là Hội nhà văn. Cả hai đều ở đường Nguyễn Du, cụ Nguyễn Du bị tra tấn hơi kỹ thì phải, gã nghĩ thế. Sáng tai họ điếc tai cây, thế nên vừa nghe hỏi, gã lúng búng: “Nguyễn Du” – “Đến đâu?” – “Đến Trường dậy văn Nguyễn Du” - “Xa vậy”.

Ông tháo ống cống: “Trước tôi dậy ở đây, trường được thành lập qua sự mô phỏng Học viện văn học

Gorki của Liên Xô. May mà họ không gọi là *viện văn học*...mà là trường dạy văn”. Ông rì mọ tiếp: “Dậy khi gì, rồi sinh ra cái quái thai là Hội nhà văn, vì họ thiếu ngoại ngữ, họ chỉ có hai cửa sổ ngó qua Trung Quốc và Liên Xô. Họ chịu ảnh hưởng của Trung Quốc là lẽ đương nhiên rồi, xưa nay vẫn thế. Họ quên là *Đừng vác trên vai mình con khỉ của người khác*.”

Vẫn chưa tha, ông hỏi gã: “Hồi nào đến giờ chú lên trường mấy lần rồi?” – “Lần này nữa là một trăm” – “Hà...hà...Vậy là có ghê ở đây rồi!” – “Không, em chỉ đi thăm ông bạn văn để ăn thịt chó, uống rượu cuộc lui” – “Ai vậy” – “Ông ẩm đất”.

Con bò bước ngoằn ngoèo như vệt trâu đái. Xương hông nhô lên. Đầu cúi gục. *Ông đế mèn* trườn tới vỗ vào mông. Thuận tay lấy chai bia hơi bên đùi mở nút và nói:

- Vậy hả! Vậy thì chú hãy coi chừng. Cáo cụ đây. Ông này thì tôi biết quá! Rất khó chơi, rất kiêu ngạo, ngông nghênh quá lắm. Không bao giờ nói yêu ai, mến ai bao giờ. Ghét ai thì ghét ra mặt, nói thẳng, nói công khai rất ác. Tôi nói thật đấy...Đấy!”.

Vui chuyện, *gã biết chữ nhưng chữ không hề biết* gã cũng theo ông tháo ống cống là gã đang học văn, nhưng viết truyện chẳng ra chuyện với câu động chữ thừa. Ai chả biết khâu viết văn là đục chữ đẽo câu, vậy mà gã vẫn câu thừa chữ thiếu. Chả là gã thiếu “lãng mạn văn hóa” thế nên văn vẻ cứ nhạt nhạt thèo lèo như nước ốc ao bèo làm sao ấy.

Ông để mền ngựa cổ chai tu, khà một cái, khẽ đánh mắt:

- Vậy thì chú cứ viết ký như ông ầm đất ấy đi. Có người hỏi ông làm thế nào để viết ký cho hay, không nhạt. Ông ầm đất cho rằng *phải có vốn văn hoá, vốn kiến thức. Kiến thức lịch sử, địa lý. Viết văn học sử thì không phải cứ có tài liệu nhiều mà đủ. Phải viết có hồn. Có tài liệu và có hồn.*

Còn bọn mới thì chả có tài liệu gì, cứ phóng ý ra thôi. Rồi vận dụng các ngành nghệ thuật. Mà nói chung thì *nghệ thuật nào chẳng phải vay mượn nghệ thuật khác để thể hiện.* Như không chỉ tả mặt mà còn tả cái gáy, cái vai, tả người cúi xuống, cái mông cong lên, bóng lên, là vô tình đã phải vay mượn điều khác rồi.

Ông hươu vượn nhiều lắm. Lâu lắm... Gã không nghĩ mình ngủ trong lúc nhắm mắt, khi mở mắt ra đã thấy ngoại thành. Xe bò xuống dốc. Phía sau những mái nhà im ngủ.

Một mình ngồi lặc lè ở phía trước, ông vẫn khẽ khà nói chuyện với chai bia bom:

- Lại có người nhận xét ông ấy *viết tùy bút lan man, trộn lẫn thời gian không gian, chuyện này so qua chuyện kia*, không phải không đúng. Nhưng kể chuyện là lan man vì bài văn đâu phải bản báo cáo mà phải có các mục 1, 2, 3. Cũng không phải bài thơ Đường luật có đề, thực, luận, kết....Lan man là hiện tượng. Nó không có hại gì về bố cục. Viết tùy bút đưa ra kết luận rõ ràng, dứt khoát. Có cách viết

không kết luận, để tự người đọc kết luận lấy. Tôi thích lối thứ hai này của ông ám đất.

Vẫn theo như ông ấy: Viết văn tức là kể một câu chuyện...Nhưng người kể chuyện không nên có giọng điệu giảng giải, không nên hướng dẫn cho độc giả. Mà cần tôn trọng sự thông minh và khả năng thẩm thấu tác phẩm theo cách riêng của họ. Bằng cách người viết cần viết một cách thông minh hơn mình...thông minh.

Cái đầu gã lắc đều theo nhịp xe. Xe chạy vọt. Lâu lâu lại dừng lúc ông để mèn vãi đá. Gã ngủ chập chờn. Gã vẫn để cái đầu gập ghềnh theo bánh xe bò. Chán. Chấm hết. Gã suýt bật tiếng thở dài. Ông lại giờ cái điều cày ra hút. Khói thuốc có mùi tanh nhiều hơn khét. Hai bàn tay ông ta khum lại thật cẩn thận, be chặt đóm lửa và ve ve mắt liếc sang gã. Gã giật mình, khép vội mắt lại. Với mô-típ ông này, chỉ cần bật ra câu hỏi đại loại như ngã ba, rẽ trái là có chuyện. Không biết chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo. Chỉ có giới biết. Chó đại từng mùa người đại quanh năm, bỗng khi không gã buột miệng nói ông ám đất đang chiếu trên chiếu dưới ở trong làng với con khoang, con mực.

Thế là ông để mèn lậu bậu mắt, miệng luận về ông ám đất với chiếu hoa một cỏi:

- Vậy sao! Ông khí khái và khảnh ăn. Không tạp uổng như Nguyễn Hồng. Tôi thấy vậy, chẳng có biết đúng không. Nói đại chứ tôi thấy ở ông ấy có một

cái gì rất cổ điển, không phải chỉ trong văn mà trong lối sống, tác phong sống. Ông không chỉ viết văn cho đẹp mà còn sống đẹp nữa. Chất cổ điển chính là ở chỗ đó. Tôi nói thật đấy...Đấy.

Trong vỏ não là một khoảng trống không. Đôi khi gã cố nhắm mắt chỉ là để tránh cái háy háy con mắt của *ông đế mèn*. Gã vén mắt thấy cái điều cày gục gặc theo đầu con bò. Cuối cùng, gã ngủ nốt. Một giấc ngủ khô. Trong gió thoảng nghe mùi phân và mùi khói thuốc. Trời mù. Gió mát. Gã ngồi dậy. Bên đường có nhà le lói đỏ đèn qua cánh cửa khép hờ. *Ông đế mèn* nhảy khỏi xe, bước thẳng về phía ngôi nhà nọ.. Một con chó hực lên. Ông gõ cửa và hỏi: “Xin cho hỏi đi Hà Nội rẽ trái phải không?”. Có tiếng lâu nhàu: “Hà Nội nào?” – Và tiếp: “Hà Nội chừng bao nhiêu tuổi?” – “Một ngàn năm”.

Ông Hà Nội ba đời uống nước máy nhong nhóng mắt với gã:

- Viết ký, tùy bút phải đọc nhiều như ông ẩm đất. Thượng vàng hạ cám, đọc suốt. Đọc xong phải có cái ý của mình, ghi lại. Có chỗ phải đánh dấu vì hay, để đọc lại. Đó là kinh nghiệm viết. Viết truyện, phải có nhân vật. *Nhân vật truyện không bị gò bó trong không gian, thời gian*. Ký không bắt buộc phải có nhân vật, hay đúng ra chỉ có bóng dáng của nhân vật. *Nên nhân vật không cần có lý lịch rõ ràng*. Ký ghi sự việc, ắn ắn hiện hiện thoáng một tý hình ảnh một nhân vật nào đó như...ông ẩm đất đã từng.

Không có tài không viết ký được. Tôi nghe lão quát ở đâu đó nói ký là truyện ngắn, không đúng. Ông A. France, nhà xuất bản bảo ông viết truyện ngắn. Ông trả lời: *“Tôi làm gì có thời giờ viết...truyện ngắn”*.

Gã căng mắt nhìn đêm tối mênh mang, đi thêm chút nữa nghe tiếng chó sủa. Từ xa, có một đốm sáng mờ mờ lung. Ông để mèn sục vào đốm sáng như con thiêu thân. Đốm sáng lay lay nọ phát ra từ ngọn đèn, treo đu đưa dưới mái hiên một căn nhà bên đường. Một người đàn bà đang sàng cái gì đó trong sân. Ông đánh tiếng. Người đàn bà bước ra. Con chó nhũn nhặn sủa. Ông hỏi: “Phố Trần Hưng Đạo ở đâu” – “Nhiều Trần Hưng Đạo lắm, đợi vào hỏi đã”. Một người đàn ông để ria mép, ngậm píp, cầm ba-toong theo bà đi ra. Bà quay lại nói với ông này: “Có người hỏi thăm ông Trần Hưng Đạo”.

Gã nuốt giật mình cái thót, ông đây trông rất quen quen...Mà quen quá lắm. Gã dòm thấy ông quen quen đang lắc đầu, dờ dãn cười và to nhỏ với ông để mèn:

- Ừ thì như ông đã biết đấy...Chẳng ai có dũng khí được đâu, kể cả Phan Khôi, và tôi. Chẳng sợ rượu vào nói cả khía, phiền, thế nên tôi đã nói với ông: “Không phải tôi sợ nói sai mà sợ nói đúng mới gay go!”. Tôi vẫn được tiếng là ngang bướng. Vậy mà...

Vậy mà lần uống rượu với Đồ Phồn, tôi khóc: “*Tôi được như thế này là vì biết sợ*”.

Trời sáng hẳn. Ông đế mèn tấp vào gốc cây bên đường vầy vầy làm một bãi thật to.

Xong, tay lần xuống nhảy nhảy đảy quần và trở lại xe. Ông hỏi gã: “Đêm qua chú ngủ ngon không?”. Mắt dòm xa thấy một ngã ba, không biết rẽ trái khúc nào, gã thấy ông rối như gà mắc tóc, nửa như nói một mình, nửa như hỏi: “Đây là đâu ta?”.

Tất nhiên gã biết chữ nhưng chữ không hề biết gã...không biết. Ông đế mèn lấy chai bia bơm quay trở lại với ông quen quen vừa rồi. Cả hai cùng ngồi xuống gần rặng chuối bên hè. Ông quen quen tay đang cầm chai cuốc lủi, tay vỗ vỗ đầu con chó nằm cạnh. Ông cười khặc một cái chó khặc xương và nói với ông đế mèn: “Tôi từng được một ông sư đãi một bữa thịt chó độc đáo. Thịt chó ướp gia vị, đặt vào giữa bông sen...”

Gã thiếp đi. Con bò kéo chiếc xe vào thành phố lúc nào gã cũng chẳng hay. Bên ghế đá công viên có người phu quét đường đêm đêm nghe tiếng đại bác vọng về...

Xe vào đến Hà Nội, trời không mây nên càng rối. Gã ngại lạc mất chiếc xe bò, sẽ lạc luôn cả đường. Nhưng quả thực con bò đã biến mất, như thể một cỗ xe ma. Như ông đế mèn vừa biết mất như con ma

sống, ma đến tận xương thịt. Gã căng óc nhớ có ngã ba không? Theo gã thì...không. Nhưng biết đâu với con bò lại khác! Rút điện thoại hỏi con bò. Màn hình lóe lên, một tiếng bíp nhỏ, rồi tắt ngấm, rồi lóe lên. Trên màn ảnh, con bò đang bước ngoằn ngoèo.... Số là vì gã vừa được bổ xung văn hóa đầy ấn tượng, bước theo vết trâu đái của con bò, gã đột biến tư duy ra đã làm văn hóa thì phải có văn chương. Tan trợn vện vào đêm giữa ban ngày trên cơ sở văn hóa cực kỳ xung kích này, gã hội chứng ra với một cuốn sách hay là có văn có truyện. Vì vậy chân gã cứ thung thăng mà bước theo văn mà không bị vướng vào câu. Tay gã cứ tự do vung vẩy theo truyện mà không ngại va vào chữ. Thế là êm. Vậy mà đã 8 giờ hơn.

Miệng gã lũng búng ngay ngã ba đường giữa lòng phố thị: Mày đúng là thằng rồ hoa mướp.

Gã quan sát bên lề đường nhà *ông ấm đất* cây nào là cây me, cây sấu? Nhìn cửa nào là cửa thật, cửa giả. Rồi chả hiểu nghĩ sao gã móc cái điện thoại cầm tay bấm số *ông ấm đất*. Cái máy kêu tíu tíu. Từ lề đường Trần Hưng Đạo nhìn lên nhà số 90 ở trên tầng 3, *gã biết chữ nhưng chữ không hề biết* gã gọi vọng lên như gọi đồ sang sông. Không ai trả lời.

Âng im. Gã bò lên cầu thang để khoe chữ...

Gã gõ cửa và hỏi:

- Có ai ở nhà không?.

Ông ám đất thờ đầu ra:
- Đi vắng rồi.

Thạch trúc gia trang
Thu tận, Nhâm Thìn 2012

Nguồn: Thanh Tâm Tuyền, Nguyễn Hưng Quốc
Nguyễn Danh Lam, Ngô Phan Lưu, Tchekov,
Nguyễn Đăng Mạnh, Vương Trí Nhàn, Hoàng Ngọc
Hiến, Nguyễn Huy Thiệp và một tác giả khuyết
danh.

Giao lưu văn hóa

- Cũng trên bốn mươi tuổi rồi, chắc là phải lấy vợ.

Hắn lâu bầu như vậy! Hắn đang ngồi trước mặt tôi, mặt mày thô vụng, người lùn đậm, thấp như cái nắm. Làm như cả chục năm nay hắn sống trong rừng sâu núi thẳm, không có ai hàn huyên nên gặp tôi là xằng xái mang những chuyện chổi cùn rế rách ra mà kể lể. Hắn nói liên tu bất tận, như sợ tôi nhảy bỏ vào dành chuyện của hắn.

Chưa hết, ai hắn cũng quen biết và ngay cả *bạn đọc* nữa. Hắn lâm râm chắc như bấp luộc là vừa mới nói chuyện với bạn mới hôm qua đây. Hắn còn ỉ ôi *đòi người không có bằng hữu thì èo uột như cây không có lá.*

Và quái một nỗi, hắn cứ nhắc đi nhắc lại là: *Bạn biết hắn.*

Chưa chi hấn đã bương bả: Chuyện hấn lập gia đình trễ dễ hiểu thôi. Xong trung học đệ nhất cấp, ngỡ êm ả với gió thổi mây trôi thì rớt tú tài một cái bịch, bị kéo vào cơn lốc chiến tranh và đi lính. Tôi chưa kịp thêm mắm thêm muối *rớt tú tài anh đi trung sĩ, em ở nhà lấy Mỹ nuôi con...* hấn đã đi một tràng “ra-phan”:

Sau cú trời sập bị đi cải tạo, hấn khai trong bản lý lịch trích ngang là hấn đâu muốn cầm súng. Chẳng qua trên răng dưới lựu đạn đứng giữa hai làn ranh chịu trận mà thôi. Nhưng thằng quản giáo rằng đen mã tấu nhất định...tôi dạ không chịu hiểu và nhúm hấn đúng mười ngày không hơn. Hấn cứ tiếc hùi hụi đi tù gì mà không lâu lắc được như người ta để sau này viết...hồi ký. Rồi hấn vượt biên qua đây, chân ướt chân ráo với cái nợ áo com, nên hấn cày như hạc, cày chết bỏ. Nên quên...lấy vợ tuốt luốt.

Đang rồi rắm chuyện cải tạo, hấn láo nháo hỏi tôi có vượt biên không? Chưa kịp trả lời. Hấn đã bốc nhằng, chuyến vượt biên của hấn ly kỳ ít thấy, có thể viết nhật trình được để mai này tụi trẻ học hỏi về những người di dân. Số là học tập xong, đang thái thịt ở tiệm phở. Gặp thằng bạn đến ăn phở chơi, ngúe tay nhau cái rốp, hai ngày sau dợt. Vì lặn gió biển yên nên ba ngày tới đảo. Một tháng sau qua đây cái một. Đang láo ngáo với mấy con số, hấn rôm rả hỏi rằng qua Mỹ lâu chưa, H.O. hả? Như biết tôi nghĩ gì trong đầu. Hấn rung cây nhất khi, ở đây gì cũng là số ráo trội. Tối tối phải xem thời tiết để tới

tiệm phở nấu phở nói chuyện...nắng mưa với khách hàng. Tập thói quen vừa lái xe vừa uống cà phê...mì ăn liền. Bà con bên nhà, tưởng đô la là giấy lộn rơi rớt ngoài đường muốn nhặt là có, người tị nạn làm “ca” ngày “ca” đêm, tối tăm mắt mũi chỉ thấy...“ca ca”. Cuối tuần cắt cỏ, giặt quần áo, hút bụi...túi bụi chứ đâu có dớn, ông thầy.

Như thân quen từ thuở nào, hấn vỗ vai thân mật hỏi tôi lấy vợ chưa? Như sợ tôi trả lời mất dịp để nói, hấn vội vã nói lấy nói để rằng lấy vợ chậm lắm. Mấy bả mấy cô ở đây mất hồn mất xác, tan tác đời hoa hết tron hết trội rồi. Nào lớp ly tán, ly tao, đến lớp ly thân, ly dị. Qua lớp chồng nhẩy tót lên bàn thờ ngồi ăn xôi nghe kèn nên Mỹ hóa quá thể. Hấn chặc lưỡi, nè theo hồng kíp đâu. Ông thầy phải bắt dàn “ka-ra-ô-kê” cho ngon. Tôi tôi mấy bả có dất đi nhẩy đầm ào ào, đừng có guíu như con cá lóc quảy hà rầm trong rổ. Mà đâu có chi phải rung, “cha cha cha” cà dợt, cà dợt như đi chợ, dễ ợt...cha. Hấn quên bếng hấn vừa gọi tôi là ông thầy. Làm như tôi là...thầy bùa thầy chú. Hấn hát cái đầu hỏi tôi, giọng xóc hông, nè địa Việt Nam chưa? Tôi chưa kịp trả lời là...chưa về, hấn lại hỏi tôi qua đây hỏi nào? Vừa định kíp góp chuyện. Hấn đã tung tẩy, đừng có đại mà địa, lý lịch của mấy cô thì mù chót. Một tháng tìm hiểu bốc hốt được gì ta, xào khô xào ướn sao đăng, mất mặt bầu cua hết ráo. Hiểu không?

Hấn hươu vượn lúc đầu hấn nhận được mấy lá thơ bên nhà gửi sang có hình chụp để...tìm hiểu.

Xấu đẹp tùy người đối diện, nếu hợp thì gửi hình, ké thêm tem cò để tiến tới...xa hơn. Hấn hót như khướu: Thơ chỉ chữ nghĩa đọc như gà bới, người thẳng đuốn như con lươn, ngực xẹp lép. Được mỗi cái háng chành bành, to bằng cái cần xé ỏi xá lị. Hiểu không? Bao giờ cuối câu cũng hỏi tôi hiểu không. Chẳng cần tôi có hiểu hay không, bỗng dưng hấn ạch đụi...con là nợ, vợ là oan gia mới tức cần hông chớ, ông thầy.

Chưa kịp hỏi lấy vợ hồi nào. Hấn vỗ lưng tôi và nông nả:

Thằng bạn H.O. nhờ hấn lái thêm một chiếc xe ra phi trường đón gia đình mới qua. Hấn hạnh ngộ với cô em bạn hấn từ đây. “Nàng” ngó coi hết biết. “Nàng” hồng quẹt lọ mà da mặt dịu nhiều như sa Tân Châu, như lụa Xiêm La. “Nàng” hết xẩy với bộ vó tướng xà, tướng điệu. “Nàng” nào khác chi bắp chuối mới trở hoa. Mặc dù thiết tình bắp đùi có giống...trái soài tượng. Cuộc tình của hấn sốc nổi lắm, mới thấy là bất mê ngay. Không có chiến đường vào tình yêu có trăm lần vui, có vạn lần buồn. Mà nguyên con như phim tập “Máu đổ bãi Thượng Hải”, tình tiết ly kỳ quá sức, hồi hộp quá mạng. Hấn hà rầm: Lái xe mà hấn ứ hơi, bứt rứt nên chỉ dám ngó chừng. Hốt nhiên “nàng” hô hoán như mã tà: *Khủng hoảng*. Hấn ngồi mà thấy...đứng như trời trồng. Vì theo ngón tay “nàng” chỉ, hóa ra là cái nhà cao tầng to bự sụ. Và hấn cười giả lả, nghe

thấy...ghét. Với cú sét ái tình thuở ban đầu lưu luyến ấy, ngàn năm dễ mấy ai quên. Nên hấn sượng trân, mồm mép, chữ nghĩa như trồn đầu mất tiêu. “Nàng” bỗng dừng bật cười khan. “Nàng” nói trông không như không có hấn bên cạnh: “Chịu Thầy, ông nói xuống phi trường là gặp ngay mới...ngộ”.

Hấn ngó ra. “Nàng” cười tình kể lể chuyện sóng nước lênh bênh. Chuyện là trước ngày qua đây, “nàng” của hấn đi coi một quẻ, xem phận lục bình mười hai bến nước nổi trôi theo dòng đời, vương mắc nơi đâu và: “Thầy nói...y chang”.

Đêm về, hấn cứ thao thức vì thấy “ngộ” thiệt ngộ. Y hết giấy dếp còn có số hướng chi chuyện vợ chồng. Và hấn như bị hớp hồn bởi giọng nói dẻo quẹo như đường Thốt Nốt, ngọt như bưởi Biên Hòa của người đẹp, nhớ muốn thác luôn và dễ thương chi lạ như “Hồng đảm đầu”, hoặc “Ngộ hénh”. Tối khuya, hấn cứ ôm gối vật vã, vẩn vương cùng mộng và mơ *thấy em nhỏ xíu anh thương....* Hấn hấp háy con mắt: Rằng hấn thương thiệt tình mới...lãng xẹt. “Nàng” cũng như chịu đèn hấn, tâm sự rằng mới đầu ngó hấn ạch đùi vậy chớ nhưng nói chiện chi có diên dữ thần, nhỏ tới lớn hồng thầy.

Cưới vợ phải cưới liền tay, ba tháng sau hấn cấp kỳ ký giấy hôn thú trước. Làm đám cưới sau cho chắc ăn. Hấn hỏi tôi: Đặng không, ông thầy? Tôi đang sặc máu mồm dòn máu mũi về chuyện một chuyến đò nên duyên này. Đồng thời cũng đang nghĩ trong đầu câu nói của hấn *con là nợ, vợ là oan gia* ở

cái khổ nào. Thì hấn xuống tông, giọng phồng phao, nhưng vẫn không quên “cái ta” của hấn, lớn hơn “cái tôi” của tôi nhiều:

Đêm tân hôn, hấn cứ nhức nhối chịu trời không thấu, là không biết ông thầy nước lạnh nói chi về hấn, vì được khen ai chẳng sướng rên, sướng mé đìu hiu. Mà nói thiệt chứ không nói xạo, hấn cũng ngon lành lắm chứ bộ, nhìn lên thì chẳng bằng ai, ngó xuống chẳng ai hơn mình, ngó ngang thì hồng hay à nha. Dần bụng không đặng, hấn nhóp nhép hỏi. Vợ hấn ỏn ẻn, không biết dờn chơi hay dờn thiệt: “Bộ quờn sao! Ai lại đưa sáng đi nghe đưa mù bày đặt. Mà tiền đâu mà coi bói, cha nội. Nghèo mà ham”.

Khôn ba năm đại...một giờ, nghe xong hấn muốn chết giấc luôn. Lưỡi hấn cứng đờ xà rông và cả đêm chẳng mần ăn gì được. Thiệt tình.

Quên mình đang kể chuyện. Hấn hỏi chuyện tôi xóc hông: Ông thầy có phải đi cải tạo không? Chưa hỏi xong, hấn đã bằng nhặng là hấn đi cải tạo chỉ có mười ngày. Nhưng bây giờ đang sống với...Việt Cộng và chưa biết ngày nào ra.

Tôi lóng ngóng thấy rõ, ngồi tro thổ địa chịu trận, nghe hấn tâm sự, tâm tư một đời đắng cay:

Sau đám cưới, ngay ngày hôm sau. Hấn chửi thề “Tía nó”, chưa kịp xớ rớ...dậy, ...dậy vợ từ thuở bơ vơ mới về. Mới sáng chủ nhật, đang nằm chèo queo,

cheo quẹo đã thấy mình bị nhốt trong trại cải tạo hồi nào không hay. Vì vợ hắn đã ào ào như quân giáo: Chưa *lên kế hoạch* chi dậy cà. Hắn nhủ thầm cái gì mà lên với xuống, mà *kế hoạch* chi đây. Vợ hắn đã *nhắc nhớ* là *phần đầu* đi ăn trưa. Hắn thầm nhủ, ăn uống thì cứ tàng tàng, làm chi dữ thần phải...phần đầu với...tranh thủ!

Vợ hắn giục như giục tà: Còn *lẽ mề linh tinh* nữa, *khẩn trương* đi vì trời *có khả năng* mưa. Hắn chưa kịp nhìn ra ngoài xem ông trời có...khả năng ở cái khổ nào, vợ hắn đã léo nhéo: Đã *quan hệ* với ông già bà già chưa. Hắn hơi bực mình, gọi thì gọi, mắc mớ gì mà phải...liên hệ với...quan hệ thì vợ hắn đã tía lia: Nè, *điện* ngay đi. Hắn chưa kịp xì nẹc, “phôn” thì cắc có chi gọi là...điện với...đài.

Hắn chưa kịp xỏ đôi dép, vợ hắn cheng chéc, cheng chéc như hạt lựu sương sa trong điện thoại, xong cười mím chi kiêu ngây thơ vô số tội: Vừa *xử lý* ông già bà già xong. Ông già bà già *thống nhất* rồi, vì *đột xuất*, nên phải *động viên tinh thần* mãi mới chịu *tham gia thị trường*. Hắn lầu bầu, mớ gì đâu, nhưng cũng đành xuôi lơ cho êm chuyện và nhõn miệng cười tươi như thái lái gắp cứt chó: Cũng tốt thôi.

Tôi vừa định há mồm hỏi vợ hắn làm gì bây giờ thì hắn đã tào lao thiên tôn ngay, cũng khó nói lắm.

Hắn úp mở, như đèn mù u, ngọn lu ngọn tỏ ấy mà. Tôi chớ phở ra như chúa Tàu nghe kèn, không để tôi suy nghĩ lâu. Hắn dậy khôn tôi, chuyện đời đâu có êm ru bà rù như vậy ông thầy. Hắn râu rĩ, không biết vợ hắn ăn mắm nhái, mắm ngóc Châu Đốc, Bà Đen hồi nào mà hồi này bày đặt lằng xằng chạy cò cho...cộng đồng. Hắn bí rì, tháng nào cũng họp với hành, hết xuống đường đến biểu tình, lần nào cũng mang cò vàng ba sọc đỏ về nhà. Rồi hết đá kích Thanh Lan đến tẩy chay Bạch Tuyết đang lưu diễn ở đây, nghe muốn mệt lỗ tai nhức con ráy. Hắn than trời như bọng: “Thứ nhất Cộng Sản, thứ hai Cộng Đồng”, thì sui tận mạng: Nhà hắn có cả hai mới cha đời.

Hắn khề cần cổ, họp hành chi mút chỉ cà tha, cuối tuần bố con hắn ăn cơm tay cầm một nghỉ, râu thấy mờ. Hắn năn nỉ mẹ vợ hắn, thời buổi này mỗi lúc một khác, cũng phải theo thời. Gió thổi chiều nào theo chiều ấy, đâu còn úynh nhau nữa, phải quên đi hận thù..."sâu sắc, nhạy cảm".

Mẹ vợ hắn nhây cà từng cà từng như bà Phùng Há và ...há miệng lớn lối: Nè đừng có dờn mặt tui, tui thì tui dễ tính lắm ghen, ai nói mặc ai, tui sống cho tui. Rồi mẹ giựt giựt cái miệng như bà Năm Sa Đéc: Thằng cốt đột nào lớ quớ, tui bẻ cổ thấy mẹ nội, tui bẻ cái rọc đằng trước ra đằng sau cho mà coi.

Mới đây, hắn dụ khị vợ hắn về mấy ông nhà văn, nhà báo đang nhứt trình, kêu gọi nối vòng tay lớn

với khúc ruột ngàn dặm nỗi dài đến...lời trĩ, nghe tội chi đâu. Mụ vợ hăn xì một cái: Hồng có tui à nha, bị một lần tổn tới già, tui mà bắt gặp mấy ông bà văn hóa lớn, văn hóa nhỏ, cà chớn, cà chua. Già không nên nét, ôm chun cái thằng đạo diễn con nít dấm thúi, nói ba cái chuyện ba lớp ấy. Lớ quớ gặp tui, tui đọc cho mấy đọc phù mỏ thì ráng mà chịu nghe. Hăn ngó tôi thở ra, thiệt tình hết chỗ nói, đồn bà con gái đài không qua ngọn cỏ lại dữ như bà chẳng, thiệt tình chịu trời không thấu. Thiệt tình số sui tận mạng gì đâu hồng biết nữa.

Và hăn lầu bầu: Tổ cha cái thằng...thầy bói mắc dịch.

Hăn xà bàn xà bát là đang có tâm sự có chiều sâu. Tôi chưa nhìn thấy cái bầu tâm sự của hăn sâu cỡ nào. Hăn kín đáo rút sau túi quần ra tờ báo chợ và đặt lên bàn. He hé cho tôi thấy cái tựa đề *Nếu Đi Hết Biển*. Xong, hăn lom côm: Trước kia mình đứng giữa hai lần ranh, bây giờ ngồi chồm hồm trong lòng dân tộc, mình phải làm một cái gì, phải đi trước người ta. Hăn than: Lúc này mình phải tư duy logic, không lẽ mình cứ gieo hột...khổ qua hòaai, tới chừng nào mới có...đưa chuột ăn đây. Vì vậy, phải quên hận thù, đã đến lúc mình phải đối thoại, phải giao lưu văn hóa, phải trở về với cội nguồn.

Đầu óc tôi lùng bùng mấy chữ “mình” thế này, “mình” thế nọ, “phải” thế này, “phải” thế kia của

hắn, với một mớ ngôn ngữ hỗn độn tối mù, nên tôi cũng mệt hẳn quá thể.

Thấy hắn đeo cái mục kính, tôi biết thế nào cũng có chuyện, y như rằng, miệng hắn chồm rợn chàng rành: Trong này toàn những nhà văn, những nhà tư tưởng sâu sắc đáng kính. Cầm tờ báo, hắn mồm mồm đọc câu: *Vậy, nếu có ai muốn tìm kiếm những điều cao siêu về tư tưởng, văn chương hoặc xoi mói những điều kém cỏi về lập trường, quan điểm, xin hãy bỏ qua đừng đọc tiếp.*

Tôi định nói...đừng đọc tiếp cho tôi nhờ thì hắn đã mừng rơn: Ông Thủy viết vậy mới là viết, khiêm nhường như vậy mới...cha thiên hạ. Vậy mà có đứa “xoi mói” nói ông ta chặn vịt không xong, mò lên Hà Nội làm thợ vịn, ôm cái càng ba chân quay phim “Hà Nội trong mắt ai”. Ngó lơ không thấy ai, hắn phân bua: Trước kia thằng chả đội nón lá, cầm gậy lừa bầy vịt ra ruộng, ra ngòi, qua đây...”chặn nuôi” mấy ông bà nhà văn ngoài nước êm ru bà rù thì có sao đâu, ông thầy.

Thấy tôi...êm ru bà rù. Hắn rù rì: Cực là cực ông nhà văn tên gì gì ấy, ông ấy viết cũng rất khiêm tốn như ai: *Viết để cho...cả dân tộc trong lẫn ngoài nước đọc, không phải chỉ dành riêng cho một nhóm nhỏ của một cộng đồng càng thu hẹp.* Vậy mà tội nghiệp ông nhà văn này thiệt tình, ác nơn ác bá kẻ chi hồng hết vì chỉ có một hai quyển truyện được in ở Việt Nam. “*Cả dân tộc*” với “*một cộng đồng càng thu hẹp*” dành nhau đọc thì văn chương chữ nghĩa

nát bấy, te tua là cái căng, làm sao đối thoại đây cha. Hấn hít hà, uống gì đâu, kẹt dữ thần...Hấn nói dẻo như kẹo kéo, nếu hấn là ông nhà văn, hấn địa quách Việt Nam để “giết”...Việt Cộng. Ý chết mẹ, nói lộn nói lộn. Địa Việt Nam “giết” văn cho mấy cây đa, cây đề trong nước đọc bá thổ xanh lè mặt chơi...

Rút thêm một tờ báo chùa nữa và hấn gân cổ: Nè ông thầy thấy hôn, các em mặc dù mới học lớp “đào sâu một”, lớp “đào sâu hai” nhưng viết rất có cơ sở văn hóa như:

Nguyễn Du là lão tiền bối của chúng ta, mặc dù tiền bối đã sớm ra đi vào một chiều gió lạnh, nhưng vẫn làm chấn động thất điên bát đảo cả giới hậu bối của chúng ta, qua bí kíp võ công Vương Thúy Kiều, còn gọi là Đoạn Trường Tân Thanh. Sợ tôi chưa nắm bắt được, hấn dí vào mũi tôi đoạn văn của một em khác: Nàng Kiều là một người con gái tài sắc vẹn toàn, song nàng bị chế độ phong kiến vùi vào lớp bùn nhơ. Đến nỗi chịu không nổi, nàng đã nhảy xuống sông Tiền Giang tự vẫn. May thay, lúc đó có một đảng viên đi công tác, bèn nhảy ùm xuống sông Tiền Giang cứu nàng. Sau đó, Kiều giác ngộ và đi theo con đường cách mạng. Hấn chỉ cho tôi đoạn văn của một em tuổi 9X mà đã hiểu chuyện đời ướm át và éo le qua truyện cổ tích: Từ đó về sau, mỗi lần làm tình với chồng, My Nương lại nhớ tiếng sáo Trương Chi. Thấy tôi chậm tiêu, hấn dẫn chứng: “Từ đó về sau, mỗi lần đi tắm, Tiên Dung lại ra lệnh cho

Chử Đồng Tử cỡi truồng nằm ngửa dưới lớp cát ngay nơi nàng xúc nước. Hắn thêm, còn chuyện chính sử, chính thống ta của một em lớp 11 thì cực kỳ hơn cả cực kỳ, với khả năng chính trị cao, em viết: 50 người con theo bà Âu Cơ lên núi, 50 người con theo ông Lạc Long xuống biển mất tiêu. Nên sau có 50 người con khác từ phương Bắc xuống lập nên nước Xã Hội Chủ Nghĩa ta cho đến ngày nay....

Đột nhiên hắn xuống câu sề, giọng hoài cổ, hoài lang tha thiết: Từ ngày bỏ xứ mà đi, hắn rầu thúi gan thúi ruột vì nhớ nhà nhớ rang nhớ rức, nên cũng muốn về thăm chòm xóm, bà con cô bác một phen. Hắn ca thêm bản kim tiền bản, khóc hoàng thiên: Mà nói thiệt với ông thầy, có đi hết biển, đi hoài đi hủi thì cũng về đến ao chuôm làng mình, nghe cóc nhái kêu rầu thúi ruột...Chợt nhớ ra điều gì, sửa lại thể ngồi ngay ngắn, nhường mắt chậm chạp nói, một công đôi việc, lúc này thằng con hắn đã nhỏ giò nhỏ cẳng, hắn có ý định đưa về Việt Nam ít tuần, chủ yếu để học hỏi “Tiếng Việt trong sáng”.

Và hắn hồ hởi phấn khởi ngay đấy, cơ bản mình phải nhìn xa trông rộng. Như thằng cháu hắn, mới địa Sài Gòn có hai lần, xà lẹo tiếng Việt như chú Chệt bán ve chai. Hắn hồ hởi. Ôi chu choa, nó còn nhậu tới bến, nhậu mút chỉ cà tha. Mềng đéc ôi, ông thầy biết hôn. Tôi định thú thực tới giờ tôi chưa biết...hôn. Thì hắn tiếp: Nó chửi thề nghe quá đã, ông thầy...Tôi chưa kịp hiểu “đã” như thế nào. Hắn lôm côm: Thằng cháu thô lộ rằng về đến đây. Nó kể

chuyện cho ông già bà già nó nghe con nít Hà Nội bây giờ ăn nói ngon lành lắm, mở miệng ra là “đéo”.

Vậy mà ông già bà già nó...đéo tin.

Tôi tự u ơ rằng mấy nhà văn chữ nghĩa đầy người. Họ đang đi tìm một sinh lộ để đối thoại với người anh em phía bên kia, thì đụng cái mô lớn, mô nhỏ là mấy ông, mấy bà cộng đồng có cái đầu đông đá. Còn hấn cũng chẳng hơn gì, cũng đang lớ ngớ với cái ụ sè sè ngọn cỏ bên đường là mẹ vợ hấn, như con cắc kè thay màu đổi sắc, xanh xanh đỏ đỏ không biết đâu mà rờ. Hấn đập nhẹ nhẹ vào tay tôi: Hồn ai nấy giữ...Tiếp, hấn láo ngáo hỏi tôi câu hỏi hỏi nầy, đã dìu Việt Nam chưa ông thầy? Vẫn chứng nào tật ấy, như sợ tôi trả lời, hấn vỗ trán trả lời thay: À, chưa dìu, mà sao hồng nói! Và ừ ê: Xưa rồi Diễm ơi, bây giờ đổi mới tư duy và kinh tế thị trường...hết biết, ông thầy.

Sợ tôi đợi lâu thì bịnh chẳng. Hấn mở máy nói ngay tức thì:

Sau những thủ tục hơi bị căng như dăng cai, ký *ruồi* ở tòa sứ, và chẳng thể thiếu thủ tục đầu tiên ở quầy tiếp thu hộ chiếu. Gia đình hấn về đến nhà dựng Ba hấn đã khuya lác khuya lơ. Hấn tía lia: *Buổi đêm*, thằng con nó *ngủ ác* lắm, mấy con muỗi đột nhập vào trong mùng mà nó vẫn ngủ tít. Vậy mà sáng ra bị tổ trác lãng xọc. Chuyện là thằng con làm công tác thăm lãng “bác”. Ngồi chồm hồm trên cái

bàn cầu cổ lỗ sĩ thế nào ngã bổ chửng ra đường sau, kêu la khóc lóc như...bác Hồ trong ngày vui đại thắng.

Mụ vợ hăn nhảy bổ vào như lính thủy đánh bộ, ngó tới ngó lui không có giấy đi cầu, phải dùng gáo múc nước rửa ráy cho thẳng nhỏ. Sau đó mụ vợ hăn quơ lọ dầu Nhị Thiên Đường đánh gió ào ào, miệng hít hà như thầy pháp niệm thần chú, nhảy cà dọt, cà dọt như Hoài Linh. Miệng la chối lỏi như Hồng Vân chửi mất gà là hăn việc nhà thì nhác, việc bá tánh thì siêng, khi không mang thẳng con của bà về đây cho nó ...tê. Sau đây là công môi si và hăn Việt kiều gì mà *chùm sò*, không chịu ra ngoài *búc phòng* nhà khách có cầu tiêu bấm nút, máy lạnh thổi...dù dù. Hăn rầu rĩ: Sui gì đâu, mới ngày đầu đã va chạm thực tế, hăn chỉ sợ thẳng con chao đảo lập trường nên hăn rầu muốn chết.

Tôi chưa kịp hiểu chùm sò là quái gì, nhưng tôi đâu có cơ hội mở miệng hỏi...Vì hăn đã tung tẩy: Sau hai ba ngày, cộp nào rừng nấy, vợ hăn dẫn cả nhà đi tham quan *quãng trường* Sài Gòn. Vừa leo lên xe, vừa rời *vùng sâu xa* ngã ba Bình Hòa. Đường phố được *giải phóng mặt bằng* để *bê-tông hóa*. Vợ hăn thuyết minh tham gia lưu thông với xe con, xe khách. Mới sớm mơi hăn đã được *động thái* nào là *giải phóng mặt bằng* với đường xa tốc kia, cầu cạn nọ. Rồi được bổ xung xe này *cực độc*, xe kia chạy lảng lủa, *bảo quản* với mũ bảo hiểm. Hăn đang ón *xà lách* tới *ùn tắc*, đến *quá tải* thì được vợ hăn cảnh

báo *hệ quả* cũng có ngày *tai tệ nạn*. Hấn chia sẻ cảm xúc với tôi, ông thầy thấy hôn, chưa đô tới thành phố mà xe hấn đã được *chuyên chở* đầy chữ nghĩa giao thông, giao lưu như chôm chôm, ỏi xá lị, ngoài chợ Bến Thành, thấy ngót con mắt gì đâu.

Tay đập bàn cái cốp, miệng chửi thề “Tía nó”, rằng hấn bị cái vạ vệt với mấy thằng Bắc kỳ 2 nút. Xe chạy lúp xúp tới đường Đồng Khởi, cả nhà đang *lưu thông văn hóa* như gà đi bộ, bỗng dung có một gã bán chim, mặt căng căng hỏi hấn: “Bố ơi, bố mang con gì đây”. Hấn chột dạ nhìn dáo dác, có con nào đâu ngoài con vệt đang ngất ngư trong cái lồng của thằng nón cối. Bên trái là thằng con hấn. Bên phải, như sợ bị lạc giữa ba dòng thác cách mạng, tay trong tay là con...mụ vợ hấn. Giữa là hấn, vai đeo tòn teng cái máy hình. Chưa kịp hiểu chi, con vợ hấn đã cốp cái một: “Con Nikon”. Gã bán chim giọng đầy ngưỡng mộ: “Con Nikon này, giá...*cứng* lắm đấy nhá”. Tiếp: “Thượng đế cẩn thận nhá, bị chĩa là bỏ bu đấy nhá”. Vợ hấn sù, ngúyt thằng cán gáo một cái dài cả thước và nói với hấn: Đô diên, trời sáng đỏ con mắt còn nhá với nhem, người Việt mình đâu có ăn nói dầy. Từ đó hấn nhét cái máy hình vào túi quần, y chang nó...“*cứng*” thiệt tình.

Bỗng dung hấn thành khẩn khai báo với tôi, tiếng Việt trong sáng gì mà khó nhai quá xá ẻ. Tôi định an ủi hấn, nghe mãi rồi quen, như xóa đói giảm

nghèo vậy thôi. Nắm bắt chữ “nhai”, hấn cảm thấy đói và dẫn vợ con đi cải thiện. Hấn kiểm tra thị trường tiệm ăn cực kỳ cao cấp. Khuyến mãi đông như ruồi, chỉ tức cười một cái là trong câu tiêu không có, thì ở đây, trên bàn ăn...đại trà những cuộn giấy đi câu to đùng, trông mát con mắt. Thấy thằng con giao động *văn hóa ẩm thực* đầy tình tự quê hương với chuột nướng xả, rắn xào lăn...ở bàn bên cạnh. Vì vậy, hấn được dịp nói với con hấn về một cách nhìn khác về văn hóa Việt Nam. Như tại thành phố hấn đang lưu vong, với thùng nước lèo qua tô phở béo ngậy cho khách hàng, đó cũng là hình thức làm văn hóa chứ còn ai trồng khoai đất này. Nhưng nhìn cái bản mặt văn hóa “Hem-bơ-go” giữa mấy đĩa kỳ nhông, các kè thì dù thằng con hấn có thông minh, chậm tiêu cách mấy. Dù hấn có nói...*xúyt hay* cách nào, hấn biết rằng Đông và Tây chẳng bao giờ gặp nhau.

Ngay sau đó có sự cố kỹ thuật, đèn phản chiếu đái nước uống. Người phục vụ gái hỏi hấn: *Bú chi?*. Nhờ đó hấn mới triển khai đầy thuyết phục với bú là...uống. Thế là hấn tiếp thu cái bia tươi cho biết mùi nước mát quê hương. Thằng con gọi: *Cốc*. Vợ hấn ới chai nước suối. Hấn chếp miệng, hồi trước thì uống nước máy như...máy. Bây giờ bả giả bộ đóng tuồng vậy thôi. Bả sợ không ai biết bả là Việt kiều với khúc ruột nối dài, nên đi đâu tay cũng cầm chai nước có núm vú phe phẩy. Hờ ra thì câu trước câu sau là nhún vai “Mi-tu”, rồi lắc đầu “Diu-gueo-cầm”. Báo hại bác *lái xe* nghe tiếng Tây tiếng u của

bả thấy mà ớn lạnh nên nghe...hổng ra. Bác khuyên bả: Đừng có tu bậy, trọc quai hàm có ngày đó nghe thím Hai.

Một hồi sau cậu bé chiêu đãi trạc tuổi con hấn, mang cái cốc ra. Thằng con hấn gân cổ đỏ mặt, sùi bọt mép như Tây ba-lô giải thích bằng cả hai thứ tiếng, bằng cả chân tay nhưng cả hai như người khách lạ trên quê hương mình. Cậu bé chiêu đãi đi vào, lắc đầu: Coca Cola thì lại gọi là...*Cốc*. Mang cái ly ra thì kêu *ô-kê*. Bố ai mà hiểu được. Hấn sùu trông thấy và thở ra với tôi: *Chuyện nhỏ như con thỏ*. Chuyện nhỏ như con thỏ mà hấn rầu rĩ vì thằng con hấn vừa mới bị bể mánh tùm lum, mới có hai ngày ở nhà dưỡng Ba đã có *cọ xát văn hóa*. Tụi nhỏ chê cái quần bò của thằng con hấn là đồ rỏm, không có miếng da bò, không có chữ “Made in USA”. Thằng con hấn nói “nô-pá-lầm”. Thế là chúng nó cãi nhau “Kăng-ku-ru” và thằng con bị chụp mũ trông mặt cũng *vệ sinh* lắm, nhưng dòm *ngu như cái xe lu*, nên *bực như con cá mực* và *chán như con gián*. Hấn thấy không xong. Vì thấy thằng con hấn ngồi ở một góc nhà, mặt *khổ như con hổ*, và *buồn như con chuồn chuồn*.

Hấn cà rà: Ông thầy cho biết *cảm giác* về hiện tượng này. Và hấn trả lời thay tôi: Phải *trọng thị yếu tố đó*, lũ con nít *dở hơi không biết bơi* và từ đó chúng cách ly với nhau!

Cơm nước xong trên đường về, ghé thăm cậu Bảy em vợ hần. Nhân tiện sau mục ăn uống, hần tiếp cận với thằng con để nó tiếp thu hai chữ bồi dưỡng. Như sợ mất thị trường ăn nói, vợ hần lanh chanh là cải thiện là...ăn uống chết bỏ. Gần đến nhà cậu em, hần thấy một bảng tên một cơ sở rất *khieu khích* với cụm từ: “Trường Bồi Dưỡng Văn Hóa Cao Cấp Phổ Thông Cơ Sở Đỗ Mười”. Chẳng cần già hỏi vợ hần quản lý hần ngay: Trường này dành riêng cho các trường phòng, giám đốc học tới lớp ba, lớp tư lặn. Sau thời gian *chuyên tu* tại chức được biên chế là...phó tiến sĩ. Hiện có một quan chức nhờ làm...“tốt”, lao động văn hóa...“tốt” nên đảng và nhà nước đánh giá...“cao”, đãi ngộ...“cao” đang là chuyên ngành...viện trưởng Viện Văn Hóa Nhân Dân thành phố.

Cái đầu hần chao đảo chữ nghĩa gì mà...đại trà với “cao”, với “tốt”... Lại bức xúc vì cái tên dài ngoằng, hần quay lại ngó cái bảng tên cơ sở đầy ấn tượng. Miệng lâm râm: “... Văn Hóa Cao Cấp Phổ Thông Cơ Sở Đỗ Mười” không thôi đã thấy mệt nghỉ. Thế là vợ hần nhảy dựng lên như Phan Lê Huê: Văn hóa chi thứ thằng chả *Giỏi a đồng chí Đỗ Mười – Lớp ba chưa đỗ đã ngồi bí thư*. Hần cảnh báo vợ hần bỏ vàng nghe được nó còng thì chết tía vì mẹ vợ hần vừa vô tình “Tiết lộ bí mật quốc gia”. Vợ hần nổi cơn tam bành lục tặc: Bộ tui con nít sao, nè nói thiệt cho mà hay, nhất phá sơn lâm, nhì đâm hà bá. Tui hồng ngàn thằng...mười một nào hết nghen, cộp ba móng tui còn móc mắt cái một.

Không giao lưu với đối thoại gì hết ráo, lơ quơ tui xách con tui đi.

Hắn sượng trân, miệng vừa hở ra: “Trường..”. Ý là “Trường Bồi Dưỡng...”, sợ hắn đợi lâu thì bình chẵng nên vợ hắn bỏ tức văn hóa hắn về... Trường Viết Văn Nguyễn Du mới đổ nợ. Cứ theo vợ hắn trường có những học viên cấp ba, có những lão ông sáu mươi tuổi...Hắn chưa kịp hiểu, vợ hắn khắc phục hắn ngay, văn hóa dân tộc phải đề xuất từ quần chúng mà ra, phải dựa trên cơ sở *sơ cớng*...Như vợ hắn trước khi đi Mỹ, cũng ra cơ sở phường học đột xuất...múa đôi. Đến nước này thì thầy chạy, đang nói chuyện dậy văn vợ hắn nhảy bỏ xung qua múa đôi với...mút lưỡi, bú mồm. Hắn đánh cảm xúc...hông dám đâu và cảm giác, xúc cảm...cũng thỏa mái thôi.

Thôi thế nào được, trở về chuyện thằng con hắn, hắn mừng rơn thấy rõ: Ngày đầu, hắn phấn chấn khi thấy thằng con hội nhập với anh chị em cùng tuổi ở nhà dưỡng Ba hắn. Lũ cháu động viên: Bây giờ ăn nói phải hiện đại, mới sành điệu con hàng hiệu. Thấy nhí *quý tộc*, chớ đại khen *hơi bị ngon*, phải bốc nhằng là *đẹp dã man*. Ra đường thời trang phải “mô-đen”, “mô-típ” như quần tòn teng cái giầy ba trạc, tay cầm cái “mô-bai”, ngang bụng đeo cái mề gà. Dẫn bồ nhí *xinh như con tinh tinh* vào quán ăn theo thương hiệu. Ăn xong phải *tư cách* một chút là *củ chi thật khổng*. Hắn thông tin với thằng con hắn rằng

tới nhà cậu Bảy phải “tư cách” như cháu ngoan bác Hồ. Tới nhà cậu Bảy hỏi *đi đâu đâu lâu thế* thì cứ trả lời là “nô-pá-lâm”. Nếu bị cậu mắng: Tao tát một phát văng như cái đĩa hát, vỡ tan tác cho mày hết nô-pá-lâm thì đừng có trách tao ác”, thì đừng vác cái mặt như *bò đội nón* và hét toáng lên là “gô-ơ-hét”. Hay hô hoán như mã tà, như má mày là “khủng hoảng” này kia, kia nọ nha con.

Tới nhà cậu Bảy, gia đình bên vợ hấn đã chờ sẵn. Cậu em đã đi một tràng “AK”: Rất *tương thích*, báo cáo anh, báo chị mọi người không *bèo*, co cụm như những ngày giải phóng nữa vì chủ đạo là tham gia *xí nghiệp vệ tinh* nên ai nấy bây giờ cũng *thầu giầu* bạo. Chưa hết, hấn vừa nhép nhép miệng góp chuyện xí nghiệp vệ tinh, vệ nữ...Thì vợ hấn đã liên tu bất tận, như sợ hấn nhảy bổ vào dành chuyện của mình.

Vợ hấn bổ xung thêm rằng thời buổi này người trong nước nói...giản đơn: Như thằng Bảy với con Ba đã “giao hợp” với nhau ở bệnh viện *Da Liễu* ...Hấn ó ra, vợ hấn quản lý hấn là hai đứa đã quen biết nhau trên cơ sở công tác “*giao tiếp*” và “*hợp tác*” ở cơ quan. Hấn vô tư với vợ hấn chớ bệnh viện Da Liễu là chi? Vợ hấn bú xua là...là...nhà thương chữa bệnh ngoài da và bệnh hoa liễu. Rồi nhón miệng cười tươi như hoa cút lợn: Cũng tốt thôi.

Hấn hỏi cậu Bảy có “lao động tốt”, “làm việc tốt” không? Vợ hấn xót xa thằng Bảy hỏi rày sống

hoàn cảnh lắm. Không đợi hẳn hỏi hoàn cảnh có quá tải chẳng. Vợ hẳn *xa xót* là đang *bèo* lắm. Nó đang *nái hóa heo*, tức thái thịt như...hắn. Vợ hẳn sà bần sà bát, chuyện đời đâu có êm ru bà rù như tía nó. Cuối năm nay *xây dựng* với con Ba xong, thằng Bảy đi *nghiên cứu sinh* ở bên mình. Rồi về làm trưởng phòng cơ quan bên lò heo Lê Duẩn. Từ sắp rày thằng Bảy coi bộ ngon hơn tía nó à nha.

Nghe nói thằng em vợ cùng nghề, lại sắp là nghiên cứu sinh heo Lê Duẩn nên chắc là có cơ sở văn hóa cao. Vì vậy hẳn phải đã thông tư tưởng những điểm yếu với thằng Bảy. Hẳn muốn điều nghiên những người trẻ hôm nay ngay trong lòng thành phố mang tên “bác”, trăm năm trồng người, mười năm trồng cây. Theo hẳn, lớp trẻ sau 75 như thằng Bảy, chưa một lần *khả thi* thấy cờ vàng ba sọc đỏ, không bị chia rẽ hận thù bởi chiến tranh. Nên hẳn hỏi cho chắc ăn, hẳn ngoắc thằng em đi...ăn phở để có *cuộc gặp*. Vừa tới đường Công Lý, để *làm rõ* với nó. Hẳn linh tinh: Bảy này, bộ xứ này có “công lý” hả này? Nghe đến cái tên...đường xưa lối cũ, bỗng thằng em vợ hưng phấn: *Nam kỳ khởi nghĩa tiêu Công Lý – Đồng Khởi vùng lên mất Tự Do*. Rồi nó nói *bài nói*: Dỡn mặt anh, ông Hồ ở rừng đề xuất...rừng còn có có luật nữa cà.

Nghe đến tên “bác” như lân thấy pháo, lại nữa mới hỏi năm rồi nghe: *Bác Hồ ta thật vẻ vang, đang từ khỏe mạnh chuyển sang...từ trần* nên hẳn hỏi

thăm có...thiệt hôn. Hấn giả lả: Mày thấy “bác” sao mày? Mềng đéc ôi, thằng nhỏ lại hiểu lộn và hỏi móc họng hấn: Anh là Việt kiều, dậy tui hỏi anh chớ, ông Washington và ông Hồ, ai hơn ai. Anh nói ngon lành cho tui nghe coi? Hấn cứng họng chưa biết liên hệ sao cho êm thì thằng nhỏ chổng mỗ y trang vợ hấn: Anh biết khi khô gì, ông Washington hơn ông Hồ tới mười lăm ngàn lần lận! Rồi nó vén cái áo “may-ô” lên vỗ bụng bạch bạch: *Từ khi ta có bác Hồ - Nhân dân chẳng được ăn no ngày nào và ư hử ca câu đồng dao dân gian đang thịnh hành: Bắt phong trần phải...phanh trần – Cho may ô mới được phần may ô.* Đang lái xe, thằng cà chớn lại khơi khơi như ong vò vẽ kêu: Ngu thì ngu vừa phải thôi, còn để người khác ngu với chớ. Ngồi đằng sau, hấn lắc đầu: Mà thằng mắc dịch này nói ai ngu vậy ta, thiệt tình nghĩ gòai hồng ra. Cái thằng thiệt tình!

Để tìm kiếm những điều cao siêu về tư tưởng, văn chương. Hay những điều kém cỏi về lập trường, quan điểm ở trong nước. Hấn thấy cần theo dõi đối tượng nhân dân ta bằng cách thay vì ghé tiệm phở. Hấn nói nó đưa đi tham quan những cơ sở văn hóa nổi cộm. Nghe xong, nó lên kế hoạch: *Trăm năm bia đá cũng mòn – Bia chai cũng vỡ, chỉ còn...bia ôm* và đưa hấn *đi thực tế...bia ôm mới kệt giò.* Hấn lắc đầu vì hủ hóa, vì chưa đậm đà bản sắc dân tộc. Thằng em móc cái “A-lô” để liên hệ và *quy trình*

đưa hắn đi *điền dã* ở một nơi chốn...*tiên tiến* như thế này đây:

Xe vừa *chào bãi*, một *đạo ngũ* gồm một chú “cò” trông yếu tướng và hai em “cave” nhẩy ra níu kéo tận tình. Xe cho vào trong, cửa sắt cách ly căn hộ đóng ngay cái rọc cấp kỳ. Hắn nghĩ thâm bồi dưỡng văn hóa thuộc diện chi mà quá cha cươp ngày vậy nè. Sau đấy hắn được đưa lên phòng. Lược tóm thì phòng có kênh phát sóng, có máy tiếp thị nâng cấp nhiều kênh, chức năng dò đài tự giác, hiển thị Việt-Anh, đa hệ màu, *hẹn giờ tắt mở*. Lại có một chiếc giường trải “dra” trắng, cạnh là chồng báo...

Bỗng cửa mở ra, rồi như có vắn nạn vội đóng lại ngay một cái cách. Một cô gái đi vào có khuôn mặt nhiều nổi niêm. Nhưng mặt mày rất hoàn chỉnh với tóc “hai-lai” vàng ươm. Quần áo hiện đại với váy ngắn...ngắn tới đùi, áo thun...thun tới rún. Giản đơn thì đối tác rất hội chứng phồn thực, sinh thực khí, tận dụng tốt. Hay là họ phân phối lộn chỗ. Chưa biết cô này theo từ vụng là “phò” hay “hàng” đây thì hắn đã thấy cổ cười tươi rói, bảo hắn cởi quần áo cho co giãn mát mẻ. Rồi nằm xuống giường cho thỏa mái để nghe cô...đọc báo. Hỏi ra mới hay ấy là “Đọc báo ôm” mới có từ Hà Nội...*nhập quan* vào.

Nhưng hắn cứ théc méc là đọc báo sao lại phải...cởi đồ.

Vẫn chưa xong, đang nằm ngửa nhìn trần nhà nhìn thạch sùng đuôi nhau, hai tay thông xuống như

thằng chết rồi để nghe đọc báo Tuổi Trẻ. Cỗ cười cười hỏi hấn: “Bộ hết chiện sao anh tới đây nghe đọc báo thiệt hả. Tay đâu sao không...du lịch”. Hấn báo cáo là: “Thì đang đi Việt Nam đi du lịch đây”. Cỗ cười hích hích: “Việt kiều chi quê một cục”. Rồi không ai biểu, cỗ tự cời *nội ý* cái rột, tay cầm sợi dây quay vòng vòng và gân cổ ca vọng cỗ nghe thiệt mùi *tưởng giếng sâu tui nói sợi dây dài, ai ngờ giếng cạn, tui tiếc...goài sợi dây*. Nghe quê hết biết. Nhưng...nói chung là tốt.

Bây giờ tôi mới len chân vào chuyện của hấn. Với thằng này, tôi lại ngộ được một điều là hay chêm vào câu: *Nói chung là tốt*... Như hấn một lần nói với tôi: Dượng Ba hấn mới té què giò tháng rồi...Nói chung là tốt. Nên lúc rày ông khó như ông già Ba Tri vì lúc nào cũng...hông dám đâu. Với vợ chồng hấn, ông bình đẳng kêu các anh, các chị tuốt. Mở miệng ra là đặc sệt sáu câu đảng ta, chính phủ ta, quốc hội ta và chỉ thiếu câu...Trung quốc ta.

Đề rồi Tàu với ta, hấn muốn khùng luôn, mắc chứng gì đâu cũng thành chuyện. Chuyện là hấn được sắp nhỏ dẫn đi coi tuồng cải lương “Thép đã tôi thế đấy”, tích Hồng Quân Nga ủng oảng ỳnh nhau, mùi quá cỡ thợ mộc. Trong khi ở nhà vợ hấn đang phát huy sắc đẹp. Hai ông cháu coi “tape” đội banh gái Trung Quốc đá với Mỹ gái, ông phe Tàu, cháu phe Ta rồi hai ông cháu cự ly nhau. Ông nổi quạu, vì ông gọi “bóng đá”, cháu nhất định “đá

bóng”. Trái banh đang hồi gay gắt trong vòng cầm địa, ông nhẩy dựng lên là “ọc-do”, cháu...sửa sai ông là “óp-sai”. Vừa lúc cái máy bị *nhieu*, không hiện thị, hai ông cháu đánh vật với cục sắt vì sự cố với “đầu ra, đầu vào”. Cháu cho là “đét” vì “ao-pút, in-pút”. Hấn đi về, dựng Ba hấn cầu nhàu, các anh các chị không biết dậy con. Tội biểu kêu má nó lên xem dùm cái đầu máy. Nó biểu, má đang rửa “he” (hair), không “mu” (move), không “khe” (care). Và dựng Ba sì nẹc vợ chồng hấn:

- Không mu, không khe thì mụ nội ai sanh ra nó.

Tức nước vỡ bờ, một hôm cả nhà đang ăn cơm, con hấn đánh “địt”. Dựng Ba hấn nổi sùng, chỉ vào mặt thằng con hấn:

- Thằng này...

Thằng nhỏ ấp úng:

- Ai địt.

Hấn chưa kịp giải thích thằng con hấn muốn nói: “I did”. Dựng Ba hấn đã la làng:

- Đ.M. thằng này...*thiếu văn hóa!*

Lịch sử là cuộc tái diễn không ngừng: Ngay tối hôm ấy vợ chồng hấn có chiến tranh. Thương thuyết với đình chiến không xong. Đến quá khuya, hấn tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Nửa đêm về sáng, hấn phải giao lưu văn hóa với vợ hấn để hòa đồng hòa giải dân tộc. Chiến tranh chấm dứt. Ngay hôm sau, cả nhà hấn...”quy mã” tức qua Mỹ chuyển bay

sớm nhất để quên chuyện...non nước mình. Ra đến sân bay, thằng con hấn như lũ phản chiến năm nào, nó nhảy cồm lên, mừng rỡ reo hò:

- No more VietNam...No more ViệtNam...

Ở phòng cách ly, gã thấy thằng em vợ ngó hấn. Rồi...ngó lơ. Cái thằng thiệt tình, ngu thì cũng ngu vừa phải thôi chứ!

Trang sử đã khép lại, tôi nghĩ cũng đã hết chuyện, chuyện vừa không có hậu, lại vừa mò người, mỗi mắt nên tiện tay bấm cái nút “power”. Ánh sáng của luồng điện lóe lên một cái xanh lè, rồi cái màn ảnh tắt ngóm cái phụt. Và hấn cũng im re, nín khe.

Chỉ còn mình tôi dựa ghế. Hấn ngồi trên bàn...

Hai đứa nhìn nhau mà chẳng nói, có nói cũng khôn cùng...Trong cái yên ắng của căn phòng, cùng bên bờ hiu quạnh thì hấn là thằng bạn đời không thể thiếu của tôi trong lúc này. Để rồi mai tôi lại mò mẫm gạ gẫm với hấn nữa, nhưng ắt hấn không phải là chuyện...“Giao lưu văn hóa”.

Trúc gia trang

Hạ chí, Ất Dậu 2005

Nửa vách đèn tàn, thị u lâm mặc luận

*Cõi ta riêng một góc vườn
Bóng cây bóng lá chập chờn bóng ai
Bóng chiều đậu xuống bờ vai
Đời còn sót lại một vài bóng quen
(Cung Vĩnh Viễn)*

Chiều sẫm tối lo mặt người, mặt đất đen kịt...

Đến tom tởm khuya, giải đất hoang vất vưởng tiếng cóc nhái gọi đàn ì oạp, ồm ộp...Tiếng dế rủ rê nhau ử ê, âm ỉ...khiến cho khoảng không gian lẫm đẫm thêm u thêm. Theo đất thô trải thông thốc vào vườn cây không hàng rào, cửa nẻo, dẫn tới dưới mái hiên nhà đang le lói đóm đèn. Nhập nhòa dưới bóng trắng, bóng cây, bóng lá ẩn hiện một *bóng người* đang hòm hòm ngồi ở cái bàn thấp lè tè.

Bỗng khi không xuất hiện một cái bóng khác trong bóng đêm, tay cầm gậy trúc khua cua đang đi cùn cụt về hướng căn nhà có bóng người.

Vừa đi cái bóng vừa lâm râm như hát đồng dao:

Bao năm tháng thân chìm vào bóng

Thân về trời bóng vẫn ngồi im

(Hoàng Vũ Thuật)

Thề dưới bóng đèn, rằng bóng người đã ngồi đấy từ lâu lắm rồi thì phải. Từ năm này qua năm khác chờ đợi một hình bóng không hẹn mà đến ở cội u u minh minh, để mong nửa vách đèn tàn, luận cổ suy kim. Thế nên bóng người vừa nghe thấy cái bóng nhắc đến mình rằng *bao năm tháng thân chìm vào bóng*, và cũng vừa nhìn thấy *đời còn sót lại một vài bóng quen* dường như lại quen thuộc và gần gũi thì phải.

Bóng người được thể cất giọng mời gọi như cuộc gọi hồn:

Bóng ơi mời bóng vào nhà

Ngọn đèn khơi tỏ, đôi ta cùng ngồi

Ngồi đây ta nói sự đời

Ta ngồi ta nói, bóng ngồi bóng nghe

(Tản Đà)

Và *cái bóng* ngồi xuống. Nhìn bên cạnh cái đèn hột đồ là sập bản thảo, mặt tròn dấu hỏi. Bóng người hiểu ra và làm như gặp nhau từ kiếp trước, xằng xón vào chuyện:

- Chẳng dấu gì cụ, chả là tôi cứ tức anh ách mỗi khi quan quả đến mấy câu thơ trong bài *Tứ thú* của nhà thơ Quách Tấn này đây, thưa cụ:

Có tiền in sách đẹp
Gặp bạn sẵn thơ hay
Gôi tỉnh hồi chuông sớm
Võng đưa giấc ngủ ngày

Nghe câu...*gặp bạn sẵn thơ hay*, cái bóng lắc đầu quây quây:

- Úi dào, tôi chẳng biết làm thơ. Mà ông làm gì mà như rần ngày vậy.

Đảo mắt qua những con chữ, cái bóng gật gỵa:

- Ông rõ chữ đang túm tó gì đây?

- Thì như cụ đã biết đấy, tôi đang đắp chữ vá câu...

- Chết chữa, ông nói nghe rõ lạ.

- Chả dấu gì cụ, chẻ hoe phơi nắng thì bấy lâu nay trong tủ quần áo có dăm khúc, mười đoạn chữ nghĩa cứ ngắc ngắc cả lên. Nên tôi đang vầy vò thành văn bài bất chúc cụ Tản Đà mang văn lên bán chợ trời đấy thôi, thưa cụ.

Chép miệng cái tách, cái bóng nói đay:

- Hóa ra ông đang làm cái chuyện lai cảo đấy ư. Buồn ngủ gặp chiều manh, nhân ông nhúc nhắc đến câu...*võng đưa giấc ngủ ngày*, nay canh khuya vằng vặc tôi chợt dạ quan hoài đến cụ Hoàng Cầm. Cụ nửa đêm thức giấc nghe bà hàng xóm ư hử câu ca dao *Váy Đình Bảng buông chùng cửa võng* nên mới

bật ra bài thơ *Lá diêu bông*. Vậy chữ “cửa võng” là gì? Xin ông...*gợi tình hồi chuông sớm* cho.

- Cụ cứ quá nhời ấy thôi. Thôi thì tôi cũng đành bấm bụng xin thượng đội hạ đạp là “váy cửa võng” từ váy đùm, váy kếp mà ra. Số là váy cửa võng phần trước váy chùng xuống những mép cong cong như cái cửa võng. Người mặc váy khéo phải thu xếp làm sao phía trước rủ xuống mu bàn chân, phía sau hơi héch lên gót bàn chân.

Cứ theo cụ Hoàng Cầm váy Đình Bảng chỉ làng Đình Bảng mới có. Bắt qua “cửa võng” là tên gọi phần cửa nhìn ra sân đình để quan viên xem lễ hội làng. Cửa võng được khắc, trạm cầu kỳ cong cong nên còn được gọi là y môn, thưa cụ.

Bóng người xăn xăn thêm:

- Thế đấy thưa cụ, làm thơ là làm bóng chữ. Bóng chữ nó để ra nghĩa đen, nghĩa bóng nên chả biết đâu mà lẫn với Hoàng Cầm. Vậy thì xin mạn phép cụ rồi rắm thêm cùng Tản Đà với bài *Thu Phong*...roi rụng:

*Ngọn gió thu phong rụng lá vàng
Lá rơi hàng xóm, lá bay sang
Vàng bay mấy lá năm già nữa
Hờ hững ai xui thiếp phụ chàng*

*Ngọn gió thu phong rụng lá hồng
Lá rơi tường bắc, lá sang đông
Hồng bay mấy lá năm hồ hết*

Thơ thần kìa ai vẫn đứng trông

Thế mà người chủ bút báo bỏ thời đó tại Hà thành cắt bém đi còn bốn câu. Đó là chưa kể những chữ “ngọn gió”, “rụng”, “roi”, bị sửa thành “trận gió”, “rũ”, “bay” như thể dưới đây, thừa cụ:

*Trận gió thu phong rũ lá vàng
Lá bay hàng xóm, lá bay sang
Vàng bay mấy lá năm hồ hết
Hồ hững ai xui thiệp phụ chàng
(Lê? Tràng Kiều)*

Bóng tối trùm bóng đêm...Cái bóng chòm chòm góp chuyện:

- Một công đôi chuyện về cái vông, đụng bát đụng đĩa thập niên 30, 40, với thơ là chữ, chữ là nghĩa như ông đã khéo giải bày. Cứ theo ngụ ý tôi luận về thơ thì chẳng thể không nhắc đến thơ mới qua cụ Phan Khôi. Cụ cắt cái búi tóc củ hành vào cái ngày mừng 10 tháng 3 năm 1932 bằng vào trình làng bài *Tình Già* trên báo Phụ Nữ Tân Văn ở Hà Thành: *Hai mươi bốn năm xưa, một đêm vừa gió lại vừa mưa - Dưới ngọn đèn mờ trong gian nhà nhỏ, hai mái đầu xanh kề nhau than thở*. Thế là cụ bị gọt gong từ đám cụ trào Đường thi, đường mòn. Đồ tú tài Hán học năm 18 tuổi, cụ ung dung tự tại: “Không phải tôi chê các cụ làm thơ sai, nhưng tôi chê các cụ chưa làm thơ đúng theo lẽ lối của người Tàu. Nên nhớ chữ Ta và chữ Tàu sai một ly đi một dặm”.

Cụ Phan lộ mọ qua tích cũ:

“...Một đêm mù trời tối đất, quan nha bắt được tên trộm chuông thì tha, tên trộm vồng thì thả. Giữa công đường quan dậy cứ theo thư kinh có câu “Phu tử chi đạo kỳ *chung* thứ giả”, là đức Phu tử dậy bắt trộm *chuông* hãy tha. Quan huân đạo ngồi bên nghe hãỉ quá thể, bèn ghé tai quan nhỏ to rằng đáng Vạn thể sư biểu nói “Phu tử chi đạo kỳ *trung* thứ giả” và *trung* đây ở chữ trung dung mà ra chứ chẳng thể là...cái chuông.”

Cái bóng nhắc nhớm thêm nữa:

- Bằng vào cái tâm đắc giữa ông và tôi ở cái thời nho mạt này, ba mớ chữ *vô chằng, hữu có, khuyến chó, dương dê...* tôi chả hanh thông cho mấy, hướng chỉ ba thứ ềnh ương, châu chuộc ồm ộp gieo vằn, giáng vận này kia. Nhớ lại các cụ ta xưa thượng thông thiên văn, hạ thức địa lý, trung trí nhân sự này nọ. Rồi thì các cụ thi Hương với Đường luật bát cú, tứ tuyệt, thi Hội với ngũ ngôn, thất ngôn, lằng nhằng đến luật thơ như phá đề, thừa đề, cách cú, gổĩ hạc, thúc dòn, cách cảm. Những thứ ấy tuyệt không có tôi...Nay từ cái chuông của cụ Phan Khôi, tôi mạo muội gổĩ cái chuông của Trương Kế. Nhưng xin thưa với ông rõ chữ rằng ấy là chuyện sau này.

Với chữ *Ta* và chữ *Tàu*, sai một ly đi một dặm tôi lại muốn rề rà đến chuyện thi nhân nước Nam ta câu, véo thi bá, thi hào phương Bắc qua hai chữ

“dữ” và “cộng”. Ấy là tôi muốn sơ sịa với giai thoại Vương Bột qua bài *Đăng Vương các tự*:

“...Chuyện là con của Cao Tông đời Sơ Đường, được cha phong là Đăng Vương, nên xây một cái gác bên bên Tầm Dương để bằng hữu ngâm thơ tác phú. Vương Bột lúc ấy mới 15 hay 16 tuổi đến và ngâm vãn nhả chữ thành danh với hai câu:

Lạc hà dữ cô vụ *tê phi*

Thu thủy cộng trường thiên *nhất sắc*

Vậy mà có người cho là Vương Bột còn dốt nhưng không chỉ dốt ở đâu? Năm 29 tuổi, họ Vương đi thăm cha là Thái Sử ở Giao Chỉ, sau đó bị đắm thuyền chết ở xã Thổ Thành, Nghệ An. Hồn vất vương không siêu thoát nên mỗi lần mưa gió lại hiện lên, nín áo văn nhân sĩ tử qua lại, ai oán ngâm thơ của mình và hỏi dốt ở chỗ nào để xin chỉ giáo. Dân làng lập đàn cúng tế cũng không xong, sau phải nhờ đến Hồ Tôn Thốc.

Nhân lễ Nguyên Tiêu, tiền sĩ họ Hồ nghe được kỳ thoại miếu thần, nên vào miếu thờ Vương Bột để cầu an cho trăm họ. Hồ Tôn Thốc thấp hương khẩn Vương Bột tự *Tử An* rằng: “Cái tên như vụn vào người nên *chết* vẫn chẳng...*yên thân*”.

Và tiếp:

“Vì rằng hai câu ấy chẳng hẳn là sai, nhưng nhà người còn dốt thật, đã bao năm có tiếng là Tử kiệt của Sơ Đường mà chẳng nhận ra điều ấy ư: Vậy thì mỗi câu bớt đi một chữ: “*tê phi*” là *cùng bay* thì không cần chữ “*dữ*” nghĩa là...“*với*”. Câu thứ nhì vì

rằng “nhất sắc” tức *một màu* thì không cần chữ “cộng” là... “cùng” nữa”.

Một công đôi chuyện với...bớt và...thêm. Lại thêm chuyện, nhân ông quan hoài, quan san đến bài *Tứ thú* của Quách Tấn. Thế thì tôi không thể không nhắc đến chuyện *tứ khoái* của Bùi Hữu Nghĩa quê Vĩnh Định, An Giang, đỗ thủ khoa thi Hương tại trường thi Gia Định. Ông nổi tiếng là người hay chữ, một hôm trong lúc nhàn đàm, cầm tập *Đường thi tam bách thủ* đọc lên bài *Nhân gian tứ hỷ* để bình văn luận nghĩa:

Cửu hàn phùng cam vũ
Tha hương ngộ cố tri
Động phòng hoa chúc dạ
Kim bằng quải danh thì

Nghĩa thơ thì một trong tứ khoái của con người là *hạn lâu gặp mưa rào, xa quê gặp bạn cũ, đêm động phòng hoa chúc, thi bằng vàng đề tên*. Mọi người gật gù tấm tắc, nhưng Thủ Khoa Nghĩa cho là chỉ...bình bình thôi. Nếu thêm mỗi câu đầu hai chữ:

Thập niên cửu hàn phùng cam vũ
Thiên lý tha hương ngộ cố tri
Hòa thượng động phòng hoa chúc dạ
Mộc nhơ kim bằng quải danh thì

Thủ Khoa Bùi Hữu Nghĩa dần giải *mười năm* nắng hạn mới gặp mưa rào, *ngàn dặm* xa quê lại gặp bạn cũ, *nhà sư* có được *đêm động phòng hoa chúc*,

và học trò dốt đi thi thấy bảng vàng bia đá đề tên thì chẳng...khoái hơn lắm ru.

Cái bóng dòi dôi với Đường thi, Tống tửu:

- Ấy đây, từ đây mới có câu: *Thời lai, phong tống Đấng vương các*, nôm na là thời tới nhờ gió máy đưa đến để thành danh, chỉ cái may mắn của kẻ gặp vận. Vì vậy chẳng thể không thừa với ông chuyện *Hoàng hạc lâu* thì...có tội với Đường thi, Tống tửu.

Nên tôi đành lầy lắt qua với Thôi Hiệu và Lý Bạch:

“...Kiến trúc này nằm trên mỏm đá Hoàng Hạc ở nam Trường Giang. Chủ nhân họ Tân giao du rộng, nên các văn nhân mặc khách thường lui tới đây uống rượu ngắm cảnh gió nội mây ngàn. Và có một họa sĩ để lại trên tường bức tranh *Vũ hạc*, vẽ hạc múa sóng động...như thật. Thôi Hiệu nghe tiếng, tìm đến đề thơ *Hoàng hạc lâu* trong đó có câu: *Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản – Bạch vân thiên tải không du du*”.

Thơ thần như vậy là nhất với chiều hoa một cỗi, nhưng nghe óc ách làm sao ấy. Và chẳng phải đợi đến Lý Bạch nhắc nhở người sau: *Nhân tiên hữu cảnh đạo bất đắc – Thôi Hiệu đề thi tại thượng đầu*. Ấy vậy mà cụ Tản Đà chỉ cần vẩy mực nhẹ hai câu trên giấy khô mực nê *Cái hạc bay lên vút tận trời*,

trời đất từ nay xa cách mãi. Thế là hạc bay cao, mãi mãi, lại bay đẹp nữa mới thật là tuyệt bút.

Chẳng phải đợi đến cụ Nguyễn Khắc Hiếu sau này, năm năm thấy vậy, theo chân Thôi Hiệu, một ngày Lý Bạch nhón nhén tới uống rượu ngắm hoa và bon chen hai câu: *Hoàng Hạc Lâu trung xuy ngọc dịch - Giang thành ngũ nguyệt lạc mai hoa...* Xin thưa với ông rằng thi hào, thi bá Trung Hoa có gặt gya hạc vàng, hạc trắng gì gì đi chăng nữa thì câu: *Giang thành ngũ nguyệt lạc mai hoa* tức “Trường giang tháng năm mai rụng...”. Với tôi, quanh quẩn nơi xó vườn, bới bèo tìm bọ đoán chừng rằng Lý Bạch ực rượu, ngắt ngư làm thơ ngắm...mai hoang, mai dại đầy thôi.

Bỗng khi không, bóng người lừng xừng với cái bóng:

- Cũng như cụ, trước nay tôi nào phải là thơ gia, kẻ kể chuyện thơ thần thì trúc trắc, chẳng đâu vào đâu. Vậy mà tôi vất cổ chày ra nước mới sống sót được bài lai cáo này đây. Nói đại chứ cứ nhóp nhép như bò nhai lại ấy mà. Chẳng qua là gọt chữ vót bút dối già đầy thôi, thưa cụ.

Cái bóng im im như thóc ngâm một hồi, rồi nèo neo:

- Vẽ, làm gì mà nần nần lên vậy, như Đỗ Phủ đã dậy: *Văn chương thiên cổ sự - Thất đắc thốn tâm tri*, diễn nôm là văn chương tự muôn thuở, hay dở chỉ

lòng mình mới biết. Ông đừng có dụt, đừng dối giảng dối cuội gì sất.

Rồi cái bóng ư hử:

Tuổi già bóng trẻ mãi

Người mất bóng chẳng già

(Hoàng Vũ Thuật)

Bóng người lắm nhảm một mình, cũng học đòi nho phong, nho gia như cái bóng: *Đồng thị thiên nhai luân lạc nhân – Tương phùng hà tất tăng tương thức*”, và chắc hẳn hiểu là cùng một lứa bên trời lận đận, gặp gỡ nhau lạ đã quen nhau. Nay nhân giải cầu vồng niên, cửu trùng tri ngộ, nhờ túc duyên gặp gỡ mà cụ lại chả nệ tuổi tác. Nên bóng người bất giác mặt mày mừng vui:

- Cụ dậy sao tôi chắc bụng vậy, mà giò ả, cụ mấn chữ gớm. Mà sách vở để lâu chỉ tổ cho mỗi một nó soi, để rồi nhai văn nhá chữ buồn ta với mấy cái giai thoại cũ rích như lợn ăn cám hấp, lập thân tôi tiểu thị văn chương, ai mà đại, thừa cụ.

Cái bóng như không nghe, nhìn cái bóng đèn mù u và u ơ:

“Nhân nửa khuya đèn mờ, từ cái chuông của cụ Phan Khôi, tôi muốn gõ trống qua cửa nhà sấm qua...cái chuông của Trương Kế như trên tôi đã thừa với ông.

Rõ ra văn học Trung Hoa quả tình kỳ bí với *Vân phi sơn thủy vô kỳ khí – Nhân bất phong sương vị*

lão tài. Phải chăng những tài danh vua biết mặt chúa biết tên đều bị mang xuống thuyền nổi trôi để Lý Bạch lẫn tòm xuống sông. Để tôi có dịp tuế tóa với Trương Kế lênh bênh trên sóng nước, vất vả với thơ phú chẳng phải là ít.

Chuyện là tại tỉnh Hồ Bắc, Trương Kế làm quan đời Đường Huyền Tông đang ngồi trong thuyền cảm sào, *sầu miên* gần thâu đêm, buồn tình ừn tắc được hai câu đầu...Rồi tịt mít. May nhờ có túc duyên với vị sư già và chú tiểu, nghe được tiếng chuông của nhà Phật nên tỉnh thức mới làm được hai câu tiếp cho bài *Phong Kiều Dạ Bạc*. Chuyện ừn tắc là ngay từ hai câu “mở, thực” đã bị vui đập với tình riêng nổi cảnh, nổi khách băng khuâng như *chu hành ngộ vũ* tức đi thuyền gặp mưa, qua sông thấy nước. Cứ theo kỳ tích thì khách Trương Kế đang neo thuyền tại bến sông, thấy trăng sao chập chờn, trên bờ lại điểm những đóm lửa của dân chài sau rặng phong lập lòe như ma trơi, nên...sợ quá đổi, cứ thao thức mãi. Bỗng nghe có tiếng *quạ kêu*, bèn lóp ngóp bò dậy bóp cổ...con quạ nặn ra được hai câu cô phong:

Nguyệt lạc *ô đề* sương mãn thiên

Giang phong ngư hỏa đối *sầu miên*

Thế nhưng người sau hiệu đính cái khổ nạn của Trương Kế là *Ô Đề* là tên thôn xóm chứ không phải là tiếng ...*quạ kêu*. Còn *Sầu Miên* là tên cũ của núi Tô Châu chứ chẳng phải...*giấc ngủ buồn*. Thêm nữa, khổ một nỗi là mấy ông thất bím lại thích đeo

bồng để vẽ vời thêm với...một chuông hai mõ. Để trong văn học Trung Hoa vừa có một nhà tu lớn, vừa có một nhà thơ lớn. Nên khoác cho vị sư già vừa là Phật gia, vừa là thi nhân. Chữ nghĩa bóp méo vo tròn cách mấy ai chả biết, vị sư già nói kệ thì hay chứ làm thơ ắt hẳn là chẳng...hay ho gì cho lắm đâu. Lại nữa, các vị thiền giả tự thuở ấy ai lại lấy tên mình đặt cho thiền viện là...*Hàn San*. Người sau cục kịch...mượn hoa cúng Phật, ai lại mượn thơ người khác nói về công quả thiền học của mình. Tội chết.

Và chuyện lịu điu, lớt đót là:

Canh khuya vắng vặc, sư thầy Hàn San với chú tiểu Thập Đắc đang bần bật bách bộ ngoài sân, thấy trăng thượng huyền lười liềm lung linh mờ ảo. Thầy bèn thở ra hai câu *Sơ tam sơ tứ nguyệt mộng lung – Bán tự ngân câu bán tự cung* rồi thôi. Ngay lúc ấy chú tiểu mang thau ra lấy nước ở hồ, thấy ánh trăng lung linh trên mặt thau như *Nửa in dưới nước, nửa cài trên không* (thơ Cao Tiêu), bèn xin dâng thầy cúng Phật hai câu kết: *Nhất phiến ngọc hồ phân lưỡng đoạn - Bán trầm thủy để bán phù không*.

Thật tình mà nói, lời truyền tụng quá đà sai lạc, vì rằng kệ chẳng ra kệ, thơ chẳng hoàn thơ để người đọc thấp thỏm. Mà thấp thỏm hơn ai hết là khách Trương Kế lúc này đang ngồi bó gối trong khoang thuyền, đang bí rì chưa nhả được hai câu sau. Tiếp đến hai thầy trò thấy ý từ ăn khớp như tiên thiên và mần tiệp hiếm có, nên bèn hoan hỉ áo nâu sòng vái

nhau. Sư thầy, bắt kể nửa đêm, bằng cách sai chú tiểu lên lầu đánh ba tiếng đại hồng chung phá tan cái tĩnh lặng của thiền quán, vang vọng tứ phương tám hướng....Thế nhưng chẳng lẽ nhà chùa làm thơ lại có những giây phút hí lộng tham sân si như thế chẳng? Há lại có lý ấy sao?.

Bỗng có tiếng chuông vô thức, vô duyên vào lúc nửa đêm về sáng khua rộn rã như báo động võ đề, khách Trương Kế nghe thấy cũng động tình, động não thêm hai câu “luận, kết”: *Cô Tô thành ngoại Hàn San tự - Dạ bán chung thanh đảo khách thuyền* vang vọng cả nghìn năm sau.

Đề chẳng quên cái vạ của Âu Dương Tu:

Số là thi họa Trung Hoa có một đặc thù không diễn đạt đến toàn bích, toàn mỹ. Dường như họ có tình để lại những khiếm khuyết để người sau làm ngụ sử văn đàn. Người xưa giấy má còn thô thiển, viết sử còn phải chẻ tre ra mà ghi lại hướng chỉ thơ phú, chữ nghĩa phải xúc tích ngắn gọn, viết ít hiểu nhiều. Vì quá xúc tích nên nhiều người lờ quờ. Trong đó có Dương Tu đời Tống ý ngông mà nói ngông với câu: *Dạ bán chung thanh* và cho rằng Trương Kế tham những câu hay mà lý thì không thông. Vì hay thì có hay đấy, nhưng giữa đêm khuya khoắt không phải lúc nhà chùa khua chuông gõ mõ trên *núi Hàn San*. Nhưng Dương Tu không đến tận nơi để biết đất Tô Châu có lệ đánh chuông nửa đêm gọi là...“vô thường chung”.

Chùa ở đất Phong Kiều, trước kia chùa có tên là *Phổ Minh*. Sau khi Trương Kế mất mới được đổi tên như ở trên, mắc mớ gì thưở ấy Trương Kế lại đợi gọi là...*Hàn San tự*?!

Chẳng như Lý Bạch, Thôi Hiệu đến tận Hoàng hạc lầu để ngắm cảnh, ngắm tranh để thi trung hữu họa. Vì vậy theo thiên ý tôi thì Trương Kế ngồi nhà tỉ tê làm thơ chứ chẳng phải nằm chèo queo ở dưới thuyền ngâm nga thi phú theo truyền thuyết.

Lại nữa, thêm cái khổ nạn cho cụ Tản Đà sau này, *Phong Kiều Dạ Bạc* được cụ diễn tác:

Trăng tà *tiếng* quạ kêu sương
Lửa chài cây bến còn vương giấc hồ
Thuyền ai đậu bến Cô Tô
Nửa đêm nghe *tiếng* chuông chùa Hàn San

Ấy vậy mà theo ngâm sĩ Hồ Điệp: Trăng tà *chiếc* quạ kêu sương mới đúng theo nguyên tác của cụ Tản Đà mà bà có trong tay. Rõ ra “*chiếc*” mới gọi lên ý thê lương của con chim lạc bầy trong đêm vắng cùng người lữ khách mất ngủ ở dưới đèn. Đồng thời tránh lặp lại hai chữ: “*tiếng* quạ” và “*tiếng* chuông”.

Ngồi đồng nghe chuyện sóng nước, bóng người
bập bênh:

- Che đóm ăn tàn với thi trung hữu họa, với tiếng quạ, tiếng chuông của cụ vừa rồi. Thời nhà Nguyễn, cụ Dương Khuê phóng bút bài *Trăng nước Hồ Tây* có câu: *Phát phơ ngọn trúc trắng tà, tiếng chuông Trấn Võ, canh gà Thọ Xương* cũng có tiếng chuông, tiếng gà. Thế kỷ 16, chúa Tiên Nguyễn Hoàng xuôi nam vào Thừa Thiên, xây chùa. Gần đây có câu được coi là ca dao xứ Huế: *“Gió đưa cành trúc la đà - Tiếng chuông Thiên Mụ canh gà Thọ Xương...”* Xao xác là thôn Vĩ Dạ có làng Thọ Xương phía tây chùa Thiên Mụ khoảng mười cây số đường chim bay, làm sao nghe được tiếng gà gáy te te. Đúng ra phải là *tiếng chuông Thiên Mụ canh gà Thọ Xương*. Vì theo Đại Nam Thống Nhất Chí, đình gò Long Thọ ở xã Nguyệt Biểu phía nam sông Hương đối diện ngay với chùa Thiên Mụ được vua Gia Long đổi tên là...*Thọ Xương* từ đời tám hoánh nào rồi, thừa cụ.

Bóng người teo tóp qua ngọn đèn leo lét...

- Cùng thời nhà Nguyễn, thêm bài ca dao khác nữa:

Khi biết Đào Duy Từ lên vào Nam, Trịnh Tráng cho người mang lễ vật đến tặng Đào Duy Từ để chiêu dụ. Theo giai thoại nhà chúa *“làm”* câu ca dao nhắn gửi *nụ tầm xuân nở ra canh biếc, em có chồng anh tiếc lắm thay*. Tiếp đến là *bây giờ em đã có chồng, như chim vào lồng, như cá cắn câu* mà các nhà biên khảo, biên chép đồ vấy cho họ Đào. Nhưng

tầm chương trích cú thi Đào Duy Từ mượn tích đời Đường với Trường Tịch và Lý Sư Đạo cùng một hoàn cảnh, tâm trạng giống mình để thoát thác. Chuyện là Trương Tịch làm bài thơ *Tiết phụ ngâm* trả lời Lý Sư Đạo có câu đầu: *Quân tri thiếp hữu phu* (em có chồng, chàng đã biết) và câu chót là: *Hận bất tương phùng vị giả thi* (phải chi gặp gỡ lúc chưa chồng). Theo tôi bài *Nụ tầm xuân* chả phải như giai thoại nay đang đồn đãi, thừa cụt.

Trời đã vào khuya, cái bóng khật khừ:

- Cũng theo ngụ ý tôi thì ông nên ngừng bài lai cáo ở khúc này thì hơn. Miệng thể gian nhiều sự lắm, chẳng biết đâu mà lần, ông rõ chứ ạ...Đào, ngay như hai câu *gió đưa cành trúc la đà, tiếng chuông Thiên Mụ canh gà Thọ Xương...*, tôi ngờ cũng chẳng phải là...ca dao xứ Huế nữa là! Là vì của ai đó? Nhưng chả dám vạ miệng...

Bóng người miệng tắt ứ:

- Tôi cũng nghĩ như cụt. Nay tôi đang bí ngô, bí khoai cho cái đoạn kết của bài lai cáo này đây, thỉnh ý cụt *như thị ngã văn* cho thì quý hóa lắm thay.

Nghe xong, cái bóng âm ừ:

Chữ nghĩa của người này
Là cái bóng của người kia
(*Hoàng Vũ Thuật*)

Và cái bóng mặt tỉnh rụi, miên man tiếp:

- Như thị ngã văn cho lắm cũng như kịch bản vá víu tiếng hồng chung bát nhả của sư thầy, sư trò đề bài thơ Trương Kế thêm phần huyền hoặc. Huyền hoặc hơn nữa là ông với tôi hãy trở lại bài thơ *Hà Nội tức cảnh* của cụ Dương Khuê:

Phát phơ ngọn trúc trắng tà
 Tiếng chuông Trấn Võ, canh gà Thọ Xương
 Mịt mù khói sóng ngàn sương
 Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ

Có thể vì cảm giao, cảm hoài nào đó, cụ Dương Khuê đã cảm hứng, cảm tác từ bài *Phong Kiều Dạ Bạc* của Trương Kế:

Nguyệt lạc, ô đề, sương mãn thiên
 Giang phong ngư hỏa đối sầu miên
 Cô Tô thành ngoại Hàn San tự
 Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền

Cả hai bài thơ tức cảnh sông hồ, một phương Bắc đời Đường Huyền Tông, một phương Nam đời Vua Tự Đức. Rõ ra một Tàu, một Ta, vô hình chung cùng âm hưởng, âm điệu, đôi cảnh đối chữ như: *trắng tà* với *nguyệt lạc*, *canh gà* qua *ô đề*, *chung thanh* đến *tiếng chuông*. Âm hưởng, âm điệu thì *giang phong ngư hỏa* đối với *mịt mù khói sóng*. Về tác động địa danh thì: *Cô Tô* - *Thọ Xương* tới *Hàn San* - *Trấn Võ* là như thế, rằng như vậy, tôn ý ông rõ chữ thấy sao?

Bóng người chả...thấy gì sất, vì đang dậu đỏ bìm leo với Vua *Tự Đức* ở trên vừa nhảy bỏ vào đầu. Cái đầu củ chuối cũng đang lất phất qua câu thơ *đập cổ kính ra tìm lấy bóng, xếp tàn y lại để dành hơi*. Cứ theo bóng người thì:

Bài thơ *Khóc Thị Bằng* đây không phải là thơ *Tự Đức* mà là thơ Nguyễn Gia Thiều. Cụ Ngô Tất Tố đã chứng minh điều này từ năm 1918 trên báo *Nam Phong* trong mục *Nam âm thi thoại*, trong cuốn *Thi văn bình chú, Lê Mạc Tây Sơn*. Ngoài ra, Trần Danh Án (1754-1794) có dịch bài thơ nôm của Nguyễn Gia Thiều khóc người ái thiếp tên *Bằng Cơ* ra chữ Hán với hai câu:

Phá toái lăng hoa tầm cự ảnh
Tùng phong khâm thử hộ dư hương

Sở dĩ có sự gán ghép này vì *Tự Đức* hay ưa sửa thơ thiên hạ, khi nhuận sắc có sửa hai chữ *mảnh gương* thành *cổ kính* và *manh áo* thành *tàn y*, rồi xếp vào tàng kinh các của mình. Thế nên Dương Quảng Hàm mới nhầm ra thơ *Tự Đức*, rồi người sau cứ truyền tụng như thế. Ngoài Ngô Tất Tố, các chuyên gia thơ cung đình triều Nguyễn, như Phan Văn Dật, Bửu Cầm đều nói không phải của vua. Vì trong thư khó, không tìm thấy vết tích gì bài thơ trên và tên họ bà phi nào tương tợ ngoài một bà Hoàng quý phi, hai bà phi, và 103 cung tần nhưng chẳng có ai tên *Thị Bằng*.

Sinh thời, học giả Hoàng Xuân Hãn cũng nói vậy. Nhưng bóng người chẳng dám hở môi vì ngại há miệng mắc quai là sở cuồng, ngộ chữ như...cái bóng. Nên thôi...

Nửa vách đèn tàn, náo thị u lâm mạc luận đã lâu, bóng người thấy toàn nói chuyện vờn trăng trên nước, mò kim dưới đèn như ông Trích Tiên. Nhưng nghĩ cho cùng có bột mới gột lên hồ, cũng nhờ cái bóng với Đường thi, bài lai cảo mới có “mở, thực”.

Đang định bày tỏ khí vị thì cái bóng đã khai thông, khai ngộ dùm phần “luận, kết”:

Khi hai người gặp nhau
Họ chỉ còn một bóng
(*Hoàng Vũ Thuật*)

Đâu đó bóng trăng bị đuổi ra khỏi vòm cây ngoài vườn, mái hiên bìa nhà. Nhưng còn hắt lại hai cái bóng hòm hòm vắt bóng trải dài trên mặt đất. Bỗng nhiên cái đèn hột đồ phụt tắt. Trong canh khuya đèn tàn tối như hủ nút. Bóng người ngó ra trong bóng đêm là mình vừa nói chuyện với...cái bóng của chính mình.

Thạch trúc gia trang
Thu phân, Tân Mão 2011

Tôi đi tìm nó

Đang đi tìm một cồi văn chương trong kho chữ thì gặp bác. Bác đúng là một sách, một chữ để thành bạn gối đầu lên chữ nghĩa của tôi và để có chuyện lập thân tôi tiêu thị văn chương dưới đây. Chuyện là bấy lâu nay, tôi năm năm nghĩ làm như định mệnh an bài cho mỗi người gắn liền với mỗi vật để có chung một dòng sinh mệnh. Vậy mà đã gần nửa đời người tôi đi tìm nó, năm mươi năm thì ngắn, nhưng nếu nghĩ đến nửa thế kỷ thì lại quá dài. Nó vẫn có đấy, còn đấy và bám cứng theo tôi không rời.

Bác một sách vừa bò ra khỏi trang giấy lỗ mỗ lơ lơ hỏi “nó” là cái giống gì mà giống đuổi mỗi bắt bóng vậy? Chả đâu gì bác, lúc này tôi có một chuyện khác. Trong đom đóm ngoài bó đuốc là đi tìm...chữ để viết về một vật. Nó dường như cũng có chung một dòng sinh mệnh với tôi, mà tôi vừa mạo muội thưa gửi với bác ở trên. Khi không bác cũng

ông Anton Chekhov vào chuyện xóng xả: “Khi viết, bạn phải tìm cách vượt thoát phần *vào chuyện* và *hết chuyện* vì nó làm mất nhiều thì giờ nhất cho người viết”. Dạ, hiểu rồi bác! Phần “*hết chuyện*”, nói cho ngay tôi đang quá mù sa mưa!

Còn phần “*vào chuyện*” thì có ngay đây...thưa bác!

“...Như hôm nay chẳng hạn, đang nằm bẹp dí bên khay bàn đèn thuốc phiện, ông nghe vanh vách, không sót một tiếng...Khác với mọi ngày, lúc này ông đang vật vờ về một thời hoàng kim cùng ngẫm chuyện nhân sinh. Nào là sống ở trên đời chẳng được mấy. Không ăn chơi cũng thiệt, chẳng ăn cũng thiệt vào thân, không chơi cũng già khú đế. Và ông tặc lưỡi tách một cái. Mà đã ngập vào nơi chốn ấy, tương giao tri kỷ không ngoài khi buồn thuốc phiện, lúc vui cô đầu đến...nhức đầu. Đêm hồi hôm, ông ngủ cho béo mắt. Sáng nay dậy muộn. Ông nằm khểnh trên phản nghe bà hàng xóm *chửi mát gà*, quên tiết đi mất là từ sáng đến giờ chưa làm ngao nào cho ra hồn. Tiện tay quơ cái dục tẩu. Ông phồng má lấy hơi thổi phù phù vào cái dục tẩu cho thông hơi thông điều. Chậm rãi hơi cái nõ qua ngọn đèn dầu lạc cho vừa đủ nóng. Nhét bi thuốc phiện lấy ra từ cái hộp dẹt tròn có dấu in hình nổi “Bà Đầm Xòe” có cái tit “Công Quán Nha Phiến Đông Dương” mà ông cậy cục mua ở phố Khâm Thiên, ngõ Yên Thái tận Hà Nội.



Ông thông thả khẽ nhẩn nhẩn chất dẻo vừa đủ chặt sau đó nhẹ nhàng châm lửa. Trong cái vắng tanh vắng ngắt của gian phòng ảm thấp, gần như ông nghe được cả tiếng xèo xèo của chất nhựa quánh gặp nóng kêu riu riu. Trong cái giây lát yên ắng chờ đợi sắp gặp gỡ ả phù dung, ông thót bụng lấy hơi từ lục phủ ngũ tạng. Đưa cái đít dọc tẩu ngang cửa miệng, thông qua cái yết hầu nhấp nhô lồi lõm. Ông hít vào một chập thật lâm ly quy phượng như lỗ cả bộ điều ra. Tiếng điều kêu ròn tan, mùi thơm ngào ngạt tỏa khắp nhà. Ông lơ đãng nhả khói từng ngụm nhỏ giữa gian phòng thênh thang, không một bóng người. Trừ con thạch sùng đang chờ dẫn trên vách tường, bỗng khi không nó buồn tình tặc lưỡi một tiếng “tách”, thì ra nó đang đợi hít hít chút hơi hám cơm thừa canh cặn của ông. Ông hãm khói từng ngụm thuốc từ nãy giờ. Giờ mới nhả ra những mảng khói xanh nhạt

nhỏ, từng đợt, từng sợi mỏng tang như hương tàn khói lạnh...”.

Đầu trở xuống cuống trở lên, chữ nghĩa tôi là một thứ trái muộn, nó ương ương vào cuối mùa, bác thấy sao? Bác tặc lưỡi “tách” một cái như con thạch sùng và rằng: “Văn hay chả luận đọc dài, vừa mở đầu bài đã biết văn hay” (*ca dao*). Ấy! Lạy thánh mớ bái, bác cứ nói thế, bạn đọc chửi cho thôi óc. Nói cho đúng ra, tôi năng nhặt chặt bị chữ nghĩa của người trăm năm cũ, để *chẳng hay ho cũng húng hắng được một vài*...câu về ông ngoại tôi. Nào có khác gì bác vừa vay mượn ca trù, đồng dao để hú họa tôi vừa rồi. Hay như ông Khổng Khâu với thuật nhi bất tác, nôm na là chỉ thuật lại chứ chẳng sáng tác chi. Ngắn gọn là tôi chỉ ăn đong chữ nghĩa của người khác để...sáng tạo thế thôi.

Hớ! Bác ngùng ngoằng là: “Cái bệnh của những học giả, nói theo Nietzsche, là không viết được gì nếu không dựa trên trích dẫn của người khác. Chứ chả sáng tạo quái gì”. Bác lăm lăm thêm: “Sáng tạo của viết lách là sự nấu nướng những gì có sẵn thành món ăn mới. Còn viết chữ ư? Là bày biện món ăn với nhiều gia vị. Một phong hóa văn chương, dàn dựng nhân sinh vào mâm cỗ ngôn ngữ đầy thôi”. Thôi thì bác nhiều chữ, bác bảo sao tôi nghe vậy. Vì chữ Tây chữ u tôi rù rà rù rờ, ngay cả ông Anton Chekhov tôi cũng lồm ngồm nữa là! Huống chi cụ Nietzsche! Chạy trời không khỏi nắng với nhập thể

tục bất khả vô văn tự, thì nó nằng không ưa mưa không chịu là thế đấy.

Ngày...tháng...năm...

Bài viết về ông ngoại tôi với cái bàn đèn qua truyện ngắn “Chửi mất gà” thì tôi đã viết xong từ lâu. Mà cái tật viết chữ để tiêu hóa thời gian để dính vào cái khổ nạn tiêu pha chữ nghĩa làm tôi chống chéng chung chiêng. Vì rằng một ngày đụng vào ông làm văn Tô Văn, gốc Bắc, trước 75 ông nổi tiếng là ăn thịt chó, uống rượu, hút thuốc phiện và lè mề rằng: “Hề ghét thằng nào thì xúi nó làm văn và hút thuốc phiện. Hề nó dính vào nghề văn, hút thuốc phiện là *nghiệp* rồi. Chả bao giờ khá được, khổ như chó ấy”.

Thế là cái thằng tôi ...dính! Nhưng ấy là chuyện sau!

Nay tôi đang đi...tìm chữ về ả phù dung để có bài viết khác thì lại bí chữ. Bác liu diu là cứ theo ông đồ nát chữ Ngộ Không nào đó thì phù là nổi lên mặt nước, còn có nghĩa khác là hư không. Phù dung là một loại cây sống trong nước. Phù du là tiếng Hán, tiếng Nôm là con vờ vờ. Một thứ côn trùng ban ngày bay ở trên mặt nước, tối hay bay ở gần bóng đèn và...chết sớm. Phù dung và phù du chỉ đời sống ngắn ngủi, vô thường. Đầu óc tôi đang rối tinh vì hút thuốc phiện chả dây mơ rễ má gì đến cây phù dung, con vờ vờ phù du với hư không, vô thường với...ả phù dung. Thì bác đã lấy lửa thử vàng, đã giựt giọc

“hỏi thử” tôi vậy chứ cụ vua nào đầu tiên hút thuốc phiện trong sử thi ta?

Hơ! Câu hỏi này khó nhai đây! Thôi thì tôi cũng đành vật vờ theo con vờ vờ là:

Thế kỷ 19, người Anh, Pháp mang thuốc phiện từ Ấn Độ vào Tàu gây ra *Chiến tranh nha phiến*. Đồng thời người Pháp mang thuốc phiện vào nước ta để cụ vua đầu tiên nhì nhằng đến á phiện là Hoàng Tôn Tuyên Hoàng đế Khải Định.

Hoàng Tôn Tuyên Hoàng đế ngoài là cụ vua mê hát bội, cải lương và ngay cả đào hát nữa. Ngay chính cụ vua múa bút tự trào với khẩu khí chả biền ngẫu tí nào, thưa bác:

- *Xuân xanh tuổi ngoài đôi chục, chơi đực trần ai, khi bài khi bạc, khi tài bàn vác, khi tổ tôm quanh, khi năm canh ngồi nhà hát, khi gác cổ ả đào, khi ghẽ tàu con đĩ xác, khi nằm rạp thuốc phiện tiêm, hoang ra dáng, rạng ra rồng, ngông ra phết, cóc biết chi tôi, miêng én đưa mùi gió thoảng.*

Ngày...tháng...năm...

Ngỡ xong cái nợ đồng lần, bác lại tha ma mộ địa với văn học, ai là người hút xách đầu tiên. Nhiều sự này trong sách vở tam sao thất bản cũng có đấy, nhưng còn tồn nghi. Vì rằng đầu thế kỷ 20 cụ Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu có bài thơ *Đi đông thóc*:

Trời mưa, sấn ống cao quần

Hỏi cô bán thuốc trời gần hay xa

Thân anh đã *xác như vờ*

Đồng cân xin chị cho già chó non

Tôi chỉ nghe hơi nôi chỗ thế thôi, vì chưa ai viết cụ Tản Đà hút thuốc phiện. Ngay cả giai thoại, nhưng đó là chuyện cụ vào Sài Gòn trước năm 54...nấu phở. Nhưng tôi chịu đèn...dầu lạc ở cụm chữ “xác như vờ” để tạm hiểu thế nào là con vờ vờ xác như vờ với ả phù dung hư không với vô thường. Nhưng trăm sự nhờ bác hỏi han, tôi mới thông nỗi điều ra là nên bắt đầu chuyện bàn đèn từ đâu từ đâu. Rõ ra từ cụ Phan Khôi...

Ngày...tháng...năm...

Mạn phép bác chứ, chứ tôi dùng chữ “rõ ra” vì bác ăn chữ mẽ bát thiên hạ, bác biết thừa bữa khoảng thời gian này thuốc phiện được người Pháp điều hành việc phân phối. Tiệm thuốc phiện thời ấy có một bộ mặt rất Tây: Trước cửa không treo bảng hiệu mà chỉ gắn một bảng trắng kẻ hai chữ RO (Régie Opium) tức là Công quản thuốc phiện. Mùi thuốc phiện nướng thơm phức như thúc giục khách bước nhanh vào. Các bộ ván gỗ bóng loáng với những chiếc gối sành mát lạnh như mời khách ngã lưng.

Trong *Người Bình Xuyên* tác giả Nguyên Hùng đã miêu tả:

“...Hai Vĩnh cúi xuống tấm cửa nhỏ tí ti, vừa đủ thò bàn tay vào trao tiền và nhận thuốc phiện rót trong vỏ sò. Xong anh đi thẳng vô trong, chọn chỗ

nằm ưng ý. Anh cởi áo sơ mi mắc lên móc, cởi giày rồi nằm xuống ván, kê đầu trên gối sành. Trong buồng, một lão ốm tong teo lui cui rót vài giọt đen sệt vào vỏ sò. Một a xẩm mang vỏ sò “vàng đen” ấy đến tận nơi Hai Vĩnh nằm. Anh ra dấu bảo a xẩm làm thuốc cho mình.

Với ngón tay điêu luyện, ả hơ các giọt đen sệt ấy trên ngọn đèn dầu lạc. Hai Vĩnh rít một hơi. Khói thơm phả ra cuộn cuộn. Anh có cảm tưởng như thoát trần, thân xác nhẹ nhàng như bay bổng trên mây. Làm đủ một cặp, thấm thuốc anh nằm đê mê, nửa say nửa tỉnh. Bao nhiêu ưu phiền, nghèo túng, đều bay theo làn khói về chốn hư vô..”.

Ngày...tháng...năm...

Trăm sự ở một nhà văn hóa cổ đại, hiểu theo nghĩa ông là người làm văn chương đã lâu năm, tuổi tác đã khộm và cũ kỹ lắm rồi. Ông cảm khái khi đi kháng chiến:

“...Khói lửa bùng lên khắp nơi. Tôi tạm rời về miền duyên hải. Ngày dài đằng đẵng, một hôm, tôi nhận được từ Thái Nguyên gửi về cái phong bì ngoài đề: Vũ Hoàng Chương, Nam Định.

Bên trong vền vẹn một bài luật thi với chữ ký: Phan Khôi.

Ngừng tim lặng óc bật giòng tình
Tai mắt như không phải của mình
Thấy dưới ánh trắng muôn khúc nhạc
Nghe trong tiếng ếch một màu xanh

Suối tiên đắm đuối bao cho chán
Khởi mộng vờn mơn mãi chả thành
Thứ ấy từ lâu không có nữa
Ngủ say thức tỉnh dậy buồn tênh.

Theo tôi, thơ cũng không xuất sắc gì cho lắm, nó được nhiều người biết vì nó là thơ ông Phan Khôi. Bài thơ được lưu hành có một chữ khác với bài thơ VH Chương nói là ông Phan Khôi gửi riêng cho tôi. Bài thơ theo VHC: “*Thứ* ấy từ lâu không có nữa...”

Bài thơ của Phan Khôi nhiều người có thì lại là: “*Thứ* ấy từ lâu không có nữa...”.

“Thứ” và “thứ” chỉ khác nhau tí sítu nhưng ý nghĩa khác nhau xa. Có người bình loạn bài thơ trên nói rằng cái “thứ ấy” trong thơ Phan Khôi là cái thứ “nằm với đàn bà”, nhà thơ than lâu rồi ông không có cái thứ dâm đàn bà nữa. Tôi không nghĩ ông Phan Khôi lại than như thế, tôi nghĩ tiếng đó phải là “thứ“, không phải là “thứ“, nhưng cái “thứ” của nhà thơ Phan Khôi không phải là cái thứ hành dâm với đàn bà. Ông Phan Khôi đơng thóc. Thi bá VH Chương cũng đơng thóc. Khi hai đệ tử của Cô Ba gặp nhau việc phải xảy ra là họ đưa nhau về đến bàn đèn. Ông Phan Khôi về Nam Định với ông Vũ Hoàng Chương. Cái Gác Ống dài như cái ống, tôi như hũ nút. Trong cái tiệm hút đó ông VH Chương và ông Phan Khôi đã nói chuyện với nhau hai ngày tròn với hai đêm trắng.

Trong bài thơ của ông Tú Khôi, cái “thú” ấy không phải là cái thú chơi đàn bà mà là thú đi mây, về gió, thú hít tô phê, thú phi yến thu lâm. Từ ngày lên Việt Bắc ông Tú Khôi không còn cái thú hít tô phê nữa. Rất có thể bài thơ ấy được ông Tú Khôi làm để gửi riêng cho Thi sĩ Vũ Hoàng Chương. Ông VH Chương đã không viết đúng sự thực, ông đã không viết ông Phan Khôi than với ông là lâu rồi ông không còn cái thú hít tô phê, ông VH Chương sửa thơ ông Phan Khôi từ “thú” ra “thứ”. Tôi thấy Thi bá VH Chương không lương thiện nếu quả thật ông sửa thơ ông Phan Khôi. Riêng tôi, tôi nghĩ rằng Thi bá đã sửa lời thơ ấy từ “thú” ra “thứ”.

Tôi không tin trăm phần trăm ở việc “nói có sách, mách có chứng..” Sách có nhiều sách sai be, sai bét, còn chứng thì rất nhiều khi toàn là chứng lão khoét...”.

Ngày...tháng...năm...

Nghe thủng chuyện người làm văn chương khom khú để, bác chả mấy vui. Bác ngầy ngật: “Qua mâm cỗ văn chương như trên thì phải chấp nhận cái sống sượng của người xào nấu chữ nghĩa. Người đọc văn phải ngậm đắng nuốt cay mà nuốt tiếp cái phong hóa văn chương này”. Trộm ý bác, tôi cắc ca cắc củm với truyện ngắn *Ông Năm chuột* của cụ Phan Khôi rằng không có lửa sao có khói: Ngồi buồn đốt

một nhúm rom - Khói lên nghi ngút chẳng thơm tí nào - Khói lên đến tận thiên tào - Ngọc hoàng phán hỏi đũa nào đốt rom.

Còn “đũa nào đốt rom chẳng thơm tí nào” nằm tít ở khúc sau.

Với truyện viết của cụ Phan Khôi gặp một người cùng làng tên Năm Chuột. Ông này làm nghề thợ bạc mà cụ không quen biết nhiều lắm ngoài cái tên:

“...Người ấy lúc vào đến cửa, hai tay cắp cái nón lá ngang ngực cúi chào cậu tôi, khi bỏ cái nón lá ra, mới thấy trong tay còn cầm một cái nữa mà sau này tôi mới biết đó là cái dọc tẩu. Nó là cái ống tròn mà dài, thấy thoáng như có khảm xà cừ và bịt bạc, bịt vàng gì đó. Tôi đã cáo về rồi, không ngờ ra khỏi cổng một chặng, nghe có người chạy theo đằng sau gọi tôi đứng lại, thì ra là người thấy lúc nãy. Anh ta tự giới thiệu:

- Tôi là Năm Chuột đây.

Anh ta có đưa cái dọc tẩu ra, và đột ngột nói với tôi:

- Ông cậu của cậu thật là keo quá, cái dọc tẩu thế này mà cầm trả có 5 đồng bạc.

Bỗng dưng anh ta cười một cách rất xỏ lá, rồi nói tiếp:

- Như tôi, (anh ta lấy tay phải ấn vào ngực) ghiền thuốc phiện cho đáng, chứ ông cậu của cậu mà

cũng hút thì hết thấy những người nghiện chúng tôi đều phải lấy làm lạ.

- Sao vậy?

- Quan lớn xưa cùng mấy ông em lập một bản “gia ước”, trong đó có một điều cấm con cháu hút thuốc phiện, nếu phạm thì trừng trị bằng những cách nào đó. Thế mà dám phạm. Đủ biết là ông cậu của cậu là vậy đó: cái gì cũng làm nghịch lại với cha.

Cái “gia ước” anh ta nói đây, tôi không hề biết, vì không hề nghe ai nói tới. Nhưng tôi nghĩ, nếu đúng như thế, thì anh ta nói cũng có lý. Tôi lại làm thính. Tối hôm ấy, tôi đem câu chuyện Năm Chuột nói với tôi kể lại cho thầy tôi nghe.

Thầy tôi bảo:

- Cái thằng lão đến thế là cùng!

Tôi làm thính. Một chập tôi mới dịu giọng hỏi:

- Cái “gia ước” ông ngoại lập ra mà Năm Chuột nói đó, thầy có biết không?

- Tao không biết. Thấy nói sự cấm hút ấy ở nhà Đông bàn (nhà quan thượng Phạm Phú Thứ) thì có, còn nhà Xuân Tài, tao không nghe.

Đến lúc tắt đèn, đi ngủ rồi, thầy tôi còn nói một mình:

- Cái thằng lão quá!

Đó về sau hơn 10 năm, tôi không gặp lại Năm Chuột lần nào. Chùng vào khoảng 1920, một lần tôi ở Hà Nội về nhà, thấy người ta nói Năm Chuột bây

giờ lập gia đình ở tại làng tôi. Làng tôi có một chỗ gọi là Côn Mũi Giuom, có một vạt đất gọi là đất Chó ỉa, theo lời thì Năm Chuột đã xin làm cái túp tranh trên vạt đất ấy, và cưới vợ là con gái một nhà có môn bài bán rượu và thuốc phiện cũng ở làng tôi. Hấn vẫn làm thợ bạc.

Một hôm tôi đến thăm, thấy trong nhà chỉ có một căn ván nhỏ, trên đặt cái bàn đèn, ngoài ra là cái lò bể bạc để ngay chỗ cửa ra vào. Bấy giờ gần đến Tết, trời hơi lạnh, hấn ở trần, ngồi cạnh cái lò bể đang hơ cả người trên lửa. Hấn xin lỗi tôi và nói:

- Người ta tắm bằng nước, nhưng tôi quanh năm tắm bằng lửa. Hơ thế này cho đỡ mồ hôi ra, kỳ sạch ghét, thì cũng chả khác tắm bằng nước.

Nói đến đây, anh ta ngáp một hơi, rồi xin lỗi tôi cho lên ván đốt đèn hút mấy điếu...”.

Bỗng dưng bác ngáp: “Cái thằng lão quá!”. Xin lỗi bác nức nắc gì tôi nghe không ra? Nhưng ấy là chuyện của bác....

Vì lúc này tôi phải khăn gói gió đưa ri cư vào Nam đây.

Thôi thì với một mảng văn chương, bác cho tôi hoài đồng vọng một chút về Hà Nội qua nhà văn Mai Thảo:

*"Trở về những mảnh tôi xưa, những hình ảnh
muôn thuở của Hà Nội chưa tiêu tụy. Tiếng gió
Hồng Hà mùa nước lũ. Tiếng còi tàu Long Biên.
Tiếng tỳ bà Ngã Tư Sở đều hiu lách. Tiếng tom
chát ngõ Yên Thái. Tiếng khí phách Khâm
Thiên..."*

Nhà văn Mai Thảo hoài niệm ông bạn Thần Tháp Rùa viết về Hà Nội với nhiều dấu chấm đậm đặc, phiêu bồng đâu đây ngào ngạt hơi hương của ả phù dung với khói mây mịt mù ở ngõ Yên Thái, khu Khâm Thiên. Và tôi nhớ lắt phất ai đấy đã viết Mai Thảo trong đêm cuối năm, sau một canh chấn cháy túi, phải đi về vì để chủ nhà đón giao thừa. Xuống nhà chẳng biết đi đâu, một bạn văn, cũng là bạn của nàng tiên nâu hỏi: "Đi không". Và Mai Thảo lùng khùng: "Ừ, đi thì đi" và khật khừ leo lên...xe xích lô.

Ngày...tháng...năm...

Tôi và bác nằm bẹp dí trên tàu há mồm vào Sài Gòn...

Nằm không chả biết há mồm ngả ngón gì, hay là bác để tôi khoe mẽ với đi tìm...chữ đâu có ngon ăn như trứng luộc. Vì giống nhà văn *Đêm già từ Hà Nội*, tôi như con lươn bỏ rọ với nhà văn Thạch Lam. Nhà văn *Hà Nội 36 phố phường* có nong nia với thuốc phiện hay chẳng thì nó còn đó có đó. Nó ản nấp nằm ở "1" câu qua một bài viết trong kho chữ

như bác ấy thôi. Ấy là chưa kể lắm khi mầy mò vào kiếm “l” chữ nhất tự thiên kim, vậy mà nó trốn biệt trong ngõ ngách nào đấy mà mò mãi tìm không ra. Mà cũng nhờ cái tức duyên mò mãi ấy tôi mới gặp bác để ăn mầy chữ nghĩa. Mà bác ăn chữ mòn răng, bác có hay cái điều cày cùng giuộc với cái tẩu thuốc phiện chẳng? Như đợt dịp này lâu lắm rồi, thế là bác sống sót mang ông bạn bác ra khoe chữ. Cứ như qua ông đồ bát nháo Ngộ Không...ngộ chữ thì cái điều cày được thợ cày cưa, cắt từ khúc tre bánh tẻ. Tiếp, bác đục đẽo không đâu là cái điều cày chả danh gia vọng tộc gì cho mầy. Thế nhưng trong văn học nước nhà tự cổ chí kim không thứ gì tiêu pha nhiều chữ nghĩa về cái điều cày đến như thế: Từ cái chiếu, cái chổi chỉ đếm trên đầu ngón tay. Kể cả cái tẩu thuốc phiện.



Hơ! Nói đại chữ giấy dếp còn có số, chữ theo cụ Nguyễn Du qua bài *Điệp thử thư trung* thì bác chạy trời không khỏi số, số bác nặng nợ chữ nghĩa với: *Đố ngư dị tỉnh phồn hoa mộng - Văn đạo dã ung cam nhất tử*. Số bác phù dung như con vờ vờ: *Bạc*

mệnh hữu duyên lưu giản tịch - Tàn hồn vô lệ khóc văn chương. Thế nên bác là hậu duệ của con điệp thử thư trung, con đồ ngư. Là con một chữ, bác nhúm nhỏ cái điều cây thuộc về văn hóa dân gian chẳng qua là...cái số nên được nhiều người mục sở thị.

Với tôi, cái tẩu thuốc phiện chỉ là kẻ hậu sinh. Thế nên tôi cùm nà cùm nạm đắp chữ và câu là cái dọc tẩu giống như cái điều cây không ngoài được đắp và thiếc, đồng, bạc cho oách và cái nõ là cái nôi ống bằng kim loại. Mỗi khi hút, mấy ông bắn khi nằm tựa bên cạnh bàn đèn, đưa cái nôi ống hơ trên chiếc đèn dầu lạc. Khi thuốc phiện bay hơi, mấy ông bắn khi bèn bắn một phát, hiểu theo nghĩa bắt đầu hít vào để “phê”. Vì vậy mới có cụm từ “hít tô phê” với bắn “ba-zô-ca” là thế. Ý đồ tôi là trong văn học cũng có những từ mới mẻ một thườ một cỗi như: “phê”, “hít tô phê”, “bắn khi”, “ba-zô-ca” là vậy.

Còn đọc chữ đềo câu đến như ông đề chữ nghĩa như trâu chát Ngộ Không bạn bác cũng...*ấy ái uông* thôi.

Số là tậm tịt thế nào chả biết nữa, chả mấy ông bắn khi nhà văn, nhà thơ nào có chịu viết về cái bàn đèn với khẩu “ba-zô-ca”. Như truyện ngắn tựa đề *Cái dọc tẩu* của nhà văn tiền chiến Bùi Hiển. Truyện dài “4” trang: Ngoài cái tựa đề! Tôi bới bèo tìm bọ lỗ mắt tìm không ra chuyện hút thuốc phiện, cái bàn đèn. Mà chỉ thấy có duy nhất: “1” câu với “25” chữ.

Trong 25 chữ có “2” chữ về cái tẩu thuốc phiện: “Anh gạt tay lão ra, lão càng xán vào vừa ắn *đọc tẩu* lên miệng anh vừa nói gì rất to gần như xỉ vả”.

Viết về hút thuốc phiện không ngoài Vũ Bằng với nhân vật chính là tác giả xưng “ông” qua tự sự *Phù dung ơi! Vĩnh biệt!*.

Chẳng qua vì “vĩnh biệt” thì ông mới viết:

“...Ông nhớ đến cái cảnh linh lung ở tiệm, đây đó có mấy ngọn đèn dầu mờ tỏ. Cảnh đó “gợi” lòng người nghiện lăm. Thế mà ông không được hưởng. Lòng ông rộn rã như có ai vò xé. Tai ông ùm lên...Ông nhớ đến tiếng nói của ông chủ tiệm? Đến tên bồi tiêm mỗi khi làm xong điều thuốc lại cầm tiêm gõ vào *đọc tẩu* mời ông xơi?...”.

Hoàng Cầm qua nhà văn Nguyễn Quang Lập: “Cụ nói *một ngày tôi chỉ làm vài điều*. Mình hỏi ai đưa Cụ nói...”*họ cho*”. Mình biết “họ” là ai rồi nên chẳng cần hỏi thêm. Lát sau đến giờ về, cụ kéo tay mình, nói “ở đây ai có *điều cày không, mượn giúp tôi cái, thềm thuốc lào*” quá. Mình ngồi thờ hồi lâu, buồn và ân hận”.

Như đã thưa với bác, những nhà văn thời tiền chiến không hút lại lân la đến cái bàn đèn như Bùi Hiên, như Vũ Trọng Phụng. Sau 54, Đình Hùng của miền Nam qua Tô Kiều Ngân cũng thế:

“Trên giường chất chồng đủ thứ: mền gối, sách vở, ẩm chén và có một thứ không thể thiếu đó là

chiếc bàn đèn thuốc phiện. Đinh Hùng nằm lệt thỏm vào giữa “giang sơn” của anh, vừa “điêu hồn theo cánh khói” vừa tìm ý thơ *Đường vào tình sử*.”.

Như đường vào tình sử, tôi trên đường đi tìm nó! Thừa bác.

Ngày...tháng...năm...

Vào đến Sài Gòn, mò mẫm theo những người viết trước, tôi mới hay nổi tiếng có tiệm Amy ở đường Hàm Nghi. Ngoài ra còn phải kể đến tiệm hút d’Ormay ở đường Nguyễn Văn Thinh, ngay sát đường Catinat. Ấy là năm 54, vì còn nhiều nữa nằm rải rác qua những người viết khác dàn trải như tiệm Ba Lân, A Coón ở Bàn Cờ, tiệm Đinh Quát, vòm Tư Cao gần Trường Đại Học Vạn Hạnh, đường Trương Minh Giảng.

Và tôi đi tìm...chữ cho bài viết qua Trần Lam Giang mới “làm quen” được với cụ Vũ:

“...14, 15 tuổi tôi học Chu Văn An và học với thầy Vũ Hoàng Chương...Thầy tới trường bằng xích lô đạp. Thầy mình hạc, mảnh khảnh trong bộ đồ complet-gabardin trắng, tứ thời. Chiếc mũ phớt trắng, tứ thời. Chiếc cặp da nâu mỏng, tứ thời khi vô lớp. Rồi Thầy nhìn lên trần nhà bắt đầu nói. Có lúc Thầy nổi hứng ngâm thơ sang sảng. Hết giờ nhưng học trò còn chưa ra khỏi giấc mơ văn thơ VN. Hết

giờ, Thầy ra về, ra khỏi lớp, mặt ngược cao, nhìn mây trời, nghe chim hót...”.

Đến đây, tôi tiếp nối với Trần Lam Giang là đồng môn với tôi và hoang tưởng đến cụ Vũ ngoài sân trường nhìn trời nghe chim hót và ngâm nga bài “*Quên*”

Đã hẹn với *em* rồi, không tưởng tiếc
Quãng đời xưa, không than khóc gì đâu
Hãy buông lại gần đây làn tóc biếc
Sát gần đây, gần nữa, cặp môi *nâu*

“*Em*” đây là “nàng tiên *nâu*” ái ân với cụ Vũ. Và trong “quãng đời xưa” ấy người thơ nhả khói làm thơ về thuốc phiện. Nghe chim hót riu rít xong, bác năm năm hỏi tôi làm quen với cụ Vũ, tôi có lần la “quen biết” với cô ba phù dung không? Ừ thì cũng đành năm năm nem nép với bác là tôi chỉ kể chuyện thôi. Chuyện kể trên giấy không có những nhịp điệu diễn biến, bác chả tìm thấy những nhân vật hấp dẫn. Chả như bác đã dạy là không có công thức nào cho sáng tạo văn chương, viết chỉ là những gợi mở và trình bày. Viết là để *Đi tìm thời gian đã mất* như của Marcel Proust. Hoặc như người mười năm cũ với biên khảo không phải là tùy bút mà là...ký. Nhưng tôi lại hiểu bừa là ...nhật ký, thế nên tôi lực đực với *ngày...tháng...năm...* trong bài viết này là thế.

Là đi tìm thời gian đã mất, tôi vẫn đang đi tìm nó. Nhưng vẫn chưa thấy, thưa bác.

Ngày...tháng...năm...

Ngoài chuyện đi tìm...chữ, chuyện tôi đi tìm thời gian đã mất nằm cheo queo ở khoảng thời gian, không gian nào tôi...đếch nhớ, khi thế đấy. Mà chỉ nhớ tôi hay neo neo ở quán cà phê của một ông Tàu Hải Phòng tên Phong. Vào Nam ông về hưu, mở một quán cà phê trong một con hẻm trên đường Nguyễn Thiện Thuật. Cứ theo ông cậu vợ tôi thì ông Tàu này hút thuốc phiện nên được gọi là “Foóng” chứ chả phải là Phong.

Bắt gặp chữ “phong”, như gặp mưa chiều gió sớm, bác lại được thể một sách nho phong sĩ khí với “yên” là thuốc phiện, “foóng” là dân làng bẹp. Dân hút thuốc phiện được gọi là “làng bẹp” vì cái tai họ bị bẹp dí do nằm hút lâu năm. Khiếp! Sao bác đào đâu ra chữ nhiều quá thế! Mà tôi kể đến đâu rồi nhỉ? Hơ! Nhớ ra rồi, là nhờ đến quán cà phê. Tình cờ tôi...mới có túc duyên gặp thằng con ông Phong tên Phát ở...Ngã Ba Chú Ía. Rất thật với bác, tôi không hay thằng của nợ này có tí máu nghiện như bố nó!

Cho đến một hôm, nó đèo tôi trên xe Honda và kể lẽ là một lần nó bị đau bụng. Bố nó cho nó “phê” để hết đau bụng. Tôi lười đá miệng hỏi nó lần đầu “phê” có...phê chẳng? Nó hươu vượn lúc đầu “phê” muốn ói mửa và còn đau bụng nữa, thế mới khi. Khi

gió gì đâu, đột nhiên nó chở tôi tới con ngõ bên cạnh Viện Đại Học Vạn Hạnh và đi thẳng vào vòm Tư Cao cho nó “phê” một cữ, vì nó “đói thuốc” rồi. Thế mới bỏ bu!

Tới cửa, tôi đang bần bật, thằng của nợ đe nẹt tôi: “Sợ thì đừng có hút, say đấy”. Câu nói vô tình của nó khiến tôi chợt nhớ đến câu viết sau này của nhà văn Duyên Anh trong *Sài Gòn ngày dài nhất*, diễn tả tâm trạng sợ hãi của người ở lại Sài Gòn trong ngày 30/4/1975: *“Thuốc phiện lâu say mà say lâu. Và hề say, dao kề cổ vẫn...tĩnh bơ, bởi chả còn ý thức nổi không gian, thời gian, nói chi sự việc quanh mình. Dầu mắt vẫn mở. Mắt mở không phải là thức. Dù mắt nhắm. Mắt nhắm không phải là ngủ... Giá tôi được chết say thuốc phiện, tôi sẽ hoan hỉ vô cùng. Tôi sẽ vượt khỏi sợ hãi chờ chết”*.

Thế là tôi...tĩnh bơ đi vào, và gặp cô chủ bàn đèn mần chuyện là đã thấy...say tình rồi. Ấu là số ruồi. Cô, mắt liếc xéo, miệng xằng xẻ rằng hút thuốc phiện khó lắm, nhiều người hút lần đầu, một là chả mấy khi kêu thành tiếng. Hai là sẽ bị nhâm nhâm đau bụng, như thằng của nợ tháo ống cống với tôi trên xe Honda. Nói thật với bác, chuyện này tôi chỉ kể cho bác nghe thôi, chứ mang vào bài viết bạn đọc chửi cho mục mả.

Lạy thánh mớ bái, bác tha cho: Số là cô chủ vừa cúi xuống lui cui tiêm thuốc cho nó, đập vào mắt tôi là một mảng ngực to bằng cái đèn dầu lạc. Chứ chẳng phải vì tức khí, vì sợ quái gì như Duyên Anh.

Vừa lúc thẳng của nợ vác “ba-zô-ca” bắn kêu “ro..ro..” nghe quá đã. Thế là được thể mắng ngực kéo thêm cái đèn dầu lạc chui tịt vào đầu tôi vất vương vói: Thà một phút huy hoàng rồi chợt tắt, còn hơn le lói cả trăm năm. Thẳng tôi bèn “ngả bàn đèn” làm một điều cho...nhân sinh quý thích chí. Tôi tham thiền nhập định thở ra một hơi ngắn, nhắm tịt mắt hít vào một hơi dài và “hít” thẳng bằng một hơi lâm ly quy phượng như ông ngoại tôi nghe “ro..ro..” ngon ơ. Mô Phật, cô chủ bàn đèn cùng cục khen thẳng tôi...có khiếu trên đời ít thấy. Từ đó tôi chừa và cách đến già.

Thấy bác không mẫn chuyện cái đèn dầu lạc, hay là tôi bắt qua chuyện khác vậy...

Ngày...tháng...năm...

Chuyện là tôi lại gặp lại cây đa cây đề tức nhà văn hóa cổ đại, là người làm văn chương khom khú để qua một bài viết. Và cũng là cái cớ để tôi trở lại chuyện *Ngọc hoàng phán hỏi đĩa nào đốt rom ở trên để chẳng thơm tí nào* như thế này đây:

“...Trong những lần về Hà Nội vì việc quan, ông ngoại tôi gặp lại những ông bạn đồng liêu cùng Hội Hít Tô Phe với ông. Các ông gặp nhau bên bàn thờ Cô Ba Phù Dung, chuyện các ông nở như gạo rang. Tôi không giấu chuyện ông Ngoại tôi nghiện thuốc phiện, tôi cũng không giấu chuyện tôi có một thời là Lính của Cô Ba Phù Dung, thời đăng hỏa, tức

thời đèn lửa của tôi dài lâu đến 10 mùa hoa anh đào nở. Trong những người viết trẻ chỉ có tôi là bạn bàn đối với anh Côn, anh Đình Hùng. Không có gì để khoe về việc hút xách nhưng năm tháng xưa đã qua rồi; anh Nguyễn Mạnh Côn, anh Đình Hùng đã thành người thiên cổ. Tôi không nghiện vì anh Nguyễn Mạnh Côn, khi tôi thân với anh, những năm 1964, 1965, tôi đã là đệ tử của Cô Ba Phù Dung lâu rồi.

Nhà anh trong Cư xá Chu Mạnh Trinh, Phú Nhuận, nằm hút với anh; anh có bàn đèn ở nhà, nồi ống, đồ nghề tốt hơn của anh Đình Hùng. Anh làm thuốc tôi hút, vì việc tiêm thuốc cho tôi làm anh mệt, tôi hút nhiều, anh làm thuốc mỏi tay. Tôi không thoải mái khi anh phải nằm tiêm thuốc cả giờ cho tôi hút.

Như đoạn viết về ông Ngoại tôi với câu kết mà bất cứ người viết nào có chút thông minh nhỏ bằng đầu que tăm xĩa răng cũng không hạ bút. Đó là câu: *“Ngày xưa... tri phủ, tri huyện nào mà không nghiện thuốc phiện...”*. Ngày xưa, tức là trước năm 1945, tất cả những ông tri phủ, tri huyện của ta đều nghiện thuốc phiện?

Quái dị. Viết như dzậy mà viết được. Hết nước nói...”.

Khi không bác nhai văn nhá chữ: “Văn chương chữ nghĩa gì mà bày biện vụng về trên mâm cỗ tràn ngập đồ ăn chưa kịp nấu, sống sượng và thô thiển. Ngôn từ ngộp thở trong cái sống sượng chưa tiêu

hóa như của những làng xã đất Bắc. Thêm một lần bác lụng bụng gì tôi không hiểu? Hó! Hóa ra, bác mọt sách ăn giấy, ăn chữ đã lâu nay chỉ thích nói chuyện bấp nức. Có vậy thôi mà tôi vắn óc nghĩ không ra.

Ngày...tháng...năm...

Cây đa cây đề nhắc đến Nguyễn Mạnh Côn thì tôi chả có lý do gì không rù rà rù ri đến tác giả *Mối tình hoa anh đào*, qua nhà văn Thế Uyên:

“...Tôi kiếm ra nhà anh không khó. Mặc dù là buổi trưa và có hẹn trước, cửa sắt có những tấm chắn mỏng vẫn khóa kín. Chị Côn ngó ra nhận diện tôi rồi mới mở cửa và mời tôi lên thẳng căn gác gỗ phía trên.



Nguyễn Mạnh Côn
Tranh Chéo – Nguyễn Hải Chí

Anh đang ngồi cạnh bàn đèn, ngọn đèn dầu lạc cháy sáng, mùi khói thuốc phiện đang bay thoang thoang trong không khí. Chắc anh đang hút cỡ buổi trưa và dĩ nhiên cửa đóng then cài.

Anh thoải mái tiếp tôi cạnh bàn đèn và tôi cũng thoải mái đến ngồi trên chiếu phía bên vì anh biết rõ ông bố tôi cũng là người nghiện thuốc phiện mới cai sau khi di cư vào Nam vài năm. Hai chúng tôi chuẩn bị cho điều thuốc kế tiếp, những động tác đối với tôi thật quá quen thuộc từ thời quá khứ. Trong rất nhiều đêm ở miền Bắc trước 1954, bố tôi đã có cái lệ, trao công việc chuẩn bị bữa hút tối cho tôi và cô em gái. Con gái trải chiếu, và kê gối, tôi bê bình trà nóng từ phòng khách vào, bê bàn đèn đặt vào chính giữa chiếu. Cái bất thường là bộ bàn đèn ở chính giữa, nhưng nó vẫn có đó từ quá lâu nên con cái coi như là bình thường. Nếu có một ảnh hưởng nào chẳng thì hẳn là lũ con trai ý thức nghiện thuốc không phải là điều hay, nên về sau, khi đã trưởng thành, bọn tôi lắm lúc cũng chìm ngập nhiều khoảng khắc trong tứ đồ tường, nhưng chả có ai thuyết phục hay dụ dỗ được bọn tôi đi vào con đường ma túy bất kể loại nào.

Tôi đã chấp nhận từ đã lâu sự nghiện ngập như là một khuyết điểm của bố mình, và nếu sinh ra làm con đâu vì bố mình nghiện mà phủ nhận bố đâu. Cũng vì thế giao tình của Nguyễn Mạnh Côn và tôi cứ thế diễn ra hai bên ngọn đèn dầu lạc.

Qua ngọn đèn dầu lạc với anh Côn, một lần tôi hỏi anh Nguyễn Mạnh Côn tại sao anh nghiện, anh đã trả lời ngay thẳng đại khái là nghe nói thuốc phiện làm tăng hưng phấn về tình dục và kéo dài được lâu cuộc làm tình, anh đã thử. Khi tôi hỏi kết quả có đúng thế không, anh đã cười cho biết là đúng, nhưng rồi anh...*thở dài rất nhẹ*: Nhưng chỉ trong thời kỳ đầu mới hút thôi, khi đã nghiện rồi mọi sự trở lại bình thường...”.

Bác cũng thở dài rất nhẹ và nhìn tôi. Thì tôi vẫn còn đang đi tìm nó đây, thưa bác.

Ngày...tháng...năm...

Khi không dẫn xác qua đây xin nhận nơi này làm quê hương. Tới tuổi tịch dương vô hạn hảo lại mon men làm quen với cái thú chơi đồ cổ qua một thằng bạn đời. Nó dẫn dụ tôi với đồ cổ là “nhất cổ nhì quái”, cho đến một lúc nhà tôi không còn chỗ nào để nhét ba thứ cũ sì cũ mốc ấy nữa. Nhưng tôi không quên một chuyện một lần nó kể tôi nghe.

Chuyện là một ngày không nắng cũng chẳng mưa nó ghé tiệm đồ cổ của một lão Tàu già dưới phố và đập chát vào mặt nó là cái tàu thuốc phiện. Hỏi giá nhiêu, trả lời 500. Ấy là thập niên 80, bộ tiền chùa sao, lương 7 đồng 1 giờ. Nên đành về. Sang năm trở lại chôn cũ, cái tàu thuốc phiện vẫn còn nằm đấy. Lại hỏi giá bao nhiêu, lại được trả lời

1000. Năm sau nữa, quay lại tiệm đồ cổ thì cái tàu thuốc phiện biến mất.

Bèn há họng hỏi?. Ông Tàu già mặt nghiêm và buồn: 1500!.

Một ngày cuối tuần, hai thằng đang ngồi xơi phở, bỗng nó hỏi tôi: “Đi săn đồ cổ chứ?”. Bèn trả lời: “Còn chỗ đâu mà chứ!”. Đột nhiên trong cái đầu đất chui ra cái tàu thuốc phiện và nghĩ dám “của đi tìm người” lắm ạ. Nên gật đầu cái kịch.

Đầu gật nhưng nghĩ không ra cái tàu của ông ngoại tôi, hay đi hút với thằng bạn làm bằng gì? Gỗ hay tre? Lại khăn gói gió đưa thuốc phiện khởi thủy từ Ấn Độ mà tôi góp nhặt sỏi đá thì cái tàu họ làm bằng ...thân cây ốt. Bác râm ran rằng nói thế mà nghe được, bạn đọc chửi cho thối óc. Hó! Thế thì Tàu vắn vẹo cái tàu giống “cái tù và” bằng sừng trâu, sừng bò. Họ uốn éo ra con hạc với chân, mỏ dài ngoằng và “hít tô phê” ở đầu con hạc thì bác có nhức óc chẳng? Nói xa chẳng qua nói gần là từ thưở xa xưa, từ Tàu đến Ta, cái tàu thuốc phiện hình thể là cái bình tích tròn, hay vuông mà tôi mục sở thị hình chụp năm 1820. Gần đây ngoài tre, gỗ, nó được làm bằng ống bạc, ống đồng, ống xương, ống thủy tinh, đá cẩm thạch xanh, trắng. Gần hơn nữa, lịch sử là một cuộc tái diễn không ngừng với làng gốm Bát Tràng. Họ làm chơi ăn thật cho du khách...xem chơi, nó làm bằng sành hình thể lại giống cái tù, cái bình tích và thêm...”cái trống cơm”.

Thế là hai thằng nhắm tới một quận lý cách thành phố gần hai giờ lái xe. Nơi đây có mấy chục tiệm đồ cổ, một rạp “mô-vi” cổ lỗ sĩ, một tiệm “nhét-dô-răng” và một quán “sa-lun” cũng già lão không kém. Quận lý có những dấu tích còn rơi rớt lại của những người Ăng Lê, Tô Cách Lan, Ái Nhĩ Lan mà họ sang đây khai phá vùng đất mới từ thưở tám hoánh nào rồi. Nay những ông bà già khú đế, con cháu của họ, đến đây để nhặt nhạnh những cổ vật của tổ tiên, của quá vãng, ôm giấc mộng hoàng lương: *Ta về tắm lại dòng sông cũ – Truy tầm mé mồi lý sơ nguyên.* (thơ Tô Thùy Yên).

Bác lâm râm rằng ở cái đất chó ăn đá gà ăn muối này toàn là đồ tây, đồ sành, đồ đồng thì xách bác tới làm chi vì chả có gì cho bác...thực bất tri kỳ vị. Ấy đấy, bác nằm trong xó bếp đâu có hay năm thì mười họa lọt xàng xuống nia rơi rớt lại nhằm cổ vật của Tàu, của An Nam ta. Mà mấy thứ lạc tinh, lạc quẻ này với mấy ông tây bà đầm lại rẻ như bèo nên tôi đã từng tha về hai ba món của làng Bát Tràng. Vì vậy hai thằng Mít da vàng cứ: *Tưởng tượng ta về nơi bản trạch - Con còng ẩn nhẫn bò quanh quẩn.* (thơ Tô Thùy Yên) và thần thơ, thơ thần đến chiều mới về.

Trở về qua đầu thị trấn buồn hiu hắt, tôi chợt nhìn thấy tiệm đồ cổ đầu tiên lúc đến không ghé. Nhìn đồng hồ còn sớm chán nên tạt vào xem. Va vào mắt tôi là...cái tàu thuốc phiện. Nhòm giá: 50. Bèn lật ngửa cái tàu thuốc phiện bằng tre thấy nứt một đường dài. Mà đồ cổ bị mẻ, vỡ thì không có giá

trị, nhưng ai biết đó là đâu vì nó nằm dưới cái dọc tàu. Bèn khiêng ra xe.

Bê nó ra xe mà đầu óc tôi óc ách. Vì cái tàu thuốc phiện y chang như hình chụp trong quyển cẩm nang chơi đồ cổ mà tôi có ở nhà. Ấy là chưa kể giá cả còn bộn hơn cái tàu thuốc phiện của lão Tàu già dưới phố qua chuyện thằng bạn tôi. Và tôi ôm nó khư khư trong cái tâm thái...của đi tìm người. Thêm nữa, đó là cái tàu thuốc phiện của những người Tàu qua San Francisco từ năm 1907 làm đường xe lửa trước tôi cả trăm năm với cùng một lứa bên trời lận đận. Ý đồ tôi là đại hạn phùng cam vũ, tha hương ngộ cố tri này kia, kia nọ với hà tất hăng tương thức? Lọ sẵn đã quen nhau? Ừ thì như bác đã biết đấy, tôi vừa gặp lại một vật thân quen từ cái tuổi tập làm người lớn với nhang khói hương đèn. Dù chỉ một lần trong đời, với một nhớ hai quên, thưa bác.

Thôi thì đến lúc bài viết tàu thuốc phiện thiên cổ sự nên ngừng lại. Vì như ông Nietzsche của bác đã từng cục ta cục tác: “Con gà mà trứng nhiều thì trứng sẽ nhỏ đi”. Mà cái dở của tôi là nhiều chữ quá mà không nói lên được điều gì sát cả. Học theo bác, đồ ăn đã được nấu nướng xong, mâm cỗ chữ nghĩa đã được bày biện gọn ghẽ. Bác thêm bát thêm đĩa là cốt truyện đừng xào nấu quá kỹ, ăn sẽ nhạt nhẽo...vô vị, vì vậy cần phải có nhiều...gia vị. Bác còn động dao động thớt là viết như bầm chữ để bạn

đọc ăn ...ngôn ngữ! Chứ không phải cốt truyện như rang cám, tinh tiết như thái bèo cho lợn ăn!.

Vậy mà chưa xong với bác. Bác lại đui rằng “vào chuyện” cho bài viết là một chuyện, còn “hết chuyện” là một chuyện khác. Hớ! Bác mọt sách mọt chữ cho lắm cũng bằng thừa vì “hết chuyện” bài viết của tôi chỉ đúng “5” chữ...hết biết!.

Tôi đồ là bác chả cần bòn mót thêm “1” chữ nào cho nó cả! Dạ thì nó đây, thưa bác:



- Tôi đã tìm ra nó.

*Thạch trúc gia trang
Xuân sinh, Quý Tỵ 2013*

Như một chuyện tình

Qua tựa đề trên, ngay với người viết đã thấy không xong rồi. Nếu nói: “Thưa không! Ấy chỉ là chuyện của cô bạn tôi”. Lại càng cà riềng cà tỏi hơn nữa, vì đâu có chuyện bạn bè giữa đàn ông và đàn bà. Hoặc thẳng như chợt một ngày *em đến thăm anh một chiều mưa* thì cũng có hơi mưa không ướt đất, nắng không ấm đầu hay sao ấy. Sáu mươi tuổi chứ còn ít ỏi gì nữa, với đất sinh cỏ già sinh tật, lại dốc chúng mang chuyện lộn thừng lộn chảo của mình trang trải lên giấy trắng mực đen thì có...ma nó đọc.

Ừ mà chuyện dường như là vậy. Hay là hãy giải bày thế này:

Ai đó chẳng một lần trong đời thả hồn đi hoang với tình cũ không hẹn mà tới. Bỗng vào cái tuổi chập chờn này, chợt nghe lại một khúc nhạc cũ, hoặc bắt gặp đôi mắt người xưa ở đâu đó. Tận cùng thì mỗi ai mỗi cũng một quá khứ trên lưng, thì cứ tạm gọi là một hình bóng đi. Để rồi chẳng thể chạy trốn một chuỗi ký ức vui đầy. Nay có thêm một giấc mơ phai cùng những âm điệu, những dáng dấp đang nằm ngủ quên trong tâm khảm, bỗng thức dậy lũ lượt rủ nhau về trong thoáng chốc qua một bóng dáng.

Trong chốc lát, gặp lại cái bóng hiu hắt bên đường, cái bóng hắt bên này, hắt bên kia khơi dậy ngày nào năm ấy. Và rồi đóng cửa với cánh cửa của dĩ vãng hay nói khác đi, chỉ là cái bóng thời gian cùng ngày tháng qua mau, ai đây cũng vậy,...tôi cũng thế.

Một ngày tôi có hẹn hò với quá khứ...

Để rồi có một ngày có gió hiu hiu lạnh: “Người xưa” đã trở về. Thế nên bài viết mới có cái tựa đề...*như một chuyện tình* ở trên. Người ơi người ở đừng về, nhưng cứ đến rồi đi...rời khuất bóng. Căn phòng vắng lặng, bấm cái nút của dàn máy, tiếng hát Lệ Thu qua một dòng nhạc nghe hoang dại, hoang vắng: *Ngày tuổi hoang đang ngủ yên, cơn mê tình len lỏi tới, con tim vàng nghe rộn tiếng, vội bay lên...*

Con tim vàng nghe rộn tiếng...Vội bay lên...

Đã từ lâu, cũng đến gần hai mươi năm thì phải, sau ngày lập gia đình, nhiều lúc nửa đêm về sáng, lại lần gần tới *cố nhân xa rồi, có ai về lối xưa...* với những gợi nhớ để tự hỏi: Như vậy có phải là tình yêu chẳng? Nói cho ngay tôi chẳng có gì để huyền hoặc về cô: Cô là chị của bạn em gái tôi. Cô đến nhà đón em, hai đứa đụng đầu nhau ở cầu thang. Và sống người nhìn nhau. Hình ảnh tôi còn giữ được cho đến lúc này là đôi mắt. Tả chân thì có những đôi mắt nọ quá lớn, kia lại quá hẹp, hay quá lơ dờ. Có những đôi mắt đủ màu, đủ cỡ, nói đủ thứ ngôn ngữ khác nhau. Đôi mắt va vào mắt là đôi mắt hờ hững hanh hao đầy sương khói. Mỗi khi mở to trông vừa ngơ ngác, vừa ẩn chứa một điều gì sâu thăm thẳm để bỗng dưng tôi như muốn...chết chìm trong đó.

Ngay lúc hai đứa đâm sầm vào nhau ở chân cầu thang hôm ấy, tôi tự hiểu rằng đôi mắt là cánh cửa mở ra hiện tại và tương lai. Và sau này sẽ là cửa ký ức. Ký ức để chẳng quên là tôi cũng có một đôi mắt đeo kính, và mắt tôi thao láo như mắt rần ráo của con đực nhìn con cái, như ông Adam gặp bà Eva. Đúng vào cái lúc tôi vừa qua cái tuổi lông ben, và đã biết o bế đầu tóc và quần áo phải có ni có nết.

Từ đó hai đứa đi chơi với nhau, không có chuyện anh với em, mà ngôn ngữ là mày tao chỉ tớ chí chát như người lớn. Vì ở cái tuổi này, cô đã có

mông, có ngực. Cũng có thể cô hơn tôi hai, ba tuổi, thế nên mày với tao để giữ một khoảng cách chăng? Thực tình tôi không biết, nhưng lúc đó tôi cũng chẳng bận tâm đến cái khoảng cách thời gian cách nhau bằng...sợi tóc ấy. Chỉ biết rằng cô trước ở Phan Thiết, là người Bắc, theo bố mẹ di cư vào đây trước năm 54. Tả về cô, chẳng tốn kém giấy mực gì cho mấy, không ngoài cặp môi dày đầy gợi cảm, hiểu theo cả hai nghĩa đen và nghĩa bóng. Cũng không có chuyện em tan trường về đường mưa nhỏ nhỏ, mà là hai đứa hay rủ nhau trốn học. Cả hai đạp xe tà tà rong ruổi đó đây, thường thì ghé xe thịt bò khô, xì dầu với tương ớt đỏ cay xè của lão Tàu già ở đường Nguyễn Thiện Thuật. Hay đường Hồng Thập Tự có xe bò viên với nước dùng óng ánh, béo ngậy. Rồi cả hai ngồi bệt xuống vỉa hè, vừa mày tao, vừa xuyết xoa xé lưỡi, sịt sọt húp bát nước dùng nóng bỏng.

Và tôi cứ ngập lụt với cặp môi bóng mỡ của cô mãi.

Cái tuổi học trò là vậy, chẳng có gì vẩn vương và xa vắng.

Xa đây...là rời thành phố để đến một nơi heo lánh nào đó. Hai đứa tôi đang ở cái tuổi nhăm nhắng, thế nên chỉ biết mò tới Lái Thiêu là hết đất, để đi tìm màu xanh tươi mát của vườn cây ăn trái, một khoảng không gian không có người lớn nhòm ngó. Cùng lắm là lân la qua suối Lò Ô, gập cái vũng

chỉ to bằng bốn năm cái chiếu, ngồi bệt xuống nước mới ngang bụng để rồi như người lớn và “ngó” nhau. Đứng ra tôi chỉ thoáng bắt gặp bờ vai trần, ngấn ngực trắng ngần. Thấy tôi *mắt trừng gửi mộng qua biên giới* mãi, cô lừ một cái: “Thằng bốn mắt...Mày nhìn tao nữa mù mắt bây giờ”. Trên đường về người tôi nóng hừng hực như lên cơn sốt. Nhưng vẫn còn cảm nhận thấy hai bên đường, cỏ non mát dịu. Sau lưng tôi, tay cô ôm chặt ngang bụng và mùi lúa mới rào rạt như mùi tóc con gái. Âm hưởng của khúc nhạc cũ lại bỗng bèn: *Rời hồn ta tắm trong mưa khơi, chập chờn theo chín tầng mây trôi, lạc vào hương, hương lưng tóc người. Nên mãi ngày vui...*

“*Nên mãi ngày vui...*” thì vào khoảng thời gian ấy, nếu có một chuyện nào đó không vui lắm, là giữa năm đệ tam Chu Văn An. Lớp tôi học nằm ở dãy chuồng bò hay chuồng ngựa từ thời Tây để lại, tôi ngồi cái bàn ngay cửa ra vào nhìn ra ngoài vắng gió hiu hiu. Bỗng đâu có thằng của nợ nào đấy ném tờ giấy vo viên cho bạn nó vù qua mặt, theo phản ứng tự nhiên tôi chớp lấy. Thế là dính và sau đó có mục gọi phụ huynh tới trường để nói chuyện. Tôi phải cầu cứu đến cô, giả đóng vai bà chị vào trường năn nỉ ỉ ôi. Từ đó, hai đứa càng ngày càng khăng khít như bóng với hình, như duyên với nợ. Mà nợ nhiều hơn duyên, cô mang phiền toái đến cho tôi từ mẫu thuốc lá đến ngày...vu quy. Cả hai cứ đi chơi lãng quăng, năm tháng cứ lặng lẽ trôi, kết quả là tú

tài kỳ đầu tôi rót cái một. Phúc bắt trùng lai họa vô đơn chí, đúng lúc hai đứa đang bát phở bị ông cụ tôi bắt gặp. Về nhà được hỏi thăm sức khỏe, tôi thưa gửi chỉ là..."bạn". Nghe đến hai chữ trái khoáy này, ông cụ trợn mắt nhìn tôi như nhìn một thằng khùng và nhiech cho một trận. Từ ông cụ, tôi học được bài học đầu đời là không có chuyện bạn bè giữa...con trai và con gái.

Lên đệ nhất, cô hay nói chuyện phi lý với buồn nôn, thực tình tôi chẳng biết cô túm tó đầu ra cái mớ hiện sinh hỗn độn này. Chỉ biết rằng mỗi lần cô nói, khuôn mặt như mê mẩn, đờ đẫn và tổn thuốc lá của tôi cũng khá bộn. Vì lúc này, tôi đã làm quen với một đồng ba điều Ruby, vì học lóm được câu thơ *yêu em đốt cháy cuộc đời, vàng tay khỏi thuốc vẫn còn yêu em*. Để một nhớ hai quên lần đầu ngồi trên sân thượng, thấy tôi gõ gõ điều thuốc, cô nói: "Mày hút được. Tao hút được". Thế là tôi châm cho cô điều thuốc đầu đời, mắt cô cũng lim dim, cũng ngửa mặt lên trời nhả khói y hệt như...Francois Sagan.

Mấy năm sau vào một ngày cuối tuần...

Lang thang mãi cũng chán, tôi rủ cô đi ciné và chẳng cần biết phim quái gì. Thế là tay nắm tay, hai đứa lững thững chui vào rạp chiếu bóng như hai kẻ nhàn du cho lãng quên đời. Mới bước vào rạp tôi thấy ngay hai ghế trống. Khi ngồi xuống, cô ta kéo tay tôi ra: "Sao nắm tay tao hoài vậy". Bèn cười

khỏa lấp: “Sợ lạc”. Sau đấy tôi không biết làm gì hơn là...làm thính, là chong mắt nhìn xuống cái cổ áo khoét sâu hun hút. Tôi cũng chỉ thoáng bắt gặp bờ ngực trắng như cùi bưởi, như năm nào ở tuổi Lò Ổ. Tôi đưa tay vuốt tóc cô, cô nhìn tôi trong bóng tối như lạ lẫm lắm rồi nhẹ ngả vào vai tôi làm như...như ra vẻ đầm ấm. Phim cứ chiếu trên màn ảnh nhưng tôi nào có xem. Chợt cô nói: “Chỗ này gần cửa ghê thấy mờ, tìm chỗ khác đi”. Tôi tìm thấy một dãy ghế không ai trừ tôi và cô. Thế rồi vì bóng tối đồng lõa hoặc rập rặng người hay sao ấy, khi không tôi chồm qua cô và...hôn. Chẳng hiểu phim chiếu người ta hôn nhau dễ dàng như thế nào nhưng lúc ấy với tôi sao lại quá khó khăn đến khốn khổ. Khốn khổ là trong bóng tối mù u, hai hai hàm răng...lao vào nhau bật ra một tiếng kêu đánh...cộp một cái đến ê...răng. Trong khi miệng tôi cứ như chẻ hoe trắng phớt với cái lưỡi cứng đơ, chả biết ngộ ngộ như thế nào cho phải phép. Mãi cho đến khi hai cái môi dính chặt vào nhau, tôi mới thấy tim mình đập loạn xạ và người ngợp tê rần.

Ra khỏi rạp, vẫn coi như không có chuyện gì xảy ra trên cõi ta bà này và cô nói tỉnh queo với tôi: “Bộ hết chuyện rồi sao mà mày đưa tao coi cái phim bắn súng đùng đùng vậy”. Và nụ hôn thơm mùi ngô non ngây ngất ấy, như bám cứng với tôi không rời trong nhiều năm. Những ngày sau đó, giữa tôi và cô thì *Mặt trận miền Tây vẫn yên tĩnh*. Nhưng có chút gợn sóng trong tách trà. Số là trong chuyến đi chơi

ấy, bị thằng anh vợ tương lai bắt gặp. Chuyện đến tai hôn thê tôi để tôi bị vạ vạ, trời sui đất khiến thế nào chẳng biết nữa, bỗng không đâu tôi nhả ra được một câu nhớ đời: “Trong đời người đàn ông luôn luôn có hai người đàn bà, một là người tình, một là người vợ”. Và tôi ngóng tiếp nếu tôi lấy vợ thì tôi lấy...người đây. Thế là tôi ăn tiền với hôn thê để tin của tôi ở câu lộng ngôn ấy, dù rằng lúc này tôi chưa là...đàn ông.

Gặp phải ngày lành tháng tốt là tôi lấy vợ để ông cụ tôi có con nối dõi tông đường. Trước ngày cưới một tuần, gần như sáng đêm chiều tối, cô có mặt ở nhà tôi, lo sắp xếp cái này, thu vén thứ kia như một người trong gia đình. Ngày đám cưới cũng đến, chỉ có tréo ngoe với vạ sự bất như ý là chưa tới giờ ra mắt quan viên hai họ, tôi đi tới đi lui để điếm mặt bạn bè. Vừa lúc cô từ cửa bước vào, tôi lạng người và đực mặt ra như ngỗng đực...Vì rằng với chuyện này, sau đây họ hàng hang hốc có lời ong tiếng ve...

Vì quần áo của cô giống y hệt cô dâu, từ vải vóc đến màu sắc cùng kiểu cách. Và chỉ thiếu...cái khăn hồng hậu.

Đi ngang qua mặt tôi, cô cử như:

- Tao là người tới trước.

Để chỉ mình tôi là người hiểu câu nói thất theo ấy.

Đám cưới cứ tuần tự như tiến và cô bỏ về sớm. Nghe cô em nói lại hôm đó, cô hút thuốc lá và uống rượu hơi nhiều với bạn bè tôi...Cô em nói thêm: “Với anh, chị em tông tộc làm sao ấy”.

Từ đó tôi không gặp cô nữa cho đến ngày qua đây...

Nhà tôi đi vào cõi tỉnh mạch cũng sáu bảy năm, để...*tôi vẫn chơi vui riêng một góc trời*. Tiếp đến với cha già con cọc, trưa bánh Tây cầm, chiều mì ăn liền. Thêm nữa, đèo bong cái tuổi về chiều nó đang rập rình bám ở sau lưng nên tha ma mộ địa không phải là ít. Thế nên tôi cũng có ý đi tìm cô, hỏi em gái tôi thì chỉ nhận được cái lắc đầu. Nhiều khi lủi thủi đi chợ, tôi cũng ngó tới ngó lui, như Tú Uyên đi tìm người nấu cơm rửa bát trong...sân chùa. Rồi lại lầm đẫm nếu như gặp thì người muôn năm cũ có nhận ra chăng? Tiếp đến là nói năng gì về những buổi ban đầu lưu luyến ấy. Sau đó tôi lập gia đình, một ngày bạn bè cho biết: Có ai đó nhắn tôi trên đài phát thanh. Đứng ra bản tin là tìm em gái tôi, kèm theo cái tên họ của ông anh là...tôi. Bốc cái điện thoại lên, hóa ra vợ chồng con cái cô vừa ở D.C. mới dọn về đây.

Sau đây gia đình tôi, gia đình cô lâu lâu thay phiên nhau làm cơm đãi đảng họp mặt. Cũng nhờ đó, tôi mới được biết chồng cô là lính thứ dữ, đã từng là cây si rẽ mọc sần sùi trong những dịp về phép. Sau năm 75, một tối ông ta xuất hiện như một

du kích, mũ tai bèo, chân đi dép lốp, lặn sau lưng khẩu Colt 45. Như có sắp đặt từ trước, lõi trong túi ra bộ quần áo bà ba đen đưa cho cô, để cùng nhau xuống Rạch Giá tìm đường vượt biên. Chuyển vượt biên như theo lời cô kể cũng trần ai, len lỏi trong đêm qua thôn xóm. Rồi cũng thoát, vì chồng cô đã cày nát vùng này vào những ngày cuối cuộc chiến. Bộ quần áo du kích, bộ bà ba đen, vượt biển, lấy chồng, như những móc xích được ráp nối sẵn. Nên với cô, như đây đưa của duyên và nợ. Thế nên, mỗi lần nói về đức ông chồng hơn cả chục tuổi, cô để lộ một phần nào e dè, dẫu sao cũng là thiếu tá Cọp Ba Đầu Rắn. Nói cho đúng ra nhìn mặt chồng cô, trông ngẫu thấy rõ. Nhưng ngược lại không ít thì nhiều, tôi cũng mến mộ hẳn vì là một cao thủ mặt chược khó kiếm. Nhưng ít được mọi người ưa vì cái tính lảm lì của hẳn.

Cớ sự gì tôi gọi chồng cô là..."hắn" thì hồi sau sẽ phân giải.

Như trên tôi đã kể lể, tụi tôi vẫn thường họp mặt đàn đúm, thỉnh thoảng cũng đi vũ trường. Nhưng có thể nói, gần như tôi chưa nhảy với cô một bản nào. Chẳng dẫu gì, tôi có một cái thú tính, như một cái thú đau thương là nếu ôm cô, một thân hình như con rắn, thêm mùi nước hoa ngây ngây, trước sau thế nào tôi cũng sẽ chao đảo và chấp chờn nhập vào cơn mê trần qua âm vọng bài hát mà tôi đã nghe mãi, nhưng vẫn chưa biết tên: *Sao bây giờ môi mặn đắng, tình qua sông. Ngày thần tiên đã theo người đi và buồn*

đau đã tìm lối về. Còn mình ta đi vào ước mộng, cho hết cơn mê.... Ít lâu sau, chồng cô hình như có gì phát ý nên hững hờ, ít qua lại nhưng tôi không biết chuyện gì xảy ra. Ngay cả cách xưng hô, hai đứa tôi vẫn thừa gửi một điều chi, hai điều anh cho đúng phép tắc. Nhưng có những lúc lẻ loi, hai đứa thường gọi nhau bằng tên, mỗi lần như vậy, cái tên tôi qua giọng cô, nghe thật trầm và ấm. Riêng tôi thì như đánh mất một cái gì của mây tao chi tứ của cái thuở xa xưa. Trong những lúc vui bạn vui bè, bạn bè vẫn thường nói trông cô như...mệnh phụ, chữ nghe cũng lạ, ấy là ngôn ngữ của họ. Theo tôi thì có thể vì phần son, vì lúc này cô làm cái nghề sẵn sóc sắc đẹp, khách của cô thuộc tầng lớp trung lưu và làm tại nhà riêng của họ. Nên tôi được biết thêm, cũng có nhiều khi cô tắt bật đi về về khuya là vậy.

Đùng một cái, hai năm sau, khoảng hai, ba giờ sáng, chồng cô gọi điện thoại đánh thức tôi dậy và hỏi vợ “hắn” đâu. Khiến tôi mất ngủ đến sáng, vì bị bản mặt cô hồn và khẩu Colt 45, lại nơm nớp...nơm nớp lo sợ cho cái “bồn mạng” tôi, vì cái lối hỏi thăm dò có tính cách hằn học gần như hủ họa. Mà tại sao hằn lại nhè tôi mà hỏi han, chịu không hiểu nổi. Ít lâu sau nghe phong phanh cô bỏ qua D.C. và lấy một bác sĩ người Việt có một đời vợ. Ngay lúc ấy tôi chỉ biết thầm trách cô tham tiền bỏ ngải, ai lại một nách ba con mà nỡ bỏ đi không kèn không trống. Mà nào có thiếu thốn gì, cô lúc nào cũng quần lượt áo là với cái nghề làm đẹp cho đời, làm đẹp cho người. Tôi

nhớ lại đến lời cô em gái cô: “Chị em tông tóc làm sao ấy”. Nhưng tôi không nghĩ như vậy.

Băng đi một thời gian không nghe tin tức gì của cô. Như trên đã tỉ tê vào những đêm trần trọc, thao thức, tôi vẫn thường hay âm ỉ *em xa xôi quá làm sao biết, tôi âm thầm trong cơn mê hoang*. Mê muội thì tôi cũng có đấy, thì cứ cho là như vậy đi, nghĩ cho cùng đèo bông gì ở cái tuổi mây chiều gió sớm này, tạm hiểu là tôi mới...chớm già. Ấy thế mà người có tuổi hay nuôi những...giấc mơ hoang là một ngày nào đó tình cũ không hẹn mà đến để có những hò hẹn cuối đời với *nhớ thương biết bao giờ nguôi*. Và buổi hẹn hò không tương ấy nhè ngay ở nhà tôi.

Một buổi sáng, một ngày như mọi ngày, đang tỉnh đứng trước cửa nhà để...nhớ nhà châm điếu thuốc. Bỗng nghe tiếng chuông giục giã, ra mở cửa thì thấy...“một đôi mắt”.

Mới sáng đầu ngày nhưng với cái nắng hong hanh của nắng hạ. Chưa hết, tỉnh ra làm điếu thuốc nên tôi chẳng đeo kính, ánh sáng nhập nhòa vào mắt tôi đầy nhân ảo: Thế nên tôi bất gặp...”một đôi mắt” đăm đăm nhìn tôi là vậy. Thoạt đầu, tôi hơi ngạc nhiên với đôi mắt không chớp ấy. Nói cho ngay, tôi chưa nhận ra thì đúng hơn vì nắng. Như trên đã lóng chóng, đã từ lâu tôi vẫn thường trông ngóng về cái cửa ra vào như cánh cửa quá khứ. Để có chuyện

không tưởng rằng một ngày nào đó cũng sẽ gặp lại một hình dáng cũ, một khúc nhạc xưa. Nên sau đây, tôi không lấy làm lạ vì đôi mắt như hóng theo tôi và ngẫm ra ý rằng “người” của...quá vắng đã tới đây. Vậy mà vẫn không tin mắt mình, sau mấy giây sự ngỡ ngàng biến thành ngứa ngáy. Tôi dậm bước tới để hỏi han cho ra nhẽ thì dường như đôi mắt như muốn...đi giật lùi. Tôi chợt hiểu ra là ở cái tuổi này, tôi hay bắt cứ ai đấy, đang tu hú với cái trò ngày nào là chạy theo cái bóng. Giả thử nếu như tôi đứng, đôi mắt cũng đứng và đau đầu nhìn tôi. Thảng như tôi giả bộ lùi lại nhanh hơn, đôi mắt bước tới cũng bước tới mau hơn. Cứ như thế, tôi rượt đuổi theo đôi mắt như đuổi theo...cái bóng ở cái tuổi mới biết yêu lần đầu cũ sì rỉ mốc.

Vừa để hồn đi hoang đến đây thì cái bóng với cặp mắt long lanh, đôi môi chúm chím, câu nói đầu tiên của cô với tôi là:

- Mà còn nhớ tao không?

Và *người xưa đã trở về...*

Vào nhà, cô chọn cái ghế hai chỗ ngồi, nói tôi đến cạnh cô để dễ nói chuyện, nhưng tôi lẳng lặng ngồi vào cái chỗ quen thuộc hàng ngày. Chẳng phải vì ngại ngùng này nọ mặc dù nhà chẳng có ai, mà chỉ vì tôi muốn ngồi xa cô một chút để nhìn rõ hơn. Tôi muốn ngắm người xưa trở về ở cái tuổi sáu

mươi trể trăng trong những ngày tàn xuân vừa qua mau. Giống như mua bức tranh ở tiệm, nhìn gần thấy nét vẽ chân phương, mang về nhà treo lên tường, màu sắc như phôi phai. Ấy là chưa kể nhiều khi mua bức tranh bộn tiền vì...cái khung. Nhớ lại lời một thằng bạn dậy khôn: “Người cũ là một bức tranh cổ để hoài niệm, thay vì để ngắm” và nó còn dặn dò: “Chớ bao giờ đại dột gặp lại người cũ, thê thảm lắm”. Vì vậy tôi nhìn từ xa, ngắm cô như...cảm nhận một bức tranh. Nhưng tôi thấy bức tranh vẫn còn có nét, kể cả...cái khung.

Tôi thu lu ngồi một chỗ với cái mặc cảm tàn phai qua bóng ngả đường chiều. Như có hạt cát vương mắc trong chiếc giày, thỉnh thoảng tôi lại vuốt tóc để cố nhớ đã nhuộm hay chưa nên không thỏa mái lắm. Còn cái đầu thì lẩn cấn với những gì tận đầu tận đầu. Để rồi cô đốt lò hương cũ, chiêu hồn quá khứ về những ngày tháng qua mau: Ngày đó chúng mình hai đứa với nước mía Viễn Đông, bánh ướt chả lụa với bánh cống, chan hòa mắm ớt của miền Nam mưa nắng hai mùa. Như trút được những chộn rộn ban đầu, tôi hòa nhập và thông dong đeo đuổi theo cô. Tôi vất vương về con đường Nguyễn Thiện Thuật, Hồng Thập Tự trong những ngày ngập gió, tà áo tung bay. Cô đạp xe đạp, tôi đi xe gắn máy. Cô nắm tay tôi để cái xe gắn máy kéo đi. Như hai đường thẳng song song chẳng bao giờ gặp nhau, hồn nhiên vô tư lự để...gặp nhau ở bánh

mì Hà Nội, hay bên vỉa hè của cà phê bí tắt Năm Dương. Và tôi cứ bồng bênh theo năm tháng...

Rồi tôi bừng tỉnh trở về thực tại khi nghe chuyện thằng chồng cũ của cô, ngoài cái máu Biệt Động Quân: “Sát”, hấn còn ôm đồm với cái thói chồng chúa vợ tôi. Cô râm ran nào ai hay những lúc hấn thượng cẳng chân hạ cẳng tay với cô, mặt mũi sưng vù, cả tuần không lộ mặt ra ngoài. Cái buổi tối cuối cùng đi làm khuya về, hấn ghen và đóng cửa không cho cô vào nhà, cô đứng ngoài cửa khóc lóc suốt đêm, lại gặp trời mùa đông cóng lạnh. Vì vậy hôm sau, cô ngược về D.C. với chuyến bay sớm nhất.

Nói về ông chồng hiện tại cô mới vui vui đôi chút. Chuyện là gặp trong một buổi họp mặt ở nhà bạn bè, cô để ý đến ông, không phải là bác sĩ như đồn đãi, không những thế lại “già”, vừa là tu xuất, lại vừa...bất lực nữa. Nghe đến đây, tôi muốn nhảy nhồm lên...như gái ngồi phải cọc, nhưng vẫn hỏi đùa làm sao biết. Cô đầu môi: “Có thử thì mới biết...Mày ngu như lợn”. Vui chuyện vui trò, tôi hỏi cô một khúc mắc mà bấy lâu nay tôi vẫn ám ức mãi, là cái ngày cô bỏ đi, có sự gì thằng chồng cô diện thoại cho tôi hết trăm đấng nghìn cay, đến đùm đầu làm tôi sợ vãi đái ra quần!

Thì cô cười bằng mắt:

- Phải gió gì đâu. Một tối tao nằm mơ...

Và cô chum miệng:

- Tao ú ó gọi tên mày.

Nhìn cô đều môi...Hốt nhiên tôi bát nháo thấy mình ngu như lợn thật! Bỗng dưng thềm một hơi thuốc lá nhưng tôi không dám ra cửa làm một điều để nhìn...mây bay gió thổi.

Tôi và cô cứ rù rì như vậy cho đến gần trưa, tôi chẳng buồn đong đưa với thời gian nữa. Thỉnh thoảng hai đứa nhìn nhau trong giây lát, tôi cũng chẳng ngần ngại đến độ, nhìn nhau mà chẳng nói, có nói cũng khôn cùng. Vì rằng lúc ấy tôi đang chìm trong mắt cô, như *đôi mắt người Sơn Tây, u ẩn chiều luân lạc*, để cô xót xa đưa, cô xót xa người. Và tôi nhìn cô không biết chán, để thấy cô vẫn còn dung dị, cái dung dị của một *Ngày Xưa Hoàng Thị*. Tôi muốn nói đến những ngày tháng qua mau, cái tuổi hoa xuân học trò như ẩn hiện đâu đây. Ngày ấy gặp cô, tôi ngập ngựa với *nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát, bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông*. Vậy mà tôi vẫn lười biếng với *anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng*. Bây giờ ngồi với cô đây, qua bóng dáng ấy, tôi tìm lại cô với cái duyên nói chuyện qua ánh mắt, rất dễ mềm lòng người. Nhất là những người hay yêu lòng như tôi, để tự hỏi *em có bao giờ, em thương nhớ thương*. Cũng có một đôi lúc, trong thoáng chốc ấy, tôi muốn gọi tên cô như gọi tên bốn mùa, *gọi tên em mãi trong cơn mê này mình nhớ thương nhau* nhưng nghĩ sao rồi lại thôi. Vì ai chẳng có lúc cuời gió rúc vào mây trong một ngày nhạt nắng...

Đến giờ về, tôi đưa cô ra xe với những *bước chân âm thầm nghe giọt nắng phai...*

Bây giờ tôi mới biết đã gần trưa, tôi với cô đi song song như hai cái bóng bên đường, mỗi người mỗi theo đuổi những ý nghĩ riêng tư. Chợt tôi lần dần nhìn thấy cái bóng... của mình vật ra trên đường đi và cứ dài ra và béo ra. Ông thiên chênh chếch trên đỉnh đầu, cái bóng càng lúc càng ngắn lại và gây rắc rối trông thấy. Tôi nghĩ mình có già quá chăng với người xưa? Có lúc, cái bóng tạm thời vắng bóng. Tôi được thể vẫn vợ thêm, ai đấy chỉ thấy già khi gặp lại bạn cũ qua bao năm không gặp. Thêm nữa, có khi tôi bắt gặp cái bóng chui xuống chân tôi và ẩn nấp, nó tròn vo như một dấu chấm. Trên cái bóng là tôi. Tôi đón ngộ ra: Tôi và cái bóng là... cái dấu chấm than đang nghiêng ngả, ngả nghiêng. Chạy trời không khỏi nắng là tôi khom thật: Tôi mơ hồ rằng cái bóng của tôi không phải là tôi. Nhưng mà là của ai khác nhập vào. Để bồi hồi, chỉ một đoạn đường ngắn này thôi, tôi đang dậm trường mê mãi *bao nhiêu năm rồi còn mãi ra đi, đi đâu loanh quanh cho đời mỗi mết, trên hai vai ta đôi vầng nhật nguyệt, rọi suốt trăm năm một cõi đi về...* Ông thiên tròn vào mây, bỗng cái bóng biến mất. Tôi lần mò nhìn xuống mặt đường tìm kiếm, nhưng vô vọng, tôi chẳng hề thấy nó đâu cả. Đột nhiên tôi ngó ra vì tìm được một chân lý bất biến: không có ánh sáng, không có bóng.

Vừa lúc cô lục túi xách tìm chìa khóa xe, nhưng lại để quên trong phòng khách. Tôi và cô trở ngược về căn nhà, vừa bước tôi vừa mông lung, như sau ngày lập gia đình, tối khuya thỉnh thoảng tôi chập chờn đến cổ nhân ngày nào. Cho đến khi nhà tôi nằm xuống, hình bóng ấy mới biến mất trong tôi, để rồi cứ nghĩ ngợi mãi... Ông thiên lại chui ra nhòm ngó, tôi thấy ánh sáng hắt bóng tôi xuống mặt đường đồ dài theo từng bước chân ngoằn ngoèo. Hai cái bóng hiu hắt bên đường, cái bóng hắt bên này, hắt bên kia. Rồi thì theo những bước chân ngu lạc trường để quên mình lãng du... Tôi bắt gặp cái bóng của mình âm thầm rướn mình chồm tới và bò lên ôm cái bóng kia quần quýt. Như gặp nhau từ thuở hồng hoang với nghìn trùng xa cách, chúng ôm lấy nhau tha thiết ngỡ không có gì tách chúng ra khỏi nhau. Ông thiên khuất dạng sau đám mây, hai cái bóng giẫy dụa quần quại từ từ buông nhau ra. Tôi chợt thấy người mình nhẹ tênh, đưa tay sờ soạng bỗng hốt hoảng thấy cái bóng kia không còn nữa. Nó đã bỏ tôi mà đi đâu mất. Cái bóng hoàn toàn hóa thân. Như một lần cô biến mất trong tôi cả một thời gian dài. Trời xanh, mây tím, nắng vàng và mây vẫn lững lờ trôi. Ông thiên lại thò đầu ra. Hai cái bóng nhập làm một. Sắc tức thị không, không tức thị sắc, và tôi mừng tượng đã đến lúc cúi xuống bế... cái bóng vào nhà.

Cô vào trong nhà nhưng lại để cái bóng ở ngoài...

Tôi chờ ở vòm cửa và để hồn bay bổng đến Văn Cao với *em đến thăm một lần* cùng căn nhà bên suối và chỉ một lần rồi thôi. Cùng một chút hoài cảm như cơn gió thoảng, bây giờ mùa xuân, con thuyền không bến đã có bến đậu, cũng chỉ một lần trong đời với thương hoài nghìn năm. Rồi lại băng khuâng gửi gió cho mây ngàn bay với *cái hạc bay lên vút tận trời, trời đất từ nay xa cách mãi*. Mặc dù cô vẫn có đó, còn đó với... có đấy, không đấy.

Cô trở ra, cả hai đứng trong vòm cửa bé con con. Tôi với cô như sát nhau, nắng hắt qua song sắt, đổ những vệt dài trên áo, như xé cô ra làm hai, ba mảnh. Tôi thoáng bắt gặp một chút bụi trần vương mắc trên áo cô, ấn dấu dòng luân chuyển của thời gian, bánh xe quay vòng của đời thường với...ngày mai: Ngày mai hạ đến, thu sang, đông tàn...và xuân nữa chẳng trở về. Trong một khoảnh khắc, cô như bản thân và bịn rịn nắm tay tôi. Tôi tự hiểu, đó là cái nắm tay của quá khứ lâu ngày không gặp lại.

Để rồi cô nói với tôi một câu. Tôi nghĩ cô muốn gửi gắm một quan hoài nào đó.

Vì cô vẫn có lỗi nói chuyện bằng mắt và thoáng buồn:

- Mà biết không. Tao lấy chồng vì...mày.

Rồi cô ngập ngừng:

- Tao lấy thằng chồng này chỉ vì cái tên...Hùng.

Và cô gượng cười. Như không có thật:

- Vì tao thù mày!

Người đã bỏ ta đi...Tôi lẳng lẳng vào giường nằm, ôm lấy khúc nhạc, nghe đi nghe lại nhiều lần cho đến gần đây, tôi vẫn chưa biết tên tác giả là ai, âm hưởng lẳng đẵng: *Đừng gọi nhau, chỉ nghe vọng âm. Đừng tìm nhau đến sâu muôn chùng. Còn tình yêu chỉ là giấc mộng...trong cõi hư không.*

Nhìn lên trần nhà, trong cõi hư không...
Tôi như hư vô: *Như một chuyện tình.*

Trúc gia trang
Lập hạ, Ất Dậu 2005

Sử quan

*đọc lại dăm pho sử
nối tiếp nhau viết sai
sai từ đầu thượng cổ
từ văn lang chim lạc
chim lạc là chim hạc
chim vạc là chim cò
trên trống đồng ngọc lữ
chữ nông nọc quanh co
gấp lại dăm pho sử
nam bắc đều khật khờ
(Khuyết danh)*

Dẫn nhập:

Thi trung hữu quý, lông ngóng thế nào chẳng biết nữa người viết vớ được bài thơ trên. Vì hai chữ “nam, bắc” nên nhầm chừng tác giả là người ở trong nước, ý thơ khi không như ma nhập vào bài tản bút này qua những tài liệu mà người viết có được. Như những sử gia miền Bắc, tìm về nguồn gốc tộc Việt



Trống Ngọc Lũ

với chữ “lạc”. Ngoài là lúa nước, còn có nghĩa là con chim. Giống chim này chỉ bên Tàu mới có, chẳng ai biết là chim gì? Trong văn đàn bảo giám Thăng Long nghìn năm văn vật, có ý ngờ rằng nó chân cao, mỏ dài, vì vậy mới có chuyện chim lạc là chim hạc ”rành rành” trên trống đồng Ngọc Lũ. Một sử gia miền Nam...bay theo phóng bút: “Nếu biết là chim lạc là chim gì thì các ông đã không cãi nhau. Nếu không biết chim lạc là chim gì thì làm sao các ông biết rằng hình trên trống đồng Lạc Việt là...con chim lạc”.

“*Nguyên nhân gì bà Âu Cơ lại đẻ ra trứng...*”, có một nhà bác cổ, bác vật ở ngoài nước đã vật vã với luận thuyết, với cái trứng, khi có chứng tích ắt có nguyên ủy. Nên ông giải bày, rằng ông học Nam sử bằng chữ Nho từ tám bé, bỏ tiền túi sang tận bên Tàu dăm bận mười bữa. Lò mò lên núi Ngũ Lĩnh, xuống tận Động Đình hồ có con sông Tương và tìm ra một nhánh sông tên Âu Giang. Ở đây có một giống chim, rõ ra không phải...chim lạc mà là chim...”*hải âu*”. Thế là chuyện ông Lạc Long quân và bà “*Âu*” Cơ được giải mã, chim phải đẻ ra...trứng. Vậy mà thiên địa tù mù chẳng ai hay gì ráo, ngoài ông.

Thêm một nhà học giả, học thật, gốc gác là lang Tây, nên ông viết rất thử nghiệm, rất bệnh lý: “Để hiểu rõ cổ sử Việt ta, hãy đi tìm mã số DNA hay mã số di truyền học (genetic code) của vua

Hùng vương. Muốn thế ta phải dựa vào bản thể của tế bào gốc của Tổ Hùng, tức là ta phải dựa vào tế bào cuống nhau, tế bào màng nhau, tế bào bọc con của vua Hùng vương. Mẹ của vua Hùng là U cò tức con cò gió, cò lả, cò lang. Cò lang tức cò trắng vì “lang” là trắng như bị chứng lang da (chứng vitiligo). Ứng với Lang Hùng vương đóng đô ở Bạch Hạc tức cò trắng là kinh đô của nước Văn Lang. Nên con cháu Hùng Vương mới mang hình ảnh “Cái cò lặn lội bờ ao - Phát phơ hai dải yếm đào gió bay”.

Thôi thì cứ để dải yếm đào phát phơ bay...Trở về với phần “dẫn nhập”, người viết vốn dĩ là người hoài cổ, đang thả hồn quan san, quan hoài lối xưa xe ngựa hồn thu thảo, ngõ cũ lâu đài bóng tịch dương. Dẫu rằng lối xưa xe ngựa chỉ là những bước chân đi của các sử quan, thế nhưng như sử gia Fustel de Coulanges viết: *Sự thật của lịch sử là gì? Sự thật của lịch sử là một quả cầu tròn, mỗi người chỉ nhìn được một phía...* Giống con vạc ăn đêm, người viết chỉ nhìn được một phía bờ ao ruộng đồng, nên chẳng thể thẩm định là đúng hay sai với...*chim vạc là chim cò*. Rồi với hơn 4000 năm văn hiến, gấp lại mười trang giấy này, bạn đọc và người viết đều *khật khờ* thấy rõ từ “chính sử” đến “huyền sử”.

Viết về “sử quan” chẳng thể không nhắc đến ải quan bằng vào những bước...quan san ngược dòng

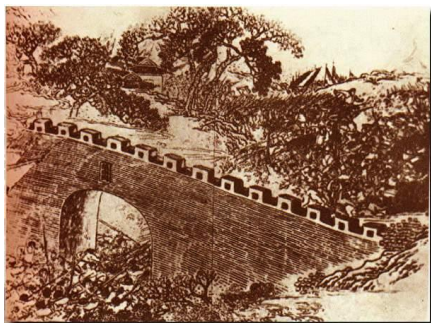
thời gian vào năm 1837, Tsai Tin Lang từ Quảng Đông sang nước ta bằng đường biển, bị đắm thuyền ở đâu đó. Ông trở về quê nhà bằng đường bộ qua ngã Quảng Tây, từ Hà Nội lên Đồng Đăng, và gặp...ải Nam Quan.

Nên mới có bài bút ký như thế này đây:

Ngày 15 tháng 3 ông rời Hà Nội đi Bắc Ninh, sau khi qua 7 trạm có quan quân gác. Ngày 19 ngủ đêm ở phủ Văn Lang, sáng hôm sau đi được khoảng 13 lý (*khoảng 7 cây số*) nữa thì gặp Quỷ Môn quan. Ngày 20, ông dừng chân ở pháo tháp thứ 5. Ngày xưa, triều Lê đã dựng lên 18 pháo tháp này để trông chừng nhà Tây Sơn (?). Nhưng nay chỉ còn pháo tháp thứ 3 và thứ 5.

Ngày 21 ông đến Lạng Sơn vào lúc xế trưa. Ở đây mấy hôm thăm chợ Kỳ Lừa và ông thấy thương buôn toàn người Quảng Tây. Ngày 3 tháng 4 ông đến Đồng Đăng, nghỉ một đêm, 8 giờ sáng hôm sau tiếp tục hướng về phía ải Nam Quan. Đường đi gặp núi đá hiểm trở, vực thẳm tối tăm, cây cối um tùm, không dấu vết con người, ngoài những con công và trăn, rắn. Đường mỗi lúc một hẹp và ông đi được 35 lý (*20 cây số*) là tới ải Nam Quan. Theo như ông tả gọi là “cổng” Nam Quan thì đúng hơn vì chỉ là bức tường núi dựng đứng. Và chuyện Tàu không có...”hậu” là lão ngáo thế nào ải quan không cho ông...”nhập quan” vì họ ngờ rằng ông không phải là...người Tàu. Vì vậy ông trở thành...”khách trú” với bên bờ đôi ngã, ông viết bút ký “Ltinéraire de

Ha Noi à Canton par Lang Son”, hiện còn tàng trữ tại Viễn Đông Bác Cổ.



*“Trần Nam Quan” đời Thanh.
Niên đại vào đời Vua Ung Chính.*

Qua biên bản phân giới của Công Ước Thiên Tân giữa người Pháp và Lý Hồng Chương: Vì “La Porte de Chine” hay “Cổng Tàu” nằm trong một khe núi cạn nên cần phải rời tới một khoảng đất rộng rãi hơn. Nên ải Nam Quan cũ đã bị tướng Negrier trong ủy ban phân định biên giới Pháp-Hoa, giật sập từ năm 1884 để xây cổng mới ở một địa điểm khác. Cổng mới được xây bằng đá đẽo (*pierre de taille*), cao hai tầng, xây theo kiểu Pháp. Theo tài liệu này, biên giới bàn thảo mất 3 năm mới xong và có một chi tiết là ải cách cái cột mốc số 18 về phía nam đúng...100 thước Tây.

Cổng mới, tùy theo địa phương, người Tàu gọi là *Đại Nam Quan*. Ải cách quận lý Đồng Đăng 4 cây số và được người trong nước ngày nay hồ hởi gọi là... "*Hữu Nghị Quan*".



(Theo sử liệu Trung Hoa, dãy phía trước cổng lớn, nơi có hai người Pháp áo trắng đứng là miếu thờ Quan Công, Năm 1914 xây hai tầng kiến trúc nhà lầu kiểu Pháp tên là “Pháp Quốc Lâu”).

Nhờ Công Ước Thiên Tân, kèm theo văn bản tập *Đại Thanh nhất thống chí* của nhà Thanh, quyển 365 tờ 17 thì: Cổng cũ được gọi là *Pha Lũy Dịch*, có từ đời nhà Nguyên 1579. Ải có bức tường dài 1190 bộ (khoảng 377 thước) để phân chia hai nước, cách cổng 40 lý (20 cây số) về phía nam là trạm Đồng Đăng. Trạm này sứ thần người An Nam, cứ 2 năm một lần chuẩn bị đồ tế cống nước ta. (Vì Lê Lợi chém Liễu Thăng và Lương Minh ở ải Chi Lăng. Nhà Minh đòi bồi thường ông tướng cụt đầu bắt

cống nạp cứ hai năm bằng vào hình nhân thế mạng là hai tượng người vàng ròng. Đến thời Quang Trung lệ này mới bãi bỏ).

Trở lại với Công Ước Thiên Tân, qua miêu tả của ông Anute trong phái bộ Pháp, ải cũ xa xưa chỉ là cái tường “biên giới” dựng chắn ngang một khe núi sâu, hai bên là núi đá cao, gần đó có một con suối cạn. Cũng từ đoạn văn của ông Anute, người viết góp nhặt sỏi đá được là: ải cách Đồng Đăng mấy chục cây số. Người viết nhầm chừng ải “hiện thực” chẳng phải là...*ải Nam Quan* với Nguyễn Phi Khanh và Nguyễn Trãi trong sử học.

Gần hơn nữa, năm Kỷ Dậu, sứ thần Ngô Thì Nhậm đã có tuổi, vậy mà phải còm cõi đi sứ ba lần qua nhà Thanh trong một năm dưới thời Quang Trung đã làm một bài thơ tả ải Nam Quan. Trong đó có hai câu “Mai tuyết xâm nhân mấn dĩ ban” và “Giản thạch mấn trang du tử thác”, diễn Nôm là *tuyết bám người tóc đốm bạc, đá suối đầy túi lãng tử*, phù hợp với hình vẽ của ông sứ bộ người Pháp là ải quan nằm giữa khe núi và có suối. Người viết đoán mò ải nằm sâu trong nước Trung Hoa vì...có tuyết. Nhưng chịu chết chẳng biết ải Nam Quan nằm ở bên bờ quạnh nào, vì vậy với người viết, ải quan vẫn chỉ là...*"huyền sử"*.

Cho đến một tối chong đèn đọc sách, như có tức duyên gặp được một giả nhân. Nhưng ấy là chuyện sau. Nói cho ngay, ải quan trên chỉ là miếng trâu là

đầu câu chuyện cho...”chính sử” với những sử quan sau này.

Sử Quan:

Việt Điện U Linh Tập

(Theo Hoàng Xuân Hãn, Lý Tế Xuyên là quan Thủ Đại Tạng Kinh Trung Phẩm Phụng Ngự cuối đời nhà Lý. Đầu thế kỷ 14 nhà Trần, phụng mệnh vua, để giữ hương hoả bất tuyệt, ghi chứng tích các vị thần qua đền miếu, khảo dị qua Giao Châu Ký của Triệu Xương, Giao Châu Ký của Tăng Cỗn và cả Tam Quốc Chí nữa. Qua chức vụ ấy, như ông từ giữ đền, giữa u tịch cổ sơ, ông sưu tra tư liệu, đọc và ghi lại trong Việt Điện U Minh tập với hậu ý mong trừ dân thần, tà quái, yêu ma, vọng quỷ trong dân gian).

Trong *Việt Điện U Minh* tập của Lý Tế Xuyên, Vua Hùng Vương, chỉ là nhân vật phụ trong truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh* và dài không hơn một trang giấy. Có một nhà biên khảo, thường là ông, nhưng đây là bà, văn phong rất gọn và trong sáng, mặc dù vua Hùng chắc như đinh đóng cột chẳng là dân thần, tà quái, yêu ma, vọng quỷ để trừ khử. Nhưng dưới ngòi bút của bà, khi *Vua Hùng* kén rể cho con gái bàn bạc với quan đại thần *Lạc hầu* thì chỉ là một ông vua nhu nhược và ba phải. Qua đối thoại chỉ

thấy “vua sợ”, “vua cả mừng”, “vua mừng lắm” và “vua cho là phải”..v..v..

Có hai chữ đập chát vào mắt người sau là *Trần Thế Pháp*, là “vua Hùng” và “*Lạc hầu*”.

Lĩnh Nam Chích Quái

(Vào thế kỷ 15, người tới sau xuất hiện gốc tích mù mờ, chẳng rõ thổ nơi. Chỉ biết tên là Trần Thế Pháp, ông này không phụng mệnh vua, chỉ vì bị va vào mắt hai chữ “vua Hùng” – “Lạc hầu” của Việt điện u linh tập để viết “Cội nguồn tộc Việt”. Ông chấp vá một số truyện cổ tích ở vùng đất phía nam núi Ngũ Lĩnh của Tàu như Tài Quý Ký hay Nam Hải cổ tích ký, để thành truyện. Tuy nhiên lưu danh thiên cổ vẫn là truyện...người lấy cá để ra trăm trứng. Đời Lê, cụ Vũ Quỳnh góp nhặt sỏi đá những truyện ấy thành tập và đặt tên là Lĩnh Nam Chích Quái liệt truyện. Trong bài tựa, cụ viết: “Nước Việt ta tự cổ là đất hoang dã nên việc ghi chép còn sơ lược, những chuyện chép ở đây, từ thời nào? Tên họ người hoàn thành là gì đều không thấy ghi rõ?”).

Cội nguồn tộc Việt của Trần Thế Pháp như sau:

Xưa cháu ba đời vua Thần Nông là Đế Minh, nhân tuần thú phương Nam rất “đế mèn phiêu lưu ký”, Ngài đi với người con vợ cả là Đế Nghi, đi bằng gì, đi năm nào, không thấy nói tới. Rồi đến núi Ngũ Lĩnh, gặp một nàng tiên sinh ra Lộc Tục. Ngài phong cho con bà cả là vua phương Bắc, con bà hai

là vua phương Nam cho vẹn đôi bề. Con bà hai làm vua lấy hiệu là Kinh Dương Vương năm 2879 trước tây lịch, đặt tên nước là Xích Quỷ. Kinh Dương Vương xuống thủy phủ lấy con gái hồ Động Đình sinh ra Sùng Lãm. Một chiều chẳng biết vua cha đi đâu, vua con bèn lên ngôi, xưng Lạc Long quân để trị dân. Dân lúc nào có việc cần kêu vua con: “Bố ơi không đến mà cứu chúng tôi”.

Một ngày “Bố ơi..” gặp nàng Âu Cơ ở một mình...Nguyên văn trong văn bản tả thì “Bố ơi” thấy *đẹp lạ lùng, yêu quá, nên lấy làm vợ*. Giáp một năm, sinh ra bọc trứng và nở ra trăm con. Chia đều làm hai, 50 theo mẹ lên núi, 50 theo Lạc Long quân trở về thủy phủ, Âu Cơ lại nhắn gọi như gọi đồ sang sông: *Bố ơi không về để mẹ con ta thương nhớ*. “Bố ơi” về thật và nói: *Ta là rồng ở thủy tộc. Nàng là giống tiên, ở trên đất. Thủy hỏa tương khắc khó mà ở cùng nhau*. Âu Cơ trở lại huyện Bạch Hạc, phong cho con trưởng là Hùng Vương, đặt tên nước là Văn Lang, truyền được 18 đời và được gọi là thời Hồng Bàng. Quan văn, võ gọi là lạc hầu, lạc tướng. Về bờ cõi của nước non thì đông giáp Nam Hải, tây đến Ba Thục, bắc tới Động Đình hồ, nam giáp Hồ Tôn.

Từ “Vua Hùng” và “lạc hầu” trong chuyện người núi đánh nhau với người nước của Lý Tế Xuyên, ông Trần Thế Pháp đã huyền hoặc ra Lạc Long Quân và bà Âu Cơ. Để sau này, của người phúc ta, tộc Việt ta là... *“Con rồng cháu tiên”*.

Nhưng rất tiếc:

Ấy là ông Trần Thế Pháp mượn truyện *Liễu Nghi* trong *Đường Ký* của Lý Triều thuộc đời Tống cùng niên kỷ với đời Trần về một thư sinh xuống thủy cung gặp công chúa thủy tề và lấy nhau rồi cũng đẻ con. Rồi ông dàn dựng một nước Văn Lang, trải rộng tới hồ Động Đình, để sau này cái nhọt này cái ung, học giả cũng như học thật, quai nhau như Sơn Tinh với Thủy Tinh.

Đại Việt Sử Ký Toàn Thư

(Từ thời nhà Đinh, nhà Tiền Lê đến nhà Lý, nước ta gần như không có ai viết sử. Mãi đến đời Trần, và có thể nói, sử quan nhiều nhất là ở thời này như Trần Phổ, Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Lê Trắc và cuối đời Trần là Hồ Tôn Thốc. Đến rồi sang đời Lê với Ngô Sĩ Liên đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất, sau cụ còn là Quốc Tử Giám tư nghiệp nên tên cụ được khắc vào bia đá ở Văn Miếu. Tiếp đến là sử quan triều Lê, theo lệnh vua, cụ khảo dị qua Đại Việt Sử Ký của Lê Văn Hưu và bộ Đại Việt Sử Ký Tục Biên của Phan Phu Tiên để hoàn thành bộ Đại Việt Sử Ký Toàn Thư vào năm 1479 Hồng Đức thứ 10 thời vua Lê Thánh Tông.

Cụ viết: “Trộm nghĩ may thịnh trị, tự thẹn không chút báo đền, nên không tự nghĩ sức học kém cỏi, lấy hai bộ sách của hai bậc tiền nhân trước đây và sửa sang lại. Thêm phần Ngoại kỷ”.

Đọc “Thêm phần Ngoại kỷ” đến lộn tròn mắt mới thấy cụ đúng là sử quan chùng mực. Cụ viết: *Vua lấy con gái Động Đình Quân là Thần Long.* Người đọc ráng hiểu theo nghĩa đen là Kinh Dương Vương không lặn xuống ao, hồ để lấy công chúa hà bá. Tiếp đến: *Lạc Long quân lấy Âu Cơ và đẻ ra trăm con trai.*

May quá, không thấy đẻ ra...trứng và chia đều làm hai, 50 theo mẹ lên núi, 50 theo bố.

Cụ còn cân nhắc không đưa đoạn Âu Cơ...dâm loạn hai chồng như Trần Thế Pháp buông lời là Âu Cơ trước kia là vợ của Đế Lai, con của ông bác ruột, tức anh họ của Lạc Long Quân. Ông anh họ chu du khắp thiên hạ ham vui quá quên cả ngày về. Ở nhà, ông em họ thấy Âu Cơ *dung mạo đẹp lạ lùng và yêu quá.* Nàng cũng thấy chàng *nhì lang phong tú nên phải lòng ưng theo.*

Trong phạm lệ, cụ Ngô Sĩ Liên ghi:

Cứ theo sự ghi chép ấy thì Kinh Dương Vương là em ruột Đế Nghi, thế mà kết hôn với nhau, có lẽ đời ấy còn hoang sơ, lễ nhạc chưa đặt mà như thế chẳng?.

Cụ làm ngờ một đoạn trong Lĩnh Nam Chích Quái:

“...Giáp một năm, sinh ra một bọc trứng, Âu Cơ cho là điềm không hay, nên đem vất bỏ ngoài đồng nội, hơn bảy ngày sau, trong bọc nở ra một trăm trứng...”.

Để có một sử gia sau này nhấn nhủ: *Có lẽ là do ít ai để ý đến, nên không nhận ra những hạt sạn nhỏ nhặt. Hoặc nhiều người đã nhận ra rồi mà cho là nhỏ nên không bận tâm chẳng.*

Riêng về phần bản địa, cụ Ngô Sĩ Liên như Trần Thế Pháp, cũng lan rộng tới Động Đình Hồ. Không thấy nói tới tên 18 đời Vua Hùng Vương, ngay cả người con của Vua Hùng lập nên nước Văn Lang, cụ cũng ghi chú là “khuyết hủ”. Cụ tiếp với phần Ngoại kỷ: *Thắng có hay hoặc dở, nhưng may ra cũng có thể giúp ích phần nào cho việc tra cứu tìm hiểu đời sau.*

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục:

Bộ sử trên do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn, với họ Hồng Bàng, các sử quan...đ dẫn đo bắt đầu bằng hai chữ “tương truyền” và gần như sao bản lại y như trong sử nhà Lê 300 năm trước với câu đính kèm “Nhưng hăng cứ chép lại để truyền nghi” .

Riêng chuyện bà Âu Cơ đẻ ra 100 con trai, vua Tự Đức phê:

Kinh thi có câu tắc bách tư nam, đó là lời chúc tụng cho nhiều con trai đầy thôi. Xét đến sự thực cũng chưa đến số ấy. Huống chi lại nói đến trăm trứng! Nếu quả vậy thì khác gì chim muông, sao khác gì loài người được.

Còn địa giới nước Văn Lang, bộ *Khâm Sử* có phần cần án:

Địa giới nước ta từ đời Trần về trước, phía đông giáp biển, tây giáp Vân Nam, bắc giáp Quảng Tây, nam giáp Chiêm Thành. Vậy mà sử đời Lê chép tới động Đình hồ thì quả thực bờ cõi quá rộng rãi, chưa đời nào được như thế. Theo sách Đại Nam Thống Nhất Chí ngày nay thì Hồ Nam thuộc nước Sở. Nào biết những ranh rới tới đâu! Đại để nhiều sự việc trong Việt sử thất truyền đã lâu, không còn dựa vào đâu mà khảo đính được. Sử cũ lại chép quá xa, nào là hư truyền nước Văn Lang phía bắc giáp Động Đình hồ của nước Sở thì còn xa lắm, chẳng cũng xa sự thực lắm ru.

Đời Lê, các nhà biên khảo, học giả chưa kịp “tra cứu, tìm hiểu” đã qua đời Nguyễn, họ lại có dịp rôm rả với Lạc Việt, vua Hùng và nước Sở. Để quên bém nhời dạn dò của cụ Ngô Sĩ Liên:

Nước ta thiếu sử sách biên khảo, mà đều do truyền văn. Sao chép có phần quái đản, phiên tạp, chỉ làm loạn mắt.

Mà “*loạn mắt - phiên tạp - quái đản*” thật...

Và chuyện như thế này đây:

Lạc Việt: Tên gọi Bách Việt xuất hiện đầu tiên trong *Sử Ký* của Tư Mã Thiên, ông kê cứu theo sách *Lộ Sử* của La Tất, với nhóm man di trồng lúa nước, mà người Trung Hoa gọi là...”lạc”. Từ chữ lạc có Lạc Việt để có lạc vương, lạc hầu, lạc tướng. Với chủng Bách Việt thì “bách” đây không có nghĩa là “một trăm” mà có nghĩa là “không đếm được”. Rõ

ra chủng Bách Việt có cả hàng trăm bộ tộc, chi tộc, thị tộc, trong đó có chủng Yue. Lạc Việt là một bộ tộc lớn của chủng Yue này, gồm cả chục chi tộc, thị tộc với tiếng nói, địa bàn khác nhau. Họ là những dân du mục nay đây mai đó, đầu một cái là với cổ ngữ Hoa, họ lại gọi du mục là..."*du đãng*", vì là cổ ngữ, nên chẳng mấy ai bận tâm...

Vì vậy, khi sử Trung Hoa nói đến Bách Việt hay Lạc Việt, là họ nói tổng thể, không hẳn lúc nào cũng ám chỉ người Việt ta ở Giao Chỉ. Để có chuyện vào năm 2007, sách *Bách Việt tiên hiền chí* (?) của người Hoa viết có một người Bách Việt tên Thái Luân, là người đầu tiên sáng chế ra giấy cho nước Tàu, thế là ông này khi không được nhận là người Việt ta. Chìm đắm hỏa mù dòng Bách Việt, sử gia Phạm văn Sơn trong *Việt Sử Toàn Thư* viết:

Lấy gì để căn cứ nói rằng chúng ta là một trong nhóm Bách Việt và dẫn chứng bằng hình dáng, tính tình, phong tục và văn hóa để ấn định nguồn gốc và dòng giống ấy.

Vua Hùng - Nước Sở: Vào thế kỷ thứ 5, trong *Giao Châu ngoại vực ký*, Thẩm Hòaai Viễn thấy chữ "*Lạc*" giống với chữ "*Hùng*" nên gọi Lạc Vương là...Hùng Vương.

Chưa xong, tiếp đến là Tư Mã Thiên viết:

Đời nhà Chu, có người nước Sở họ Mị mà "mị" nghĩa là "con gấu". Tiếng Hán gọi *con gấu* là "*hùng*". Nên được vua nhà Chu phong là Hùng Vương và..."*hai mươi*" đời vua kế đều lấy tên

Hùng như Hùng Thông, Hùng Ich, Hùng Cừ, Hùng Sĩ...

Nay người đi sau với Vua Hùng của Trần Thế Pháp cùng 20 đời *Vua Hùng nước Sở*, đã dàn dựng họ Hồng Bàng như Hùng Hi, Hùng Tạo, Hùng Vĩ... Họ lặn lội tìm tòi cho bằng được đầy đủ tên và niên đại của 18 đời vua này, không sót một vị vua nào. May mắn thay, trong tay người viết có tới 3 (ba) bản gia phả...khác nhau. *Lộn mắt* hơn nữa là trong đó có một bản, nếu tính theo tuổi thọ thì mỗi vị Vua Hùng Vương ta trung bình là...145 năm, để chẳng thấy “đầu Ngô mình Sở” tí nào.

Và lại *phiên tạp* thêm với...

Nước Sở - Nước Việt: Chuyện lạc đường vào lịch sử với thời lập quốc, nước ta có tên là...”Nam Việt”. Bằng vào đời Vua Hùng Vương thứ 18, các sử quan xưa như Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên và Ngô Sĩ Liên dựng sử nước “Nam Việt ta” như dưới đây:

Nhà Tần lấy Giao Chỉ làm Tượng Quận, Triệu Đà dấy binh đánh lấy hết các quận quốc rồi xưng đế. Đến thế kỷ 20, theo *Lịch Sử Việt Nam* và *Việt Nam Sử Lược* của Đào Duy Anh với Trần Trọng Kim, thì thời Sở xâm lấn *nước Việt cũ của Câu Tiễn*, dân Việt ấy “có thể” di cư xuống đồng bằng sông Hồng. Từ truyện trên, sau này các nhà biên khảo, học giả nhận bá vơ bằng cách này hay cách khác, tất cả Việt

Câu Tiễn, Nam Việt Triệu Đà được vợ đưa cả năm là Việt ta.

Quái đản hơn nữa là...

Là gần đây, quý vị biên khảo, học giả trên còn đèo bong từ trên xuống dưới là vua Thần Nông, cho đến Lão Tử, ngay cả Tây Thi, Phạm Lãi...“có khả năng” là người Việt ta tuốt.

Một sử gia tân đương đại đã giận lầy những vị trên như sau:

Họ có thói quen lười nhác, lặp lại lời kẻ khác. Nói nghiêm chỉnh hơn, đó là do tác động đến tận tiềm thức của thành kiến, để nô lệ một cách vô thức. Họ trích dẫn chủ quan sai lạc từ các sự kiện trong sách sử từ xưa tới nay để viết về sử Việt Nam”.

Người viết thấy người sử học này lằng nhằng với chữ nghĩa quá thể, thì cứ như một nhà văn, cũng là nhà biên khảo...“nghịch dư”, làm chơi ăn thật có một câu đề đòi:

Việt Tàu, Việt Ta chẳng thể lộn giống: Người Tàu chan...xì dầu - Người Việt húp...nước mắm. Để hiểu vậy thôi, thưa bạn đọc.

Về rết thêm chân thì người viết mạo muội thuật một chuyện nhì nhằng với đất đai và ải Nam Quan. Chuyện là năm 1802, chúa Nguyễn Ánh, chẳng là lúc ấy chưa được chính danh làm vua, thống nhất bờ cõi xong, bèn sai sứ thần qua Tàu xin sắc phong là Gia Long và quốc hiệu nước nhà là...Nam Việt. Vua Càn Long nghe xong táng đờm kinh hồn vì ngại hồn

ma bóng quế cái tên Nam Việt thời Triệu Đà dấy binh làm loạn cũng phiền toái cho...hậu sự không phải là ít. Nên nại có tiếng Tàu đọc từ phải sang trái, thế nên đổi lộn ngược lại là Việt Nam. Hóa ra Càn Long cũng tềng beng təc béc về sử học và không hay rằng vào thời Lê Trịnh, sử quan Ngô Thì Sĩ có纂 án trong *Việt Sử Tiêu Án* là sử quan Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, Ngô Sĩ Liên đều sai vì rằng:

Triệu Đà chỉ mới ngừng chân ở Quảng Đông, Quảng Tây, chưa đến đồng bằng Bắc Việt. Mà nước “Nam Việt ấy ở bên Tàu”, miền Nam Hải, Quế Lâm. Do vậy, trong sử Nam ta chẳng bao giờ có quốc hiệu là Nam Việt với một ông vua gốc Tàu tên Triệu Đà.

Đọc lại dăm pho sử - Nói tiếp nhau viết sai - Sai từ đầu thượng cổ ắt hẳn là như thế?.

Một ngày tôi, là người viết tạp bút này, thừa được quyển *Sử Việt*, đọc một quyển của sử gia tân đương đại than rằng các sử gia chỉ chép sử qua một quyển sách gởi đầu giường là...quyển *Đại Việt Sử ký toàn Thư*. Ngay trang đầu có câu đầy khinh thế ngạo mạn: *Cô vọng ngôn chi*, và tác giả chuyển ngữ là: *Hình như lời người viết sử nói chuyện với...ma*. Và tiếp: *Té ra khi đọc sách, người ta chỉ đọc những gì muốn thấy. Chứ không phải những gì thực sự hiện ra qua những dòng chữ. Khoan nói tới nhưng gì phía sau các dòng chữ ấy nữa*. Đề rồi người viết

như...lạc vào mê hồn trận với sử gia, chẳng khác gì khói lửa kinh thành với thập nhị sứ quân, nhất tướng công thành vạn cốt khô, cùng mỗi người mỗi niên đại, niên hiệu khác nhau. Hết cuộc binh đao, nỗi buồn chạm mặt là gặp mấy nhà biên khảo, học giả, hành giả cùng địa danh bắc giáp địa dư, tây giáp địa chí mù mịt như bát quái trận đồ.

Tôi nay, canh khuya trần trọc, vì mới đọc xong một đoản ký về hai trận chiến giữa nhà Trần và quân Nguyên của sử quan Lê Trắc. Cự vừa là sử gia, vừa là nhân chứng, tôi thấy bài viết rất xúc tích và sống động. Như trận chiến lần thứ nhất, cự đứng về phía nhà Trần, nên người viết cũng góp nhặt được ít điều như Bảo Hàu Trần Bình Trọng bị bắt ở ải Thiên Mạc chứ không phải là ải Lão Qua. Sau cự Lê Trắc bị bắt làm tù binh, trận chiến lần thứ hai, cự ở bên chiến tuyến nhà Nguyên. Tôi mới thấu đáo được trận đồ của đức Trần Hưng Đạo là không đánh vào đại quân hay 500 chiến thuyền của Thoát Hoan, mà nhắm vào 70 thuyền chở lương thực của địch, để Ô Mã Nhi vất vưởng trên sông Bạch Đằng, còn lại chỉ là nhất kiếm treo ngành của tướng quân Trần Quốc Tuấn.

Tôi thiếp đi lúc nào không hay, như lạc vào cõi khác để tôi có túc duyên gặp lại người trăm năm cũ, không ai khác hơn là cự Lê Trắc. Cự áo lương khăn lượt, nho nhã tiêu dao, ra đón tôi tận cổng, sau khi thủ lễ và vấn danh, cự đưa tôi vào Cổ Đường. Chủ

khách an vị, bậc tiền bối, kẻ hậu sinh, sau tuần trà, cùng nhau đốt lò hương cũ. Miếng trâu là đầu câu chuyện, tôi nói tôi cũng đang...”tha hương ngộ cố tri” như cụ xưa kia, cụ nheo mắt nhìn tôi tuôn một tràng...tiếng Tàu: *Bộc sinh trưởng Nam Việt, thập tuế gian bốn tẩu bán quốc trung*. Giờ ạ cụ làm tôi hựt hẫng, bụng bảo dạ: Quái, hay là cụ quên tiếng Việt rồi chẳng, nên cứ lo lo. Mà còn nước Nam Việt nào nữa đây, đâu đó tôi cũng có ý hồ nghi cho là cụ như...Từ Thức về trần...

Nhưng tôi cũng ân cần xin cụ chỉ dẫn vài khúc mắc bấy lâu để...”tham chiếu”, như truyền thuyết họ Hồng Bàng với ần dụ gì? Mà cho đến bây giờ, những bậc thức giả văn kiến súc tích vẫn còn có những cái nhìn khác biệt. Vừa buông xong chữ *tham chiếu* là tôi ớ ra, chỉ vì ngại cụ không thông tiếng Việt thì bỏ bu. Cụ tùm tùm cười, đôi mắt thật tinh anh và nhắc khéo tôi ấy là tham khảo. Rồi cụ lại sở nho: *Kỳ tha tự thuật diệc giai tường thiệm, tuân khả vi tham kê hỗ trợ chi trợ*. Giờ ạ, mặt tôi lại đực ra như ngỗng ỉa...

Sau đó cụ ôn tồn kiến giải qua cái nhìn của một nhà sử học:

Theo cụ người phương Bắc muốn đồng hóa người Việt mình bằng cách cho rằng cả hai là một dòng của người Hoa. Chẳng may sau một ngàn năm đô hộ, họ để lại rơi rớt một đứa con lai là Trần Thế Pháp với hai dòng máu Tàu-Việt. Vì vậy, qua *Lĩnh*

Nam Chích Quái, ông này cùng chỉ muốn gán ghép nguồn gốc Hán tộc cho Lạc Long Quân. Thành ra cụ khuyên tôi chỉ nên coi Hồng Bàng Thị như dựa trên chuyện kể dân gian nào đó với những thêm thắt ly kỳ. Các nhà chép sử bây giờ, với xu hướng chỉ tin những gì vào người phương Bắc ghi chép nên cũng lập lại gần như nguyên văn những huyền thoại lơ mơ lổ mổ ấy thôi.

Tôi ngáo ra vì mới đây, có một hậu bối cũng luận chứng y như cụ Lê Trắc và chuyện rằng:

Bối cảnh của truyện Vua Hùng được dựng chung quanh nước Sở với truyền tích Đế Minh là cháu ba đời vua Thần Nông người ở bắc Động Đình hồ đã gây ra biết bao ngộ nhận qua bao thế kỷ. Mục đích không ngoài chỉ chỗ cho Việt tộc biết là họ phát xuất từ Hán tộc. Để người sau quơ cào Thần Nông là ông tổ của họ và đây cũng là ngộ nhận của những nhà viết sử. Như *Kinh Dương Vương*, hoàn toàn tên hiệu là tiếng Hán rỗng, mang nghĩa vua của *châu Kinh* và *châu Dương* của nước Sở thời Xuân Thu Chiến Quốc. Tới Âu Cơ, người ở phía nam Động Đình hồ, cũng người nước Sở, bên cạnh nước Việt của Câu Tiễn. Hôn nhân giữa Âu Cơ và Lạc Long Quân là thứ hôn nhân dị chủng và đẻ ra Hùng Vương, tên tuổi cũng là tiếng Hán rỗng nốt, như Hùng Huệ vương, Hùng Tấn vương.. Hóa ra Hùng Vương là người gốc Tàu hay mang hai dòng máu, tức..."lai" Tàu rõ.

Người hậu bối kết luận *Truyện Lĩnh Nam Chích Quái* viết rõ mười mười là như thế, rằng như vậy.

Biết vậy nhưng tôi vẫn ngâm hột thị, nghe cụ giải bày:

Cụ Ngô Sĩ Liên cũng như bất cứ ai, viết sử nhưng không có đủ tư liệu để mà viết, nhất là gần 13 thế kỷ sau thời Vua Hùng. Vâng lệnh vua Lê Thánh Tông soạn bộ quốc sử, cụ có lời tâm huyết là *cụ không dám rong ruổi ngàn năm để làm chuyện chấp vá*. Chỉ vì sau nhiều năm bị đô hộ bởi Hán tộc, cụ mượn truyền thuyết *Tam vương ngũ đế* với 18 Vua Hùng để quân bình ngôi thứ, hai chủng tộc mang cùng một huyết thống, hầu mong tránh cảnh nòi da xáo thịt. Nhưng non sông gấm vóc thì hoàn toàn riêng rẽ từ *Động Đình Hồ* trải dài tới đất *Hồ Tôn*. *Nước Đại Việt ta ở phía nam núi Ngũ Lĩnh, thế là Trời đã chia Nam, Bắc hẳn hoi*. Tất cả chỉ là những sử liệu để diễn sử, dựng sử và cụ đã cẩn trọng đưa vào phần ngoại kỷ, mà không đưa vào phần chính sử là vậy.

Thế nhưng năm 1928, sử gia Trần Trọng Kim soạn *Việt Nam sử lược* dựa vào *Đại Việt sử ký toàn thư* với truyền thuyết Hồng Bàng. Cùng thời chữ quốc ngữ phát triển, *Việt Nam sử lược* được đưa vào học đường làm sách giáo khoa, khiến huyền sử thành chính sử, rồi thâm nhập lâu ngày nên không đổi được nữa.

Lại cũng cụ Trần Trọng Kim, hết nặng tình với nước non, nặng nợ với văn hóa nước nhà, cụ Trần lại mang *văn hiến* vào sử sách cho rách chuyện. Cụ Lê Trắc chép miệng thở dài, nói ra thì lộng ngôn, mà khổ một nỗi, tiếng Nôm ta xưa không có chữ nào tương đồng với chữ “văn hiến” này cả. Khởi đầu từ thời vua Trần Dụ Tông, vua Minh tặng cho sứ thần ta là Đỗan Thuần Thuần bốn chữ *Văn Hiến Chi Bang*, để nâng địa vị sứ thần nước ta trên sứ thần Cao Ly ba cấp. Đến thế kỷ 15, trong phần đầu bài *Bình Ngô đại cáo*, cụ Nguyễn Trãi viết “Duy ngã Đại Việt chi quốc, thực vi văn hiến chi bang”, nghĩa là *như nước Việt ta từ trước, vốn xưng văn hiến đã lâu*. Cụ Trần Trọng Kim là kẻ sĩ cuối trào Nguyễn, cụ cổ võ cho nho phong sĩ khí, dựa vào *Bình Ngô đại cáo* và họ Hồng Bàng khởi thủy từ năm 2879 trước Tây Lịch để có câu “Việt Nam có 4000 năm văn hiến” gần đây. Mà trước đó, ngay cả vua Tự Đức khi bút phê về việc biên soạn pho chính sử nhà Nguyễn cũng đã tỏ dấu nghi ngờ với niên kỷ, niên đại và cho rằng:

Chẳng qua sử cũ chép quá phô trương đó thôi.

Cụ Lê Trắc ung dung tự tại:

Nói chung thì các sử gia xưa thường chép sử chứ không trình bày. Các sử gia ngày nay nặng về sưu tầm chứ ít tra cứu. Mà nếu có tra cứu gặp nhiều khó khăn, phức tạp và chính vì tính cách phức tạp của khó khăn. Họ đã nhảy qua vũng lầy của lịch sử, để dễ dãi chấp nhận những gì của những sử gia đi

trước. Ngay cả với bản thân cụ cũng vậy, ngồi ở Đại Đô (*Bắc Bình*) với những tư liệu hạn hẹp, đất đai xa cả nghìn dặm, địa chí mù mờ, sử học dựa vào chiếu thư, đạo dụ, sổ chỉ.

Sử quan sau là những bảng nhãn, thám hoa nghe mệnh vua, ngồi trong quốc sử quán, viết sử chính thức cho một triều đại nên được gọi là chính sử. Thế nên họ chỉ viết theo thiên kiến, nhìn thấy một góc cạnh thẳng trầm nào đó, nếu có phóng tay viết khác đi một chút là mang tội khi quân bay đầu như chơi. Nhẹ thì như Tư Mã Thiên, vì cãi lệnh vua không bẻ cong ngòi bút mà thành họa quan. Trăm dâu đổ đầu tằm Khổng Tử là người tiên khởi viết sử biên niên, thuật lại sử kiện dàn trải rải rác theo thời gian, từng triều vua. Khổng Tử cắt, bỏ sử nước Lỗ biên soạn thành sách *Lâm Kinh* tức *Xuân Thu* và than rằng: “Tri ngã dã kỳ duy Xuân thu hồ - Tội dã ngã kỳ duy Xuân Thu hồ!”. Diễn nghĩa là *biết Ta cũng nhờ sách Xuân Thu. Buộc tội Ta cũng vì sách Xuân Thu!*.

Trăm dâu đổ đầu tằm..., tôi đồ là cụ đây muốn đàn tràng giải oan cho sử quan Ngô Sĩ Liên. Vì sử gia sau đó vấy rằng: *Ngô Sĩ Liên là người mang Hồng Bàng Thị vào sử sách mà trước đó, Lê văn Hưu, Phan Phu Tiên, Lê Trắc thì không*. Thế nhưng họ quên bằng đi bài toán nhầm vừa gà vừa chó đếm đủ 36 con là cụ đây lưu lạc sang bên Tàu thì không nói làm gì. Còn sử quan Lê Văn Hưu mất năm 1332, trước khi *Việt Điện U Minh Tập* và *Lĩnh Nam Chích*

Quái có mặt thì bói đầu ra mà có...18 đời vua Hùng vương.

Đến đây cái đầu tôi ngộ ngộ, chẳng là dăm lần tôi cũng ôm một mớ văn bản xưa về quan ải, càng đọc càng tit mù vì chẳng biết ải Nam Quan nằm ở đâu. Bỗng chợt tối hôm qua, trong *An Nam chí lược*, cụ có đề cập đến trận đánh ở ải Pha Lũy tức ải Nam Quan vào tháng 6 năm Đinh Mùi 1427 cùng những chỉ dụ, chiếu thư, phúc thư bang giao giữa nhà Trần và nhà Nguyên.

Cụ tặc lưỡi, chuyện là như thế này:

Năm 1084 nhà Tống trả lại cho nước ta 6 huyện. Người Tống chế riều việc này qua câu thơ: “Nhân tham Giao Chỉ tượng – Khước thất Quảng Nguyên kim”. Diễn Nôm là *vì tham voi Giao Chỉ mà bỏ mất vàng Quảng Nguyên*. Cuối đời Nguyên, sau loạn lạc họ yếu thế, người An Nam ta vượt biên cương chiếm thêm 5 huyện khác nữa vì vậy có cuộc tranh chấp lãnh thổ giữa Vua Trần Thuận Tông và Minh Thái Tổ qua văn thư, chiếu thư trong vòng 3 năm, được Nguyễn văn Siêu, trích từ bộ sử *Minh thực lục* và ghi vào sách *Phương đình dư địa chí*. Cụ lấy ra dăm mảnh giấy hồng điều đã ngả màu, đưa cho tôi và tôi cầm đầu tụng...

Chiếu thư Minh Thái Tổ:

(Ngày 1 tháng chạp năm Hồng Vũ thứ 29, nhằm ngày 31-12-1396, trích Minh Thực Lục quyển 248, trang 3000-3001)

Giao Chỉ thuộc Giao Châu xưa, dưới thời Hậu Hán có người đàn bà tên Trắc làm loạn. Vua Quang Vũ sai Mã Viện sang bình định, bèn xây Đồng Trụ ở huyện Uyên (Đồng Đăng) làm trong ngoài. Gần đây, An Nam chiếm 5 quận đưa binh mã vào từ 100 tới 300 dặm đánh phá 5 quận (khoảng 50 tới 150 cây số), chẳng phải thừa loạn lạc nhà Nguyên ta mà chiếm được ư. Vua tôi đều nói đất này thuộc An Nam đã lâu, nhưng không biết do hai đời Lý, Trần hay đời nào đặt ra, cứ nói theo đời trước bảo đây là đất của tổ tiên mà không trưng bằng có.

Đợi tôi đọc xong, cụ trao tờ giấy thứ hai, tôi lúi cuí niệm...

Chiếu thư vua Trần Thuận Tông:

Xét cho kỹ thời Hán Vũ thứ 19 sai Mã Viện đến Giao Chỉ đánh dẹp người con gái họ Trưng lập Đồng Trụ. Tính đến nay đã hơn 1.350 năm, dưới một nghìn năm gò lũng đã biến đổi, ai mà biết được Đồng Trụ ở đâu? Bảo hạ quốc vượt Đồng Trụ cả trăm dặm để xâm chiếm 5 huyện, mới đây nhậm chức cho vẽ địa cùng sự kiện trong Kiến Vũ Chí, địa chí thư từ đời Hán, Đường của quý quốc. Nếu hạ quốc xâm chiếm thì trả lại có khó gì, nay không xâm chiếm có gì để thoái hoàn. Năm huyện này là của hạ quốc, đời truyền đời, đất để lại phải giữ vững. Đâu

để đất đai của tổ tiên giao cho quý quốc, thế nên hai bên cứ giữ biên giới đã định sẵn.

Cụ chau mày nói rằng tiên sinh nghiệm ra thấy rằng chiếu thư của Vua Trần Nhân Tông, vị vua cuối cùng thời Trần mất, đang ở thế yếu. Vậy mà vua ta dùng lời vừa cay chua, vừa mãnh liệt, cương quyết không nhường một tấc đất, quả là khâm phục thay.

Cụ trao thêm một văn thư bộ Lễ nhà Trần gửi bộ hộ nhà Minh:

Trước đây thiên sứ mấy lần đến triều quốc, khi nghênh tổng cứ đòi dừng lại ở Đồng Đăng. Việc nghênh tổng và cương giới không liên quan gì đến nhau. Vì Đồng Đăng là chỗ xung yếu, hoang dã, không có huyện quan lo việc khoản đãi, nên không tiện lập trạm.

Sợ tôi chữ tác đánh chữ tội, cụ giảng giải ý bộ Lễ là không có chuyện tiếp đãi ở biên giới. Thêm nữa, biên giới hai nước rõ ra không phải ở ấp Đồng Đăng với văn thư tiếp:

Việc giao cắt phu ngựa thì hai bên gặp nhau tại cương giới, địa điểm hiện nay tại ải Pha Lũy Dịch, giáp với đất Bằng Tường.

Tôi như muốn nhảy cẫng lên, quỷ tha ma bắt, hóa ra ải Pha Lũy hay Nam Quan nằm trong đất Trung Hoa gần Bằng Tường thật. Theo bản đồ ngày

nay, tôi lò dò đo với tỷ lệ xích thì đường đi từ Đồng Đăng tới Bằng Tường là khoảng 20 cây số không sai chạy. Giời ạ, như tác giả Tsai Tin Lang và *Đại Nam nhất thống chí* đã... "nhất thống" ở khúc trên.

Qua cụ, ả Nam Quan đã tìm ra ở đâu đó rồi. Nhân chuyện đất đai, tôi vạ mồm vạ miệng thừa với cụ về cột trụ đồng Mã Viện phải chăng là ở Đồng Đăng như nhà sử nhà Minh đã viết?.

Cụ trầm ngâm một lúc lâu, chậm rãi cho hay là trong cuộc cắm mốc phân định biên giới năm 1886-1887 giữa ông đặc sứ toàn quyền Pháp Constant và tổng đốc Lương Quảng Trương Chi Động. Ông Chiniac de Labastide, một người trong phái bộ viết:

Khi tôi cho ông chủ tịch phân giới Trung Hoa biết rằng, mặc dù đã nhiều nỗ lực tìm kiếm, vẫn không tìm thấy núi Đại Phân Mao Lãnh mà dưới chân núi có trụ đồng của tướng Mã Viện. Ông này im lặng, vài ngày sau, ông chỉ tôi trên bản đồ phía nam Pi Lao một dãy núi và cho đó là nơi chôn đồng trụ. Khi tôi la lớn vì mạo nhận phi lý này, ông ta mới trình trọng cho tôi hay là sách Đại Nam Nhất Thống Chí của nước ông...ghi sai, trụ đồng ở ngay Tiểu Phân Mao Lãnh này. Ít lâu sau, tôi vô tình gặp và hỏi một cụ già An Nam là núi Đại Phân Mao Lãnh ở đâu?. Cụ chỉ về phía bắc và nói ở đằng kia, nhưng xa, xa lắm. Vậy là trên một khoảng dài 40 km, người ta đã bỏ biên giới lịch sử của An Nam và rời xa về

phía nam. Việc này An Nam đã mất 7 xã rưỡi thuộc tổng Bát Tràng (?) và 2 xã thuộc tổng Kiến Duyên.

(Địa hình đôi núi khái lược của “Trần Nam Quan Bồ Phòng Đồ”: Cổng ra vào với Ai Nam Quan của ta nằm bên trái bức họa (có đóng khung đồ), từ cái nhìn qua “Trần Nam Quan Bồ Phòng Đồ” của người Trung Hoa vào thời đại cũ nên ta thấy được kiến trúc nguyên thủy của Ai Nam Quan bên phía nước ta. Ta thấy có một cổng lớn, hai bên cổng là hai dãy tường thành dằng cao nhưng bị cắt ở hai bên lưng núi. Một khoảng sau cổng mới đến phần cổng có mái ngói. Từ phần cổng mái ngói này có dãy tường thành chạy dài lên đỉnh núi. Đó là phần đất Trung Hoa).

Kể xong, mặt cụ trăm tư trông thấy, vì gần đây vào năm 2006. Chuyện là một sĩ phu Bắc Hà thổ cư ở Thăng Long cổ thành vừa tìm thấy một tấm đồ thị có tên là *Việt Nam địa dư đồ* lưu trữ ở Anh Quốc, do Xa Khâu Từ Diên Húc đời Thanh soạn. Trong bản đồ có ghi: *Việt Nam quốc toàn đồ thuật lược*, hiểu theo nghĩa là *ghi chú tóm tắt và đánh dấu đất đai của ta* thời ấy: Như “Nguyễn Quang Trung phụ tử cư” là *thổ ngơi của cha con Nguyễn Quang Trung*. Tới “Thử Việt vương Nguyễn Phúc Ánh diệt chi tọa độ thử” là *Vua Nguyễn Phúc Ánh diệt họ rồi lấy đó làm kinh đô*. Ngay chỗ này ghi “Việt Nam kiến quốc đô” tức *đóng đô của Việt Nam*. Vùng bề thuộc Việt Nam có hai hàng chữ và dấu rất sắc sảo là “Tiểu

Trường Sa hải khẩu” và “Đại Trường Sa hải khẩu” công nhận hai đảo này của ta vì với bản đồ cổ thì Tiểu Trường Sa chỉ Hoàng Sa và Đại Trường Sa chỉ quần đảo Trường Sa hiện nay.

Cụ lắc đầu ngao ngán, có biên sử mà chẳng có biên cương, nhờ có Nguyễn Văn Siêu mới biết nhà Tống trả cho ta 6 huyện, cuối nhà Nguyên, quân nhà Trần ta tiến sâu vào 300 dặm. Vậy mà địa giới đất đai vẫn mù mờ, ngay vua Tự Đức cũng đã than:

Xét chung từ trước đến sau, đất đai của nước Việt ta đã mất về Trung Quốc đã đến quá một nửa. Tiếc rằng vua sáng tôi hiền các triều đại nhiều người hiếm có ở trên đời, mà vẫn không thể lấy lại một tấc, đó là việc đáng ân hận lắm! Thế mới biết việc thu hồi đất đai đã mất, từ đời trước đã là việc khó, chứ không những ngày nay mà thôi. Thật đáng tiếc...!

Biên giới nước ta rất dài, có rất nhiều ải quan như Khải Lợi, Hàm Tử, Nội Bàng, Thiên Hán, Thiên Mạc, Phủ Dịch, Anh Nhi, Nữ Nhi... Đất nước càng ngày càng thu hẹp, chẳng biết tự lúc nào, sử sách đi vào quên lãng, sử gia thao thức chập chờn. Cũng mới gần đây thôi, sau khi Vua Quang Trung mất, đến đời Quang Tự, họ đã phá ải Nam Quan, để xây ải mới sâu vào đất đai nước ta.

Trời vào khuya, đĩa đèn dầu lạc voi dần, tim đèn màu xanh kêu lách tách, thư phòng vắng động

trong mông lung, u tịch. Cụ như chìm trong khoảng không nhạt nhòa, giọng cụ mệt mỏi, như níu kéo: Đất nước lại thêm một lần mất mát, chẳng ai biết chẳng ai hay nước non nghìn dặm ra đi, như những cánh bèo nổi trôi....

Đĩa đèn dầu lạc loé lên rồi phụt tắt. Cũng vừa lúc cụ thăng trong khói mờ nhân ảnh, đầu đây âm hưởng tự cõi u minh, trầm uất vọng về tự nghìn năm xa vắng:

- Trả ta sông núi...Trả ta s..ô..ô..ng núi..Trả ta sông n..u..ú..i... s..ô..ô..ng... n..u..ú..i...

*Trúc gia trang
Hạ chí, Giáp Thân 2004*

Nguồn:

Việt Điện U Minh Tập – Lý Tế Xuyên
Lĩnh Nam Chích Quái - Trần Thế Pháp
Đại Việt Sử Ký Toàn Thư – Ngô Sĩ Liên
Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục
Việt Nam Sử Lược - Trần Trọng Kim
An Nam Chí Lược – Lê Trắc

Bài viết được góp nhặt qua những tác giả:
Ngô Sĩ Liên, Nguyễn Lý Tường, Trần Gia Phụng,
Tạ Chí Đại Trường, Trần Đại Sĩ, Hồ Ngọc Thảo,
Nguyễn Xuân Quang, Trần Thị Vĩnh Tường, Võ
Phiến
Nguyễn Đức Cung, Lê Hữu Mục, Nguyễn Nguyên.

Mã nhật tượng điền xe liên pháo cách

Chuyện nghe kể đã lâu, nhớ được bao nhiêu viết bấy nhiêu, vậy mà phải nhai văn nhá chữ từng câu, từng chữ. Không phải vì đằng sau hai chữ *Kỳ vương* đây rầy những huyền thoại, cũng chẳng phải là bạn cũ trường xưa, chết vì cái tên tục tôi gán ghép cho nó. Chả là bấy lâu nay tôi ôm đồm một mớ chữ nghĩa với triết lý củ khoai này nọ, thẳng như một lúc nào đó lỡ có hột hăng đâm phải lỗ chân trâu, như thua một ván cờ, rồi xóa bài làm lại. Như thể đang trối chân kỳ ký tra vào rọ...thì đừng đoảng thế nào chẳng biết nữa, một ngày vấp phải hòn đá bên đường, để rẽ qua một khúc quanh khác, để trở một con người khác.

Ấy cũng là chuyện của thằng bạn tôi...Hay bắt cứ ai.

Nói về thằng này thì chẳng có quái gì để mà nói, chỉ toàn những chuyện cũ rích đến chán phèo của năm này tháng nọ. Thế nhưng đã mang lên giấy trắng mực đen, mà chuyện nào chẳng có chút thêm bớt, bỗng thấy nó có một khuôn mặt xa lạ và chẳng giống ai. Thôi thì lọt sàng xuống nia, sau này rảnh rang có đọc lại mấy hàng viết về một thằng bạn cũ thì cũng miên man với một thoáng vu vơ nào đó: Ủ thì nó đấy, cùng một cái họ một cái tên.

Đạo ấy nghe danh kỳ vương của nó vang vọng tứ phương tám hướng từ cái xứ chó ăn đá gà ăn muối, tôi cũng có một chút hãnh diện còm là có thằng bạn chết tiết cũng danh trấn giang hồ như ai. Thực tình mà nói tôi không ngạc nhiên lắm, vì bất cứ chuyện gì cũng có thể xảy ra dưới ánh sáng mặt trời, nhất là lại với nó. Hơn thế nữa, những ngày mới lớn, tôi đã từng thấy nó nhiều bận nhấp nhòm châu rìa xem mấy bạn của ông cậu nó lách cách với mấy con cò. Mỗi lần vậy tôi lại nhìn cái bản mặt cứ thộn ra, lỗ chỗ những vết chấm bằng đầu mắt muối như “mặt bằng” Khe Sanh bị B52 trải thảm. Số là nhà hai thằng tôi nằm trên con phố Trần Bình Trọng nên nhiều bận tôi còn bắt gặp nó ngồi chồm hổm bên vỉa hè, ngó ra xem cò thể của mấy bác đạp xe xích lô ở ngay đầu Chợ Quán. Ấy vậy mà khi họ gài được nhau một thể cò cao thâm bí hiểm, mấy tay hảo hán

quần đùi áo thun hô hoán vang trời dậy đất những tên đầy nho phong sĩ khí. Thì mặt nó lại lão ngáo trông thấy, thấy tội nghiệp cho thằng con gì đâu.

Nhưng cái mà tôi ngạc nhiên là những mẩu chuyện được nghe kể mới đây, như năm nào nghỉ phép cũng vù qua Tân Gia Ba, Hồng Kông để đánh độ kiếm chút cháo bào ngư. Độ nào độ nấy cũng bạc trăm bạc ngàn, nghe cũng dễ nể chứ đâu có bỡn. Vì vậy tôi lại càng háo hức muốn gặp lại nó để hỏi cho ra nhẽ. Mãi đến khi nghe tin nó sẽ có mặt ở thành phố Cự Kim Sơn, trong một trận thư hùng với một danh thủ từ bên Trung Hoa Lục Địa sang. Gặp lại, chả hiểu nó muốn hù dọa gì tôi không mà tha hương ngộ có tri. Nó đi một đường diễn xuất với qua dáng dấp khật khùng cùng nụ cười khinh bạc của một anh hùng ngã ngựa, lâu lâu lại nhún vai một cái ra cái điều ta đây...sinh lầm thế kỷ. Thế nhưng bắt trúng tần số thì bốc vung tít mẹt, nhưng đầy hào hùng, hào khí, trước sau gì nó cũng chỉ có một đề tài là quy tụ anh em cùng một chí hướng. Nói trộm sau lưng nó, nghe một lần cũng xuôi tai mát con mắt, nhưng nhảm nhăng hai ba phùa thật tình cũng có đôi chút ngán ngẫm. Lạy Chúa tôi, vì đến giờ này nó vẫn còn hào hứng kể chuyện ông cụ nó cùng Nhất Linh, Hoàng Đạo khăn gói gió đưa vượt biên giới qua Tàu. Nhưng trong bụng dạ tôi cũng phải thâm phục là đến cái tuổi này vẫn còn nhiệt tình, nhiệt tâm đội đá vá trời với...chuyện nước non ngàn dặm ra đi.

Rồi nó dẫn dắt tôi về rừng núi sinh lầy, leo giây tử thân, băng rừng lội suối để gặp lại bạn cũ cùng những khuôn mặt, những bóng dáng ở sân trường ngày nào. Thằng thì mới đầu đây, mặt mũi non choet, vậy mà khi *Cop ba đầu rắn* dẫn lính xuống núi cũng một thời ngang dọc, ngang tàng khí phách như ai. Thằng thì củ mủ cù mị, khóac chiến bào cũng chỉ vì màu áo hoa rừng. Nhưng khi nhập thế sự thăng trầm quân mạc vẫn cũng uống rượu chửi thề tới bên. Với nó cũng chỉ có vậy, không ngoài những ký ức ngắn dài với thằng này thằng kia. Với dáng ngồi lom khom, nó như con hổ nhợ rừng... Thế nhưng tuyệt nhiên nó không luận gì về cờ tướng, hay nó là thằng mục hạ vô nhân nên coi thường tôi, ra quân xách xe xuống núi là hết...đất, đi năm phút lại trở về chốn cũ. Biết vậy nên tôi thủ kín như bưng, có nghĩa là tôi đang âm thầm đánh cờ, đấu trí với nó. Tôi đang đợi nó bật mí, bình rượu để lâu, ngọt hay chua cũng tùy. Lại nữa, nó chỉ là người chứ có phải là thánh đâu, cũng tham sân si như ai nên nó từ Úc bay sang đây làm một trận sóng mái để kiếm chút danh còm.

Đôi thủ của nó là một lão Tàu già, đầu tóc bạc phơ như vua cờ Đế Thích trong tranh vẽ, tay cầm quạt phát phơ, như Nam Tào, Bắc Đẩu rời chốn tiên cảnh bồng lai để cứu nhân độ thế, châu rìa điều đóm mà thiếu rượu thì đừng có hòng, thiên cơ bất khả lậu là cái cẳng. Thế nên nước cờ của người cỗi trên có

khác, qua góp nhặt cóc nhái của tôi thì an nhiên tự tại, đi những nước cờ khoáng đạt và thanh thản như nước chảy mây trôi. Lão dần bình bố trận ở thế thủ, nhưng lóang một cái chuyển thành thế công, kỳ bí khôn lường. Trong khi nó như Lưu Linh, ra quân ngất ngưỡng, quơ cào chụp con tốt, vồ con mã, chân nam đá chân xiêu ở cái thế ỉ dốc, ào ào như thác đổ. Ấy vậy mà lối quờ thế nào mất bu nó cặp xe, nhưng vẫn còn cặp pháo. Đang bình tài, bất phân thắng bại bỗng dưng nó buông một tiếng “Thua” trời ơi đất hỡi, cúi đầu chào lão Tàu già, phong cách khiêm cung thấy rõ.

Tôi lâu bầu rùa thăm rằng vô chi bất mộ, tài cán gì thằng quái này, trong đám mù thằng chột làm vua chỉ được nước nổi dậy là không ai bằng! Chưa hết, đợi lão đứng dậy, nó đi theo nhỏ to với lão dăm câu gì đó. Một già, một trẻ thì thảo cả một lúc lâu. Lại một nhẽ lão với nó như tương đắc, tương bản, như quen biết từ thuở tám hoánh nào rồi. Hóa ra không phải là lão Tàu, mà chính nó mới là thằng... kỳ bí. Vừa ra khỏi cửa tôi chộp nó hỏi ngay có sự gì mà lạ quá thế vậy? Nó lẳng lặng mỗi điều thuốc lá, thở ra khói và buông thõng một câu khiến tôi chới với lộn thừng lộn chảo:

- Tao đánh đề... thua.

Bá ngọc nó chứ, đến nước này tôi đành lắc đầu chịu thua và rủ nó ghé quán vắng ven biển để nói chuyện phải quấy với thằng khó chơi này. Trên đường đi, trong đầu tôi cứ lẩn lẩn là hình như nó

cũng biết tiếng Tiều, tiếng Hẹ thì phải? Vừa đặt đít ngồi xuống chưa nóng chỗ, không “oong-đơ” gì sất, tôi bập ngay tức thì:

- Kể đi mày, thằng ma gà.

Nheo mắt nhìn tôi cười tùm, không trả lời ngay, nó bình thản gọi hai con cua đá khá nặng kí, một chai vang khá bộn tiền. Tôi bụng bảo dạ: Ông giời đi vắng thằng này chơi ngon. Rồi động não động tình: Nếu thằng này mà thắng lão vua cờ Đê Thích thì còn...ngon lành hơn nữa. Sau đấy, nó sục sùi một nắng hai mưa:

Mày thừa biết tao làm quen cờ tướng từ nhỏ, lồm bồm vài chữ như mã nhật, tượng điền, xe liên, pháo cách này kia. Sau đi đâu ông cậu tao cũng dắt theo, nhưng cũng để cưỡi ngựa xem hoa. Nhưng tao có cái khiếu trời cho hay sao ấy, là nhảm chừng đoán đường đi nước bước của từng người, rồi nó nhập tâm lúc nào không hay. Lớn lên trận mạc nhiều, tao vỡ bụng cú hơn một chút, nhưng cũng chỉ tính nhảm được ba bốn nước là cùng. Như ra con xe, nhích con pháo, lên con mã, đẩy con chốt, vẫn thuộc loại cờ ngoài bài trong. Giống như tầm sư để học bí kíp võ công trong Kim Dung, một chiều lạng quạng rơi cái bịch xuống hang động tối om om, mới gặp kỳ nhân dị tướng, râu tóc dài quá rồn. Tao cũng vậy, vào đến trại cải tạo...

Nghe nó đi học tập mà tướng tá to khỏe như trâu, tôi bèn ngựa miệng:

- Mày nằm ấp mấy năm.

- Tiên nhân cha chúng nó, trên mười niên có lẽ.

Tôi lấy làm lạ vì nó chỉ là đại úy Biệt Động Quân, sau bị thương, biệt phái qua huấn luyện làm cán bộ, suốt ngày lấy ắc ê một, hai, ba, bốn làm vui. Bạn bè tôi thường thì dấm dúi vài năm, tôi hỏi làm gì mà nằm bờ ở bụi lâu dữ thần vậy! Hay bịa chằng?.

Nó thản nhiên trả lời như chợ chiều vắng khách:

- Tao theo chân bố tao: VNQDD.

Cũng qua lời bạn bè, lúc này tôi biết lờ mờ là nó đang tiếp nối con đường những người thân của nó cùng với mộng lớn mộng con, thế nên tôi chẳng lấy làm lạ chút nào với câu trả lời ấy.

Nhấp chút rượu, nó cười buồn:

Sa cơ lỡ vận, sầu đời nên tao đẹp ba cái chuyện ruồi bu điều binh khiển tướng. Cho đến ngày tao gặ ông Thầy tao...Bố già tao đây. Bố cũng mủ ni che tai, nên bố già không bon chen để mua miếng đỉnh chung. Câu kinh nhật tụng của bố với cờ quạt là kiêng sát sinh, không muốn cắt cổ gà thêm nữa. Bố rung đùi, kỳ nhân, kỳ tướng gì ở cái nơi đèo heo hút gió này, nếu có phải đụng trận, thì nên chơi cờ bằng cái tâm,

Một tối, bố già kể cho tao nghe một công án thiền như thế này đây, nghe khiếp không mảy:

“...Có một kiếm sĩ trẻ tuổi nọ, đường guom, quân cờ trùm thiên hạ, rút kiếm ra là phải có máu, đi ba nước cờ là có kẻ ôm hận. Một ngày kiếm sĩ gác

bỏ chuyện đòi, tới thiền viện để xin xuống tóc. Buổi hội ngộ ban sơ, Thiền sư muốn đánh một ván cờ dạo dầm với chàng trẻ tuổi. Chàng lắc đầu, Thiền sư bèn đuổi ra. Hôm sau trở lại xin thụ giáo nữa, Thiền sư lại giở bàn cờ, chàng lảng lạng bỏ về. Lần thứ ba, mới bước vào thấy người chương môn cũng cỡ tuổi chàng, đang ngồi bên bàn cờ đã bày sẵn. Thiền sư lấy bộ gươm trên kệ án, nói hai người hãy đánh cờ với nhau, nếu ai thua sẽ tự xử lấy.

Chàng hiểu ra vị Thiền sư xưa kia là kiếm sĩ. Trong kiếm đạo, đã từng là sát thủ. Đã rút kiếm ra khỏi vỏ, là phải có máu.

Sau hai ba thế, chàng thấy người chương môn có nước cờ khoáng đạt, không vằng vắt chút mê mờ tham vọng và nộ cười vô ưu. Trong khi kiếm sĩ càng có nhắm mắt thiền định thì những vọng tưởng của cái kiếp nhân sinh u mê lại hiện đến với tập ý khi phát phơ như gió nhẹ, khi khởi động như đám mây giông. Với người chương môn thì trận cờ sống chết xem như phù du, chàng như hiệp sĩ mù nghe gió kiếm, đẩy xe kéo pháo ùn ùn nổ tung như sấm dậy, mịt mờ gió mây. Những thế cờ kim cổ ghi trong sử sách như *Kỳ diệu thư*, *Tượng kỳ bí sử*, *Mai hoa phổ* là những ghềnh sâu, vực thẳm, dẫn dụ địch thủ vào tử địa của trận đồ. Vẽ bình lạng trên bàn cờ chỉ là ảnh ảo để che mắt sóng gió khi ẩn khi hiện, chàng không thể đánh trong hư không bằng cái nhỏ mọn của thế tục, không thể thắng tĩnh lặng bằng những ồn ào của thế nhân. Chàng chợt nghĩ đến mình, ngựa

quen đường cũ, đang trở về với mê lộ. Cái bản ngã không chịu giam mình trong cái vỏ hạn hẹp, đang muốn vươn lên với hơn thua. Chàng có thể thắng ván cờ này, nhưng không thể thắng cái tâm không vương bụi trần ai của người chương môn nên chàng âm thầm tự phá xe, chôn pháo và chàng thân nhiên cúi đầu xin...thua.

Cùng lúc ấy, chàng nghe tiếng rút kiếm nhanh như chớp, rồi xẹt xẹt, đường gươm lướt qua đầu, tóc chàng rơi lả tả xuống bàn cờ cùng âm vọng của Thiền sư:

- Con đã ngộ...”

Nghe...ngộ thật, cờ tướng không ngoài bắt xe, nhốt pháo là hết đất, chung cuộc dĩ thắng tướng là hết chuyện. Thắng của nợ này còn bày đặt nhồi nhét tí thiền quán, thiền tính vào đây làm gì không biết nữa, lòng vòng quá thể. Tôi bèn lôi nó về thực tại:

- Kể chuyện ông Thầy của mày đi, nghe đã hơn.

Nó chép miệng:

“Ừ thì kể! Bố già dạy tao cuộc cờ là cuộc sống giữa những con người chấp ngã. Người chơi cờ sát phạt ăn thua nhau là kỳ sĩ. Chơi cờ như điều binh khiển tướng là kỳ thủ. Chơi cờ như một sự thể hiện cái tâm rộng lặng, cái nhìn phiêu dật, cái chí an nhiên của mình là...kỳ vương. Tao nghĩ thâm, cảm kỳ thi tửu vốn là cái thú tiêu khiển thanh lịch của hàng tao nhân mặc khách xưa nay, chứ có phải hầu

cờ với các bậc chân nhân kỳ tướng đâu mà ông Thầy tao bày vẽ lĩnh kinh quá thể như thế?

Buồn tình tao cũng nhảm nháp với bố già dăm quả. Bố già chê tao: Mày xử dụng xe pháo mã, cộc cạch như đàn bà con gái đánh tam cúc ấy. Bố mắng tao như đi: Mày đánh cờ như...cứt. Chửi tao xong, bố trầm ngâm: Không phải ngồi xuống là đâm đầu vào đánh lấy thắng, thắng con giai. Mẹ kiếp, nghe sao thấy lợng cọng làm sao ấy. Ấy vậy mà bố già như Tôn Tử, dạy dỗ tao chiến thuật, chiến lược nữa mới chán mới đời. Mà bố hơn đêch gì tao, ngoài hơn tao gần hai con giáp, lon lá thì trần sư cụ một cái bông mai bạc lẻ bóng, yếu thấy rõ. Bố già luận, nào là phải đứng ngoài vòng cương tỏa, đánh cờ đừng vương mắc đến con xe con pháo, hãy nghĩ đến nước chảy mây trôi, mưa gió rì rào. Mẹ, nghe như đâm vào tai, với tao chỏng nhau thì phải chém giết không nương tay, máu đổ thịt rơi. Đâu có chuyện đánh lấy hòa, chơi lấy thua, lại thua bằng chữ tâm nữa. Mẹ, rắc rối gì đâu không biết nữa.

Tao với bố già là con mồ côi, tết nhất đến nơi tao cũng ráng kiếm bánh thuốc Lào cúng tổ, bái thầy cho phải đạo. Thế nên tao âm thầm xuống núi, mò mẫm nhằm quân cờ để bắt cái công hầu danh tướng. Bố thừa biết tao đi kiếm gạo nên cứ nằm ì một đồng nghe ngóng thằng con của bố tả xung hữu đột ra sao. Nghe lời bố già, tao không nghĩ đến được thua luận anh hùng, không có lẽ cúng tổ thì bố vẫn bình chân như vại, vẫn là con bà cả đội. Xung trận tao không

nghĩ đến thắng bại, chỉ nghĩ đến những ngày tao còn tắm trường tông ngồng ở ao hồ. Vậy mà lở ngớ thế nào tao lãnh ấn tiên phong đi đầu toàn trại. Có ít thuốc lảo với kẹo rồi, tao chấp, tao đánh khơi khơi, được thua không qua tiếng cười. Cứ vậy, thừa thắng xông lên tao vô cái chức kỳ thủ mấy trại vùng Việt Bắc. Thế là một chiều bố già đón tao ở cửa, cười tít mắt.

Tiếng dũ đồn xa tiếng lành đồn gần, cận Tết, tao bị gọi lên văn phòng trại...Tiên nhân cha chúng nó, đúng là số con rệp, lên đến nơi mới ngã ngửa người ra, là tụi nó “báo cáo”cho tao hay, sửa soạn về Hà Nội để...đánh cờ, vậy mới chết một cửa tứ. Vậy mà tao cũng phải “làm việc” với tụi nó cả buổi. Tối về đến lán thì tin đồn đã lan khắp nơi, nào là tao phải hầu cờ với một sĩ phu Thăng Long, ba năm liên tiếp vô địch Bắc Hà. Còn bố già tao thì lo lắng ra mặt, vì tao kê lể về thằng cán gáo từ Ba Đình lên đây làm việc, cứ xoay quanh chuyện ông bố tao qua Tàu hoạt động xưa kia. Có lẽ cũng chỉ vì cái họ Tàu tàu của bố con tao, Lưu Bị không ra Lưu Bị, Tào Táo chẳng ra Tào Tháo, tào lao thì có, nên mới bị dính trấu. Bố già chăm chú nghe, cù rử như con cò ốm, suốt đêm bố cứ thao thức đập muỗi, ho khan.

Sáng dậy bố con tao cáo ốm và đề tao ra hỏi: Mày biết tại sao quân mình thua quân ta không. Mẹ, chữ nghĩa đíu gì mà tôi om om như cái lá đa, tao đang nghệt ra thì bố nhả một câu đề đời: *Du kích*

đấy... Tiếp, bố già nhồi nhét tao: Tốt với mã như cá với nước, nhưng ít ai để ý đến hai con cờ trôi sông lạc chợ này lắm. Mà nắm được nó ở thế công và thế thủ thì trùn thiên hạ đấy, thằng con giai. Thế là tao lội dòng nước ngược, làm quen cá với nước, bơi mệt nghỉ, để đánh... “du kích”. Nhưng tao nghĩ đại thua thì mình đã thua chổng gong từ khuya rồi. Nay có thua thêm một thằng răng đen mã tấu nữa thì có chết thằng Tây đen nào nào đâu. Làm gì bố già nhăng lên vậy. Sau đấy bố và tao luyện cờ như luyện kiếm với những thế cờ biến ảo. Những nước cờ biến hiện khi tấn, khi thoái, lúc thủ, lúc công... Làm như bố già mang nguồn sinh lực còn rơi rớt lại của bố già nhồi nhét vào đầu tao. Giữa mỗi cuộc cờ là một sự hiện hữu, khiến bố già quên đi nỗi ám ảnh ẩn hiện trong góc tối trăm năm của đời mình.

Bố như vậy đấy, tao lại độc chứng nghĩ nhằm qua cái đầu củ chuối của tao với những quân cờ tướng, sĩ, tượng, xe, pháo, mã... là sự thắng trầm phi lý của vận nước, của những kẻ bại trận. Như mà thấy đấy, bàn cờ mai đây tao đựng trận sẽ trở thành chiến địa để tao rửa mặt. Những quân cờ quái ác đựng chạm mơ hồ nhưng rất mặt, cứ thế giằng co nhau qua một trận đánh sống mái cuối cùng của riêng tao bày ra ở... *Ban Mê Thuật*.

Tao sẽ ngược thời gian về ngày 10 tháng 3 năm 1975, tao sẽ xóa bài làm lại, tao sẽ không co vào mà bung ra, với tốt, mã trong tay, tao sẽ chặt đẹp và đánh một trận để đời.

Ngày ấy cũng đến, tao chỉ mong được nhìn thấy tận mắt cố đô Thăng Long ngàn năm văn vật mà tao chôm chĩa trong sách truyện. Ngày chia tay, bố phán: Chúc mày thượng lộ bình an. Bố lại còn dở trò bấm độn, rút ra tờ giấy nhỏ, lẩm bẩm đọc, như gửi gắm: Chắc thầy trò mình chẳng bao giờ gặp nhau nữa.

Nghe...“bấm độn”, bỗng tôi bật cười khan. Là dân cờ tướng có khác, như đi “bốt-đờ-sô” dẫm cút vào đầu tôi. Nó mắng sa sả:

- Sư mày thằng củ cải, tao báo đời cho mày biết: Tao dư sức chế ra mấy cái trò linh kinh để hù mày, là bố già tao như Khổng Minh. Viết một cái cầm nang bỏ vào túi đưa cho tao đi phỏ hội. Đến ngày đó, giờ đó mở ra là cứ thế mà làm thế này, thế nọ...

Ngừng lại rót rượu cho tôi, giọng nó trầm hẳn xuống:

Nhưng mà thôi, chẳng dính dáng gì đến chuyện tao đang kể. Trở về chuyển đi Hà Nội, ngồi trên xe thẳng cán gáo cho tao hay tay cờ tao sắp gặp, không phải là vua cờ Hà Thành như mọi người đồn đãi. Mà là một phái đoàn của Trung Cộng qua Hà Nội, trong đó có con của một thứ trưởng ngoại giao, muốn thử lửa với tao. Mẹ cha nó chứ, nghe mà dãi muốn thọt lên đến tận cổ, cú này chắc từ chết đến bị thương. Hắn còn cho biết thêm, tao thua lại hồi cố quận, nhưng không được về trại cũ. Nghe đến đây tao lặng người vì bố già tiên liệu như thần: Vì Đặng Tiểu

Bình vừa dậy cho người anh em *Một bài học lịch sử* nên chuyện chuyển trại là chuyện thường tình. Chưa kịp hoàn hồn, hấn choang một câu làm tao muốn té đài ra quân: Nếu anh thắng, anh sẽ đi Bắc Kinh...đánh cò tiếp. Tao bèn nghĩ, sau chuyện chúng nó choảng nhau sưng đầu u trán ở Lạng Sơn ấy, đây là phái đoàn đầu tiên của Trung Cộng sang giao lưu dọ dẫm. Thôi rồi, của người phúc ta, tao chỉ là quân cò nhỏ trong một ván cò lớn của người anh em. Tiên sư chúng nó, chẳng ăn cái giải rút mẹ gì, chỉ tổ cầm cu cho chó đài nên tao không ham. Nhưng tự ái dân tộc lại ùng ùng nổi lên, mẹ kiếp, muốn chết tao cho chết, chưa thấy quan tài chưa đổ lệ, cho chừa cái thói môi hở răng lạnh.

Lòng tự hào dân tộc ngủ sâu trong đầu tao bỗng trở mình thức dậy. Một ván cò mua vui chẳng ai chú ý, nhưng một ván cò quyết đấu giữa hai kỳ thủ của hai nước lại trở thành một biểu tượng...quốc gia mới diên cái đầu. Mà kỳ thủ này là ai đây cơ chứ? Nên tao rét! Tao nói thật, nãy giờ cò tướng tao bốc những đấy thôi chứ cò quạt chẳng hay ho gì cho mấy.

Thấy thằng này lằng nhằng quá thể, tôi bèn đòi...thể cò:

- Hà Nội 36 phố phường...cực kỳ không mày?

Nó sừng cò với tôi:

- Thằng củ cải, mười tuổi “ri cù” vào Nam như tao biết chó gì Hà Nội. Hôm ấy tao chỉ nhìn thoáng hồ Hoàn Kiếm qua cửa kính xe, nhân tội nó đưa tao

đi làm đẹp với cắt tóc, cạo râu. Còn dợt tao cách cư xử “ngoại giao” với người Trung Quốc...xấu xí nữa.

Và nó rề rà tiếp:

Tới khách sạn để tao ngộ chiến, xuống xe, thằng cán gáo vớt một câu: Tụi tôi nhất trí với anh. Tiên nhân nó chứ, nhất trí mốc xì gì, nghe nực cò bỏ mẹ. Vào đến đại sảnh, tao muốn ngó người vì thấy một đồng quan chức ngồi chung quanh bốn bức tường. Nón cối, dép râu ối ra đầy, đông như tổ đĩa. Chưa hết, Tàu cái Tàu đực cả đồng, xí xa xí xô tiếng tây tiếng u nghe muốn điếc luôn. Mà khỉ ợ, lại có cả máy quay phim nữa, giữa là cái bàn để đánh cờ với hai ghế trống. Tao có cảm tưởng như bị lôi ra tòa án nhân dân nghe xét xử nên cũng mất sượng.

Lát sau, địch thủ của tao xuất hiện...

Mẹ! Tao chóang người vì tay cờ của tao là...một cô gái. Mà lại đẹp thần sầu nữa mới khỉ, cô mặc áo xường sám xẻ lên tới tận đùi non, trắng như ếch lột, tao nhìn muốn lòi con mắt. Nói thực với mày, tao không loạn ngôn chút nào, từ thuở cha sinh mẹ đẻ đến giờ, tao chưa hề gặp một em chệt nào người ngợm lại nảo nùng sầu bi đến như vậy. Và tao khớp thấy rõ khi cô cúi đầu chào, liếc xéo tao một cái đến lạnh người, lại điểm nụ cười với con mắt có đuôi. Khi gió cắn răng gì đâu, tao đâm ra lơ mơ và người ngợm lằng lằng như người cười mây. Sau

đó tao được giới thiệu cô ta họ Chung...Cheng gì gì đấy?.

Đồng thời tao cũng được nói qua loa về luật chơi như đánh ba ván, ai thắng hai là xem như phân thắng bại. Thời gian tối đa để suy nghĩ cho một nước cờ là mười phút. Nhắc quân cờ nào lên là phải đi quân đó. Nước cờ đã đi rồi là coi như xong. Bỗng cô nhìn về phía cái máy quay phim và khẽ lắc đầu, thế là cái màn trình diễn tuyên truyền hữu nghị này được đẹp cái một. Mẹ, thấy quá đã, đâm ra tao mên mên với cô ấy mới đâu”.

- “Tên gì mày”. Tôi lưỡi đá miệng hỏi nó.

- Đừng ồn, thằng củ cải...Hỏi sau sẽ rõ...

Rồi nhớn nha tiếp:

Chỉ cần ba nước cờ đầu, tao thấy cô là một cao thủ, với nước đi như múa lụa với điệu vũ nghệ thường, uyển chuyển và nhịp nhàng, không thừa không thiếu...Cô có lối ra quân không phải là một tay sát thủ, xe đâu pháo đấy, cô chỉ vờn địch thủ để dòn vào tử địa để...tự sát. Tao nhớ đến lời bố già dặn dò là tâm không vướng mắc với cuộc chơi. Không dính mắc với quá khứ và hiện tại. Không dây dưa giữa ta và địch. Không vướng mắc với thua và được. Với trò chơi du kích cùng tốt với mã, thế là tao dẫn lính nằm bờ nắp bụi. Về yên ắng của đồng không mông quạnh tao rình và đợi. Tao cô lập thôn quê, bao vây thành thị. Thành trì phòng ngự tao kéo xe đánh pháo vung vít mệt rồi tao...chạy có cờ. Địch thủ bó tay không biết tao đang đi chiêu thức gì? Và

chỉ còn một, hai nước nữa là tao đẩy mấy con tốt mọn vây chặt hậu cung của cô. Nội bất xuất ngoại bất nhập và ở tao nhìn cô và đợi...Như một con ruồi sa cơ thất thế.

Bỗng nhiên tao thêm một hơi thuốc, một hơi men...Tao ra hiệu với cô mượn giấy bút. Cô nhướn mắt và tủm tỉm cười. Tay xóa ván cờ. Lóang thoang tao nghe tiếng vỗ tay let đẹt...

Một ý nghĩ sệt qua đầu tôi ngay tức thì: Chế vừa thôi cha! Đang trong tù cải tạo, được móc lên Hà Nội khơi khơi là quá cha thiên hạ rồi. Nay còn hươu vượn bút đàm đòi rượu với thuốc lá nữa, cứ như ông cố nội mấy thằng nón cối không bằng.

Chưa kịp lật tẩy thì nó đã tàng tàng tiếp:

Ván thứ hai, tao nghĩ đến quân Tàu vừa đánh Lạng Sơn mà đau hơn hoạn, tội nó mang đại quân vượt biên giới xâm lăng bờ cõi của mình. Bàn cờ nhỏ nhoi trước mặt tao đây, tao hình dung ra trận đồ là một chiến trường quy ước, binh tướng quân phân, ranh giới rạch ròi qua voi, ngựa, tướng, sĩ. Xuôi theo với những quân cờ, ra trận với không thắng thì thua, như bánh xe lịch sử phải lăn trên đường là chuyện tất nhiên. Thừa thắng xông lên từ ván cờ trước, tao lơ đãng nhìn qua vai cô.

Qua khung cửa kính là nhánh sông Hồng đang lặng lẽ trôi...

Tao ngược dòng lịch sử và mừng tượng ra chiến trường xưa cũ năm 75. Tao sẽ xóa bài làm lại. Tao không bỏ Ban Mê Thuật, không...đi tản chiến thuật. Tao mang đại quân lên núi làm một trận sông mái để giải vây thành phố mây mù. Thành không nhà trống, bốn mặt thành tượng binh vây kín, xe pháo ầm ầm, chọc thủng ngọc môn, phá tan quân cấm vệ. Tao quên bỏ nó mất lời Thầy dạy, bỏ mã thí tốt qua sông, tao đánh những thế trận như *Bình phong mã* hay *Thiên địa pháo* hoặc *Diện thủ phá vệ*. Đang nghiêng trời lệch đất, ngỏanh lại đất mình tao mới ô hô ai tai. Mẹ kiếp! Tao thấy...ông tướng của tao đang bị rượt chạy có cờ. Những tượng hùng, pháo tống, xe xuyên, mã tốc...như trốn biệt mất tiêu. Lịch sử là cuộc tái diễn không ngừng nên tao đành vượt mặt phá đại pháo, bẻ gãy cổ xa... Tao di chuyển những quân cờ lang thang lếch thếch như...đi tản chiến thuật ngày nào. Tao bị cô ấy cho vào xiếc với cái cờ thế rất ầu trĩ là...điều hổ ly sơn, những quận đường, tỉnh lý từ từ lọt vào tay địch lúc nào chẳng hay.Tao không cãi được số trời, âu cũng là cái vận nước...

Nói khác đi vận nước mình chỉ là con tốt trong một ván cờ!

Được nghỉ mười phút cho thư giãn, tao làm lữ cầm cái ly ra phía cửa sổ và nhìn ra ngoài bờ sông. Vừa lúc thẳng cán gáo đến ám quẻ: Phần đầu đi anh. Tao rửa thăm: Nhờ anh tí, phần đầu cái củ thìu biu.

Ông đang sặc gạch ra đây này. Nhưng cũng may nhờ câu nói của hần, tao nghĩ đến bố già và nghĩ hay là “Đánh lấy hòa”. Bố lắm cảm thật đấy, nhưng vớ vẩn vậy mà có thể...”Đúng”. Tao nghĩ thì cứ kéo ván bài đến chỗ lằng nhằng, để chờ thời cơ với gặp thời thế, thế thời phải thế. Quay lại nhìn lại bàn cờ, tao bắt gặp cô ấy đang rót rượu cho tao. Hứng tình, tao lênh bênh với...ai công hầu, ai khanh tướng, trong trần ai, ai dễ biết ai...

Ngồi đồng hóa Bụt, bèn phang một câu:

- Mà ông Thầy mày có đúng không đã?

Nó giãy lên như đĩa phải vôi:

- Cái thằng trên bựa dãi dưới bựa răng, lúc nào mày cũng đúng với sai...Nhớ một lần ông Thầy rao giảng câu của một Thiền sư để tao ngộ ra là: Trong thế tục, hãy tránh hơn thua hoặc đúng với sai. Ông Thầy tao muốn tao là...

Sợ nó thiền quá hóa...ngộ. Tôi đốp liền:

- Lỗ Trí Thâm.

Để rồi trong đầu tôi lại tung tẩy với cái tâm đạo của ông Thầy nó, ma đưa lối quỷ dẫn đường, nhập vào cái vô đạo của cái thằng ma đầu này, để thành...một kỳ vương thì cũng đã nhảm rồi. Nay nó lại lẫn ngẩn với chữ ngộ, hơn thua, đúng sai, nên tôi cũng thấy mệt nó quá sức. Thì may quá là may, nó gõ tiếng chuông tỉnh thức để đưa tôi về thế tục...

Khi không nó xuống sáu câu sê:

- Tao có linh tính, giống kiếm sĩ trong truyện thiền, tao mơ hồ không bao giờ tao có thể thắng cô ấy được. Tao có thể thắng một ván cờ, nhưng không

thể thắng được cái tâm của người đánh cờ. Chuyện là thế đấy! Mày có hiểu tao muốn nói gì không?

Bố khi, nói cho ngay tôi chả hiểu nó muốn nói chớ gì? Trong bụng tôi lâu lâu muốn chửi thề, thề này khó thật, lại thêm một chữ “tâm” nữa, tâm đầu mà nhiều quá thề vạ cả.

Đang loay hoay nghĩ ngợi thì nó đưa tôi vào mê hồn trận:

Đến ván thứ ba, cô đổi thế trận. Tao biết cô rất tinh tường cờ thế. Sĩ lên trường thành phát tiểu kỳ, trường gươm chỉ vào cung địch với thế *Đại đao xuyên tâm*. Mở toang ngọ môn cho tượng xuất chinh, đại quân với thần công đang nằm đâu đây. Để gài tao vào thế cờ cô dàn dựng là *Nhị quỷ phách môn*, với hai mã, hai tốt phục binh. Nhưng đi với bụt mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy, tao như Vi Tiểu Bảo lãng ba vi bộ một số “cờ thế” không có trong... kỳ thư, như đưa pháo, mã tới đầu sông trông trải rồi ì ra đấy, như long châu hỏ phục. Đến nỗi cô lắc đầu, bút đàm hỏi tao: Anh chuyển sang cờ thế? Tao lạng bụng: Vâng. Cô hỏi tiếp: *Triển châu sa*, pháo kéo thuyền lên bãi, phải không anh? Tao bậm bụng cười thâm, ai lại đánh cờ chân phương đến độ đi hỏi tên “cờ thế” của địch thủ. Nhưng tao vẫn cúi đầu, tùm tùm cười, mượn con mã nằm ở đầu sông cuối bãi. Tao trả lời: Quân tại Tương Giang đầu.

Cô ta nhú mảy lắc đầu nhẹ...Thực tình chữ nghĩa tao vay mượn trong bài *Tương tư* của Lương Ý Nương, nghe thâm sâu, bí hiểm thế thôi. Vì Ý Nương là một nữ lưu Đường thi nên tao cũng có chút đùa dai, để đẩy đưa cô vào cái thế hỗn mang, loạn cò. Tao đang ở thế bị động, cùng tắc biến, biến tắc thông nên vô hình chung vô công nằm trong tâm thức, phóng ra là biến hóa khôn lường nên cô lúng túng. Thế là tao dắt ngựa tới cổng vườn, đứng đực ra đấy như...ngỗng đực, như Thôi Hộ với hoa đào năm ấy còn cười gió đông. Cô hỏi: Tên thế cò là gì vậy anh? Mượn gió bẻ măng và tao múa máy: Tương tư bất tương kiến.

Cô gật gật đầu ra điều hiểu chút chút, rồi khi không tao lui hai con mã về thế thủ, về đầu ghềnh cuối sông. Như Phạm Thái bên bờ suối, đêm đêm mài gương dưới trăng hồ trường với Quỳnh Như. Nghi binh như Không Minh ngồi trên thành, nhóm củi đun nước đợi Tư Mã Ý đến cho có "bạn" trà đàm. Bỗng cô reo lên như ấm nước sôi: *Song mã ấm tuyền*, hai mã uống nước suối. Tao mở cò trong bụng, được thể vẽ vờ: Đồng âm Tương Giang thủy.

Lại cái mừng cũ, hết rượu, thuốc lá bây giờ đến Thôi Hộ, Phạm Thái. Thăng này câu giờ quá thể, nhưng cứ để nó múa gậy vườn hoang vì tôi biết tổng nó rồi thế nào cũng đánh lầy..."thua" cho mà xem. Thế nhưng không, giọng nó trầm hẳn xuống:

Lần này thì cô nheo mắt với tao, rồi cúi xuống viết: Ông cụ tôi gửi lời thăm anh. Tao muốn nhảy

nhồm lên, nhưng đọc xong hàng chữ tao khựng lại, dường như có cái gì ngờ ngợ mà lúc đầu tao không để ý. Vì: *Tên* của cô ta và *họ* của tao là *một*.

Vậy là đủ nói lên một phần nào, hình ảnh của bố tao những ngày nơi đất khách quê người ẩn hiện qua lời kể của bà cụ tao: Bố tao có người bạn Trung Hoa cùng chí hướng và hết lòng vì bạn, từ nơi ăn chốn ở, miếng cơm manh áo, ngay cả lúc ốm đau. Mắt tao nhìn vào bàn cờ, đầu tao mông lung đâu đó vì bố tao biệt tích từ ngày ấy, không biết bây giờ cụ còn hay mất. Nay mọi chuyện sẽ được sáng tỏ là nhờ cô ấy, vô tình cô chính là cái phao tao đang muốn bám víu. Nghĩ thì nghĩ vậy, nhưng phải đợi hết ván cờ, tao mới hỏi han được đôi điều về bố tao.

Và tao nhìn cô gật đầu, hình như ánh mắt cô cũng có khác.

Bỗng cô gõ quân cờ lách cách ra dẫu sắp ra quân, trở lại trận chiến với một thắng một thua... Nói cho ngay, lúc đầu cô bị lấn cán vì mấy cái cờ thế dấm dớ cùng những cái tên chim kêu vượn hú của tao. Bình tâm lại, cô đan, cô kéo *sợi buồn con nhện giăng mau*... Cô như giăng cái lưới thiên la địa võng để chụp con ruồi đi hoang. Và cái số tao ruồi nên không khá nên chẳng thoát khỏi được lưới trời lồng lộng, cuối cùng tao cũng bị...dính.

Cờ gần tàn, chỉ còn hai nước nữa thôi, con cờ kế tiếp lại nằm trong tay cô. Tao như Tào Tháo bị nhốt vào vào Huê Dương Tiều Lộ để xếp giáo quy hàng,

trừ trường hợp cô là Quan Vân Trường với ân nghĩa thủy chung. Nói cho mày dễ hiểu, xe tao chặn ngang đường tiến quân của cô, nếu cô chọn con cò sai để búng con xe ấy đi, thì bất chiến tự nhiên thành, tao sẽ là kẻ thắng cuộc.

Nhưng với một tay cao cò như cô, đó là điều không tưởng. Bỗng cô nhìn tao và đặt bút xuống như thảo chiến bại thư. Cô viết: Thiếp tại Tương Giang vĩ. Xong, cô xếp tờ giấy bỏ vào túi.

Thế là tao lòi đuôi vì cái thói hợm chữ, lúc này tao mới là thằng đang bị phân tâm, đầu óc rối như tơ vò. Đi cò mà bị động cũng như người xiếc đu dây, lắc lư, chao đảo, bất định. Tao ngồi như thằng chết rồi. Một chiến trường vang rền xe ngựa biến đâu mất, cảnh tên bay đạn lạc chỉ còn gió lạnh trên sông. Chón gió tanh mưa máu lãng đăng mây mù. Cò hết nước. Một ván cò mù!

Tao lơ đãng nhìn ra sông Hồng mưa phùn giăng giăng như lưới nhện... Qua mảng sương mù trong một ngày ảm đạm, lúc ấy lần quần trong đầu tao là chỉ nghĩ cách làm thế nào để lần mò qua *Tương Giang vĩ* quê hương của cô để đi tìm mộ chí của ông cụ tao, nếu ông cụ đã nằm xuống cùng hương tàn khói lạnh. Và muốn như vậy tao phải thắng ván cò này, để được đi Bắc Kinh như thằng cán gáo trong xe đã nói. Trong khi cái thế của tao thì ...cò đang dở cuộc không còn nước. Nói cho ngay tao không những vương mắc mà còn vương tơ. Mặc dù hai người lạng lẽ với cái giao tình bên ngoài có vẻ nhạt

thếch. Nhưng trong tao, đầy ắp, chan hòa những...quân tử chi giao đậm nhạt thủy...

Thông thường thủ pháp ra quân trên bàn cờ là một sự phối hợp hài hòa giữa tâm và trí. Tâm loạn kéo theo trí đoản. Những nước cờ lúc tấn kích điên cuồng, lúc sững sờ chới với, chứng tỏ tao đang sa lầy trong những giây phút ngập ngụa giữa trăm ngàn thác loạn. Trở về thực tại, tao thấy cô đang vắt óc vào quân cờ sắp đi, hai phút...Rồi bốn phút...

Cô thò tay xuống rồi nhăn mặt rụt lại. Cả đại sảnh im phăng phắc đến nghẹt thở. Cô suy nghĩ thêm đến bảy phút...

Rồi chín phút...rồi có lẽ.

Lạy Chúa tôi! Mồ hôi tao lấm tẩm đẫm sau lưng. Dường như cô như...“nhắm mắt “ cho số phận đẩy đưa với thế sự thăng trầm quân mạc vắn và...và...nhắm mắt bốc lên một quân cờ...

Và tao nhảy cẫng lên. Vì cô vừa chọn một quân cờ sai !

Đột nhiên khắp phòng vang lên một tiếng ồ thật dài, hòa lẫn tiếng vỗ tay cũng vắn lệt đệt rồi rạc. Tao ngồi xuống lại, cúi đầu đưa cái ly lên, nhấp một ngụm nhưng thấy...đắng chát. Miệng tao như muốn nói một câu gì đó. Nhưng nói không được. Vì...

Vì chỉ một mình tao biết: Cô...*không nhắm mắt*.

Sau đó mấy ngày tao đeo theo phái đoàn Trung Hoa đi Bắc Kinh, ít lâu sau cũng chính gia đình cô ấy lo cho tao qua Hồng Kông. Từ ngày ấy, tao không gặp cô nữa...

Ngay khi gặp thằng của nợ này ở thành phố Cựu Kim Sơn, tôi đã có một khúc mắc. Nay hết chuyện, mới há họng hỏi nó:

- Nghe nói sau này mày còn qua Ma Cao để đánh độ.

Nó át giọng tôi cái một:

- Mày ngu như lợn.

Mà tôi đụt thật, lại nhớ đến câu mã nhật, tượng điền, xe liên, pháo cách. Mã nhật tượng điền đâu không thấy, chỉ thấy nó xấu giai tốt củ vậy mà giờ này vẫn phòng không đơn chiếc thì phải. Với xe liên *pháo...cách*, vừa gặp đây mà nó biến mất như ma chơi, mới nghe lóang thoang thằng con dừng chân ở Thái Lan dọn bãi cho nhóm kháng chiến nào đó. Đùng một cái đã có mặt ghé Tân Gia Ba. Chưa đầy một con trăng, lại được tin nó kéo pháo sang sông và nằm ụ tại bến Hồng Kông. Đâu đó đến cuối năm thì tôi ngớ ra khi được tin qua một ván cờ nên duyên, để kết nghĩa tao khang chi thể, vợ nó không ai ngoài người họ Cheng tên Hạ. Và ...“Hạ” là...là...họ của nó.

Như nó, như trên đã thừa thốt, cờ quạt với tôi chỉ quân ngoài bài trong nên nó kể sao tôi nghe vậy, chẳng hiểu nó có hú họa tôi chẳng? Rõ ra nó ngược dòng lịch sử xóa bài làm lại với tử thủ Ban Mê Thuật, rồi ra tàn cuộc binh đao chỉ thấy thành không nhà trống. Khi không cũng như nó, tôi nghĩ quân vận người nổi trôi theo vận nước đến hồi mặt vận với “Nam quốc sơn hà nam đế cư - Tiệt nhiên định phận tại thiên thư”. Nào có khác gì bàn cờ gỗ thí pháo, thí xe qua cờ thế, thế cờ là...thế đấy. Hay nói khác đi không ngoài “Thế Chiến quốc thế Xuân thu, gặp thời thế thế thời phải thế”. Để rồi chẳng phải đợi đến cái quan định luận vì chẳng ai biết làm gì khác hơn. Hơn là gặp ông Tàu già để nó giả mù sa mưa đánh lầy...thua, để đi tìm...vợ. Bây giờ tôi mới hiểu ra nhẽ ấy.

Ừ thì biết kể lể gì về nó nữa đây? Hư cấu văn về cho lắm cũng chẳng hẳn là với thế sự du du hề một thóag bạch câu, thôi cũng đành trước đèn đọc sách, lui cui với: “Một bình rượu, một khay trà - Một đôi bạch lap, giấy hoa bút vàng - Án thư vài tập cảo thom - Dăm ba chậu kiềng, một bàn cờ vuông”. Hoang tưởng cách mấy cũng không hơn chuyện đời thường: Tắt lửa tối đèn, thôi thì đét đồn lên với quân thiếp trắng, quân chàng đen: “Thọat mới vào chàng liền nhẩy ngựa - Thiếp vội vàng vén phứa tịnh lên”, để rồi như gà mắc đẻ...“Chợt nước pháo nổ ùng ra chiếu”.

Chữ nghĩa cũng bằng thừa, rằng tôi biết thừa bừa một nhiều sự là suốt mảnh đời còn lại của nó cho đến chót đời:

Thay vì ăn cơm với nước mắm thì nó ăn cơm với...xì dầu.

Trúc gia trang

Lập thu, Đình Hới 2007

Nguồn:

Ván Cờ Đầu Năm - Trần Kiêm Đoàn

Lão Nho Già - Hà Thúc Sinh...

Phở thiên biên ký sự

*Tái chín nạm giò vè, tiêu ớt rau thơm giá sống
Sách gầu gân mỡ sụn, tương chanh nước béo
hành chanh*

Bác giáo lỗ mắt dòm tôi với bát tái chín nạm mà tôi sắp sửa tỉ tê trên giấy trắng mực đen, ý muốn hỏi han câu mào đầu phở bò của miền Nam ở trên là của ai. Dạ, xin thưa với bác rằng câu đối ấy là của Thầy Khóa Tư Trần Lam Giang, cũng là một hương sư Hán học cùng thời với bác. Chuyện là hồi nhỏ thủ vai trà đồng, thầy khóa hóng chuyện các cụ. Nghe được thân phụ là quan đốc học tỉnh Hải Dương cảm cảnh tuổi già hiu hắt lúc này giống như của bác và tôi bây giờ nó hình thù cổ quái như thế này: *Trên thì móm mém nhai không vỡ - Dưới lại chun choăn nhét chẳng vào.*

Răng lợi bây giờ của bác giáo và tôi cái mất cái còn, ăn quán ngũ đình đã quen thói, chỉ có bát phở *không người lái*, dăm sợi bánh chun choăn là xong tốt. Nói không ngoa chứ tôi có thể khua môi múa mép với bác rằng: Tôi là người tập tễnh xơi phở từ

thuở còn mặc quần thùng đít, lại được ăn phở Hói, phở Bà Triệu. Nói cho ngay từ tám bé, theo chân bố tôi cưỡi ngựa xem hoa đấy thôi, chứ tôi biết quái gì với nước béo hành chần. Chỉ biết rằng nghe qua bố tôi kể lại, khách vãng lai có...lai vãng đến tiệm ông đùng hòng hỏi đến chanh và tương đỏ, để rồi khách Hà Nội nghìn năm vẫn vật biết tiệm ông từ cái giai thoại đầy biến ngẫu ấy.

Bác gái gái vàng trán nhẵn bóng thăm hỏi..."Ông Hói là ai?" Tôi đành vay mượn một mảng văn chương chữ nghĩa của cụ Nguyễn Tuân trong tùy bút *Phở* rằng: Tên hàng phở cũng có nề nếp của nó là tên *người bán phở*. Trông mặt đặt tên với phở Gù, phở Lấp, phở Sút. Hoặc địa linh nhân kiệt ông hàng phở là phở Nam, phở Hà, phở Cầu. Tất cả bằng vào một chữ...nhất tự thiên kim. Chứ những cái tên hàng phở *Đào nương* hay *Thùy dương quán*, bác chó có đại mà lần vào, chắc như cua gạch là chỉ thấy mấy cọng hành trôi lênh đênh như....thuyền ra cửa biển ấy thôi.

Ấy vậy mà bát phở nhiều bánh ít thịt hao tốn chữ nghĩa của thiên hạ không phải là ít. Thăng nhắc đến hai chữ *đào nương* tôi lại muốn tung tẩy về thập niên 40 với truyện tiểu thuyết *Anh hàng phở lấy vợ cô đầu*. Chuyện cô ả đào về già than thân trách phận rằng: "Đời đời này như một bát phở bánh chưng lênh bênh, mờ ngụi đóng váng...". Vay mượn cái tình của anh hàng phở, bác và tôi đang vật vã với cái tuổi lênh bênh, nào khác gì nàng kỹ nữ về già. Chưa

hết, trôi sông lạc chợ lại nhớ cây đa bến cũ, xin mạo muội thưa với bác rằng món ăn đương đại này, chẳng chóng thì chầy một mai cũng nguội ngắt, chương phình theo đàn con cháu ở bên này. Vì vậy tôi rì mọ với bát phở hành chân nước béo, vẽ rết thêm chân cũng có nhiều sự cả, thưa bác giáo.

Ừ thì muốn có đầu có đuôi về phở phải quang gánh trở về với những nhà văn tiền chiến một thời...toả khói trong văn chương cùng cái thú ăn phở. Các cụ đã dùng hết chữ như Thạch Lam với *chả có gì ngon hơn bát phở*. Nguyễn Tuân sành phở cùng nỗi nhớ của kẻ xa thổ ngại, bản quán *trong cái nhớ nhà có cả một sự nhớ ăn phở*. Nhà văn Vũ Bằng ví phở bò như *một chàng trai mà hào khí bốc lên vùn vụt* còn phở gà như *một nàng con gái thanh tân*.

Qua Vũ Bằng phở có tình tự trai gái, chuyện rằng sau xa Hà Nội vài năm, thèm phở, bèn ghé tiệm phở quen mà hai vợ chồng bạn làm chủ, thấy vợ bạn đeo khăn tang, hỏi ra mới biết bạn mình đã ra người thiên cổ. Trong lúc chờ đợi...lửa tắt nồi khô nước, lại quán vắng chiều hôm. Vì là chỗ thân quen, sẵn có máu lãng đãng trong người cùng *gái đoạn tang, gà mái ghe* nên tác giả *40 năm nói láo* đã...thở khê ra một câu đối rất tình và cũng rất...phở:

Nạc mà chi, mỡ mà chi

Sao cứ ồm ờ không tái giá

Câu đối này lưu lạc vào trong Nam được biến thái giữa một bà hàng phở cũng là góa phụ và một ông khách đang ở cái tuổi muối tiêu mà muối nhiều hơn tiêu như sau:

Nạc mỡ nữa làm gì, em nghĩ “chín” rồi,
đừng nói với em câu “tái giá”

...

Muối tiêu không đáng ngại, anh còn “gân” chán,
thử nếm cùng anh miếng “gầu” dai

Chuyện hàng quán đầy rẫy với cô hàng nước, cô hàng cà phê. Thì riêng phở chẳng kém, thừa mứa với những...gái góa đầy mùi phở, thế nên mới rách chuyện như ở trên. Chuyện thêm nữa là trong cái ngõ ngách của chữ nghĩa, về gốc gác của phở, cụ Tản Đà trong bài *Đánh bạc* viết vào khoảng 1915-1917 có đoạn:

“Trời chưa sáng, đêm còn dài, thời đồng tiền trong tay, nhiều cũng chưa hẵn có, hết cũng chưa chắc không. Tất cả lúc đứng dậy ra về, còn gì mới là được. Có nhẽ đánh bạc không mong được, mà chỉ thức ăn nhục phở”.

Cụ Nguyễn Tuân trong tùy bút *Phở* cũng bàn góp chữ nghĩa thánh hiền cho phải đạo nho gia:

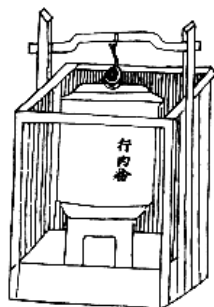
“Chữ phở xuất xứ từ chữ “ngưu nhục phấn” và ta Việt hóa chữ “phấn” thành chữ “phở”. Chữ phở nguyên là một danh từ, còn chuyển thành hình dung từ qua cái mũ “phớt” của Tây mà ra...cái mũ phở của Ta. Mà cái mũ dạ ấy đã méo mó mất cả băng,

rách cả bo, đặt lên đầu ai không chỉnh, hình như đặt lên đầu bác phở xe có một ý nghĩa biểu tượng là người nấu phở ngon, nếu không ngon cũng phải là ăn được...Chữ nghĩa của Ta hay thật”.

Cùng 1000 năm đô hộ giặc Tàu, 100 năm đô hộ giặc Tây với tinh thần hướng ngoại thâm căn cố đế thì qua Tây, đưng bát không bằng chém thớt, có một số người chém to kho mận cho rằng vì nòi “súp” của người Pháp nấu trên lửa nên được gọi là “pot au feu” qua món Bouillabaisse ở hải cảng Marseille. Họ trộn những đồ ăn còn lại như cá, tôm, sò, hến thành một món súp nổi tiếng của miền nam nước Pháp sau này. Các bồi bếp người Việt làm cho Tây theo cách thức “tả pí lù” ấy, thấy nước súp dư thừa, họ mang về chế biến đãi người thân, bằng cách thái thịt bò, bánh cuốn cho vào, để hợp với khẩu vị người Việt, họ thêm ngũ vị hương là đại hồi, tiểu hồi, nhục quế, xuyên tiêu với hành ta, gừng cho át mùi bơ béo ngậy. Theo thời gian, món súp này...bắt lửa cái tên từ “feu” ra...“phở”. Chuyện cứ như...thật ấy, thưa bác giáo.

Bác ngáo ếch dòm tôi...Dào, như đã thưa nào tôi có hơn gì bác. Vì thấy chuyện treo đầu dê bán thịt chó trên chẳng có...“cơ sở văn hóa” gì sất cả.

Thêm một truyền thuyết khác cùng người Tàu cho rằng món ăn này từ phương Bắc mà có, đơn thuần bằng

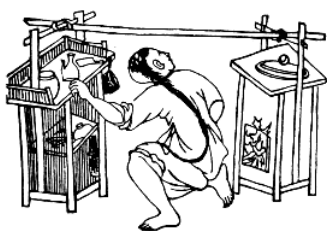


hàng nhục phẩn

vào ba chữ *nguru nhuc phẩn* và phải đợi thêm người Nguyễn Dur, cũng qua điển tích với tranh dân gian. Ông cư ngụ tại Pháp, nghe nhiều người nói và được biết bộ tranh Oger. Tình cờ ông xem được bộ tranh ấy cùng những sinh hoạt dân gian như buôn thúng bán mẹt thời đó. Nhất là hàng quả gánh “Nguru nhuc phẩn” nên ông thích quá đến nỗi *da gà* và phóng bút viết bài về phở. Mà quả tình có....nổi *da gà* thật, như ông đã đào sâu chôn chặt như ở dưới đây:

“...Theo tôi, tranh thứ nhất vẽ thùng nước dùng có tên là *hàng nhuc phẩn*. Tóm lại, tên *nguru nhuc phẩn* đã có từ đầu thế kỷ 20. Kể từ năm 1943, trong văn học cũng như trong dân chúng, tên phở được tất cả mọi người dùng.

Tám tranh thứ nhì vẽ một hàng quả. Những ai đã từng sống ở Hà Nội trước 1954, chắc đều nhận ra dễ dàng đây là một hàng phở gánh. Tám tranh vẽ một bên là thùng nước dùng lúc nào cũng sôi sùng sục, bên kia xếp những đồ cần thiết như con dao



thai thịt to bản, lọ nước mắm hình dáng đặc biệt, cái xóc bánh phở bằng tre đan treo bên thành, cái liễn đựng hành, mùi. Tầng dưới là chỗ rửa bát, bên cạnh có cái giỏ đựng đũa. Con dao to

bản và cái xóc bánh đủ cho chúng ta biết rằng đây là một gánh phở, có thể nói rõ hơn là phở chín. Sự

tắc không dùng hai dụng cụ này. Sự tắc nhúng, trần những lợn mì bằng cái vỉ hình tròn, đan bằng giây thép. Còn hủ tiếu? Cho tới năm 1954, đường phố Hà Nội chưa biết hủ tiếu. Và lại những xe hủ tiếu (xe đẩy chứ không phải gánh) của Sài Gòn cũng không thái thịt heo bằng con dao to bản của hàng phở chín.

Tám tranh này xác nhận rằng vào những năm đầu thế kỷ 20, ở ngoài Bắc, đặc biệt là ở Hà Nội, phở gánh do người Tàu bán...”

Thế nhưng từ gánh *ngưu nhục phấn* để một sớm hai sương hóa kiếp thành gánh phở cũng có tùy theo bá quan bá tính. Qua một đoạn văn của nhà báo Lê Thiệp, một “chuyên gia” về phở khi viết về phở, ông cho hay: Ngưu tiếng Tàu vừa có nghĩa là bò, vừa có nghĩa là trâu nên không hiểu là...trâu hay...bò. Nhưng “có khả năng ngưu nhục phấn là “canh thịt trâu” với bánh bột gạo ở Vân Nam. Ông luận thêm: Một đằng là bánh bột Vân Nam, một đằng là bột cán mỏng sắt thành sợi, khác nhau xa. Đụng đến thịt bò, nhà báo chắc như bấp luộc: Nói gì thì nói, Tàu xào nấu danh bất hư truyền với thập bát môn võ nghệ, món nào cũng “hầu ló”, ngay cả tả pí lù. Thế nhưng trừ món...thịt bò. Ăn cơm Tàu, ở nhà Tây, lấy vợ Nhật. Ở đâu có khối ở đó có một tiệm Tàu nhưng bói bầy ngày không ra một món thịt bò nhai được trừ....bò xào. Nhà báo hỏi một đầu bếp người Việt

gốc Hoa chuyện...khó nhai ấy. Ông hỏa đầu quân này ngăn ra và gãi đầu rằng: Bên Tàu trâu bò cần thiết cho việc đồng áng, trâu bò chỉ được hạ thịt khi đã quá già....

Bác là người ăn phở mê bát thiên hạ, bác nghĩ sao về chuyện một ông Tàu già bắt một mớ thịt trâu cũng già không kém, nghĩ..."hầu xực". Bèn quăng vào nồi, gánh qua ải Nam Quan cho người An Nam ta...thực bát tri kỳ vị. Ấy đấy, nào có dễ xơi như Tôn Ngộ Không, nhúm một nắm lông thỏ phù ra..."phở" thì gần như chuyện...phong thần. Với món thịt trâu, người Việt ta chỉ độc có món luộc. Nước luộc trâu, vì chẳng phải là sáo vẹt hay nước lèo heo, lại ngâm với bánh bột nổi lênh bênh, chưa ăn đã ứ lên đến tận cổ. Chém chết chẳng ai..quờn với chuyện ruồi bu chế biến thành phở này kia, thưa bác.

Cầm cái ống vố, bác bập bập dăm hơi, ra cái điều chuyện gì mà xơ như nhộng xác như vờ và chỉ có vậy thôi ư. Dạ, thưa không, ngoài câu đối phở đã góp phần đưa phở vào văn học nước nhà, "thơ phở" qua Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu:

Phở là đại bổ, tốt bằng mười thuốc Bắc
Quế, phụ, sâm...nhưng chưa chắc đã hơn gì
Phở bổ âm dương, phê, thận, can, ti
Bổ cả ngũ tạng, tứ chi, bát mạch...

Với “văn phở” của Vũ Bằng: "Nước dùng nóng lăm lăm, nóng bỏng rẫy lên, nhưng ăn phở như thế mới ngon. Thịt thì mềm, bánh thì dẻo, thỉnh thoảng lại thấy cay cái cay của gừng, cay cái cay của hạt tiêu, cay cái cay của ớt. Thỉnh thoảng lại thấy thơm nhẹ cái thơm của hành hoa, thơm hăng hắc cái thơm của rau thơm, thơm dịu dịu cái thơm của thịt bò tươi và mềm, rồi thì hòa hợp tất cả những vị đó lại, nước dùng cứ ngọt lừ đi, ngọt một cách hiền lành êm dịu, ngọt một cách thành thực”.

Và Thạch Lam: "Gánh phở ngon thì nước dùng trong và ngọt, bánh dẻo mà không nát, thịt mỡ gầu giòn chứ không dai, chanh, ớt với hành tây đủ cả. Chả còn gì ngon hơn bát phở như thế nữa".

Đến Nguyễn Tuân: "Mùa nắng ăn một bát, ra mồ hôi, gặp cơn gió nhẹ chạy qua mặt lưng, thấy như giò quạt cho mình. Mùa đông lạnh, ăn bát phở nóng, đôi môi tái nhợt thắm tươi lại".

Thêm mắm thêm muối cùng bài viết nào đó dàn dựng với hương hồn hai cụ Nguyễn Tuân và Vũ Bằng. Hai cụ ...thần phở như hai bóng ma hiện về với qua một hàng phở xe bên hè phố :

“...Ông hàng phở Nam Định vốn dĩ mặt mũi toát ra cái vẻ khinh đời khinh bạc, nhận ra người muôn năm cũ, tự tay mang ra bàn một đĩa ớt mỏng, chai tương ớt hồng tươi, vài miếng chanh cốm xanh non. Đáp lại cái nhìn mời hàng, ông Vũ gọi một bát

tái gầu, ít bánh, nước trong và chẳng thể thiếu đĩa hành giấm. Còn ông Nguyễn, chẳng cần phải hỏi, bao giờ ông cũng nhất bái nhất bộ với phở chín. Trước mặt hai ông khách quen, như một nghệ nhân với nghệ thuật vị nhân sinh, ông thoăn thoắt lật đi lật lại miếng thịt chín trên cái thớt gỗ đã đóng mủn và nhanh tay thái.

Đúng ra ông nhấn chứ không cắt với chiếc dao phay to bản. Thỉnh thoảng ông nhúm một tí thịt tái, trải ra rồi dùng sống dao dẫn nhẹ lên làm như miếng thịt sẽ mềm ra. Sau khi ông nhúng bánh phở vào cái thùng nước sôi nghi ngút khói, dùng cái vớt hứng ru rữ những sợi bánh phở cho ráo nước. Ông bốc thịt vào bát, thuận tay ông nhờn nhờ nhúm bó hành lá xanh ngắt, đợt trắng tươi treo lủng lẳng ở thanh song bắc ngang thành xe, bó hành hoa xén lóang một cái là được một vốc và trải trên bát phở. Xong hai bát phở như hoàn tất một tác phẩm nghệ thuật, ông lừng khừng quơ hai đôi đũa xô lệch mà đầu đũa đã thâm xỉ trong cái giỏ tre treo ở cái cột xe, trong ấy lủng chông những cái thìa nhôm nhếch nhác, đã lên nước nhạt thêch như...một món đồ cổ.

Phở cho hai ông phải bày ra bát chiết yêu, miếng trên loe rộng, nhưng phần dưới thắt lại nhỏ xíu, tặc một cái là xong, một lửa đến hai lửa là nhắm thín. Bát phở bốc khói nghi ngút, hít, nhìn, ghi nhớ và ăn, ăn mà tưởng như chưa ăn, như ăn một giấc mơ hoa. Mà như hoa thật, ông Vũ tần mẩn ngấm bát

phở ra dáng như ngấm một bức tranh thủy mặc đầy màu sắc, bên trong vành sứ lấp ló một tí trắng nõn của bánh, xanh đậm của hành ta, trắng ngần của hành hoa, vào cộng rau mùi làng Láng vênh lên như những nét vẽ màu đậm nét quệt hơi quá tay, điểm một tí đỏ của ớt xắt mỏng như những nét chấm phá. Ông nhả nha từng miếng thịt tái ngọt lịm, từng lát gầu màu trắng đục, những vân vàng nhạt chạy vòng vèo trông đẹp ra phết. Mà gầu luộc đúng mức thì mỡ tiết ra gân hết, trong suốt dẻo quẹo, nhai một miếng như dính vào hết kẽ răng, cái ngầy ngậy giòn giòn của miếng gầu nhưng cái vị béo thơm còn nguyên của một con bò đang sung sức.

Ông Nguyễn khẽ cúi đầu xuống hít nhẹ, cái hơi khói lớn vờn nhẹ nhàng chui vào lục phủ ngũ tạng. Khó mà tả nổi cái hương thơm lạ lùng của phở, phẳng phất như hoa chanh, hoa bưởi, không có gì nổi bật lên mà trộn lẫn hài hòa giữa rau mùi, gừng, hành. Như người điếm nhãn, ông mảy mò rắc chút muối tiêu, lấy cái thìa nhôm, từ từ trang trọng ông gạn chút nước dùng trong veo và nếm...Tiếp, ông dùng đũa lắt nhẹ những cộng bánh phở lơ lửng ra với những thứ khác, bánh phở trong cái bát chiết yêu bé con con ấy được thái bằng tay, dẻo mà không dai, thoang thoang mùi thơm của hương gạo, làm bật lên cái thơm tho đậm đà quyến rũ của những lát thịt chín thái mỏng nhưng to bản, màu nâu sẫm của lát thịt chín, khác với bát phở của ông Vũ, nổi bật lên trong bánh phở, cái nõn nà của củ hành chần, hành

hoa, át hẳn những lát ớt đang dấu mặt ẩn nấp. Ông lặng lẽ cúi đầu xuống bát phở, kính cẩn và trang nghiêm như người hành lễ, như một thiền sư đi tìm chân như trong đạo giáo vô thường của...đạo phở.

Chẳng thể mà khi ông Nguyễn và ông Vũ đang đắm chìm trong hương khói nhang đèn của bát phở, bỗng một người khách sớm khác xuất hiện. Thoạt nhìn, có thể biết ngay là người ăn xin. Người này dừng lại bên hàng phở xe và giữ một khoảng cách không quá xa, nhưng cũng không quá gần để làm phiền lòng hai ông. Đang lúc cao hứng, ông Nguyễn vui vẻ gọi ông hàng phở: “Hỏi ông ta ăn gì, bác làm cho ông ta một bát”. Ông hàng phở chưa kịp mở miệng, người ăn xin đã chấp tay: “Dạ thưa cảm ơn hai cụ. Thưa con đủ rồi ạ”.

Nhòm bát phở, người ăn xin tiếp: “Đứng ngược gió mà ngửi thấy mùi phở, ấy là phở ngon đây thưa hai cụ”. Vừa nghe giọng nói, ông Nguyễn giật mình xuyết đánh rơi đôi đũa. Ông nhận ra giọng nói quen quen, như thể lão ăn mày năm xưa đến xin một bình trà. Ông Vũ thật thà hỏi: “Đã ăn lúc nào mà đủ, mà đứng ngược gió ngửi được mùi thơm thì ông quả là...”. Người ăn xin đáp: “Dạ thưa cụ nói hơi quá..” và tiếp: “Dạ thưa con nói khí không phải, xin hai cụ xá tội cho. Như xưa kia hai cụ là bậc thầy về phở, nhưng...”. Ông Nguyễn xong bữa, cầm đũa quẹt ngang miệng để chùi và gất nhỏ nhỏ: “Cái nhà anh này hay chữa, cứ nói đi, có chết thằng Tây đen nào đâu”.

Người ăn xin chậm rãi: “Nhu con đã thừa với hai cụ vừa rồi, trên đời không ai hiểu phở bằng hai cụ. Nhưng hai cụ có ăn mới biết ngon dở. Đó là cái mùi gây bò, cái mùi nồng nồng và gây gây một chút như điêm sương của sá sùng. Thừa hai cụ, phở mà không có sá sùng, không thảo quả thì có khác gì canh thịt trâu của người Tàu. Dạ, có phải thế không ạ? Có anh hàng phở dối khách dùng mực nướng thay cho sá sùng, chỉ lừa được kẻ thực bất tri kỳ vị. Lại có anh dùng su su để tăng thêm độ ngọt, thừa cũng chỉ qua mặt được người trần mắt thịt ăn cốt lấy no.

Hướng về cụ Nguyễn, người ăn xin chậm rãi: “Đến chuyện chữ phở, cụ cho biết có người nói chữ ấy từ ngư nhục phẩn mà ra. Hóa ra phở có nguồn gốc Tàu hay sao? Hoàn toàn không phải thế, thưa cụ! Tỉ như cái củ gừng kia, con đọc thấy có can khương sinh khương, nhưng tuyệt nhiên chẳng tìm thấy gừng nướng. Thừa, cái củ gừng nướng, cái con sá sùng nó khẳng định là phở dứt khoát là của Ta đấy ạ”. Người ăn xin ngập ngừng: “Ấy thừa hai cụ, nước dùng của hai cụ bữa nay, đã kém một tí sá sùng, lại thêm cái củ gừng nướng hơi bị non, thưa hai cụ”. Chắp tay xá một cái, người ăn xin khua gậy đi về phía cuối phố.

Người xin trà. Người ăn phở. Thời nào chẳng có kỳ nhân, ông Vũ, ông Nguyễn bảo nhau thế. Ông hàng phở đưa cái đèn 60 watt tới thùng phở, sấm soi

lấy cái môi vót lên mấy củ gừng, hóa ra quả là gừng có non thật. Trời đã sáng, hai ông lặng lẽ rời xe phở.

Khách lục tục kéo tới, họ xuyết xoa bát phở nóng hổi trong tay, họ chẳng biết chuyện gì xảy ra trong một ngày thiên địa tù mù ...”.

Tạm cho là với chữ nghĩa thiên địa tù mù thì những bài viết về phở cứ ối ra cả đấy. Nếu như so bì những món ăn khác, phở sinh sau đẻ muộn nhưng núp bóng nhà thơ, nhà văn, phở đã khật khưỡng đi vào văn học sử nước nhà. Vì vậy trong những giây phút yên sĩ phi lý thuần, thi nhân nhìn bát phở như một người tình và nhả ra thơ cũng chỉ là chuyện tất nhiên của đất trời.

Qua con đường tình ta đi, phở cũng đã len lỏi đi vào ngõ ngách văn học dân gian trong chuyện đời thường, như *thê bất như thiếp, thiếp bất như tì, tì bất như đạo, đạo như đạo bất đạo*. Hoặc với những người dở hơi dở hám, chán *com nhà quạ vợ* như chán như com nguội, để có câu *chán ăn com nguội thì ăn...phở*. Chẳng nhón môi nói chữ, bác cũng biết thừa mứa là “phở” đây hiểu theo nghĩa là rời ra *vợ cả, vợ hai, cả hai đều là...vợ cả*.

Hay lang thang với chữ nghĩa, dựa hơi theo cụ Nguyễn Tuân thì quả tình, chữ nghĩa của Ta hay thật, thừa bác giáo...Bác bụng bảo dạ, chán mớ đời, chuyện chẳng ra chuyện, lại quàng xiên qua phở

Nam Định với phở xe. Chả ai biết là phở từ Tây hay Tàu. Mà nói đại chứ, cứ theo như người ăn xin trong truyện thì lạng quạng dám của Ta lắm ạ... Cũng đâu đó thừa bác, nhưng tất cả phải nhờ vả đến cụ Cổ Cừ và ông Võ Phiến đang ngồi đợi ở hồi sau.

Vốn dĩ bác là người khăn gói quả mướp “ri cừ” từ Bắc vào Nam, lại đi Tây, đi Tàu, rạch ròi thâm nho cùng những cái tên của những món ăn. Nói rạch miêng thời các cụ ta xưa cũng không ngoài xem mặt đặt tên đầy gọi hình, gọi cảm. Ai cũng có thể hình dung ra là món gì thức nấy như bún riêu ốc, cơm hến, cá kho tộ. Là người hoài cổ, bác hoài cổ hương về những ngày tháng cũ, tiếng rao của các hàng quà rong. Còn tiếng rao nào buồn thảm bằng “Bánh dầy, bánh g..i..ò..” vỗ vào không gian ắng lặng. Đầu phố cuối ngõ u hoài thêm tiếng “tục tặc” của hai mảnh tre già khô cứng, nôm na là “mì gõ”. Hòa lẫn trong đêm khuya, vẳng lên thảm thiết một tiếng dài, hai tiếng ngắn... “phơ...ơ...ơ...” chả nghĩa lý gì sất, chẳng hình dung từ nào cả. Lại mề nheo theo mũ “feutre” là mũ phở, dám từ cái của nợ này nên món súp ấy được gọi là phở chẳng. Trước hay sau, sử xanh chẳng hề ghi chép, nên kẻ hậu sinh cứ như thầy bói mù sờ voi.

Bác nhăn mặt, miêng lâm râm như muốn góp chuyện: Thế đấy, lắm chữ như cụ Nguyễn Tuân đã dậy chữ *phở* xuất xứ từ chữ “*ngưu nhục phấn*” và ta đã Việt Nam hóa chữ “*phấn*” thành chữ “*phở*”. À

tôi ngộ ra cái thâm nho của bác rồi, mớ chữ ngu nhục phần với sợi tóc chẻ làm tư...Bác luận chứng rằng theo cuốn *Việt Nam tự điển* của Hội Khai Trí Tiến Đức vào năm 1920 thì chữ phở được giải nghĩa là: “Phở do chữ phần mà ra. Món đó ăn bằng bánh thái nhỏ nấu với thịt bò như phở xào, phở tái”.

Thế nhưng theo *Hán-Việt tự điển* của cụ Đào Duy Anh thì chữ “*phấn*” (với dấu sắc), người Tàu đọc là “*phần*” (với dấu hỏi), người Nam ta gọi là “*phân*”. Đều có hai nghĩa là “*bột*” hay là... “*cút*”. Vậy theo tôn ý bác, tao nhân mặc khách của cái đất nghìn năm văn học có ăn gan giò, trứng trâu, có ngộ chữ chẳng thể nhái chữ, nhái âm, như cóc nhái kêu ồm ộp từ... “*phấn*” hay ... “*phân*” để gọi là... “*phở*” được! Dạ, thưa bác giáo.

Bác dậy chả là cút trâu hóa bunn là vậy đấy. Chữ nghĩa gì khó nhai vậy, thưa bác?

Lại vẫn con ruồi hôi này, vẫn còn đang đang vo ve như trên người...Bác cầm tập biên khảo về phở của ông Nguyễn Dư, ngỡ bác đuổi ruồi...Nhưng không, bác sửa lại gọng kính, chăm chăm nhìn tấm hình có ba chữ Tàu “Ngu nhục phần” đen như mực tàu. Ủa, sao mặt bác hăm hăm như miếng thịt bò tái vậy kìa.

Bác nhấp nhòm như gái ngồi phải cọc, miệng bác lầu bàu: “Lạ chữa kìa”. Bác dậy sao? Bác nói ba chữ này không phải là chữ “ngu nhục phần” ư? “Lạ nhầy”...Giời ạ, sao có chuyện gánh bunn sang ao vậy kìa, hay là bác quáng gà, thưa bác.

Bác chỉ tỏ, rằng nào bác đâu có thấy chữ nào diễn âm, diễn nghĩa là *thịt trâu* với *bánh bột*? Bác nặn, véo chữ nghĩa rằng:

Với ba cái chữ Tàu trong cái thùng giống cái chậu sứ Giang Tây, theo thứ tự từ trên xuống dưới thì: Chữ thứ nhất nghĩa là “*hàng gánh*” chứ chẳng phải là “*ngư*”. Chữ thứ hai là “*ở trong*”, chứ không phải là “*nhục*”. Riêng chữ thứ ba vì nhòe nhoẹt, những nét chữ ngang sỗ dọc chẳng hẳn là “*phấn*” mà hình tượng nửa như là “*cái đĩa*”, nửa như “*tên một món ăn*” nào đó bày trên đĩa mà bác chịu chết nhìn không ra.

Bác nhướng mắt nhìn tôi...Tôi nhìn con ruồi bay qua như một cơn gió thoảng...Giời ạ! Tôi như gà ghen thóc, trăm sự cũng chỉ vì cái tội che đóm ăn tàn theo cụ Tản Đà, cụ Nguyễn Tuân. Nay bị ông Nguyễn Dư bắt cóc bỏ đĩa lúc nào không hay...

Con ruồi bỏ đi rồi như...người tình bỏ ta đi với mùa thu chết, tôi mới hú hồn thoát nạn với ba mớ chữ chi, hồ, giả, dã. Mà chuyện ăn uống gì cũng phải có đầu có đũa, hay là bác giáo và tôi hãy lang thang một thời, một cõi với Hà Nội 36 phố phường, với Thạch Lam, người có tâm hồn ăn uống, mới biết rằng đầu năm 1928 ở Phố Mới đã có một hàng phố thành Nam.

Bây giờ Hà Nội tràn ngập phở gia truyền Nam Định tức phở Nam. Người ta có thể tìm thấy phở ấy ở mọi ngõ ngách, Hàng Thiếc có Cỗ Cừ, Hàng Đồng có Cỗ Chát, Lương Ngọc Quyến có Cỗ Bình, Trương Định có Cỗ Trình, Khâm Thiên có Cỗ Chiêu, ngõ Tạm Thương có Cỗ Hùng. Theo dăm ba người viết, ngược thời gian cách đây cả trăm năm, sau khi nhà máy dệt Cottonkin Nam Định được dựng lên, những gánh phở rong vĩa hè biến thái từ *gánh canh bánh đa cua*. Những *gánh phở bánh đa* sau biến hóa thành *bánh cuốn* qua Tú Mỡ: “Này bánh cuốn, này thịt bò, này nước dùng sao nhánh mỡ” từ làng Vân Cù phục vụ cho công nhân dệt thời đó. Cũng lại với Hồ Trọng Hiếu: “Cánh thuyền thợ làm ăn vất vả - Phở sợi no cũng đỡ nhọc nhằn”.

Theo cụ Cỗ Cừ, cụ bán phở từ năm 12 tuổi và dòng họ cụ có đến ba, bốn đời bán phở gánh, lên Hà Nội mở hiệu phở cũng cả mấy đời. Cụ kể lễ làng Vân Cù ở huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định là chính gốc của họ Cù, nhưng vì kỵ húy với ông Thành Hoàng nên phải đổi từ Cù qua Cồ. Theo già làng, chẳng ai biết người nầy sinh ra nghề phở ở đây, chỉ biết rằng từ ông Cồ Hữu Vặng. Vì làng đất chật người đông, nên cụ Vặng là người tiên phong mang theo cái nghề dao thót bỏ làng nước mà thể thiên hành đạo và kéo kẹt gánh cái thùng tôn bằng thiếc tây, là nồi nước dùng đun bằng củi, lên Hà Thành vào khoảng năm 1918-1919.

Phở Vân Cù có mặt với 36 phố phường, từ phở gánh sang phở xe lâu năm một thời ấy đã âm thầm trở thành những tiệm phở khang trang. Có thể nói tiệm phở đầu tiên ở Hà Nội nằm tại phố Hàng Quạt, ngồi trên phản gỗ trải chiếu rồi qua phố Hàng Đồng mới có bàn, có ghế. Sau lan qua phố Cầu Gỗ, Cầu Giấy, như cụ Cổ Chiêm, ngoài 80 tuổi, người từng bán phở ở phố Hàng Trống từ năm 1942, cụ Cổ Viên từ năm 1954, nay 72 tuổi với đàn con cháu, ai ai cũng có bốn, hay năm mặt hàng trở lên.

Này bác, dấu cái mũi ở ngay trước mắt, mấy ai đã nhìn thấy. Không dấu gì bác, tôi cũng có ý hồ nghi với dăm ba người viết về phở gia truyền Nam Định. Ai chả biết tận tín thư bắt như vô thư, thế nhưng có đọc, mới thấy lớp lang thời gian như... *phở ký cương mục* với bao đời truyền tử lưu tôn đời đời kê thế từ Nam Định với *cua đồng, bánh đa, bánh cuốn*. Lên Hà Nội với *thịt bò, bánh phở*. Được thể Tú Mỡ vung vẩy: “Khách làng thơ, đêm thức viết văn - Được bát phở cũng đỡ băn khoăn óc bí...”.

Thêm nữa, qua cách nói chuyện của cụ Cổ Cù, tôi thấy cụ là người mấy đời uống nước máy Hà Nội, cỏi mở nhưng chừng mực, cụ “cù không cười” chẳng dấu diếm bí quyết nghề nhà, rằng cùng với bếp củi, cùng với gia vị, không thiếu một thứ gì, nhưng mỗi tay nghề mỗi khác, bởi nhẽ ăn thua ở bánh phở.

Từ đây, bây giờ ai chẳng biết qua cầu Đò Quan, rẽ phải 14 cây số là đến làng Giao Cù, Tây Lạc, sát với làng Nghĩa Hưng, Ninh Cơ cùng họ Cồ, họ Vũ. Tất cả bốn làng, hai họ chuyên làm bánh phở, có thể nói nơi đây là cái nôi của nghề làm bánh phở.

Cụ phân bua, không có lửa sao có khói, gánh phở có từ đời tám hoánh nào rồi!. Chả ai chịu khua môi múa mép lên một tiếng!

Hỏi về “nguru nhục phẩn”, cụ tùm tùm cười:

“Theo các cụ ngày xưa kể, phở không phải xuất xứ từ người Tàu. Nó từ các gánh quà bán bánh đa cua, thịt lợn, dần dần là thịt bò để thành phở nào ai biết”.

Như đề khẳng định điều đó, cụ bày hàng thêm:

“Các ông có thấy Hà Nội từ xưa đến nay, có hàng phở nào người Trung Quốc không? Nói cho ngay thì cũng có đấy, có duy nhất một tiệm của người Trung Quốc tên Nghi Xuân ở phố Mã Vũ nay là phố Hàng Quạt nói dài nhưng là...phở áp chảo.

Cụ dừng đình tiếp:

“Phở là do người Việt chế ra, hay du nhập từ Trung Quốc? Câu trả lời đã rõ ràng: Phở là món ăn hoàn toàn Việt Nam. Vì nếu từ Trung Quốc thì tại sao giờ này Trung Quốc không có món phở?

Được giới sẵn tin hỏi, an nhiên tự tại, cụ đối đáp vung tăn tăn:

“Này xin lỗi ông nhà báo nhá, nói ông bỏ qua chứ cái thùng phở của chúng tôi đâu phải là cái thùng rác đâu mà cái gì vớ được gì mấy ông cũng nhét vào. Như các ông phang lên báo là hôi tản cư...” chạy tóe phở” ra hậu phương, không có bò nên mới có phở gà thì nghe đã bố lếu bố láo rồi. Nay các ông dậy thêm rằng cụ Tản Đà mang phở vào Nam Kỳ qua giai thoại... cụ tự nấu phở là nông tọt, nghe chả ra “nước xuýt” gì sất.

Thật ra phở chỉ mới có mặt ở Sài Gòn từ thập kỷ 40, và chỉ gần đây người ta mới tìm ra một chứng nhân của phở. Đó là bà cụ Trần Thị Năm, nay mới....ngoài 80 tuổi xuân, lưng còng, tóc bạc phơ, ở số 63/5 trong Hẻm Pasteur, sau rạp hát Vinh Quang”.

Các ông nhà báo vênh tai mà nghe chuyện bà ấy kể lẽ nhá:

"Từ năm 1942, ông bác của tôi là cụ Kính từ làng Vân Đình, Hà Đông vào Sài Gòn lập nghiệp. Ông bán gánh phở Bắc trên đường Lagrandière tức Gia Long cũ, nay là Lý Tự Trọng. Mãi đến năm 1949 mới chuyển về đây mở xe phở, tôi còn nhớ lúc đó mỗi tô chỉ có 2 xu, tô đặc biệt 3 xu. Sau đó cụ Kính truyền nghề cho cụ Minh, là anh ruột tôi”.

Cụ nhón nha tiếp:

Làng nước ă, các ông biết một mà chả biết hai, ngay như câu đối của cụ Nguyễn Khuyến khóc cụ

Tú Xương: *Kìa ai chín suối xương không nát – Có lẽ nghìn thu tiếng vẫn còn.* Vậy mà các ông cũng quơ cào, đồ vấy cho bằng được là có cụ Nghè nào đó viết đề phúng điệu cho cụ tổ nghề phở làng Vân Cù chúng tôi. Nói dối phải tội, cho đến bây giờ chúng tôi cũng chẳng biết cụ là ai để mà ma chay, cúng kiếng... “.

Này, bác lông chóng như ngóng đợi ai đấy? Ất hẳn là bác nhắc khéo tôi so bát so đĩa với ông Võ Phiến chẳng?

Ừ, nói cho ngay chuyện chẳng có gì. Vì có thể nói, ông Võ Phiến với phong thái cũng như văn phong riêng, viết về những món ăn từng địa phương cùng tình tự dân tộc qua thổ ngòi, nơi chốn, đào sâu chôn chặt với gốc rễ của từng vùng đất cùng bản phố, cổ quận. Nào là từ bánh đa Bình Định, xuất xứ từ vua Quang Trung đem quân ra Bắc, đến cơm muối Huế có từ ruộng muối Diêm Trường. Ông nặng về...thâm cứu cùng dân tộc tính nên đã không ngại ngần phóng bút:

“Ta có thể chịu ảnh hưởng của Tàu về văn hóa, tập tục. Nhưng món ăn thì tuyệt đối không, mỗi mắt tìm không ra một món ăn truyền thống của Ta mà có gốc từ Tàu”.

Ông kết luận chắc như đinh đóng cột là:

“Tàu ăn xì dầu. Ta ăn nước mắm”.

Thêm dị biệt giữa Tàu và Ta thì Ta thường ăn với các loại rau thơm. Món nào ăn với rau này, chẳng thể bắt khả phân ly. Người mùi rau tía tô tự nhiên thèm món bún ốc, ngắt rau kinh giới nghĩ đến bún riêu, nhìn rau mùi, ngò gai bèn nhớ đến...phở. Đồng tình với xì dầu, nước mắm, thêm nhà báo Lê Thiệp viết rằng:

“Việt Nam chống lại nỗ lực Hán hóa của Tàu từ nghìn năm trước, từ chữ Nho qua chữ Nôm, từ cách ăn mặc đến đầu tóc trong cái nỗ lực đối kháng bền bỉ đó có món thịt bò. Món bún bò Huế không xì dầu, bò nướng mỡ chài là một khám phá mới của người miền Nam, bò lụi chẳng được coi là “phó sản” của Tàu. Ngay cả thịt kho tàu cũng vậy, ấy là chẳng phải món Tàu mà là tên xuất sứ từ con kinh có tên kinh Tàu Hũ”.

Nhà báo Lê Thiệp cho rằng trong các món nước phổ thông của người Tàu có hủ tiếu và mì. Như mì vịt tiềm, mì cá, mì Triều Châu, mì Quảng Đông, nước lèo căn bản vẫn là nước lèo heo.

Có người vặn vẹo hỏi vậy còn hủ tiếu Mỹ Tho thì sao, phải chăng là “âm bản” của Tàu? Nhà báo lắc đầu với luận cứ: Gốc gác của hủ tiếu Mỹ Tho là từ hủ tiếu Nam Vang bên....Nam Vang chứ chẳng phải là ở bên...Tàu.

Qua hai nhà báo, nhà văn trên, bác lạng lờ ra cái đáng trầm tư với cây có gốc, người có cội cùng *Ta về tắm lại dòng sông cũ – Trụy tâm mê mỗi lý sơ*

nguyên với một cái tên từ đâu mà ra, bởi đâu mà có...Thú thực với bác, tôi cũng ngong, nhiều khi có những...cái tên không đâu tự trên giò rớt xuống, ông giò cũng chả biết nữa là...

Là xin thưa với bác rằng: Bác là nhà giáo chữ nghĩa đầy người, có bao giờ bác vén đầu gối để nói chuyện, Và tự hỏi tại sao người trong Nam, heo mẹ, heo con nuôi lôm côm đầy đàn, làm bánh nhét bụng ăn chơi lại nhè kêu...thiệt tình là...*bánh da lợn*. Để chẳng thể bỏ qua chuyện người Bắc như ông giò, bộ hết chữ đặt tên cho cây hay sao lại lớ ngớ gọi là...*cây com nguội*.

Quơ cào qua bếp núc củi lửa, hiểu theo nghĩa là ăn uống thì mắc mớ chỉ cái bát to trong Nam kêu là *cái tô*, ngoài Bắc gọi là *cái liễn*. Đến cái bát nhỏ, trong Nam kêu là *cái chén*, ngoài Bắc mắc chứng gì gọi là...*bát đàn*. Thế nên tôi không dám quàng xiên qua chuyện ở...phố Bát Đàn, Hà Nội có...phở Bát Đàn.

Thôi thì bới bèo tìm bọt cho lắm cũng hao tốn nhiều giấy mực...Nghĩ cho cùng, các cụ ta xưa cũng có lúc há miệng mắc quai với ngôn từ nên gọi một chữ..."phở" cho xong bữa.

Liệu cơm gắp mắm, người đi sau cứ tương Bắc tương bản như vậy cho nhẹ mình nhẹ mảy. Chẳng qua tên phở là như thế đấy! Phải chăng thưa bác giáo?

*Trúc gia trang
Xuân phân, Bính Tuất 2006*

Đàm hoa lạc khứ

Một buổi đi xa trở về phố thị. Đèn xanh: đạp ga. Đèn đỏ: đạp thắng. Đèn vàng: phân vân chẳng biết nên đạp ga hay thắng, như thể không biết mình đang thuộc về nơi chốn nào? Đắt tậm dung, bỗng dung hoài đồng vọng đến câu vong gia thất thổ. Thổ là đất, bèn mò ra bãi cỏ bên kia hàng rào chui xuống cái giếng cạn ngồi như con ếch. Và lân la làm quen với người Trang Tử: "Con ếch ngồi trong đáy giếng, làm sao nói được chuyện biển cả, vì nó không biết gì xa hơn đời nó".

Thế nhưng ngày qua ngày, lại trông ngóng xa hơn để đi tìm một khoảng thời gian ẩn khuất đã mất nào đó.

“Người đi tìm thời gian đã mất” gặp cái giếng hoang, bèn dọn dẹp cỏ hoang làm thành một chỗ trú ẩn gọn ghẽ. Bờ giếng cao nửa mét, *người đi tìm thời gian đã mất* lấy tấm ván dày đập nắp giếng tránh mưa gió. Xem xét hang ổ, nói chung vừa chật chội vừa mênh mông, nhưng gọn gàng với thân hình lẻ loi vắng bóng của mình. Tiếp là đứng trên hòn đá thô, lẩn mẩn đục một cái lỗ ở thành giếng để đi tìm những vu vơ của thiên hạ sự. Những hạt hăng nhiều khi ngay cả của chính mình hay hoặc giả với bất cứ ai đấy có những u hoài, những chơi vơi của một kiếp người...

Cái lỗ thứ nhất chính là cánh cửa của quá khứ:

Người đi tìm thời gian đã mất phóng thiên lý nhãn về nổi cô quạnh trong một ngày nắng khơi khơi, mây khan khan và xa xa trông thấy một nam nhân. Nhìn kỹ hơn, nam nhân khuất nẻo kia quê mẹ ở trấn Kinh Bắc, sinh ở Bắc Thành. Là huyện quan Phù Dung trên hai mươi, vì việc công, vì chiến địa, nên không thể vĩnh biệt người vợ hiền vừa vội về với cõi. Huyện quan đứng bên bờ sông có xác những con vờ vờ nổi trôi mà tên chữ là con phù du, chúng có một đời sống ngắn ngủi như kiếp phù sinh. Một

chiều trên bến nước, huyện quan hoài cổ quận, hoài cổ nhân qua bài hành có tên *Ký mộng*:

Thệ thủy nhật dạ lưu

Du tử hành vị quy

Kinh niên bất tương kiến

Tư hà dĩ úy tương ti

Thì cứ tạm diễn nôm là *dòng sông ngày đêm chảy mãi, du tử đi sao lại chưa về, bao năm vắng bóng ử ê, cách gì an ủi đêm về nhớ nhau*. Qua bài thơ Hán tự này, huyện quan trấn Kinh Bắc rất tài hoa khi dùng thuật ngữ “*thệ thủy*” là *dòng sông cứ chảy mãi* với “*thệ*” là *thề*. Và *du tử* là *người đi không hẹn ngày trở lại*.

Vì vậy người đi tìm thời gian đã mất gọi huyện quan trấn Kinh Bắc là “*người Du tử*” để tránh dẫm chân lên *một nhân vật xứ Kinh Bắc khác* sẽ xuất hiện ở khúc sau. *Người Du tử* sống vào thời Hậu Lê Mạt, có 3 vợ, 18 người con. Và hưởng thọ 54 tuổi, thế nên để lại câu thơ “*Trần thế bách niên khai nhãn mộng*”, hiểu là...*cõi trần thế trăm năm chỉ là giấc mơ*. Câu thơ như dòng sinh mệnh vận vào những ai như chiếc đèn cù của dòng đời từ tuổi còn trẻ với những giấc mơ hoa...Ngẫm cho cùng: Ai đấy, không nhất thiết phải đợi đến già chui xuống lòng đất để loay hoay với bờ mê bến ngộ, như người đi tìm thời gian đã mất chui xuống cái giếng hoang để đang cỏ hoa lạc lối đây.

Tri giao quái ngã sầu đa mộng, thiên hạ hà nhân bất mộng trung, người đi tìm thời gian đã mất lại mảy mò đi tìm một bất thể kỳ nhân khác nữa có tới...13 cuộc tình. Bền mớ mẫm ít đá đẽo đục, chai lọ vỡ cào cấu thêm một cái lỗ khác lớn hơn và gần hơn nhằm vào thập niên 40. Và cũng lại ve vế mất hướng về Hà Nội em ơi! Hà Nội - phố, ta còn em mùi hoàng lan, còn em hoa sữa, tiếng giày gọi đường khuya, thang gác cột kẹt thời gian, thân gỗ ...”. Phố đây có một nhân vật cũng người xứ Kinh Bắc vừa nhắc tới ở trên có cái tên là “Người ở căn nhà 43 phố Lý Quốc Sư”.

Thêm cái lỗ thứ hai là cánh cửa của quá khứ...

Để bớt lẻ loi giữa bao la vô tận của đất trời, không còn sự phân thân giữa người và vạn vật để đồng cảm với nhau qua những nỗi trống trải. Qua song cửa hẹp với *thế sự du du hề một cuộc bể dâu*, người đi tìm thời gian đã mất hòa nhập về những tình cuối chân mây trên thang gác cột kẹt thời gian...Với *nhân kiếp phù sinh hề một thoáng bạch cầu* chẳng chừa một ai.

Chiều mừng hai Tết trời hom hom, đất đơ đơ. Người ở căn nhà 43 phố Lý Quốc Sư như thân gỗ mục, ngoài hai bữa cơm đèn, ngày lúc cháo khi cơm. Có khi ăn cơm khan chỉ chan nước mưa, ấy vậy mà rượu tì tì sáu chén, thuốc Lào rít đều đặn đủ cỡ. Riêng anh chàng bàn đèn vẫn ngả nghiêng với ông

mỗi sáng, như hôm nay chẳng hạn. Nhìn qua khung cửa sổ của cái giếng, người đi tìm thời gian đã mất bắt gặp ông đang độc thoại với chính mình: "Mình chỉ ngủ được 3-4 tiếng thôi, còn đâu là nghỉ. Những kỷ niệm cứ ập về. Mình làm thơ nên cảm xúc nhiều. Khô !". Ông nói không làm được thơ nữa, tất cả đã lịm tắt. Thỉnh thoảng ông mơ mơ đọc lại những câu thơ cũ với nhớ nhớ quên quên. Giọng người ở căn nhà 43 phố Lý Quốc Sư đặc quánh mùi thuốc láo:

*Hề nói đến quên lại nhớ
Nhớ nhiều sao chỉ về đêm
Giấc ngủ còn gì để thức
Toàn thân bụi đỏ thoa mềm*

Ông nằm đó miên man, đôi mắt chan chứa nỗi u sầu, giờ hồ hững khép mở về một vùng u tịch của quá vãng. Mặc cho ngoài kia cuộc sống đang âm ào, mặc cho tha nhân gian díu trong bể trầm luân của kiếp lai sinh. Ngày ngày, ông chìm đắm một quên hai nhớ tưởng chừng không dứt trong im ắng của thời gian. Đã từ lâu bước qua tuổi cổ lai hy, chẳng biết trước thời gian còn lại ngắn hay dài. Ông như người thiền định trong cõi thực, bên bờ cõi miên viễn. Người ở căn nhà 43 phố Lý Quốc Sư nhắm mắt lãng quên thực tại, giọng đều đều như đang nói chuyện với ai đấy:

“...Đây là chuyện tình với cô N., mối tình này đến khi tôi đã có vợ con. Nhưng cuộc hôn nhân đầu tiên không từ tình yêu mà do thầy mẹ sắp đặt khi tôi 17 tuổi.

N. là một người đẹp, sắc sảo, con gái của một gia đình khá giả, chúng tôi đã quen biết nhau từ trước. Trong những ngày về Tiên Du với ý định nhờ N. đóng một vai kịch, tôi mới thực sự mê cô ấy. Từ đó, thỉnh thoảng tôi lại lặn lội từ Hà Nội về Bắc Ninh thăm N. Ban ngày chúng tôi xuống làng chơi, ban đêm, nhất là những đêm trăng sáng đi dạo với nhau, lãng mạn vô cùng. Nhưng con gái có thì cũng đến lúc cô phải lấy chồng, mà không thể lấy một người đã có vợ con như tôi. Chúng tôi đành chia tay nhau vì mỗi tình oái ăm này. Về sau cô ấy lấy chồng ở Hà Nội. Ông trời cũng éo le. Trong những ngày tháng ăn ở với tôi, cô ấy không có mang. Nhưng khi lấy chồng, cô ấy đẻ một mạch 7-8 đứa con. Đến lần sinh nở cuối cùng cô ấy bị băng huyết và chết khi mới gần 40 tuổi. Đó là một cuộc tình đầy những ân hận dầu rằng nếu có quay ngược thời gian, tôi cũng không thể làm cách nào khác được. Cuộc chia tay ấy như định mệnh vậy...”.

Người đi tìm thời gian đã mất nhong nhong nghe chuyện kể chẳng có gì hay ho cho lắm. Chuyện người lươn khươn đâm rách việc, mà việc thì cứ ối ra cả đấy. Các cùm được mảnh gỗ lúi húi đào hỏ để lấy nước uống, nhằm đúng một kho sách quý đầy kim cổ kỳ thư, bèn xoay xỏa mở ra đọc. Và chứng ngộ ra rằng áng văn chương thiên cổ sự dưới đây đầy kỳ tích, kỳ bí nếu so với chuyện chán cơm nguội thích ăn phở ở trên:

“...Người tả dục tính đầu tiên là Lê Hoàng Mưu, chủ bút *Lục Tinh Tân-văn*, tác giả *Hà hương phong nguyệt*. Với truyện *Người bán ngọc*, văn phong biên ngẫu gần 400 trang. Người bán ngọc đây là Tô Thương Hậu giả phụ nữ bán ngọc để gần gũi và trở thành tình nhân của Hồ phu nhân trong hai năm chồng đi xa. Trước là đồng tình luyến ái. Sau trai gái thật khi Tô Thương Hậu không cảm lòng được đã để lộ cái...*"oan gia"*.

Vén mừng rồi vừa gạt chun lên giường, xảy thấy một tòa thiên nhiên, lịch sự như tiên giáng thế, làm cho người bán ngọc mẩn mê nhan sắc trở mắt đứng nhìn, quên bốn phận mình, mưu sự tệt tình, bất cần... Thấy Hồ phu nhân mê mẩn giấc nồng sỗ dàu, nằm bỏ tóc, xấp xả khó gìn choặng. Bèn đưa tay sờ rầm vuốt ve cho thỏa. Không dè, mới thò tay tới bụng sợ phập phồng nó làm cho tác dạ bồi hồi, tay rung lập cập. Người bán ngọc không dám sờ! Lật đặt thực tay vào rồi xây mặt ngó quanh quẩn bên mình... Vuốt qua vuốt lại, sờ xuống sờ lên đôi ba phen mà Hồ phu nhân mê mẩn không hay, người bán ngọc thấy vậy mới dễ người, ái tình lại dối lòng tà dục... muốn kẻ má hun cho phi dạ. Có một điều là sờ rầm vuốt ve thì không sao, chớ hề muốn kẻ má xuống hun, thì lại hườn cự lệ, trống ngực đánh rầm rầm, chân tay run lẩy bẩy... đồ mồ hôi ướt đầm như người bị cảm mạo phong sương... dục thúc quá dần lòng khôngặng, người bán ngọc bèn gượng đưa tay ra sờ cái ngọc cốt phi phạm... *Rờ tới đâu chết điếng tới đó...*".

Rờ tới đâu...thì ấy là chuyện hậu sự. Đất sinh cỏ già sinh tật, người đi tìm thời gian đã mất lại quay quắt về với sách hậu hiện đại thiên niên kỷ 21 sao chép chuyện vợ chồng của người Du tử xem có tang thương ngẫu lục hơn Hồ phu nhân chăng:

“...Du đi dự hội yến ở dinh Tổng trấn Bắc thành, rất khuya mới về đến nhà. Vợ Du vẫn còn thức. Thấy chồng mặt mày ảo não, nàng hỏi có chính biến gì chẳng. Du thở đánh sượt, nói: "Tiệc đông vui, nhưng gặp lại cô Cầm". Vợ hỏi: "Cô Cầm nào?". Du không đáp, đi thẳng vào phòng văn, đóng cửa lại. Vợ Du nằm một mình thao thức. Nhớ cô Cầm quá đổi, hồi lâu sau, Du từ phòng văn trở ra, bước thẳng đến giường vợ, chẳng nói chẳng rằng, tuột váy nàng ra, hôn hên làm tỉnh. Xong, Du lại lẳng lặng nhôm dậy, đi thẳng vào phòng văn. Vợ Du trần trở một lát rồi ngủ thiếp, thấy một bà vải xô mình xuống sông. Nàng không biết bơi, vùng vẫy, sặc nước. Bà vải thản nhiên đứng trên bờ đợi đến khi nàng chìm hẳn xuống nước, rồi mới bỏ đi. Sáng sớm, Du rời phòng văn, định sai gia nhân mang tặng cô Cầm bài "*Cầm giả dẫn*" vừa viết xong. Khi bước ngang buồng ngủ, Du nghe vợ đang ú ớ hát trong mơ, *giọng đục như tiếng đàn đáy...*”.

Người đi tìm thời gian đã mất trở lại cái cửa sổ thứ hai, nhìn lên khoảng không, mây đùn lên ngang

ngang một màu xám chì tẻ ngắt, đất trời chùng hẩn xuống, gió thổi mây xoắn tít. Người ở căn nhà 43 phố Lý Quốc Sư vẫn còn nằm trên giường, đôi mắt khép nhẹ, hờ hững, chung quanh bao la là mây trời. Ông giờ một nửa là người của cõi phiêu bồng, một nửa còn lại vẫn còn gian dứ với duyên nợ. Những còn lại là khoảng mây trắng để hồn thơ ông bay lượn trong nường chiều. Lúc này đây, ngấm lại những thăng trầm bể dâu của ông. Trong đó, ám ảnh không nguôi là một người tình khác giữ áo bụi trần đi tu mà không nói với ông lấy một lời:

*Ta biết mai này mây trắng
Thường băng khuâng bãi chiêu hoang
Ni cô bỏ chùa Long Khám
Về xin đi lại đoạn đường*

Và người ở căn nhà 43 phố Lý Quốc Sư âm ỉ về một đoạn đường đã qua như mới đầu đây:

“...Năm tôi 17 tuổi, trước khi lấy vợ. Tôi ở trọ ở làng Đại Tráng, Bắc Ninh. Buổi trưa nọ, tôi thấy một cô gái gánh gạo vào nhà. Tưởng bà chủ mua gạo, sau mới biết đó là con gái bà. Lúc cô ấy vừa đặt quang gánh xuống, tôi thấy đẹp quá qua đôi mắt to đen lay láy, sao lại có cô gái xinh thế!. Bà chủ nói: "Em nó tên Ngh., năm nay 19 tuổi".

Mỗi lần về tôi đi học về. Chị lại ra đón. Muốn ăn gì, cứ nói, chị Ngh. sẽ chịu tất. Tôi thấy có gì đó lạ lạ, độ ấy mùa rét, chị bảo: "Vào trong bếp ngồi cho ấm, ngoài sân lạnh lắm". Chị rải rơm cho ngồi, tôi ngồi cạnh. Trong bếp, lửa làm má ửng hồng thêm

và long lanh thêm đôi mắt, không có gì nhiều để nói. Có những hôm tôi đi học về lúc chiều tối, đến cổng đã thấy chị thơ thẩn ở đó, tay cầm cái liềm, hình như có ý đợi. Chị âu yếm hỏi: "Cậu về rồi à? Có rét không? Thôi vào bếp đi, mình nướng mấy củ khoai ngon lắm".

Còn nhớ một lần, để quên cái va li nhỏ ở nhà trọ tôi ghé lấy, gặp chị. Nghe chị trách: "Sao lâu lắm cậu không xuống nữa?". Đạo đó tôi nhút nhát lắm, thường bị trêu là dốt gái. Tự dưng chị có cử chỉ rất lạ, cứ ôm lấy tôi: "Tí nữa hãy về", rồi nắm cái va li giằng lại. Ngôi nhà năm gian vắng lặng, sân gạch rộng mênh mông. Nhà không có ai, tôi cũng ôm chặt lấy chị, dần dần quen tôi cũng sờ soạn bên ngoài áo.

Từ đây, mỗi khi được chị ôm, tôi đưa tay vào trong yếm...

Nghe tin chị vừa lấy chồng, lại được tin bố chết. Tôi về thăm, chị ra đón, tỏ vẻ săn sóc ghê lắm. Khoảng tối, bà cô qua lo tang ma cố ý nói thật to: "Đánh cho con Ngh. một trận. Làm sao bố chết mà suốt ngày chỉ nhìn giai, cứ dờ dẩn ra như thế này?". Tôi hơi chột dạ, sao bà tinh ý thế, để ý cháu từng tí một. Tôi xuống nhà ngang, ở đó có buồng, có bàn và giờ sách ra đọc. Cả ngày hôm sau, chị cứ quần quýt bên tôi như có gì hút vào. Mỗi lần bà cô vào hay quanh quẩn ở đó, chị lại lảng đi.

Từ đó, hầu như chúng tôi không gặp nhau nữa. Riêng lần giỗ đầu bố chị, tự dưng tôi nhớ nên ghé thăm làng Đại Tráng. Không hiểu sao có chồng rồi

mà chị Ngh. đối xử với tôi rất tự nhiên. Một hôm cả nhà đi vắng, qua mấy kẻ hở của cái phen liếp, tôi nhìn trộm chị Ngh. đang kỳ cọ. Ở quê mình tắm tấp thì vẫn mặc quần và đeo yếm, nước ngấm qua vải gợi tình và rạo rức lắm. Đang chổng mông qua khe liếp...Bỗng chị Ngh. thản nhiên cởi yếm và nói vọng ra: “Cứ đẩy cửa rộng ra mà vào”.

Rồi không có chuyện gì lôi kéo tôi về đó nữa, bạn học lơ mờ biết chuyện giữa tôi và chị. Gặp lại một bạn cũ bảo: "Chị Ngh. vào chùa rồi". Tạm biệt căn phòng ngập nắng gió, nhưng chưa thôi vương vấn bóng người xưa ấy giờ nơi nao, hay người nắm đất, kẻ phiêu bạt đây đó... Liệu có còn ai đau đau cùng cố nhân?"

Qua khung cửa sổ, bóng người ở căn nhà 43 phố Lý Quốc Sư xa vắng dần, tan trọn vẹn vào đêm giữa ban ngày. Cái đầu của người đi tìm thời gian đã mất vầng vát hình ảnh "bỗng chị Ngh. thản nhiên cởi yếm và nói vọng ra...". Đây đây âm vọng, âm hưởng thơ ông nặng đầy âm tính, rất ướt át, rất “đĩ”. Ông thường cố tình lấp đi lấp lại những hình ảnh gợi dục “môi trầu đờ dần”, “ngực yếm phập phồng”, “bầu vú lửa”, “vén xiêm”, “tóc xiêm”... Nhưng thơ người ở căn nhà 43 phố Lý Quốc Sư chỉ thật sự là thơ khi ông có cảm xúc, lời thơ tuôn trào theo bản năng tự nhiên. Hề ông cố gò theo lý trí thì thơ chỉ có xác Kinh Bắc và cả xác tình dục chứ không có hồn.

Đang dò dẫn đến “ngực yếm phập phồng...”. Bồng chân va vào hòn đá. Kịch. Đau. Sự tỉnh. Người đi tìm thời gian đã mất chợt nhớ trong hồ sách có cỗ thư *Nhục bồ đoàn*, tựa đề hiểu nôm là *đêm tụng kinh bằng thịt*, bộ sách khiêu dâm đời Thanh. Hồi nhất, phần dẫn nhập với câu “Thế gian chân lạc địa - Toán lai toán khứ - Hoàn sở phòng trung”. Hiểu theo nghĩa *nơi cực lạc trong cõi nhân gian này, nghĩ đi nghĩ lại không ngoài cái phòng ngủ*. Thế là người đi tìm thời gian đã mất hì hục đào sâu thành giếng nói rộng ra thành cái phòng chứa đầy cỏ dại trái cây. Ở đây lũ chuột rúc rích suốt ngày đêm. Người đi tìm thời gian đã mất làm bạn với lũ chuột và tạm tị giảng kinh Phật cho chúng nghe. Chúng chuyển hướng ăn chay, làm loài chuột ăn cỏ. Có con siêng năng tu tập nên đã đắc quả *A La Hán*. Khi không người đi tìm thời gian đã mất là ông từ giữ đèn cho lũ chuột ngô nghê. Nghĩ rằng chúng đã giác ngộ, chẳng tham sân si như mình!.

Một đêm gió thanh trăng nhả, người đi tìm thời gian đã mất chong đèn đọc sách, viết văn bài rồi lên giường. Đêm đen như đám rề bèo tây dập dềnh ao quê. Đêm không nhìn được, sờ rầm bằng tay và đoán bằng cảm nhận. Khô, cứng, phình và bó, thắt và mở. Giữa mơ và tỉnh... người đi tìm thời gian đã mất quần người vặn mình như con sâu. Dấm durt nước, ẩm ướt như thêm giếng đành rửa thắm: “Tiên sư nó. Con chuột”.

Hương tiểu tú thoang thoảng và thiếp đi lúc nào không hay. Trong ánh trắng loang loảng, một hình dung yếu điệu bước đến trước mặt. Cô gái khoác chiếc áo chên lưng. Áo mờ sương khói. Nhu nhú nhũ hoa...Người đi tìm thời gian đã mắt nhắm nháy con mắt, thấy trên áo có những *lá trúc đen*. Cô gái dạn dĩ xưng là...“*Kiều nữ*”. Và bảo nhà cô rất gần *Thạch trúc gia trang*. Thường gặp mặt nhau mỗi cuối tuần ở góc vườn. Bèn mời vào phòng, chuyện trò hết sức tâm đắc, làm như quen nhau từ kiếp trước. Đêm vào sâu. Tình thêm đượm. Mới đó mà trắng sắp tà. *Kiều nữ* giục lên giường. Cô tự tay thoát xiêm y. Thân hình lồ lộ trắng lả lùng. Như màu trắng bằng bạc. Bèn giao hoan.

Một cơn gió lạnh lậu bậu lùa qua khe cửa, mấy trang lịch trên tường xột xoạt. Người đi tìm thời gian đã mắt nhìn kỹ thấy đời sống nhân gian như quyển lịch treo tường. Mỗi người có một số trang hạn định. Từng ngày qua, sự sống rơi rớt dần từ thân thể. Thời gian âm thầm bóc sức lực con người ta đi như bóc vỏ củ hành. Cho đến ngày cuốn lịch gần hết trang thì không còn gì nữa cả. Y như rằng, sau mây mưa trời lại ...không nắng, người đi tìm thời gian đã mắt thân tàn sức kiệt. Há mồm thở rốc. Tay ngúc ngắc bắt chuồn chuồn. Và ú ớ: Thôi rồi mình không còn gì nữa cả! Thôi rồi đã đến lúc mình...gần đất xa trời đây!.

Mấy ngày sau, chẳng riêng gì đêm qua, đêm nào cũng thả rong...Đêm dài ngoẵng dài ngoẵng nằm đau giường đau chiếu vẫn chưa sáng. Thoảng

chiếc lá khô rơi xuống tấm ván gỗ che mưa nắng tưởng như ai đó gõ cửa, đánh thức xuân mộng...

Sáng tối đất hôm sau chợt thấy mình sống lại. Người ngợm không cứng đờ như bụi giời nữa và như được trở về dương thế. Đêm về, thân xác người đi tìm thời gian đã mất như có nhạc, giật đùng đùng. Xuôi xuống. Ngược lên, như đưa đà, như bơm xe, như chọc tiết lợn. Như que diêm sát vào vỏ bao, xoẹt cái toé lửa cháy xoè. Mỗi điều thuốc. Thở ra khói. Như mơ, thấy gặp lại tình cuối chân mây trong mộng tưởng. Vào lúc cuộc ân ái, người đi tìm thời gian đã mất hóa sinh, hóa ngộ và ngộ ra cuộc đời cứ tàn như cục đá mài dao vì rằng mình chưa già nhưng đã lớn tuổi. Bỗng dừng nhận thức thấy...*sống cũng như chết* vì trên bảo dưới không nghe, nên...*rờ tới đâu chết điếng tới đó*.

Nói cho ngay với cái tâm thái liêu xiêu như thế người đi tìm thời gian đã mất hay bất cứ ai, ở cái tuổi lỗ mờ lơ ngơ này đều là gã thái giám cuối cùng của triều đại. Người đi tìm thời gian đã mất chẳng biết chọn giấc mơ nào ở cái tuổi tan hoang?

Sáng ngủ dậy...Vẫn như hôm qua, gió như bước chân mùa thu khê tới, hoa lá cụm lại thủ thủ lời chia tay với những nỗi nhớ nhung...nhưng nhớ đâu đâu. Lòng dạ người đi tìm thời gian đã mất cũng xoắn xuyết những nỗi lao xao khó hiểu, chỉ biết như đang ngụp lặn trong một ngày trống vắng. Trống

vắng thì nghĩ ngay ra là kiều nữ trên ắt hẳn chẳng là...cô Kiều!

Lóng ngóng thế nào chẳng biết nữa, tay đang cầm sách hậu hiện đại, người đi tìm thời gian đã mất lật qua trang có dăm bài thơ thời Hậu Lê Mạt. Từ đó có truyền thuyết cho rằng từ người mẹ trấn Kinh Bắc quê hương quan họ, qua người vợ cả trong lúc khó khăn, đến...*người kỳ nữ đánh đàn đáy bài Cầm giả dẫn* ở Bắc thành. Chính những người đàn bà ấy đã để lại những dấu ấn sâu đậm trong cuộc đời của người Du tử nên mới có áng văn chương tuyệt tác cho hậu thế tha hồ mà bình thơ luận giải.

Thế nhưng lại có thuyết khác luận cứ rằng trên đường đi sứ, người Du tử đã chọn tác phẩm Tàu tàu không mấy tiếng tăm bởi cốt truyện và nhân vật tạm gọi là trùng hợp cùng những nhân vật quen biết với người Du tử như Nguyễn Văn Thành, Tổng trấn Bắc Thành, là âm bản thổ quan họ Hồ. Còn cô Kiều là nguyên mẫu bà Hồ Xuân Hương, thiếp của Trấn ả quan Trần Phúc Hiên bị chết chém là bản sao họ Từ. Nên đã lay động ý thơ khiến người Du tử khởi, phục, đóng, mở, ngọn bút tung hoành trên mặt giấy như dấu ngựa dập dòn in trên con đường thiên lý viết khúc đoạn trường lưu danh kim cổ...

Tiện tay, người đi tìm thời gian đã mất lật sang trang khác:

“...Du nói với Kiều: “Không ai yêu em bằng anh.” Kiều đáp: “Em biết. Nhưng anh cũng nên nhớ là không ai yêu anh bằng em. Anh cứ tưởng tượng là

nếu không có em thì anh sẽ ra sao?”. Du trầm ngâm đáp: “Phải”. Rồi Du cúi xuống hôn lên môi Kiều. Hai người hôn nhau đắm đuối. Không ngờ Kiều hôn mạnh đến nỗi nuốt cả người Du vào bụng mình. Du nằm luôn ở đó đã hơn hai trăm năm nay.

Và âm thâm rầu rĩ : “Bất tri tam bách dư niên hậu...”.

Trời đã sáng tỏ, người đi tìm thời gian đã mất mở cửa sổ phía Bắc, và đắm chìm với một mảng dĩ vãng nhấp nhô...Quê nhà thấp thoáng qua tre trúc, ruộng đồng, bờ ao, khói bếp ngồn ngèo trên mái rạ. Thì...bắt gặp người ở căn nhà 43 phố Lý Quốc Sư đã ngồi dậy tự bao giờ, tay vờ vờ thuốc Lào, miệng âm ỉ:

*Vâng thì em lại lấy chồng
Thế cũng vui đời đôi chút
Dẫu đến nơi nào heo hút
Mai đừng trở lại phòng không*

Người ở căn nhà 43 phố Lý Quốc Sư tìm bao diêm, châm đóm, rít một hơi dài, mắt đậu vào khoảng trời chiều, giọng trầm trầm xa vắng cùng một thoáng mây bay:

“...Tôi có nhiều kỷ niệm đầm thắm với 13 chị. Mỗi người đánh dấu một quãng đời đáng nhớ. Bây giờ nằm trên căn gác này, chả đi đâu được. Cứ định viết cái gì, tôi chỉ nghĩ được một lát là mọi thứ lại

mù mịt. Nhưng cứ nhắc đến tên từng chị là những chuyện xưa lại trở về như mới hôm qua, hôm kia.

Nên chỉ có thể kể lại...

Ngày ấy, mẹ tôi bán hàng xén ở con phố Như Thiết của tỉnh Bắc Giang. Một lần từ tỉnh lỵ trở học về thăm nhà, tôi nhìn thấy chị V. mua hàng ở chiếc quầy nhỏ. Trong ánh nắng chiều, chị hiện ra khiến tôi lao đao, choáng ngợp. Tôi viết những vần thơ tình đầu tiên, 8 tuổi đã biết say mê. Người thơ đầu tiên của tôi hơn tôi 8 tuổi. Mỗi bận về, tôi gửi vào tay chị một bài thơ. Đọc xong, chị chỉ cười, nhét vào túi áo. Chị đi bất kỳ đâu, tôi đều theo sát như đĩa xôi. Một lần tôi xoắn xuýt theo sau rình chị ra đồng, trên một cái gò nhỏ có nhiều bụi dại. Chị vén váy ngồi xuống. Người tôi đang háo hức vì cái mông trắng như cùi bưởi. Chị ngẩng lên bắt gặp và mắng: “Sao mày cứ lảng nhảng theo tao thế này nhỉ”. Rồi giả bộ như lúi cuội tìm cái gì ấy. Rồi chị đứng thẳng người lên, mắt băng kuàng nhìn tôi, miệng lẩm nhẩm băng quơ qua đồng chiều cuống rạ. Một cái nhìn rất lạ lắm...

Năm tôi lên 10, chị V. lấy chồng và có một cô con gái. Thế rồi, tôi lại gặp chị trong một lần đi xem kịch làng bên. Khi ấy, chị đã thôi chồng. Chị héo úa nhiều, nhưng đôi mắt vẫn không thay đổi, bờ mi cong vút, ánh mắt thăm thẳm. Nhất là khi chị cười, đôi mắt luôn cười theo, cứ như là đàn bà, con gái lẳng lơ vậy. Lần thứ hai, tôi gặp lại chị ra Hà Nội chơi với người em họ. Cậu ấy biết chuyện hai đứa

tôi nên thu xếp để chúng tôi gặp riêng nhau. Sau lần ấy đến nay, tôi không có tin tức gì của chị nữa. Với chị V., tôi chẳng bao giờ cạn yêu. Nếu có thể, giờ tôi vẫn muốn đi lại trên cánh đồng làng xưa...”

Ông không giấu được nỗi buồn phiền trong thanh vắng cô liêu. Thơ thì đã lụi tàn, ráo hoảnh. Chữ nghĩa, thanh âm xưa giờ đã ngủ quên trong sâu thẳm ký ức và sẽ không trở lại. Tất cả những gì đã đi qua, và ngay cả bản thân, ông cũng không muốn khơi lại hay đánh thức dậy. Ông mong ngày đó đến thật gần, trong một sớm heo may rừng mình, hồn ông bay vút vào cõi thình không. Những câu thơ của một đời người đã tan vào gió cát trong một ngày nắng lụi. Một ngày ông cười hạc về trời, để lại những mối tình sâu, những câu thơ bám víu hôn mê.

Ông mất ngày 6 tháng 5 năm 2010 tại Hà Nội.

Người ở căn nhà 43 phố Lý Quốc Sư thì thảo nínu kéo trong cơn mê trần: “Điều bông hời... ...ới Điều bông...!”.

Trời hiu hiu lạnh, chợt cảm hoài với 13 cuộc tình có lẽ, người ở căn nhà 43 phố Lý Quốc Sư không nhớ hết được, bởi mối tình này chưa kịp lãng quên thì mối tình khác đã ập đến. Người tình cũ ra đi thì có người mới...lại về. Người đi tìm thời gian đã mất nhìn mây bay gió thổi, bụng dạ bỗng nôn nao đi tìm dấu ấn người con gái của riêng mình trong giấc mơ hoa: “Nêu biết rằng em đã lấy chồng - Anh

lẳng lẳng nhặt lá diêu bông - Kết bó hoa tươi làm kỷ niệm - Len lén tặng em lúc vắng chồng...”.

Nếu như người đi tìm thời gian đã mất quay quắt với những mối tình vương váu “chị chị em em” là cô N., cô Ngh., cô V...

Vội vên tán, tuyết tan, hoa tàn, nguyệt tận thì chẳng thể bỏ qua người Du tử đang thấp thoáng ngoài khung cửa, đang lậm vào những cuộc tình không kém gắn bó cùng một lúc hai chị em cô Uy, cô Sạ đã luống tuổi ở phường vải làng Trường Lưu mà bà Hồ Xuân Hương giận lẫy qua bài *Tranh Tố nữ hỏi bao nhiêu tuổi hỡi cô mình, chị cũng xinh mà em cũng xinh*. Hay như hai chị em cô Cầm, cô Cúc ở phường hát ả đào Bắc Thành năm nao bỏ nghề hát theo người Du tử một thời gian. Bà chúa thơ Nôm cũng đã theo người Du tử ba năm có lẽ *lưng khoang tình nghĩa đường lai láng, nửa mạn phong ba luống bập bênh*. Thấy họ cùng thân phận chìm nổi như mình, bà nhún nhe qua bài *Bánh trôi nước* rằng *rắn nát mặc dù tay kẻ nặn, mà em vẫn giữ tấm lòng son*.

Những mưa Sở mây Tần nổi trôi ấy, không ít thì nhiều người Du tử vay mượn từ truyện *Phong tình lục* của Mao Khôn.

Tuy nhiên cũng có thể người Du tử, sinh năm Ất Dậu 1765, tại phường Bích Câu, triều Vua Lê Hiến Tôn, năm *Cảnh Hưng thứ 26*. Vì vậy người Du Tử yên sĩ phi lý thuần từ bản chép tay chữ Nôm có tên *Hoa viên kỳ ngộ tập*, gồm 46 tờ (92 trang)

khổ 27x15 cm, là một tiểu thuyết tính dục táo bạo nhất trong cổ văn Việt Nam đề dựng lên tác phẩm của mình.

Cuộc gặp gỡ ở vườn hoa kể về cuộc tình duyên của Triệu Kiêu, con trai thứ hai của quan Tham chính họ Triệu, người đất Nam Xang thời *Cảnh Hưng* (1740-1786). Chàng thư sinh họ Triệu khôi ngô tuấn tú, học rộng tài cao. Một hôm dạo bước tới vườn hoa bên *cầu Bích Câu*, tình cờ gặp Lan Nương và Huệ Nương, con quan Ngự sử họ Kiêu, đôi bên quen biết, tình tự rồi yêu nhau say đắm như ở dưới đây:

“...Triệu công tử được Kiêu Công mến tài cho ở trong nhà để tiện thầy tiện bạn đèn sách. Chàng lân la đến khuê phòng của hai nàng, nhờ được Xuân Hoa và Thu Nguyệt là hai thị nữ (và cũng là hai chị em) của Lan Nương và Huệ Nương hết lòng giúp đỡ nên tự do đi lại, trai tài gái sắc, trao thân gửi phận, thỏa lòng mây mưa vượt qua lễ giáo. Cả hai chị em Lan và Huệ cùng chung tận hưởng cuộc hoan lạc trong cõi nhân gian.

Triệu Công tử đề nghị hai tiểu thư Lan và Huệ kéo cả hai thị nữ Xuân Hoa và Thu Nguyệt vào cuộc và hai tiểu thư cũng đồng ý. Thế là một chàng công tử lần lượt giao hoan với hai tiểu thư, cô em trước, cô chị sau. Sau đó đến lượt hai cô thị nữ nữa. Triệu Kiêu cả mừng, đưa tay vuốt ve Lan, kéo Lan vào lòng, một tay kéo đùi nàng, tay kia mân mê đôi vú, cười bảo rằng: “Hay thật, vừa mềm vừa ấm, hết như thịt đầu gà”.

Lúc này lòng dục của Triệu chợt nổi lên. Chàng bước tới đẩy Huệ xuống gối. Huệ cũng không chống cự. Trong đệm phù dung hải đường máu nhuộm, dưới chân phỉ thúy, đàn quế hương bay. Mây ngải liên hồi chớp chớp mặc cho bướm lượn săn tìm, mắt phượng lim dim mơ màng, không cấm ong bay hút mật. Xiêm màu pháp phối khác nào mưa trút hoa sen, tóc mây rối bời, hết như gió thổi cành dương.

Triệu không tự chủ được nữa bèn tay kia mân mê vú Huệ, mặt sức đùa cợt trong chăn phỉ thúy, tận hưởng cuộc hoan lạc, rồi đẩy ngã vào trong đệm, hỉ sức mây mưa. Xong rồi Triệu lại kéo Lan, Lan cũng không chống lại. Bắt chước theo hình dáng chim âu chim vụng, phỏng học theo tư thái uyên ương, quả là niềm cực lạc trong cõi nhân gian. Sau đó đến tỳ nữ Xuân Hoa. Lúc Xuân Hoa giao hợp với Sinh, lòng xuân rạo rực, mặc cho Sinh muốn làm gì, không hề mảy may khó khăn. Sau đó đến Thu Nguyệt, mặt sức mây mưa. Hoa binh nguyệt trận, nhưng mã tung hoành. Giao hoan xong, Sinh lại cùng hai nàng Lan, Hương đối ẩm.

Khi gà gáy hai hồi, bỗng Huệ Nương không nói chẳng rằng trút bỏ ngay lựa là. Ham vui ân ái, ai ai chẳng lòng giở nét gió trăng quỳên phượng hoa liễu. Triệu thêm một lần gối vừa xô đã khoát sóng hoa đào. Mây khói vật vờ, thần yêu pháp yếu.

Xong chuyện hương khuê, nàng đề thơ:

Mộng tàn bán chấm mê hồ điệp

Xuân tận tam canh oán tử quy

Thử khứ vị thù đồng huyện ước

Hảo tương nhất tử vị tâm tri

Diễn nôm là *mộng tân gói bướm băng khuâng lạc, xuân hết cảnh quyên khắc khoải kêu, đông huyết chưa tròn nguyên ước ấy, vì nhau một thác sẵn xin liều*. Triệu khen ngợi văn tài nàng nào khác gì Dĩ An xưa kia. Huệ Nương cười mà rằng:

- “*Nhân sinh quý thích chi*”, rõ ra sinh ra ở đời cốt sao sống cho thỏa thích ý mình, chớ văn chương thời làm gì, chẳng qua rồi cũng đắp nắm đất cỏ khô là hết chuyện. Sao không bằng ngay trước mắt, tìm thú vui say, để khỏi phụ mất một thời xuân tươi tốt.

Sau khi gà gáy ba hồi, các nàng vực chàng vào ngủ...”.

Người Du tử đọc xong kỳ thư những nữ lang trên, những chị em cô Uy, cô Sạ, cô Cầm, cô Cúc, và bà Hồ Xuân Hương nhập hồn vào ông. Canh khuya đèn tàn, ông đặt bút xuống viết truyện chị em cô Kiều. Ông miên man hệt hăng “*Nhất sinh từ phú tri vô ích - Mãn giá cầm thi đồ tự ngu*”, tạm hiểu là *một đời tiêu pha chữ nghĩa là vô ích. Sách, đàn đầy giá chỉ tự mình làm ngu mình*. Mấy niên sau, vào một ngày mông lung sương khói lằng nhằng với giấc mơ quan luống lẫn mơ canh dài, ông cay đắng nghĩ người sau cứ ngu ngơ luận cồ suy kim về tác phẩm *mua vui cũng được vài trống canh* của ông. Nhưng chẳng ai hiểu được chuyện người Du tử với những người muôn năm cũ...

Ông mất vào ngày 16 tháng 9 năm Canh Thìn 1820.

Người Du tử khép mắt về với cõi, miệng mấp máy thì thào: “Thiên hạ hà nhân khắp Tô Như...”

Số là cái hồ thư kinh xông mùi mốc, bấy lâu nay chỉ có cỏ úa, rau khô nên chuột không đến. Thỉnh thoảng có con chạy nhảm vào phòng căn đũa vào chân rồi biến mất. Người đi tìm thời gian đã mất cũng muốn đi hoang như con chuột. Chỉ có nó mới nay đây mai đó và chuột sẽ viết sách. Sách chẳng có những thiên cổ kỳ bút như người ở căn nhà 43 phố Lý Quốc Sư hay người Du tử. Rồi ra cả hai cũng mặc áo gổ bốn dải, hai ngắn là hết đất. Nói cho ngay lúc này với cái đầu rỗng rênh, qua khung cửa sổ chỉ nhìn thấy ngày như lá, tháng như mây. Đầu mảy cuối mắt chỉ là những ngày tháng còn lại cứ trôi qua như cát lọt qua kẽ tay. Tuổi già mãi bóng chẳng chịu chờ đợi ai cả, lúc nào cũng lênh đênh đến với tất cả mọi người, mọi thứ xa lạ trở nên quen thuộc, mọi thói quen trở nên xa vắng. Thời gian ấy nó thế. Thời gian nó thế ấy!

Nắng oai oải bò lên tới tầng cây, người đi tìm thời gian đã mất tay điều thuốc lá, tay ly Cognac. Và ngồi khời khời giữa lòng giếng nhìn theo ngọn khói vu vơ thấy được hết một cõi nhân sinh qua hai cánh cửa sổ. Có ai đó đi ngang qua cái giếng bỏ hoang, nếu có nhìn vào cũng chẳng hay biết rằng có...một

“người đi tìm thời gian còn lại” ngồi trên hòn đá rong rêu. Nấp dưới hòn đá, con đế mèn đang tỉ tê *ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau....* Bèn quẳng chùm chìa khóa xuống cái hố tủ sách kim cổ kỳ thư.

Tự nhủ thầm hãy đóng chặt cánh cửa quá khứ lại...

Và mở cái nắp giếng bằng gỗ trở về với chốn nhân gian, ngấm bầu trời nhá nhem, thoát đời thành màu hoa mướp, hoa bí mênh mang, rười rượi, trề trề. *Người đi tìm thời gian còn lại* nhuộm mùi hoa xưa cũ, bỗng quan hoài, quan san đến câu *tương tư hoa gạo quê nhà, tự dung áo đỏ làm ta giết mình*. Đường mưa ướt đất, chợt để hồn trốn mây nấp gió với giấc mơ cuối đời tình lỡ không hẹn mà đến với...*còn một chút gì để nhớ, để quên...*

Đền trưa vẫn hoang sơ, hoang vắng, đầu đường cuối xóm buồn teo một tiếng gà...Người đi tìm thời gian còn lại buồn tình leo lên thành giếng lấy xe xuống phố chợ: Đền xanh: *đạp thắng*. Đền đỏ: *đạp ga*. Đền vàng: ngần ngơ chẳng biết nên *đạp thắng hay ga*. Như thế không biết mình đang thuộc cảnh giới nào? Khách qua đường chẳng nhận ra người đi tìm thời gian còn lại là ai? Mặc dù chẳng hề một lần gặp gỡ hay...quen biết!

Bỗng người đầu đứng đợi ở góc đường xin quá giang. Ngỡ...*tình ngỡ đã quên đi, nhưng tình bỗng lại về*. Hóa ra là một ông già lùn choăn, đầu hói,

đeo kính đen. Ông lũn cũn leo lên xe. Ngồi rữ rữ như con cò ốm. Tay cầm cái cell phone, tay mỗi điều thuốc với cái bật lửa Dunhill. Mặt rất căng thẳng, rất trịnh trọng...

Ông tự giới thiệu tên là...Tù Thức.

Thạch trúc gia trang

Thu phân, Nhâm Thìn 2012

Nguồn: Lai Quảng Nam, Bình Như, Hà Linh, Nguyễn Nhật Ninh, Viên Linh và một số truyện chớp hay truyện cực ngắn trên mạng lưới.

Bức tượng Già Lam

Nắng đầu hạ đã lên một lúc lâu, ngang tầm ngọn cây mà làng xóm láng giềng vẫn trể nải như gà gặt. Gió thổi vu vơ trên những lùm tre vàng xác càng khiến đầu trên xóm dưới trông vắng đến ngẩn ngơ, buồn như trâu cấn. Nhưng vẫn có hai bóng người lặng lẽ đi trên con đường sống trâu rải rác phân bò, phân trâu. Bỗng có con chim lợn kêu “choéc...choéc...” một tràng dài, rồi bay vù qua rặng ruối mát hút. Ngõ trúc ao sâu trở lại ắng lặng như cũ.

Nhưng vẫn còn văng vẳng tiếng chân rời rạc của gã thọt cà nhắc bước một trên dải đất thô. Đi trước một quãng khá xa là cái gái, vợ gã đang kéo kệt gánh nôi bánh đúc. Lòng dạ gã đang phơi phơi vì mới đan được mấy cái đó, cái đơm mang ra chợ bày hàng, để phụ vợ gã miếng rau cọng cỏ. Thì tiếng kêu hú họa của con chim lợn cắt đứt niềm vui của gã, gì chứ cái giống này chẳng khác gì cú nhìn nhà bệnh, phiên chợ này lại ế dài ra đấy. Gã xua đuổi ý nghĩ ấy ngay đi, vẫn vơ về một chuyện khác hay hơn. Số là xuân hạ thu đông có bốn mùa, gã thọt chỉ đợi ngày này và đầu tháng, đúng phiên chợ làng, để có có lễ

la ở quán thịt chó của thằng mõ khuất sau chợ. Mà cái thằng bạn nói khổ từ ngày còn để chỏm của gã cũng chướng, chỉ hai lần trong tháng mới ngả thịt một con tơ. Cũng quá quắt không đâu, nó chỉ mở hàng từ giờ ty đến giờ mùi, vì còn mải lo chuyện các cụ, chuyện làng nước.

Nói cho lắm tắm cời trường thì phải chịu nó có biệt tài túm tó mấy con cày hoang. Chỉ cần ba lát nửa xoắn tít vào nhau, đầu này buộc ở cái đốt, đầu kia thông qua ruột cây tre rỗng chừng hai sải tay là cái thông lọng. Lừa lừa anh chị chó cho đầu hay căng vào thông lọng là giật một cái lòi tói. Anh khoang, chị đôm ủng oẵng một lát cho có lệ, rồi cũng chịu một phép để thằng mõ lòi về tắm nước sôi, cạo lông qua loa, tí riêng tí mẽ là mâm cao cỗ đầy. Sau đó ai nấy tha hồ mà đánh chén, chuyện sống trên đời ăn miếng dồi chó, chết xuống âm phủ...chó má là như vậy, rằng như thế. Bất giác gã thọt cười tùm, chẳng phải kể công gì vì còn ai trồng khoai đất này, gã đây chứ ai, cái gậy thông lọng bắt chó là chính do gã rị mọ cho thằng mõ hồi năm ngoái. Nên mỗi lần ghé quán gã được đãi đằng ra trò. Ấy chứ thằng mõ cũng biết điều ra phết, bạn bè mèo mả gà đồng thế đấy, thế nên không phiên chợ nào là gã không vui vẻ có mặt.

Vừa đến nơi gã thọt ngắm con cây đang nhe răng trắng nhớn, treo lủng lẳng ngay cạnh cây gạo. Gã đoán chừng là cây tơ, vừa mới được thui xong, rom

ra còn thơm mùi lúa mới cắt, phảng phất trên làn da chó vàng ệch làm gã nghệt cả mũi. Quán chỉ có độc một cái chõng tre nhỏ bằng mắt muối, gã ngồi bệt xuống cái chiếu cói trải trên mặt đất không đèn nổi bươm cho lắm.

Và gã thọt ới cái óc chó cái đã. Gã chẳng buồn vẽ chuyện với thìa thiếc, cứ nhờn nha húp, không húp lấy húp để như phùng bát nháo đầu ấy nhá. Gã mậy mọ đếm mức đầy vơi theo cái ngân vàng khè của cái bát chiết yêu, cứ hết một ngân là gã vớ cái cút cổ rụt, dốc ngược ực một phát, rồi khà một tiếng rõ to. Như còn thềm thường tiếc rẻ, với ba ngón tay cóc cáy, gã vét hết những chất nhờn nhờn còn lại trong bát. Và lầu bầu một mình: “Ngon như óc chó...Chứ còn đếch gì nữa”, nhìn chung quanh không có ai, gã tần mẩn ngắm mấy con ruồi bu quanh miệng bát. Đói ngáu ra đấy, nhưng gã nhờn nhor đợi đến giờ ngo, mặt trời quá con sào mới đứng đỉnh gọi cái móng chó, vừa gặm vừa chấm mút ngón tay hít hà ra cái điều khoái tử gì đâu. Bất giác gã nhớ đến thịt cây bồ dương, nóc đầy ngum rượu, nghĩ thâm tối nay cái gái chết với gã, phải quần thị một mẻ cho biết tay. Nhớ một lần vợ gã cóc nhái *nàng rằng nàng chẳng sợ ai, sợ thằng say rượu “ấy” dai đau nàng*, và gã thích chí cười một mình hình hích.

Rồi ngân người thò tay gãi háng xòanh xoạch, chỉ nghĩ đến chuyện bế thốc con vợ tới cái ổ rom ngay. Đến đây, gã lại thấy ngứa ngáy, lấy tay gãi gãi bên cạnh sườn, về được cục ghét và búng một cái vù. No com âm cất rồi, thịt giắt răng ba ngày vẫn

còn thơm, gã không dùng tăm, mà quán thẳng mõ này có chỏ tăm đâu mà xĩa. Gã thò móng tay cào bản gảy ra cái một và...đẩy trôi vào cổ họng...thì cũng đã quá trưa.

Vừa lúc cái gái gồng gánh đi qua. Và gã nhòm dây...

Hôm đó, trời cao nắng đẹp mây vàng, đang thơi thới giữa đường về nhà...Giời đất ạ, ông giò có mắt xuống đây mà xem, chẳng hiểu vì ăn no vỡ dạ dày hoặc xoi phải tiết canh thiu hay sao ấy, gã thọt đang lẩn dẫn trên nẻo đường quê. Bỗng nhiên ngồi tịt xuống, không ú ớ được tiếng nào. Trong khi chị vợ gã quay quả với đôi gánh trước mặt, lon ton bước đều vẫn không hay biết gì. Được một quãng xa, gần nửa cánh đồng nức mùi lúa chín, ngoảnh lại thấy thằng chồng đang ngồi chồm hồm ở cái thế thứ nhất quận công, thứ nhì ị đồng...Thị mới chỉ kịp nghĩ trong đầu: “Ngợm gì đâu, ai lại bậy ngay đây giữa ban ngày ban mặt...”, và rồi thị chột sinh nghi, hay đang mưa mặt xanh mặt vàng ra đấy nên quăng quai thúng tắt tưới đi ngược lại, đến gần thị lập bập:

- Này đây bảo...

Thấy vẫn câm như hén, thị ả cái vai thẳng chồng, gắt nhỏ:

- Ngợm ạ, bộ ăn vạ ở đây nhảy...

Thì gã thọt ngã bổ chửng ra như ông phỗng đá, mắt trắng dã, mồm há hốc, người nhũn như cây cần héo và rõ ràng là...ngổeo quay đơ tự thuở nào. Cái

gái sững người, không biết làm gì hơn là vô lấy xác thằng chồng và bù lu bù loa như cha chết mẹ chết. Nhưng lạ một nhẽ là chẳng thấy...ai nghe, lạ thật, lại gào tóang lên. Thị khựng lại, định thần và thấy đồng không mông quạnh, vắng tanh vắng ngắt, thê lương và ảm đạm. Thị lại ảm ức i i...Trong một khoảnh khắc, thị nghe thấy tiếng gió đồng nội thổi rì rào, tiếng lúa chiêm thàng năm, thàng sáu vàng ửng, cọ vào nhau ram ráp, âm thanh hòa lẫn vắng vắng như tiếng thằng chồng thị trôi trần, dạn dỏ. Hồn ma nát thần tính, nghe “u...u...” cứ rợn cả người, ngo quanh ngo quẩn tịnh không một bóng người.

Thị nhồm dậy, ba chân bốn cẳng chạy te tái về phía chợ...

Vừa tới quán thằng mõ, mắt trươc mắt sau thấy cái chiếu hồi trưa thằng chồng thị ngồi. Thế là thị chọn ngay cái chiếu thô tả ấy và lẩn đùng ra. Tiếp đến là thị gào lên, kể lể chuyện đầu cua tai nheo với làng nước vì ba miếng thịt chó khi không hốc xong là lẩn quay ra về châu ông bà ông vải. Thực tình thị chả muốn ăn vạ hay bắt đền này kia, thị chỉ nghĩ đến chuyện có một chỗ nào đó để bám víu, dựa dẫm. Như thằng bạn chồng thị chẳng hạn, nó sẽ đỡ dần thị một tay trong cái lúc kẻ khôn người khó. Trước khi quay về, tiện tay thị quơ chiếc chiếu. Và cũng không quên kéo theo mấy bà bạn hàng cho có...bạn. Trở lại chỗ gã thọt nằm, họ xúm đen xúm đỏ, bàn ra tán vào là có mang gã về nhà cũng chẳng để...làm gì cho chặt nhà, cứ mang chôn là xong tuốt. Họ phân

công, người về lấy mai, cuốc, người kiếm quả trứng, đôi đũa.

Còn lại cái gái và thằng mõ, cả hai túm chiếu hai đầu như bó giò và ề cổ kéo lê gã lên mả ông Thượng gần đấy. Lát sau mọi người trở lại, lại xì xào, to nhỏ, chằm mảnh đất gần cái gò mới cho con cháu nó phát, nhưng họ quên tiết là vợ chồng cái gái tịt mít từ hồi nào hồi nào. Đào cái lỗ xong, họ nâng nhẹ gã xuống. Trong khi thị xì xụp cắm mấy nén nhang, thằng mõ lấp đất, để cho mồ yên mả đẹp, nó lấy chân đạp bầm bạp mấy cái vào hai bên sườn mộ. Thằng mõ đạp cái nào ra cái nấy, chả là của đau con xót, nó rửa thâm, ăn gì không ăn, nhè thịt chó của nó mà đớp, thế là mất mẹ cái chiếu cói. Xong cả đám cun cút đi về, ai về nhà nấy.

Cảnh đồng chiều lại vắng ngắt, êm ả đỏ hoe.

Vậy mà cũng một bữa ra, thị nằm ườn trên ổ rơm và thiếp đi...

Bố mẹ ơi, sống khôn chết thiêng gì mà thằng chồng thị hiện về ngay đấy, thị thấy gã đi nghiêng ngả trên con đường sông trâu. Khật khùng tiến về phía thị, cất giọng khào khào, hồn xiêu phách lạc nên thị nghe chữ được chữ không: “Nhà nó ơi, cúng cho tở cái...”. Chưa nói xong, có tiếng gà gáy “..óoc..óoc..” gọi nhau về chuồng, thế là gã biến mất, nhưng cũng làm thị sợ sớn đá ra quần. Mà cái...mà cái gì mới được cơ chứ hả giò, mới ba hồn

chín vía đây mà đã nồm rồi, nốc cho lấm vào lại đi đòi cái khi gió ấy. Và thị nghĩ ắt hẳn là không phải, hay là cái...căng chó. Thị nhòm dậy ngó dáo dác thì thấy...cái gậy dựng ở chân vách.

Giời ạ, có vậy mà nghĩ không ra. Thảo nào chồng thị hiện về, đi khắp khiêng theo vết đái trâu ngoằn ngoèo trên con đường làng, thấy tội làm sao. Mà cái thằng chồng thị cũng đụt, có cái gậy chống đất chọc trời cũng quên. Nhìn ra ngoài trời còn sáng, thế là thị học tóc ngược lên mả ông Thượng. Đền nơi mặt thuận ra vì lúc nãy, thằng chồng thị nhắm mắt nhắm mũi nằm gọn lỏn trong cái chiếu túm hai đầu, chẳng biết đầu đâu đít đâu. Lớ quớ cầm cái gậy ăn mày này vào cái sọ dừa của chồng thị, thì chỉ có nước động mò động mả để cả làng chống gậy đi ăn mày cho mà xem...

Mà động thật, tối đến gã thọt hiện về ngay, mặt mày thảm nào, nói không ra hơi: “Nhà nó chỉ nhanh nhẩu đoang, tớ muốn cái...cút rượu cơ”. Nhìn cái bản mặt chảy dài, trắng bệch, thị khiếp quá la bãi hải, thằng chồng giật mình thót người bèn biến ngay. Sáng đến thị ngồi đực một đồng, hàng mã của thằng chồng vẫn số để lại thì cứ ôi ra đấy, thiếu giống, nhưng nhè chai rượu thì chua lấm chứ chẳng chơi. Cuối cùng thị cũng đành vớ cái đó, cái nom, rồi lấy giấy bản dán bọc lại làm chai rượu cho thằng chồng thị nó tửu lạc vong bản. Làm xong thị thấy vui vui, nhưng cái vui không công nổi cái buồn, *chồng như đó vợ như hom*. Cái đó hay chai rượu

được chị nhúm nhỏ lúc này trông như cái củi rơm nhúm bếp. Khiến chị tủi thân với đời thị hom hem như bát cơm của kẻ khó, lỏn nhón ít thịt nhiều khoai. Vừa tủi thân vừa nhớ thằng chồng, thị xuệnh xoạng mang chai rượu lên mộ để hóa vàng.

Tới nơi, không thấy cái gậy đầu, ngó chừng thấy thằng chẵn trâu, đầu to giành giành, cười trơ cả lợi, đang cầm cái gậy của chồng thị khoắng khoắng bãi...cứt trâu. Thị có mát tính cách mấy, nhưng nhìn cái mặt căng căng của nó, thị không dậy mồm dậy miệng được và chửi tóang lên. Thị không ngờ, sau này cái thằng đầu to giành giành ấy, nó nhiều sự thị không phải là ít.

Hóa kiếp cái be xong, ngờ thoát nợ...Hai, ba đêm sau thị vừa thiu thiu thì gã thọt lại về giờ què, gã nhăn nhó là gã chưa nói hết thì thị đã hô hóa lên rồi. Làm gã sợ...ma đến phát khiếp và chạy bán sống bán chết. Xong, gã mè nheo số là gã đang bơ vơ, vất vưởng...”gần đất xa trời”, đang cần một chai rượu...có chai có lọ để chén tạc chén thù. Vẫn chưa hết, thằng chồng chị than vẫn thêm rằng đang thiếu...tửu đồ để đối ẩm. Thị hú hồn hú vía, may mà gã không rủ thị đi theo, vì vậy muốn “bạn nhảm” thì bốn phương tám hướng thị đi tìm ngay. Nhưng đào ai ra bây giờ?

Thế nhưng ngay sau đây thị nghĩ đến đến thằng mõ, nó chứ còn ai trồng khoai đất này, một công đôi việc, ông tướng này thế nào chẳng thủ sẵn cái dùi

chó. Thế là thị quệt mắt, quơ nắm rau tập tàng, lừa xong bát cơm hầm rồi bưng bả xách cái nón đi...tìm người đổi ầm cho thằng chồng vắng sổ, hầm hiu của thị.

Thằng mỗ đang ngồi búng ghét, tẩm khô trên cái chõng tre. Bây giờ cái gái mới...rồi hơi ngấm người ngộm nó, lớn tuổi nhằng nhằng, chân tay khuênh khoáng, mặt mũi thô gầy, răng hô mồm cá ngáo. Ngữ này chỉ siêng ăn biếng làm, nên gổ..."mỗ" là hết đất. Va vào mắt thị là vậy, và nghĩ thâm, thì kệ xác nó chứ, thị đâu có rồi hơi này kia. Tiếp đến, thị giọt ngắn giọt dài, kể lể về thằng bạn của nó hiện về eo sèo chuyện dở người. Chưa nghe hết câu, thằng mỗ đã lựng bưng: "Cái nhà bác này hay chữa...". Mồm thì nói nhưng trong bụng nó xót như tương rằm, vừa tiêu ma cái chiều, bây giờ lại chan tương đổ mẻ chai rượu với cái đuôi chó. Ăn mày mà đòi xôi gấc, nó đâu phải lúc nào cũng một tác tận giờ. Chưa hết, lại còn cái màn chén chú chén anh với...ma, mà gã thọt chết thật chứ đâu có bõn. Dốt hay nói chữ, nó khề cần cổ lên giọng nói chữ học mót các cụ ở ngoài đình: "Một tác không đo, một ly không dòi...Cút chó khô ba nắng, mỗ nhà tôi ba đời không rượu chè gì sát cả. Rõ dớ dẩn".

Nhưng con mắt cú vọ nó không quên cái gái, không đến nỗi sứt môi lòi rốn, chỉ cái tội mặt mày nhếch nhác thô vụng, héo quắt như quả trám khô. Vậy mà trông hay đáo để, liếc cái áo cháo lòng, và

vúi túm tó như cái vó tôm, nhìn trộm xuống một chút nữa. Cái yếm trễ xuống lòi hai quả phật thủ mấy gì đâu, trắng nhầy đến hoa cả mắt. Nó rửa thâm, *gái sắp đoạn tang gà mái ghe* có khác, nhòm cứ hơ hớ, ngôn ngốt ra như trêu người nó, thứ này mà vẫn nhau thì phải biết. Rồi người nó khô như đất nung, lại rậm rục làm sao ấy, nó thông một chân xuống đất, cái quần đùi rộng toang hoác, nó lấy tay gãi ben sồn sột. Khiến cái gái phải quay mặt đi.

Thằng mõ thông một chân xuống đất, tay quơ chai rượu dưới chõng tre và dơ lên dứ dứ như...cái cần câu cơm. Tay khác vờ vờ điều thuốc Lào cật lực, như vờ vờ cái gì ấy, mắt đảo tí lên như lạc rang, và ồm ồm băng quơ: “Thì không nói nhà chị cũng ngợ ra, cũng lọt sàng xuống nia cả mà, có mất miếng đi đâu mà tiếc của. Nhà chị ạ...”. Cái gái chột dạ, mang máng hiểu là lại cái mừng thái lái gặp cú chớ đây nhưng thì không chắc lắm, chỉ biết tởm: “Ồi dào cái thằng cảm hấp phải gió phải dây này, chắc muốn dờ chúng lộn thùng lộn chảo gì nữa đây”. Mà y như rằng, cái gái vừa rớt đến cái cổ chai, đã thấy thằng mõ lấy ngón tay trở gãi gãi trên mu bàn tay thị, miệng cợt nhả *thứ nhất thịt bò tái, thứ nhì gái...* rồi bỏ lưng. Cái gái vừa quay lưng, nó phát vào hông thị một cái bốp. Giận bầm gan tím ruột, thị vội cun cút xách chai rượu đông một mạch như bị ma đuổi.

Còn lại thằng mõ, nó ngồi hút thuốc Lào, tiếng chiếc điều cày kêu “eng éc...eng éc” như lợn kêu.

Xong nhả khói um lên rồi ngửa cổ đùn khói mù mịt và nghĩ vẫn nghĩ vợ.

Nhưng không hiểu sao cái cảm giác nhột nhột, ngứa ngứa cứ bám theo cái gái tới tận cổng chùa Kim Ngưu lúc nào không hay.

Cũng vừa lúc gặp bà vải đang bói đất lật cỏ, thấy màu áo lam với khuôn mặt hiền như Bụt, không hiểu nghĩ sao, thị bám lấy bà, kể lể về cái thằng phải gió, sứt sùi về cái cỗi đời xám nghóet, thâm phèo như miếng thịt trâu ôi. Bà vải nghe xong chuyện chẻ hoe trắng phớ cũng thở ra như bò thở, bà to nhỏ với cái gái là trong chùa có tượng Già Lam thiêng lắm. Nghe già làng và sư bác trụ trì nói tổ thầy cả trăm năm, khi viên tịch được dân làng đeo tượng thờ phụng, bá tánh thành tâm khấn gì được nấy. Ở hiền gặp lành có khác, một mình thị lững thững...xách chai rượu vào chùa.

Vừa lúc thằng chết tiết đầu to giành giắt trâu đi qua cổng chùa...Thế là đi tướt. Tiếng dũ đòn xa tiếng lành đồn gần, lóang sau là dân làng và tuần đinh kéo tới đông như tổ đĩa. Và không thể không thiếu mặt thằng mỡ mặt mày bằng nhắng như nặng vào chuồng tiêu. Tất cả kéo thốc vào chùa để thấy rõ mười mười:

Sư bác đứng giữa điện, quần áo xộc xệch. Cái gái dựa cột, đầu tóc rũ rượi. Mặt tượng Già Lam đang bản thân nhìn cái yếm vắt qua tay tượng. Riêng

chai rượu gần như vẫn còn nguyên. Chỉ vơi đi đúng một chén bằng hạt mít.

Thế là họ rong cái gái với sư bác lên huyện, riêng tượng Già Lam thì có vắt vả đôi chút là phải kiêng, như kiêng lợn đi thiến. Có tiếng í ới, ào xào: “Góm nhẩy, lũ này lỏng quá sức rồi, cứ ghè tụi nó một trận là xong tuốt”. Có tiếng nổ mồm chanh chua: “Phải gang hòng chúng nó ra, dám láo với thần thánh à”. Quan tha ma bắt đầu chưa thấy, chỉ nghe hơi nôi chõ thẳng chần trâu thậm thụt với quan từ hồi nào chẳng ai hay. Thế là chết cả nút trông thấy...

Bàn về quan huyện, nếu ông không mặc áo gấm, đeo thẻ ngà, ôm cái bụng như nhện ôm trứng thì chả ai biết ông là huyện quan. Hơn nữa, ông không phải là mấy quan viên tri trên, huyện dưới thấy kiện cáo như kiến thấy mỡ. Nên thấy mọi người láo nháo ngoài sân, ông chau mày vì phép vua thua lệ làng, lờ ngó đưng đến đến nhà chùa là nghiêng cột lệch mái huyện đường lúc nào không biết chừng nên bụng dạ ông chẳng mấy vui.

Nghĩ đến đây, ông cho điệu thẳng chần trâu trở lại gặp ông.

Cái thẳng ngọng cứ ngược lên tận mái ngói, đến quận cả mồm miệng. Nó lú lười nào là gặp cái gái lên mộ đốt vàng mã, ngồi khấn... Nó hoa tay múa chân...kể lể mà ông chẳng hiểu ắt giáp gì, nhờ chú lính lệ nói vào, ông mới vỡ nhẽ ra là cái gái *miệng khóc tay bết thần* vì, *tay gạt nước mắt tay cầm nén*

nhang. Rồi nó moi móc rặn tiếp, chỉ khổ chú lính phải diễn nôm *hồi anh chồng cũ tôi ơi, hồn thiêng trở dậy ăn xôi nghe kèn*. Ông hiểu là cái gái đang dở chúng, muốn khăn gói đi lấy chồng. Ông cho là chuyện thường tình, nhưng ông chùn lại ngay, vì ông đâu phải là bà huyện Thanh Quan với *phó cho con Nguyễn thị Đào*. Ông đang làm việc quan là xử án, là lo chuyện đóng cùm, đóng gông, buộc cổ mèo treo cổ chó, chứ đâu eo sèo nhân thế với *cho về kiếm chút, chẳng mai nữa già*. Mà lạ một nhẽ, thằng chồng vừa nằm xuống, chưa yên chỗ thì quý tha ma bắt, con vợ đã nhấp nhồm...

Ngày rộng tháng dài cứ tạm để đó, đợi y thị khai báo đã.

Ông cho gọi cái gái vào, thị mặt mày bệt ra như cái bánh đa nhúng nước, vừa thấy mặt ông, làm như oan ức lắm, thị rống lên, hét: “Ồi giời đất ơi, sao con khổ thế này...” rồi khóc lóc: “Bẩm quan, con căn rơm căn cỏ lạy quan...”.

Ông đỡ dành cả một lúc lâu, cái gái mới bóc ngắn cắn dài:

- Bẩm quan, nhà quê nhà mùa có sao nói vậy... Con nào có biết gì đâu, gặp bà vãi bảo vào chùa khấn thì vào. Đang cầu khấn tượng Già Lam giúp chồng con một tay để có “bạn nhấm rượu”, như nhà con về báo mộng hồi hôm. Vừa khấn xong, ngẩng đầu lên thấy sư bác lù lù đi ra. Con hốt hoảng nghĩ, thôi rồi không xong, Già Lam này cũng tai

quái, hết người hay sao ấy, ai lại xúi sư bác đi chèn chén với nhà con để ô uế cửa chùa, thánh vật chết.

Rồi thấy sư bác đi tới, hồn vía lên mây, con càng cuống thêm, chẳng biết dấu chai rượu ở đâu. Thế là con uống lấy uống để cho xong chuyện, mới hết một ngụm, người con nóng ran như lửa đốt, con tháo tung cái yếm của con ra. Đúng lúc sư bác và Già Lam nhảy bổ tới vật con lăn đùng ra đất, giăng lấy chai rượu.

Ông mím môi suy nghĩ lung lắm vì hình như có một cái gì đó chẳng hanh thông mà ông chưa nghĩ ra. Nhưng nghe đến...“bạn nhấm rượu”, ông thâm nhủ, ắt hẳn không ai ngoài cái thằng nhất bạch nhị vàng tam khoang tứ đốm, bạn chồng cái gái.

Thế là thằng mõ được triệu tới công đường.

Thằng mõ thò đầu vào là nấc nồm như mõ róc quan viên hai họ, và cùm nùm cùm nự ra cái điều vừa tắt bật điều đóm ông tiên chỉ, ông lý trưởng xong là lên hầu quan ngay. Làm như chuyện thiên hạ sự, chẳng dính dáng gì đến mình, nhưng bẩm thưa rõ mồn một là cái gái tới kể lể chuyện nhà. Vợ góa con cô, nó thấy cũng tội nên đưa thị chai rượu, cái đùi chó mang cúng chùa. Và như ông cụ non ngân ngậm sự đời, buông thông một câu không đầu, đi tu Phật bắt ăn chay, thịt chó thì được thịt cây thì không. Ông biết ngay thằng này có nhân có quả gì với sư bác đây, không ưa thì đưa có dòi là vậy. Nó là thằng mõ, chuyện làng trên xóm dưới gì mà chả biết.

Mà nào phải to chuyện như luộc trâu cả con, rõ nhưng ngập mùi riêng, lá mơ, để thành chuyện.

Thế nhưng có bé xé ra to nên ông chẳng biết đâu mà lần. Ông chắc hẳn phải mang cả đám ra đền thánh Gióng để thề thốt quá. Vì ở làng Phù Đổng huyện Tiên Du đất Bắc Ninh này, ai chẳng biết biết thánh Gióng rất linh, quả phạt đâu ra đó. Chuyện mới năm rồi, có nhà bị mất trộm con ngỗng bèn lên khẩn thánh.

Thánh về báo mộng cứ ra sau vườn nhà bên cạnh, thấy cái lỗ mới thì đào, moi lên là thấy lông ngỗng đầy ra cả đầy. Còn gã hàng xóm sáng hôm sau, ngơ ngác như ngỗng lạc đàn, đi đứng dềnh dàng thồn thộn, sau phải ra đền tạ lỗi mới xong.

Trước khi bãi đường, quan ty nhìn nhau không hiểu sao ông bắt sửa soạn mâm xôi, con gà trống luộc, chai rượu. Lại nói với lính lệ là ngày mai cho gọi ông đồng bà bóng tới hầu quan nữa.

Về đến nhà, tối khuya ông cứ thao thức mãi với những chuyện không đâu, như cái gái nói năng không được xuôi rọt lắm, mới chợp mắt được một chút, ông lạnh người khi thấy thánh Gióng hiện về. Mặt hàm hàm, quả ai không quả lại nhè ông:

- Này thằng huyện, mày đừng vu oan giá họa cho tao. Khi không vì cái yếm, tao xuống tay bẻ cổ một sinh mạng hay sao?

Vì bị thánh Gióng quấy quả, ông trần trọc thêm. Sáng hôm sau ra huyện đường trễ, bắt gặp sư bác đứng ngoài sân, lừ đừ như ông từ vào đền, nên cũng áy náy và cho mời sư vào ngay.

Từ xa ông thấy sư chậm rãi bước từng bước một, sư có khuôn mặt thật nhân hậu, thông tuệ. Đúng là bậc chân tu, khác hẳn như thằng mõ nói về sư ngày hôm qua, nên ông có một chút phân vân và đắn đo mãi mới hỏi sư về chuyện hôm qua...

Sư bác nhìn thẳng vào ông, lặng lẽ và điềm đạm:

- Vừa lúc điểm chuông hết kinh nhật tụng, đứng dậy vào hậu phòng thay áo quần nghỉ trưa. Bàn đạo nghe tiếng động ngoài chính điện, bước ra thấy nữ thí chủ đang kính cẩn lâm râm khấn vái. Tính đợi xong sẽ hỏi chuyện thì giật mình thấy thí chủ với tay cầm chai rượu trên bàn thờ, lúc này bàn đạo mới nhìn thấy nó.

Chưa hết ngạc nhiên bỗng dung Già Lam mặt mày khác lạ, chồm xuống giăng ngay lấy. Ngay lúc ấy bàn đạo chỉ kịp nghĩ là không thể để Già Lam làm chuyện ấy được, nên nhẩy bổ tới ấy Già Lam ra, lấy chai rượu lại và trong một lúc chẳng hiểu nghĩ thế nào bàn đạo làm một hơi. Trong khi giăng co, bàn đạo lỡ tay làm tuột cái yếm của nữ thí chủ lúc nào không hay.

Quan huyện nghe cũng tạm đủ. Chợt nghĩ đến thằng mõ, định hỏi tiếp còn cái đùi chó thì sao?

Nhưng nghĩ sao lại thôi và cảm ơn mời sư ra ngoài sảnh đường ngồi đợi.

Bước được mấy bước, sư quay lại bình thản hỏi ông:

- Quan huyện còn nhớ chuyện nhà sư già, nhà sư trẻ đến một cái vũng nước và gặp một cô gái ở đây không?

Không đợi ông trả lời, sư lẳng lặng quay ra cửa.

Ông tần ngần một lúc lâu với câu hỏi thâm sâu của sư. Rút điều thuốc Lào vừa nhả khói ông vừa nghĩ đến chuyện ông sư già công cô gái qua vũng nước bỏ xuống rồi quên ngay. Đi một khúc xa, ông sư trẻ lẽo đẽo theo sau vẫn còn thắc mắc này kia. Quan huyện chột dạ hay sư bác ví ông với ông sư trẻ.... Thế thì bỏ bu!

Chuyện đâu còn đó, dây mơ rễ má đến sư bác là có bà vải.

Vải được mời đến, chậm rãi có đầu có đũa là cái gái tới, nói chuyện một lát rồi vào trong. Vải cười như mếu, nào ai biết đó là đâu, cái mũi ngay trước mặt còn không thấy, hướng chỉ chuyện sư mô, cửa đóng im ỉm. Vải chép miệng, đèn miếu đèn gì vắng như chùa Bà Đanh *lúc thì chẳng có một ai, lúc thì ông tượng, gái tơ đầy chùa*. Ông ngăn người ra, đành rằng dậu đồ bìm leo, sao có ông tượng “leo” vào đây. Nhưng ông cũng ngờ ngợ được một điều, chôn thiền môn ít được bá tánh lui tới làm công quả, chắc phải có chi đây. Ngắm vải, ông thấy bà thật thà

như đêm, và lại không có lửa sao có khói. Tội là tội cho...”bức tượng”, lại cảm như thóc, mà đầu môi chót lưỡi cũng ở đây. Bất chợt ông thở dài, nếu không có bức tượng Già Lam thì ông đỡ khổ biết mấy.

Ông không biết làm sao hơn, như đã dự tính từ chiều hôm qua, ông vẫy tay ra hiệu cho mấy ông đồng bà bóng khiêng bức tượng Già Lam vào. Cái đám nhố nhăng quần áo xanh xanh đỏ đỏ, hoa chân múa tay gõ chiêng trống thùng thùng một hồi, làm ông muốn điên cái đầu. Đồng cô bóng cậu đeo dây quần nhợ, múa lung tung, mặt đỏ như gấc chín. Rồi lão đảo, giọng the thé như xé vải, lại nhìn ông trừng trừng.

Ông đoán là hồn Già Lam đã nhập, tiếng Già Lam trầm trầm:

- Ông huyện này, ngồi đồng trong chùa cả trăm năm, đang buồn như trâu cấn, bỗng thấy y thị vác xác tới, mặt mày ủ dột, nhưng được cái người ngợm cũng không đến nỗi nào, tay xách chai rượu để trên bàn thờ. Ta lại tưởng y thị mời uống, nên y thị lâm râm xin xỏ cái gì ấy, thực tình vì tai gỗ nên Ta điếc đặc, nào có nghe thấy gì đâu. Cũng vừa lúc lão sư bác đi ra, mà hôm nay lão này cũng lạ, khi không lại mặc quần đùi, cởi trần trừng trừng là xú uế cả thiên môn. Tuy nhiên lão muốn làm gì kệ xác lão, đựng đến chai rượu của Ta là không xong. Cũng ngay lúc ấy, y thị vợ lấy chai rượu làm như muốn đưa cho lão

sư bác. Thế là Ta nhào xuống hất hai đứa nó ra và nốc một hơi, ấy vậy mà ngon đáo để. Và chuyện chỉ có vậy và không hơn...

Già Lam ngừng một chút rồi gằn giọng:

- Còn chuyện cái yếm vắt trên cánh tay Ta? Ông huyện đừng có hỏi vì chính Ta cũng không hay nữa là!

Đồng cô thánh cậu lắc lư chậm dần, mắt như lạc thần... Như muốn nhả nhủ với ông, Già Lam giọng rõ ràng và chắc nịch:

- Này ông huyện, rượu nồng, yếm thơm, ngay cả bãi phân trâu thối hoăng. Đâu đâu ta cũng thấy hương thơm ngát ngào của Bụt. Bụt nằm ở trong tim gan phổi phèo, ông huyện nhớ đấy.

Rồi Già Lam thắng.

Đến giờ ngọ nghỉ trưa. Khép cửa huyện đường lại và ngồi thờ ra. Ông thấy chuyện đạo chuyện đời là một chuỗi rắc rối không đâu, ông không muốn ôm rơm rậm bụng, mà muốn thanh thoi như Bụt. Tiếp đến, ông quay quả với miệng lưỡi thế gian gia dĩ có câu *bụt không dâm sao có hoa dâm bụt* để ông chả hiểu nếp tẻ gì cả. Cứ như ông, chẳng hấn nhò phong sĩ khí gì với nhân sinh quý thích chi, hiểu theo nghĩa là người ta ở đời sống sao cốt thỏa ý mình. Như ông đây chẳng hạn, không tha thiết lắm đến việc quan nha, ngày ngày ông chỉ quanh quẩn ở công đường nửa buổi, lật ba mớ công văn sở thị cho nó có. Sau

đẩy đảo về nhà chăm mấy con nhòng, con yểng, hoặc làm canh tổ tôm. Rồi ông thiếp đi lúc nào không hay và thấy mình đang đi lòng vòng ngắm bãi cút trâu, nhưng tìm mãi không thấy Bụt như Già Lam.

Bồnh dung thánh Gióng lại hiện ra, chấp tay sau lưng, cũng đi vòng vòng chung quanh án thư, mặt mày đăm chiêu, hóa ra thánh cũng có nhiều sự khó nghĩ như ông.

Đảo được một lúc, thánh nhíu mày, nhướn mắt nhìn ông:

- Này thằng huyện, mày thử nghe lời tao, đưa tụi nó chai rượu, rồi tổng cả lũ trở lại chùa xem tụi nó giờ trò trống gì.

Ông bật dậy, há hốc mồm ra, đúng là thánh có khác. Ông vừa định bái vọng, bái tạ thì thánh đã...hóa. Ông xỏ dép, quần ông cao ống thấp kêu lình lẹ khiêng ông tới chùa. Ông cũng không quên vớ chai rượu trên mâm xôi oán. Nằm dài trên võng thờ ngấn vắn dài, ông chỉ mong lát nữa thôi: Chuyện gì sẽ xảy ra trong chùa, sẽ giải đáp những khúc mắc đang nằm bẹp dí trong cái đầu củ chuối của ông. Để ông sẽ thoát nợ, để ông về đánh tổ tôm...Rồi lần mần thế nào chẳng biết nữa, ông nhón nha tới cây bài “bát sách” mà làng tổ tôm gọi là “gàn bát sách” như...thánh Gióng. Khi không thánh xúi đại ông vào chùa, lơ quớ ông dám là cây “nhị sách” chống gậy nên bị coi là quân “ăn mày”. Nói đại chứ lơ ngơ đụng đến nhà chùa nghiêng cột lệch mái lúc nào

không biết chừng, để ông vác gậy đi ăn mày lắm chứ chẳng chơi

Rảo bước theo là tuần phu khiêng bức tượng Già Lam, theo sau là sư bác, cái gái và thằng mõ làng. Nó vừa gõ mõ vừa rao dân làng đến chùa. Tới chùa, như lời thánh Gióng dậy, quan huyện, một tay sửa lại thẻ bài, một tay cầm chai rượu... Rồi ông dẫn cả ba vào chính điện. Mọi người ngồi ngoài háo hức đợi.

Sau đây họ nghe thấy có tiếng mõ của sư bác vọng ra, tiếp đến là một tuần kinh. Rồi tất cả rơi vào khoảng không.

Im ắng...

Có giọng ho khan dứt quãng rồi ngừng lại. Tiếng mõ chìm đắm trong chân không, u tịch. Nhưng chính ở khoảnh khắc lắng đọng này, mọi người có những giao động, khắc khoai, cùng bài kệ cứu khổ cứu nạn của sư bác như còn văng vẳng đâu đây.

Và im như tờ...

Cũng lúc này, họ mừng tượng đến cái gái với cái yếm trễ nải, phô bày khoảng thịt trắng ươn ướt. Tay cầm chai rượu...

Rồi im bặt...

Mọi người lắng tai nghe. Không một âm vọng nào khác ngoài tiếng “..u..u..” của mấy con ruồi trâu đang nhớn nhơ vo ve. Họ hình dung đến bức tượng

Già Lam mốc meo đang ản mình sau nhang đèn hương khói và...chờ. Chờ hết một thẻ nhang...

Chờ quá là lâu...Không ai bảo ai, mọi người bung cửa vào.

Thì thấy:

Cái gái dựa cột, đầu tóc rũ rượi, tay che ngực. Già Lam bần thần nhìn mảnh vải vắt qua tay mình và chẳng hiểu ấy là cái gì. Sư bác đang gõ mõ cứu khổ cứu nạn, âm vọng chìm đắm trong chân không. Quan huyện quần áo xốc xếch, tay cầm chai rượu.

Chai rượu vẫn còn nguyên.

Trúc gia trang

Hạ trường, Quý Mùi 2003

Phụ đính:

Bức tượng Già Lam trong chùa làng Kim Nguu

Vào thời buổi Tống Nho đang lên, đề đả phá Phật giáo. Trong *Tang Thương Ngẫu Lục*, Tùng Nhiên Phạm Đình Hồ kể câu chuyện khá độc đáo về lý do phá hủy pho tượng cô cả mấy trăm năm trong một ngôi chùa giữa cánh đồng làng Kim Nguu.

“Tháng ba năm Mậu Ngọ 1738, thời chúa Định Vương Nguyễn Phúc Thuần. Ở làng Kim Ngưu, huyện Văn Giang tỉnh Bắc Ninh, có cặp vợ chồng nhà nọ, cùng nhau gánh phân ra đồng để bón khoai. Đến trưa, khi họ đang làm thì thấy một người đàn ông to lớn đến hơn một trượng, mặt đỏ như gấc chín. Từ trong ngôi chùa ở giữa đồng đi ra, lôi xộc người vợ vào chùa. Người chồng sợ quá, vừa chạy vừa kêu cứu. Về tới làng, người làng thấy vậy kéo ra đồng rất đông, họ cùng người chồng lao thẳng vào chùa. Tại đấy, thấy người vợ đang mê man như thể say rượu, lưng dựa vào cột chùa ở ngay bên phải của Phật điện. Khi ấy, sắc mặt của pho tượng Già Lam đột nhiên biến đổi, tay phải của pho tượng có cái yếm của người vợ phủ lên.

Ai ai cũng tức giận, bèn phá hủy pho tượng Già Lam ấy đi”.

Bà Hồ Xuân Hương tân biên cổ truyện

Hà Thành mới chớm xuân, giải hanh vàng trái đầy ngập đường ngập ngõ, cụ Cử đang lúi húi với mấy giò lan đất xanh xao vàng úa, vì cái rét ngọt năm rồi, thêm trận mưa âm ỉ đêm hôm, rồi lẫn thẩn bước vào nhà. Sáng nay trời nắng rám mùi dâu, giọt ba tiêu ra rả, vừa đi cụ vừa lảm nhảm ngâm nga *cửa tiên công khi xây đắp đỉnh chung, mấy thu tròn tìm thú cỏ hoa, chẵn thúy vũ những bèo trôi xóc nổi....*

Ngày trời tháng bụi của cụ Cử là vậy, khi trưa phơi sách, khi chiều tưới cây vì cụ phong kiếm quy điền đóng cửa tạ khách từ lâu. Con ngõ Yên Thái nhà cụ xuân thu nhị kỳ mới có cỗ kim hiền hữu năng tâm, nhưng tối về là náo thị u lâm vang vọng với

tiếng chát, tiếng tom của mấy nhà hát cô đầu ngay xé cửa nhà cụ. Nghĩ đến *mấy thu tròn*, chợt nhớ đến bài phú của ông đồ bát nháo nào đó cũng hay hay, cụ lắm bầm *một buổi chiều thanh thảo, chợt nghĩ đến người bạn tri âm, lâu năm không gặp. Vừa lúc nghe tiếng lạch cạch ngoài cổng, nhìn ra thì đúng là người mình nghĩ đến*. Đang vắn vơ với tri giao quá ngã sâu đa mộng..., thoáng nghe có tiếng giạt chuông thật, ngóng ra vườn, hóa ra cụ Tú bên Tây Hồ qua chơi. Cụ Cử nhủ thâm, mà cụ Tú này cũng đoang, chum chẫn cả năm như con nghén, con tằm bây giờ mới chịu chui ra.

Vừa dựng vội cái ô ở bu cửa, mượn miếng trầu là đầu câu chuyện, cụ Tú đã láo nháo như chào mào ăn đậu ở nhờ:

- Nay bác hay tin này chưa, họ vừa mới tìm ra *Chinh Phụ Ngâm Khúc* của Đặng Trần Côn không phải bà Đoàn Thị Điểm dịch giả mà do cụ Phan Huy Ích trước tác (1). Chuyện là con cháu của cụ là Phan Huy Chiêm có những chứng từ gia phả dòng họ Phan ở phủ Quốc Oai, từ thời Tây Sơn với bản chép tay cơ đấy.

Cụ Cử đang bận tay lau bộ ấm trà gia bảo Thế Đức gan gà, ngược mắt nhìn lên, buông thông một câu ra cái điều ngao ngán:

- Úi dào...Chuyện này tôi cũng nghe hơi nổi chỗ rồi. Họ bắng nhắng như nhặng vào cầu tiêu ấy thôi. Bác Tú còn lạ gì nữa.

Cụ Tú sáng sít sáng sẻ:

- Ấy không đâu...

Cụ Cử làm như không nghe, vào nhà, mang ra một tập cảo thom đóng nẹp tre đã ố vàng. Vừa bước chậm rãi từng bước một cụ vừa ư hử: “*Ngồi buồn nhớ chị Xuân Hương - Hồn thơ còn hãy như nhường trên ai..*” (Tản Đà - *Giấc mộng con*). Cụ băng quơ:

- Chả là tôi có chuyện mọn này muốn bộc bạch với bác, rằng bàn dân thiên hạ đã bao năm quen thuộc với *Chinh Phụ Ngâm* là do bà Đoàn Thị Điểm dịch thuật rồi. Theo tôi có sao để vậy, đừng quấy hời boi nhọ nữa, chả ra làm sao sất cả, thưa bác.

Cụ Tú quay lại...Lại ngần ngẩn thêm:

- Tôi ghé bác cũng vì chuyện này đây, số là thằng Phán nhà tôi học ở đâu đó về cho tôi hay: Theo *Hồ Quỳnh Gia Phả* thì Hồ Sĩ Anh đời nhà Lê, hai trong bốn người con là Hồ Thế Viêm và Hồ Phi Cơ. Nguyễn Huệ là cháu bốn đời của Hồ Thế Viêm và Hồ Xuân Hương là cháu bốn đời của Hồ Phi Cơ. Như vậy cả hai là anh em họ, cùng ông tổ năm đời của Hồ Sĩ Anh. Theo gia phả thì ông tổ của dòng họ Hồ là Hồ Hưng Dật, di dân sang cổ Việt từ thời Ngũ Đại, vốn người Triết Giang, lập cư ở Nghệ An.

Cụ vừa nhắc cái siêu nước đồng con cò để lên ông đầu rau, vừa thùng thảng hỏi:

- Bác biết cội nguồn thế tục, nhưng còn thổ ngại bản quán của bà thì bác tính sao đây, thưa bác.

Cụ Tú mặt nhăn quéo lại như táo tàu khô, giọng chao chất:

- Chậc! Bác còn lạ gì tôi cơ chứ, chữ nghĩa chưa đong đầy lọ mực, lâu lâu lại nhai vắn nhá chữ buồn ta, con giun còn biết đâu là cao sâu (*thơ Cao Bá Quát*), ai mà so bì được với bác.

Cụ Cừ nheo mắt, tùm tùm cười:

- Hay chữa kìa, bác này rõ dở hơi. Thử hỏi rằng tôi với bác gặp nhau ở cái tuổi lá vàng xào xạc này, ngoài ba cái chuyện nhai vắn nhá chữ dối già, nào khác gì ngồi buồn đốt một nhúm rơm, khói lên nghi ngút chẳng thơm tí nào...

Không đợi cụ Tú trả lời, giờ sắp giấy hoa tiên mực tàu lên, cụ phân bua: “Thì tôi đang đốt rơm đây, chẳng dẫu gì bác, mới năm rồi tôi tìm đọc được tập *Lưu Hương Ký*. Tập này (2) do một ông cử nhân người làng Hành Thiện phát hiện trong tủ sách gia đình là văn bản duy nhất có đề tên Hồ Xuân Hương. Qua đây tôi mới hay chữ “Lưu” chính là huyện Quỳnh Lưu và Hương là tên hiệu, tên tục bà là *Phi Mai*. Xuân Hương và Phi Mai, nghĩa Nôm là *hoa mai bay trên hồ với hương xuân*. Bà sinh năm 1772 tại phường Khán Xuân, huyện Vĩnh Thuận, Thăng Long. Bà theo chồng làm quan tại Quảng Yên, sau khi chồng mất, bà vào tu chùa Hoa Yên núi Yên Tử. Nhưng sau đó bà trở về Cổ Nguyệt Đường và bà mất năm 1822 (3). Năm 1842, Vua Thiệu Trị ra Bắc Thành tiếp sứ nhà Thanh, Tùng Thiện Vương theo anh thăm Tây Hồ có bài thơ viếng mộ Xuân Hương tên *Long Biên trúc chi từ*. Thế nhưng nay mộ hoa cô lục của bà chẳng thấy đâu. Bà là con gái của ông đồ

Hồ Phi Diễm, làng Quỳnh Đôi, Nghệ An. Sau khi cha chết, bà và mẹ về ở thôn Tiên Thị, làng Nghi Tàm, huyện Thọ Xương đề biển là Cổ Nguyệt Đường, nhà dưới làm cửa hàng bán giấy bút và sách”.

Cụ Cừ giở mấy trang giấy hoa tiên và u mặc tiếp: “Qua tập cổ thư này, tôi mới vỡ nhẽ ra bà là thiếp của Quảng Yên Trần ải quan Trần Phúc Hiển, thừa bác”.

Cụ Cừ vừa nhắc ấm trà lên chuyên vào chén tống... Chẳng hiểu buồn môi ngựa miệng thế nào chả biết nữa, cụ Tú lập cập: “Thế thì tôi biết rồi, Cổ Nguyệt Đường do bà dựng lên ở phường Khán Xuân cũ, gần Hồ Tây, khúc đường Cổ Ngư làng Yên Phụ. Khu trường Bưởi trước thẳng Phán nhà tôi theo học ấy mà”.

Không thấy cụ Cừ nhếch mép, đau chân há miệng, cụ Tú tiếp:

- Lạ vậy! Vậy chứ ông Tổng Cóc, ông phủ Vĩnh Tường không là chồng bà Hồ Xuân Hương? Há có chuyện ấy sao, thừa bác?

Thong dong nhàn nhã, cụ Cừ châm trà từ chén tống qua chén quân và tiếp, giọng trầm trầm: “Ấy là chuyện sau thừa bác, bác gờm cái đã để tôi gọt cốt vừa giã với Cổ Nguyệt Đường trước đã. Hai chữ “Cổ” và “Nguyệt” ghép lại thành chữ “Hò”, có nghĩa là nhà của cô gái họ Hò là nơi “Ấm trà tiêu khát còn nghe giọng, chén rượu mừng xuân dạ thấy

say” với sĩ phu Bắc Hà đương thời để có những cuộc tình lớn, mối tình con. Trở về chuyện chồng con của bà, con người tài hoa kết bạn với những tao nhân mặc khách Thăng Long, mắc mớ gì gả nghĩa với ông Tổng Cóc cho phí của giời. Trước hết, nghĩa tử nghĩa tận, chẳng ai làm thơ khóc chồng lại dùng những tên cúng cơm xấu xí, diều cọt người đã khuất như cóc, nhái, bèn, chẫu chuộc. Thêm nữa, đi đâu bà cũng làm thơ tác nhân vịnh cảnh, ấy vậy mà quê ông Cai Tổng Kinh tục gọi là Tổng Cóc ở huyện Phong Châu, Vĩnh Phú. Gần đây có nhiều thắng cảnh, di tích như rừng Trám, đền Hùng, miếu Trò với tục linh tinh tình phộc, vậy mà bà không đả động gì đến lễ hội Nỗ Nường này. Bác Tú thấy có lạ đời không cơ chứ?.

Cớ sự gì để có thơ *Ông Tổng Cóc* thì tôi xin mạo muội thưa với bác như thế này đây: Thời Trịnh Nguyễn, chức *cai tổng* chỉ là tiếng gọi cho hoạch vậy thôi...Đúng ra là *xã trưởng*, vì thôn xã ta xưa kia ở nơi đèo heo hút gió ấy loe ngoe chực nóc gia. Bác cứ thử ngẫm mà xem, đường xa vạn dặm, một người của Thăng Long với tứ thời bát cảnh, thân gái dặm trường chẳng dại gì công mẹ già lên tận mạn ngược Phú Thọ sương lam chướng khí để lấy một ông xã trưởng háo danh. Số là ông ta đang sống nhẵn, khi không đâm đầu tự lập đền thờ cho chính mình, vì vậy họ ghen ghét và làm thơ để tể sống ông ta đây thôi. Bà chúa thơ Nôm hay làm thơ lắt léo, bỗng dưng bị quàng cái ách không đâu, tôi nghĩ quần như vậy chẳng biết có hợp nhẽ bác chăng.”

Ngồi không ngứa miệng, cụ Tú chêm vào:

- Bác dậy sao tôi nghe vậy. Nhưng cứ theo sách *Bà chúa thơ Nôm* của ông thi sĩ Xuân Diệu viết thì chiều 30 tết, Tổng Cóc đem biếu quà tết cụ Đồ Xứ Nghệ bị bà Hồ Xuân Hương ra câu đối "Tối ba mươi khép cánh càn khôn kéo nữa ma vương đưa quỷ tới". Sáng hôm sau, Tổng Cóc lò mò đến xông nhà đối lại "Sáng mùng một mở then tạo hoá để cho thiếu nữ rước xuân vào", vì vậy bà mới lấy làm chồng. Hiện nay tại nhà thờ của ông Kiều Phú, thôn Đại Đình, xã Sơn Dương còn tấm ván mít ghi bút tích thơ Nôm của bà "Thảo lai băng ngọc kính - Xuân tận hoá công hương - Độc bằng đàn quế thượng - Hào phóng bích hoa hương" cơ đấy.

Cụ Cử nhìn cụ Tú lắc đầu ngán ngẩm: "Ông Xuân Diệu rõ rách chuyện gì đâu chả biết nữa. Theo thiên hạ sự hai vế đối gỏi hạc trên còn ai trồng khoai đất này là của *một người* với vế trên, vế dưới, là...bà chúa thơ Nôm với nguyên bản: "Tối ba mươi, *khép cánh càn khôn, ních chặt lại* kéo ma vương đem quỷ tới - Sáng mùng một, *lỏng then tạo hóa, mở toang cửa* cho thiếu nữ rước xuân vào". Thêm nữa, ông Xuân Diệu bày vẽ gì cũng phải liệu bò lo chuồng chứ. Chả là tấm ván làm bằng gỗ mít như bác biết thừa bừa là loại gỗ này mềm nên chỉ để làm con dấu, con triện. Vả lại cái ngữ *một như* *gỗ mít* thì làm sao giữ được cho đến thời buổi này. Chuyện là vậy đấy, bác cứ ngẫm lại mà xem?".

Thêm chuyện bà làm lẽ ông Phủ Vĩnh Tường lại thậm ư vô lý nữa. Thường thì miệng lưỡi thế gian khi muốn gán ghép cho ai một giai thoại, giai ngẫu nào đó, họ dựng đứng lên như chuyện có thật vậy! Như cua ốc mùi bùn thế này đây, thừa bác...

“Vào một chiều vắng lặng, Cỏ Nguyệt Đường nơi Hồ Xuân Hương dạy học, bên cạnh có quán trà của bà mẹ. *Văn nhân* phủ Vĩnh Tường gặp cô hàng nước bên đường, mà phải là ở Tây Hồ mới đi vào sử thi với tình sử. Nào có khác gì cụ Nguyễn Trãi gặp bà Thị Lộ bên Tây Hồ với hồi đáp *đã có chồng chưa, được mấy con, chồng còn chưa có hỏi chi con...* Thế là văn nhân bèn xin làm thơ làm quen, nhưng võ bông cắt chỉ được bốn câu là tắc tị bèn lẩn quay ra...chết giấc. Cô hàng nước họ Hồ thấy thế mắng cho một câu: “Nếu không làm được thơ thì xin lui về nhà. Chớ còn nằm đó ăn vạ mãi sao”. Nhưng mãi không thấy tỉnh giấc Nam kha, thương cảm quá nên lấy ông đề...làm lẽ cho xong nợ. Hai năm sau ông mất, vậy mà cái nợ đời vẫn đeo đẳng bà đề khi không có bài thơ giời ơi đất hời là bài *Khóc ông phủ Vĩnh Tường*”.

Nhưng người làm bài chết tiệt này quên khuấy đi một điều là:

Huyện Vĩnh Tường, thuộc Vĩnh Yên trước đó suốt thời vua Gia Long được gọi là huyện Tam Đái. Cứ theo *Đại Nam Nhất Thống Chí* quyền *Son Tây* chép năm Minh Mạng thứ nhất vì chữ “đái” thô tục nên đổi ra là Tam Đa. Đến Minh Mạng thứ ba 1822

mới đổi thành... ”*phủ Vĩnh Tường*”. Thời gian này thì bà đã quy tiên từ lâu rồi. Dạ thưa bác.

Bác cho là tôi lú lẫn quá chẳng, quá mù sa mưa thì tôi cũng xin thưa với bác giai thoại bà hàng xóm của bà Hồ Xuân Hương cho phải nhé. Chuyện là bà này đi lấy chồng, người chồng được bổ làm tri huyện nhưng không bao lâu thì chết, bà ta về nhà lại và nhớ chồng mà khóc. Bà Hồ Xuân Hương làm thơ chế giễu bà nọ có câu: “Ai về nhẩn nhủ đàn em nhé – Xấu máu thì khem miếng đỉnh chung”. Từ bà hàng xóm mới chỉ lấy ông *tri huyện* với *miếng đỉnh chung* không thôi, bà đã găm ghè đề thơ thì ngay với ông xã trưởng nơi thôn giã xa xôi...thì tôi trộm nghĩ không có chuyện bà Hồ Xuân Hương làm lẽ cho...cả hai ông này, thưa bác”.

Cụ Tú được thể len chân vào:

- Hay là thiên hạ rồi hơi dựa dẫm vào bà hàng xóm khóc chồng ở trên để làm bài *Khóc ông Phủ Vĩnh Tường* cũng nên.

Với tay cái điều bát rồi để đó, cụ điềm đạm đáp: “Úi dào...Ai biết đó là đâu”. Cụ gục gặc đầu: “Xin thưa với bác là lạt mềm buộc chặt thì hai mối tình với ông Tổng Cóc và ông phủ Vĩnh Tường không có dấu vết trong tập Lưu Hương Ký. Nay xin thưa với bác”.

Tay vân vê bi thuốc Lào, cụ râm ran: “Lại nữa, nước ao mà vỗ lên bờ nên mạo muội bác luận giải

cuộc đời của bà Hồ Xuân Hương nó tang thương ngẫu lục như sau:

- Mẹ bà họ Hà, người Hải Dương, ông đồ Nghệ về đây dạy học và lấy mẹ bà làm lẽ. Lớn lên, bà quen với Chiêu Hồ cũng người Hải Dương, tiếp đến, bà theo cha mẹ về Thăng Long. Cha bà mở trường dạy học ở đây. Rồi cha mất sớm, mẹ bà thui thủi một mình nuôi con ăn học, để sau này bà có những bài như *Làm lẽ, Dỗ người đàn bà khóc chồng, Thân phận người đàn bà* là để nói lên thân phận hẩm hiu của mẹ bà.

Bỗng khi không cụt Tú lười đá miệng:

- Ấy đấy, cứ như thằng Phán nhà tôi học lại thì sau khi thân phụ mất. Bà tiếp tục thay thân phụ dạy học. Một trong những môn sinh của bà là bà Nguyễn Thị Hinh cùng làng Nghi Tàm. Sau này là bà Huyện Thanh Quan.

Đang định nháp tách trà, cụt Cửi bỏ xuống và chép miệng: “Nói cho ngay giai thoại này tôi cũng có nghe qua, với tận tin thư bất như vô thư thì chuyện đâu hầy còn đó...Chuyện bây giờ tôi đang dở dang với bác là...Và cụt tiếp:

“Là dựa vào những năm ghi trên những bài thơ của bà và tựa viết của các danh sĩ trong tập Lưu Hương Ký thì bà gặp người tình đầu là Nguyễn Du. Cứ theo Hoàng Xuân Hãn cho rằng cuộc tình này xảy ra vào khoảng 1790-1793, lúc đó Nguyễn Du chừng 27-30 tuổi, còn bà Hồ Xuân Hương khoảng

19-22. Tiếp đến tất bật với những người tình giữa là Mai Sơn Phủ, Tôn Phong, Trần Quang Tĩnh. Rồi Tôn Phong trở lại trong khi bà lu bu với người tình mới là Trần Quán. Sau với người tình cuối không ai ngoài Trần Phúc Hiên. Bà ngỡ đã an phận làm kẻ thiếp với Trần Phúc Hiên, chẳng bao lâu chồng bà chết. Lại bị chết chém nữa, thế nên tôi thấy cuộc đời bà tang thương ngẫu lục là thế đấy!”.

Cụ Cử húng hắng ho khan rồi rì mọ thêm: “Năm 1803 thời Gia Long, Trần Phúc Hiên được thăng dần đến chức Tri huyện Tam Đái. Trần Phúc Hiên rời Tam Đái rong thuyền về Thăng Long gặp bà Hồ Xuân Hương ở Cổ Nguyệt Đường khi bà 35 tuổi. Năm 1813 ông nhậm chức Tham Hiệp Trấn Yên Quảng, bà mới đặt chân đến Quảng Yên và sáng tác những bài *Bạch Đằng giang tặng biệt, Lưu biệt thời tại An Quảng, An Hưng ngụ thứ*. Tiếp là 5 bài vịnh Hạ Long thắng cảnh và 16 bài về biển cả sông nước”.

Cụ Tú ngồi ngay tán tòn, giọng hâm hâm:

- Lạ vậy, Trần Phúc Hiên là chồng bà Hồ Xuân Hương? Há có chuyện ấy sao?

Cầm cái xe điều, cụ Cử xuống giọng: “Gớm, bác rõ bát nháo thật, nói có sách mách có chứng, chả là trong sách *Đại Nam Thực Lục* đời Nguyễn có viết: “Ông là bạn của nữ sĩ Hồ Xuân Hương người Nghệ An, ông hay lui tới Cổ Nguyệt Đường tụ tập làm thơ. Tháng hai năm Ất Hợi 1815, được bổ nhậm chức Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng, đến tháng năm

Mậu Dần 1818 xảy ra vụ án Trần Phúc Hiễn tham nhũng và ông mất ở đây”. Trong *Quốc Sử Di Biên* thời Tự Đức, Thám hoa Phan Túc Trực tựa: “Năm 1816 nữ sĩ Hồ Xuân Hương là thiếp của quan Tham Hiệp Trấn Quảng Yên Trần Phúc Hiễn. Bà Xuân Hương vốn giỏi văn chương và chính sự nên người đương thời khen bà là nữ tài tử. Quan Tham Hiệp thường sai Xuân Hương can dự vào những chuyện bên ngoài, thủ hạ ghen ghét vu cho tội tham nhũng vì thế bị giam năm 1818 và bị án tử hình năm Kỷ Mão 1819 thời vua Gia Long”.

Ừ thì biết thừa thốt với bác thế nào đây, ngoài bà hanh thông Hán, Nôm, theo người đời thuật lại bà thanh tao, mẫu mực, bà là người học rộng, văn chương tài trí hơn người. Nên bà được chồng ủy nhiệm cho xem xét và xử các vụ kiện của dân chúng thì bà phải tinh thông lễ nghi đạo nghĩa. Bà không thể viết lổi văn chương phạm phu tục tử như người đời đã thêu dệt cho bà”.

Cụ Cử chép miệng: “Không những vậy còn to chuyện là bà bị đem voi bỏ rọ với lá đơn của Nguyễn Thị Đào mà trước kia theo giai thoại là của bà huyện Thanh Quan. Chuyện là khi bà làm lễ cho Trần Phúc Hiễn, bà có phê trong lá đơn của một thôn nữ góa chồng xin tái giá *chữ rằng xuân bái tái lai, cho về kiếm chút chẳng mai lại già*. Chẳng qua là họ trích lục ở câu: “Quan Tham Hiệp thường sai Xuân Hương can dự vào những chuyện bên ngoài....” đấy thôi. Đó là tôi chưa mạn phép bác bói

bèo tìm bộ đến bài *Chơi đài khán xuân*, *Cảnh thu*, người thì cho là của bà, kẻ thì cho là của bà Huyện, lắm thầy thói ma, chẳng biết đầu mà lẩn”.

Như nghĩ ra điều gì hay ho lắm, cụ Tú xầm xả: “Tôi nghe lóm được là bài *Đánh Cờ Người*, và *Thợ Săn* cũng chẳng phải là của bà. Dốt như me dốt như tôi cũng thấy họ vẽ chuyện như bác dậy thật”. Cụ Cử ậm ừ: “Với hai bài thơ trên, tôi thấy chữ nghĩa tân thời quá, chả phải ngôn từ mộc mạc dân gian của bà. Theo tôi ấy chỉ là văn chương phú lục mới đây thôi. Vả lại thơ bà thường là thất ngôn bát cú hoặc ngắn hơn, bài *Đánh Cờ Người* khí dài dòng văn tự quá thể. Riêng bài *Thợ Săn* cứ như chuyện cậu ấm với cô chiêu của Khái Hưng vác súng đi săn vịt giời ấy”. Tay vung vẩy cái điệu, cụ nhớn nha: “Đào sâu chôn chặt thì cùng thời với bà có bài *Đi săn* nhưng lại là của người tình của bà là...cụ Nguyễn Du khi cụ nhậm chức tri phủ Phù Dung, thể mới phiên hà, thừa bác”.

Cụ Tú ậm ức mãi đến giờ mới nhúc nhích:

- Nghe thùng chuyện thì bà có khuynh hướng làm thơ trên trời dưới đất. Ngoài ra bà chỉ có mười bài ái tình ồm ờ.

Cụ Cử nhíu mày: “Úi dào, bác này rõ hay chữa. Thế nào là...ồm ờ. Bác không hay là khi bà và cụ Nguyễn Du quen biết nhau, bà nhẩn nhe thật nhẹ nhàng qua bài *Mời trầu*. Cụ Nguyễn Du có người tình là cô Cúc ở phường Trường Lưu, mặc dù cô Cúc luống tuổi, vậy mà bà làm bài *Tranh tố nữ* rất

thanh tao. Ngay cả đến hai chị em cô Uy, cô Sạ làm ở phường vải theo cụ Nguyễn Du một thời gian, bà làm bài *Dệt cử* cũng thanh nhã không kém”.

Kéo cái điều bát gàn hơn nữa và làm như không có cụ Tú ở đây: “Ấy đấy, những năm tháng ở cái tuổi hoa xuân nơi chốn dân già, bà đã mang phong dao tục ngữ vào thơ với âm điệu gàn gỏi, bình dị và mộc mạc rất tài tình, đầy hình tượng và dễ nhớ: Chẳng hạn như bài *Mời trầu* trên có hai câu thành ngữ *xanh như lá và bạc như vôi* được áp dụng trong câu thơ “Đừng xanh như lá, bạc như vôi”. Hoặc giả như ở bài *Quan thị* thì hai câu: “Đố ai biết đố vòng hay tróc, còn kẻ nào hay cuống với đầu” lại chính là hai hình ảnh hết sức ví von được rút ra từ hai câu tục ngữ *ngồi lá vòng, chống mông lá tróc và đầu trở xuống, cuống trở lên...* Rồi đến “Bảy nổi ba chìm với nước non” của bài *Bánh trôi nước...*”.

Cụ khùng khăng với chuyện cũ: “Năm 1804, cụ Nguyễn Du đi gặp sứ Tàu ở ải Nam Quan nhận bộ ấn “Giáp Tý 1804” của vua Càn Long tặng vua Gia Long, trên đường về Huế ghé Thăng Long thì gặp bà. Và bà có bài *Bánh trôi nước*, bài này thì...”. Cụ Tú dường như chỉ đợi dịp này từ lâu nên vắn vẹo: “Chậc! Tôi cứ vụng tính vụng suy thì bà làm bài này để hoài Lê”. Cụ Cừ chậm rãi mời lửa cái đóm nứa, rồi từ tốn: “Tôi chả dám luận bàn bà hoài Lê này kia, kia nọ. Có cho ăn gan giò trứng trâu tôi cũng chả dám luận thơ bà trần tục như dĩ chơi giảng này

nọ mà chỉ thấy thơ bà rất gần gũi với tình tự dân gian. Ngay cả như cụ Nguyễn Du cũng vậy, khi viết về chuyện trăng hoa qua truyện Kiều, cụ chỉ lơ thơ tơ liễu buông mảnh với mưa Sở mây Tần, dập dìu lá gió cành chim. Vậy mà các cụ nhà nho ta còn cho là thâm thư, với: “Ai thâm sâu oán đạo đục tăng bi”, để có chuyện trường văn trận bút giữa hai cụ Phạm Quỳnh với cụ Ngô Đức Kế mới đây”.

Đợi đóm lửa tắt ngấm, dập dập cái tàn lửa xong cụ tiếp:

“Chẳng phải đợi đến sau này, cụ Nguyễn Công Trứ cho *Truyện Kiều* là: “Đoạn trường cho đáng kiếp tà dâm”, mà bác Tú nhớ dùm là Thăng Long thành dân cư thời ấy, theo sử sách chỉ có từ hai cho tới bốn chục nghìn người là hết đất, bà giao du với một số đông văn nhân tài hoa. Nếu bà có những bài thơ nhiều thâm tính như vậy, sao cụ Nguyễn Công Trứ và sĩ phu Bắc Hà không đả động gì đến. Trong khi qua *Đại Nam Thực Lục* hoặc với *Quốc Sử Di Biên* của ông Thám hoa triều Thiệu Trị, các quan bộ Lễ, bộ Công triều Nguyễn đều một lòng một dạ gọi bà là *nữ sĩ* hay *nữ tài tử*, tương kính và lịch lãm như trên, như bác đã tường...”

Khi không cụ Tú lóng chóng:

- Ừ mà ở hiền gặp lành, chứ vấy rách tan tành có giới vá cho. Vậy chứ còn chuyện cụ Nguyễn Du với bà chúa thơ Nôm thì sao. Tôi trộm nghe nói lằng nhằng lắm.

Cụ Cừ tặc lưỡi: “Dào, bác cứ như rắn ngày ấy, cụ Nguyễn Du viết truyện Kiều trong lúc trà dư tửu hậu thì chẳng cao thâm như bác nghĩ đâu. Mà tôi đồ là cụ ấy muốn gửi gắm một cái gì đó cho người tình cũ họ Hồ của riêng cụ ấy thôi. Đầu đuôi là qua bài *Sở Kiến Hành*, cụ viết về chuyến đi sứ lần thứ hai năm Giáp Tuất 1814, cụ tìm được cuốn cổ thư ở bến Hàng Châu. Sách đã mất bìa, ở giữa trang đầu là hàng chữ *Phong Tình Lục*, dưới chữ nhỏ hơn “*Thanh Tâm Tài Nhân biên thứ*” và “*Ngũ Vân Lâu tàng bản*”. Mỗi bề hơn kém một gang tay, in thạch bản dòng mười, mỗi dòng hăm năm chữ. Cuốn này khởi thủy từ *Kỳ Tiểu Trừ Từ Hải bản mạt* của Mao Khôn, một mặc khách trong dinh Hồ Tôn Hiến, nên được biết Thúy Kiều là con hát có thật, được Hồ Tôn Hiến gả cho thổ quan là...hết chuyện, thưa bác.

Tới Thanh Tâm Tài Nhân viết *Kim Vân Kiều truyện* thêm thắt dài dòng từ lúc Thúy Kiều khi còn phong gấm, đi thăm mộ Đạm Tiên, gặp Kim Trọng, bán mình chuộc cha, lọt vào tay Mã giám Sinh, Tú Bà, Hoạn Thư...rồi mới gặp Từ Hải. Sau khi nhảy xuống Tiền Đường, thêm đoạn gặp vãi Giác Duyên và tái hội với nho sinh Kim Trọng. Khi mua được cuốn cổ thư để đọc trong lúc đường xa gió mây, tôi chả nghĩ cụ rồi hơi diễn giải qua chữ Nôm mấy trăm trang sách để tha nhân mua vui một vài trống canh đâu.

Số là cụ về đến Thăng Long khoảng năm 1804-1807, hoài cổ nhân, đàm trường Cổ Nguyệt Đường đã cửa đóng then cài. Vì sau khi chồng mất, bà vào

tu chùa Hoa Yên núi Yên Tử. Ngó quanh ngó quẩn, cụ chỉ thấy có một ít người quen biết với cụ lại gần gũi với những nhân vật trong *Kim Vân Kiều truyện*:

Như hai người tình cũ của cụ là hai chị em ruột cô Uy, cô Sạ, cụ liên tưởng với Thúy Kiều, Thúy Vân. Như Nguyễn Huỳnh Đức, Tổng Trấn Bắc Thành bạn cụ, cụ mừng tượng đến Hồ Tôn Hiến. Rồi cụ vương vất qua bà Hồ Xuân Hương là thiếp của Trần Ai Quan Trần Phúc Hiến, sau Trần Ai Quan bị chết chém. Thế nên cụ Tiên Điền khởi, phục, đóng, mở, ngọn bút tung hoành trên mặt giấy như dấu ngựa đạp dòn in trên con đường thiên lý vừa qua. Nét mực căng như cành cây trĩu nhựa để cụ cho Từ Hải Trần Phúc Hiến...chết đứng. Chưa hết, còn vãi Giác Duyên trong truyện Kiều, không ai ngoài hình ảnh bà Hồ Xuân Hương khi bà tu ở chùa Hoa Yên núi Yên Tử. Tận cùng thì qua nét thảo chập chờn gieo trên giấy ngà hoa tiên như những giọt sương xuân để...Thúy Kiều Hồ Xuân Hương tái hồi...Kim Trọng Nguyễn Du.

Lại thêm một lần, cụ Tú lần dẫn:

- Lạ vậy, cụ Tiên Điền Nguyễn Du viết Truyện Kiều vì bà Hồ Xuân Hương? Há có chuyện ấy sao, thưa bác?

Cụ Cử tặc lưỡi thêm một cái bép rồ to: “Dào, bác cứ thao láo như rắn rảo ấy. Nào có khác gì nhà biên khảo Hoàng Xuân Hãn hay những nhà bác vật sau này tóm tắt được chuyện tình cụ Nguyễn Du với bà Hồ Xuân Hương là cứ nháo nhào lên như chào

mào ăn dom ấy. Cứ theo sự hiểu biết lỗ mỗ lơ ngo của tôi thì:

“...Tam nguyên Trần Bích San khi viết *Xuân Đường Đàm thoại* năm 1869, là ký truyện, là chuyện tình của hai danh nhân qua cuộc đàm thoại giữa cụ Nguyễn Du(1765-1820) ”sống ngược lại 49 năm sau” và Tiến sĩ Phạm Quý Thích (1760-1825)...”

Chợt cụ Tú gựt giọng: “Lại thêm chuyện tình nữa với Tiến sĩ Phạm Quý Thích! Mà bác có chắc không đã?”. Cụ Cử dăng dề: “Nói cho ngay, bà Hồ Xuân Hương không biết Phạm Quý Thích chộn rộn chàng ràng với mình. Bà tâm sự với Phạm Quý Thích là người bạn thân nhất của Nguyễn Du khi Phạm Quý Thích đi thăm bà ở Yên Tử. Bà thổ lộ cho biết đã kết bạn tình với Nguyễn Du năm 1913, năm Nguyễn Du được Gia Long bổ làm chánh sứ sang Tàu vì Nguyễn Du là *chú ruột vợ vua Gia Long*. Bà làm bài *Hầu nghi Tiên Điền nhân* trong tập *Lưu hương Ký* có câu *chữ tình chốc đã ba năm vẹn, giấc mộng rồi ra nửa khắc không* là vậy.

Đợi cụ Tú thông tỏ xong, cụ trở lại Xuân Đường Đàm thoại.

“...Năm Kỷ ty, Tụ Đức thứ 22, cuối đông đã lập xuân rồi. Liễu sắp phơi xanh, đào toan trở đỏ, xúc cảnh sinh tình, ngôn ngang tâm sự. Bạn tao nhân cùng nhau họp mặt thì Ngô Ban nghiêng chén đứng uống và nói: “Người tài nữ tỉnh Nghệ An, hiệu Cổ Nguyệt Đường, tự Xuân Hương chết rồi. Tôi cùng một vài người nhà đã chôn cất ở cạnh Tây Hồ”.

Trong đó Nguyễn Du, Phạm Quý Thích mỗi người làm một bài phú điều Hồ Xuân Hương và luận bàn về chữ tình, tài, mệnh, giai nhân. Cả hai đều là người tình của bà Hồ Xuân Hương, cả hai đều coi bà là một kỹ nữ “Nam Quốc Thúy Kiều “. Qua Xuân Đường Đàm Thoại, Trần Bích San tiết lộ: “Xuân Hương là một nữ lưu phù hoa, vẻ mặt như hoa đào, nhan sắc như nước thu. Tôi lúc trẻ đã có giao du. Nào đàn, nào cờ, nào rượu, nào thơ, có thể viết nên thiên *Phong tình tân lục*...”.

Thời buổi rày phong tình, đa tình không hẳn là dâm dật, nhưng nằm trong cái túi càn khôn của các cụ thì *tham thì thâm, đa dâm cũng chết*. Ngay cả có người chê trách Đoạn Trường Tân Thanh, nhưng vẫn bênh vực nàng Kiều qua câu *Rày thì dù mẹ cái hồng nhan*. Nên chả hiểu sao, tôi lại nghĩ đại: Cụ Nguyễn Du viết truyện Kiều là muốn lập đàn giải oan cho bà là thế đấy, chả hiểu có hợp với tôn ý bác chẳng, thưa bác.

Chuyện là với Vua Minh Mạng, vì nhân gian hay sùng phụng dâm từ nên ngài sai quan bộ Lễ Hoàng Công Lý răn đe: “Cung nhân luân, chính tâm thuật, giới dâm tặc, thận pháp thù”. Vậy chứ có sự gì ngài bỏ qua những bài như...*Trống thùng, Ông Cử Võ, hay Vịnh nữ vô âm*. Ấy là những bài thơ nhếch nhác không hề có ý nghĩa nhân sinh nào mà chỉ là sự dung dục đến mức quá quắt. *Ông Cử Võ* không có giá trị văn tự ngôn từ nào mà chỉ là sự mô tả cái đó của người nam. *Vịnh nữ vô âm* còn đẩy lên một mức

về sự gọi dục cùng *cái đó* của người nữ. Ngay như bài thơ đầu đề không được tao nhã cho lắm là bài *Dương vật* với “Bác mẹ sinh ra vốn chẳng hèn - Ban đêm không mất sáng như đèn - Đầu đội nón da loe chóp đỏ - Lung đeo bị đạn rủ thao đen”.

Bác lúc nào cũng vạ sự giai không, tôi thì khác, nhiều đêm vắt tay lên trán, già rồi lần dần hay sao ấy. Với *ban đêm không mất sáng như đèn* tôi lại liên tưởng đến cái cảnh vác súng đi săn đêm với...mất sáng như đèn pha thời bấy giờ. Rồi lại ngớ ngẩn tự hỏi là thời bà có cái... “*bị đạn*” để đựng đạn chưa? Chưa hết, chả là như bài *Ngủ quên* thì lộn tùng phèo tên với bài *Thiếu nữ ngủ ngày* mà ai đấy vay mượn trong *Vân Đài Loại Ngữ* của Lê Quý Đôn, ấy là bài *Diệp đa*: “Minh nguyệt muối tương hắc dạ - Muội tọa, muội khóa thế sự xuất – Thế sự như diệp đa – Hắc tựa khẩu khuyến, trăm phụ thế sự”.

Thế là thân già vác dùi nặng, tôi lại mò mẫm cái...”bị đạn” qua *Thượng Kinh Ký Sự* của cụ Hải Thượng Lãn Ông thời Lê Trịnh để tìm kiếm cũng nhưng thấy gì. Chỉ thấy óc mò cò soi ngoài chuyện cụ Nguyễn Du...đi săn và...ăn thịt cầy. Cuối cùng lọt sàng xuống nia bắt gặp cái đu của cụ Nguyễn Khuyến, chỉ mới có trong cuộc lễ Quốc Khánh của thăng Tây. Rồi dậu đồ bìm leo, bắt qua bài *Đánh đu* của bà Hồ Xuân Hương thấy ai đó phỏng theo bài cây đu vốn có sẵn trong tập *Hồng Đức Quốc Âm Thi Tập* với câu kết “Chơi xuân hết tác xuân đường ấy - Nhỏ cọt đem về để lờ không”.

Vì vậy tôi lại càng đào sâu chôn chặt là có nhiều bài không phải là của bà, như chuyện không đầu mới tám, chín tuổi, bà bị ngã lăn đùng ra để có khẩu khí rất nam tử là...*đo xem đất vẫn dài*. Hoặc bốn cột với anh đồ tỉnh, anh đồ say Chiêu Hồ...*mặc áo giáp dài cài chữ đình*. Nhân chuyện với Chiêu Hồ, Vua Minh Mạng kinh lý Bắc Hà, nghe tiếng ông văn hay chữ tốt và *đạo đức*, bèn vời ông về kinh soạn sách *Nhất Dụng Thường Đàm* với *phong tục lễ nghi*. Chiêu Hồ nếu có xướng họa với bà cũng trong vòng luân thường đạo lý, nên những bài thơ phạm tục giữa hai người như Chiêu Hồ đã đối đáp: “Rày thì dù mẹ cái hông nhan” thiên ý tôi là thiên hạ thêm dè dặt thêm đây thôi. Thêm mắm thêm muối thì câu...*Rày thì dù mẹ cái hông nhan* chẳng phải là của Chiêu Hồ Phạm Đình Hồ (4) mà là của...Nguyễn Công Trứ, thừa bác.

Như thị ngã văn với niên lịch qua bà Hồ Xuân Hương liệt truyện thì tôi muốn thừa với bác đầu đuôi xuôi ngược như vậy: Như bài *Chùa Trấn Bắc* (5) chẳng hạn, người thì bảo của bà Huyện Thanh Quan, người thì nói của bà chúa thơ Nôm. Trong khi bài thơ nôm cũ nhất Chùa Trấn Bắc mà Antony Landes gán ghép cho bà Hồ Xuân Hương thì câu đầu “Trấn Bắc hành cung cỏ dãi dầu” bị sửa thành *Ngoài cửa hành cung cỏ dãi dầu*. Ấy đấy, bác cứ ngẫm mà xem, gì dính dáng đến bà chúa thơ Nôm đều bị đảo ngửa lộn phèo, lộn tiết lên hết...Thêm nữa, chùa Trấn

Quốc, năm 1884 vua Thiệu Trị mới đổi ra là Chùa Trần Bắc. Trong khi bà mất năm 1822. Vẫn chưa hết, nhà biên khảo Cao Xuân Huy tìm kiếm trong thư viện của Cao Xuân Dục, thời Vua Đồng Khánh. Xưa kia Cao Xuân Dục đã tìm thấy trong tủ sách gia đình cụ Trần Xuân Hảo ở Nam Định thì bài thơ có tựa đề *Trần Quốc Tự* chép trong *Hương Đình Cổ Nguyệt Thi*.

Ấy là chưa kể theo niên lịch bài thơ truyền khẩu *Chùa Quán Sư* mới chỉ có trong văn bản của Nguyễn Văn Hanh năm 1909. Câu thứ hai “Hỏi thăm sư cụ đảo nơi neo” thì năm 1936 bị đổi là *Thương ôi sư cụ hóa ra mèo*. Ngoài ra, bốn bài *Sư bị làng đuổi*, *Hang Thanh Hóa*, *Sư bị ong châm bà*, *Đèo Ca Dội* chỉ mới xuất hiện năm 1936, ông Nguyễn Văn Hanh viết trong cuốn *Hồ Xuân Hương: Tác phẩm, thân thế và văn tài*. Qua đó với bài *Hang Thanh Hóa*, tôi trộm phép bác cho là bài này tôi bắt gặp những câu thơ na ná như Trần Tế Xương. Mà cũng chỉ là thơ truyền khẩu thôi trong bài *Sư và mấy ả lên đồng: Một thằng trọc tóc ngồi khua mõ – Hai ả tròn xoe đứng ngó bóng* và được Nguyễn Văn Hanh gán cho bà chúa thơ Nôm cũng lắt phất như thế, như: “Một sư đầu trọc ngồi khua mõ – Hai tiểu lưng tròn đứng giữ am”.

Nhế nừa, theo tôi thì bà đi chơi chùa Trần Quốc với cụ Nguyễn Du, chùa Một Cột với Mai Xuân Phũ, chùa Đồ Sơn với chồng Trần Phúc Hiên. Hàng

ngày bà tham thiền nhập định, khi chồng mất bà vào chùa tu. Bà mất được nhang đèn hương khói ở chùa Kim Liên. Thế nên, theo ngụ ý tôi bà chúa thơ Nôm nếu có làm thơ về chùa chiền thì cũng không ngoài bài *Măng bọ đốt*: “Ai về nhẩn bảo phường lòi tôi - Muốn sông đem vôi quyết trả đền”.

Cùng ngày trời tháng Bụt, tôi xin thưa với bác là Tôn Phong trong bài tựa tập Lưu Hương Ký viết: “Bà là người học rộng, thuần thực và tài sắc. Bà tinh thông Nho giáo, Lão giáo và nhất là Phật giáo. Bà có kiến thức khá rộng và uyên bác”. Ấy là chưa tính tới ông thi sĩ đa tình Tôn Phong làm thơ ca tụng vẻ đẹp của bà trong thi tập của mình hết *nét thanh xuân ấy nghìn vàng khó mua đến mười phần xuân sắc tới trời Nam*. Cụ Cử miên man, mà con gái rượu cụ nếu không *mười phần xuân sắc rạng trời xanh* thì cũng *như dáng cây mai, xinh cốt cách* như bà Hồ Xuân Hương vậy!”.

Cụ Cử lơ đãng nhìn ra vườn như suy nghĩ lung lăm, rồi quay lại với cụ Tú và thở ra: “Giờ ạ, chẳng dẫu gì là ngại bác trách tôi cái tật sính tầm chương trích cú, khi bà mới 15, 16 tuổi, Dương Tri Tạn, một danh sĩ trong làng, thấy bà hồn nhiên dễ thương. Dương Tri Tạn đã làm bài thơ *Cái điệu bát đê* tả dung nhan bà: *Eo lưng thắt đáy thật xinh xinh - Điệu ai hơn nữa điệu cô mình...*

Ngồi đồng từ nãy giờ, cụ Tú như cóc say thuốc Lào, lại có chuyện ôm rơm rậm bụng bấy lâu, nay

tiện đây cụ hỏi cho ra nhẽ. Cụ Tú khề cần cổ lấy giọng rồi khụm miệng chộn rộn chàng rằng:

- Chậc! Bác cứ nói thế...Thế hóa ra thiên hạ theo đóm ăn tàn với cụ Dương Trí Tạn để làm bài *Cái điều bát* khác với *Mông tròn vành vạnh, đít bảnh bao* - *Mân mân, mó mó đứt* ngay vào rồi họ đổ vấy cho bà chúa thơ Nôm chẳng?

Làm như không nghe cụ Tú bàn ngang, với tay lấy cái điều bát, cái xe điều, tay vân vê bì thuốc lào, và đùm đầu:

- Bác Tú ạ, tâm viên ý mã với bà Hồ Xuân Hương, nếu tôi có bạo gan lộng thiên hí địa xin bác cũng châm chước cho. Vả lại, ở cái thời buổi chẻ hoe vắng ngắt này, chỉ có bác và tôi đem chuyện chửi cùn rề rách ra nói trộm sau lưng các cụ vậy thôi...

Rít một hơi thuốc lào kêu ro ro, lừ đừ nhả khói, cũng vừa lúc thấy cô con cắp rổ đi chợ về. Cụ Cử băng quơ:

- Để tôi bảo cháu nó làm bữa cơm rau muối quấy quá cho xong bữa. Nhân tiện hôm nào ngày lành tháng tốt, xin bác coi trầu khay thuốc cho anh Phán nhà bác với cô con gái rệu của tôi. Sợ để lâu quá, đá nát nung vôi lại nồng, lại tai bay vạ gió như...bà chúa thơ Nôm thì cũng quá khổ. Bác thấy sao, thưa bác.

Đội cụ bạn khuất đằng cuối ngõ. Cụ Cử khép cánh cửa cổng lại, lững thững đi vào, trong cái nắng chênh chếch chiều tàn nhạt sương gieo, cụ quên ngay chuyện ba đồng một mớ trầu cay. Cụ cũng không nhớ đến những Nguyễn Du, Trần Phúc Hiên. Những thơ của bà Hồ Xuân Hương vẫn còn đây, có đây... Với người đọc, bà vẫn *Đánh đu* tung hê hồ thi bốn phương trời. Với người viết về bà, bà vẫn là con *Ốc nhồi* nặng nợ eo sèo nhân thế.

Cầm cái quạt đập con ruồi trên cái chén tổng, nhưng nó vụt bay mất. Hóng mắt theo con ruồi, chột mắt cụ Cử đậu trên bu cửa, cái ô của cụ Tú còn dựng ở đấy. Nhìn lại hai cái chén quân còn nguyên, tuần trà vẫn còn dang dở. Khi không trời đất chuyển nắng râm mùi dâu, lất phát giọt ba tiêu râm rả trên tàu lá chuối.

Mắt cụ lại bò lên cái ô đen...

Trúc gia trang

Thu phân, Đình Hối 2007

Nguồn: Trịnh Văn Thanh, Thế Uyên, Trần Nhuận Minh, Nguyễn Thị Chân Quỳnh, Nguyễn Hưng Quốc, L.V.Phê, Hà Văn Thủy, Phạm Trọng Chánh, Nguyễn Quý Đại.

Phụ đính :

1 - Hoàng Xuân Hãn từ năm 1952 ở Paris với cuốn *Chinh Phụ Ngâm dị khảo* đã khẳng định rằng: Bản dịch Chinh Phụ Ngâm lâu nay nhiều người vẫn cho là của Đoàn Thị Điểm. Theo ông đích thực là của Phan Huy Ích. Ông đã dựa vào tài liệu của con cháu họ Phan, năm 1926 Phan Huy Chiêm đã biên thư cho *Tạp chí Nam Phong* nhận rằng: Dịch giả bản *Chinh Phụ Ngâm* nói trên là của Phan Huy Ích. Nhưng tài liệu ấy lại không có văn bản gốc (nguyên văn thủ bút hay bản khắc ván chữ Nôm đầu tiên của dịch giả) mà đó chỉ là bản dịch Chinh Phụ Ngâm bằng chữ Quốc ngữ.

(Nguyễn Khôi – Chinh Phụ Ngâm do Đoàn Thị Điểm dịch)

2 - Cụ cử Nguyễn Văn Tú, người đã tìm ra tập *Lưu Hương Ký* trong tủ sách gia đình ở Hành Thiện, Nam Định và đã gửi về cho toà báo Văn Sử Địa từ năm 1957. Tập *Lưu Hương Ký* sau đó đã được chuyển về thư viện của Viện Văn Học ở Hà Nội.

Bảy năm sau, ông Trần Thanh Mại, một chuyên gia văn học Hà Nội, trong *Tạp chí Văn học* tháng 3/1963 đã công bố một số bài, phiên âm sang Quốc ngữ từ *Lưu Hương Ký*.

Rồi đến học giả Hoàng Xuân Hãn nghiên cứu *Lưu Hương Ký* trên văn bản những bản phiên âm của Trần Thanh Mại để viết *Hồ Xuân Hương, tiểu sử*

văn bản. Chứ ông không được thấy mặt các bản gốc chữ Hán và chữ Nôm trong Lưu Hương Ký.

(Nguyễn Ngọc Bích – Săn lùng... thi phẩm của Hồ Xuân Hương)

3 – Bà Hồ Xuân Hương sống những ngày cuối đời ở làng Nghi Tàm và từ trần năm 1822 tại Cỏ Nguyệt Đường bên Hồ Tây. Một phần bà nằm trong khu nghĩa địa Đồng Táo trước chùa Kim Liên, bên cạnh hồ sen. Ngày nay toàn khu nghĩa địa ấy đã chìm trong lòng nước Hồ Tây, do việc đắp đường Cổ Ngư đầu thế kỷ 20, chia hai Hồ Tây và Hồ Trúc Bạch, mực nước lên một thước.

(Phạm Trọng Chánh - Hồ Xuân Hương qua Xuân đường đàm thoại...)

4 - Lâu nay nhiều người cho rằng Chiêu Hồ với bà Hồ Xuân Hương là Phạm Đình Hồ (1768 – 1839). Thế nhưng Chiêu Hồ đây không phải Phạm Đình Hồ.

Phạm Đình Hồ, có tên chữ là Tùng Niên, người huyện Cẩm Giàng tỉnh Hải Dương. Ông sinh trong một gia đình khoa bảng, nhưng ông chỉ đỗ tú tài. Biết ông là người tài xứ Bắc, trong dịp ra Hà Nội, vua Minh Mạng cho vời ông lên gặp và đặc cách phong ông làm Tế tửu Quốc Tử giám Thăng Long, tức *Hiệu trưởng*, chức này chỉ dành cho tiến sĩ uyên bác hơn người. Thời ấy, Chu Văn An chỉ là Tư nghiệp, tức Hiệu phó, để thấy vua Minh Mạng rất trọng thực tài trong quan chế của nhà Nguyễn.

Tác phẩm nổi tiếng nhất là *Vũ trung tùy bút*, trước tác này ông viết về đời mình, cho thấy ông là một người “trầm lặng, mực thước, khắc khổ, nhặt nhẽ”, đặc biệt, ông “rất ghét thanh sắc, cờ bạc, và những chuyện rủ rê chơi đùa”. Qua tự thuật thì không thể có chuyện ông là tác giả của các bài thơ đối đáp với bà chúa thơ Nôm “gheo nguyệt giữa ban ngày”, hoặc “cho cả cảnh đa lẫn cử đa”. Vì bộ luật Gia Long ghi rõ: “Phàm quan văn võ ở đêm với con hát, hay đem con hát vào tiệc rượu, phạt 60 trượng”, nghĩa là giải ra công đường đánh 60 gậy rồi lột mũ áo, đuổi về vườn.

(Nguồn Trần Nhuận Minh)

5 - Xưa văn nhân làm thơ truyền tay nhau, thường thơ không có tựa đề, những nữ lưu trong văn học không lấy bút hiệu và họ gọi bằng tên tục. Bà Huyện Thanh Quan tên thật là Nguyễn Thị Hinh. Chữ Hán “Hinh” là “Hương” để thành tên. Bà Hồ Xuân Hương tên tục bà là *Phi Mai*, Xuân Hương và Phi Mai được hiểu là *hoa mai bay trên hồ với hương xuân*. Trong bài *Mời trâu*, bà tự ví “Này của *Xuân Hương* đã quệt rồi”.

Vì vậy lâu nay những uẩn khúc thi phẩm của hai bà có thể vì có chung một tên “Hương”?

Ngoài ra những người đi sau hay đối tựa đề của thơ của hai bà. Như trong tập *Hương Đình Cổ Nguyệt Thi* của bà Huyện Thanh Quan có bài thơ tựa đề *Trấn Quốc Tự*. Trong khi bài thơ nôm cũ nhất *Chùa Trấn Bắc* mà Antony Landes trích lục từ

nguồn nào chẳng ai hay lại gán ghép cho bà Hồ Xuân Hương (đúng ra là “đền” chứ không là “chùa”). Antony Landes người Pháp sang nước ta thời họ chiếm Nam kỳ. Ông học tiếng Việt ở trường Thông Ngôn nên giỏi tiếng Việt, ông dịch cả *Nhị độ mai*. Năm 1892, ông được bổ làm đốc lý ở Hà Nội. *Có thể ông là người Pháp đầu tiên ra Bắc tìm kiếm các tác phẩm của người Việt Nam, rồi thuê người chép lại.* Những gì ông gom góp lại, có rất nhiều thơ, do con cháu ông Landes cho *Société Asiatique* trữ lại. Trong đó có thơ Hồ Xuân Hương. *Gốc tích đầu tiên về văn học mà sau này bên ta in ra thơ Hồ Xuân Hương, là ở trong ấy!*

Thêm nữa, đền Trần Quốc, năm 1884, Thiệu Trị ra Bắc Thành nhận sắc phong của nhà Thanh mới đổi ra là đền Trần Bắc. Trong khi bà mất năm 1822. Cùng lúc ấy đi theo Thiệu Trị có người anh là Tùng Thiện Vương Miên Thẩm. Ông làm bài thơ *Viếng Mộ Xuân Hương* có hai câu “Chớ trào qua mộ Xuân Hương - Suối vàng còn giận tơ vương lỗ làng “. Có thể vì vậy ông Antony Landes cho là bài “*Chùa Trần Bắc*” là của bà chúa thơ Nôm?

Lại nữa, bà Huyện còn có bài *Đền Trần Vũ* (còn có hai tựa đề khác là “Qua đền Trần Vũ” hay “Viếng đền Trần Vũ”. Vì vậy bài *Chùa Trần Bắc* có thể là bài *Trần Quốc Tự*. Nếu như vậy cả hai bài *Chùa Trần Bắc* và *Đền Trần Vũ* đều là của Bà Huyện (trừ câu chót của cả hai bài bị sửa đổi vì người sau muốn gán ghép cho Bà chúa thơ Nôm). Vì

Bà Huyện từng có hai bài giống nhau là *Cảnh chiều hôm* và *Chiều hôm nhớ nhà*. Riêng bài thơ Thăng Long 2 tên *Thăng Long thành hoài cổ* và *Thăng Long hoài cổ*.

Bài này dựa theo *Xuân Hương thi tập* lúc đầu có tên là "Quá phu quân cố li cảm tác" diễn nghĩa là *Qua chốn chồng làm quan cũ*. Có nguồn cho rằng bài *Quá phu quân cố li cảm tác* là bà Huyện hoài Lê qua cố đô Thăng Long, qua hình tượng ông Huyện Thanh Quan. Gia Long đổi tên là Bắc Thành 1802 (bà Hồ Xuân Hương thuộc thời Gia Long), sau Minh Mạng 1831 đổi tên là Hà Nội (bà Huyện Thanh Quan thời Minh Mạng). Vì Thăng Long là cố đô, nên bà không cho là "thành" như Bắc Thành. Thế nên với Bà Huyện Thanh Quan phải là: "*Thăng Long hoài cổ...*". Với sách vở tam sao thất bản thì:

Bà Hồ Xuân Hương, sớm nhất có *Xuân Hương thi tập* thời Minh Mạng. Sau này còn có những bản chép tay như *Quốc Văn Tùng Ký* soạn vào thời Tự Đức, đến đầu Duy Tân thêm *Xuân Hương thi sao*, *Tạp thảo tập*, *Quế Sơn thi tập*, *Xuân Hương thi vịnh*, *Liệt truyện thi ngâm*, *Lĩnh Nam quần hiền văn thi văn diễn âm tập* và...*Hương Đình Cổ Nguyệt Thi*. Uẩn khúc ở đây, khi những nhà sưu tầm làm công việc sưu tập thơ bà chưa thơ Nôm thì *Hương Đình Cổ Nguyệt Thi* của Bà Huyện Thanh Quan lại nằm trong danh mục trên.

Ấy là chưa kể tất cả chỉ có tên của thi tập chứ không có nguyên bản của tác phẩm thơ. Lại nữa, những người đi sau cho thêm vào những bài không rõ xuất xứ của ai đó theo ý mình. Thế nên cho đến nay bà Hồ Xuân Hương có từ 84 đến 213 bài. Và Bà Huyện Thanh Quan có từ 5 đến 8 bài. Phải chăng vì ít thi phẩm, nên bà Huyện chỉ được biết đến khoảng năm 1940 qua Cao Xuân Huy (con của Cao Xuân Hạo thập niên 1930) nhờ tìm được trong thư tịch của tập Cao Xuân Dục, chánh chủ khảo trường thi *Nam Định* 1897 thời Đồng Khánh. Cao Xuân Dục đã tìm thấy trong tủ sách gia đình Trần Xuân Hảo ở *Nam Định* tập *Hương Đình Cổ Nguyệt Thi*. Và bà Huyện Thanh Quan cũng mới chỉ biết đến sơ sài qua Dương Quảng Hàm trong *Việt Nam Thi Văn Hợp Tuyển* (?) cũng vào năm 1941.

Cái thẻ bài

Trời sui đất khiến thế nào chẳng biết nữa, bỗng dưng khi không tôi hỏi: Mày có mối tình lớn nào không? Nó lơ mắt nhìn tôi từ dưới lên trên, như nhìn...người cỡi trên. Làm như ra cái điều tử phùng tri kỷ thiên bôi thiêu, lừ đừ ngửa cổ nốc hết ly rượu màu hổ phách một cái “chóc”. Xong, nó lặng lờ mãi tận đâu đâu:

- Văn sĩ Nga Tourgueien ra mắt quyển *Mối Tình Lớn*, ông được độc giả và giới văn học ca ngợi như một tác phẩm của thế kỷ. Nhưng bị văn hào

Dostoievsky phê bình: “Nếu tôi có mối tình lớn như vậy, tôi sẽ chẳng bao giờ đại dột kẻ cho ai nghe hết”.

Nó đặt cái ly xuống...Bố khỉ, tôi ngong trông thấy!

Bạn bè có nhiều thằng tôi phục sát đất thì thằng này là một, mở miệng ra với một mớ kiến thức đóng hộp từ thập niên 60 qua André Camus, Jean Paul Sarte, John Steinbeck, v...v... Nhưng ấn tượng mà tôi ghi nhận được là nó có trí nhớ thần sầu và thao thao bất tuyệt. Và nếu cần là nó...bám cò đi một tràng “ra-phan”.

Đi một tràng...ra-phan là có dây dưa đến chuyện súng đạn. Chuyện xưa tích cũ thì nó cũng một thời khoác áo “treillis”, lại khóaai màu áo hoa rừng, chỉ vì cái mặc cảm “sữa” từ những ngày còn đi học. Về phép, việc đầu tiên là lên khung bộ quần áo ủi hồ cứng ngắc, “plis” nếp thẳng băng để bát phở. Nhưng nó chỉ là thằng bám đuôi, cùng lắm là một cái húyt gió băng quơ. Không sơ múi gì bèn ngồi đồng ở La Pagode nhìn theo tiếc nuôi.

Khổ một nỗi, nó cũng chỉ nhìn từ đằng sau, một tà áo mờ nhân ảnh nào đó. Sau đó là chìm vào quá vãng.

Qua những mùa thu đi, nó vẫn là con bà cả đội. Lại nữa, có một số các cô các bà tính khí cũng khác người. Một là chỉ thích kết mái tóc muối tiêu đây...phong trần tiến để “chú chú, cháu cháu”. Hai là nhúm mây đáng nghi đồng mặt búng ra sữa để *thấy*

anh nhỏ xiu em thương. Và nó. Thằng bạn mà tôi mới gặp lại đây, nguyên đại úy mũ nâu Biệt động quân, với số ruồi nên nằm chết dí không ngóc đầu lên được ở cái khoản...thứ hai khôn khô khôn nạn này. Thế nên mới thành chuyện...

Ngày ấy, nó mới chỉ là thiếu úy.

Một lần, nó kể chuyện tình quán cóc bên đường của nó cho tôi thưởng lãm, chuyện “thiếu úy” đang uống bia tới bến, nhậu tới khuya...Thấy tôi cười tình, nó chửi đồng: Sư mày, mày biết đí gì chuyện lính tráng. Rồi nó lên giọng dạy đời: Không uống rượu như mày, chửi thề như đĩ thì chỉ huy chó gì lính, thằng nhà quê. Và nó nheo mắt hỏi tôi: Mày có hiểu tao nói gì không. Tôi chưa kịp hiểu gì thì nó đã xàng xê là nó không cải lương. Chuyện sao kể vậy là nó đang đánh vật với chai bia, thì được mợ chủ quán nháy nhó lên lầu để ngắm...mây bay gió thổi. Mặc dù “quan” mới ra trường, nhưng nó không đến nỗi chậm tiêu cho lắm, lại vừa mới hành quân về thế nên nó lóc cóc bò lên. Trong khi mợ yêu đời ca ong ổng *tưởng giếng sâu em nổi sợi dây dài, ai ngờ giếng cạn em tiếc gòai sợi dây.* Vừa xuống sáu câu xong, đang sửa soạn tiến chiếm mục tiêu, bỗng nó nhìn thấy tám ảnh treo trên tường, một hảo hán đang...tập tạ vai u thịt bắp như Hercule thời La Mã. Hỏi ai? Mới hay là chồng mợ chủ, trung sĩ Dù. Hỏi chồng đâu? Nó chớ phờ, hóa ra đang ở trại Hoàng Hoa Thám, chẳng xa cái quán ở Hóc Môn này cho

lắm, bắt cái xe lam cũng khoảng mười phút phù du vì vậy nó...dọt lẹ.

Nhưng không quên vật bất ly thân là: *Cái thể bài*.

Lên trung úy vẫn số con rệp, tiểu đoàn nó đụng trận ở Đông Hà. Thua banh càng, nó chạy chết bỏ, lết tới trước cửa nhà dân thì lăn đùng ra...chết giắc. Nó được chị chiến sĩ gái hương đồng cỏ nội vục vào nhà, tắm rửa, lại còn hiếu khách, nấu cháo gà cho nó bồi dưỡng. Nó kể, tắm táp cũng có chút đỉnh xào khô xào ướt, qua chiếc áo ẩm ướt, bộ ngực trời cho nổi cộm như cái cù lao ông Đạo Dừa. Quất xong tô cháo. Nó sắp tính chuyện phải quấy với chị chiến sĩ giải phóng. Nhìn qua cửa sổ, nó tá hỏa tam tinh vì thấy một thằng huyện ủy hay K- trưởng gì đó, ngang hông là khẩu K 54 đang lò dò đi tới. Nó lại thêm một lần..."vượt thoát". Tôi bật cười khan vì nghĩ chắc cung mệnh nó như có sao thiên di với tả phù hữu bật, nên chuyện lính tráng của nó, mắt trước mắt sau là chạy vắt giò lên cổ, sau này có thêm màn...*cháo gà nữa*.

Như đoán được ý nghĩ của tôi, nó lâu bầu: Su mà, tao cũng bắt được cái bằng "Rừng núi sinh lầy" chứ bộ. Rồi nó huyếch: Mưu sinh thoát hiểm tao là bậc thầy, nghề của tao mà mày, nhờ đó tao nắm đại đội trinh sát là vậy. Và vẫn chứng nào tật ấy: Mày có hiểu tao nói gì không. Nó cũng không quên nổ như tạc đạn: Cọp ba đầu rắn mà mày.

Khôn nhà đại chợ, tôi đại dột hỏi chuyện mưu sinh thoát hiểm của nó mới chết một cửa tứ. Mà hình như từ nãy đến giờ, nó rình rình mãi cái cơ hội trời cho một thưở, một cõi này.

Nhắc ly rượu lên, rất từ tốn và chẳng thể thiếu phần chậm rãi:

“...Tao không nhớ ngày nào trước 30 tháng Tư, sau khi ông Thiệu từ chức. Liên đoàn 32 BĐQ của tao đang đóng quân ở quận Chân Thành, được lệnh rút về Lai Khê thế chỗ cho Sư đoàn 5 lui về tỉnh Bình Dương. Tao nghĩ chỉ là cuộc chuyển quân bình thường, nhưng khi nghe được khẩu lệnh phá hủy mọi vũ khí nặng, thì tao hơi rét. Vì nhớ lại, tao xem được “Tổ quốc ghi ơn” trong cuộc triệt thoái thâm hiểm của Chiến đoàn 5 BĐQ năm 71 trong trận Kratie ở Cao Miên. Ngay sau đó là lệnh mới, có thể phối hợp với Sư Đoàn 5 tử thủ Bình Dương.

Mẹ kiếp, nghe hai chữ “tử thủ”, sao tao hãi quá thế.

Tay mân mê ly rượu lên, miệng nó râm ran:

Lũng cùng linh kinh đập với phá, tháo với gỡ từ sáng đến chiều, vì phải đợi một tiểu đoàn nằm kích ở suối Tàu Ô về, tụi tao mới lục đục rời quận lỵ. Như có linh tính, hồi trưa trong lúc họp hành quân bỏ túi, đục tất bắt đật, tao đã nói tại sao không để đến sáng mai hãy rút, ban đêm là trận địa của tụi nó,

bị phục kích là bỏ mạng sa trường. Sư tụi nó, đúu thằng nào chịu nghe. Y chang, trời mới sập tối, đi được gần mười cây số thì vướng mấy cái mô và tụi tao bị tụi nó dẫn mặt ngay tức thì. Từ mấy cái dạt làng, phía rừng cao su Dầu Tiếng, tụi nó bắn ra xối xả, đoàn quân xa ngừng lại trong rối loạn, thay vì bung ra loạn cào cào như...đàn vịt thì đỡ khổ. Tụi tao, quan cũng như lính, co cụm lại chịu trận, dính chùm sau mấy chiếc quân xa, đạn bác 82 ly rơi vãi tứ tung. Tao dùng ống nhòm thấy rõ như ban ngày cái đế súng sơn pháo, tụi nó đặt trong sân nhà dân, từ hướng bắc quốc lộ rút qua. Tụi nó nhớn nhợ thụt từng trái một, còn chỉ chỗ nữa mới điên người, tao mà còn cỏi 57 ly không giật đặt trên xe díp là tụi nó kẻ như thác...”.

Nghe đến vịt. Mặt tôi đang đực ra như vịt đực vì uýnh nhau gì mà lạ vậy cà. Như đoán được ý tôi, nó bèn vén môi lên chửi đồng:

- Thằng nhà quê, mày cứ tưởng gặp Cọp ba đầu rắn là Việt Cộng dạt ra đứng ngó chơi gãi háng cho đỡ buồn chắc. Tao báo đòi cho mày biết, ngoài trận địa bên nào nhiều tay súng hơn là chiếm thể thượng phong. Giản dị và dễ hiểu vậy thôi, thằng con.

Thấy mình ngồi đồng đã lâu, tôi hỏi cho phải phép:

- Mày gặp tụi chính quy?

Nó lại ngóac mồm lên chửi thề:

- Sư nó, đụng tụi Mặt trận giải phóng mới đau. Gặp Công trường 5, 7 hay 9 thì tao đâu có ngồi đây với mày. Dám leo lên...

Nó khựng lại như suy nghĩ, giọng nhát gừng:

- *Tao đã leo lên bàn thờ ngôi một lần rồi...*

Tôi ngó người ra, lão ngáo hỏi:

- Mày nói gì...*Bàn thờ*...?

Nó gật đầu:

- Ủ, chuyện đó để tao kể sau cho mà nghe, thằng khi...

Và tiếp:

“...Vì mấy cái mô lù lù như cái mả Đạm Tiên, tụi tao lại được lệnh tiêu hủy nốt mấy cái xe cơ giới còn lại, ngay cả “dodge” với GMC...Lệnh với lặc, đã bị cụt tay, nay còn cái chân cũng bị chặt nốt. Tao nói với thằng Trung tá Liên đoàn trưởng, để tao dẫn đại đội trinh sát của tao lên quét dọn, là đường ta, ta cứ đi. Dễ ợt, có mẹ gì đâu. Thằng gà chết chỉ cho tao hai mươi thằng em, vừa quay lưng đi thì cái thằng tối dạ này ra lệnh đốt ngay đoàn quân xa, trong đó có xe “jeep”, của tao với lương khô đầy mì gói. Khốn nạn, cứ ngao ngáo nghe lệnh “đại bàng” xĩa xuống, gọi dạ bảo vâng, nói sao làm vậy, tự dung vạch áo cho người xem lưng. Mẹ, chán gì đâu mấy bố văn phòng nhẩy bổ xuống ruộng cầm quân, cầm đến cái ống liên hợp hết “Dạ...Đại bàng” đến “Vâng...Đại bàng”. Vâng với dạ mãi bộ Việt Cộng nó tha tào sao mày.

Gật gù cái đầu, nó dăng dẻ:

Y như rằng, nhân bảo như thần bảo, lửa vừa bùng lên là trung liên RPD của tụi nó quạt như máy. Tao biết, tụi nó cũng đã gần lắm rồi, có cả đại bác bắn thẳng 75 ly, hỏa tiễn 107, đại pháo 130 .Và tao nghĩ, cú này mà đụng tụi Trung đoàn tân lập Lộc Ninh, trang bị vũ khí cận đại ngập răng, thì từ chết đến bị thương, chắc thân bại danh liệt quá. Để tránh tên bay đạn lạc, tao dẫn lính lên phía trên quốc lộ, kệ thằng trung tá gà mờ đang hò hét ầm ĩ như gà mắc đẻ. Tao vừa tiến được mấy trăm thước nghe tiếng AK “chóc chóc” ròn rã. Nhào xuống lè cỏ tụi tao bắn trả, bắn hoảng bắn tiều vậy thôi, vì đâu biết tụi nó nấp ở đâu. Đến loạt đạn kế, qua ánh lửa đoàn quân xa bị đốt cháy sáng rực. Tao thấy một chùm ba thằng đang đong đưa ở trên cây như...khỉ đeo cây, chí chát một hồi thì...Mẹ, hai thằng rụng cái độp như sung rụng. Với thằng còn lại. Tao sẽ tính chuyện phải quấy với nó nên tao ra hiệu cho mấy thằng em ngưng bắn để tao hành sử...”.

Nó hóng mỏ: Mày có hiểu tao nói gì không?.
Vẫn chưa kịp hiểu. Nó tò tò tiếp:

“....Thực tình lúc ấy, không hiểu tại sao cái đầu tao lại có ý nghĩ cùng hình ảnh những ngày còn bé, tay cầm khẩu súng cao su, con chim đang đậu trên cành...Thấy thằng xạ thủ súng cối đang cầm khẩu Carbine M2 xó rớ gần đấy. Thế là...Thế thì tao luận về vũ khí căn bản nhập môn cho mày nghe tí nhá, thằng con: Súng trường để bắn xa như mày biết đấy,

nhưng trong tất cả đạn đạo của súng không phải đường thẳng mà là...đường cong. Trừ khẩu Carbine M2 có đạn đạo thẳng. Rồi, nhìn cái bản mặt nhà quê của mày tao biết mày hiểu gì cả. Nghe cho kỹ nha: Khẩu Garant M1 và M16 bắn xa nên đường bắn nó...cong. Khẩu Carbine M2 bắn ngắn nên đạn đạo nó...thẳng. Nói cho mày hay, những ngày ở sân bắn, tao bắn Carbine M2 như đề. Cách 50 thước tao bắn cái loong bia bung lên từng phát một. Loong bia vừa rơi xuống đất chưa kịp thở, bụp thêm phát nữa là lại nhảy dựng đứng lên. Mười phát như một. Như “Dăng-gô” vậy mày.

Vô tình thấy thằng lính đang xớ rớ cầm khẩu Carbine M2 đúng ý tao. Hỏi thì nó cho biết xách cối 57 ly ê càng, được lệnh xếp lớn bỏ lại vũ khí nặng, nó mượn đỡ nhân dân tự vệ khẩu Carbine cho...nhẹ hều. Tao quơ khẩu súng của nó. Trong vòng 50 thước. Nheo mắt nhắm một đạn đạo...”.

Quơ ly rượu và nheo mắt: Mày biết không?. Nhấp ly rượu, nó nhìn tôi cười cười:

“...Đột nhiên từ trên chạc cây, tiếng thằng du kích vọng xuống, giọng giả sổng miệt vườn pha giọng đặc Bắc kỳ rau muống: Ông tha cho con...Ông tha cho con. Tao chung hứng và bật cười nên đành buông súng. Nó leo xuống. Tao chưa biết tính gì với thằng chết tiệt này thì vừa đến trước mặt tao, nó nói: Ông cho con ăn cháo gà đi ông.

Tôi nhìn nó. Nó nhìn tôi lừ đừ:

- Sur mày nghĩ tao "ché" hả. Mà mày biết đêch gì thằng nhà quê, chưa thấy quan tài chưa đổ lệ, chưa gần giữa cái sống và cái chết. Để thấy những ý tưởng lạ kỳ, khôi hài và bi thảm. Từ từ tao kể cho mà nghe...

Khỉ thật, lâu ngày không gặp. Bây giờ thằng mũ nâu này ngẫu và hung khiếp, lại còn bốc nhăng, bày đặt triết lý nhân sinh với nhân bản này nọ. Nó lại lêu bêu:

"...Sau tao mới ngộ ra là nó trong ban đặc công, vẫn rình mò tụi tao hay tụ họp ngoài quán chợ và thấy tụi tao hay...ăn cháo gà nên nó...nhập tâm. Nay gặp lại cố nhân trong tiếng súng, cái bao tử nó đòi hỏi theo...quán tính vậy thôi. Nghĩ cũng may. May mà nó chưa quăng vào chỗ tụi tao đàn đúm một trái lựu đạn ắt hẳn chạy trời không khỏi nắng là nhờ...bát cháo gà. Thế nên...*ăn mày* chẳng hẳn lúc nào cũng...*đánh đổ cầu ao* là thế đấy. Mày có hiểu tao nói gì không? Hiểu hay không kệ tía mày. Tao đíu biết làm gì hơn với nó là trối nó vào gốc cây để nhìn tụi tao bắn nhau, để nó quên đi...cái đói của nó. Từ đó tao tìm ra một chân lý bất biến muôn đời là úynh cho lắm cũng vậy thôi, cả hai bên, quan cũng như lính đều...đói cả. Chả được cái nước mẹ gì sất...".

Triết lý củ khoai xong, nó lại lâm trận:

"...Quay lại đằng sau...khói lửa kinh thành rục một góc trời, pháo nổ ì ầm. Cờ đang dở cuộc, bạc

chữa thâm canh, chắc phải tính quá. Tình hình lúc này coi mòì không xong, mà tương lai thì cũng chẳng sáng sủa gì cho lắm và tao nghĩ đến chuyện tam thập lục kế tẩu vi thượng sách. Thân thằng nào thằng ấy lo, tao cóc ngăn thằng trung tá văn phòng bưu giám này, vì tao cứu nó mấy lần rồi. Cú chót nó bị thương bên kia cầu, đạn vẩy như trấu, tao vẫn tỉnh bơ bay qua vác nó về, đạn đuổi theo “chúu chúu”. Và tao nghĩ đột đã, sau này gặp lại nó cứ giả ngu giả điếc như...lạc đường vào lịch sử là êm. Trên rừng dưới lựu đạn, mừng này tao làm hoài, may có hiểu tao nói gì không....”.

Giọng nó chột nghiêm và buồn:

- Và tao lủi lủi xách hai mươi tay súng “xuống núi” trong đêm. Để rồi mày sẽ thấy, “mảnh đời” rách nát sau của tao quẹo ở “khúc quanh” đẹp như mơ này.

Tôi nghĩ thâm vừa phải thôi chứ, làm gì mà chơi khó quá vậy, hết *mảnh đời* đến *khúc quanh*, chữ nghĩa gì mà tối mù mù như đêm củ mật vậy...Nó lại báng bổ tiếp:

“..Tụi tao lủi đi trong đêm về hướng đông nam. Vì theo kinh nghiệm “đào thoát” của tao, địch đang dồn quân về phía đông, thì hướng nam đương nhiên được bỏ ngỏ. Tao cứ nhắm hướng Lai Khê mà đi, khi nào thấy cái bồn nước là gặp bộ chỉ huy Sư đoàn 5. Đến rạng sáng thì tao dừng quân ở giữa một cánh đồng, xa xa là là một dạt làng. Không một

tiếng gà gáy, không một tiếng chó sủa, tứ bề vắng ngắt, lúa non cao cả thước xanh rì, cao hơn cả đầu người. Tao thấy nằm ngủ rải rác ở đây chẳng ai thấy và đợi tôi đến đi tiếp, chằm tọa độ trên bản đồ cũng chẳng còn bao xa, ăn uống qua loa, tao yên chí làm một giấc. Tỉnh dậy thì cũng quá trưa và thấy thiếu ba, bốn thằng con. Hỏi ra thì tụi nó rủ nhau vào xóm làng đằng kia để kiếm chút cháo. Giữa cái êm ả, chỉ có tiếng xào xạc của cánh lúa. Bỗng tao nghe thấy tiếng gào, tiếng hét từ dạt làng vọng lại. Lúc dài rên rĩ, lúc tắc nghẹn...”

Cúi đầu nhấp ly rượu, nó hỏi tôi, giọng ngậm ngùi đau đầu:

- Có bao giờ mày nghe tiếng tru ằng ặc của một người bị cắt cổ chưa?

Tôi lạnh người, không trả lời...Âm "jeep" của nó trầm trầm:

“...Không một tiếng súng nổ, im ắng, tao biết ngay là đám con tao đang bị tụi nó làm thịt. Từng thằng. Từng đứa. Bằng mã tấu...”

Nó ậm ừ, âm ỉ:

Tao biết bị động nên âm thầm dọn dẹp, gom mấy thằng còn lại đi về hướng khác. Vừa lăm lăm cúi đầu bước, tao vừa giận mấy thằng con vừa ứa nước mắt. Cho đến xâm xẩm tối tụi tao tấp vào một con rạch cuối bãi, sát một cái cầu gỗ lừng lờ giữa ánh trăng cuối tháng. Nhưng tao vẫn nhìn thấy mờ mờ mấy thằng du kích lông ngóng đứng trên cầu, thỉnh

thoảng bắn bâng quơ xuống mấy đám lục bình, đang bông bênh nổi trôi trên mặt nước. Trong cái tỉnh mịch, ắng lặng đến xón đái này, đang nằm sát bên tao, đột nhiên gã thượng sĩ già chết bầm tuổi bằng bố tao, bung ra một tràng ho rũ rượi. Tao sợ muốn thọt dái lên cổ, vội bịt miệng gã lại, nhưng gã húng hắng như người bị lên cơn suyễn. Như John Wayne, tao rút cái lưỡi lê ra cái rọc và kê ngay vào cổ để hù gã: Ông không câm, tôi cho ông ...đi...”.

Tôi hỏi hộp chết người, nó nhếch mép:

- Mà biết không? Tao lỡ làm người hùng “ciné”, không lẽ lại nhét cái lưỡi lê vào bao cũng chué. Bỗng dưng gã buông một câu làm tao cũng muốn bật cười, gã hỏn hển hỏi tao: “Làm sao hết ho hả ông thầy?”.

Đặt ly rượu xuống, nó rỉ rả:

“...Lỡm bỡm đến sáng hôm sau thì tụi tao lạc vào một cánh đồng, tứ bề ngập nước. Ngơ ngáo chưa biết tính sao, thằng nào thằng nấy mò người, lờ đờ như cá ngộp nắng. Vất vưởng đi thêm một khúc nữa, gặp mấy còen đất lấp sấp những nước là nước/ Trùm “pocho” nằm lẩn quay ra nhưng cái lưng vẫn ướt nhẹp, loay hoay mãi không ngủ nghê gì được. Đứng dậy nhìn vắn vợ, bỗng tao thấy một chiếc thuyền câu đi lại. Trên có một lão nông dân ngồi thu lu và một thằng bé vừa chèo vừa nhai nhóp nhép gì đó. Thuyền bơi nhẹ lướt ngang qua tao, cũng bình thường thôi.

Cả giờ sau, cái đầu củ chuối của tao mới chịu ngộ ngộ...Như có giác quan thứ sáu, tao chợt dạ và thuần mắt ra nghĩ. Lão nông dân này như cố tình, tảng lờ không nhìn thấy tao. Trong khi tao đứng như trời chồng giữa trời và nước, con cái tao thì lớn nhón, đứa ngồi bó gối, đứa nằm la liệt như chết rồi. Có sao mắt lão cứ nhìn thẳng và ngó lơ. Ba giây sau, tao mới ngã ngựa người ra: “Bỏ mẹ...”.

Tao hỏi đàn em sửa soạn “Dzu-lu”, nhưng không còn kịp nữa, tao hôn vía lên mây, ngực đánh trống ngũ liên. Sư chúng nó, người ngợm ở cái lỗ nẻ nào chui ra mà tụi nó đông quá thế, đông như tổ đĩa. Từ đằng xa, cả hơn chục chiếc thuyền kéo tới, mỗi chiếc năm, sáu thằng súng ống trang bị ngập răng. Gần hơn một chút nữa, hai khẩu RPD đen thui đặt ngạo nghễ trên mũi, như hai ông thần mặt sắt đen sì, dương mắt nhe răng, làm lì cầm thanh xà mâu giữ đèn. Đứng trên đầu mũi thuyền, một thằng cầm loa hét: *Hàng sống chống chết...Hàng sống chống chết...*”.

Tôi ngựa mồm, hỏi một câu ngớ ngẩn:

- Dọt...Nghề của mày mà!

Nó hơi câu:

- Mày ngu như lợn. Ruộng nước mênh mông, mày bảo tao chạy đi đâu?

Rót thêm chút rượu, nó kể lễ giọng nghiêm và buồn:

“...Tao cho lính dàn hàng ngang. Vừa xong thì tụi nó ập lên như đổ, la lối vang trời: *Hàng sống*

chống chết...Hàng sống chống chết. Tiếng hò hét, tiếng đạn lóc chóc sát mang tai, nghe rợn tóc gáy, RPD khắc đạn 7.6 ly thì còn đíu gì là người với ngọc nữa. Sau nghĩ lại, tội tao thua, một phần vì quân số như tao vừa nói ở trên. Một phần có mấy thằng con mất tinh thần, đại đột lẫn qua năm sau mấy còn đất, đạn hai khẩu trung liên bắn chéo rơi lỗ chỗ, đất cát bay tứ tung. Đồng thời tội nó đập nước nhào tới, nước bắn tung tóe, vượt mặt không kịp, nào còn thấy trời trăng mây nước gì nữa, thì còn đíu nào yểm trợ cho đíu nào...”.

Đặt cái ly xuống, giọng nó trầm trầm:

“...Lần đầu tiên trong đời, tội tao đánh cận chiến! Lâu lắm rồi tao mới thấy ón lạnh của khẩu “Garant” gắn lưỡi lê...Sư chúng nó, giờ phút thứ hai mươi lăm này chúng còn chơi đồ cổ mới chết người, khẩu M-1 nặng bốn, năm kí lô, nòng dài ngoằng, cái bá súng gỗ to bụi sự, nhìn phát khiếp. Lưỡi lê đâm sồn sột vào người như đâm vào thân chuối, máu phọt có vòi. Tiếng vũ khí chạm nhau...Tiếng vật nhau hùynh hục...”

Nó ngậm nhấm, như không có tôi ngồi đây:

- Tao nghe thấy cả tiếng lưỡi lê phập lút cán vào da thịt, hòa lẫn với tiếng rú thất thanh, rên la. Nghe rợn người, không chữ nghĩa nào diễn tả nổi.

Tôi hỏi cho có chuyện: *Mày bị...* Nó ngần ngừ:

“...Không...Trong lúc hỗn quân hỗn quan, có thằng em bị đánh văng bật vào người tao. Tao cò

quang ngã chúi xuống sát mặt đất, bấy giờ tao mới thấy máu loang rộng trên mặt nước. Cũng vừa lúc tao nhìn thấy hai tay của thằng em, ôm lấy đôi giày “botte de sault” tao, đôi mắt trắng dã, như tức tuổi trời trắng, như oán hờn trách móc. Mặc dù đang bắn loạn, như có cái gì chặn ngang cổ họng, tao muốn ói, muốn ọc, muốn khóc. Cũng vừa lúc gã thượng sĩ già, mở chốt trái lựu đạn, dúi vào tay tao và cả hai cầm đầu chạy thực mạng, bất kể phương hướng...

Lấy ngày làm đêm, lấy đêm làm ngày. Cuối cùng hai thằng tao lạc vào một rừng cây dày đặc, như một cánh rừng nhỏ. Tối khuya, không đi nổi nữa, hai đứa chui vào bụi rậm rạp nằm vật ra đấy và lẫn ra ngủ như chết, gần như bất tỉnh nhân sự...”

Nó lắc đầu:

“...Có kẻ cũng không ai tin...Như trong phim “ciné” nào đó, tao không nhớ. Gần sáng, tao đang mơ mơ màng màng thì có thằng của nợ nào đang bắc cầu vòng đái tồ tồ cả vũng, bụi nước đái rơi lấm tẩm ngay sát mặt tao. Sư nó, không hiểu nó ăn uống cái giống gì mà mùi nước đái khai nồng nặc, tao muốn cho nó một phát nhưng sợ bút dây động rừng. Thấy không xong, đợi thằng du kích bỏ đi một lúc lâu. Hai thằng tao lồm cồm dậy đi tiếp. Mặt trời vừa mới nhú lên, cứ hướng đông mà tiến, đến khi thấy nhà dân và quốc lộ 13 trước mặt. Trông thì gần, gần tới nơi thì...”

Thì để rồi hồi ời, khuất sau căn nhà ngay bìa đường, là hai thằng mặc quần xà lỏn tay lăm lăm

khẩu AK. Bên cạnh là chiếc xe "jeep", hai đứa đứng gác chiếc xe của phe ta như gác mã tổ nhà chúng nó. Trong khi tao thủ khẩu Colt 45, gã thượng sĩ già với cây M16 còn chục viên đạn. Gã bạn đòi tao bò tới, men tới, lẽ dĩ nhiên không một tiếng động. Còn tao tụt hậu, khur khur ôm khẩu súng lục, sửa soạn...chém về. Như tao kể lể, nhìn thấy cái xe "jeep", tao lại nhớ đến mấy gói mì ăn liền. Tao lại thấy đói. Thì..."bụp". Thêm một tiếng..."bụp" nữa. Mẹ, chỉ hai tiếng "bụp, bụp" thân thương không thôi. Mắt tao mở thao láo nhìn hai thân người đổ xuống, như hai thằng say rượu. Chưa bao giờ gã thượng sĩ già của tao "chặt" đẹp đến như vậy, bắn đíu gì như bắn bia ấy mới cha đòi. Thoát cú này, chắc như bấp, tao phải đưa gã đến quán mợ Tư Ngựa, vợ thằng trung sĩ Dù, nhậu một trận guắc cần câu cho hết...con suyễn. Rồi đến đâu thì đến, hồn ai nấy giữ...".

"Súp-păng" quá mạng. Hồi hộp cứ như "xi-nê-ma" và tôi hỏi nó: "*Thế là mày thoát?*". Nó hít một hơi thuốc rồi nhăm nhăm:

"...Thoát đíu gì. Buổi sáng đầy nắng ấm, vừa vào đến cửa ngõ thị trấn, tao đảo mắt đi tìm cái bồn nước của thị trấn Lai Khê. Chó đại từng mùa, người đại quanh năm vì tao vừa nhận ra mình đang...dại dột thật, đang phạm một lỗi làm chết người. Ấy là: Gã thượng sĩ lái xe. Tao đứng trên xe như đang duyệt binh và tay cầm khẩu AK. Thế là "ầm" một tiếng long trời lở đất, viên đạn B40 thổi ngay vào xe

và tao bung lên trời cả thước và rút bịch xuống đất...nằm thẳng cẳng...”.

“Mày biết không, Sư Đoàn 5 rút đi từ đời tám hoánh nào rồi. Bỏ ai mà biết!”. Và nó tiếp:

“...Không biết bao lâu thì tao tỉnh dậy, nhưng vẫn nằm quay đơ. Gọi là tỉnh dậy thì không đúng lắm, chỉ nửa mơ nửa tỉnh biết mình nằm đấy và trên mặt được phủ mấy tờ lá chuối. Mắt tao như bị bầm sưng nên chỉ mở hé hé, nhưng vẫn thấy nhập nhòa ánh sáng xé trưa lọt qua vết rách mỏng lá. Chân tay cứng ngắc, không cựa cựa được. Nhưng tao vẫn có cảm giác hình như bị thương ở đâu đó. Mấy con ruồi, con nhặng vo ve quanh vết thương, bò bò, liếm láp, vừa nhột nhột, vừa xót tê tê, hình như ở dưới ống chân quyền thì phải. Để rồi tao tái người đi, khi ngửi thấy mùi thơm của ba nén nhang cắm ngay sát đầu tao. Tao liên tưởng ngay đến bát cơm với quả trứng gà luộc, để bỗng dưng thấy bụng nôn nao còn cào, vì mấy ngày nay chỉ lo chạy, chưa có gì trong bụng. Tao suýt bật cười nhưng cười không nổi vì xém nữa mình là...con ma đói.

Tỉnh dậy lần thứ hai, tao nghe có tiếng ai đang quỳ bên tao đang lầm râm đọc kinh. Tao lơ mơ thấy bóng người ấy ẩn hiện một màu đen và trắng hòa nhập. Rồi lom khom lôi cái ví trong túi quần tao ra để sang một bên và lui cui gỡ tờ lá chuối. Rồi thật nhẹ nhàng, khoan thai cúi xuống tháo cái thẻ bài ra khỏi đầu tao.

Qua đôi bàn tay, có một chút ẩm êm lướt qua bên má, tao ngửi thấy mùi gì khác lạ, không phải là mùi nhang mà thoang thoảng mùi hoa huệ. Một lát sau người ấy đứng dậy, qua khe lá, qua ánh nắng chói chang của mặt trời. Tao chỉ thấy lung linh mờ nhân ảo đằng sau lưng một dáng đi nghiêng ngả cùng hai màu trắng, đen nhạt nhòa trên nền xa.. Xa dần và mất hút...”.

Nó đứng dậy lấy thêm mấy cục đá lạnh, bỏ vào cái ly lắc nhẹ nghe thật êm tai, rồi râm rân:

“...Tao chỉ bị thương nhẹ hều, chắc bị kích ngất đi vì tiếng nổ. Sau đó, tụi nó nhúm tao làm tù binh, đưa tao qua tận Snoul bên kia biên giới, vùng căn cứ chiến lược của tụi Mặt trận giải phóng miền Nam. Mấy tháng sau mới đưa tao về, tụi nó tổng tiền tao thẳng vào trại cải tạo. Hơn một năm sau, tao mới liên lạc được với nhà. Nhà tao đi thăm và kể chuyện. Chuyện kể cứ như truyện *Năm Mồ Hoang* của Jean Fougère...”.

“*Mồ mả gì mà nghe khiếp quá vậy mày?*”. Tôi vừa buột miệng ra hỏi là đã thấy hổ. Làm như lúc này nó chỉ đợi có vậy. Nhấp một ngụm rượu, nó lêu bêu:

“...Jean Fougère được giải Courteline năm 1957 về truyện ngắn của Hàn lâm viện Pháp. Viết về hai vợ chồng đi hưởng tuần trăng mật ở Châteaudun, miền Normandie. Hai người bị hư xe tại thị trấn Chartres và ngồi đợi ở lữ quán Grand Monarque.

Mãi đến tận chiều, ngồi đợi mà xe vẫn chưa sửa xong. Cô vợ mới cưới thấy một nữ tu còn trẻ ở tu viện bên cạnh, tay cầm giỏ hoa băng qua nghĩa trang bên kia đường. Vì ngồi đã lâu nên cô đi theo cho khuây khỏa, thấy người nữ tu đặt bó hoa lên một nắm mồ gần như bị bỏ hoang. Tò mò cô đọc dòng chữ khắc trên tảng đá thô: “Thiếu úy Robert Fontant đã hy sinh tại đây để giải phóng thị trấn Chartres”. Cô lặng người vì chàng sĩ quan này là người yêu cũ của cô, bị mất tích mới đây năm 1944 của Đệ Nhị Thế Chiến...”.

Mân mê cái ly, giọng nó rù rì như tụng kinh:

“...Ấy đây, chuyện người nữ tu và nắm mồ hoang với người đi tìm kiếm như vụn vào tao. Sau ngày sập tiệm, gia đình tao dò hỏi khắp nơi nhưng chẳng có tin tức gì nên nghĩ tao tử trận mất xác ở tận đâu đâu. Một hôm, có một nữ tu còn trẻ, đến gõ cửa và báo tin tao được “Chúa gọi” và đã “vui vẻ về châu nước Chúa” ngày đó tháng đó và để lại giấy tờ tùy thân của tao. Cả nhà bò lê bò còng ra khóc lóc như mưa như gió, còn sùi bọt mép cầu khẩn có sông khôn chết thiêng thì về phù hộ cho gia đình. Thế là tao được rửa chân nhẩy tót lên bàn thờ ngồi chễm chệ như ông phỗng đá, đâu có ngo ngoe gì được để phù với phép. Chỉ tội nghiệp ông bà cụ tao, cơm nước nhang đèn, xì xụp khăn vái quá thể. Nhưng tao đâu dám hó hé, lỡ đại mồm đại miệng “lầu bầu” rồi hai cụ nghe được...lăn đùng ra tay bắt chuồn chuồn thì khốn!

Ông cụ tao Phật giáo không nói làm gì, bà cụ tao Công giáo nhưng lại tin bói toán. Tuần sau bà mò đến cô Tám Ma Gà ở Hàng Xanh xem một quẻ. Số là quẻ dậy tao vẫn còn sống nhăn răng và sẽ “đoàn tụ” một ngày không xa. Gia đình tao bán tín bán nghi, bàn nhau đi xuống dòng tu Lai Khê của Tòa giám mục Pháp cũ, nhờ người nữ tu đi tìm mộ tao. Đến nơi dòng tu đã bị tụi nó “phọc-mê-bu-tích”, nên tất cả đều phải cởi áo nhà dòng. Riêng vị ân nhân của gia đình tao nghe đâu buôn thúng bán mẹt ở vùng Hóc Môn rất ư là nghèo túng và hai cụ kiếm không ra. Nhớ lại lời kể của người nữ tu, ông bà cụ tao trở ra đầu cửa ngõ của thị trấn và hỏi mấy nhà quanh đấy. Họ chỉ nắm mộ chôn tập thể sát quốc lộ 13. Ông bà cụ tao đang loay hoay với nhang đèn hoa quả, thì có bà hàng nước bên kia đường bước sang và kể lể: Người nữ tu ấy trước đây vẫn thường ghé thăm mộ, lần nào cũng có một chậu hoa huệ. Và người nữ tu có để lại chuỗi thánh giá. Bà hàng nước sợ ai lấy mất nên giữ dùm, nhưng bà cũng chẳng biết đưa cho ai. Bà cụ tao Công giáo thuần thành, sợ phải tội nên cụ mang về.

Ra khỏi trại cải tạo, về đến nhà hình ảnh “lộng kiếng” tao đã được ...liệng cống đi từ khuya. Trên bàn thờ trống trơn, tao vẫn thấy còn cái ví, chuỗi thánh giá...”.

Nhưng không có...cái thẻ bài.

Nghe như đấm vào tai, tôi giựt gọng: “Gì nữa với cái thẻ bài? Mày lại chuyện nữa!”. Như tiếc hùi hùi và nó phân bua:

“...Mày biết không, đi lính thằng nào cũng mắc một cái tật, thằng đeo chân thỏ, thằng đeo nanh lợn rừng. Riêng tao thì đeo tấm thẻ bài nó quen rồi, không có thì ngứa ngáy, khó chịu, như thiếu thiếu một cái gì. Thấy chuỗi hạt trên bàn thờ tiện tay tao đeo vào cổ thế thôi. Như mày biết đấy: Tao đạo gốc, vì chưa ở cái tuổi gần đất xa trời mon men đến làm quen với Chúa để cầu cạnh một chỗ trên thiên đàng. Nói đại chứ gặp ngày đẹp trời ló quờ gặp ông thánh “Phê-rô” thì cũng ông ấy cũng cảm của vì tội lỗi ngập đầu. Rửa tội chẳng hết mà...tắm cũng không xong. Vì mấy em đầy ra đấy, theo đuôi cũng hết hai ngày cuối tuần nên còn thì giờ đâu dành cho Chúa. Nhưng vì bà cụ cần nhẫn mãi, tao đeo chuỗi hạt cho cụ vui vậy thôi. Sau này tao mới thấy như “*Chúa đã định...*”. Khi không lại đâm đầu chui vào...cái thòng lọng...”.

Lằng nhằng quá thể, ấy vậy mà vẫn chứng nào tật ấy. Nó lại câu giờ vào thăm bác Hồ một phùa nữa cho phải đạo. Về lại bàn đề “tọa đàm”, nó khật khừ với câu chuyện đang hương tàn khói lạnh và nó vung vít:

“...Lại chuyện bói toán nữa, kể cho mày nghe khùng luôn, thằng con. Năm không trong trại cải tạo đuổi ruồi búng ghét mãi cũng khô người. Tao bèn

nhờ vả một khứa bạn tù bắt cho một quả bói cho đòi lên hương, cho có tí ti le lói cuối đường hầm. Bỏ khi, khứa hươu vượn thể này mới cha đòi, khứa dậy: Tao có cung nô bộc, ít nữa có quý nhân phù trợ nên mặc sức thông dong. Nói trắng ra là số tao thân cư thể và được vợ nuôi báo cô. Thể nên đầu dầu gì mày, tao cũng có ý đợi...Mẹ, quý nhân đâu chẳng thấy, lơ quá thể nào tao...đợi một quả chín năm trong tù mới điền người. Và thêm một lần, sau quả B40, tao nghĩ mình...dại dột thật, vì đi nghe thẳng bói rùa. Bản mệnh khứa: Vào đây khứa không hay. Ra tù khứa chẳng biết. Huống chi cái thân...tao.

Hồi cổ quận, trên rừng dưới lựu đạn, tao múa bút để nín thở qua sông, vẽ riết quen tay nên bắt được tí danh còm. Chẳng hẳn là vua biết mặt chúa biết tên, nhưng một ngày cũng có người giới thiệu qua Học Môn trang trí một phòng họp một xưởng dệt mới mở. Trời xanh mây tím nắng vàng, qua cái cửa sắt là con đường trải sỏi, tao lững thững bước một. Để rồi, không hẹn mà gặp: Trước mặt tao là một tà áo lụa phát phơ trước gió qua một dáng đi thật thanh thản, một thứ rất hiếm hoi trong khoảng đất trời sô bụi này. Nhưng tao thấy quen quen, chẳng nhớ gặp ở đâu. Nghĩ mãi mới ra mảnh áo lụa ấy có điểm dăm cánh hoa huệ trắng đầy rẫy trong nhà thờ. Chưa hết, tao lại lãng đãng thả hồn về *giữa đám đông, trong đám đông*, rồi *em có nhớ anh không* của những ngày bát phở Lê Lợi, Tự Do. Bỗng

dung tao chu mỏ...húyt sáo băng quơ. Người đẹp quay lại, ngúyt tao một cái đến...tái tê...”.

“*Rồi sao nữa*”. Tôi hỏi. Nó nheo mắt, miệng tung tẩy::

“...Ông sao trên trời thì có...Đang ngồi đợi trong phòng họp của xưởng dệt và ngộp thở vì “Lạy Chúa tôi” hình của Đức Mẹ và Chúa sao mà nhiều quá đỗi, chỗ đâu để treo tranh đây. Đang ngó tới ngó lui, tao quay lại thì ngã ngựa người ra vì người đẹp áo lụa với tà áo lất phất vừa bước vào lại là...cô chủ hãng. Khi không chỉ vì cái húyt sáo, để bây giờ lẩn cấn với hạt sạn vướng mắc trong đôi giày. Vào chuyện, tao hươu vượn về trường phái ấn tượng, siêu thực qua dao, cọ và màu sắc. Như đụng vào cái nút máy hát cũ rỉ, tao nói như...“hát”. Tao lan man về nghệ sĩ gắn liền với sáng tạo, với nhân sinh vị nghệ thuật này kia, kia nọ. Với yên sĩ phi lý thuần qua tà áo tung bay cùng gió và mây, tao nói với người đẹp, tao đang nhen nhúm...một sáng tác để đời cho mai hậu.

Vì bức tranh khổ lớn nên hơn một tháng mới hoàn tất. Như một tuyệt tác, tao vẽ trong mộng và mơ. Tao chưa bao giờ đam mê cọ và dao đến như vậy, đường nét, màu sắc như quần quýt và quện vào nhau, từng mảng từng lớp, trải dày trên khung vải. Tất cả những cảm hứng này, tao gửi gắm qua ánh mắt, nụ cười đầy thánh thiện của cô ta. Nhưng cũng chỉ luyến lưu đề rồi tao chẳng dám nghĩ gì xa

hơn. Nhưng hăng xướng không phải là nơi chốn cho nghệ thuật, cho cái đẹp. Chẳng nói mà cũng nắm bắt được, mỗi tác phẩm hội họa như có định mệnh của riêng nó, nếu được đặt đúng chỗ. Như dưới mái ấm gia đình của một căn nhà chẳng hạn. Rồi bức tranh cũng được mang về nhà cô ấy.

Trong khi đứng ngắm tác phẩm thật hài hòa, trong tao chợt nao nao bứt rứt thấy thiếu thốn một cái gì, như một tách trà chẳng hạn. Thế là tao đi lục lại, mò mẫm tìm cái ấm để pha trà.

Ngay khi ấy, qua khe hở của cánh tủ trà, có bóng người đi ngang ánh mắt tao. Nhìn từ sau lưng, có thể tao hoa mắt vì ánh nắng hắt qua khung cửa sổ. Như buổi sáng hôm nào, qua vết rách của tàu lá chuối: Tao bắt gặp những tia nắng lung linh, hòa nhập cùng hai màu đen trắng, và thoang thoảng đâu đây có mùi hoa huệ. Nhưng tất cả những hình bóng và mùi hương ấy chỉ là không tưởng, thoáng qua như áng mây trôi mà thôi. Vì lúc đó tao đang loay hoay tìm thêm cái tao muốn tìm thì...hộp trà thì ...

Thì.. ngay góc tủ, tao lặng người đến thần thờ, vì va vào mặt tao là một vật rất gần gũi và cũng rất thân quen. Một vật đã vắng mặt lâu ngày nhưng vẫn mong có ngày gặp lại như gặp lại người tình cũ. Tình cũ không hẹn mà đến khiến tao vừa ngẩn ngơ mông lung vừa mân mê cái vật làm bằng thiếc mỏng...mang tên tao.

Đó là: *Cái thể bài*.

Từ dạo ấy cuối tuần nào tao cũng bám đuôi theo “thân cư thể” của tao đi lễ nhà thờ, cũng quỳ gối chí chát đến chai đầu gối, cũng đâm ngực bình bịch mới ...đau. Riêng với mày, nói dối phải tội chứ, chứ hiếm khi nào tao vác xác hẻo lánh tới sân nhà thờ, nhà chùa. Có Chúa, có Phật ngự ở cõi trên hay chẳng? Tao trèo không lên nên với không tới. Mặc dù với nhang đèn hương khói, tao đã leo lên bàn thờ ngồi nấp sau nải chuối nhìn con gà khóa thân một lần rồi. Rõ ra tao hiểu cái nhẽ của đất trời với gần đất xa trời là như thế này đây:

Mặc dù ở mãi tận đâu tận đâu, nhưng dường như ông trời đã sắp sẵn cho mỗi người trong cõi nhân gian này một cái số.

Như số vợ chồng tao bây giờ chẳng hạn...

Như định mệnh đã an bài.

Trúc gia trang

Thu phân, Mậu Tý 2008

Về cái sự biết

Lậm theo cụ Tản Đà vẽ chuyện kiểu cách với quán ăn ngon, đồ ăn ngon, người ăn ngon thì...ngon hết biết. Vì vậy tôi ngồi ở quán thịt chó khu Nhật Tân này từ thuở tóc tiêu nhiều hơn muối, không ngoài hoài bão được đàm trường viễn kiến với một tửu đồ nào đó để phùng trường tác hí, để bắt tụy vô quy, tạm hiểu ngất ngư là *không say không về*. Cho đến rồi một ngày tóc trắng như vôi, tôi vẫn ngồi đồng ở đây, vẫn bóí không ra một mống.

Khỉ thế đấy! Vì chỉ gặp một mớ tởn giả tam hữu hay tam hữu xú, văn phong văn vẻ là lỡ gặp ba loại bạn này chả mấy vui. Thế loại bạn thứ nhất, họ chỉ thích quảng giao với nhà thơ, nhà văn. Mà mấy nhà này chả ai nhận mình là nhà xác, nhà quán thể mới quái. Thế loại thứ hai, chỉ hay nói chuyện triết học, hết hiện sinh với Sartre, Camus đến Socrates, Nietzsche. Họ như con bò nhai lại mớ triết lý tũn mủn, họ say sưa nói nhưng chả biết mình nói khi gì. Thế loại thứ ba, họ thích vác thiền vào quán nhậu. Với họ nói chuyện với nhau bằng vào công án thiền

dễ hiểu hơn nhiều. Như hỏi một nhà văn sao cứ mài óc ra viết...văn. Đáp: Phật chỉ là que cứt khô thôi mà! Hỏi: Sao Phật lại là que cứt khô? Đáp: Thế là ông không ngồi ở quán nhậu rồi, vậy là ông không “tư duy” văn hóa nhậu rồi. Hay nói khác đi ông không đọc công án Thiền rồi!".

Hôm rày, để tránh mấy ông thiền giả lê la sang bàn tôi nói chuyện thiền, vào quán thịt chó tôi bê theo nguyên bộ *Tứ thư Ngũ kinh* và quyển *Hán-Việt tự điển* của cụ Đào Duy Anh. Bởi nhẽ đọc chính danh quân tử của ông Vạn thế sư biểu khó nhai hơn bờ mê bến ngộ của ông Bồ đề đạt ma nhiều.

Thằng như đọc mẫu chuyện thiền dưới đây ai mà chẳng hiểu:

“...Một thiền sư già đi thiền hành với một đệ tử trẻ. Bỗng, anh đệ tử tăng háng rồi thưa:

- Bạch thầy, con xin hỏi?

Thầy: “Ừ, hỏi đi“

- Bạch thầy, tại sao trời lại xanh?

Thầy giải nghĩa liền một khi:

- Con cá trong nước.

Đệ tử cúi đầu, đi thiền hành tiếp. Bỗng, anh đệ tử lại tăng háng:

- Bạch thầy, con xin hỏi?

Thầy lại: “Ừ, cứ hỏi”.

- Bạch thầy, tại sao có gió?

Thầy đáp: “Màu trắng, màu đen!”

Đệ tử lại chấp tay, tiếp tục bước. Rồi anh ta ré lên cười...

Thiền sư hỏi: “Sao cười?”

Anh ta vừa vỗ tay vừa nhảy cẫng lên:

- Bạch thầy, con vui quá! Vui quá!

Thiền sư hỏi: “Sao vui?”

- Bạch thầy, người ta nói: "Thiền sư nói gì, hiểu được chết liền!". Những gì thầy giảng nghĩa này giờ, may quá, con không hiểu khi gì ráo nên con còn sống! Vui quá! Vui quá!

Thiền sư thở dài, vừa tiếp tục đi thiền hành vừa suy nghĩ:

"Mình năm nay 70 tuổi. Sống lâu cỡ này chắc nhờ mình chẳng biết khi nào gì những gì thầy mình nói hồi đó!..."

Dãy quán thịt chó khu Nhật Tân cột tre, mái rơm trải dài từ đê Yên Phụ đến gần đập đá, không quán xá nào chịu mở cửa cho vì kiêng cữ vào đầu tháng cuối năm. Bỗng dờm thấy quán có tên “Chiêu hiền đãi sĩ”, dưới bảng hiệu có treo một cái đầu dê. Bèn ăn sồi ở thì “Treo đầu dê bán thịt chó” chứ còn chó gì nữa.

Dờm thấy chữ “đãi”, chợt nhớ chuyện dân gian có anh nheo, anh khóa vào quán thấy cái bảng: “Ngày mai ăn không phải trả tiền”. Hôm sau trở lại, no cơm ấm cật xong bèn xĩa rằng đi về. Chủ quán đòi, anh u ơ... "Ồ! Không phải trả tiền mà". Chủ quán lắc đầu chỉ cái biển. “Ngày mai...”. Thế nên

chữ “đãi” trên bảng kia với “hiền sĩ” tôi đây không chắc ngon ăn lắm, bèn móc túi đếm mấy tờ 50000 cho chắc ăn. Đang lóng ngóng đứng đợi người phục vụ, chợt va vào mắt là một nam nhân vừa dậm chân bước vào cửa, cúi xuống sàn đất thô nhặt tờ giấy bạc 50000. Miệng người lắm bảm: “Tiền của người nước Lỗ đánh rơi, người nước Lỗ nhặt được thì đâu có mất mát đi đâu mà sợ”. Hơ! Vừa nhúc nhắc đến đám hậu sinh anh nhiều, anh khóa cửa người Không Khâu gặp ngay nho gia nước Lỗ ngay đây. Bèn lấy đó làm vui. Khi không, học thói nho gia, tôi lưỡi đá miệng...nho nhe với người:

- Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ.

Tâm ý là *có bạn ở xa đến gặp há chẳng vui sao...* Sau đây sẽ có mục nửa vách đèn tàn luận cổ suy kim cho ra trò với hồ trường một cỗi. Nheo mắt nhìn tôi bằng nửa con mắt rùa, người nước Lỗ hỏi mượn quyển *Lễ ký*. Rất bình thản, người mở ngay cái một trang 48, rồi trả lại. Khi gió căn rằng gì đây chả biết nữa. Thôi thì cũng đành ngó chừng, dòm xuống thấy chương Huệ Tử.

Tôi nhìn người dò hỏi. Người khẽ gật đầu. U mê ám chứng cách mấy cũng nên hiểu là người bảo đọc đi. Ủ thì đọc:

“...Trang Tử và Huệ Tử đứng chơi trên dòng sông Hào, Trang Tử nhìn đàn cá xanh bơi lội thong dong và nói: “Cá vui đó”. Huệ Tử thắc mắc: “Ông không là cá, sao biết cá vui”, Trang Tử đáp: “Ông không là tôi, sao biết tôi không biết”, Huệ Tử trả lời:

“Tôi không phải là ông nên không biết được ông, nhưng ông không phải là cá thì sao biết được cá vui”. Trang Tử trả lời: “Thì đây làm như vậy, tôi đứng trên cầu sông Hào mà biết đó...”.

Ngón xong, đầu rồi như canh hẹ vì đúng là ngày gặp chó đái giắt. Bụng bảo dạ môn sinh người Khổng Khâu rõ vun chuyện. Bởi nhẽ như người Khổng Khâu đã dạy: “Cát kê yên dụng ngưư đao”, hom hèm với “cát” là “cắt”. Cắt cổ gà ai lại dùng dao mổ trâu với chữ nghĩa dài ngoằng ngoằng thế này. Nói cho ngay sách *Pháp ngôn* có câu “Thông thiên địa nhân viết nho” mà tôi sấm nấp là gã đồ nát chữ đây thông tỏ mọi nhẽ với người vui,...cá vui là nho gia thứ thật cũng nên. Nên tôi tạm gọi gã là “Gã nho giả”.

Thế là yên chí nhớn, trước khi thủ lễ vấn danh...Rất Tây, tôi nghiêng người, đưa tay mời gã...chiếu hoa một cồi. Gã nho giả vả vào mồm tôi một câu ngập nho phong:

- Tịch bất chính bất tọa.

Mẹ ời! Nghe như đâm vào tai vì chả nhẽ “tịch” là chết? Bèn lụp đụp giờ tự điển của cụ Đào Duy Anh ra bói chữ. Giờ ạ! “Tịch” đây là...cái chiếu. Hơ! *Cái chiếu* “bất chính” *xộc xệch là không ngồi*, gã nho giả đây muốn ngồi chõng tre với cái thế thiên, địa, nhân chẳng? Mà cũng hay, ngồi cái kiệu nước lụt trên chõng, gió sông Hồng rù rì dưới bàn tọa, thống khoái nào có khác gì cái thú thứ nhất

quận công thứ nhì ị đồng. Bèn thổ lộ tâm can với gã những gì đang tâm tịt trong đầu. Làm như quen nhau từ thời ông Bành Tổ, vừa đi tới cái chõng. Gã nho giả vừa tỉ tê chữ nghĩa với tôi rằng cứ theo cụ Khổng thì chữ “nhân” có hai nét sổ ngang, tức “ngang bằng” đối với mọi người. Hai vạch ấy một vạch tượng trưng cho trời, một vạch tượng trưng cho đất. Chữ “nhân”, chính là “thằng người” đứng giữa trời, đất, và cũng là cái hồn vía của cả vũ trụ thiên, địa, nhân này.

“Thằng người” tôi nghe sợ đến phát khiếp! Nhưng với khoảnh chữ nghĩa lỗ mỗ lơ mơ mà tôi ăn mày được thì chữ nhân, thêm hai vạch ngang là...ái tình bửu giám. Như chữ “nam” có hai vạch là...”Ngộ ái nị”. Chữ “nữ” có hai vạch là...”Nị ái ngộ”. Tôi chưa kịp tiêu pha chữ nghĩa với gã thì gã đã ngừng ngoằng thế này đây...

Mạnh Tử chủ trương nhân tri sơ tính bản thiện. Cụ Khổng chỉ vẽ thêm chữ “thiện” thuộc bộ khẩu, “thiện” vốn ăn chực nằm chờ ở cửa miệng hay miệng lưỡi “thằng người” nên chó có đại mà tin. Vì vậy chữ “nhân”, cụ Khổng cẩn thận nhét thêm vào chữ “nghĩa”, thành “nhân nghĩa”. Sở dĩ gọi là “nghĩa”, bởi lẽ trên mặt chữ vốn đã có sẵn *đạo lý* nằm ăn vạ ở đó rồi. Vì vậy cụ Khổng lập ra học thuyết về “tính thiện”, lại còn đặt ra nhân nghĩa với “tư vô tà” (Kinh thi) được phần lớn thiên hạ tin theo. Trong đó có...gã.

Trong khi ấy, tờ giấy bạc 50000 tiền ông Hồ cứ ngo nguậy trong đầu, nhưng chỉ nghĩ chắc gì gã tửu đồ đây là...người nước Lỗ. Lúc này ngồi chỉnh chệch trên chông tre tôi mới bản lai diện mục gã. Giời ạ, thời buổi quần áo thương hiệu này mà gã nho giả mặc áo gấm huyền, đội khăn đóng, cầm cái quạt đánh chó...chó chết để phe phẩy. Tuy nhiên dòm chừng gã nho giả rất nho phong sĩ khí, an nhiên tự tại, rất thoát tục, phiêu diêu...miền cực lạc.

Đột nhiên gã hỏi tôi tới đây làm cái giống gì? Như được gã ngựa để vãn dĩ tải đạo, chỉ cái bảng hiệu “Chiêu hiền đãi sĩ” với nhĩ ý là tôi đang ôm cái hồ trường vì thiếu khách đục phá sàu thành tu dụng tửu, và đang đợi vãng lai đạo lý sĩ hiền môn. Tôi chao chat với gã tới tuổi tịch dương vô hạn hảo này, vậy mà não thị u lâm mạc luận đã mười niên vẫn chưa có cơ duyên cở kim hiền hữu năng tâm. Nay tam sinh hữu hạnh gặp được người thiên cở như gã, nên tôi thấp thỏm với nhất tự vi sư, bán tự vị sư này kia. Gã nho giả ngúc ngắc nghe, và thông thiên bác cở:

- Ừ thì có gì đâu, cụ Khổng xưa kia lập ngôn rằng: "Tam nhân hành, tất hữu ngã sư yên, trạch kỳ thiện giả nhi tòng chi, kỳ bất thiện giả nhi cải chi" ấy mà.

Cớ sự này ai chả biết rằng nếu có *ba người đi với nhau, tất có một người là thầy ta, chọn người hay mà học hỏi, tìm người dở mà sửa mình*. Vậy mà không phải vậy, vì người Khổng Khâu có chịu nhận ai làm thầy mình đâu! Cứ như Tử Cống đã nói: “Phu

tử yên bất học, nhi diệc hà thường sư chỉ hữu”, nhiều sự là *không có điều gì Phu tử không học, nhưng Ngài nhất định không...học một thầy nào.* (Luận ngữ - Tử Trương).

Hơ! Cái đầu đất sét tôi bật ra câu "Tử bất ngữ", óc ách với chữ nghĩa cóc nhái tôi là sự gì người Khổng Khâu chẳng nói thì...ta nói. Như câu tam nhân đồng hành, tất hữu ngã sư...thì “ta” nói có ba thằng đi với nhau, ngoài một thằng chẳng may là thầy ta. Thì tội vạ gì..."ta" chẳng là thầy một trong hai thằng còn lại.

Với chính danh định phận, tôi hỏi tôn danh và danh phận của gã để dễ nói chuyện. Gã vén môi nói chữ:

- Danh bất chính tắc ngôn bất thuận, ngôn bất thuận tắc sự bất thành.

Bố khỉ, chạy trời không khỏi nắng lại người Khổng Khâu nói đây. Ăn chữ mòn răng thiên hạ với *danh bất chính*, tôi lêu bêu là nếu gặp ai đẩy tên Kèo, tên Cột thì *tắc ngôn bất thuận* để...tắc tị là cái cẳng. Chợt bắt gặp chữ “ăn” lại chưa có gì...ăn. Lại các cùm câu *tắc sự bất thành*, trộm cho là gã đang...chó cắn áo rách. Thế nên tôi có quyền chi bữa nhậu hàn nho phong vị phú này thì danh chính ngôn thuận quá rồi. Thôi thì thượng điền tích thủy hạ điền khan, tôi ới người phục vụ đĩa chả chìa với cút nếp than.

Trong khi chờ đợi, tôi khênh cụ Tản Đà lên bàn ăn để khoe mẽ với quán ăn ngon, đồ ăn ngon, lại gặp người ăn ngon như gã thì...ngon ăn trông thấy. Vừa nhai miếng thịt nướng chấm mắm tôm chanh, gã vừa nhai chữ nhá văn:

- Cụ Tản Đà là người sành ăn nhưng không biết ăn trông nòi ngòi trông hương với “tam sự bất tri”: Thứ nhất, *ăn không biết thế nào là ngon, uống chẳng biết thế nào là dở*, như thế gọi là “thực bất tri kỳ vị”. Thứ hai, *nói không biết nên nói với ai, nghe chẳng biết nên nghe ai nói*, như thế gọi là “xử bất tri kỳ nhân”. Thứ ba, *đi không biết đi theo đường nào, ngồi chẳng biết nên ngồi chỗ nào cho đúng*, như thế gọi là “hành bất tri kỳ đạo”.

Làm như đang ăn chay, nhét nhúm lá mơ vào mồm, gã ngậm miệng lúng búng:

- Cụ Khổng dạy: “Xuất môn như kiến đại tân”, dịch thoát là *ra khỏi cửa gặp bạn nhậu mới* chẳng biết đi về đâu với hành bất tri kỳ đạo như ở trên, với ngòi chẳng biết ngòi chỗ nào cho đúng chỗ. Vì rằng “Tử thực ư hữu tửu đồ, vị thường bảo giả”, dịch nghĩa là một lần *cụ Khổng ngòi nhậu cạnh thẳng say, nên ăn không...no*.

Tôi vội vàng để cốc rượu xuống, ngu lâu đàn dai cách mấy cũng nên ới thêm đĩa óc chó cho phải cái đạo nho gia. Làm như tôi là người...biết điều, gã luận về sự biết:

- Như cụ Khổng nói với Tử Lộ trong sách Luận ngữ: “Hối nhữ tri chi hồ! Tri chi vi tri chi, bất tri vi

bất tri, thị tri giả”, nôm na là *biết điều gì thì nhận là biết, không biết thì nhận là không biết. Như vậy là biết*. Vậy mà cụ Khổng cũng chẳng biết cho lắm.

Ngựa cô nóc ngậm nếp than cái “chóc”. Gã kẻ lẻ:

“...Phu tử đang dạy học trò, thấy người hơi oải, liền đứng dậy bước ra hòn non bộ. Ngó vào nơi xa vắng, mà tự nhủ lấy thân:

Tử phùng tri kỷ thiên bôi thiếu,
Thoại bất đầu cơ bán cú đa.

Rằng uống rượu mà gặp được người hiểu mình, thì dầu nóc cả ngàn chung, cũng chẳng ăn thua gì hết cả. Còn trò chuyện mà gặp người tầm phào, thì dầu nói nửa câu, cũng giống như chưa nói gì đó vậy. Ta, bởi mang tiếng là hiền sĩ. Chuyên nói chuyện nghĩa nhân, nên... thiên bôi thiếu chưa bao giờ có đặt. Thật là đáng tiếc lắm thay!

Một hôm, có được Bò đào mỹ tửu, Phu tử đang thiên bôi thiếu, thì chợt có đứa trẻ ngồi trên lưng trâu qua trước ngõ. Miệng hát:

Thương lang chi thủy thanh hề,
Khả dĩ trạc ngã anh.

Thương lang chi thủy trạc hề
Khả dĩ trạc ngã túc.

Thương lang chi thủy nửa trạc nửa thanh
Túc túc anh anh cái gì cũng đặt.

Phu tử bỗng biến đổi sắc mặt và nói:

- Chân lý cuộc đời. Sao chẳng chăn trâu này lại biết?

Rồi ngêch mặt ra mà suy nghĩ. Lúc ấy, có Mạnh Tử đang hầu rượu gần bên, bất chợt thấy da mặt của thầy đang chuyển dần qua tái. Sợ hãi nói rằng:

- Lòi của trẻ chần trâu. Hà có chi thầy phải ưu tư nhiều đến thế?

Phu tử chẳng buồn đáp lại. Lại còn thì thảo tự nhủ lấy thân nữa:

- Nước sông Thương nếu trong, thì ta giặt giải mũ. Nước sông Thương nếu đục, thì ta rửa chân. Còn nước sông Thương lang nửa đục nửa trong, thì giặt mũ rửa chân...

Vậy mà thằng chần trâu biết. Thế mà ta không biết!

Và miếng óc chó vào miệng, gã nhồm nhoam rằng chuyện cụ Khổng biết nhiều nhưng không biết...giặt quần áo thế đấy. Đang ngật ngữ, tôi chợt ửng oảng với câu sinh ký tử quy. Tôi ngầy ngật hỏi gã con đường vào thiên thu của người Khổng Khâu ra sao? Rõ ra với ý tại ngôn ngoại chết là hết chuyện, cho...xong chuyện vì...quá đã rồi. Gã nho giả như chó thánh nhai ra chữ:

- Vị tri sinh, yên chi tử.

Với một mớ kiến văn hạn hẹp của mình, tôi lúng túng như gà mắc tóc, vì chữ nghĩa của người Khổng Khâu đâu có ngon ăn như óc chó. Thôi thì cũng đành mò mẫm sách Tứ thư Ngũ kinh, thì ra ấy là câu hỏi của Quản Lộ hỏi thầy về sự chết. Khổng Tử thầy đáp rằng *sự sống còn chưa biết hướng chi đến sự chết*. Rồi một hôm đang thư thái, Khổng Tử bỗng buột mồm nói ra câu: “Hành tương tự mịch

tác nhân nan”, cùng cục là *người ta sắp chui vào quan tài rồi, mới biết làm người là một việc khó*.

Đợi tôi tìm chương trích cú xong, gã móc trong túi xách cái “I-Pad 7X” và giảng giải cho tôi muốn biết cụ Khổng về với ông bà ra sao thì bấm “Ctrl Khong Tu 551 B.C.” là máy sẽ đưa tôi ngược về 551 năm trước Tây lịch, như rơi vào lỗ hồng thời gian ấy mà. Cứ theo gã tôi sẽ nhìn thấy rõ mồn một mọi sự trên trời dưới đất.

Hơ! Thế này thì mai kia tôi cứ nhí nhoáy bấm “Ctrl Hung Vương 2879 B.C.” là gặp ngay 18 cụ Vua Hùng Vương, đầy đủ 18 tên Hùng Hi, Hùng Tạo, Hùng Vĩ, v.v.. để thấy tận mắt mỗi cụ thọ tới 145 năm, chứ chả phải rồi hơi học sử ký, cổ sử cho tồn thọ!

Tay bấm nút “Ctrl...” như xem video clip mà mình là nhân vật chính. Vừa chui vào máy để trở về với quá khứ thì tôi nghe thấy gã ới thêm đĩa dồi chó. Có mặt trên screen tức “hiện trường” rồi, dòm lại cánh cửa treo cái đầu dê, tôi lại bị đe nẹt với treo đầu dê, bán thịt chó. Tôi cứ nghi bất hoặc với chi hồ giả dã mà giả là không..thật! Thật là...giả!

Máy bảo như thần bảo, thế là tôi rơi tồm vào...cái lỗ thời gian đúng vào...nước Lỗ vào thế kỷ thứ 5 trước Thiên Chúa. Tôi đang lênh đênh ở tỉnh Sơn Đông và nghe được truyền thuyết về Nhan thị, mẹ của Khổng Khâu lên núi Ni-Khâu cầu tự và đẻ ra ông nên đặt tên là Khâu, tên tự Trọng Ni. Ba tuổi

thân phụ mất, Trọng Ni không học hành gì chỉ thích chơi với lũ trẻ nhỏ trong làng Xương Bình và thường hay bày đồ cúng tế.

Năm 19 tuổi, Khổng Khâu lấy vợ, lãnh chức *Tư chức lại*. Lại lo việc nuôi bò, nuôi dê để dùng cho việc cúng bái. Khổng Khâu lưu lạc tới Lạc Ấp của Chu Công chăm lo việc nghi thức, nghi lễ nơi miếu đường. Phàm có sự gì liên quan đến tế lễ là có mặt để xem cho tường tận. Ở đây được ít lâu sang nước Tề, bỏ qua nước Vệ, rồi tới nước Tấn, Tần, Sở, Khuông, v...v...

Sau Khổng Khâu về ẩn, dạy học và có 3000 học trò, yêu quý nhất 72 người như Tử Cống, Tử Lộ, v...v... Thành quả với 2 bộ Tứ Thư Ngũ Kinh và sách Xuân thu là sử ký nước Lỗ. Tứ Thư gồm Đại học, Trung dung, Luận ngữ, Mạnh Tử. Ngũ Kinh gồm Kinh thi, Kinh dịch, Kinh thư, Kinh Lễ nhạc (còn gọi là Lễ ký).

Năm 74 tuổi, Khổng Khâu mất, Tử Cống ngày đêm ở bên mồ 6 năm mới thôi.

Từ làng Xương Bình, lững thững theo bước chân phù lãng nhân trong đầu tôi cứ neoh nhóc với người Khổng Khâu thích chơi với trẻ con. Vừa tới cánh đồng huyện Khúc Phụ thì thiên cô chi mê tôi gặp ngay người Khổng Khâu đang nói chuyện với thằng chăn trâu. Thế là tôi lò dò đi tới để nghe lóm và chuyện như vậy:

Thằng chăn trâu hỏi: "Đúc đồng làm chuông, đẽo gỗ làm dùi, lấy dùi đánh chuông kêu thì tiếng kêu ấy là gỗ hay đồng?"

Không Tử đáp: "Lấy dùi gỗ vào tường vách không kêu, gõ vào chuông kêu, thế thì tiếng kêu ở đồng mà ra."

Thằng chăn trâu cãi nhắng lên: "Lấy dùi gỗ vào đồng tiền trinh không kêu, thế thì đâu phải tiếng kêu ở đồng mà ra?"

Không Tử đáp: "Đồng tiền đặc, cái chuông rỗng, vậy tiếng kêu ở các đồ vật rỗng mà ra."

Thằng chăn trâu lại cãi chày cãi cối nữa: "Lấy gỗ làm chuông đánh không ra tiếng, thế thì đâu phải tiếng kêu là ở đồ vật rỗng mà ra".

Thằng chăn trâu dất trâu đi, quay lại cười nói: "Thế thì ông là người biết rộng hiểu nhiều thế nào được, thưa ông".

Không Tử nghe nói, không biết nói gì là chấp tay sau đít, phe phẩy quạt rồi cũng bỏ đi...

Hơ! Chuyện này đại loại tôi cũng từng đọc qua, đại thể người Không Khâu hay dẫn môn đồ ra bờ sông, bờ ruộng, nhìn trời đất và nghe chuyện thiên hạ sự. Sau đây, người Không Khâu giảng giải cho môn đồ ý nghĩa cao thâm của thiên, địa, nhân. Tiếp đến, môn đồ về ghi lại thành sách để tha nhân biết thế nào là...nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Người Không Khâu phe phẩy cái quạt bỏ một quãng, tôi mới ngó ra người đã đi vào cõi thiên thu từ đời tám hoánh nào rồi. Thế là tôi dẫn xác tới Không Lâm là một

khu rừng lớn, nơi đây có di tích mộ của người Không Khâu và các môn đồ. Học mót theo *Kinh dịch* trong Tứ thư Ngũ Kinh dậy khôn là tôi đứng ở đây nhìn về phía mộ chí. Nếu thấy con bò nhỏ bằng con dê thì khoảng cách giữa tôi và con bò đi đúng một dặm là tới nơi.

Vừa rảo bước tới, tôi vừa năm năm là người Không Khâu lãnh chức *Tư chức lại* lo việc nuôi bò, nuôi dê thảo nào đất này nhiều dê quá mạng. Nhưng tôi tóm tó là nếu như không có con bò thì sao đây! Ngay lúc nhìn thấy một mộ chí nhỏ bằng...con dê. Ấy vậy mà đi đúng một dặm thì gặp...một nho sinh đang hì hụp với hương đèn nhang khói. Thiên cổ chi mê tôi ngỡ gặp Tử Cống..."ở bên mồ 6 năm" đây. Nhưng nho sinh tự giới thiệu tên Tử Tự, là người đã khổ công thu thập bộ Tứ thư Ngũ kinh sau khi Tần Thủy Hoàng đốt sách vở nhưng không được đầy đủ lắm. Thiên cổ chi mê tôi trộm thấy Tử Tự là người nho nhã, chín chu mực thước, lại là Không Tử chi đồ, nên mạo muội hỏi phép tu thân của người Không Khâu dậy môn đồ thì được cho hay rất ư...tươm tất.

Qua thư kinh, bóc ngắn cắn dài đó là đạo Không dậy môn đồ lập thân và hành xử. Sách Luận ngữ có câu: "Tử di tứ giáo: Văn, hạnh, trung, tín", nghĩa là đạo của người Không Khâu dậy bốn điều. Trong bốn điều này có văn là đọc sách, ba điều kia thuộc về hun đúc...tác phẩm con người. Mỗi môn đệ phải "bác văn" tức học rộng biết nhiều. Nhưng cần phải "ước lễ" tức giữ lễ. Ngay đến "học thi" và "học lễ"

không những chỉ nghiền ngẫm văn học, lịch sử mà còn phải chú trọng đến tu thân và nhập thế. Người Khổng Khâu dạy: “Bất học thi, vô di ngôn” tức *không học thi không biết cách ăn nói*. Và không thể thiếu: “Bất học lễ, vô di lập”, nghĩa *không học lễ thì không biết cách lập thân*.

Khổng Tử chỉ đồ chỉ sách *Khuyết Lý* về vôi rất rõ ràng người Khổng Khâu với tướng ngũ lộ, mắt lồi, lỗ mũi rộng, lộ hầu, tai bạt và hờ răng. Mặt to có những vết như quả dưa chín, ngực rùa, râu rậm, mồm rộng, chân đi nhanh nên số vất vả cả đời. Tôi hong hanh nhớ ra là người sinh ra vì trán cao và gồ lên một cục u nên bà mẹ đặt tên là Khâu. Khâu là cái gò, chữ chả “liên hệ” với...núi Ni Khâu. Khổng tử chỉ đồ hom hem thêm rằng sau khi Tần Thủy Hoàng đốt sách, mặc dù tìm kiếm lại nhưng vẫn còn thiếu sót, nhất là bộ Lễ ký. Vì vậy muốn tìm hiểu người Khổng Khâu thêm phải dựa vào những giai thoại dân gian. Vì là không có lửa sao có khói, như giai thoại dưới đây:

“...Một hôm, có một lão già nom hơi cổ quái, gương mặt tuy gồ ghề song hai mắt rất long lanh, dáng đi nhanh nhẹn, hoạt bát đến gõ cửa xin nhập môn. Khổng Tử tắm rửa, súc miệng, mặc quần áo, đội mũ ra tiếp và hỏi:

- Cụ già thế này, sắp xuống lỗ rồi còn học làm gì nữa cho mệt?

Lão kia trả lời:

- Lão trước khi xuống lỗ muốn học một điều cho biết đây thôi.

Khổng Tử ngạc nhiên, nhưng cũng dạy một điều:

- Cứ “Mặc nhi thức chi”, cứ thâm lặng suy nghĩ mà biết mọi lẽ.

Lão kia thâm lặng một lát nhưng không ra lẽ nên có hỏi cho biết:

- Vậy Ngài có biết núi Ni Khâu đẻ ra Ngài là núi đực hay núi cái?

Sau Khổng Tử kể chuyện cho học trò nghe: “Ngô hữu tri hồ tãi? Vô tri giả. Hữu bỉ phu vấn ư ngã, ngã không không như ngã, ngã khẩu kỳ hưởng đoạn nhi kiệt yên”. Dịch dịch là *Ta có biết gì không? Không biết gì cả! Có đưa que vạch đến hỏi ta, ta không không như biết gì, đem đầu đuôi trước sau ra mà nói, làm cho người ấy biết hết mọi lẽ...*”

Khổng Tử chỉ đồ ngăn ngăn rằng người ấy học một câu biết hết mọi lẽ nhưng không biết “tiểu sử trích ngang” do chính Khổng Tử viết trong thư kinh để lại cho hậu thế:

Ngô thập hữu ngũ chí ư học (Ta 15 tuổi chuyên học tập)

Tam thập nhi lập (Ba mươi thì chí lập đã vững vàng)

Tứ thập nhi bất hoặc (Bốn mươi không ngờ vực gì nữa)

Ngũ thập tri thiên mệnh (Năm mươi thấu triệt được mệnh trời)

Lục thập nhi nhĩ thuận (Sáu mươi tai nghe thuận với lỗ trời)

Thất thập nhi tòng tâm sở dục bất du củ (Bảy mươi, theo lòng mong muốn mà không vượt khỏi đạo lý)

Không tử chi đồ dẫn chúng với sử liệt truyện của Tư Mã Thiên chương *Hoạn lộ của Khổng Tử* với tiến vi quan thối vi sư như vậy:

30 (đúng ra là 29) tuổi, tam thập nhi lập thì “chí lập vững vàng” nhờ học trò Nam Cung Quát giúp đỡ sang Lạc Ấp. Vua nước Lỗ cho một cỗ xe song mã và người hầu chăm sóc đi...du học, rồi thành tài, muốn làm quan nhưng không được trọng dụng.

40 tuổi (37) làm quan nước Tề, được vua Tề cho đất Ni-Khê, tứ thập nhi bất hoặc “không ngờ” bị quan thừa tướng ngăn lại không cho nên cáo quan, về dạy học.

50 tuổi (51) làm quan cho nhà Chu, về lại nước Lỗ, với ngũ thập tri thiên mệnh “thấu triệt được mệnh trời” nên trời cho làm tể tướng...7 ngày.

60 tuổi đến nước Vệ, lục thập nhi nhĩ thuận vì “tai nghe thuận với lỗ trời” nên trời cho vui vầy với vợ vua tên Nam Tử. Vì vậy vua không dùng, qua nước Tấn, cũng không xong. Và than: “Cầu hữu dụng ngã già, cơ nguyệt chi khả già, tam niên hữu thành”, nghĩa *nếu ai dùng ta một năm thì sẽ khá, ba năm sau sẽ thành*.

70 tuổi (68) về hưu vì già, không...cầu làm quan nữa, được nước Lỗ cho người đem xe bò luân

đón về. Với thất thập nhi tòng tâm sở dục bất du củ, với “lòng mong muốn mà không vượt khỏi” vì thấy xe bò luân có bánh xe bọc vải dày để đi cho...êm.

Ngược về với con lộ hoạn lộ của người Không Khâu rồi rắm thế này đây với “ước lễ” tức giữ lễ để xử thế. Qua sử liệt truyện:

“...Không Tử qua nước Vệ, nàng Nam Tử vợ vua nước Vệ là người có nhan sắc quyến rũ và nổi tiếng về đường thâm đẳng có ý muốn tiếp Không Tử. Mới đầu Không Tử từ chối, sau nhận lời gặp Nam Tử. Tử Lộ thấy thế buồn bã, Không Tử an ủi học trò: “Dư sở phú giả, thiên yếm chi! Thiên yếm chi!” (sách Luận ngữ-Tử Hàn), dịch nghĩa *nếu ta làm gì không phải thì trời bỏ ta! Trời bỏ ta!...* “.

Mà trời xem nữa thì...”bỏ ta” thật. Chuyện là:

“...Ở nước Vệ, từ sự dòn dập này đến sự đòi hỏi khác càng ngày càng tăng. Nhất là niềm tin của Không Tử bị thử thách nặng nề. Không Tử bỏ sang nước Tống. Không Tử bị quan Tư Mã nước Tống là Hoàn Khôi ghen ghét nên bày mưu ám hại xém chút nữa thì...tử vong. Không Tử quay về nước Vệ, nhưng vì chuyện cũ với nàng Nam Tử, vua nước Vệ dừng dung lạnh lùng không tiếp. Trong vô vọng, chán nản có lúc Không Tử đâm ra hốt hoảng và than với Tử Lộ rằng: “Việc đòi mục nát như cỏ cây”.

Sau có người chê trách Không Tử: “Tri kỷ bất khả vi, nhi vi chi”, là *biết không nên làm mà cứ làm*”. (Luận ngữ-Hiến Văn)

Nghe thùng xong, tôi nghĩ cật lực không ra vì rằng ai biết cơm sống về nồi, hay về vung. Hoặc chẳng ai nhận mình là chính mắch thôi thì theo Tư Mã Thiên ghi lại...

Một lần, muốn học về Lễ, Khổng Tử đến yết kiến Lão Tử cũng là người nước Lỗ. Lão Tử trách Khổng Tử:

“...Người quân tử gặp thời thì đi xe, không gặp thời thì đội nón lá mà đi chân. Ta nghe người buôn bán giỏi, khéo dấu của, coi như không có gì. Người quân tử có đức tính tốt, coi diện mạo như người ngu dại. Ông nên bỏ cái tính kiêu căng, cái lòng ham muốn cái sắc dục và dâm chí ấy của ông đi, vì không ích gì cho thân ông cả. Khổng Tử sau khi nghe vậy, về bảo các đệ tử: ”Chim thì ta biết nó bay được, cá thì biết nó lội được, giống thú thì biết nó chạy được. Chạy, bay, lội, ta có thể giăng lưới mà bắt, đến con rồng thì ta không biết nó cưỡi gió, cưỡi mây bay lên trời lúc nào. Hôm nay ta thấy Lão Tử như con rồng vậy...”. (chữ Hán: Ngô kim nhật kiến Lão Tử, kỳ do long gia).

Qua *Sử ký* của Tư Mã Thiên với chuyện Lão Tử eo sèo người Khổng Khâu nghe chối tai làm sao ấy. Nhưng khi tôi to hó ra với câu: *ông nên bỏ cái tính kiêu căng...* có thể Lão Tử nghe câu nói đầy tự mãn: *nếu ai dùng ta một năm thì sẽ khá, ba năm sau sẽ thành* khi ở nước Tần, nước Trần. Hay khi Lão Tử đọc được sách Luận ngữ phần do Tử Cống viết về người Khổng Khâu: *không có điều gì Phu tử không*

học, nhưng Ngài nhất định không học một thầy nào. Và đầu chỏ xuống cuống trở lên ở câu: ông hãy bỏ cái lòng ham muốn cái sắc dục và dâm chí ấy của ông đi... vì thiên hạ sự chê trách người Không Khâu qua Hiến Văn ghi lại là: biết không nên làm mà cứ làm.

Trong cõi mù mịt, tôi tản mạn với Không Tử chi đề rằng tôi “san định” vậy chả hiểu có hợp tôn ý chăng? Không tử chi đề nhứ mày liu riu: “Vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã”. Khỉ ẹ! Gì mà một đồng “vô minh”, “vô ngôn”, “vô thường”, “vô ngã”... vô có thể này? Bèn thâm cứu Tứ thư Ngũ kinh mới u u minh minh là muốn xét người khác có bốn điều nên tránh. Vô minh: *Xét việc gì không theo ý riêng của mình.* Vô tất: *Không quả quyết điều gì cho là tất đúng.* Vô cố: *Không cố chấp.* Vô ngã: *Quên cái tôi của mình đi.*

Bị Không tử chi đề... "sửa lưng", tôi như Từ Hải chết đứng nên đành ngậm hột thị. Lại nữa, dòm mặt Không tử chi đề tấp lự như có chuyện gì muốn thố lộ nhưng chưa muốn nói ra thì phải?

Nhưng ấy là chuyện sau khi tôi gặp lại cố nhân.

Thế nên tôi đành im như thóc ngậm, vì vậy những chuyện tang thương ngẫu lục sau đây tôi không dám mang vào chuyện để Không tử chi đề... sửa lưng nữa thì đổ nợ:

“...Lỗ hầu nhân lúc nhàn rỗi làm lễ *Tế giao* để yền âm, không phân chia thịt cho các quan, trong đó

có Khổng Tử. Giận quá, Khổng Tử bỏ sang nước Vệ. Việc này làm nhiều người thắc mắc đến hỏi rằng: “Ngài là bậc thánh nhân mẫu nghi thiên hạ, có sao lại vì...miếng thịt mà bỏ việc nước”. Không thấy Khổng Tử trả lời. Sau Mạnh Tử giảng bày ở sách *Trung dung*, trong *chương Cáo tử*: “Vua không mấy may thiết gì đến lễ nghĩa của bậc phụ mẫu chi dân thì chẳng bỏ đi sao đặng. Ngài là người tôn quân, nên bỏ đi vì để không lộ cái điều dở của vua. Chứ không phải vì...miếng thịt”.

Hơ! Với người Khổng Khâu ngoài một lần mục sở thị ngồi ăn bên cạnh thẳng say, thì ăn không...no. Sau *Thuật nhi Luận ngữ* có chép: “Tử thực ư hữu tang giả chi trắc, vị thường bảo giả. Tử y thị nhật, khốc tắc bất ca”, chót chét là *Phu tử ăn bên cạnh người có tang thì ăn không...no. Ngày nào đi phúng điếu, về nhà suốt ngày không ca hát* (Luận ngữ - Công dã tràng). Chữ nghĩa cũng bằng thừa, cứ theo tôi nhắm chừng thì người chỉ nghĩ chuyện ăn không no thì...đói. Dễ hiểu vậy thôi. Vậy mà vẫn chưa xong với chuyện ăn của người Khổng Khâu, Thuật nhi Luận ngữ viết thêm: “Tử tại Tề, văn thiếu tam nguyệt bất tri nhục vị. Viết: bất đồ vị nhạc chi chí ư tư giả”, nhai ra chữ là *Phu tử ở nước Tề, học nhạc thiếu ba tháng, ăn thiếu mùi...thịt*. Sau đây, người Khổng Khâu nói rằng: Không ngờ học nhạc vui thế. Vui đâu không hay, tôi cứ râm rần ai biết đó là đâu phải chẳng người chỉ thích ca hát và ăn uống. Ất hẳn là...mòm rọng chẳng?

Nói cho ngay, tôi chỉ dòm chừng thấy con đường hoạn lộ của người Khổng Khâu thênh thang rộng mở. Như khi rời nhà có học trò Nam Cung Quát giúp đỡ nên có nguyên một cỗ xe song mã đi...du học. Đi cầu quan các nước đều có Mạnh Tử người đất Châu có tài hùng biện ở bên cạnh. Mạnh Tử dùng miệng lưỡi Tô Tần biện giải khi người Khổng Khâu bị nạn. Ngay khi xuýt bị đánh ở dưới đây chỉ vì có tướng ngũ lộ, mắt lồi, lỗ mũi rộng...và hở răng. Lúc về hưu, có xe bò luân bọc vải đưa về. Về nhà có Tử Lộ người nước Vệ lo cơm nước hầu hạ. Tử Lộ mà Lão Tử nhắc tới là người buôn bán giỏi, khéo dấu của, coi như không có của cải gì. Tử Lộ phụ giúp người Khổng Khâu trong việc lễ tế, một lần Tử Lộ muốn bỏ lễ *Cốc sóc* vì tốn kém cho dân. Người Khổng Khâu dậy nên giữ lễ ấy vì dân sẽ cúng cho một con dê để...làm thịt.

Chuyện người Khổng Khâu bị hành hung vì dị tướng có “liên hệ” đến chuyện đàn ca, hát hồng. Sách Luận ngữ với Tử Hãn thuật lại nguyên văn:

“...Ngài và Tử Lộ từ nước Vệ qua nước Trần. Nhưng dọc đường khi đến địa giới nước Khuông, quan dân ở đây nhìn tướng tá Ngài nhận lầm Ngài là một tên tàn bạo bất nhân tên Dương Hồ nên tính đem Ngài ra đánh. Tử Lộ đứng ra chống cự. Ngài can ngăn và bảo Tử Lộ đem đàn ra gảy, hát và Ngài ung dung họa theo. Nghe thấy tiếng đàn câu hát của

hai thầy trò, quan dân người nước Khuông tha cho đi...”.

Hơ! Nghe như chuyện phong thần ấy, thêm chuyện ghi trong Tứ thư Ngũ kinh:

“...Khi có mang Khổng Nhi, Nhan thị nằm mơ thấy con kỳ lân xuất hiện trước cửa nhà, miệng ngâm tờ ngọc thơ đề là “Thủy tinh chi tử, kế suy Chu vị tổ vương”, nghĩa *nhà Chu đã suy, Khổng Tử sẽ lên...ngôi vua*. Đền tuổi lập thân, con kỳ lân trở lại trong giấc mơ, Khổng Tử vẫn chưa làm vua, cùng lúc ấy trong phòng Nhan thị có tiếng nhạc trời lên cùng tiếng nói: “Thiên cảm tính thánh tử”, hiểu là *trời cho con bà làm...thánh*”.

Vẫn chưa xong, đến khi người Khổng Khâu gần chết, con kỳ lân lại hiện ra, nhưng lại bị...què chân trái. Sách *Xuân thu* viết:

“...Khổng Tử đến xem hư thực, trông thấy kỳ lân hoảng hốt kêu lên: “Kỳ lân làm gì thế” và bùng mặt khóc thảm thiết. Con kỳ lân lại bỏ đi...” (Hai năm sau Khổng Tử mất).

Ngoài những huyền thoại thần bí, người Tàu đã phóng đại Vạn thế sư biểu của họ như một nhân vật cao cả và sùng thượng, chiêm bái như một nhân vật siêu phàm, như một thánh sông. Thêm những chuyện kể qua Tứ Thư Ngũ Kinh do môn đồ người Khổng Khâu gom góp lại những dịp thầy trò nói chuyện với nhau. Như cho đến mãi cuối đời: “Năm Ngài được 68 tuổi, ngoài việc chăm sóc học trò,

Ngài san định Lễ ký, Nhạc ký, Kinh thi, Kinh thư và phê bình Kinh dịch. Ngài soạn đề bày tỏ cái đạo của Ngài”.

Trong *cái đạo của Ngài* hầu hết là những truyện hay giai thoại do môn đồ viết lại. Vậy mà phần *san định* trên hiệu là “hiệu đính”, người viết: “Thuật nhi bất tác, tín nhi hữu cổ”, diễn ý với ý là *không tác tác gì mà chỉ thuật lại những gì của...người xưa*.

Vấn nạn cho người sau là mắc mớ gì con kỳ lân què chân trái mà không...què chân phải? Họ quên khuấy một nhẽ là nước Tàu đâu có...con kỳ lân! Dẫu đồ bìm leo với *tri kỳ thiên, tri kỳ địa, tri kỳ nhân*...với con kỳ lân, ăn cơm mắm ngấm về sau rõ ra là:

Thân phụ người Không Khâu bỏ vợ cả lấy vợ hai sinh ra người con trai tên Mạnh Bì bị...què chân. Vì vậy thân phụ người phải lấy vợ ba sinh ra người Không Khâu để suốt đời khốn khổ...chu du thiên hạ. Chuyện người bung mắt khóc thảm thiết cho thân phận mình, bởi nhẽ Mạnh Bì...không bị què chân thì đỡ khổ biết mấy! Thì người đã không có mặt trong chôn ta bà này để có chuyện...con kỳ lân.

Đợi tôi vật lộn với con kỳ lân què chân xong, Không Tử chỉ đồ bây giờ mới...len chân vào chuyện “bác văn” tức học rộng biết nhiều rút ra từ ghi chép của môn đồ:

“...Một hôm Phu Tử hỏi Nhan Hồi:

"Như thế nào mới gọi là nhỏ?".

Nhan Hồi: "Thưa, *không nhìn thấy*".

Phu Tử: "Như thế nào mới gọi là lớn?".

Nhan Hồi: "Thưa, *không thấy bờ bên*".

Phu Tử: "Thế nào là không thấy bờ bên?".

Nhan Hồi đành trả lời: "Là không nhìn thấy!".

Phu Tử đáp: "Vậy thì nhỏ tức là...lớn".

Phu Tử tiếp: "Này Hồi! Ta sở dĩ thích nguoi, bởi nguoi là học trò học đến đâu thấy thiếu đến đó. Vì thế kiến thức không bao giờ dừng lại, cái ngu, cái xấu không có cơ hội đến gần được với nguoi..." (nguyên văn: "Tri nhi bất hạn, ngu xú bất cận"). Đó là những thang bậc từ thấp đến cao của cái ngu. Cũng là điểm "chết" (nguyên văn: tắc tử) của cái biết. Vượt qua được những cái biết ấy là một việc khó khăn nhất trong cái sự học của muôn đời. Dừng lại ở bất cứ cái biết nào cũng lập tức biến thành người ngu.

Nhan Hồi lại hỏi: "Thế nào là biến thành người ngu?".

Phu Tử bảo: "Kẻ ngu nhất trên đời là kẻ tự bằng lòng với cái biết của mình. Dẫu đã thấu hết lẽ đời thì cũng không bao giờ hiểu được lòng trời. Dẫu đã thấu được lòng trời thì cũng không bao giờ hiểu được lòng người. Dẫu đã thấu được lòng người thì cũng không bao giờ hiểu được lòng mình... Từ khi làm thầy, ta kỵ nhất loại học trò học đến đâu...giới

đến đó. Học kiểu ấy nguy như...trứng để đầu gậy vậy...”.

Hơ! Người Không Khâu rách chuyện quá thể, vì nho gia ta có câu “Dĩ học dĩ ngu”, tức càng học càng ngu! Mà theo theo ngu ý tôi thì không học thì đâu có...ngu.

Đội mãi trứng để đầu gậy không rơi xuống để mà...ăn. Bụng đói, đành phải trở về với gã nho già, với đĩa dồi chó...Bấm “Ctrl-Ngo Khong 2013”, tôi có mặt ở Hà Nội ngay tức thì. Thì bắt gặp gã đang ngồi ở quán Café Bistro bên hồ Hoàn Kiếm.

Lạ một nhẽ trước mặt gã bày sẵn trứng gà chỉ đội nhúng nước sôi để soi tái mà Tây gọi là...“à la coque”. Khác hồi này, gã mặc quần áo Tây, miệng ngậm “píp”, mắt đeo kính to đùng kiểu trí thức cổ lỗ sĩ. Mặt gã phát phơ có góc cạnh vuông vức như quyền tự điển *Hán-Việt* của cụ Đào Duy Anh. Hình tượng quyền tự điển...đeo kính mờ nhân ảnh, tôi nhầm chừng gã sinh sau để muện thua tôi ba, bốn tuổi, ý là tôi có mặt trong cõi nhân sinh này trước gã. Với trước và sau, dòm quả trứng, tôi hỏi thăm chừng:

- Con gà có trước hay quả trứng có trước, thưa Ngài.

Gã từ tốn lấy quả trứng đập vỡ lên cái đĩa nhỏ. Và hỏi:

- Ngài có thấy con gà không?

- Không!

Gã bưng đĩa lên húp một hơi. Gã lại hỏi tiếp:

- Ngài có thấy quả trứng không?

- Không!

- Không là...có. Có là...không

Xong thủ tục thiền nhập môn. Gã nhập thế tục:

- Tôi là quả trứng của...cụ cổ gà đây.

Không đợi tôi hỏi cho mất thì giờ, gã te tái gã là cháu nội cụ Không, là...*Không Tử chi đồ*, là...*Tử Tử* mà tôi vừa gặp hồi nãy. Tiếp, gã hỏi tôi ông cố nội gã sống chết sự thể ra làm sao? Thế là thiên cô chi mê tôi được thể mê muội với vi tri sinh, yên chi tử:

Người to lớn chết là...*Không Tử*.

Không ốm đau chết là...*Mạnh Tử*.

Chết ở trang trại là...*Trang Tử*.

Chết già là...*Lão Tử*.

Tôi bắt gặp lại gã với khuôn mặt tấp lự như có gì muốn thổ lộ lúc trước. Gã tháo ống công xả những nỗi niềm như thế này đây:

“...Một hôm Không Tử dậy sớm lấy tay kéo cây mọc lan mà hát lên những lời buồn thảm: “Thái Sơn kỳ đồi hồ? Lan mọc kỳ hoại hồ? Triết nhân kỳ nguy hồ?”. Thầy Tử Cống sang thăm, hỏi nguyên lý, và được Không Tử giảng giải rằng *núi Thái Sơn có lẽ đổ chẳng? Cây mọc lan có nát chẳng? Triết nhân có nguy chẳng?*, vì đêm hôm qua nằm mơ thấy mình sắp chết..”. (Bấy ngày sau, Không Tử mất).

Gã nhăn nhúm với tôi là từ ngũ thập tri thiên mệnh, ông cố nội gã thấu triệt được mệnh trời. Lục thập nhi nhĩ thuận tai nghe thuận với lẽ trời. Ấy vậy mà nay gần đất xa trời lại...sợ chết. Rồi buồn rầu, khóc lóc thảm thiết nên gã chả hiểu ra làm sao sất cả.

Ấy thế mà còn tự nhận *quân tử chính danh* mình là...“triết nhân” mới đau cái đầu. Gã thở ra chả phải chính danh định phận hay cái quan định luận. Với gã, triết gia như Socrates mới là triết gia qua tam đoạn luận với câu nói đề đời:

” Người phải chết, Socrates là người, Socrates phải chết”.

Gã thở ra như bò thở vì triết Đông, triết Tây cũng chả bằng triết lý củ khoai của Ta vì...hay hết biết. Vì nó đơn sơ như củ khoai, rẻ tiền, mộc mạc, và dễ tìm thấy như củ khoai trong đời thường này. Triết lý đó được đơm đó gọt trong một câu ngắn ngủi: “Nếu chỉ có một củ khoai thôi, thì hãy nướng nó cho thật thơm mà ăn”. Cầm quả trứng gà, gã lâu bầu là nào có khác gì...củ khoai. Tiếp, gã rì mọ rằng bao nhiêu chuyện trên trời dưới đất của triết nhân, triết thuyết gã đều hay biết. Ngay cả Nietzsche từng cục ta cục tác: “Con gà mà trứng nhiều thì trứng sẽ nhỏ đi”. Vậy mà gã không biết chuyện gà đẻ ra trứng, hay trứng đẻ ra gà.

Gã cầm cái tấm chọc thủng vỏ trứng một lỗ bằng đầu tăm, ngựa cổ, mím môi mút và nuốt cái

tốt. Thế là bao nhiêu Khổng Tử, Lão Tử, Trang Tử ngay cả Mạnh Tử đều được gã tống táng vào bụng tuốt tuốt...Rồi gã âm âm về cái sự biết thì chả cần nhiều chữ như ông cố nội gã, với Socrates chỉ một câu ngắn gọn:

“Tôi chỉ biết một điều là tôi không biết gì cả”.

Chợt thiên cổ chi mê tôi bật ra cái sự nghi bất hoặc. Bèn hỏi:

- Vậy chứ Ngài có...hay Ngài là cháu của Khổng Tử?

Lôi cái “píp” ra khỏi mồm, lấy khăn lau lau, gã lẩm bẩm:

- Hay...hết biết!

Dòm chừng bộ Tứ thư Ngũ kinh, mắt tôi tròn dẫu hỏi:

- Vậy là Ngài...biết Khổng Tử?

Nhét cái “píp” vào túi sách có cái “I-Pad 7X”, gã lẩm bẩm:

- Biết...chết liền!

Thạch trúc gia trang

Xuân phân, Quý Tỵ niên 2013

Nguyên: Phạm Lưu Vũ, Trịnh Văn Thanh,
Tràm Cà Mau, Trần Ngọc Tự.

Chuồn chuồn đi đón cơn mưa

Ông tặc lưới bép một cái về thằng bạn mới quen...

Thằng này hay chữ quá lắm nên có chút danh phận nơi chốn làng văn xóm chữ ở trong nước. Trong khi ông mới chỉ rì mọ viết chữ như cái nghiệp dư ở cái đất tạm dung này. Ấy vậy mà vật lộn với chữ nghĩa vào cái tuổi bóng ngả đường chiều bấy lâu, ông cũng có dăm bài viết theo mạng lưới bay về tới tận Hà Nội và được nó điểm nhãn. Thế là hai thằng áo thụng vái nhau, trước là bạn chữ nghĩa, sau là bạn hồ trường. Qua điện thư, nó “lỳ một lam” thì ông...*làm một ly*. Nhậu văn chương hàm thụ ở quán nhậu đâu đó được vài niên bỗng khi không nó...tuyệt tình cốc. Tạm hiểu là khi không nó bốc hơi theo bia bọt bay vào...hư không.

Lúc này đang có mặt ở Hà Nội, ông chắc hẳn chạy trời không khỏi nắng là nên tìm cách gặp nó cho phải đạo cái vạ văn chương, sau là...kỳ phùng thiên bôi thiếu cho...nhân sinh quý thích chí. Gần trưa mò ra ngoại ô đi tìm cơ ngơi của nó là “Quán thịt rừng”. Nơi ông vẫn thường lê la với nó qua điện thư. Từ chiếc “xe con” sắm soi cái bảng hiệu có hàng chữ: *Đặc sản lợn rừng Trám*. Ông nhắm chừng còn sớm chán, gặp nó rồi hãy tính. Ấy là chưa kể trời đang nhuốm một màu tím mù như sắp có mưa. Ông nhủ thầm khi về, nếu mưa thì làm cách nào từ cái hành lang lợp rơm của quán kia mà băng qua cái sân sỏi để ra tới đường.

Vừa thò đầu vào cửa ông bắt gặp anh phục vụ đứng đợi, miệng lúng búng: “Dà, trời sắp mưa”. Thoáng một cái, ghim vào đầu ông: Một là anh phục vụ này có khuôn mặt rất Nam kỳ sáng nắng chiều mưa. Hai là có cái ô màu đen cuộn lại dựng cạnh tường, hiểu theo nghĩa là không mưa thì nắng. Nhưng ông cho là đất trời đang lúng nhùng, vậy thôi. Ông quay qua anh phục vụ gọi tách cà phê và loáy nhoáy một đôi chút về ông, đồng thời ngỏ ý muốn gặp thẳng bạn chữ nghĩa vẫn ngồi đồng ở đây. Ông nhón nha bước tới cái bàn ngay cửa sổ cuối quán xá. Nhìn ra ngoài, va vào mắt ông là cái ao mà lúc này khi vào ông không thấy.

Ngồi không, ông thù người ra đắm chìm với một mảng dĩ vãng nhấp nhô...Quê nhà thấp thoáng

qua tre trúc, ruộng đồng, mảnh vườn, khói bếp ngồn ngồn trên mái rạ. Ông lần ngẩn từ chuyện phơi rốn để chuồn chuồn cắn rốn là... biết bơi. Sau ông biết bơi...chớ thật, thế mới hay. Thế là từ đây, ông bì bọp tắm ao làng...Ao rộng lắm, nước trong veo, mặt nước dập dềnh bèo tây, bèo ta, rau ngót, rau muống. Cứ theo ông bà kể lại thì ban ngày là nơi tắm tấp, kín nước về ăn, đêm hôm là nơi trai gái tình tự...Cận tết, cũng bờ ao ấy, dân làng đựng thịt, xẻ lợn bên cái cầu ao.

Vẫn vợ chán ông lần mò cái túi xách lôi ra quyển *Góp nhặt cát bụi* của thiền sư Shaseki-shuu để lên bàn cho ra dáng có...cơ sở văn hóa. Số là hồi này ở trong nước đổi mới tư duy với cao trào mang công án Thiền vào quán nhậu. Vì cần thuyết phục nhau thì dùng công án Thiền dễ hiểu hơn nhiều. Như "Lấy đũa quơ trăng", "Thiền sư qua sông", "Quảng dao giết lợn xuống là thành Phật" cùng "vô minh", "vô ngôn", "vô thường", "vô ngã", "vô sở đắc", "vô sở trụ" rất rõ ràng, sáng tỏ. Như hỏi một nhà văn rằng vì sao anh ta cứ mài óc ra mà viết bài cho báo lá cải. Đáp: *Phật cũng chỉ là que củt khô thôi mà!* Hỏi tiếp: *Sao Phật lại là que củt khô?* Đáp: *Anh không biết công án Thiền à?* Thế là người hỏi cứng họng. Trao đổi với một nhà phê bình văn học khác: *Bài viết này của anh nội dung chả nói được điều gì.* Đáp: *Nói được cũng bị ba mươi hèo, không nói được cũng bị ba mươi hèo thôi ông ạ.* Bèn hỏi tiếp: *Ba*

mươi hèo ở đâu ra thế? Đáp: Thế là ông không đọc công án Thiền rồi!". Là xong tuốt.

Nhưng vợ vẫn chưa đọc vội, quét mắt ra ngoài ao bắt chọt bắt gắp mấy con chuồn chuồn bay là trên mặt nước. Ông lây lất với giấc hương quan luống lẩn mơ canh dài qua cái tuổi ấu thời ẩn hiện đâu đây...Thảng như nếu trời không mưa để tổng ngồng tắm truồng, thì ông chạy chân đất đuổi bắt chuồn chuồn ngoài vườn. Gặp chú chuồn chuồn kim đỏ như trái ớt chúi đầu trên cụm hoa mười giờ, ông bèn râm rân *chuồn chuồn có cánh thì bay, có thằng kẻ trộm bắt mày đi tu...* Chẳng khó khăn mấy, chú bị ông rình rình nhón gọn cái đuôi. Nếu nhúm được chú chuồn chuồn ngô hay chuồn chuồn voi, ông nhét vào đít nó khúc que nhang ngấn cữn cho chúng đi...tu luôn. Tiếp, ông hoài đồng vọng tới câu ca dao *chuồn chuồn bay thấp thời mưa, bay cao thời nắng, bay vừa thời râm*. Cứ theo như các cụ ta xưa nói cấm sai bao giờ ấy là chuồn chuồn đi đón cơn mưa đấy thôi, sẽ có mưa ngay ấy mà. Hoặc giả như trời âm âm, thế nào cũng giội giời, ắt hẳn là mưa tầm tã ngày này qua ngày khác, buồn thui trời thối đất là thế đấy.

Khi không ông ngần ngần đâm ra...buồn. Trong đom đóm ngoài bó đuốc chẳng qua là đã từ thờ mây chiều gió sớm nào rồi, ông buồn bơ vơ đến chóng chênh. Mưa là buồn, gió cũng buồn. Nắng sáng buồn, nắng chiều càng buồn hơn. Một khuôn mặt,

một mái tóc lướt qua hao hao giống người vợ khuất núi đều gợi nỗi buồn nháo nhác nơi ông. Và ông cảm mặt xuống trang sách tụng thiên cho đỡ...buồn. Ông tìm trang luận về niềm vui, nỗi nhớ theo nhà Phật với thường và vô thường. Lớn tuổi nên mỗi mắt, chợt nhớ tới nắng và mưa vừa nhập hồn, nhập vía vào ông, ông lênh đênh với mấy con chuồn chuồn đang giang cánh. Ông ghéch mắt ra ngoài ngập nắng gió, khô hanh, khói bụi và giòng đời đang qua qua lại lại ào ạt bên đường...

Cùng đường sá và khói bụi cũng chẳng có niềm vui nào...vui hơn, ông cúi xuống đọc chương vô ngã...Một lúc sau, mây đen kéo đến ì ào, cây cối liêu xiêu. Đang eo sèo với đất trời, chợt có tiếng kẻo kẹt của cánh cửa, ông đảo mắt như rang lạc hướng về cuối quán. Từ cái cửa trong nhà bước ra là một thiếu phụ có dáng dấp hanh hao...*nửa đàn bà, nửa con gái*. Ừ thì cứ tạm gọi là cô đi cho đỡ u mê, u ám. Cô đang nhỏ to với anh phục vụ đứng cạnh quầy ra về chủ quán lắm. Cô hóng mắt về phía ông, mấp máy môi, có lẽ định chào một câu xã giao, bỗng thoáng chút bối rối. Rồi lại quay sang trò chuyện tiếp với anh phục vụ, làm như chẳng có chuyện gì đang vằng vặc đâu đây.

Ông cũng làm như chẳng có chuyện gì bằng cách moi trong cái túi xách ra quyển *Ngày tháng ngao du* của Bùi Giáng đã đánh dấu sẵn trang 81 và

tính độc... Vừa lúc cúi xuống, mắt ông vướng víu với đôi chân thon dài đang thong thả bước về phía ông. Cô gọn gàng trong chiếc váy ngắn màu hạt dẻ để lộ đôi chân thon mảnh đang thả xuôi theo những bước đi. Tha nhân cho rằng, cũng là cục thịt dư thừa nhô ra của đàn bà, con gái được đàn ông, con trai xanh xao thao thiết nhất chẳng tha ma mộ địa là bộ ngực thây lầy mà là...cái mông. Riêng ông, dính liền với cái mông là đôi chân ẩn tàng một nơi chốn hỗn mang. Một người đẹp phải có đôi chân có hồn, có phách đan vào nhau qua những bước đi có âm hưởng. Những bước chân có âm điệu, cấu thành một hợp âm với trường thì phải như thế, thứ thì phải như thế. Và...cái chân đi guốc đang “cốp, cốp” bước thành thoi vào đầu ông.

Để tránh cái hệ lụy với những bước chân tha hóa, đen tối đang len lõi chui vào đầu. Ông tăng lờ bằng cách cắm cúi vật lộn với đoạn văn của Bùi Giáng cũng chẳng sáng sủa gì hơn:

“...Bay lơ lửng loanh quanh, ấy là con chuồn chuồn. Bay mà cũng như không bay, ấy là con chuồn chuồn. Khiến người ta nhớ nhung mà chẳng rõ nhớ nhung cái gì, ấy là con chuồn chuồn. Hiện diện gần gũi mà xa vắng như trong lớp mù sương, ấy là con chuồn chuồn. Vô khả vô bất khả, ấy là con chuồn chuồn. Mang vô lượng A tăng tì kiếp về trong mỗi sát na, ấy là con chuồn chuồn. Có tức là không, không tức là có, có tức là...có-chẳng-có, không tức là...không-chẳng-không, ấy là con chuồn chuồn...”.

Bất giác ngược mắt lên khoảng không, trời hom hom, mây đùn lên ngang ngang một màu xám chì tẻ ngắt, đất trời trùng hắt xuống, gió thổi mây xoắn tít. Mưa bắt đầu xập xoài, mưa chớp nhùng nhằng. Mưa lộp bộp lên lá chuối tươi tớp. Những hạt mưa rơi bung lên những chiếc bong bóng vừa hình thành đã vỡ tan trên mặt ao, mặt đường, một số dạt sang hai bên cuốn trôi theo dòng nước. Bụng dạ ông cũng xoắn xuyết những nỗi lênh bênh như đang bơi trong một ngày trống vắng.

Bong bóng mưa khiến ông nghĩ đến đời người, đến số phận, đến những mong manh, những tạm thời. Mưa cứ giăng màn màn khiến ông tong tả với bao năm rồi, nhiều lần, trong giấc mơ ông gặp một người đàn bà không rõ nét. Lần nào người đàn bà ấy cũng nhìn ông làm như có chuyện gì muốn nói rồi tan biến vào bóng đêm. Và ông cứ chờ đợi người đàn bà ấy, và chờ đợi một cái gì đó nhưng chỉ thấy hẫng hụt. Mà nếu có, chỉ là cảm giác tò he tẻ nhạt, cảm giác bong bóng không sắc, không vị, không mùi như đang ở ngoài kia. Nó hiện diện gần gũi mà xa vắng, khiến ông nhớ rang nhớ rức mà chẳng biết nhớ nhưng gì !

Cô đến gần ông hơn, ngấm mưa hong hanh, nhuôm nhuôm vậy đấy, nhưng mắt ông từ chân bò từ từ lên và đậu lên người cô. Và ông nhận ra ngay: Ngoài cô...có dáng dấp nửa đàn bà, nửa con gái thì chẳng có gì rõ nét, như đẹp hoặc xấu, trắng hay đen. Mà trái lại chính vì chẳng có những nét gì rõ nét,

như những cái bong bóng không sắc không vị, không mùi. Khiến ông hình tượng đến con tò he vô hình, vô tướng đi cạnh bờ ao, vào lúc trời mưa và dưới ao phập phồng những chiếc bong bóng.

Gần hơn nữa, bây giờ ông mới dòm thấy đôi mắt lúng liếng. Cô...có dáng dấp nửa đàn bà nửa con gái đến cạnh bàn, miệng như nở hoa, lắc lắc cái đầu hỏi:

- Xin lỗi, ông anh đây là...

- Là bạn Truyền, thưa...

- Bạn anh Truyền thì ông anh vừa cho chồng em hay rồi. Em muốn hỏi tên cơ?

- Tôi là Ngộ Không...Phí...

Bất thành linh cô gào toáng lên:

- Ôi giờ ơi ! Anh...Không ngộ hử?

Và cười hoén:

- Anh Truyền có đưa mấy bài viết của anh cho em đọc. Gớm chữa! Bây giờ mới thấy mặt!

Thế là cô kéo ghế ngồi xuống ngay trước mặt ông. Cô đúng là mẫn chuyện, tiếp đến là tâm tư, tâm thái được tháo ổng cổng xả ra từ đầu môi chót lưỡi. Cô dịu dịu môi. Cô ngúc ngắc đầu, tóc phất phơ bay. Cô nói bằng mắt, khóe mắt lúng liếng chung chiêng. Cái cười thia lia trên mặt ao vì có làn sóng lao xao như cá đầu đớp động dưới chân bèo như hợp hồn ông. Còn chuyện của ông cũng chỉ băng quơ xa gần. Xa với quê hương thứ hai của ông, ngã tư nào cũng có đèn xanh đèn đỏ, có cây xăng, có nhà thờ. Gần hơn nữa với thằng bạn ông là khách hàng của cô. Cô

thao tác rằng cô chịu đền ông ở cái khoản nhìn rõ ra mảnh đời thăng thăng bạn ăn bờ ở bụi tại quán cô bình dị đến bình thản. Bình bình cho đến lúc tay bắt chuồn chuồn chẳng có cuộc tình nào ra hồn để vắt vai. Cô chế hoe trắng phớt:

- Nồi nhà cả đây, anh giai.

Và có thể vì vậy cô và ông gần gũi hơn. Nhưng nhì nhằng được dăm câu nào có ra chuyện, vì vậy cả hai hóng ra ngoài trời và cũng không ngoài chuyện đi nắng về mưa. Rõ ra là mưa bóng mây, mưa đầy tạnh ngay đấy, bầu trời thoát đổi thành màu hoa mướp, hoa bí mệnh mang. Chuồn chuồn vỗ tổ đồ ra. Ông ngược mặt lên khoảng không bắt gặp mấy cặp chuồn chuồn đang..."cõng" nhau, bầu đuôi nhau mà... mà...

Vừa lúc anh phục vụ kiêm chồng cô mang cà phê ra. Mặt bẻ ra như bánh xe bị xếp lớp và chèn ngang một câu: "Dà, trời hết mưa" với giọng Nam kỳ giá sống nhuộm Bắc kỳ rau muống rồi lững thững quay vào. Bắt gặp mắt ông tròn dẫu hỏi, vừa điều chỉnh cái phin cà phê nhỏ giọt chậm lại, cô vừa com com:

- Con cháu tập kết đấy. Nhưng cùn lắm ông anh.

Mặt cô hăm hăm, miệng cô lừ rừ:

- Đúng là cái nợ đồng lần, em nói điều, ông anh cứ vả vào mặt em.

Đầu óc bời bời rồi nên không để ý đến câu nói ấy. Trong cái đầu củ chuối của ông cứ bị ám ảnh với

chuồn chuồn đi đón cơn mưa vừa rồi, ông lẩm bẩm với cô:

- Lần đầu tiên tôi thấy chuồn chuồn đi đón cơn mưa nhiều đến như vậy.

- Giống như lễ hội. Bình thường thôi.

Được thể ông bày vẽ chữ nghĩa:

- Lễ hội là giao hòa, giữa trời và đất, giữa cỏ cây và muôn loài, giữa người và người, giữa nam và nữ. Ông bà mình vẫn thường nói ngày xưa trai gái đi xem lễ hội, tuồng chèo là để chim chuột nhau, sò soạng nhau đó thôi.

Đôi mắt lúng liếng lườm ông:

- Ông anh ăn nói hay nhỉ! Chỉ ngoéo chuyện ấy cho bằng được. Chuyện không bình thường đấy!

Miệng ông tắt ứ, mắt ông ve ve ra ngoài song cửa, chuồn chuồn vỗ tổ ở đâu ra bay khắp mặt ao. Chúng bay lượn, nhào lên, lộn xuống, con đực, con cái cong mình nối đuôi nhau giao hoan nhau trên không trung, có đôi là là sát xuống mặt nước. Xong, chúng rời nhau, con này bay...đứng một chỗ, con kia đậu ở cái cột hàng rào. Bỗng khi không câu nói của cô “Nòi nhà cả đây, anh giai” về thẳng bạn mới quen chui vào đầu ông ngộ ngộ. Bèn hỏi cho ra nhẽ. Cô trả lời tỉnh queo: “Bạn tình của em đây”.

Ông chưa kịp há hốc mồm ra hỏi tiếp thì cô khùng khinh: “Vào Nam lấy vợ rồi”. Rồi cô nhong nhong mắt theo mấy con chuồn chuồn... Đột nhiên quay lại ngầy ngật với ông:

- Em không phải là con chuồn chuồn, xong chuyện là đậu cọc rào mà ngủ, em cần một cái tổ hảnh hoi.

Hơ! Nghe lổm bổm chưa kịp hiểu gì, cô đã ngoặt ngoẹo:

- Ba ngày nữa là ngày em đóng cửa hàng, buổi chiều anh lại đây em làm bún chả Hà Nội anh xoi. Em nói chồng em lánh mặt để hỏi anh một chuyện...

Giời ạ! Cái đầu ông cứ rối tinh rối mù lên...

Về khách sạn, ông cùm nùm cùm nùm chẳng hiểu chuyện gì thế này hả giờ? Dám cô mắng vốn ông chuyện...chim chuột nhau, sờ soạng nhau ở chốn tôn nghiêm lắm ạ. Hay cô muốn hỏi ông chuyện chuồn chuồn khi vui thì đậu, khi buồn thì bay! Mà nó bay về nơi nao, ông nào biết gì về thằng bạn ông hơn cô. Còn anh chồng Nam bộ...hiện thực của cô rồi ra sẽ đi về đâu? Bao nhiêu chuyện cứ rối rít trong đầu, nhưng mồm miệng ông cứ nhón nhén với tại sao không là thịt lợn rừng mà là...bún chả Hà Nội thì chạy trời không khỏi nắng, mà...trời không nắng trốn làm gì.

Thế là ông đến. Tới nơi đã thấy cô ngồi đợi ở cái bàn hôm nào bên cạnh cửa sổ, với tách cà phê đợi sẵn. Vừa ngồi xuống trước mặt cô, ngoài kia gió liu liu lạnh...Ông cứ óc ách với cô mặc cái áo phong phanh, tiết kiệm vài vóc đến như vậy nhờ trúng gió thì...thì vừa lúc cô nhào người lấy cái

phích chế nước nóng vào cái phin. Mảng áo ngực có hơi thanh thoai, trễ nải, có hơi thoáng đàng, mát mẻ. Mắt ông quán chiếu vào nghiệp chướng sở cuồng và va vào mặt ông là hai, ba cái nốt ruồi son lẫn khuất giữa khe rãnh trắng như rau cần trông cứ rối cả mắt.

Đời ông nhấp ngum cà phê, cô vào chuyện là cô muốn...ly dị chồng. Tao đoạn này ông cũng đành lờ đờ như gà ban hôm thôi. Chuyện là cứ theo cô kể lẽ thì cô gặp anh ta từ cái tuổi mới lớn, yêu rồi lấy. Lấy rồi thấy chả làm sao cả nên chuyện vợ chồng đâm ra...chả ra làm sao. Cứ như bị giới đầy vậy! Lúc này đây hai vợ chồng cô ly thân, mỗi người một phòng với hồn ai nấy giữ. Chuyện râm ran giữa cô và ông chỉ có thể. Thế nhưng ông thấy lạ. Lạ chẳng phải là chuyện của cô mà chuyện người tình cũ một thời một thuở của ông và cô là “âm bản” của nhau. Số là ông có người tình cũng cùng tên với cô: Chỉ khác thay vì rước anh người Nam thì nhờ anh người Trung mang về, và...về rồi lúng túng với nhau như gà mắc tóc. Rồi cả hai, hiểu theo nghĩa là cô và người tình cũ của ông, cả hai mảnh đời cứ nhạt nhẽo dần theo nửa đêm về sáng cùng chuyện đàn ông với đàn bà như canh bí chiều đông.

Bỗng có một cơn gió thốc vào quán xá, cánh cửa quán he hé mở ra...Ông muốn hé mở với cô *chuyện trâu ta ăn cỏ đồng ta, đồng ta hết cỏ ăn ra đồng người...* của chính ông. Theo cơn gió lùa, theo cánh cửa đóng đưa, ông đẩy đưa với cô về người

tình cũ với trước là...bạn văn, sau là...bạn tình. Những chuyện từ lâu ông nhốt vào cũi ký ức như chó hóc xương, nay ông nhăm nháp từng mẩu một với cô là qua một bài viết rồi quen nhau. Người tình chữ nghĩa đã có chồng, rất nhạy cảm trước mọi hoàn cảnh và mơ mộng trong tình yêu đã âm ỉ với ông: “Có khi chung thủy chỉ là một cố gắng tuyệt vọng”. Người tình chữ nghĩa là một người đàn bà có tâm hồn và biết...ngoại tình nên xoay xỏa với ông: “Ngoại tình là yêu một lần nữa mà không cần phải cố gắng“. Rồi ậm ừ: “Nếu gian díu với đàn ông có vợ là tội lỗi thì đó là một thứ tội lỗi đầy quyến rũ”. Sau vài năm mặn nồng, vào một ngày không mưa thì nắng, cũng không cần cố gắng lắm, người tình bỏ đi, để ông nhòm ngoang trong hoang lạnh qua mấy mùa thu chết cho đến lúc này đây ông gặp cô nơi quán vắng bên đường.

Chiều về trống vắng đến rỗng rênh, ông đắm đắm nhìn vào mắt cô và ông có lần dẫn về ông hay cô cũng vậy thôi: Ngày ấy ông cũng bằng tuổi cô bây giờ, nếu không níu kéo ngày trời tháng Bụt sao cho ngắn lại, thời gian được thể trôi nhanh theo. Ngày tháng cứ trôi đi, trôi đi mãi tới một nơi... vô sở đắc, vô sở trụ. Cô hay ông cứ đi, đi mãi mà chẳng biết mình đi đâu! Tìm gì giữa dòng đời xôn xao xuôi ngược trong buổi tan tầm hay trong phiên chợ chiều? Tìm hoài chỉ thấy lạc lõng ngay giữa lòng phố thị nhộn nhịp ngựa xe như mắc cửi. Cô hay ông như con ruồi sa lưới nhện, giẫy giụa mãi chỉ rồi rằm

thêm. Thế nên lăn tăn làm gì cho mệt, phải đền đủ chứ, nếu không có mà toi. Chứ nếu cô có quay quắt với quăng đời còn lại với đường ai nấy đi, cô đi lại lối mòn xưa cũ rồi tậm tịt cả đời. Gặp lúc mây chiều gió sớm, cô hãy tìm cho mình một lối riêng, rất riêng, ngay trong cái chung. Tưởng lặng mà động, ấy là thiên quán. Dựa vào cửa thiên môn, ông ới Bùi Giáng ra dẫn chứng: “Có tức là...có-chẳng-có, không tức là...không-chẳng-không: Ấy là con chuồn chuồn”.

Hay nói khác đi chan tương đồ mè với không-chẳng-không và có-chẳng-có. Vừa động vừa tĩnh. Ấy là...ngoại tình.

Ông mở, đóng thêm ngoại tình là cái thú đau thương, nhức nhối và ngứa ngáy nào có khác gì bệnh...giời bò. Nghe thoáng đặng một hồi xong, cô cảm cảnh trong một trời hoang vắng:

- Lạy Chúa tôi! Mà em đâu có ai.

Ông đưa cô vào hạ:

- Trước sau gì cũng gặp.

Ông kể lể với cô những giấc mơ của ông về một người đàn bà, thanh thoát có mặt với ông vào những khi nửa đêm về sáng với một sớm hai sương. Ngồi lá vòng chồng mộng lá trúc, cô mơ thăm chuông sâu với ông rằng cô cũng vậy, đã bao đêm rồi, nhiều lần, trong giấc mơ cô gặp một người đàn ông đến rồi đi. Hoang vắng giữa chiều hôm, chồm qua bàn một chút, ông chăm chút nắm tay cô. Ấp ủ

trong bàn tay, ông rừ rì: Vậy thì đừng chùn chân không muốn bước, vẫn phải tiếp tục đi nữa, đi cho đến khi hóa thân thành cát bụi. Tay ông ve vuốt tay cô. Ông bắt gặp mắt cô mở to, mặt cô ngờ ngàng. Ông tiếp tục với nỗi trần trở khôn nguôi của cô nhỏ bé và hữu hạn, trong khi tình yêu lại quá mệnh mang, vô hạn. Ông quấy quả với cô hãy để hồn đi hoang về một nơi chốn chỉ có...cái giường. Nếu ông nhớ không lầm một nhà văn Tây phương nào đó đã cho rằng: *Cái giường không phải để ngủ. Mà là để nói chuyện. Vì ở trên giường, người ta dễ thành thật với nhau nhất.* Hai bàn tay vẫn đan vào nhau. Ông cảm nhận trong cô có những xao lòng, yếu đuối, những nao núng, hoang mang.

Nói xong, ông thấy mặt cô ngờ ngàng, mắt cô đang mở to...

Cô đứng dậy cáo lỗi vào nhà có chút chuyện. Chiều, quán đóng cửa không có khách, ông đang thu mình mong đợi một cơn mưa bất chợt để được nghe tiếng mưa rơi tí tách như hôm nào. Đúng lúc có tiếng nhạc từ trong quán vọng ra, hóa ra cô mở nhạc:

Bao nhiêu năm rồi còn mãi ra đi
Đi đâu loanh quanh cho đời mỗi mết
Trên hai vai ta đôi vầng nhật nguyệt
Rọi suốt trăm năm một cõi đi về

Dòng nhạc đưa ông vào cõi vắng với đời người là quãng đường vừa dài vừa ngắn, cứ miệt mài đi

theo thời gian để kiếm tìm điều mình khát vọng. Tìm, tìm hoài, tìm mãi. Và chợt một ngày tóc trắng như vôi. Bừng giấc đời. Ông bỗng thấy mình chưa tìm được gì ngay cả chính mình.

Cái đầu ông vừa thả rong đến đây, cũng vừa lúc cô bước ra. Cô để rơi nụ cười chúm chím lên môi ông khi cô nhẹ nhàng đặt hộp bơ “Bretel” lên bàn và ngồi sát cạnh ông. Và nghiêng nghiêng dựa vào người ông. Chiều tối lọm mặt người, ông lại thăm mưa rơi, có lẽ ông chưa gặp được mưa nên cảm thấy trống trải. Quán xá vẫn chưa đỏ đèn, mây vẫn bay, bóng chiều vẫn trôi đi. Thoáng như có tiếng ếch ương, chẫu chuộc ì ọp đầu đây mời gọi. Tiếng ì ọp như tiếng chuông tỉnh thức...Theo quán tính ông ôm cô. Môi ông dính vào môi cô ẩm ướt...Tay ông xoa nhẹ nhẹ lên bờ ngực. Những ngón tay ông đang len lén tìm về một bờ mê bến ngộ. Mặt cô như lá chuối hơi lửa. Bàn tay ông len lỏi vào trong khoảng áo hững hờ, và buông thả của cô.

Mặt cô đỏ ửng. Và nhắm mắt lại...

Dòng nhạc *Một cõi đi về* đã dứt mà mưa còn ray rứt chưa tạnh trong ông. Cô rên nhẹ nhẹ. Chiều lên cao, gần chạm vào mặt đêm. Nước ao mà vỗ lên bờ là cùng quanh quất bên bờ ao, ếch ương dưới đất khác với chuồn chuồn trên trời...Nhiều nhưng là ếch ương gọi nhau để động tình là trời sắp mưa, chúng cứ nhao nhao cả lên như chào mào ăn dom. Bỗng khi không âm vọng động đập đến một công án nào đó, ấy là *Vô môn quan* mà ông ăn sổi ở thì là

“Thiên không có cửa”. Một người như ông muốn đi qua “cửa không” phải làm gì bây giờ...Thế là tay ông lạc theo nẻo đường trần của phù du lãng nhân và lẫn mò tới chốn...không. Ông đã tìm được cỗi hư vô, vô thường có những xào xạc ở một nơi chốn hỗn mang u u minh minh. Và ông coi chốn vô cùng, vô ngã đó như cỗi ngu lạc trường của riêng mình. Nhiều sự là ông đang lạc nẻo đường trần với *Đại đạo không có cổng - Ngàn lối đi vào nó - Khi ai đi qua được cổng không cửa này - Thì thông dong giữa đất trời*. Thông dong với trời đất đâu chẳng thấy vì ông đang cỏ hoa lạc lối đây, vậy mà trời vẫn chưa mưa...

- Em...

- Dạ...

Trong cỗi vô cùng, vô ngã, một chiều trên bên nước, đứng ra là trong quán xá, ông đã ngã vào tay cô. Ông học theo cô, ông trộm cho là chuyện...bình thường thôi.

- Khiếp! Ngượng chết đi được!

Có tiếng cười rinh rích như chuột rúc trong cát thóc...

- Này này...Nỡm vừa chứ, cái tay bậy bạ.

Tiếng rúc rích tịt mít.

- Mở miệng ra cho anh hôn tí...

- Ư...ư...Nghệt thở em! Ư...ư...

Là bạn văn chương của bạn ông và cũng là bạn tình một thời một thuở của cô, ông hành ngôn hành tỏi rất ư hần lâm:

- Anh hôn em bằng cái hôn của hàng ngàn năm văn học đấy.

- Xời ạ! Em chỉ nghe mùi thuốc lá!

Có tiếng trở mình...

- Môi em mềm thật.

- Chứ còn gì nữa, môi xịn đấy.

Tiếng cười tắt lịm, chỉ còn tiếng ư hử:

- Tại sao hôn lại phải nhắm mắt, hở anh.

- ...

Vô ngôn, vô thanh là tiếng thở đứt quãng, lẫn với tiếng hừ...hừ...âm ỉ.

Đêm mỏng tang, nằm trên giường, lúc này ông mới sẫm sẫm ngắm thân thể cô kỹ hơn. Cô không có dáng đẹp một cách...điều đứng, nhưng mình mẩy đầy...ứ hự. Cô là một thứ trái cấm nở muộn, nó chín vào cuối mùa, cuối mùa lãng mạn. Của những mệnh phụ, của những tà dương. Ông lâm râm hai câu thơ của Lý Thương Ẩn: “Tịch dương vô hạn hảo - Chỉ thị cận hoàng hôn”. Cô háy mắt cười rằng ông chỉ rách chuyện. Đảo qua tí lại, cô hỏi ông tại sao lại...“phải lòng” và “tương tư” cô?

Hiều theo chữ nghĩa bây giờ là...“iu”. Chẳng nhẽ nói ông “iu” cô như *khí yêu cây*, như *chày yêu cối*, chẳng hẳn là vậy. Hay vì đôi môi cô ngọt như nước mấm nhĩ, hoặc giả như ông cảm khái rằng cô đẹp mong manh như miếng mỡ gầu. Nên ông đành

phải nói thật vì rằng da thịt cô có...mùi bơ. Nó ngầy ngầy beo béo như bơ Bretel, lại hơi khét khét như mùi tóc cháy, mùi cháy của thịt nướng Hà Nội. Nó mang vẻ hoang dại, hoang dã đồng bãi quê mùa khiến nó mê hoặc ông, làm ông yêu cô...thậm tệ. Cô ôm chặt lấy ông thủ thủ vì đúng Bắc kỳ đặc có khác, khác hẳn anh chồng Nam kỳ của cô.

Và chuyện...không bình thường là vừa lúc anh chồng đi đâu về gõ cửa “cách cách”.

Mặt tỉnh rụi, cô nói chớ ra:

- Tư có cần gì không. Hôm nay có xôi chè giỗ bố tôi đấy.

Cô xì xầm vào tai ông:

- Khi trước, bố em không ưa chồng em chỉ vì Bắc với Nam. Không ưa thì đưa có đòi là vậy.

Rồi cô xầm xì tiếp:

- Anh đừng...”cà cuống”, chúng em đã thỏa thuận với nhau rồi. Nắng không ưa, mưa không chịu, nhưng không ai được đâm sầm vào đời tư của nhau!.

Và tiếp:

- Là em chỉ ới chồng em bằng tên. Lười gọi bằng anh như...anh.

Lại có tiếng...cách cách:

- Tui muốn hỏi bây giờ là mấy giờ rồi.

- Hờ? Đừng giờ hơi giờ hám. Đừng có chộ nhau nhá! Bộ có lệnh giới nghiêm hả.

- Không! Nhưng tui không thích mang khách vào nhà, không có hộ khẩu.

- Ra thế đấy, thế thì khỏi lo. Anh ấy không ngủ ở lại đây đâu. Đừng có bắt chẹt nhau nhá, cứ việc đi báo công an hộ khẩu.

- Nhưng nói chuyện khe khê chứ, cho người khác ngủ.

- Làm gì mà hoảng lên thế, chuyện nhỏ như con thỏ! Cám ơn.

Và mắt cười tít với ông:

- Nói nhỏ thôi nhá...Mà tốt nhất là không nói gì...Cần gì phải nói, phải không anh.

Tiếp đến, ông mù người trong âu yếm. Sau đây cũng không quên hỏi trái nằng trở trời gì cô lại “cảm” ông. Cô cười ron ron:

- Đàn ông phải như anh cơ...

- Như anh là làm sao?

- Trông mặt tin tưởng được, hiểu biết, nhưng anh hơi khô! Mà em thích thế...

Rồi chả hiểu sao mặt cô chùng xuống và vẹo vọt:

- Anh giai xá cho nhá. Nói thật đây có hơi buồn vì anh giai có hơi...già tí.

Nói cho ngay, ông có hơi...buồn thật. Nỗi buồn thân quen lại lồm ngồm trở về. Mưa là thấy buồn, nắng lại càng buồn hơn. Chả là từ những ngày tập tành làm người lớn với một đồng ba điều Ruby, húp cà phê đĩa “xây chừng”, “xây nại”, ông cứ mông lung với ý tưởng lớn lên rồi ra sao? Ông ước ao chóng lớn để biết yêu là gì? Nhưng nhằm vào cái tuổi 20, ông phảng phất thấy mình...già như đã 30.

Đến năm 40, ông ngạc nhiên thấy mình già rồi sao? Hiểu theo nghĩa là ông chưa muốn già. Sinh nhật 50, ông u uẩn vì bận của thời gian với mình chưa già nhưng đã lớn tuổi. Lát mềm buộc chặt thì dòng nhạc hồi ời cứ đeo đuổi ông không rời trong nắng quái chiều hôm: *Ta nghiêng vai nghe lại cuộc đời, hỡi hùng hoàng hôn chờ tới.*

Chờ năm ông 60, những biến đổi của tâm tính làm ông ngại ngùng, dăm hơn, không sốc nổi như cái tuổi hoa niên. Nhưng ngớ ngẩn nhất là khi không biết cái kính lão để đâu. Và một ngày nào đó, đến cái tuổi 70 thì ông oằn người chẳng dám nghĩ tới...cái tuổi tan hoang. Già rồi, cũ kỹ rồi, ông trở thành cổ kính. Thế nên ông chẳng đại gì chui đầu vào cái thông lọng những chuyện tình ảo đang mọc như nấm sau cơn mưa...Thề chẻ đũa chẻ tiền là với cảm khái xa xưa: *Nhớ ai nhớ tận cuối tuần – Nhớ quay nhớ quắt bản thân nhớ ai* thì ông đã chôn vùi vào quá vãng từ lâu.

Nay ông chờ đợi cái tuổi 60 như khi ông chờ đợi cái tuổi 30, 40, 50 với cái tâm thái trẻ dôi ra, già co lại. Ông hóa sinh, hóa ngộ tuổi 70 sắp đến chỉ là rạng đông của tuổi già, ông hoang tưởng mình còn trẻ. Ông chỉ là người mới...nhập cuộc, mới...đắm thân. Có thể ông đang ở tuổi chớm xế chiều. Nhưng không khác gì lắm lúc ông ở cái tuổi 20. Lòng dạ ông cứ dàn dặt thất lại lúc đó sao thì bây giờ ông vẫn vậy, ông không còn trẻ nữa mà chỉ già hơn một tí chút thôi.

Ấy vậy mà tình sau cơn mưa cuối mùa lảo nháo đến với ông...Ông lêu bêu rằng người ta đến với nhau vì hụt hẫng, thiếu vắng, để ông ngúc ngắc với Lưu Nguyễn nhập thiên thai. Cân đo đong đếm với thời gian được thể ngừng ngoảnh co quắp lại. Tuổi tác cứ lững thững trôi đi, trôi đi mãi tới một nơi... Để níu kéo ông...nhập cuộc, ông bám víu bằng cách...dấn thân với cô thêm một lần nữa. Ông tan tron vẹn vào cô, vào đêm giữa ban ngày. Ông đang chơi vui...trong căn phòng nhá nhem tối, như màu hoa mướp, hoa bí trể tràng rười rượi. Ông đang như...Từ Thức lạc nẻo đường trần đây...

Nằm ở dưới, ôm ông, cô chao chat:

- Rõ dơ! Anh lúc nào cũng ngoéo em vào chuyện ấy cho bằng được. Một muốn chết!

Khi không cô cắc cùm hỏi ông:

- Tại sao gọi là con chuồn chuồn?

- Có thể mây mưa xong, mỗi con..."chuồn" đi một ngả. Con đậu cọc rào, con đậu bụi cây mà ngủ...rồi lại đợi cơn mưa sau.

- Thành ngữ "Đi tìm tổ con chuồn chuồn" là thế ư sao anh?

- Đúng vậy, chúng có đôi, nhưng không có tổ.

- Chả nhẽ anh với em lại giống hai con chuồn chuồn!

Ông trong mộng寐:

- Không, anh và em sẽ là một đôi và sẽ có tổ.

Cô vít đầu ông xuống và hôn lấy hôn để.

Rồi cô thở ra:

- Nặng quá rồi. Thôi anh xuống đi...

Cả hai ngửa mặt nhìn trần nhà một hồi lâu. Ông bắt gặp con thạch sùng bò trên trần nhà. Màu da nó ngà ngà tiếp màu vôi. Nó đuổi theo một con thạch sùng khác đang chạy dọc theo chiếc đèn “nê-ông” dài ở góc tường. Chiếc đèn lâu ngày cũ kỹ, hom hem như ông vậy nên chớp, tắt, rồi chớp, lập lòe như con đom đóm đực. Ông dọ dẫm:

- Em không yêu anh nữa sao?

- Phải gió phải giây gì đâu! Yêu đứt đuôi đi chứ lì.

Rồi cô chun mũi, âm âm:

- Úi giào! Yêu nhưng mà chán. Chán bỏ sừ đi ấy.

Vẫn lồi nói chuyện lửng xừng, cô nhúu mày ú tìm:

- Khi nào em không yêu anh nữa, em sẽ nói với anh. Em đang yêu anh...

Cả hai vẫn nói chuyện với cái trần nhà. Im tằm tấp. Bất động. Con thạch sùng bò xuống đến mép tường thì dừng lại. Hai con mắt nó, hai chấm đen, nhìn xuống chiếc giường có hai thân thể. Ông lâm râm: “Lạ lắm sao mà nhìn?”. Như hiểu được tâm viên ý mã ông, nó bò ngược lên trần, đuổi theo con thạch sùng cái.

Mắt không rời con thạch sùng, miệng ông hỏi:

- Là sao? Khó hiểu vậy?

- Có lẽ không phải vậy. Em yêu anh, như bất cứ một người đàn bà yêu một người đàn ông. Muốn sở hữu. Muốn chỉ là của mình. Nhưng đó là chưa gặp anh. Nay tưởng tượng những lúc xa, thật xa anh. Tưởng tượng nếu không có anh lúc này lúc nọ...

Ngừng lại một chút, cô đứng dứt:

- Khi gặp anh, em thấy gần gũi như một người tình. Khi anh trở về, bởi vì, ngoài anh ra, em đâu còn nơi nào để mà trở về. Như con chuồn chuồn không có tổ như anh nói là vậy.

Con thạch sùng đi đâu mất. Chúng vừa làm xong chuyện giữa con đực và con cái. Thoải mái. Ông ước kiếp sau làm con thạch sùng. Cô vẫn độc thoại với cái trần nhà:

- Sống với em, rồi anh cũng sẽ khổ. Và em cũng chẳng sung sướng gì. Giá chúng mình cứ yêu nhau mãi như thế này nhỉ. Mà em thích thế. Đừng ràng buộc. Em sợ những thứ ấy lắm!

- Nhưng anh và em, sao sống mãi như thế này được.

- Ấy đấy, nó khổ thế đấy. Em yêu anh, nhưng không muốn...lây anh.

Cứ như ăn khoai môn ngứa miệng, ông cảm cảnh:

- Em không yêu anh nữa sao? Nói đi.

- Thì em đã nói rồi. Khi nào em không yêu anh nữa, em sẽ nói với anh...

Ăn cơm mắm ngấm về sau, ông lụng bụng:

- Có nghĩa là...

- Em không thể nói được! Vì em không hiểu em nữa là? Chỉ biết rằng nó như thế. Nó chỉ là linh cảm. Anh đừng bắt em phải giải thích, vì em phải nghĩ ngợi. Một lần!

Tay cô tìm tay ông và nắm chặt:

- Bây giờ em đuối sức lắm rồi.

Cô quay sang ông, ôm chặt và hôn ông. Cô ôm riết lấy ông như sợ mất mát, thiếu vắng. Mắt cô ngồi ngời, giọng thì trầm:

- Em cho anh... Em chỉ cho mình anh thôi...

Chợt có tiếng mưa rơi lộp bộp, dứt quãng trên mái nhà... Thoảng như có dòng nhạc *Giọt mưa trên đá* bồng bênh giữa khoảng không. Chiếc đèn “nê-ông” khi chớp khi tắt hòa nhịp với tiếng mưa rơi rải rác lộp bộp dần đưa âm vọng, âm hưởng dòng nhạc chui vào ngõ ngách trong ông, trong trống vắng *ta chạy vòng vòng, ta chạy mòn hơi, nào có hay đời cạn, nào có hay cạn đời...* Chiếc đèn lại tắt lại chớp...

Ông vẫn nhìn cái trần nhà.

Sáng ông dậy trễ, cô còn đang trong giấc nồng. Ra đến phòng ngoài, đến cái bàn cạnh cửa sổ có sẵn tách cà phê nhưng không có bơ “Bretel”. Anh phục vụ đang lui cui chế nước sôi vào cái phin. Thấy ông, anh nắc nỏm: “Dà, trời đang mưa”.

Nhấp ngậm cả phê nhạt hoen hót như nước lã ao bèo, ghéch ra ngoài trời đang mưa. Ông lơ đãng dòm một đôi trai gái đứng khít khìn khịt sát nhau đụt mưa dưới gốc cây bỗng bỏ đi, họ lên xe đèo nhau phóng thẳng. Ông tự hỏi trời đang tâm tã như vậy sao lại phải dầm mưa như thế? Đường vắng vắng lặng, thỉnh thoảng có chiếc xe “ô-tô” vụt qua, hoặc một vài xe gắn máy, người ngồi xe áo mưa trùm kín. Những chiếc bong bóng vẫn đang trôi và đang vỡ. Ngột mưa. Thay vì những chiếc bong bóng, lúc này lòng đường rồi mù xe cộ, đông như nêm cối, dòng người xuôi ngược trên đường hối hả như để bù lại thời gian trú mưa đã mất.

Thì cũng như ông đang trú mưa ở đây, trong khi chờ đợi xe đến đón, lật giở trang 82 kinh thư Bùi Giáng và ông lâm râm tụng:

“...Tôi gạ gẫm con chuồn chuồn, đem phó thác thân xác trần gian của tôi cho con chuồn chuồn trên hai cánh mỏng bay đi rồi trở về đồng ruộng làm mục tử chăn trâu. Con trâu chạy lạc. Tôi chạy về bẩm báo với ni cô cho phép con chuồn chuồn của tôi cư lưu một thời gian. Ni cô đuổi tôi. Thì tôi ra bờ ao nằm ngủ giữa chiêm bao. Chiêm bao lãng đãng...”.

Và làm như đang chiêm bao lãng đãng...ông lênh đênh đọc chương vô ngã của thiền sư Shaseki-shuu. Đến đâu rồi nhỉ? Ông bỏ qua một đoạn và rì mò tiếp: “Vô ngã không có nghĩa là không có cái

Ta. Nhưng là cái Ta biến đổi, không ngừng biến đổi và không còn Ta nữa. Chuyện hợp tan, tan hợp, tình cảm, tình yêu buồn vui của con người cũng như bong bóng trên mặt nước nổi trôi”. Mắt ông dờn trang sách thả rong từng hạt mưa còn rơi rớt, từng bọt nước bong bóng đang vờ trên mặt ao. Ông không phân biệt được cái nào vừa hiện ra là đã tan biến ngay trong sương sớm. Ông tự hỏi có bọt nước bong bóng nào giống chiếc nào? Mãi mê vương mắt theo từng đoạn luân hồi của những cái bong bóng nước. Ông thầm cho là ông và cô chỉ là bọt nước bong bóng như nhau thôi.

Mưa tạnh hẳn. Chuồn chuồn vỡ tổ đổ ra. Mưa phẩy qua mùa, nhăng một chốc nắng hừng lên... Có hai con cồng nhau, bầu đuôi vào nhau mà hóp nắng, bốn cánh mỏng xanh xám thẳng căng. Xong chuyện, cả hai con cùng bay đi về một ngả...

Vừa lúc xe tới đón. Nhìn quanh không thấy anh phục vụ. Ông đi qua cửa và thấy cái ô đen mở ra để chông chơ ở hành lang. Ông tặc lưỡi thầm nhủ là trời vừa tạnh mưa ấy mà.

Men theo hành lang lợp rơm của quán và bước xuống sân sỏi. Trời xanh nao lòng, nắng vàng cũng ngẩn ngơ. Từng bước một thật chậm, ông muốn níu kéo ngày trời tháng Bụt sao cho ngắn lại. Ông cảm thấy những viên sỏi lăn mòn theo những bước chân. Đám mây trắng khật khừ mãi mới đi qua được bên kia đường. Qua bụi cây, bắt gặp hai con chuồn chuồn cánh mỏng xanh xám đang ngủ đợi cơn mưa

sau...Ông chùn chân không muốn bước vì hai con chuồn chuồn vẫn chưa có tổ. Ông vẫn tiếp tục đi, đi nữa. Cái cột hàng rào bên bờ ao đứng bất động chờ vợ, im tăm tắp.

Mặt trời rúc vào mây, ông đi tí tít, đi cho đến một ngày hóa thân thành cát bụi. Đang đi ông lẫn lẫn như nhớ một cái gì đấy, thiếu thiếu một cái gì đó...Đầu ông rỗng rảnh chẳng hiểu có sự gì cái túi xách lại nhẹ hẫng...Ông chợt nhớ ra để quên trên bàn quyền *Góp nhặt cát bụi* và *Ngày tháng ngao du*.

Thạch trúc gia trang
Xuân phân, Nhâm Thìn 2012

Phố xưa

Ghé thị trấn ven sông, ven biển với giấy một túi, bút một túi, ngày nào gã cũng tạt vào quán *Phố xưa* ngồi một chỗ quen thuộc gặm nhấm nỗi sầu viễn xứ *nhật mộ hương quan hà xứ thị, yên ba giang thượng sử nhân sầu*. Mấy hôm nay có chuyện không đâu để thành chuyện là ở một thành phố nhỏ như mắt muỗi này, thẳng như xảy ra chuyện gì nhỏ nhất, chỉ một lát sau *thượng Chùa Cầu, hạ Ông Bôn* nơi hai đầu của thị xã đều biết. Như mới đây có một bà đi chợ rêu rao: “Có dị nhân xuất hiện dưới mé sông”. Thế

là mọi người kháo nhau xuống bến bãi mé nước để xem.

Chuyện là trong cái khoảng thời gian trống rỗng cùng những ngày tháng phiêu lãng quên mình lãng du, trên đường tới quán gã đều gặp gỡ “dị nhân”. Gã không biết ông ta là người xứ Ả Rập nào đấy lạc vào phố thị, thấy mọi người xúm quanh ông, gã cũng len chân vào nhòm chừng. Ông ta râu ria xồm xòm, mặc bộ quần áo vàng nhàu nát, người ta mời ông ăn cơm với cá, thịt, ông lắc đầu. Ông ta chỉ đòi ăn bánh mì với củ cải trắng và...uống bia. Ông ta không nói được tiếng Việt, lại thêm cái khoản ăn uống không giống ai, người ta đồn nhau đến xem chẳng có gì là lạ.

Trong cái khoảng trống vắng ấy, gã thả rong qua những con ngõ sâu hun hút với những viên đá xanh nằm rời rạc trên mặt đường hoang phế. Riêng hôm nay, tới quán hơi sớm hơn mọi ngày... Và cũng như mọi ngày, gã len lỏi qua mấy cái chum, cái vại của lò gốm Thổ Hà bày ở trên sàn quán xá. Gã mò mẫm tới cái kệ trung bộ đồ sứ Hizen, đồ gốm Seito của Nhật mô phỏng theo đồ gốm Chu Đậu. Thêm dăm đồng tiền Nhật đóng khung treo trên tường thuộc niên đại XVII, trùng với thời kỳ phát triển khu phố Nhật trước đây. Ngay bên cạnh là bức tranh *Nhìn xuống Phố Cổ* của Akimi Ishimoto với những mái âm dương chồng lên nhau. Những bức tường dọc theo con phố ngắn nhưng trông dài hun hút qua một

màu xám u tịch, màu nâu phẳng lặng đủ để diễn tả những nét thẳng trâm của một thành phố có chiều dài cả trăm năm lịch sử qua bao lớp sóng phé hưng và cũng chỉ riêng cái tên, tự nó đã nói lên tất cả: *Phố Cổ*.

Quán vắng, lũ khách bên đường, gã ngồi giữa lòng phố cổ Hội An, trở về phố xưa cùng những âm hưởng mang mang vọng về với một phố thị có chùa Cầu khuất nẻo, nằm ngay trên bờ sông Hoài nhạt nhoà theo năm tháng. Sông Hoài cứ mãi mãi tĩnh mịch nổi hoài xưa, nổi vào dòng sông Thu Bồn mênh mông như muốn kể lại câu chuyện mấy trăm năm của biển cả...

Đề rồi gã lãng đãng phiêu bồng *có buổi ta mơ về phố cũ, nghe khúc cảm ca bỗng hỏ người, thả cứ theo dòng trôi miết miết, biết một đời sông mấy lở bồi.* (thơ Tô Thùy Yên)

Gã ngồi giữa phố vắng điều hiu, thả hồn đi hoang tìm về những nẻo đường xưa lối cũ của một thành phố đang ẩn khuất trong gã. Đường mưa ướt đất, gã như dòng sông kia, muốn kể lại câu chuyện tự trăm năm của Lý, Trần, Lê, Nguyễn. Với thiên cổ chi mê, gã đang muốn dị mộng hoài thư với cổ sử qua sử thi tam sao thất bản và gã đặt bút xuống trang trải trên giấy thô mực đọng trong một ngày ít nắng nhiều mây...

“...Lê Đại Hành, Lý Thánh Tông, Trần Anh Tông mở mang bờ cõi xuống đất Chiêm Thành

phương nam. Thời gian này Chế Bồng Nga đem quân sang đánh phá Đại Việt vào năm 1371. Lê Thánh Tông xuống đến Quảng Ngãi. Nhà Trần bị nhà Hồ chiếm ngôi, Hồ Hán Thương đem quân xuống tới Quảng Nam (1)...”.

Gã đang lẳng nhăng với *tưởng tượng ta về nơi bản Trạch, áo phơi xanh phơi nhánh đào hồng, mùa xuân bay múa bên trời biếc, ta búng văng tàn thuốc xuống sông (thơ Tô Thùy Yên)* thì không hiểu mắc chứng gì khựng lại. Gã...búng văng tàn thuốc xuống dòng sông Hoài và nghĩ...hoài không ra và ngồi cắn bút ngó lơ. Gã ngó bên bức tranh Nhìn xuống Phố Cổ có bài thơ viết qua nét thanh thoát của thư pháp:

Có buổi ta ngồi trong quán vắng
Tưởng níu thời gian để đợi ai
Thăng hoặc đôi ba người khách lạ
Như nhắc thăm ta nỗi lẻ loi
(*Khuyết danh*)

Nhìn quanh quất: Quán vắng bên sông, chẳng có người khách nào ngoài cái ghế đơn độc trước mặt. Gã lúi húi với phố thị vào thuở ban sơ cả mấy trăm năm trước:

“...Hội An với những trăm uất của lịch sử, hoang vắng để rồi phồn thịnh theo năm tháng như những lớp thủy triều. Khởi đi từ thế kỷ thứ 5 của người Chăm cổ, những thuyền buôn của người Ba Tư đã ghé đây để tránh bão, định phương hướng để ngược lên hướng bắc Trung Hoa. Người Chăm đã

đào những giếng nước ngọt để trao đổi hàng hóa với nhóm thương thuyền này. Nay những giếng nước bờ gạch hình “vuông”, với đồ gốm như vại, bình và gươm cong, kiếm ngắn, tiền cổ của người Ả Rập được tìm thấy dọc theo con sông Thu Bồn. Gần đây, trong sử liệu của người Ba Tư có viết dăm ba dòng về bến thuyền với cái tên *Địa Trung Hải Phương Đông*...

Đời nhà Nguyên thế kỷ 13, ông Châu Đạt Quang với 30 năm ngược xuôi trên biển cả và để lại tập *Chiêm Thành Phong Thổ Ký*, cảm nang hải hành cho những người đi sau. Cũng chẳng bao lâu đến đời nhà Minh với “Con đường gốm sứ và tơ lụa trên biển” cùng 7 chuyến đi về của Trịnh Hòa qua tận Mecca đông Châu Phi. Trên đường đi họ ghé nước ta, để tránh sự nhòm ngó người quan ngoại, nhà Lý tập hợp họ ở một nơi nhất định được gọi là “Bạch Dịch Trường”, đó là bến Vân Đồn ở vịnh Hạ Long.

Tiếp đến là nhà Lê, chúa Trịnh ở Đàng Ngoài lập ra Phố Hiến, thương thuyền của người Bồ Đào Nha đã có mặt từ trước, sau kéo theo người Hòa Lan từ thuộc địa Nam Dương lên. Theo *Lịch Sử Vương Quốc Đàng Ngoài* của Alexandre de Rhoded, vua Lê Thần Tông có bà thứ phi hàng thứ sáu là người Hòa Lan. Tượng bà nay vẫn được còn thờ ở chùa Mật Sơn, Thanh Hóa. Vì thế nên người Hòa Lan có nhiều đặc quyền hơn người Bồ Đào Nha, ngoài ở phố Hiến còn được độc quyền buôn bán cùng với người Hoa ở phường Giang Khẩu (Hàng Buồm) bên sông Tô tại Thăng Long.

Riêng ở Đàng Trong, đoàn thương thuyền của Trịnh Hòa ghé cù lao Chàm và tìm ra Hội An. Ngày nay ở bãi Hương cù lao Chàm có miếu cổ tên *Thái Giám* thờ thái giám Trịnh Hòa vẫn còn đây. Nhưng theo ông Yomeiganu qua *An Nam Cung Dịch Ký Sự* thì có thể vì bà thứ phi của vua Lê (?) khác là người Nhật. Vì thế người Nhật đến đây lập nghiệp sớm nhất, khoảng năm 1560 và họ có nhiều đặc ân và quyền lợi hơn người Hoa ở Hội An...”

Đột nhiên gã giật mình thấy “dị nhân” ngoài phố chợ lù lù đứng ngay cạnh bàn lúc nào không hay. Gã buông bút và ngẩng đầu lên ngơ ngác nhìn ông Ả Rập như gặp lại “người về tự trăm năm”. Ông bạn Ả Rập râu xồm lẳng lẳng ngồi xuống cái ghế ngay trước mặt gã, bình thần nhồi thuốc vào ống vó. Xong, ông nhòm đăm đăm bài thơ viết chữ thư pháp sau lưng gã và băng quơ:

- Tiên sinh không *lẻ loi* vì bản chức là người...*khách lạ* đây.

Gã muốn nhẩy nhồm lên khi nghe “người khách lạ” này đọc và nói tiếng Việt mới quái. Gã chưa kịp há mồm hỏi han, làm như quen biết nhau tự thưở tám kiếp nào. Ông Râu xồm thần nhiên lấy cái hộp quẹt của gã bật một cái tách nhàn nhã mỗi lửa, và ngẩng đầu lên nhẹ nhàng thở ra khói... Tiếp, ông cúi đầu xuống liếc mắt ngó lơ qua khúc dẫn nhập bản thảo của gã, chỉ tay vào khúc gã vừa viết xong và ông Râu xồm từ tốn ậm ừ chao chát:

- Xin vô phép vô tắc mạn phép thưa với tiên sinh rằng: Chế Bồng Nga sinh năm 1360, đem quân đánh phá Đại Việt năm 1371 thì năm ấy Chế Bồng Nga...bao nhiêu tuổi nhẩy? Thưa tiên sinh.

Thêm một lần gã muôn...”nhẩy” dựng đứng lên vì “dị nhân” nói giọng Bắc kỳ đặc, lại nho phong sĩ khí gọi gã là...”tiên sinh”. Lại còn chỉ trỏ cho gã thấy những “khuyết sử” cần phải “cẩn án” nữa mới đau cái đầu. Gã đang lắp bắp định biện giải là bấy lâu nay gã lạc vào mê hồn trận với những sử gia, sử quan, chẳng khác gì khói lửa kinh thành, nhất tướng công thành vạn cốt khô, cùng mỗi người mỗi niên đại, niên hiệu khác nhau. Hết cuộc binh đao, nỗi buồn chạm mặt là gặp mấy nhà học giả, hành giả cùng địa danh bắc giáp địa dư, tây giáp địa chí mù mịt như bát quái trận đồ. Gã chưa kịp biện bạch thì ông Ả Rập lẳng lẳng tiếp:

- Tiên sinh dạy Thái giám Trịnh Hòa tìm ra Hội An theo bản chức nhẽ ra chẳng hẳn là như vậy. Vì theo như hải hành ký của Mã Huân thì đoàn Đại Bảo thuyền này chỉ ghé để đồ Cri Bannoy (2) của Chiêm Thành vào năm 1451. Trong hải ký Mã Huân ghi “Đồ Bàn có rất nhiều thổ sản và mít lớn trái rất ngon ngọt...”. Theo tư liệu riêng bản chức hay biết thì đám buôn lậu ven biển người Trung Hoa theo chân đoàn thuyền của Trịnh Hòa và họ ghé Bát Tràng, Chu Đậu để mua đồ gốm. Lại nữa họ dựa vào ông Châu Đạt Quang với tập “Chiêm Thành Phong Thổ Ký” nên chính đám buôn lậu trên tìm ra Hội An, là

thuyền buôn nhỏ họ không dám đi xa nên ngừng chân ở Đồ Bàn. Trong hải hành ký có ghi “Chuyện ngạc nhiên là khi thủy thủ nhìn thấy người Hoa buôn bán ở vùng đất Chàm này”. Vào năm 1997 mới đây, người quý quốc hợp tác với người Nhật trục vớt một thuyền đắm ở cù lao Chàm và phát hiện 240.000 đồ gốm Bát Tràng, Chu Đậu ở niên đại thế kỷ thứ 15 đã minh chứng điều ấy, thừa tiên sinh.

Ngay cả thương thuyền Hòa Lan bị đắm thuyền ở cù lao Chàm vào năm 1633 và được người Chàm ra tiếp tế nước, người Hòa Lan mới biết đến Hội An và mở thương điểm ở đây. Riêng với cù lao Chàm, xin tiên sinh hiệu đính là năm 1804, đặc sứ người Anh Sir Robert Macarthey thương thuyết với Vua Gia Long để thuê cù lao Chàm làm trạm ngừng chân trước khi đến Quảng Châu và các nước lân cận nhưng thất bại. Sau Sir John Crawford tiếp xúc với vua Minh Mạng cũng không thành. Đến khi chiến tranh nha phiến, qua hiệp ước Nam Kinh, người Anh thuê được Hồng Kông thay vì cù lao Chàm của quý quốc.

Gã đang tối tăm mắt mũi lại với “Sir” này, “Sir” kia thì ông Ả Rập râu xồm tự giới thiệu:

- *Bản chức là...John Barrow.*

Và không nói nữa. Thêm một phen gã bị chao đảo, hóa ra ông râu xồm này chẳng phải là người Ả Rập. Nghe đến cái tên “John” gã bụng bảo dạ “ông Tây” này ắt hẳn là người Ăng-lê chi đây nên gã cứ dờ ra và ngong trông thấy. Làm gã không có mặt ở

đấy, ông Tây lại ghé mắt...xuôi dòng sử Việt theo gã:

“...Nhà Minh bãi bỏ bế quan tỏa cảng, nên các thương thuyền Trung Hoa tấp nập đi lại theo ven biển nước ta. Dựa theo gió bắc vào mùa xuân, họ đến bằng thuyền buồm, trao đổi hàng hóa và đợi đến gió nam vào mùa hạ, họ dương buồm trở về. Nhưng cũng có một số thương hồ ở lại lập gia đình với người bản địa, họ hành nghề địa lý và đông y. Qua các văn bia ở đền chùa, gia phả của bộ tộc, số địa bộ từ thời Tây Sơn, Gia Long và các triều vua kế tiếp, người Triết Giang, Phúc Kiến, Quảng Đông, Triều Châu, Hải Nam lập nghiệp ở Phú Xuân và Thăng Bình. Họ là những người Tàu đầu tiên đến nước ta bằng đường biển vào thời chúa Tiên. Vì vậy *làng Minh Hương thứ nhất* ở Phú Xuân đã có tên trên bản đồ nhà Nguyễn vào năm 1602.

Khởi thủy từ Chúa Nguyễn Hoàng vào Thuận Hóa, nhà chúa dùng cửa Việt để thông thương với người nước ngoài. Chúa Nguyễn Phúc Nguyên thấy cửa Việt gần Phú Xuân, sợ ảnh hưởng đến sinh hoạt triều chính, nên tìm một “bạch định trường” khác sâu xuống phía nam một chút, nhưng không xa quá tầm tay nhà chúa. Sau Chúa Nguyễn Phúc Lan cho người Tàu nhập quốc tịch Đại Việt và đưa mười gia đình của sáu họ Ngụy, Ngô, Hứa, Ngõ, Thiệu và Hoàng từ Phú Xuân, Thăng Bình về cuối sông Thu Bồn đầu cửa biển. Họ dựng *làng Minh Hương thứ hai* ở đây.

Quan lại nhà Minh chống nhà Thanh bị thất bại, họ sang nước ta tị nạn. Chúa Hiền Vương cho một số đến cửa sông Thu Bồn nhập vào làng Minh Hương thứ hai. Số còn lại vào Nam lập *huong xã Minh Hương thứ ba* Cù Lao Phố (3).

Bỗng khi không ông Tây hỏi gã khơi khơi, cứ như đùa vậy:

- Bản chức xin mạo muội hỏi tôn ý tiên sinh rằng có sự gì người quý quốc gọi người Hoa khi là “Minh Hương”, lúc là “khách trú”, nọ là “người Tàu”, thừa tiên sinh.

Gã đang óc ách, ông Tây đã sẵn sùì với gã:

- Theo thiên ý bản chức thì hai chữ Minh Hương với “huong” ban đầu là “nhà thờ cúng” vọng tộc nhà Minh. Sau có nghĩa là “xã” tức xã người Minh Hương. Còn “khách trú” là tiếng gọi Đàng Ngoài có từ thời chúa Trịnh khi người Hoa lập ra Phố Khách (4) đầu tiên ở Phố Hiến. Còn “người Tàu”, theo ngụ ý bản chức thì qua sách “Hành Trình và Truyền Giáo Ký Sự” của Alexandre de Rhodes viết: “Ở Hội An có người Tàu, Tây...”. Người Tàu (5), có tên gọi từ đây có thể là đi bằng “thuyền” xuống mà Alexandre de Rhodes kêu là...“tàu”. Còn “Tây” đây là người Tây Ban Nha...”.

Thấy ông Tây dài dòng quá thể, gã nhướng mắt nhìn kỹ hơn. Ông đeo kính trắng tròn vo nên trông có vẻ hóm hỉnh. Ông đội nón cối thuộc địa bọc vải có cái núm ở trên đỉnh nón, vai đeo cái túi dết, tay

cầm cây “ba-toong”. Quần áo không nhàu nát như gã đã gặp, mà ông mặc bộ quần áo ka-ki màu vàng có bốn túi, có cầu vai như đi săn ở rừng rậm Phi Châu. Gã đang trơ mắt ếch, ông Tây cười khùng khinh:

- Bản chức là người Hòa Lan lai Bắc kỳ. Mẹ bản chức người Kẻ Chợ. Bản chức sinh ra ở Thăng Long. Vì cha đại diện cho công ty Ấn Độ ở Hòa Lan ở Phố Hiến nên lớn lên bản chức nối nghiệp cha, là làm cho công ty Ấn của Anh, rồi nhập tịch Anh.

Xong, ông neho mắt...dùi mài kinh sử tiếp theo gã:

“...Theo nhật ký hải hành, tàu buôn Groll của Karl Hartsink người Hòa Lan có mặt ở Phố Hiến dựng lên thương điểm. Thương điểm dựng lên như thành lính, có hào bao quanh với lính bảo vệ ngay sát bến thuyền. Chúa Trịnh quy định những người Hoa tới đây làm ăn phải tập trung *thương khách* tại nơi “*khách trú*” (4) là Lai Triều, cấm không cho lai vãng đến Thăng Long. Cùng lúc, người Hòa Lan đưa một số thương buôn từ Anh, Pháp và Nhật tới trong thời kỳ này. Từ Lai Triều đời nhà Lý được đổi tên thành Hiến Nam, năm 1717, Chúa Trịnh Cương đặt tên là Phố Hiến. Năm 1831, Vua Minh Mạng 12 đổi tên là Hưng Yên...”.

Ông thường lăm đến đoạn...*người Hòa Lan có mặt ở Phố Hiến dựng lên thương điểm*, gật gù ra vẻ tâm đắc lắm, ông ngửa cổ lên trần nhà thở một hơi khoái dãi. Tiếp, ông móc trong cái túi dết bằng vải

“ka-ki” màu cứt ngựa một cuốn sách đã ó vàng có cái tựa đề *A Voyage to Cochinchina in the year 1792 and 1793* in từ London và gã ngây người ra vì tác giả là... John Barrow. Ông đưa cho gã xem đoạn chuyển tàu của người Hòa Lan ghé Phố Hiến, gã nhìn bức tranh minh họa bằng màu vẽ năm 1793 và lướt qua phần ghi chú phía dưới: *Một người lính ở Cochinchina*: *Người lính đội nón chóp, mặc áo dài đen viền ngắn tới đầu gối, chân bó xà-cạp vải. Cạnh chân người lính là cái bu gà, một tay cầm giáo, một tay cầm một bức tượng Phật...hay Fo (?)*.

Gã thăm hỏi “Fo” là gì? Vì “Phô” là một từ địa phương có nhiều ở Hội An. Như nhà từ đường dòng họ Nguyễn Tường Tam là đình “Cẩm Phô” ở ngã ba Không Miếu. Nhưng gã chẳng dại hỏi vì sợ...lạc đường vào lịch sử. Thế nên gã lẳng lặng viết tiếp:

“...Từ thời chúa Nguyễn, trước là vì nhu cầu gỗ củi và nước ngọt cho Đàng Trong nên lấy Trà Nhiêu thuộc Quảng Nam làm bến củi. Với chiến tranh Nam Bắc, vì nhu cầu súng ống, ống nhòm của người Âu Châu và nhất là gươm kiếm, giáo mác với thép tốt của người Nhật. Chúa Nguyễn Hoàng và Nguyễn Phúc Nguyên từ năm 1558 đến năm 1635 đã trao đổi hơn 30 văn bản với tướng quân Tokugawa Ieyasu về giao thương. Năm 1602 ở trên, nhà chúa chọn cửa sông Thu Bồn mà trên bản đồ nhà Nguyễn gọi là cửa Đại Chiêm làm thì điếm cho tàu buôn của họ cập bến (*Vua Trần Anh Tông gả công chúa Huyền Trân cho Chế Mân và đặt tên là*

Đại Chiêm). Theo thư tịch cổ của người Bồ Đào Nha thì thời kỳ này họ gọi cửa Đại Chiêm là Cacciam...”.

Lâu nay gã ngỡ bến bãi nào của người mình chẳng hiu hắt giống nhau. Thấy ông này trên thông thiên vãn dưới thuộc lòng địa lý quá lắm nên gã đành bấm bụng hỏi rằng người Việt ta đến đây từ thuở tám kiếp nào. Như đợt dịp này từ...kiếp trước, ông rút tờ giấy trong túi dết đưa cho gã. Gã lóng chóng rì mọ:

“Người An Nam dọc theo bờ biển từ Hải Phòng xuống Quảng Nam có hàng chục làng Cổ Trai, có tên mà không có đất, những làng này lênh đênh trên thuyền, trên sông biển, khi tan khi hợp. Tên chữ là “Kẻ Chài”, chữ Hán gọi là Cổ Trai. Từ những làng có tên chung là Cổ Trai, họ theo thuyền người Hoa vào sâu đất liền của người Chăm, dọc theo bến sông từ cực nam đến cực bắc, họ mua năm sào đất lập đền Quan Thánh, thờ hai vị quan nhà Minh. Họ mua một mẫu hai sào lập Tổ Đình. Họ lập làng xã theo khuôn mẫu của người Hoa, mỗi ranh giới thôn, ấp dựng chùa, đền để làm mốc, chạy dài xuống cửa biển và lập lên làng Cổ Trai. Từ làng Cổ Trai trên đất liền họ phát triển dần dần theo thời gian để thành “phố An Nam”, gần “phố Nhật”, “phố người Hoa”.

Có tư liệu “chính sử” *phố Nhật*, gã tầm chương trích cú thêm:

“...Thương gia Nhật từ Nagasaki tới Hội An gồm các đại tộc Chaya Shiroku, Yashishiro, Sotaro họ làm ăn phồn thịnh nên được nhiều chức phẩm. Giống người Pháp làm quan cho nhà Nguyễn thời ấy. Sau thêm người Nhật làm “thị trưởng” Hội An là Simonosera, là chủ nhân con tàu Furamoto. Chúa Nguyễn Phúc Nguyên nhận một người Nhật tên Di Thất Lang làm con nuôi. Đồng thời nhiều người Việt lập gia đình với những người Nhật trên như bà Ngụ Cữu Sứ, Võ Thị Nghị và theo họ về nước.

Thêm Hoàng thân Nhật Araki Shutaro với 9 thương thuyền đến cửa Đại Chiêm mà họ gọi là Đông Phố. Ông mang theo quà của vua Nhật gửi tặng nhà Chúa như gươm dài và dao lớn. Chúa Nguyễn Phúc Nguyên phong ông tước hầu, đổi tên là Nguyễn Toro, hiệu Hiên Hùng và gả trưởng nữ là quận chúa Ngọc Liên cho Araki Shutaro để giữ giao hảo với Thiên Hoàng đương thời...”

Khi không gã ngồi cần bút và chợt u hoài về quận chúa với ông hoàng thân Nhật. Bà theo ông về Trường Kỳ, sau ông Araki Shutaro một mình trở lại phát triển thương điếm và mất ở đây. Quận chúa Ngọc Liên mang tên Nhật là Anio và rất được người Nhật mến mộ. Khi mất, quận chúa được thờ cúng trong đền Daiongi. Đất khách quê người, bà cũng lặng lẽ nằm xuống để rồi hai mộ chí, một nằm đơn độc bên này bãi vắng, một u tịch bên kia biển đông. Một người có quận Hội An, cảm hoài xa vắng về quê ta xa mãi bên kia biển và có câu thơ: *Hiên chùa*

cỏ mộ ban sơ, vọng âm vô lượng chia bờ cõi em, con đường “Phải Phở” Hội An, ta ra biển ngắm ngày tang bồng về.

Với “Ngày tang bồng về...”, gã định mượn bốn câu này thay cho phần kết. Nhưng vẫn thấy có gì trống vắng và lạc lõng, vì qua chuyện gã bán với đất đai. Bấy lâu nay tha nhân chỉ hoài cảm đến Công chúa Huyền Trân cùng cuộc tình với tướng quân họ Trần. Và hững hờ quên đi chuyện củi lửa sài giang, sài thị của quận chúa *Ngọc Khoa* ở Đại Chiêm, quận chúa *Ngọc Vạn* tại Mỏ Xòai.

Nhưng là chuyện sau, vì gã vật vã những gì đang dở dang:

“...Chẳng bao lâu sau, Nhật bế quan tỏa cảng, đạo thiên chúa bị Mạc phủ Tokugawa ngược đãi, nên họ kéo về đây càng ngày càng nhiều. Bà thứ phi của chúa Tiên là người đầu tiên trong dòng họ Nguyễn theo đạo Ki-tô. Vì vậy, chúa Sãi đặc ân cho những thừa sai công giáo người Nhật được lánh nạn ở đây. Họ lập Dòng Tên rất lớn, là nơi gặp gỡ của các tu sĩ công giáo người Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và Pháp trước khi vào Phú Xuân gặp nhà Chúa. Họ kéo thêm thuyền buôn của người Nam Dương, Anh, Ý và ngay cả Hoa Kỳ, có lúc lên tới 6.000 người. Sách *Đại Nam Thực Lục Tân Biên* viết: Bấy giờ nhà Chúa trấn trên 10 năm, chính sự rộng rãi, quân lệnh nghiêm minh, nhân dân đều an cư lạc nghiệp, chợ không hoi giá, không trộm cướp. Thuyền buôn nước ngoài đến nhiều. Trần Hội An trở nên đô hội lớn....”

Gã mỗi điều thuốc và cân, đo, đong, đếm:

“...Hội An buôn bán tấp nập với thổ sản cau khô, quế, hồ tiêu, yến sào cù lao Chàm, các loại tơ sống, lụa. Người Nhật thường mua nhựa chường nãi, xạ hương. Người Bồ Đào Nha mua hắc đàn, trầm hương. Người Hòa Lan mua tơ lụa, vàng. Người Trung Hoa mua kỳ nam, ngà voi và...thuốc phiện.

Giáo sĩ Christojoro cư trú ở Hội An và mô tả thành phố này như sau: “Thành phố rộng rãi, nên có thể nhận ra hai khu vực, một ở phía tây người Tàu lập phố đầu tiên đặt tên là phố Đường (6) được gọi phố Trung Hoa. Khu vực phía đông được gọi là phố Nhật Bản với bốn phố là Mania, Phnonpenh, Ayuthya, ...(?).

Nhà Thanh chiếm Trung Hoa vào thời chúa Nguyễn Phúc Lan, công thần nhà Minh kéo về vùng này càng ngày càng đông, trong đó có “Tam Công” là Tây Quốc Công, Ngô Đình Công, Trương Hoành Công mua mười bốn mẫu ruộng đất ở giữa Cẩm Phô và Thanh Hà, dựng Cẩm Hà Cung. Người Nhật mua 20 mẫu ruộng của làng Hoài Phô và An Mỹ lập nên khoảng 60 căn nhà với 300 Nhật kiều gọi là “Tùng Bản Dinh” (7). Theo thời gian, hai khu phố Hoa, Nhật trở thành Hội An, Hội từ chữ tụ hội, An ở chữ an bình. Nhưng không an bình được lâu, Hội An có những bước thăng trầm qua cuộc chiến với gió thổi chiều nào theo chiều ấy, có lúc Hội An ngã về phía

nhà Tây Sơn, có khi nghiêng về phía nhà Nguyễn và sau bị nhà Tây Sơn tàn phá.

Ngay chính với cái tên cũng lên xuống như nước thủy triều, lúc đầu có tên là Lâm Ấp Phố. Dựa theo bản đồ của Alexandre de Rhodes, ghi chú là Hai Phố. Người Hoa phát âm là “Hải Phố”. Thêm giai thoại có ông Tây tới phố Hội An hỏi: Faifo? Nghĩa phải phố không? (8). Gần đây qua chữ nghĩa trên văn đàn còn có những tên tỉnh tự như Hoài Phố, Phố Hoài, Hội Phố...”

Đọc đến đây, ông John Barrow nhấm nhẳng:

- Chẳng dám võ đoán chữ tiên sinh bực bạch cứ như...thật vậy. Cứ theo sách “Hành Trình và Truyền Giáo Ký Sự” của Alexandre de Rhodes có viết: Thành phố đang phát triển này người Nhật gọi là Faifo. Rõ ra Faifo là tiếng Nhật là Đông Phố, hiểu theo nghĩa thành phố ở hướng đông, thừa tiên sinh.

Gã nhủ thầm: Ông này đúng là rồi hơi, mà chắc gì tư liệu của ông đã..."khả tín", họ gọi sao gã viết vậy. Vậy thôi. Thấy ông là người Hòa Lan, gã bèn..."gọi" cho ông một chai bia Heinerken để gã rảnh rang..."đánh vật" với những cái tên khác:

“...Như đã đề cập vì nhu cầu củi và nước ngọt cho thương thuyền ngoại quốc và cho chính mình. Chúa Nguyễn lập ra “chợ củi” ở Trà Nhiêu, nhưng vì nhỏ hẹp, trong khi dưới có một giải nước lớn và sâu hơn, đó chính là cửa Đại Chiêm. Từ đó, nhà Nguyễn lập chợ củi ở cửa biển này và được gọi là *Sài Thị* và con sông Thu Bồn là *Sài Giang*. Nhưng

cả hai tên này chỉ tồn tại một khoảng thời gian ngắn, tuy nhiên bản đồ của nhà Nguyễn, ngay cả nhà Lê, vẫn còn tên và dấu tích của hai địa danh trên. Tiếng Hán, “sài” là một vùng tiếp tế củi và nước cho ghe thuyền.

Trở lại chuyện Chúa Sãi gả quận chúa *Ngọc Vạn* cho *Miên Vương Chey Chetta II*. Miên vương tặng chúa Nguyễn Phúc Nguyên đất Mỏ Xòai (9) để làm quà cưới. Theo sử của người Miên quận chúa được phong là Hoàng Thái Hậu, sinh một hoàng tử tên Chei Chetta III. Miên vương băng hà, vì Miên triều sợ một người Miên gốc Việt lên làm vua, ít lâu sau thái tử Chey Chetta III bị ám hại trong một chuyến đi săn của hoàng gia. Buồn phiền vì con mất, bà Ngọc Vạn về Mỏ Xòai xuống tóc quy y một thời gian, bà mất ở đâu, khi nào sử nhà Nguyễn không nói tới...(10)”.

Thấy ông Tây đang mải mê “vật lộn” với chai bia, gã bèo dạt nổi trôi theo dòng sử Việt:

“...Tiếp đến năm 1631, chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên gả quận chúa *Ngọc Khoa* cho *Chiêm vương Po Romé* (Người Chăm gọi quận chúa là *Po Bia Út* và tước hiệu là hoàng hậu *Akaran*) để đổi lấy tỉnh Phú Yên và cho mở rộng cửa Đại Chiêm. Sau này hải quân nhà Nguyễn vào đến Cù Lao Phố, họ cũng dựa theo mô hình *Hội An* lập chợ củi rất lớn tên *Sài Thị* để đáp ứng nhu cầu cho chính mình, vừa cung cấp gỗ củi cho kinh đô, việc buôn bán giao cho

người Hoa để thu thuế. Bằng vào chợ củ của hải quân nhà Nguyễn, thời kỳ hoàng kim của Cù Lao Phố là đô thị cổ xưa, một thương cảng sầm uất của phương Nam.

Đột nhiên nhiên ông Tây ngoắc tay gọi hai chai Heinerken nữa. Gã chắc mẩm ông ta muốn đổi ỉm với mình chi đây thì khi không ông lẳng lẳng tu một chai. Còn chai kia ông buồn tình bỏ vàocái túi dết. Thế mới quái...

Vẫn ung dung nhàn hạ, ông Tây chỉ gã bức tranh thứ ba tên “Một nhóm người Cochinchina” nhưng không ghi chú gì. Gã thấy một nhóm người Chăm đứng chung quanh một người đàn bà quý phái. Ngồi xa gần đây là một ông quan người Chăm đầu quấn khăn, đeo gươm cong. Đứng cạnh người đàn bà là một ông quan An Nam cầm lòng, ngực đeo thẻ ngà, đầu đội nón chóp. Riêng bà quý phái đầu đội nón quai thao trấn Kinh Bắc, tay cầm quạt và mặc áo choàng dài ba lớp màu sắc khác nhau. Gã định hỏi xem có phải là *Hoàng hậu Akaran-Ngọc Khoa* không?.

Ông mãi mê ực bia không trả lời, gã đành “suu khảo” tiếp:

“...Nói đến Hội An thì phải nói đến cầu Nhật Bản (11) là một biểu tượng của Hội An, chùa được xây khoảng năm 1617 thuộc kiểu “thượng gia hạ kiều”. Cầu rộng 3 thước, dài 18 thước, trên có mái âm dương thường vẫn thấy ở đồng quê bên Nhật,

dưới có lối đi cho khách qua cầu. Trong thờ tượng Bắc Đế Trấn Võ cười long câu. Hai đầu cầu có tượng hai con chó ở phía đông, hai con khỉ ở phía tây bằng gỗ đầu đội bát nhang. Theo truyền thuyết người Nhật đặt 2 linh vật ở đầu cầu để thờ “Linh phù thủy khẩu” là vị thần biển phù hộ cho người đi biển tránh bị... cướp biển tức con Câu Long theo tiếng Hoa hay *con Cù* theo tiếng Việt...”.

Gã định viết tiếp có một thuyết khác cho rằng có khỉ và chó vì cầu xây từ năm Thân, xong năm Tuất. Vừa lúc gã thấy ông cười tùm: “Tiên sinh biết nhiều quá nên chẳng... biết gì cả”. Gã ó ra vì nghĩ ông... say. Thế nhưng ông lại cắc cóc thêm: “Xin đợi hồi sau với con thủy quái Mamazu sẽ rõ”. Gã vẫn chưa thông, ông nhồi thuốc vào cái ống vó cả một hồi lâu, bỗng đôi đề tài: “Xin mạo muội hỏi tiên sinh chứ con Cù là con gì?”. Không đợi gã trả lời, ông nhí nhằng: “Con Cù là con rồng đất, thừa tiên sinh”.

Được thể gã lại gò lưng với... cái cầu: “... Năm 1831, Minh Mạng 12 đặt tên là Lai Viễn Kiều...”. Thấy vậy, ông Tây tháo cái kính tròn vo ra lau lau và nhí nhằng: “Xin trình với tiên sinh rằng năm 1719 chúa Nguyễn Phước Chu ghé Hội An, đặt tên cầu là Lai Viễn Kiều, chiếc cầu của những người từ phương xa tới... và bút tích vẫn còn đấy. Thừa tiên sinh”.

Tiếp, ông đeo kính lại và khật khừ với “tác phẩm” của gã:

“...Hội An được hình thành, người Hải Nam lập chùa Hải Nam, người Quảng Đông có chùa Ông, người Phúc Kiến với chùa Hoa. Chùa Ông Bổn tức ông Bổn Đầu Công Trịnh Hòa, người có công giúp người Hoa di dân ra nước ngoài. Với người Việt, đặc thù với dấu ấn là nhà từ đường qua kiến trúc cổ xưa đá ngang, đá dọc đều được trạm mức chìm và mức tròn. Và dấu ấn của “con Cù” của Nhật trở thành hình tượng trên kèo chống và được kêu là “kèo cù”. Biểu tượng là nhà hình ống có khi thông qua cả hai phố. Những mái âm dương “thừa lưu” chồm ra sân sau và gần như nhà nào cũng có giếng cổ từ mấy thế kỷ trước...”

“Tác phẩm” vừa hoàn tất, gã hăm hăm hỏi ông John Barrow và cũng bắt chước ông nói chữ: “Tiên sinh thường lãm văn bài sao? Có hợp tôn ý chăng”. Ông nheo mắt trả lời cụt ngắn: “Được”. Gã nhủ thầm: Quái, phải nói là hay mới đúng nên hỏi gặng: “Vậy “*hay*” với “*được*” khác nhau thế nào, xin tiên sinh chỉ giáo cho”. Ông Tây gục gặc đầu: “Tiên sinh viết được. Nhưng không viết thì...hay hơn”. Ngõ nghe lộn, thế nhưng không, ông nắc cục một cái rồi gật gù: “Giả sử tiên sinh là bạn đọc. Tiên sinh ngẫm xem, bài vở gì toàn tên nhân vật, địa danh, niên kỷ, đọc trước quên sau thì ông cố nội ai mà nhớ nổi”. Nốc hết chai bia, ông Tây lè nhè: “Ấy là chưa kể tiên sinh kê khai thổ sản Hội An như kê thang thuốc Bắc ấy với chương nào, kỳ nam, hắc đàn thì có...ma

nó đọc”. Gã thâm lâu bầu là ông này say thật! Hay là...ma cũng nên?

Thế nhưng gã vẫn buồn...bâng khuâng. Buồn thì gã nhìn ra ngoài trời u ám và hoài cảm đến âm hưởng một dòng nhạc...*mưa vẫn mưa bay trên tầng tháp cổ, mưa vẫn mưa bay cho đời biển động*. Lại lẫn đăng với *mưa Hà Nội, mưa Sài Gòn*, ngược mắt nhìn bức tranh “Nhìn Xuống Phố Cổ” với những bức tường loang lổ, mái âm dương rêu phong ẩm ướt...Bất chợt ngừng lại ở cái cột đèn, đằng sau là một mảng màu xám nặng trĩu với những ký ức xa gần...Gã vẫn vương về những căn nhà không số ngõ không tên ở đầu đường cuối phố nào đó.

Thấy ông John Barrow gục đầu xuống bàn ngủ vùi từ lúc nào. Buồn tình gã lại đẩy đưa thêm chữ nghĩa vào bài viết với lịch sử là cuộc tái diễn không ngừng:

“...Nhà Tây Sơn đánh nhau với nhà Nguyễn, tướng của nhà Nguyễn là người Minh Hương nên nhà Tây Sơn tàn phá Hội An. Vì vậy có nghị án cho rằng nhà Tây Sơn “thù” người Minh Hương, nên khi nhà Tây Sơn đánh chiếm chợ Cù Lao Phố, họ giết 3000 người xác thả trôi sông. Vì vậy người Minh Hương kéo nhau về đất Sài Côn lánh nạn và lập nên phố chợ Đề Ngạn. Hai chữ Đề Ngạn, giọng Quảng Đông phát âm là Thầy Gòn. Từ Sài Côn, Thầy Gòn mới có tên Sài Gòn. Vô hình chung Sài Gòn phát sinh từ chợ Cù Lao Phố xưa kia ở Biên Hòa, hay nói

một cách khác đi, Sài Gòn đã mang dấu ấn của Hội An với sài thị và sài giang mà ra...”

Gã định gọi ông dậy xem khúc cái tên Sài Gòn “dầu do tiếng nào phiên âm ra chẳng nữa” thì bây giờ cũng đã đi vào...cổ sử rồi. Thì thấy ông John Barrow bỏ đi lúc nào chẳng hay, gã nhìn ra ngoài cửa kính thấy một đoàn tăng lữ già đi về phía chùa Cầu. Họ mang guốc mộc quai rơm, mặc áo bào trắng dây bên trong, bên ngoài lớp the nâu đen mỏng. Trái áo có thắt miếng vải nhỏ bắt cheo và buông thông. Gã nghe hơi nõi chỗ ấy là đoàn người từ Nhật mới qua để thăm phần mộ tổ tiên và trấn huyệt cho cả xứ Nhật vì khe nhánh sông Thu Bồn (12) ngay tại chùa Cầu chính là cái đuôi con thủy quái Mamazu và cái đầu nằm ở nước Nhật. Các nhà sư đến Hội An hôm nay để trấn huyệt con thủy quái đỡ vấy đuôi, nước Nhật đỡ bị động đất này nọ.

Ngó quanh ngó quắt thấy cái túi dết ông John Barrow để quên lại, gã xếp chồng bản thảo bỏ vào túi và rời quán Phở Xưa định ra chùa Cầu xem trấn yểm nhưng đoàn sư Nhật lại ra thăm phần mộ tổ tiên của họ trước. Ngày mai gã rời phố thị, thế nên gã theo dấu họ tới khu di tích mộ chum đất của người Chăm xưa xem một lần cho biết. Trên đường đi gã nghe thấy tiếng trẻ con reo hò “*Có dị nhân xuất hiện ở nghĩa địa*”. Gã làm như không nghe vì gã ngán ngẫm ông Tây già này quá đỗi, vì ông ta chỉ được cái nét khoa trương cái “kiến thức đóng hộp” của

ông ta và bắt bẻ chê bai là không ai bằng. Sờ bên ngoài cái túi “dét”.

Gã thấy chai bia u lên còm cộm...

Thế là gã cầm cúi bước dọc theo bờ biển tới khu di tích cổ xưa trong một chiều trên bến vắng nhưng chẳng thấy...cái chum nào, rải rác đâu đây chỉ là những nấm mộ chơ vơ. Nhìn quanh gã bắt gặp những thương nhân người Nhật xưa kia chọn mảnh đất này làm quê hương thứ hai với tên Việt là Mẫn, Nước, và vợ Việt là Lan, Huê,. Riêng hai ngôi mộ ông Hanjiro và Banjiro với kiến trúc hoàn toàn đặc thù Nhật nằm dưới lùm cây xanh tươi. Nơi chốn an nghỉ của người Nhật cũng khác lạ, mộ bia chỉ có tên và quê hương bản quán, mộ chí u lên tròn tròn như cái mai rùa và cái bia nhô ra ở đầu như cái...đầu rùa. Hay chi tiết hơn với ông Ngô Văn Văn và Ngô Văn Công, con của ông Shichirobei và bà Nguyễn thị Diệu qua hàng chữ: “Hiếu nam Văn, Công đồng phụng tự”. Gã hoài đồng vọng đến bên kia biển vắng, đất khách quê người nơi chốn gã “tạm dung”: Mai này sẽ có những nấm mồ hoang lạnh như thế kia ở nghĩa địa thành phố với những bia đá lưu danh ản tích *cử đầu vọng minh nguyệt, đề đầu tư cố hương* bằng vào những cái tên “Michael Nguyễn”, “Tony Trịnh”...

Định quay về để sửa soạn hành lý, ngày mai rời phố thị thì đập chát vào mắt gã là cái bia đá sần sùi

cao hơn gã. Buồn tình gã đứng ngay thuồn và rất thành kính, gã ngừng mắt lên lăm lăm đọc bút tích của người đi vào thiên cổ để lại nhắn nhủ cho kẻ hậu sinh gì đây. Đọc xong gã chẳng hiểu gì sất cả...

Vì giỏi ạ, ông giỏi có mắt xuống đây mà xem, người quá cố đã dựng bia và gửi gắm dòng chữ như thế này đây:

- Khi xưa tôi cũng đứng ở đây như bạn. Mai này bạn cũng...đứng ở đây như...tôi.

Chẳng cần ông giỏi xuống xem dùm, gã cũng có mắt vậy. Và gã nhòm xuống mộ bia một chút nữa và thấy họ tên của người quá vãng thật thân quen và quen lắm:

- *John Barrow.*

Thò tay vào cái túi “dét”. Gã thấy còm cộm và cái gì u u lên ấy vẫn còn mát lạnh...

Thạch trúc gia trang

Xuân phân, Mậu Tý 2008

Nguồn: Trần Gia Phụng, Phan Khoang, Nguyễn Đình Vượng, Nguyễn Khắc Họach, Vương Hồng Sển, Sơn Nam, Lê Văn Hào, Nguyễn Thị Chân Quỳnh, Nguyễn Tường Bách.

Phụ chú:

1 – Thăng Bình, đất của người Chiêm Thành do Hồ Hán Thương chiếm được. Gia Long đổi tên là Quảng Nam với “Quảng” là rộng rãi và “Nam” hiểu theo nghĩa là phát triển đất đai về phía nam.

2 – Tên Việt là Trà Bàn, Hán tự là Đồ Bàn. Hồ Hán Thương đánh chiếm phủ Thăng Bình, quân dân Chiêm Thành chạy về đây lập thành Đồ Bàn. Sau Nguyễn Hoàng tiến chiếm Đồ Bàn một lần nữa. Tiếp đến Gia Long đổi tên Đồ Bàn là Bình Định với nghĩa “bình định” được đất đai của hai miền Nam Bắc từ năm 1802.

3 – Chúa Hiền Vương cho người Tàu vào Cù Lao Phố (Biên Hòa) họ lập lên vùng đất tên *Sài Thị*. Gia Long đổi Sài Thị là *Sài Côn*. Năm 1861, từ “*Sài Côn*”, người Pháp đặt tên là “Thành phố *Sài Gòn*”. 1954, Bảo Đại đặt tên là “Đô thành Sài Gòn-Chợ Lớn”.

4 - Tên gọi “*khách trú*” từ Trịnh Hoài Đức (1765-1825) mà ra. Ông là người Việt gốc Hoa làm quan nhà Nguyễn, đi sứ nhà Thanh hai lần trong *Gia Định thành thông chí*, ông viết: “Sĩ tặc Bắc trào thần, cang thường trịnh trọng - Ninh vi Nam *khách trú*, trước bạch chiêu thủy”. Nghĩa là *không nhận chức quan nơi đất Bắc giữ trọn đạo cương thường, thà làm khách nước Nam, lưu danh sử sách*. Trong *Gia Định phú*, Trịnh Hoài Đức viết thêm: Ngồi lợp vậy lên, phố *khách trú* tòa ngang tòa dọc

Hiên che cánh én nhà quan dân hàng vắn hàng dài

5 – Đòi Hậu Lê, Lê Quý Đôn (1726-1784) qua Kiến Văn Kiếu Lục ghi: “Thời Vua Lê Cảnh Hưng thứ 13, người Trung hoa qua nước ta cả mất chục nghìn người bằng tàu nên được gọi là người Tàu”.

6 - Thiệu Trị 1841, người Quảng Đông lập thêm đường Tân Lộ. Tự Đức 1864, sát nhập làng đánh cá Cổ Trai vào Hội An.

7- “Giao Chỉ Quốc Mậu Dịch Độ Hải Đồ” của Chaya Shinkoru lưu trữ ở đền Jomyo, khu đất này được gọi là Nhật Bản Dinh vẽ 3 ngôi nhà cao 3 tầng của dòng họ Chaya ở Owari-Nagasaki.
“Dinh” theo tiếng Nhật là “Phố xá”.

8 - Theo *Voyage from France to Cochi-China* của Captain Rey, người Pháp vào năm 1819 viết: “Vịnh Tourane đã được ghi lại trong chuyến *Hải trình đến Trung Hoa năm 1772* của Lord Macartney. Nay tôi vẽ lại chính xác hơn và thêm một bờ biển từ đến đảo Tiger gần Huế. Fai-Fo giống như một hải cảng ở Ấn Độ”.

Như vậy tên Fai-Fo đã có từ năm 1802 thời vua Gia Long. Khi Captain Rey đến Việt Nam vào thời vua Gia Long chỉ có duy nhất 2 (hai) người Pháp làm quan cho triều đình nhà Nguyễn thời ấy là ông Jean-Baptist Chaigneau (tên Việt là Thắng) và ông Vanier.

9 – Với ý định tìm đồng minh chống Xiêm La, Chey Chetta II đến đất Thuận Hóa xin cầu hôn quận chúa Ngọc Vạn, con Chúa Nguyễn Phúc Nguyên. Miên vương tặng nhà Chúa đất Mỏ Xoài (tên Miên là Mô-xúi, tên Việt sau là Bà Rịa) làm quà cưới. Chúa Nguyễn khuyến khích dân Thuận Hóa vào Mỏ Xoài khẩn hoang, lập ấp. Sau nhà chúa cho những lớp di dân khác, trong đó có một số đông là tội đồ lưu xứ vào Đồng Nai khai khẩn đất hoang. Tiếp đến, nhà Nguyễn lấn chiếm miền đất phía đông của Miên quốc lập nên Đông Phố (Gia Định). Với Trịnh Hoài Đức địa danh này phiên âm từ tiếng Miên là “Giản Phố” rồi sau chép sai thành Đông Phố. Thời chúa Nguyễn Phúc Lan, quan lại nhà Minh chống nhà Thanh bị thất bại nên sang tị nạn. Chúa Nguyễn cho họ vào Cù Lao Phố (Biên Hòa) để khai thác đất đai, buôn bán để đóng thuế.

10 – Sãi vương Nguyễn Phúc Nguyên khi trấn nhậm Quảng Nam có 4 công nương theo thứ tự là Ngọc Liên, Ngọc Vạn, Ngọc Khoa, Ngọc Đánh. Sử ta không chép, nhưng theo sách sử Cao Miên do các nhà học giả Pháp biên soạn có ghi sự tích chồng con như năm 1929, Chúa Nguyễn gả con gái út Ngọc Đánh cho Mạc Cảnh Vinh sau được đổi qua quốc tính Nguyễn Phúc Vinh, con Mạc Cảnh Huống, để mở rộng đất Trấn Biên. Rồi đến Ngọc Liên... Riêng *Ngọc Vạn*, *Ngọc Khoa*, sử ta chép là “khuyết truyện”, là không rõ tiểu truyện chồng con thế nào.

Năm 1995 qua gia phả Nguyễn Phước Tộc, sử gia Trần Gia Phụng dành một chương “Ai đưa công chúa sang sông” việc lấy chồng của họ.

11 - Năm 1695, sư Thích Đại Sán tới đây nhận chúa Nguyễn Phước Châu làm đệ tử và viết sách Hải Ngoại Ký Sự, gọi Hội An là Quảng Nam Quốc và cầu là Nhật Bản Kiều.

12 - Thu Bồn là tên một nữ thần Chăm. Người Việt thờ cúng bà vào ngày 12 tháng Chạp mỗi năm và gọi là Bò Bò phu nhân.

Bên rổ rau muống

Mới sáng bánh mắt ra đã có tiếng kính coong gọi cửa...

Ngộ vừa đi ra cửa vừa lảm nhảm: chạy trời không khỏi nắng, không ai ngoài ông *thầy cúng* đây. Cuối tuần nào cũng vậy, cứ bảy tám giờ là ông ta đã lừng khùng có mặt trước nhà, tay tờ báo, tay điều thuốc lá. Và chậm rãi giật chuông như điểm hồi chuông chiêu mộ, vang vọng cứ như gọi đồ sang sông ấy.

Khách của bố đi qua gian bếp. Ngộ quơ cào rổ rau muống, ba mớ cà leo lên sân thượng sửa soạn bếp núc trong ngày. Nếu tiện tay thì tưới thừa rau ở trên đó, cô nghĩ thầm vậy. Mà sân thượng nhà cô nào có gì, toen hỏn một khoảng trống nhỏ hẹp, thu vén chỉ loe ngoe dăm mớ rau thơm, lèo tèo vài khóm ớt trồng trong mấy bệ gạch. Rõ ra thua đứt mấy nhà ông bà hàng xóm có cả cây leo cho giàn bầu, giàn

bí. Nhưng cái khoản riêng, lá mơ thì không thể thiếu với bố cô. Trái nắng trời trời bố cô vẫn thường hoài đồng vọng là gỏi cá sống phải đầy đủ một đĩa lá bứa, lá ổi, lá quất, lá dái mít... Mỗi lần mẹ cô mảy mò với món đồ nhắm trên, thể nào bố cũng chêm một câu vớt vát: “Gỏi cá sống phải có lá sung... và ăn từng tục mới ngon”. Nhưng đó là chuyện năm xưa năm xưa.

Các cụ ta vào trong Nam, tứ tán tám hướng mười phương, nhớ nhà nhớ quê nên mang theo cả vườn tược vào đây. Rau mùi, tía tô cũng theo chân các cụ chọn mảnh đất eo sèo này để sinh sôi nảy nở với sáng nắng chiều mưa. Đất lạ quê người, các cụ có thể đổi cách ăn mặc, đổi tính đổi nét, nhịn ăn như nhịn cơm sống nhưng món nào ra thức nấy, không thể thiếu và cũng chẳng đổi thay, như ăn trầu phải quét tí vôi cho cay lưỡi đỏ môi. Vàng bạc có giá, rau cá theo buổi chợ nay còn rơi rớt lại là mớ rau muống nằm trong rổ ngay trước mặt cô đây. Cô vẫn vợ tiếp, dầu gì các cụ hay ngay cả bố mẹ cô cũng vẫn còn một chuỗi quá khứ với cây đa bến cũ con đò xưa để hoài cổ. Riêng cô, thu vén cho lắm tối năm không, cũng không ngoài một tấm chồng. Chồng cô là người tình đầu đời: Gặp. Yêu. Rồi lấy... Như xỏ chỉ luôn kim nên chẳng lẽ rồi hơi hoài cổ nhân mãi ở tận chân trời góc biển nào đó...

Dậu đổ bìm leo, cô mượn bóng mát dưới mái hiên của cái sân thượng với cái ý nghĩ tuềnh tàng, ngày đi đêm lại, cuộc sống cứ vật vờ nổi trôi tẻ ngắt... Thế nhưng cô hay ai đấy, một ngày nào đó gặp nhau ở bên đường... Cô và họ cùng vấp ngã, lom khom đứng dậy nhìn lại thì chỉ là một hòn đá thô meo mốc, để rồi quãng đời của cả hai, sau đấy có những lao xao đổi thay:

Nhớ ai nhớ tận cuối tuần

Nhớ quay nhớ quất, bản thân nhớ ai

Cái kim nằm chết dí trong cái bị cói lâu ngày cũng lòi ra... Như một khúc phim trắng đen quay chậm, hình ảnh rời rạc khi ẩn khi hiện... Với cô, như cuộn chỉ rối đang được tháo gỡ trong một ngày nhạt nắng với buổi sáng hôm nay đây...

Nếu như trước kia, Ngộ lắm bận bực dọc với *người này* lắm, nhưng tính Ngộ hay cả nể. Và lại ông là bạn thâm căn cố đế của bố cô, cũng là con mòng “cúng” tiền nước, tiền điện cho cả nhà nên mới có cái tên thầy cúng trên. Ngộ tùm tùm cười thầm vì học mót các cụ câu... đen nghĩa là không đỡ. Lại nữa, không có ông thì canh tổ tôm cũng sập sùi. Nhà bé bằng lỗ mũi, khách chơi bài ồn ào như cái chợ, vì vậy Ngộ phải trốn lên cái sân thượng, riết rồi thành quen. Ấy cũng là thế giới riêng của Ngộ để ẩn thân, dấu mặt từ ngày lấy chồng. Nhưng nhờ có khách chơi bài nên bố mẹ cũng khuây khỏa được ngày cuối tuần... Như Ngộ lúc này vậy.

Ngo hồi tưởng lại những ngày mới lớn, ngồi chồm hồm bên chiếu các cụ chia bài thoăn thoắt...Gừng càng già càng cay chả biết đúng không, nhưng Ngo phải công nhận là các cụ cũng bát nháo lắm, thì nó sờ sờ ra cả đấy như bánh đúc bày hàng có gì phải nói ngoa. Số là có “cụ” tuổi thọ mới lớp ngóp bốn mươi đã bày vẽ lễ tứ tuần đại khánh. “Cụ” khác chớm năm mươi đã âm ừ với ngũ thập tri thiên mệnh. Giỗ tết mấy cụ trịnh trọng khăn đóng áo dài, đầu môi chót lưỡi “bắm cụ” với “kính ông”. Bỗng cô cười tùm với câu chào hỏi mà cả mà rập “thưa chị” với “thưa cô” của ông dờ hơi nghe ngứa cả ruột! Bỗng dưng không đâu hai chữ “thưa cô” với “thưa chị”, thêm một lần...*người ta* lại đi guốc nhảy bỏ vào đầu Ngo để mà ngo nguậy đến nhức nhối.

Với ổ rau muống này, làm ừ cái là xong, nhưng cô vẫn nhờn nha đợi, đợi gì cô cũng chẳng biết nữa. Bỗng dưới nhà lại có thêm tiếng chuông rộn rã, Ngo đoán thăm khách tổ tôm đã tới đông đủ. Ngo lại thả hồn theo mấy cụ với một thuở hoàng kim nào là tậu ruộng sâu giữa đồng, trong nhà sập gụ chân quỳ, trái chiếu hoa cạp điều, ngoài vườn thì chuông rậm rịch lợn đàn trâu nái.

Sẵn cái mạch quê hương bản quán vạn kiếp tha hương nghìn đời thê thảm ấy, cùng cái gạch nối giữa cô và bố mẹ chẳng qua là chuyện nắng mưa, là ruộng vườn ở mảnh đất Bắc Ninh chìm khuất nào đó. Hóng chuyện, cô cũng thấy nao nao, càng nhớ

nơi chốn bỏ đi của bố mẹ, càng thương những giàu mòng toi quanh năm xanh lá, cùng rặng tre cuối vườn. Nghe kể lại thì nhà bố mẹ Ngọ ở quê hình chữ môn. Cô chẳng biết chữ môn ra sao, chỉ biết ba gian hai chái. Giữa là sân, một bên là kho chứa, chật ních với bừa, cuốc, cào, bên kia là chuồng trâu, chuồng lợn. Hồng nhà là ao cá, vườn sau um tùm với bông, nhót, ổi. Gặp ngày mưa dầm dề, làm biếng đi chợ, nhặt nhanh ít rau sau vườn, cả nhà cũng có bát canh rau dền. Lười chảy thây ra thì quèo cào nắm rau đay vài nụ mướp. Ngày rộng tháng dài, cô lại bồi hồi đến mẹ cô những ngày còn con gái quanh quần bên cái sân được lát gạch Tàu đỏ nâu gan gà, hòn nào hòn nấy vuông vức, chắc nịch. Đâu đây đẳng góc vườn, vết chũng lờ mờ của mấy phiến đá xanh, viên nào viên ấy to bằng gần nửa cái bàn mộc chất một đồng ở góc vườn. Sau mấy bác lực điền ịch khuân ra dựng đứng ở ven sân, cô mới biết đó là mấy tảng đá để đập sảy này kia.

Không chỉ có bấy nhiêu, vì rằng còn nhiều nữa đang ngập đầy trong cô, nhếch nhác cùng những ngày tháng qua mau... Là ngày chạm mặt ông bạn vong niên của bố cô với gọng kính đòi mồi như hai cái cái quai chảo, là Ngọ thấy ngứa mắt. Người gì mà mặt mũi hăm hăm, gà gà mắt lên như người say thuốc Lào, mở miệng ra trịnh trọng giống ông lão với thừa gửi. Mà ông ta... già gì cho cam, ngót nghét thua tuổi bố Ngọ một con giáp là hết đất. Vậy mà

với bố Ngọ, một già..."một trẻ" làm như tương đắc lắm. Riêng với Ngọ thì chả tương đắc tương bản gì sất cả, ngoài cái bộ vó như ông từ giữ đèn...Nói phải tội, cân, đo, đong đếm cho đầy, người ta chỉ được một cái là chửi chu mực thước. Vậy mà Ngọ lại mát lòng mát dạ với tiếng.. "cô" tiếng "chị", nghe chẳng xa lạ mấy. Nhưng cô nghĩ mình cũng rắc rối tề, nghĩ lại cái lúc một tay chia bài tổ tôm 120 quân, trong đó một quân bài có ông râu dài được làng gọi là...ông cụ. Từ thầy cúng, cô gọi người ta là..."*ông cụ non*" như gọi tên bốn mùa lúc nào cô cũng chẳng hay.

Với quá khứ vị lai, lùi lại năm năm về trước, bạn cô dậy khôn rằng chuyện tình của cái tuổi ô mai cũng chỉ lẩn quẩn ở anh bạn hay...ông hàng xóm. Anh bạn thì còn đang mãi mê chơi bi, đánh đáo nên cô phải chui qua hàng rào bên kia vườn tìm kiếm và nổi buồn chạm mặt là gặp ngay anh Nam kỳ giá sống. Cứ vậy theo năm tháng, có ai nắm tay được đến tối, gỏi tay được đến sáng đâu, cho đến cái tuổi...lấy chồng để cứ ngỡ ấy là tình yêu. Gần ngày cưới, mẹ Ngọ thở dài thườn thượt: *Mẹ bố cô nhá, chồng còn thì lấy vợ còn, năm phẩn thì chặt, năm long thì vừa* và mặc nhiên như chuyện đã rồi với tình Bắc duyên Nam.

Mãi mê nhặt bỏ những cọng rau héo, cô loay hoay với chuyện mới đây, nghe hơi nòi chỗ ông cụ non ấy vừa thừa được một bà nạ dòng về

hầu...Nghe các cụ kháo nhau, rõ khéo: *Chuyến này tậu bò lại được cả bê. Hay: Ối dào, trò đời đàn ông như cái nơm, chòm chop úp xuống cầu may đấy mà.* Cụ khác góp chuyện: *Cá mè một lứa, cái ngữ ấy trước sau gì cũng được chim bẻ ná, được cá quăng nôm ấy thôi.* Nghe lóang thoang cô cũng chẳng bận tâm, vì chuyện trâu buộc ghét trâu ăn là chuyện của các cụ. Hoặc giả con trê cũng tiếc con diếc cũng ham là chuyện của ông cụ non, nào đâu có dây mơ rễ má gì đến cô. Ấy vậy mà...

Ấy vậy mà lây lắt từ chuyện này qua chuyện kia những ngày rau lụi, cô liên tưởng đến một lần ông cụ non ngồi ăn cơm với bố cô. Bố cô nói với ông...bạn già: “Chú biết bói toán, chú chắm cho nó một quẻ.” Cô chỉ nghe ông đáp: “Dạ vâng”. Rồi thôi. Thấy cánh lá mỏng toi tươi tốt, bố cô nháy nhó với ông cụ non và thơ thẩn *nếu đừng có giậu mỏng toi, thế nào tôi cũng sang chơi thăm nàng.* Cô thấy ông ngồi rung đùi và gật gù, từ rau mỏng toi ông cụ non bắt qua rau muống. Nào là phải cắt ngắn từng hai đốt ngón tay, nào là luộc rau cho tái lên, trộn với khế thái mỏng. Rồi bỏ vào mấy con tép, rắc mè rang, phủ nhấm ba lá húng chũ, kinh giới và chắm với mắm tôm chanh đường. Khế thì phải thái xéo, trước khi ăn, phải dốc nghiêng đĩa cho bớt nước. Giời ạ, mực ăn uống thì chém chết ông khánh ăn và hợp với bố cô ở cái khoản này.

Một lần cả nhà về Cái Sắn thăm ông bà ngoại, có ông Tần đi theo, rồi hình như mẹ cô hỏi về cái

tên của ông. Nhìn bẻ rau muống nhấp nhô, lững lờ cùng những bông hoa tím nhạt hay trắng, ông bảo rau muống còn gọi là...rau tần, dựa vào hai câu thơ của một ông thi sĩ nào đó nhìn ra cánh đồng thấy đầy những rau muống và làm thơ *mưa bay trắng lá rau tần, thuyền ai bốc khói xa dần bến mưa*. Ông lơ đãng nhìn lên trời xanh, mây trắng, nắng vàng và nói một ngày nào đó, ông sẽ viết về...rau muống của đất quê. Cô lững lờ nhìn ông, thoáng đôi mắt già nua hanh hao sương khói, lại ra dáng có...tạng văn sĩ như hớp hồn cô. Đất quê vệt vờ trong tâm tưởng bấy lâu nay cô bắt gặp qua ông cùng bờ mương, ao cá, ruộng vườn, và cô như lịm dần trong âm hưởng hồn quê cùng cái giọng rất....Bắc kỳ rau muống của ông.

Dâu là con, rẻ là khách cũng...đúng thôi như mẹ cô vẫn hay nói. Chả là chồng cô những ngày mới quen trước kia ít nói, nói theo kiểu người Nam là không rườm rà “màu mè ba lá hẹ”, lại lù khù như cu cườm ấy. Ấy vậy mà cô thấy dễ thương bao nhiêu, nay về làm rẻ Bắc càng đụt bấy nhiêu. Mẹ cô chỉ ào ào “cóc đòi đi guốc” với nôi nhà ai quai nhà nấy. Riết rồi cô cũng mặc, hồn ai nấy giữ. Nói cho ngay tính cô lật đặt nên chuyện lấy chồng sớm cũng lật đặt như ma trật đám quải. Nặng nợ với chữ nghĩa thì nay nào có khác gì với...*tôi vẫn đi bên lề cuộc đời, ái ân lạnh lẽo của chồng tôi*. Lúc đầu cô chót chét nghĩ đời con gái một lần, lựa chỗ chắc chắn...ngay bên cạnh nhà cho chắc ăn. Chồng cô lại hiền như

Bụt, lành như đất, lao xao mờ ảo khổ thân một đời. Vậy mà chả ra làm sao cả, ngô không ra ngô, khoai chẳng ra khoai. Để rồi mặc ai nấy sống cho riêng mình như cá bỏ rỉ cho mãi đến tận cái ngày cô tìm ra cái mái hiên trên sân thượng này để nấp bóng.

Đó là chưa nói đến cái tuổi cập kê gần đây chứ đâu, cô vẫn chả biết chuyện vợ chồng nó méo như củ ấu ra sao... Cho đến một tối, cô đang chong đèn học bài, đêm đã khép cánh. Bỏ đi khuya về tắt, cô dẫu mẹ ra mở cổng thì cả xóm nhà cô họ đã đi ngủ từ chập tối, “tv”, “ra-di-ô” đều ăng tiếng. Nhưng dẫu có họ cũng chẳng xem, chẳng nghe. Giờ này là lúc họ làm khổ tai nhức óc lảng giềng và họ đây là cặp nhân tình nhân nghĩa ngay sát cạnh nhà... Giữa khuya đèn lu dầu kiệt, tôi bức như lò than, bỗng bên kia bờ tường thấp, như khéo trêu ngươi, văng vẳng vọng qua tiếng đủ đờn. Họ câu chí nhau. Họ nghịch ngợm nhau. Họ thở rít lên như tiếng bể. Rồi thỉnh thoảng đóng lên những tiếng chối tai: “Cẩn chó gì mà đau thế, bố ai mà chịu được”. Rồi có tiếng chửi đồng chen chét như dao liếc trên đá: “Tiên sư thằng nhãi, bà đã mệt phờ rồi mà còn hành bà à”. Tiếp: “Su cha mà, bà truyền đời báo danh cho mà biết, không có bà nằm ngửa ra thì lấy chó gì đổ vào nôi à. Nói cho mà biết...”. Ngừng một chút, tiếng chanh chua lại rõ hơn: “Mày nữa, mày còn liếc ngang liếc dọc con mắt xanh đỏ mỗ nào nữa tao cho một nhát xong đời đấy, hiểu chưa, chó nào chủ ấy chứ. Cái hạng mày cứ sấp mặt xuống...”.

Cô thuôn ra không hiểu với..."sấp mặt xuống" đến...."ngửa mặt lên" là gì. Khi không cô liên tưởng đến ông cụ non với bà nạ dòng đang ở đâu đó. Cô nhìn bố. Bố nhìn cô lắc đầu và ngần ngừ nói: "Gần nhau chẳng hẳn là cứ ăn nằm với nhau".

Ôm nhẹ vai cô, bố đằng hắng và tiếp: "Lớn lên con sẽ hiểu".

Với cái tâm thái liêu xiêu như thế, cô lan man về cái hôm khách tổ tôm neo người. Cô đang ngồi nhặt rau trên sân thượng, bỗng cô thấy ông ở đằng sau lưng cô hồi nào không hay. Người cô đuồn ra như con cá rô đực và tảng lờ làm như không biết, vẫn cắm cúi bầu, ngắt những cọng rau già. Thấy cô nhặt rau, ông vừa đứng vừa đẩy đưa bằng cách nói chuyện...rau muống. Rằng cứ chân quê theo các cụ ta thì không gì thâm thía, ngọt ngào hơn câu ru con trong buổi trưa hè, vồng đưa kéo kệt *còn ai còn đó còn đây, còn ao rau muống thì còn chum tương*. Ông nghiệm ra một nhẽ, rau cỏ hình như đều chất lọc từ cái hồn của đất, cái tinh khiết của hương trời. Như rau muống có từ tháng chín ta, nhưng đến lúc đó chưa hẳn là ngon, phải qua những ngày rét đậm, rét ngọt, cây rau muống mới trắng, mới mềm. Qua cái rét của tháng giêng, tháng chạp, rau muống vừa ngon vào mùa xuân. Sang tháng hai, tháng ba có mưa rào, trứng cóc nở đầy ao rau, rau ăn cứng quèo, nhạt thếch. Rau muống cấy trên nước cạn quanh bờ

ao, sâu khoảng hơn gang tay, lá xanh mỏng và cọng mềm trắng, nên gọi là rau muống trắng. Còn rau nổi trên mặt nước thành từng bè, cọng dài lá to là rau muống đỏ. Và có khác là cách nấu nướng, như ông chỉ thích gỏi rau muống, hay nhام rau muống, mà ít lâu nay chỉ riêng..."cô" mới làm vừa ý ông thôi.

Cô vẫn lui cui với rửa rau, vẫn vánh vất với *tháng ba có mưa rào, trứng cóc nở đầy ao rau* như nhời ông nói. Rồi ông lững thững quay đi, ngỡ đi đâu, hóa ra ông ngắm nghía hòn non bộ to gần bằng cái bể nước mưa. May mà hôm nay, cơn mưa bóng mây vội vã đến, rồi đi, mấy con châu chuộc ểnh ương không u ơ..."gọi tình". Cô chỉ sợ ông nhòm thấy con cái..."dính chặt" với con đực thì ê mặt, thì cô chả biết trốn vào chỗ nào.

Tiếp đến, ông tản mẫn nhìn cái chuồng chim bồ câu, hôm nay lũ chim lại đi bay đi xa kiếm ăn, chẳng còn con nào ở lại. Cô lại sợ ông dòm thấy con trống..."tỏ tình" với con xám thì cô chỉ có nước độn thổ. Cô chợt nhớ đến bố cô và ông vào cái năm nào bàn chuyện lấy chồng của cô với bói toán rồi ông tịt mịt. Và cô đợi dịp này chỉ có hai người để hỏi cho ra nhẽ. Vừa lúc ông quay lại, cô ngượng ngập ngẩng đầu lên tính hỏi thì rõ chán như cơm nếp nát...Vì ông lại lần mẫn tiếp câu chuyện còn dở dang là...đất quê năm nào giờ dở chừng, gặp trận mưa sập sùi, mấy ngày mấy đêm. Tuần sau đất quê lại nắng nóng, nắng hanh nữa thì ôi thôi, cái giống này ngập ao,

ngập vườn, chỉ tổ béo cho đàn lợn sề, lợn ỉn, vì vậy mới có...rau muống lợn.

Khi không ông thở ra như bò thở nào là gặp những trận mưa sục sùi cả tuần, cả tháng thì đất quê sục bùn nhão, moi lên hạt cơm, hạt gạo khô như trâu. Ấy vậy mà đất quê gieo gì lên nấy, cam chịu và biết nghe lời. Một cánh đào tận đất Bắc xa xôi, sau khi đã ngấm xong ba ngày Tết, ném vào đất, đất vẫn nhẫn nại nuôi cây. Đào không hoa nhưng bung xòe chồi non, lộc biếc. Vắt một hột xoài cát từ miền Nam, đất quê lại nhẫn nhục vun xén. Trái chua, ừ làm sao ngọt được như đất người, nhưng cứ là trái. Xoài chua loét nhưng vẫn là xoài. Đào không hoa nhưng cứ là cây. Nghe thùng xong, cô cúi mặt, vì chả hiểu ông muốn nói gì với đào Bắc, xoài Nam. Cô chợt nhớ ra bà vợ ông người Nam. Ừ thì chua loét nhưng có gì lạ đâu, ấy là chuyện của ông chứ chả nhúc nhắc gì đến cô. Mà nếu có thì ông bóng gió gì đây với đào ném xuống đất, đất vẫn nhẫn nại nuôi cây? Hay là ông muốn ám chỉ cô với chồng cô. Dám lắm ạ, lại còn xa xôi với đào không hoa nhưng bung xòe chồi non, lộc biếc. Nghĩ tới các cụ ta nói gái một con trong mồn con mắt, mà cô đã có gì đâu, lại đang...đào không hoa.

Nghĩ đến con cái, cô ngập ngừng hỏi trông không, như hỏi người dung nước lã: “Ông là thầy bói hử?”. Ông tùm tùm cười và ngồi xuống cạnh cô, ông cầm bàn tay cô mò mẫm, đường gia đạo chi chút như khu Bàn Cờ. Ông đắm đắm nhìn vào lòng bàn

tay và chậm rãi nói cung mệnh có thiên việt, thiên khô, thêm cát tinh hợp chiếu nên cô thích ăn dật, cung này có thiên đức, nguyệt đức nên có sức thu hút, quyến rũ, có duyên và đa tình nên...hợp với văn chương chữ nghĩa...Cô nhủ thầm, cái này thì chém chết là bố cô chỉ đường cho hươu chạy để ông hươu vượn đây. Chợt cô chợt dạ...Ừa mà xem chỉ tay sao lại có...sao sệt, sao chiếu hay ông tính dở trò chăng? Liếc nhìn ông thăm chừng, mặt ông cứ lặng như nước ao tù, trong khi mặt cô đỏ như quả mận chín. Ông lại mân mê tay cô, trong cô có một chút giao động lâng lâng khó tả.

Như thấy cô đang rối rắm, ông không nói chuyện sao hôm, sao mai nữa, mà ngó chăm chăm rõ cà, với tinh thần ăn uống, ông nhì nhằng hỏi cô nấu cơm Bắc hay Nam. Chẳng đợi cô trả lời, ông tiếp chuyện...ông đầu rau. Ăn vẹt ở mồn thì đã là người Bắc mình ai mà không xiêu lòng với miếng cà muối chua chua, nhai cứ giòn sần sật, thêm lá ớt đỏ tươi cay xé lưỡi. Hôm nào có bát canh rau đay, canh mồng tơi, thì thế nào cũng phải có được dầm quả cà muối quen thuộc. Thế rồi chẳng hỏi mà khai, ông quya quả bắt qua chuyện tình cũ sì từ cái thuở tám kiếp nào. Nào là mỗi buổi chiều đi dậy học về, ngồi bần thần nhìn mâm cơm, nhớ những ngày tháng màu tím hoa cà, miên man hoài niệm dai dẳng về người tình vừa bỏ ta đi...như những dòng sông nhỏ...

Hết chuyện, cô nhòm chẳng thấy mặt mũi dòng sông nhỏ với người tình vớ vẩn của ông ở quanh

đây. Nhưng cô biết dưới sân thượng đằng kia là cái nương, cuối ngõ là cổng rãnh có cả trăm con lăng quăng. Có một dạo, cô vớt chúng lên sân thượng nuôi cá vàng trong cái hòn non bộ, rồi lũ lăng quăng thành con nòng nọc và sinh nở ra cóc nhái thế thôi. Chẳng phải vì nghe đến “người tình bỏ ta đi” mà cô eo sèo với mấy châu chuộc, cóc nhái.

Rõ ra từ ông, bắt quàng qua mẹ cô, mỗi lần nói chuyện bếp núc thì mẹ cô lại than thở là đám con của bà như lũ vẹt chống gậy. Nào có gì đâu, cà thì phải gọt sạch nuốm, ngâm vào vại, mà vại cà nào chẳng có nước, có dấm, nêm chút muối, chút đường. Chỉ khác một nhẽ là cà muối sổi thường là cà pháo, nếu là cà bát thì cắt ra từng miếng, cho thêm mấy nhánh tỏi đã đập để cho cà trắng. Cà phải trắng phau, ròn tan mới ngon mắt, sướt mướt, nhớ đây bằng cái vỉ tre, ba, bốn ngày sau thì lấy ra ăn. Còn cà nén thường là cà bát. Mẹ vẫn nhắc chừng chị em cô, đừng quên cho thêm vài củ riềng giã nhỏ để có mùi thơm. Sau đấy dùng cối đá nén khoảng dăm tuần để trái cà đẹp lép, vì vậy các cụ ta vẫn thường hành ngon, hành tỏi ví von là cà riềng, cà tỏi là thế.

Thế đấy, từ...mắm, tỏi, ớt, đường, cô nói vãi thì hay nói vợ ...qua cay, đắng, ngọt, bùi. Nhìn cái mành nhện giăng giăng trong chậu cây, cái đầu cô đẩy đưa đánh bạo hỏi ông về chuyện gia đạo. Ông hóng mắt vào chú nhện đang giăng tơ và dường như ông cũng đang giăng một mảnh lưới tình với một

mai. Ông trầm giọng về cung mệnh cô có sao đào hoa...chiếu mệnh, vì đang có người áp ủ hình bóng cô với thương và nhớ. Ông khẽ khàng như để mình cô nghe: *Một mong, hai đợi vẫn vương tình. Ba thương, bốn nhớ, cô mình ngẩn ngơ. Năm chờ, sáu tưởng đường tơ. Dù không quen cũng bảy, tám, chín mơ, mười tìm.*

Đầu óc cô vẫn vương rối mù, bất giác cô ngẩn ngơ nhìn lên bầu trời có những gợn mây kéo về qua những sợi dây điện cuối ngõ. Đảo mắt qua cái chuồng bồ câu, hai con cái con đực cũng vừa bay về chuồng. Cô lại cầm cúi xuống nhặt hai quả cà trái mùa, cô vâng vâng và chẳng nói chẳng rằng một tiếng. Lờ mờ như cá ngộp nắng, thoáng như cô chớm cảm ông thì phải, cô cũng chẳng biết nữa. Cô chỉ biết rằng hình ảnh của ông với đôi kính cận mà cô đã áp ủ từ cái tuổi ô mai nay theo thời gian ẩn hiện qua ông thật rõ nét. Bỗng dưng mặt cô như lá chuối hồ lửa vì khi không cô bắt gặp ông qua hình ảnh bố với cái khoản đào hoa lãng nhãng, cứ như theo cô, cũng chẳng kém gì bố cô bao nhiêu. Bất giác cô thở dài, khác hẳn với...chồng cô, như đôi đũa lệch. Lúc này cô mới thấy cay như vãi ớt.

Nghe tiếng thở ra như một cơn gió thoảng của cô, như đọc thấu tâm can cô. Ông chậm rãi băng quơ với ai đó: “Trong người đàn ông bao giờ cũng có hai người đàn bà, một là người vợ và một là người tình”. Cô nín lặng nuốt từng chữ, chẳng dám ngừng đầu lên. Trong người cô như chùng xuống, như có

tiếng nói trốn chui trốn nhủi trong tâm khảm, bây giờ mới rủ rê nhau mò mẫm chui ra. Cô thầm nói trong vô thức cùng buông lời: “Đàn ông như anh nói thì dễ, còn đàn bà như em thì...”. Cô chợt bất gặp với chính cô, cô vừa thầm gọi ông bằng “anh” và cô lại xưng “em” với ông... Đồng cảm như cô, ông nói thật nhỏ như gửi gắm với chính ông: “Đến cuối đời, tôi vẫn còn đang đi tìm một người người tình cho riêng tôi, chỉ mình tôi. Bây giờ và mãi mãi...”.

Bóng “tôi” khuất chìm sau cầu thang, nhưng tiếng ông còn rơi rớt lại xóay vào đầu vào tim cô. Và cô buông một tiếng thở dài. Người cô như tê dại, cô lằm nhằm trong tâm tư chìm khuất: “Anh làm em khóc bây giờ”. Cô như phân bua với “tôi”, người vừa vắng mặt quanh đây. Cô bám víu, níu kéo: “Đã bảo đừng nói mà” và cô cũng chẳng biết mình nói với ai, với ông hay chính mình. Cô như bừng tỉnh giấc mơ hoang, cô chẳng giấu giếm với chính cô: “Vậy là điều em lo sợ nhất cũng đã tới làm em chóng đờ không nổi”. Cô đang muốn khóc và cô đang sợ.

Như một cái gì không tên ngũ quên trong ngõ ngách của tâm thức với cả một thời gian dài ẩn khuất, dấu mặt. Bây giờ nó đánh thức cô dậy và cô thầm khóc vì hạnh phúc có thật đang chan chứa trong cô. Cô lặng nhìn mớ rau muống trong rổ, cô vẫn vơ đến *những ngày tháng màu tím hoa cà, miên man hoài niệm dai dẳng về người tình vừa bỏ ta đi... như những dòng sông nhỏ*. Cô sợ những hợp

tan, những mắt mát. Cô nhìn lên chuồng chim bồ câu và ước gì mình có một đôi cánh dang rộng, cô thốt lên trong khoảng không với mây trắng giăng giăng cuối ngõ: “Em lại bay bổng rồi nữa rồi anh ơi”.

Như một chuyện tình có thật ẩn nấp trong cô bấy lâu nay...

Loay nhoay mây tháng rồi, vậy mà cô thấy như mới hôm qua.

Sáng nay ông vừa mới đến và đang ở dưới kia nói chuyện với bố cô. Thấy ông mang tới túi sấu xanh miền cao nguyên đất đỏ, cô cười mỉm chỉ loay hoay với ý nghĩ tình nghịch, với ông Bắc kỳ rau muống này, hay là nấu canh rau muống với sấu chua cho ông ấy...”xoi”. Cô lại đổi ý, hay là muối sấu cho ông ta một hũ dưa chua, thêm chút rau cần, nhóay một nhát là xong ngay ấy mà. Cũng dễ thôi, thêm ít giá sống, rau răm và hẹ. Thường thì theo mẹ cô, muối rau muống với rau ngổ trâu vì hai cái giống này hay mọc chung với nhau ở ao nhà. Nhất là mới sau cơn mưa đầu mùa kéo dài cả tuần lễ, lại gặp nắng hanh. Những cọng rau to bằng cái đũa, lá ra môn mơn xanh mầu cốm giót, dài như lá tre, ngoi ra khỏi bờ và bò lồm ngồm trên mặt cỏ, cứ như rau muống đỏ vậy. Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa, cắt thái mớ rau muống, rửa sạch, ngâm hũ dưa chua một cái roàng là xong, cô ngồi thờ người và dùng dằng chẳng biết mình thần thơ gì nữa.

Nhóang một cái đã giữa năm, ngày tháng vẫn đứng đĩnh đi qua...Lúc này là tháng sáu, tháng sáu trời mưa trời mưa không dứt, cô nhìn lên bầu trời xanh như đi tìm những đám mây báo hiệu cho cơn mưa đầu mùa nhưng chẳng thấy. Dường như cô đã đâm đả với..."ông bạn già" của bố cô thì phải. Cô lại được dịp tùm tùm cười thầm qua khuôn mặt ma mẫn của ông, khuôn mặt cổ lỗ rị mọ những chuyện nửa thật nửa hóm hỉnh khi chả ra làm sao cả, vậy mà có duyên. Cô chúa ghét khuôn mặt như khi ăn gừng của chồng cô, với bộ mặt choành hoành lúc nào cũng ủ dột, bấy ngày chỉ thấy trời mưa...

Nhớ lại cái buổi sáng hôm nào trên sân thượng...Ngón tay ông táy máy nghịch ngợm trong lòng bàn tay đầy da thịt non của cô, sao cô thấy "ngứa ngứa" với bản thân thể nào ấy. Sau này trong cô, mỗi đêm, mỗi ngập tràn những nhớ và mong, buồn buồn nôn nao khôn tả...Tối tối cô thao thức chập chờn, thoáng như cô đang bước những bước chim di, thoáng như ông đang khuấy động cuộc sống bình lặng một ngày như mọi ngày của cô. Trong bóng tối trống vắng, cô nhìn cô trên vách cùng những nhạt nhòa thầm nhớ. Và cô thiếp vào giấc ngủ với mộng mị chẳng bình yên chút nào cùng những cắn rứt khôn nguôi của một người lạc vào bến vắng để chẳng thấy đâu là bờ với bến. Để thêm một lần, cô chẳng thể chạy trốn với một hình bóng...

Lúc này, cô lẳng lẳng lên sân thượng và ngồi ở đấy đã lâu với những băng quơ, băng khuâng. Với cô những cọng rau muống như những bám víu hoài mong, vừa nhặt rau vừa vắn vơ, thì vơ vắn thế nào chẳng biết nữa... Đột nhiên ở hòn non bộ, trong những ngõ ngách hang sâu ngập nước, có tiếng kêu ồm ộp của con cóc ở một hóc hẻm nào đó cất lên, xa vắng rời rạc. Được một nhát lại có tiếng kêu của một con khác đáp lại ở rãnh nước dưới sân thượng vắng vắng vọng lên. Cô lẳng tai nghe thì hình như một con đực, một con cái, ngừng một lát như thăm dò, rồi chúng lại giục giã gọi nhau đứt quãng.

Tiếng con dưới rãnh nước thanh và ngắn hơn, e dè hơn và cô đoán chừng chắc là con cái. Còn con ở hòn non bộ mà cô nhầm chừng là con đực thì ve gái như già chầy già cối, lúc khoan thai, lúc dồn dập “ộp...ộp...” như thôi thúc, mời gọi “ộp...ộp...”. Trời sau cơn giông, ếch kêu uôm uôm, ao chuôm đầy nước, các cụ dậy cầm chả sai tí nào. Mà cũng lạ, chả hiểu sao chúng cứ tậm tịt vào những lúc mưa gió, cứ nhao nhao lên như chào mào ăn dom, cứ như thảng bầy mưa ngẫu ấy. Giống vật muôn loài cũng đa tình cả đấy, cứ như người vậy, nào ai biết. Ngu lâu đàn dai cách mấy, cô cũng hiểu ra rằng cái đẹp của con cóc đực là...là...con cóc cái.

Và cô cứ lửng lơ như người mất hồn qua những ngày còn bé, ngay dưới cái cột chuồng chim bồ câu là hòn non bộ nuôi cá vàng. Ở đấy sau mỗi lần mưa bão, chẳng hiểu lũ ếch ương chầu chuộc rủ rê, một

bầy con đực công con cái bơi lóp ngóp dưới nước. Trong khi con đực ngụp lặn lấy hơi, cả thân mình chìm sâu dưới nước, ngóc đầu lên lấy khí trời, chỉ thấy mắt và mũi, bốn chân thì nhau đập lầy đập đẽ, đẽ công người tình đến một nơi cao ráo. Trong khi người tình cóc ngồi trên lưng nhón như ôm vai bá cổ, thanh thoi ngấm trời ngó mây... Như thế chẳng có chuyện gì xảy ra, như chuyện thường tình của đất trời.

Ngày ấy cô hỏi bố... Bố vò đầu cô nói: “Lớn lên con sẽ hiểu...”. Một lần khác trước ngày lấy chồng, cô lại hỏi bố sao đám cóc nhái cứ giục giã nhau sau cơn mưa. Bố cô nhìn vào khoảng không, trầm ngâm: “Ít nữa cô sẽ hiểu”.

Hình ảnh gắn bó không rời của cóc con đực, con cóc cái ấy lại ám ảnh cô với cái chuồng chim với “chung thủy như chim bồ câu”. Cô được ông bà bảo thế, lớn lên đọc sách cũng thấy như vậy, rồi sau này cũng không ra ngoài cái khuôn thước đó. Cho đến một buổi sáng đang lóng ngóng phơi quần áo trên sân thượng. Nhìn thấy tận mắt, cô mới ngó ra. Điều được nhìn thấy rõ ràng rành, vì nó trái ngược quá, đầu đuôi xuôi ngược như thế này:

Chuyện là bố cô nuôi chim bồ câu hai ngăn. Sau khi nuôi được một đôi xám, bố nuôi thêm một đôi trắng nữa, không may con mái trắng chết. Mẹ nhiều lần phải nhắc mua ngay một con mái khác để ghép

đôi, cho anh góa trắng khỏi bay mất. Nhưng bố cứ chân chừ mãi, cũng may anh góa vẫn lủi thủi sống một mình.

Hôm đó, tình cờ nhìn vào chuồng anh góa thì thấy không phải một mà là hai, đang quần quýt, chỗ mỏ tỏ tình với nhau: “Chắc là con mái nhà ai lạc vào”, cô nghĩ thế và định lại gần để xua đuổi nó đi. Chưa kịp nhắc chân thì từ ngăn trong, con xám đi ra: Đúng là chị chim mái lông màu xám nhà mình, lúc này anh chồng đang vắng mặt. Cô sững sờ và nghĩ mình trông lắm, để cho rõ trắng đen... Thóc ở đâu bỏ câu theo đó, nhà thành phố đào đâu ra thóc, thế là cô quây quả xuống nhà lấy một nắm đậu tương mà chúng thích, và cho vào cái máng ăn chung đặt trước hai cửa chuồng. Anh góa trắng lò dò chui ra cùng ăn với chị mái xám, vui vẻ lắm, chẳng có chuyện ai giành giật ai. Bỗng anh chồng xám quay về, cũng sục vào ăn. Lạ chưa, chị vợ bỗng nhảy bổ vào anh góa, mổ lia lịa vào đầu vào cổ. Cô nghĩ chòen chọt: “Có thể chứ, đúng là mình nhìn lắm” và hình tượng chung thủy của họ nhà chim bồ câu, lại trở về ngự trị trong đầu óc. Và cô thở phào nhẹ nhõm.

Ăn xong, anh xám lại bay đi. Anh góa trắng toan quay vào thì chị xám tới gần chàng và lần này thì việc tỏ tình, diễn ra giữa thanh thiên bạch nhật, chẳng cần dấu diếm. Cô không hé răng, mân mê một nắm đậu tương nữa, chờ anh chồng quay về. Anh chồng vỗ cánh phành phạch bay về thật, nhưng

trước đó mấy giây, chị vợ đã có mặt ở trước cửa để đón. Cảnh chị vợ mở anh góa tới tấp lại diễn ra, chuyện này có phần hăng hơn. Đến khi anh xám bay đi thì việc tình tứ lại tiếp tục.

Ngay trưa hôm đó, cô tạt qua Chợ Cũ trên đường Hàm Nghi, chợ bán chó mèo và chim chóc và mua một chị mái khác để ghép đôi cho anh góa trắng. Nhưng vì hấp tấp và lơ đãng, cô mua phải chị màu nâu và tệ hại hơn nữa là mỗi bàn chân chỉ còn có hai ngón, bước đi cứ khập khiễng. Cô bỏ chung vào chuồng anh góa trắng rồi lấy các thanh nứa ken cửa lại. Cô chắc mẩm chỉ vài hôm sau, chuyện sẽ ổn. Không ngờ anh góa mở chị nâu rất dữ, buộc cô phải mở cửa giữ nó trên tay, chờ cho anh góa nguôi nguôi mới lại thả vào. Tưởng chuyện ghép đôi của chim là đơn giản, chỉ cần ghép trống với mái là xong, ai dè! Anh góa không chịu sự có mặt của chị mái nâu trong “lều tranh” của nó, chiều đến, con mái nâu phải ngủ trên thanh gỗ đầu hồi...

Tuần sau, chị xám sang hằm bên “tổ ấm” của anh góa trắng, ngày cũng như đêm. Còn anh chồng lông xám, ngày ngày đi kiếm ăn xa, tối về nằm chèo queo một mình...

Sau đó, cô như trong giấc mơ hoang có tiếng cóc nhái gọi nhau râm rả nhau trên sân thượng. Như người mộng du, cô thấy mình thơ thẩn ở cái ao trước nhà bố mẹ mãi tận làng Nội Duệ, Bắc Ninh, mò mẫm khơi mấy cọng rau muống, như tìm một cái gì

cô đã đánh mất. Để rồi lững lờ ra vườn sau, lần thân vén luống cà, như tìm tòi một cái gì mà cô vừa đánh rơi. Trong sương chiều, cô thoáng thấy đôi chim bồ câu, một con xám, một con trắng, đang mập mờ, ẩn hiện bên kia hàng giậu.

Giác hương quan luống lẫn mơ canh dài, qua đồng chiều cuống rạ. Từ dạo ấy, cô hay buồn vớ vẩn, nhớ vẩn vơ. Buồn, chỉ là buồn vô cớ. Nhớ, thường chỉ nhớ xa xôi...

Trúc gia trang

Hạ chí, Mậu Tý 2008

Tử nhân bơi...

hề tử nhân

Đó là cái quán cột tre cột, nền đất thô phẳng lì, tường trát bùn trộn trấu, mái nứa đập dập khít lại lợp rơm trông cũng thơm mát. Chủ quán là ông phó Canh, con của một ông đồ nát chữ, chả là bố ông mượn câu *học kinh bất minh, bất như quy “canh”*, hàm ý học sách không thông, không bằng về đi cây đặt tên cho ông.

Chuyện là bố ông người miền bể, giang bạt kỳ hồ ghé đây thấy vùng đồng bãi quê mùa nằm ở thế đất quần ngư với chuôm đầu rồng, gò bút nghiên. Công làng là hai cột gạch, có hai câu đối *binh bộ nghê địa đa thiếu khách* và *vãng lai đạo lý sĩ hiền môn*, nôm na làng hiếu khách là...kẻ sĩ, tên làng lại là làng Nghè. Thế là bố ông ở lại bể chữ kiếm cơm

nhưng không đủ vắt mũi đút miệng, chỉ vì đất này thấm hoa, bằng nhả đồng như tổ đĩa. Rồi thân già vác dùi nặng, tự dựng quàng cái ách vào người với cái quán bát nháo trên. Quán ế ẩm, bố ông càng thất chí tợn, nốc rượu nhiều hơn khách mong dục phá sàu thành tu dụng tửu. Sáng chiều bố ông ôm cái hồ trường nghêu ngao dữ nhĩ đồng tiêu vạn cổ sàu hiểu theo nghĩa...cùng với mây, ta tiêu tán nỗi buồn nghìn năm.

Đột nhiên bố ông độc chứng đóng cửa tạ khách, ngao du sơn thủy, hết xuân sang hạ, khi xuống núi nghe chim kêu trên cành, lúc lên non ngắm mây đi trên gò. Tỏi tỏi đốt mười hai nén hương như thập nhị bát tú, thấp bầy ngọn nến như thất tinh đàn để quần ẩm với bằng hữu. Bố ông toàn nói chuyện vờn trăng trên nước, mò kim dưới duyên như Lý Bạch. Chuyện ông Trích Tiên mò trăng dưới nước, rơi tòm xuống sông chết đuối vì rượu ai chẳng hay. Vậy mà bố ông chẳng chịu thừa cho, để ông bây giờ mắc cái nợ nhân gian. Một ngày lên non cười mây về bố ông bị thổ tả, trống điểm canh tư, biết mình không qua nổi canh đọ. Định phạt tại thiên thư, bố ông bò dậy, phều phào trần trời chỉ xuống dưới gầm chạn có cái túi bọc da trâu, túm tó bằng dây chèo buộc gàu tát nước, và bảo ấy là..."Tửu kinh". Đoạn bố ông quay đầu về cổ quán ở hướng đông học máu ra mà quy tiên. Tửu kinh chữ nghĩa rồi rằm, đọc miết ông phó Canh mới ngó ra là kinh sách truyền thụ cách...nấu rượu Hồng xa xưa của đất Quảng quê ông.

Chẳng an phận với sào vườn trồng trái, ao thả cá với mười con vịt, thế là một bữa, trên giời lê lét có mây xanh nắng vàng. Sau cái lễ thọ sơ tuần, vò vò một mình rít một hơi thuốc lão, lim dim nhìn quán cũ một thời tan theo mây khói, ông bụng bảo dạ rằng phải cơ ngơi lại nghiệp nhà. Đồi cua cua máy, đồi cáy cáy đào, bây giờ đến phiên ông sẵn tay áo tay làm hàm nhai. Chẳng qua cũng nhờ cái nghề đóng cối, giã chày nên nảy ra cái nghề giã giò, giã nem, làm cho lắm tấm cối truồng, danh phận với quán nhà, với bọm nhậu lúc này chỉ là mấy cái móng trâu ninh nhừ.

Quán nằm khuất sau cây đa đứng sừng sững ở góc chợ. Phía trên là dãy núi Con Thần Lăn thấp dần xuống, nên nhìn từ trên cao, chợ như được treo lên...cành đa. Chợ có cả chục túp lều tranh lợp lá, giàn rường cột chống đỡ bằng những thân cây như so đũa phệ phạo. Quán xá có vẻ như khép nép, ngượng ngịu với những chiếc bàn ghế lúc nào cũng như muốn gãy đổ. Qua bao năm tháng, mưa chan nắng dội, đèn binh đao khói lửa, chợ làng Nghè vẫn thế. Thế nhưng nếu cả trấn Kinh Bắc có rượu làng Hoàng Mơ thì trấn Sơn Nam này có rượu làng Nghè, những vại rượu được gạn chắt từ mảnh đời bèo bọt, da diết của bố ông. Qua nghề nhà, ít nhất bố ông cũng để lại đời sau bốn vại rượu gia truyền là Xuân sinh, Hạ trưởng, Thu liên, Đông tàn.

Sống mỗi người một nét, chết mỗi người một tật với phi tửu đồ bất thành trượng phu, bất tri tửu đạo bất hiền nhân. Nói cho ngay rõ ra ông cũng lậm cái giuộc của bố ông là cóc lại đòi đi guốc, là ông thích quảng giao với những tao nhân mặc khách lăm chữ để náo thị u lâm mặc luận. Cửa nhà đơn chiếc, vậy mà lăm khi ông giữ khách lại qua đêm để nửa vách đèn tàn luận cổ suy kim. Trò đời bao giờ cũng vậy, làm thơ phải có người vịnh, có rượu ngon như bố con ông đây phải có người thưởng lăm. Cái phiền tâm ông chỉ mong có ngày được kết nghĩa với một tửu đồ, cả hai sẽ uống cho nghiêng đình đổ quán, uống cho nghiêng trời lệch đất. Lúc ấy, ông sẽ vay mượn câu của người xưa thổ lộ tâm can với nghĩa huynh, nghĩa đệ rằng huynh đệ, nể ngã sinh tư vi cộng, bất uổng liễu kết nghĩa nhất trường, tư dã bãi, hoạt dã bãi, đại gia thống thống khóai khóai đích hát tha nhất trường. Rệu rạo qua bố ông là *sống cũng tốt, chết cũng tốt, nhưng uống rượu thì còn...tốt hơn*. Tâm viên ý mã ông thế đó, vậy đấy.

Vì vậy như ông đồ thâm, ông phó Canh bày trò treo ngay trên tường gần bếp bức tranh dân gian Đông Hồ để chiêu hiền đãi sĩ. Tranh vẽ con gà sông thiên, lông đỏ, đuôi xanh, cổ ngóc lên như đang mổ.."chữ Dậu" to đùng gần bằng...con gà nằm ngay góc bức tranh. Ông vẫn nghĩ chòen chọet là thời buổi này từ huyện lên phủ, chả ai nhiều chữ hơn bố ông nên biết quái gì chữ đậu. Đi vào văn chữ ông thấy họ chưa có chữ nào gọi là văn cả, chỉ đọc một

đám tò he, bết rượu. Có giỏi tới đây đo chữ của bố ông, dấu gì một thời cũng là ông đồ xứ Nghệ nát chữ chứ đâu có bõn.

Đẻ rồi chuyện xảy ra đúng vào ngày vía bà Chúa Liễu...

Sáng sớm hôm rày đằng phương đông đã vàng tươi, lứt sứt khoe nắng mới, tuy mặt trời chưa ló rạng, đủ hôm nay nắng phải hừng to. Vô tình, ông dòm về hướng cái gò mả hoang xưa kia già làng gọi là gò quần ngư. Và đoán chừng từ giờ đến trưa, khách trảy hội sẽ nườm nượp kéo về bến dò Tràng sế cửa quán ông. Chợt ông nghe thấy tiếng mái chèo khua sóng lụp bụp và dòm thấy một chiếc thuyền thúng đang chòng chành...chòng chành...Nắng xiên khoai yếu ớt, sóng lấp lóa. Thuyền cập vào mé nước, mạn gộc cây gạo, thoáng như một người đã đứng tuổi, lảo đảo theo bậc đá, bước xuống bờ nước, dò dẫm đi về phía quán. Bóng người ẩn hiện lấp ló sau gò một chốc, rồi lững thững xuất hiện lẩn khuất trong đám mồ mả. Gần hơn nữa, ông mới thấy người nọ đầu quấn khăn tam giang bạch bạc, mặc cái áo vải giải đã sờn chỉ gai, chiếc quần trúc bầu gấu sắn cuộn tròn lên mắt cá chân, đi đôi guốc mộc nhuộm đầy bùn đất, tay cầm cái nón cổ châu đã loang lổ lan tới vành. Ông dòm kỹ hơn, người ấy có vẻ ngang tàng chí khí lắm, trông chả ra dáng là khách làng nho cho mấy...

Và ông nhăm chùng, chạy trời không khỏi nắng ắt hẳn là một...lão nho giả. Hôm nay lần mò tới đây thi thơ, thả chữ trong ngày hội bà Chúa hú họa vớ được giải lụa, kèm ba quan tiền kèm để trả tiền đồ. Nhưng lão lại phe phẩy cái nón cỏ châu của các quan ở nội phủ mới rõ lạ, hay lão là quan viên trong phủ hội đồng văn bà Chúa Liễu chi đây. Để điểm nhãn nho phong sĩ khí của...quan ôn quan vật này, ông...nho nhe nói chữ với lão: “Quá môn trì, quan môn bế, thỉnh quá khách quá môn”. Lão hừ một cái: “Quan quách gì. Đang khát nước bỏ bố đây” rồi sòng sọc bước vào quán không...cửa nẻo. Đã thế, làm như nho gia,...nho giả, ông bương bả nặn ra một đồng chữ cho sượng miệng: “Bầm , thỉnh rước quan...xơi nước”. Lão nhăm nhăng: “Hượm tí đã”.

Ve vé mắt đảo một vòng, lão bắt gặp chỗ rượu đang âm ỉ ngự trên cái đầu rau. Kháp với cái chỗ là cái ống tre ngang để vắt rượu, từng giọt tí tí chảy xuống cái tìn nằm trên mặt đất phẳng lì. Ấy là rượu Hồng đào ông cất bằng gạo tẻ, là rượu trắng cho khách vãng lai. Lão dăm dăm ngó chùng bốn cái vại sành đầy nút chuối khô bày một hàng trên cái ghé dài. Lão gật gà gật guồng ngó chùng bức tranh Gà với chữ Đậu giấy lát rồi cười đánh hặc một cái. Ông dòm thấy ngứa cả mắt, ruột gan muốn lộn từng پہو. Chả hiểu trời đêm thánh đục sao, lão phui tay, lững thững đến cái nôi, quẹt ngón tay một đường như con giun. Lão ngấm bức tranh, đoán đo cả một hồi lâu, như có gì suy nghĩ lung lăm. Rồi nheo mắt,

đưa ngón tay nhỏ nôi lên, không phải quẹt cái rọc, mà rất ư cẩn trọng...chấm vào chữ Đậu một chấm nhỏ bằng hạt thóc.

Ông ngó ra vì chữ “Đậu”, thêm cái chấm thành ra chữ “Tửu”. Nhòm thấy mặt ông lẫn lẫn, làm như không có mặt ông ở đấy, lão đứng đĩnh nói: Thì như nho gia ta đã dạy “Nễ bất khả sát kê vấn tửu bằng hữu”, hiểu theo nghĩa là *đừng bao giờ hỏi bạn rượu có nên mổ gà chén chạng*. Không quay lại, lão nói trống không...vào mấy vại rượu: “Ngon chạng, nhà bác cho một bát”. Ông khựng lại, ngật một nôi, tay ôm vại Xuân sinh, cái đầu đất sét của ông lại đoán già đoán non, ngữ này người ngợm nhếch nhác, lại ra dáng lừng khừng, ắt hẳn chả phải là tửu đồ. Thế nhưng ít nhất lão ấy cũng chiết tự được chữ tửu ở chữ đậu mà ra, hay lão là cố nhân một thời, một thưở hay nghĩa huynh, nghĩa đệ của bố ông đây. Vậy thì vạn sự bất như ý...ý ông là hãy để lão ấy dùng tạm vại Hạ trường còn non tháng, xem tửu lượng lão tới đâu rồi hẵng tính.

Cái vại nâu còn dính bùn khô vừa đặt lên chõng...Lão chậm rãi cầm cái bát chiết yêu úp ngược trên ngọn đèn hột đồ đảo qua đảo lại hơ lòng bát. Lão hờ hững rót ngang miệng bát và đợi cho rượu sóng sánh lắng xuống một chút. Lão lâm râm: “Vội năm, vội tháng, ai lại vội ngày. Nhà bác có gì nhắm đây?”. Đi vào đề hâm lại móng trâu, cúi xuống hun lửa, ông vợ vẫn đến hôm nay có chơi trâu, thể nào quán cũng thừa được nhắm cái, quán sẽ

đắt như rươi. Ông vẫn vờ đến sáng sớm mở hàng, gặp lão khách lạ, ông hơi có ý hồ nghi: “Quái, tửu đồ là đây phỏng”. Bước ra, ông ngồi ngay trước mặt lão và nhắc khéo: “Xin thỉnh quan bát rượu...lạt”.

Lúc này lão mới lười biếng bê cái bát lên, nhưng không chịu nháp cho một ngụm nhỏ, mà chỉ khà một cái và xóng xả:

- Với mỹ tửu của nhà bác phải học thói tri kỳ vị, tri kỳ hương, tri kỳ ảo, tri kỳ linh. Ý tại ngôn ngoại là dùng mắt nếm được vị ngon của rượu. Dùng tai nghe được hương thơm của rượu. Dùng mũi ngửi được sắc thái của rượu. Còn như đã phải dùng lưỡi để uống thì là thói thường của hàng tục tửu đầy thôi.

Nghe luận về rượu nhà, ông rửa thơm, cái lão rách mép này rõ rách chuyện, chả ai...nghe được hương thơm bao giờ. Ông định gân cổ lên thì...thì bu nó ọi: Lão ấy hát cả bát rượu gia truyền của nhà ông xuống đất. Ngay chỗ...đàn kiến đang bò lổm ngổm đi kiếm gạo. Giời ạ, lũ kiến hốt hoảng bơi nháo nhào bò lên mép đất khô, nằm chổng gọng lấy càng vuốt mặt, vuốt mũi rồi lăn cu đơ ra, chả biết trời trăng mây nước gì tất cả.

Bây giờ lão mới thốt lên một tiếng nhỏ:

- Chà, hơi gắt...Có hơi già lửa!

Ông phó Canh sợ vãi đá ra quần vì thấy “cụ” đây rành về rượu chả khác gì bố ông, nên ông vừa định...thì “cụ” đã khoát tay:

- Tôi hỏi khí không phải, nhà bác cất rượu với gạo ta...

Ông phó Canh cập rập:

- Chẳng dấu gì...cụ, năm nay vụ Chiêm bị úng thủy...

Ông quên bu mắt nhè lão quan quả, quan cách gọi bằng cụ, chả là trong đầu ông cứ bị ám ảnh cụ này đây là người sành rượu, lắm chữ. Ông không dám khoe mẽ rượu nhà mọi khi ủ toàn nếp Chiêm tháng mười, bã rượu phải trữ trong vại gốm làng Thổ Hà để men giữ lâu ngày, thả xuống ao cả năm cho mát rượu.

Ông ngập ngừng thăm chừng:

- Bẩm cụ quý quán ở đâu ta.

Cụ cười khẩy, khẽ khàng:

- Tôi người làng Ngừ.

Ngừ với nghề, ông đơm chuyện:

- Nhà cháu nghe hơi nòi chỗ quý quán có thờ hai con cú, con cáo bằng đá đã thành tinh, nên chúng có thể biến thành người. Đêm mưa gió, chúng hóa thành một lão già đội nón rách, mặc áo toi như một người hành khất.

Cụ cau mày:

- Hừm...Rõ nhảm.

Thịt hàm vừa cữ vớt lên đĩa, cụ lấy đũa thọc xuyên ngang cái móng và đưa lên miệng cắn từng miếng nhỏ. Cụ thanh thoi kẻ lẻ:

- Là thế này....làng tôi thì ai mà chả biết có lăng Ngừ thờ Thái sư Trần Thủ Độ. Trước lăng là hai bức tượng người nữ Chiêm Thành châu hầu, giữa là mộ của thái sư. Trong lăng bày dụng cụ sàng sảy lúa gạo nào là dần, sàng, nong, nia bằng đá tròn, dẹt. Lại có bi ký và bi đình tựa kiêu tam mục, rõ ra văn chỉ khoa mục...

Gặm xong cái móng trâu, cụ ôn tồn tiếp:

- Từ ngôi mộ ngó ra phía gốc cây cổ thụ cả trăm năm có con cú to bằng con ngỗng lớn, con cáo to bằng cả con bê. Tất cả cú, cáo, dần, sàng, nong, nia đều được dân làng gọi bằng “Ông”. Ông Cáo nằm đối diện với ông Cú, có vẻ đặng đôi và tri kỷ lắm, còn để làm gì thì chỉ có giới biết. Chỉ biết rằng...

Ông phó Canh láo nháo chêm vào:

- Chả ai lại đi thờ cáo với cú...

Cụ thở ra, gất nhẹ:

- Úi dào...Nhu ông biết đấy, ngặt một nỗi tai trời ách đất ngập nước quanh năm, chỉ trồng được lúa của người Chiêm. Hai tượng Chiêm Thành và dần, sàng, nong, nia để trấn yểm cho mùa màng. Ấy là tôi học có bấy nhiêu...

Cụ lần lần tiếp:

- Chuyện trấn yểm nghe già làng kể là có một cái mả, gặp lúc bãi lở, quan tài bật lên, trong có bốn cái lọ cổ gắn ở bốn góc. Theo truyền thuyết xưa kia có một thầy Tàu qua đây tróc huyết mắc nạn và được ông Trần Lý, tức ông tổ họ nhà Trần đất Tức Mặc cứu thoát. Ông thầy đền ơn bằng ngôi mộ thái

đường, huyết đế vương trường tồn vạn đại. Xong cáo biệt, hẹn khi nào nhà Trần tức vị, con cháu thầy sẽ qua uống rượu mừng...

Trần Cảnh lên ngôi vua, con cháu ông thầy Tàu y lời qua. Quan thái sư tiếp đãi trọng thể, ban tặng vàng bạc, nhưng trên đường về ngài cho người chặn đường giết để cướp bộ phong thủy địa chí. Vì như trên vừa đề cập, vì lặt lỏi nên quan tài trong huyết đế vương lộ ra. Nên ngài mượn tập kỳ thư dị chí mà họ mang theo để đọc. Đọc xong rồi, ngài lo ngại nhà Trần có cơ chẳng thể truyền tử lưu tôn đời đời kế thế vì ông thầy Tàu ghi chú trong bộ phong thủy địa chí nên cần trọng vì có phản tặc...

Cụ nhớn nha thêm:

- Theo quan nha ra thưởng cho hay với tập kỳ thư dị chí thì chữ ám chỉ dòng họ tên phản tặc từ chữ “khẩu” mà ra. Vì thời gian với nét còn nét mất, nếu có hai nét sổ ngang là “âm” tức uống, là “tửu đồ” thì chả nói làm gì. Nay còn lại lơ mờ một nét ngang như cái đĩa, chiết tự thành “thực” tức ăn, là “khất thực” nên tôi cứ bán tín bán nghi.

Trở ngang đầu đĩa, quẹt quanh mép, cụ đưa đây:

- Theo tôi thì chữ Trần, người Tàu đọc là “chén”. Nên tôi đồ là...một tửu đồ chẳng. Thế nên bấy lâu nay tôi có ý đi tìm...

Ông phó Canh bộp chộp:

- Hóa ra cụ...

Giọng cụ đầy hóm hỉnh:

- Nhà bác cứ nghĩ thế...Tôi chẳng đại lưu xú vạn niên vì mười mẫu thượng điền của quan thái sư đâu.

Vậy ra cụ cũng như ông, cũng đang mõi mắt đi tìm một bạn rượu đây. Rồi ông nghe cụ rung đùi ngâm nga đúng tâm ý ông: Tuế nguyệt du nhân, tứ hải tao phùng thanh nhãn khách. Nhưng ông có hơi sốt ruột tí chút, người ta thì trà tam tử tử, vậy mà cụ này độc có một bát rượu thôi mà...nhấp mãi cũng không ra cái hồn người, mà chỉ thấy nói chữ. Ông sinh nghi, hay cụ chẳng phải là một tử đồ. Nên ông thăm chừng:

- Mời cụ xơi bát nữa.

Cụ phe phẩy cái nón, gật gù:

- Rượu tri kỳ hương chứ bất tri kỳ vị. Thêm nữa tử vô lượng, bất cập loạn, loạn ngôn thì rượu này của nhà bác chẳng thua Lồ Phồn tử đâu. Nhà bác khéo tay cả đấy.

Cả hai vui chuyện vui trò, quên tiết đi mất ngoài kia bàn dân thiên hạ đang lũ lượt kéo về dự lễ hội ngày vía bà Chúa Liễu...Các ông khăn đóng áo dài, tay cầm ô nháo nhác đây đó. Các bà khăn lá áo lượt, lưng thắt ruột tượng, bã trầu đỏ thắm cắn răng, chuyện trò rậm rịch râm ran. Ấy vậy mà bên kia bãi đất trống đã rộn ràng tiếng trống ròn rã. Nhóm đánh cờ người trên phủ huyện kéo về. Trên bục cao, ông tổng cờ ngồi bên án thư cầm trịch cho 32 quân cờ nữ

áo hồng, nam áo xanh. Ở trong này, ông vừa khoe trận đồ năm nay cụ Nghè làng Mộ Trạch làm tổng trịch thì nghe cụ như reo lên như ấm nước sôi:

- Úi dào, rượu Hoàng Mơ, cò Mộ Trạch.

Đẩy cái bát chiếu yêu sang một bên, cụ dọ dầy:

- Có đám Mộ Trạch, kéo theo đám Hoàng Mơ về đây. Không chừng tôi với nhà bác có cái túc duyên gặp được kỳ tướng, kỳ tửu bất thể kỳ nhân cho mà xem. Thế nào họ chẳng ném rượu của nhà bác. Mà nào họ đâu có hay đất nhà bác là đất tửu địa. Cứ nhìn cái ao nhà thì biết ngay. Như cái...

Nghe nói vậy, ông nháo nhác ra ngoài ao, chữa nhận thấy ao nhà ra cái giống gì thì ông bắt gặp một con chó...què. Nó đi bằng ba chân khập khiễng từ ngoài bước vào quán, và ngừng lại nằm dưới chân ghé hử hử. Cụ cũng lỗ mắt nom xuống và hỏi:

- Chó bác ư.

Ông chưng hửng, lắc đầu quày quạy:

- Bầm...Dạ...Không...Mà gì thưa cụ.

Cụ lom khom ngắm nghía, giọng rồn rảng:

- Giống “Bồi kiếm cầu” đây. Vì lưng có giải lông từ đầu đến đuôi như cây kiếm, tạo cho uy quyền sinh sát cho chủ nó, như thái sư hay tể tướng chẳng hạn. Mà chả nhẽ.

Cụ âm ừ:

- Thọt thấy giải đất như cái lưỡi kiếm. Nay nhìn ao nhà bác, nào khác gì cái hồ lô. Giống như sách dầy và gọi là “Tửu địa”.

Rồi cụ tặc lưỡi bâng quơ:

- Tam nhật nhất tiểu điểm.

Ông áp ứng hỏi:

- Tam...tam...là tích gì, thưa cụ.

Giọng cụ nhỏ hần đi:

- Theo “Cầu kinh” thì đây là chó cực hiếm. Nếu nó một chân...

Lại chuyện ngược đời nữa, ông như nhảy cẫng...hai chân lên:

- Cụ cứ nói bốn, chó gì lại...

Cụ cười đánh bốp một tiếng:

- Ấy là tôi muốn nói lúc nó gác một cẳng lên gốc cây để bài tiết. Nó chỉ đái đúng ở một điểm mà thôi. Chỗ nó đái là cái huyết cực tốt, sách gọi là huyết cầu thủy, nhưng phải đợi nó chết. Đúng giờ tuất mang xương bốp mà táng vào đấy thì mai kia chúa biết mặt vua biết tên. Nhưng chỉ truyền được đúng một đời không hơn, vì tuổi chó quá ngắn.

Quái lạ, ông nhủ thầm, quân tử ẩn hình, tiểu nhân lộ tướng, mà cụ này lại...quái tướng dị nhân. Nên ông chả hiểu ra làm sao sất cả, ông chắc mẩm chém chết cụ là...thầy địa lý. Mà mấy thầy địa lý chỉ giỏi nói chữ và xoay ba cái đầu rau để ăn vạ nhà người ta. Nhỡ cụ ăn vạ nằm ì ở quán như bạn bố ông thì bỏ bố.

Thế nên ông xoay qua chuyện rượu:

- Sao cụ biết có kỳ tửu tới đây.

Cụ vuốt râu khề khà:

- Theo “Truyền nhân kỳ tử địa”, giống chó này đến tử địa tất có kỳ tử xuất hiện.

Cụ điềm đàm tiếp:

- Tôi đi đã nhiều nơi, uống mễ bát thiên hạ, mà chẳng thấy đâu. Nay có cơ may gặp bậc kỳ tử ở đây thì đó là cái tức duyên.

Ngừng lại một lát, cụ nói chữ:

- Thành giả, vật chi chung thủy, bất thành vô vật, nhà bác có lòng thành, lại có hảo tử. Rồi cũng sẽ gặp thôi...

Ông đứng dậy vì có nhăm khách phương xa tới, vừa tiếp khách vãng lai ông vừa nhủ thầm, bản địa nhà ông là đất vạn đại dung thân cho tử đồ. Đất quần hùng của các danh tử. Mùa hội làng này có đám đại tử đồ làng Hoàng Mơ trấn Kinh Bắc, thêm đám đại kỳ tử làng Vân mạn Việt Yên, Bắc Giang, họ sẽ kéo về đây để đấu rượu. Họ sẽ uống cho nghiêng đình đồ quán, uống cho nghiêng trời lệch đất. Rượu sẽ đổ ngập sông, tràn ngang núi. Tử khí ngất trời, mây không có chỗ ẩn thân. Âm khí thối đất, cỏ ba niên chẳng ngóc đầu lên nổi cùng kẻ còn người mất. Vì vậy ông nhìn ai cũng là tử đồ. Như cụ đã dậy, đất nhà ông là đất tử địa, với địa linh nhân kiệt, vì vậy ông đang lóng ngóng đợi một kỳ tử bất thế kỳ nhân sẽ lừng lững đến quán ông đấu rượu.

Vừa bước ra, ông bắt gặp một lão ăn mày mù đang ngồi bệt ngoài hiên tự lúc nào. Ông thoáng lạnh người, vì cụ vừa nhắc đến...khát thực hời này thì lão ăn mày này có mặt.

Bất giác ông thuôn người nghĩ ngợi mông lung...

Rằng từ đời Trần lên đến giờ, đất Hành Thiện là đất văn học, rất chẳng có ăn mày, họa chẳng làng Trảng có ông họ Vương. Xưa kia ông ăn xin ngoài chợ huyện, nhưng lại nát rượu. Một bữa, giữa quan viên ngoài đình đang đầu gà má lợn, ông xin tí rượu cặn để nhắm sông nhưng bị thằng mỗ cầm dao đang chặt thịt gà đuổi đi nên uất khí thổ huyết mà chết. Trước khi về châu Nam tào Bắc đẩu, ông trôi trần rằng đời đời kiếp kiếp, làng này chẳng ai ngóc đầu lên nổi để có gà mà nhắm rượu, mà chỉ có nước tay bị tay gậy khắp nơi tung hoành. Chẳng may ông chết vào giờ linh nên được dân làng thờ là Thành hoàng. Trong miếu thổ thần có câu đối "Khóac tấm áo bào, giang tay gánh vác thiên hạ - Vung hai thước kiếm, tận thu lòng dạ thế gian". Thêm nữa, chẳng may ông lại có họ xa với tướng quân Thái bảo Vương Nhữ Chu, nên vua Trần đành phải sắc phong ông là "Đương cảnh thần hoàng, tuyên võ tướng quân, thượng kỵ đô úy, hùng dũng anh linh, gia phong quang ý, gia tặng trác vỹ, thượng đẳng thần".

Ông phó Canh lần lần tiếp, rằng ông ăn mày họ Vương nay đã mò yên mã đẹp, thì giữa ban ngày ban mặt hẻo lánh tới quán ông để nhát ai đây. Sau

khi mất, làng ông họ Vương gần bên sông có bến đò Trảng sế cửa quán ông, chỗ lều ông ở xưa kia nay được đắp cao, xây tường chung quanh và gọi là “nền Vương”. Lẽ dĩ nhiên, làng Trảng cũng như làng Hành Thiện là đất văn học, chả một ai tay bị tay gậy khắp nơi tung hoành như dân Thái Bình kẻ cận Nam Định. Nhưng gần đây làng bày thêm lệ mới, trảng đình đến tuổi phải nộp cheo, dù nhà cao cửa rộng cách mấy cũng tay gậy tay bị đi xin ăn mang lộc về cúng Thần Hoàng. Và trong đầu ông thì lão ăn mày đang ngồi ngoài kia, chém chết cũng là dân làng ấy mà ông đã nghe già làng kể qua.

Vừa tu hú đến đây thì đám bạn rượu kéo nhau đứng thù lù sau lưng ông. Đột nhiên ông khựng lại vì búa vào mặt ông là lão ăn mày này với cái tai có thành có quách như tai Phật. Vậy mà lại đi ăn mày. Chợt nhớ chữ tác đánh chữ tội của cụ với một nét sổ toẹt như cái đũa, hóa thành “thực”, là “khất thực. Hay là lão...Cái đầu ông lại lằng quằng với cái kim nằm trong bọc lâu ngày cũng lòi ra. Chả lẽ lão là...tử đồ. Mà mù sao biết uống rượu đây. Nào ai biết ma ăn cỗ, tiện tay ông nhón bát rượu cụ ơ hờ không uống hồi nãy. Ông nhướn mắt thăm chừng, cụ gật gật đầu...Ông quơ cái bát mang đến cho lão ăn mày. Lão ngửa cổ lên nghe ngóng, chẳng buồn thò tay rớ tới. Bực mình quay về bàn ông lâu bầu: “Mù có khác, ăn mày còn đòi xôi gấc”.

Bỗng cụ nhúu mày, xuống giọng thật nhỏ, vừa đủ ông nghe: “Cung nhi vô lễ tất lao”. Cụ lại xì xầm: “Hảo bằng hữu phải thắt bằng hảo tửu”. Ông hiểu là cung kính nhưng thiếu lễ cũng sổ toẹt và dòm cụ. Cụ vỗ tay nhẹ nhẹ ngang giải rút quần, chỗ cái ruột tượng, nghe lạch cách mây quan tiền kẽm chạm vào nhau. Hiểu ý cụ có hơi rùng rình, ông vợ vại Xuân Sinh với cái bát chiết yêu. Cái đầu ông ngộ nguây vì ông thương bố ông, rõ ra cơ ngơi nhà ông đã đến hồi mệt vận. Đúng là ăn mày đánh đồ cầu ao, gia cang còn nhắm vại Xuân sinh này mà để lão kia...xoi. Thế nên ông ửng ửng văng tục với...vại rượu: “Mả bố mày nhá!”. Và ông lẳng lặng để bên lão và không quên hích vào đùi lão một cái...

Lão đổi thế ngồi, an nhiên tự tại thế kiết già. Lúc này mới lạng lờ mở cái bị, lôi ra cái chiếu con và cái bát giống như bát ăn cơm. Ông ngong trông thấy, vì đời thuở nhà ai đi ăn xin còn bê cả bát theo. Nói cho ngay, ấy là cái chén thố mới đúng. Cái chén thố này vào thời nhà Tống, trước là cái bát dùng để uống rượu, sau vì...tửu lạc vong bản nên để...uống trà. Chưa hết, lão thổi vi vu vào lòng bát, tần mẩn lấy vạt áo lau từ trong ra ngoài. Lão để cái bát lên cái chiếu, bê vại rượu ngang tầm, dùng răng cắn nhẹ nhàng lòi tuột cái nút lá chuối ra. Ông ngẩn người ra trông thấy, vì với cái nút ấy, ông phải hì hục nhét vào cho chặt, để gì mà lấy ra nhẹ hều như thế. Vẫn chưa xong, lão nghiêng cổ vại ngang vai và từ từ

chuyên rượu xuống cái bát. Ông lão ngáo vì chẳng thấy một giọt nào vung vãi ra ngoài. Ủa mà lạ một điều nữa là, cứ nhè tay nghề như ông mà đổ rượu như thế...Thế nào cùng có tiếng tí tách như mưa rơi trên tàu lá chuối ấy thôi. Ấy vậy mà lão rót không một tiếng động, ngay cả bọt tăm bằng mắt con rạm cũng không nốt. Quái thật, và ông bóp trán nghĩ không ra.

Lão lặng lẽ cúi gập lưng xuống, cái đầu gàn sát đất. Với mười ngón tay, lão từ tốn đưa cái chén thố hay cái bát lên...Ông bụng bảo dạ, cái nghề này chỉ to hơn quả bưởi một chút thôi mà làm gì phải “bê” bằng cả hai tay đến rõ khổ. Vẫn chưa xong, lão chưa nốc ngay, lão nghênh tai nghe ngóng động tĩnh trên không...Hều hều trên ngọn cây gạo bên kia bìa trắng có ổ chim cú đã về tổ từ lâu, tứ bề im ắng. Ngoài tiếng cuốc kêu xa xa, chơ vơ như mũi đinh thích nhẹ vào thỉnh không bằng bạc. Tĩnh lặng. Mắt lão hấp háy lặng lờ nhìn ra ngoài cánh đồng trống xấp xỉ những nước là nước, dưới chân núi lắm thâm hơi sương trườn mặt đất từ cửa rừng bò ra cánh đồng...Chẳng hiểu nghĩ ngợi gì, như có gì u mặc lăm, lão chậm chạp đặt cái chén xuống.

Ông chợt dạ, hay lão chê rượu xuân, hạ, thu, đông nhà ông.

Như không biết mọi người đang hom hom nhòm, lão sửa lại thế ngồi cho ngay ngắn, vuốt lại cái nếp quần thô mà lúc này ông mừng tượng ra tấm nâu sòng...Lão nhổ nước bọt vào hai lòng bàn

tay, xoa xoa vào nhau như bắt ắn. Lão đỉnh đặc bụng cái bát lên, cũng với hai tay cùng vẩy từng ấy động tác như dâng hương khấn sớ. Gần đến cầm, tay này chuyển cái bát lên lòng bàn tay kia. Tay còn lại đưa xuống mu bàn tay có cái bát. Tất cả những động tác ấy nom thật nhẹ nhàng đến gần như quen thuộc của một tay sành rượu...lão đời. Vậy mà lão vẫn chẳng chịu ực ngay, mắt cứ chăm chăm vào mặt rượu gần như không sóng sánh, ngay cả một gợn sóng nhẹ tênh cũng không. Ông phân vân, cái bát có gì mà sẫm soi, mà giới ạ, lão thì...thong manh rõ. Nhưng ông ngắm kỹ, lão ấy chẳng ra dáng một người hành khất mà phong thái thoát tục như sư cụ chùa làng.

Lão chậm rãi đưa ngang mũi, cái yết hầu cứ thụt lên, thụt xuống. Rất nhàn nhã, thong dong với mỡ sớm chuông chiều. Trong lẳng đọng, lão thở ra và hít vào một hơi thật ngắn, thật nhẹ. Thế rồi mắt lão cứ hấp háy lim dim. Mắt cứ đờ ra. Miệng mấp máy như lâm râm tụng kinh. Được mấy khắc, lão thành thói đặt cái bát xuống... Mọi người ngẩng ngẩng với nhau. Riêng cụ thì không...Như lễ nghi kinh kệ đã hoàn tất, lão cuộn cái chiếu bỏ vào cái bị, bình thân đứng lên, nải bố quàng vai, khật khờ đi về phía ruộng nước và đằng sau là con chó đang lò cò nhảy bước một với ba cái chân. Cả hai hướng về cái gò mà mà hôm nay ông thấy có một cái dáng khác hơn mọi lần, hình dạng cái gò giống như một con nhái ngồi khùynh khùynh chân ôm cái bến đò.

Thế nhưng cái bát thì lão để quên!

Lão khuất sau mấy cái mả hoang, chơ vơ một quãng trống lộng gió cần cỗi, một thoáng chiều còn sót lại, ngày như tắt ngúm, mở ngảng thoát ra trắng hoang vu. Ông thấy hồn ông nhao nhác, giữa đồng không mông quạnh, như có tiếng sáo diều. Mà nào có. Chỉ thoáng như có tiếng đồng dao văng vẳng vắng nghêu ngao từ...lão thì phải với tiếng còn tiếng mất vẳng lại: “Hề...! Tửu nhân...hề tửu nhân”. Mà không lẽ, nhìn qua cụ để thăm dò hỏi? Như bị tự kỷ ám thị hay sao ấy! Ông thấy cụ đang nhóp nhép nhai mấy hạt lạc rang dở dang. Miệng như cụ mấp máy: “Hề...! Tức Mặc tửu nhân khừ vô hồi. Hề...! Tức Mặc tửu nhân khừ vô hồi”. Cả hai âm vọng trộn lẫn với nhau rời rạc và đứt quãng nên thực tình ông không biết là ai cất tiếng tiếp...: “Hề...! Vắn ngã tại hà liên giao hợp - Hề...! Lò phồn tửu. Hề...! Tửu nhân bôi...hề tửu nhân”.

Bóng lão ăn mày khuất dần, lúc này cụ mới lên tiếng:

- Nay nhìn cho kỹ kìa...Ấy đấy, lão đi trước, con chó lò dò đi sau thì mù ở cái khổ nào, thừa mấy bác.

Cụ chỉ vào cái bát, thông thả tiếp:

- Nhẫn như đít nồi, bác nào rồi hơi cứ thử thì hăng hay.

Nhẫn như đít nồi... ông phó Canh nhủ thầm rằng gì mà quái, rõ như ban ngày ban mặt bát rượu

còn nguyên kia, không hao một giọt, ai đòi chó lại chê cắt. Ông hết dòm cụ, tới đám tửu đồ, đến cái bát. Lúc này cụ mới phe phẩy cái nón và nói với ông:

- Đó là phép “Hấp tửu sương”.

Ông bước tới, cúi xuống bên vại Xuân sinh lên và mở nút để xem nếp tẻ ra sao. Ông nhắm mắt phun phè phè ra ngay, vì rượu nhạt tanh như nước ốc ngâm vôi. Mà lạ chưa kia, vò rượu còn bùn khô đất bám, ẩn hiện như lão hành khát quẹt nét ngang sỗ dọc bằng móng tay thật sắc nét,...nét hai chữ thảo: “Hảo tửu”. Bán tín bán nghi, ông cầm cái bát lên, cũng...hít hà như lão ăn mày, và đúng như cụ nói, ông chẳng nghĩ thấy mùi rượu gì sất cả, lại lạt thèch như nước ruộng. Lật ngửa tròn bát, có ấn dấu triện đỏ nâu “Thiên Trường phủ chế”. Quanh vành chén có hai câu thơ thủy mặc “Vị thủy đầu can nhật, kỳ sơn nhập mộng thân”. Ông đục mặt ra và dẫn đo, đồ Nội Phủ này dường như quen quen, như mới đâu đây. Nhớ lại hồi nhỏ ông theo bố ông hầu rượu quan thái sư, dường như ông đã thấy cái chén ấy...Trong một thoáng...

Thóang như cụ đây có nét thanh cảnh như...Ngài Thái sư.

Quay lại thì...cụ không còn đấy nữa. Cụ đột nhiên biến mất, như mây trôi gió thoảng tan loãng vào hư không. Quanh chỗ cụ đứng, chỉ thấy trời đất trầm tiêm, đủng đỉnh muôn niên ngót hoàn cảnh đại.

Mặc dù ngài Thái sư Trần Thủ Độ về với thiên cổ đầu đó vào cái năm Ất Dậu ngày nào. Ông như đang đắm chìm trong ruộng, núi, rừng dạt dào một nỗi quan hoài, quan san của người về từ một cõi u minh, u tịch...Thần thờ hướng ra bến bãi, về phía cái gò mả, chỉ thấy tha ma mộ địa với đám cỏ gà hiu hắt, vì vu chạy từng gợn, từng gợn đuổi bắt nhau. Chung quanh lấm đẫm mây mù, lờn vờn chất ra một thứ váng chiều ướt sũng, sền sệt như nước hén. Nhìn về phía bên đò chỗ cây gạo, cái thuyền thúng chơ vơ, cái mái chèo gác một bên gờ và đang...chòng chành...chòng chành trên sóng nước.

Chỗ cụ ngồi, như có vật gì được chặn dưới bát chiết yêu. Ông rảo bước tới thì...Thì bố mẹ ơ, ngoài nhăm đồng tiền kẽm, lỗ vuông, còn có một nắm giấy bèo nhèo như giấy vàng mã để hóa vàng trong ngày lễ phủ hội đồng văn bà Chúa Liễu. Ông cầm một tờ lên dòm thấy tiền in hình long vân, long giáng, thủy ba, tản vân, với bốn chữ công “Thiên Trường thông bảo”, với niên hiệu Mậu Thìn thời tiên vương Trần Minh Tông.

Trong cái tâm thái chơi vơi, ông như hòa nhập vào một mảng váng chiều ướt đẫm. Ông ngẩn ngẩn ngửa mặt nhìn lên khoảng không, đất với trời vẫn u ám âm ỉ như chậu nước gạo đục, mây xám mỏng tang như bánh trắng trứng...

Trúc gia trang

Hạ chí, Quý Mùi 2003

Nguồn: Nguyễn Bản, Chu Thiên, Phạm Lưu Vũ, Băng Đình, Nguyễn Hữu Liêm, Nguyễn Bá, Độc Cô, Đặng Thân, Bàn Tài Cân, Đào Vũ Hoài.

Phụ đính:

Nhiều người vẫn cho rằng tiền giấy đầu tiên của nước ta được in ấn, phát hành dưới triều Hồ. Cho đến khi trong một văn bản sử học, Trần Khánh Dư có nói một câu: “Tiền giấy đời Trần ta ...”. Sau đây, người ta tìm ra thời điểm ra đời của tiền giấy đầu tiên này sớm hơn. Người có ý tưởng là Thái Bảo Vương Nhữ Chu vào cuối năm Mậu Thìn (1388), Tư liệu về ông không nhiều nên chúng ta vẫn chưa thể biết được chính xác quê quán, năm sinh, năm mất và chi tiết về sự nghiệp của ông.

Cho đến nay, chúng ta chưa tìm được đồng tiền giấy nào nên chưa rõ kỹ thuật in ấn, hình vẽ mà chỉ biết được qua ghi chép trong lịch sử. Nhưng những hiện vật thời Trần tìm được qua các cuộc khai quật khảo cổ học như hình rồng, thủy ba (sóng nước), tản vân (vân mây) khắc tạc trên các bệ đá thời Trần đã phần nào cho biết sự phức tạp của các họa tiết trang trí trên đồng tiền này.

Ông đã dùng tiền giấy trước, chứ không phải là Hồ Quý Ly.



Tiền “Hội sao thông bảo”

"Mùa hạ tháng 4, Hồ Quý Ly mới bắt đầu phát tiền giấy *Thông Bảo hội sao*. In xong ra lệnh cho người đến đổi, cứ một quan tiền đồng đổi lấy 1 quan 2 tiền giấy. Thể thức tiền giấy: tờ 10 đồng vẽ rồng, tờ 30 đồng vẽ sóng, tờ 1 tiền vẽ mây, tờ 2 tiền vẽ rùa, tờ 3 tiền vẽ lân, tờ 1 quan vẽ rồng. Kẻ làm tiền giả bị tội chết, ruộng đất tài sản bị tịch thu. Cấm tuyệt tiền đồng, không được chứa lén, tiêu vụng, tất cả thu hết về kho Ngao Trì ở kinh thành và trị sở các xứ. Kẻ nào vi phạm cũng bị trị tội như làm tiền giả".

Tiền không ghi niên hiệu vua. Đây là một hình thức khai tử niên hiệu của triều đại Trần. Tiền giấy góp phần giúp cho nhà Hồ thu về số lượng đồng lớn dùng để đúc vũ khí, đặc biệt là súng thần công, một loại binh khí mới được ra đời trong thời gian này.

Sài Gòn

đầu đường cuối ngõ

Rằng thừa mày...

Năm thì mười họa ghé cà phê Starbucks. Bỗng dưng không đâu lũ bạn cũ ở quán cô Hồng, quán Thăng Bòm, quán chị Chi lại lũ lượt rủ nhau kéo về...ngồi đồng với tao. Những quán cà phê nằm ẩn khuất đâu đó đằng góc phố hay con ngõ nhỏ, thế là được thể tao để hồn vía lang thang bay bổng với mây trời. Rằng bằng vào cái tuổi lá xanh lá vàng, có sự gì tao không thần thơ trở về ngày này tháng ấy qua những quán xá bên đường. Thơ thần cùng cái tuổi mới lớn lãng đãng của một thời xưa cũ qua những khúc hát ban đầu, những cái tên của từng bản

nhạc hay tên của những nhân vật thời danh mang mang một thời hoang vắng. Những quán không số ngõ không tên, ấy là những mảng dĩ vãng đầy ắp trong tâm khảm cả đây, thừa mảy.

Rồi, một ngày nào đó...

Tao sẽ trở về tìm lại con phố cũ có quán cà phê ở một ngã ba, ngã tư mà những cái cột đèn chẳng thể thiếu vắng với bất cứ ai trong mảnh đời luân lạc, với Sài Gòn hoài niệm, Sài Gòn dĩ vãng, Sài Gòn ký ức đâu đây.

Và, sẽ có một ngày...



Ngày trời tháng Bụt, ngay lúc này đây tao đang có mặt gần phố Cầu Gỗ, tự nhủ thăm mắc mớ gì lần mò đến những quán cà phê Hà Nội trước 54 như quán ông Nhân, ông Giảng nay cả hai đã có mặt trên chuyến tàu miền viễn. Bỗng thềm một ly cà phê đá

đậm đặc. Một ngày mưa bụi bay bay đan vào nhau như màng nhện, mặt đường ướt và trơn, đẩy đưa tao với ý đồ đi lòng “cà phê...xe”, “cà phê ...gánh”. Và đây mới là chuyện tao muốn kể lể:

Rằng nghe hơi nôi chỗ tại một con ngõ nhỏ có tới cả chục quán cà phê vỉa hè, vậy là tao vác xác tới và ớ ra vì ấy là ngõ...Hàng Hành. Quái quỷ gì đâu chẳng biết nữa, hết cầu gỗ đến hành tỏi. Thế nhưng Hà Nội phố, ngựa xe tấp nập trong buổi tan tầm vào một buổi sáng ướt lướt thướt, mưa lâm râm lạnh, tao đã lòng lững có mặt như Từ Thức về trần. Nghe hãi không mảy.

Sáng tinh mơ ngày thứ hai có mặt ở Hà Nội, dậy thật sớm, tao lò dò đi thăm phố phường, tao không bắt gặp *cà phê xe*, mà đập vào mắt tao là dãy tường dài. Thiên hạ sự căng tấm vải bạt màu cứt ngựa, bày hàng dăm cái ghế thấp, bàn là mấy cái thùng gỗ và họ gọi ấy là quán cà phê. Tao phờn phơ ngồi xuống, bụng bảo dạ sẽ kêu một *cái nôi ngồi trên cái cốc* cho nó oách. Tao chắc mẩm sẽ bắt được một tách cà phê qua điệu nhạc tao đã từng nghe rách tai: *Bóng tối đen như cà phê..., bóng tối đắng như cà phê* thì được gã chủ quán lò dò đến hỏi cộc lốc: “Uống gì?”.

Chưa kịp há mồm thưa gửi cho ra dáng người Hà Nội thanh lịch. Gã nhăm nhắng: “Ở đây chỉ có cà phê” rồi quay ngoắt đi, lưng khùng mở cái...*fri-di-de chạy đầy đường*. Lấy ra một chai đen kịt như thuốc bắc. Rót tồ tồ vào cái cốc vàng khè. Bỏ vào cái *máy hấp*, máy chạy *nghe* kêu...u u như ve sầu mùa hạ. Và đúng ba mươi giây sau, tao có một

cốc...cà phê truyền thống. Sau khi bị bắt cóc bỏ đĩa...*ly cà phê đen...đen như bóng tối* xong. Nhâm nhi cốc cà phê...màu nâu đất, nhạt như nước ốc ao bèo, lúc ấy tao mới ngộ ra một điều: Năm 54, các ông bác, ông chú mình gồng gánh cà phê phin theo tàu há mồm vào Nam. Bây giờ mấy ông dép râu nón tai bèo với xe đạp đèo cà phê “bí tắt” ra Thăng Long nghìn năm văn vật cho nhân sĩ Bắc Hà. Thêm một nghịch lý nữa là dân Sài Gòn lơ đãng nhìn ra đường...nhìn đời bằng nửa con mắt rùa thì người Hà Nội...*trăn trở* quay mặt vào tường loang lổ để đắm đắm nhòm cái dòng sinh mệnh nổi trôi.

Cùng Thăng Long hoài cổ, thêm một tảng văn chương chữ nghĩa *một không gian văn hóa dân dã vô cùng thú vị của văn hóa quán cóc*” mà sĩ phu Bắc Hà gọi là quán...*liêu xiêu*. Chữ nghĩa “đất” không mảy. Trở lại *quán không nhà* bên đường, là cứ ngồi chồm hồm như cậu ông trời nên được gọi là *quán cóc* chăng?

Nhưng ấy là chuyện sau với cà phê Năm Dưỡng, thưa mày!

Bỏ lại cà phê...đen như mồm chó ở cái quán liêu xiêu ấy, vào Sài Gòn và lúc này tao đang ngồi đây. Tại nơi chốn này một thời mang tên hồ Con Rùa, nằm trên đường Duy Tân cây dài bóng mát và ở đây nay có *quán Cà phê 47*. Quán nằm trong con hẻm rộng có căn nhà của người Trịnh Công Sơn, thế

nên người Hà Nội thấy sang bắt quàng làm họ và gọi là: hẻm Trịnh.

Chưa hết, sau cái ngày một vũng tang thương nước lộn trời với một cái chấm hết, gần Bến Tắm Ngựa, Tân Định có quán *Hoa Vàng* của Phạm Thiên Thư. Ông vứt bỏ áo nâu sòng, với điều thuốc dang dở cháy đỏ giữa hai ngón tay, như chưa tàn cuộc phù vân, ông ngồi lặng lẽ ngắm những viên đá đang tan chảy qua ly cà phê. Mỗi giọt nước đọng vẽ những ẩn mật vô ngôn, đá trầm mặc từ từ tan loãng để tìm về bản thể long lanh của mình, chẳng biết đá tồn tại không tồn tại. Còn lại làn hơi băng lạnh giữa quá khứ và hiện tại. Nhưng nói thẳng mực tàu đau lòng gỗ thì chạy trời không khỏi nắng: Ấy lại là quán cà phê...bí tất, thừa mầy.

Như bị bóng đè, tao thả hồn về Sài Gòn 54 “ri cư”, lón lên qua những con ngõ xôn xao, nằm trong thành phố lớn cùng vài quán cà phê đầu đời...Nhà tao ngay đường Nguyễn Tri Phương nên chẳng quên thằng Bắc kỳ ăn cá rô cây có tâm hồn ăn uống: Ăn thì tao xớ rớ ba thứ tầm ruộc, xòai tượng. Uống thì chọn rợn mút cục đá nhận bạc hà, đến tro cái lạnh, lạnh đầu lưỡi.

Vậy mà lơ ngơ đi vớt nòng nọc ở cái rãnh trước cư xá Minh Mạng. Tao thấy tại cái quán chệt của một lão Tàu già. Lão có cái vợt, giống miếng vải màn buộc vào đầu đũa để bắt lăng quăng của tui tao. Nó giống “cái vó” đánh dậm, vớt tôm bắt ốc của người Bắc mình. Thế rồi lão đổ nước sôi vào, nước

chảy tong tong thấy sương con mắt, những giọt nước màu đen bốc khói thơm lòng. Và tao ngớ ra chẳng hiểu là cái chết tiết gì. Khỉ thế đấy.

Mãi cho đến năm trung học, mày mò ra *quán Năm Dưỡng*, tao mới chứng ngộ ra “cái vớ” được gọi với cái tên rất Tây là “cà phê bí tất”, đĩa cà phê đen nông tề gọi là “xây chùng”, thêm tí sữa kêu là “pạc tẩy”. Thế nhưng chẳng có hơi hướng cà phê quái gì. Đúng ra lão bỏ trái điệp rang hay gạo bắp vào cái túi vải dài giống như chiếc vớ, chề nước sôi vào cho ngấm, gạn lọc đổ vào chai la-de Con Cọp vàng khè. Nốc vào tao còn nhớ mùi ngai ngái mùi bột xít, hăng hăng khét đặng. Vừa uống vừa lấy cái của nợ mà Nam kêu là cái muống, Bắc gọi là cái cù dĩa, để vớt những cặn bã đen như vỏ cây bị đốt, nên chả thống khoái gì sất cả.

Nhân thổ âm với thổ ngại, người Bắc với người Nam, hoài cổ nhân qua cà phê, tao trộm nghĩ chẳng thể vắng bóng người Bình Nguyên Lộc. Trong *Hồn ma cũ*, chẳng màu mè ba lá hạ gục sắt cả, ông kêu đại cái giống này là *cà phê cắc chú* thế mới cha đòi, chữ nghĩa miệt vườn như vậy là...nhứt. Mày ráng nghe ông kể chuyện uống *cà phê đĩa* bên lề đường cho mà nghe, cho đã:

“...Hai chân len lén rút ra khỏi đôi dép da, đập lên cái ghế con bọ trống bên cạnh, hay gác lên bờ tường thấp. Ngả người trên lưng ghế, ngược nhìn lên trời. Bầu trời vắng vẻ cao vời vợi, chuyện cũ dâng lên trong ký ức, lan man...Cà phê tất nhiên chỉ là cái

có. Không có cà phê ta vẫn có thể...len lén tự rút mình ra khỏi cuộc sống, ra khỏi đôi dép...Ngày nào cũng thế, khách ngồi đó như...vị tiên bất tử. Khách hết lớp này lớp kia ra vào, y như các thế hệ nối tiếp nhau mọc trên dương thế, ngồi ngoài càn khôn mà nhìn vào kiếp sống phù du này...”

Nghe “phê” không mảy. Chả là dạo đó tao như Bình Nguyên Lộc, ngồi chờ vợ giữa phố thị, giữa trời đất mang mang ai người tri kỷ. Và chỉ khác một điều là, còn bé tí, vậy mà những điều thuở đầu đời được đốt lên, thông cảm đi, tập làm người lớn mà mảy...

Ít lâu sau như để mèn phiêu lưu ký, với cái xe đạp Sterling khuôn từ Hà Nội nghìn năm mây bay vào. Tao thả rong theo đường Nguyễn Thiện Thuật và tấp vào một con ngõ nhỏ với quán cà phê Phong của một cụ phán Bắc kỳ “ri cư” về hưu. Đúng ra là tên Foóng, là kỳ nhân dị tướng, thế nên cụ cũng khác người. Khách tới nhằm lúc cụ đang bình cờ, gài thế thì khách mặc khách. Cụ cứ nhàn nhã tiến quân xe, lùi quân pháo cho đến lúc tàn cuộc binh đao, cụ mới khùng khinh làm cho một tách. Gặp lúc cờ đang dở cuộc không còn nước, cứ ngồi đó mà nhong tai nghe cái máy phát thanh bọc ván gỗ hiệu Phillips qua giọng hát Ngọc Cẩm, Nguyễn Hữu Thiết lê thê...với Đêm Tàn Bến Ngự. Như trên tao đã vung vãi, âm thanh là một phần của một quãng

đòi, bám cứng không rời, để thành hoài niệm, từ cái quán trong ngõ hẹp này về sau. Những tên bản nhạc đánh dấu cái mốc của thời gian với Chuyến Đò Vĩ Tuyền của Lam Phương. Hương về Hà Nội của Hoàng Dương. Mưa Sài Gòn Mưa Hà Nội, thơ Hoàng Anh Tuấn, Phạm Đình Chương phổ nhạc. Nhạc vàng, nhạc xanh như lá đỏ muôn chiều, cứ ối ra cả đấy trong quán cà phê của Sài Gòn đầu đường cuối ngõ. Tao sẽ hầu chuyện mày ở khúc sau.

Vì vậy có thể nói quán đầu tiên trong ngõ của Sài Gòn là quán Phong. Để rồi Sài Gòn ngày ấy là vùng đất mới đang cần khai phá, vẫn với con ngựa sắt tao buồn tình ghé Phan Đình Phùng, tao... tìm ra *quán Gió Bắc*. Mãi gần đây, ghe ông cậu vợ kể chuyện một thuở hoàng kim Sài Gòn 54, quán này có cái máy đĩa lên dây thiêu quay tay hiệu Béka từ năm 1938 với cái kim nhọn hoắt, biểu tượng là con chó Fox ngồi bên cái loa, cái đĩa 45 tua với bản J'ai deux la mours. Ông chủ ngoài bộ râu con kiến Clark Gable, ông còn có cô con gái rượu và... hai cây si trồng trong chậu trước quán. Và hình tượng nhẩy nhót trong đầu tao chả phải là quán Gió Bắc, quán Gió Nam mà là chiếc xe Renault con cóc hai màu xanh vàng của miền Nam mưa nắng hai mùa.

Ông cậu vợ “nhắc nhớ” đến phở Tàu Bay, rằng sáng sáng ông tạt vào làm một bát tái chân nước béo và ngó qua cũng một con ngõ nhỏ sâu thẳm, bên cạnh có một hàng bánh cuốn, trên bàn bày mấy đĩa

bánh rán như...đội ruồi. Và có một hàng cà phê. Sau này qua điển tích, điển cố, tao mới hay là *quán cà phê Lão Tử*. Quán có cái tên này vì người chủ quán nhân hậu, chẳng bao giờ nhắc khách những nợ nần tư vương. Khách bến lữ đến, ông không nói một tiếng, bình thản mang cái phin ra đặt trước mặt. Và khách đứng lên, có thiếu một phùa chẳng nữa, ông cũng lặng lẽ như gió thổi mây bay. Người chủ quán như thế, chẳng là Lão Tử thì còn là ai và khách đây cũng không ngoài Thế Uyên, Lê Quỳnh...Từ quán ngó qua bên kia đường Lý Thái Tổ là một cái nhà hòm với những chiếc quan tài bé con con trước cửa bệnh viện Nhi Đông. Lại không thể không nhắc đến nhà hòm Tobia với *quán cà phê Thu Hương* sau này, thừa mầy.

Từ phở Tàu Bay hướng về khu trường đua Phú Thọ trước kia với 10 ngàn cái lều di cư. Bắt gặp con lộ nhỏ Đào Duy Từ ở sân vận động Cộng Hoà có *quán Đa La*. Quán của chị em cô sinh viên Chính Trị Kinh Doanh mang cái hơi hướng núi rừng Đà Lạt với giò lan, giỏ gửi sơn nữ. Tạo cho quán một dáng hoang dã với mây ngàn, cùng những thớt bàn được cưa từ những cây cổ thụ u nần, mang về rừng núi cổ sơ lạnh lẽo. Được mấy mùa trăng lá rừng cũng rơi rụng là có quán khác. Quán này căng cái bạt nhà bình màu cứt ngựa, mặt vải vẽ sơn trắng tên “Lam” rất ư thư pháp của anh chị em Quốc Gia Hành Chánh. Rầm rộ khai trương âm thầm đóng cửa. Cửa người phúc ta, một nhóm Luật, Vạn Hạnh,

Kiến Trúc chở củi về rừng dần máy Akai của quán Lam. Cũng cưa xẻ mấy thân cây làm bàn ghế dựng lên quán Thăng Bờm ở ngã ba Đề Thám, Phạm Ngũ Lão. Bên kia khung trời với dặm cây số đường chim bay là quán Vãn, nơi Khánh Ly đi chân đất hát nhạc họ Trịnh trên nền Khám Lớn cũ, bên này quán Thăng Bờm sập sinh với cặp Lê Uyên Phương từ Đà Lạt về.

Qua bài viết có cái tựa đề: “Quán Lão Tử: Một Thời”, người viết Nguyễn Đạt muốn nhắc lại một quãng thời gian của khu “Lều học sinh di cư Phú Thọ”. Tiếp nối cùng Nguyễn Tiến Lập, Lưu Trọng Đạt, Nguyễn Nam Lộc, Hà Thời Triễn...và ai nữa đã xắn tay dựng lên quán như quán Lam, Thăng Bờm, *Hầm Gió*, *Thượng Uyển*...một thời của đám học trò di cư vào Nam nhằm vào cái tuổi 11, 12. Ấy là chưa tính số giữa hai thập niên 70, Sài Gòn có nhiều quán cà phê mới, quán nào cũng chọn một cái tên qua những bản nhạc thời thượng như Hạ Trắng, Hương Xưa, Hoài Cảm...

Ấy đây, Sài Gòn nhiều sự nếu như có mấy tiệm thịt chó trần ngay cửa chùa, nhà thờ...Mấy quán cà phê cũng bươn trải là không gần tiệm phở thì cũng ngang nhà hòm. Giống như phố Lò Sũ có quán cà phê...Âm Phủ. Bởi nổi buồn chạm mặt với phố Lò Sũ là tên mới của phố...Hàng Hòm cũ thập niên 20. Mà sũ tiếng Nôm là quan tài, là áo quan, nghe mất vui, mất sướng. Nếu Hà Nội hôm nay có quán cà

phê vườn cho những người yêu nhau trời hôm tối rồi. Thì Sài Gòn thưở ấy, nếu lấy con đường Lê Văn Duyệt làm làn ranh, bên này là những quán cà phê cho những cụ Bắc kỳ rì rư *Ai ra bến nước trông về Bắc – Chỉ thấy mây trôi chẳng thấy làng*. Bên kia là những quán cho những người trẻ tuổi đang vật vã với *Ly khách! Ly khách! Con đường nhỏ - Chí lớn chưa về bàn tay không*. Nhưng ấy là chuyện hậu sự, thừa mầy.

Vì rằng mầy cũng đã ứ hơi với cà phê “hàm thụ” Sài Gòn. Mà nói đại chứ, nếu mầy có rối rắm với cổ hương nan khứ hậu nan quy. Mầy hãy leo lên cái xe Goebel máy đuôi cá nổ bành bạch như xích lô máy của tao để tìm về một góc Sài Gòn của những ngày tháng cũ. Ừ thì hãy bắt đầu cuộc hành hương từ trường Chu Văn An mới, dọc theo đường Minh Mạng là gặp Ngã Sáu Chợ Lớn với bến xe đồ lục tỉnh, gần khu này còn có hãng Mic, Basto, hãng La-de BGI. Dọc Phan Thanh Giản qua bệnh viện Bình Dân, chợ Vườn Chuối, mầy sẽ chẳng tìm lại được mấy cái Vespa phình bụng. Cái Mobylette vàng ị ạch như ông công chức già. Cái Velo Solex với cái bầu to đùng ở phía trước. Ngay cả những chiếc Honda Dame, Lambretta, Suzuki M15 này kia.



Hết rồi. Tất cả đã chìm trong quá vắng cùng một thời đã qua. Tất cả chỉ còn là những cái tên, những âm vọng như tiếng rao hàng rong của một Hà Nội 36 phố phường. Thế nhưng ai chả có quá khứ còm cõi, dù rằng chỉ có một lần lật phát trong đời. Tao triết lý củ khoai như vậy đây, nghe được không mày.

Tới chợ Chí Hòa, cùng những hình tượng trên, con đường nhân gian với nước chảy qua cầu này cũng chẳng còn những chuyến xe thô mộc cùng con ngựa già lóc cóc về ngã tư Bảy Hiền. Tất cả đã thuộc về năm tháng cùng một thời vắng bóng. Mày hỏi đường gì ấy hả...Ấy là khúc Trương Minh Giảng qua nhà thờ Ba Chuông, bên phải là mấy hàng chả thịt nướng khói bay nghi ngút thơm lừng. Bên kia đường là hai, ba xe thịt chó treo lơ lửng mấy cái đuôi trắng hếu như éch lột. Rõ ra một ngày, lạc lối chân ai, tao lạc vào *quán cà phê Thăng Long* lúc nào cũng chẳng biết nữa.

Và chỉ nhớ mãi mãi là quán thấp hơn mặt đường, phải bước xuống mấy bậc thềm, trước có một dàn hoa giấy. Quán có “dàn” phin cà phê bằng đồng chứ không phải bằng nhôm như mấy quán khác. Sau quơ cào trong báo bồ tao mới hay quán có

từ ngoài Bắc, theo chân vợ chồng của một ông bà di cư tên Cẩn dọn vào. Vì vậy nhạc trong quán thường là nhạc tiền chiến như Dư Âm, Nỗi Niềm Người Đi, Buồn Tàn Thu và khách quen của quán là nhà văn Nguyễn Đình Toàn, Mai Thảo, Duyên Anh.

Lại bát phố thêm một phùa nữa, từ Phan Thanh Giản rẽ phải, rải rác đâu đây một sạp báo, quầy bán thuốc lá lẻ, quầy bán vé xổ số. Dường như đều rời rạc nhưng gắn bó trong tâm tư của những người đi xa. Nếu có dịp hồi tưởng lại trong một thành phố lạ và những đường Sài Gòn xô bồ, xẻ ngang chém dọc và quan hoài là vậy đầy mảy. Rồi mảy sẽ xuôi theo dòng đời ngược xuôi với phố Lê Lợi rộng thênh thang. Thóang qua Thanh Bạch ngậm ngùi với mùi bò kho, rau húng chấm muối tiêu chanh. Rồi thương hoài nghìn năm xe mía Viễn Đông. Thôi thì của khôn người khó, mảy và tao hãy ngụp lặn với đĩa khô bò gan vàng cháy, nằm gọn lỏn trong cái xe thùng mặt kính, đầy ắp những đu đủ xanh bào mỏng, chai dấm trắng, nước tương đỏ. Nếu mảy sàu qua ngọn cỏ cùng cái chậu lông bông nước, cái khăn vàng ố thì bắt cái bò bía hay chuối phá lấu thơm phức và gan ruột phổi phèo xiên qua cây tăm tre quẹt tương đen cùng một chút hương xua.

Mảy cũng như tao, như Từ Thức về trần. Ừ thì mảy và tao hãy lách vào hẻm Casino Sài Gòn, ngõ ngách Passage Eden, quán Bà Ba Búng vớt một bát bún ốc. Cố nhân hoài cố quận, cố tìm lại hình bóng con ốc nhồi xa xưa, ở một vùng quê đất Bắc xa lắc

xa lơ. Vẫn chỉ là con ốc nhồi ả nấu dưới mớ ao bèo trên mặt ao đầy vằng vặc mà ngon đáo để. Hay một mâm bún chả thơm nồng, vẫn còn một chút dư vị chợ Đồng Xuân. Hoặc giả như bát miến gà, bát bún thang. Khi đã no nê, vẫn còn hơi hướng đôi ba gọt cà cuống nồng cay giắt đầu lưỡi. Hay hòaai cố hương với quán Bà Cả Đợi, mà Nguyễn Thụy Long thấy mặt đặt tên đó mảy. Quán trong một cái hẻm sâu hun hút, mâm cơm dọn trên “đi-văng” gỗ bóng màu thời gian cũng chiếu hoa một cỗi. Cùng những món rất Bắc Kỳ rau muống như thịt đông dưa chua, canh cua rau đay mỏng toi, cà pháo chấm với mắm tôm.

Chẳng dẫu gì mảy, tao đang mẫn mà với những cái tên của quá khứ cùng lá vàng rơi trên giấy, ngoài trời mưa bụi bay... Với chỉ một con đường Catina không thôi cùng những cái tên như Continental, Caravelle, Majestic, Broda, La Pagode, Givral, dẫu rằng chỉ là những cái tên. Để rồi một ngày nào đó, theo tuổi tác của những người viễn xứ, giấy đỏ buồn không thấm, mực đọng trong nghiên sâu và tàn lụi vào dĩ vãng. Nếu có thể được, cùng bên bờ đôi ngã, mảy cho tao một chút vẩn vương không tưởng, như lối xưa xe ngựa hồn thu thảo cùng những... hòaai đồng vọng. Mảy vén môi: “Vậy ư “. Vậy thì mảy cứ tà tà hút gió như người Sài Gòn năm xưa qua tiếng hát Sylvie Vartan với *J'attendais que ma vie recommence* là sắp tới đường Tự Do với mini jupe, montagut để tìm kiếm cô Bắc kỳ nho nhỏ... em có nhìn anh giữa đám đông, trong đám đông.

Nếu mỗi hẻm nhỏ, mỗi góc phố, mỗi hàng cây, đều thấp thoáng bóng hình của bạn xưa trường cũ...Hãy khoan đã, mày là thổ công Sài Gòn hay lỗi đời với ba chữ dấm dớ ở nhà Tây, lấy vợ Nhật, ăn cơm Tàu. Mày muốn chấm bánh croissant vào cái tách cà phê sữa to bằng cái bát ăn cơm. Hoặc giả mày muốn gặp Sartre, Camus da vàng mũi tẹt đeo kính cận vuông đời mồi to tổ bố, ngậm ống vớ dài ngoằng và luận về thuyết hiện sinh hay dẫn thân cùng thân phận bèo bọt thì cứ tấp vào quán Chùa.

Mày sẽ ngồi trong cái ghế da to đùng, cái bàn nặng chình chịch. Và được nghe kể chuyện tán đào, hay châu đầu vào nhau tính chuyện lấp bể đời sông, hoặc xì xầm bàn tính đường trốn lính. Mày được hút thuốc lá có “mùi nhang” thả dàn, cuối châu không biết ai là đầu tàu...trả tiền cà phê! Nên được gọi là quán...”chùa” chẳng? Thôi thì mày cứ hoài cố nhân về những thằng áo liền quần với kính ray-ban, thằng màu áo hoa rừng đeo khăn quàng cổ, dầu gì tao cũng muốn thả rong về một thời chinh chiến cùng cái poncho màu cứt ngựa mà mày. Thôi...”dzu-lu”.

Mày ớ ra với “dzu lu”...thì cũng “dzọt” cho phải phép đây thôi. À mày hỏi tao đi đâu hả, thì quay về vùng đất địa linh nhân kiệt của Sài Gòn đây mà, nhân tài và quán cà phê thời nào cũng có, đông như tổ đũa. Vậy thì hãy ghé quán cà phê Thu Hương.

Mày hãy thanh thoi bước vào một sân gạch rộng, từ trong có thể nhìn ra đường qua những song sắt

nhỏ sơn xanh, cũng với một dàn hoa giấy phủ rợp. Mây hây mộng dưới hoa về một ông chủ quán khó chịu một cách...đễ thương. Hình như với ông, bán cà phê như một nghệ thuật kỳ thú với nghệ thuật vị nhân sinh. Mày muốn làm một cái phin chẳng? Xin cứ ngồi yên đó, việc của mày là đợi, đừng táy máy đụng vào làm hư "tác phẩm" của ông ấy. Cà phê bung tóit, ông ngồi đầu đó như rình thời gian và...rình mày. Ông rình mày như mèo rình chuột. Trong lúc ông nhìn trời, cà phê trong "nồi" lặng lẽ, từng giọt, từng giọt âm thầm theo nhau rụng xuống đáy...trâm luân. Như tao đã giải lý, cà phê rụng xuống không hấp tấp. Một giọt cà phê tự hư vô không bao giờ vội vã. Giữa khung cảnh của một thời yêu cuồng sống vội ấy. Giọt cà phê chân chính không bao giờ biết nói dối. Vẫn thông thả, đừng đỉnh lắc lư, chán chê rồi bấy giờ mới buông mình xuống đáy tách.

Đừng nôn nóng gì cả, mày sẽ có tách cà phê để đòi. Ông sẽ xuất hiện đúng lúc cạn phin, sẽ bỏ đường và khuấy đều cho mày. Khi mọi việc đã mò yên mả đẹp, ông sẽ lịch sự: "Xin mời". Mày táy máy mở cái nắp phin ư, nước chảy ào ào để lỏng le còn gì là Thu Hương nữa! Mày bỏ đường ngọt như chè Hiển Khánh và còn khuấy thìa cộp cộp kiểu đó cà phê sẽ chua lét là mày giết ông ấy rồi! Khách đến với Thu Hương là ai? Nhiều lắm, có thể họ từ bên Luật qua, từ Văn Khoa, Dược, Nông Lâm Súc tới. Họ có điểm giống nhau là tha tập cours quần tay. Hoặc kinh thư *Nói Với Tuổi 20* của Nhất Hạnh hay

Hố Thẳm Tư Tưởng của Phạm Công Thiện với mặt trắng hiệp dâm mặt trời. Hoặc giả một thời buồn nôn phi lý hay buồn ời chào mi qua Jean Paul Sartre, Albert Camus, Francoise Sagan. Ấy là Sài Gòn một thời bút nghiên đèn sách đầy mảy. Họ kéo nhau ngồi đấy, bập môi kéo thuốc nhả khói như điều cày, không phải Méliá vàng hay Basto đỏ. Mà phải Basto xanh giống thuốc lá Gaulois cho ra dáng Tây, cho có vẻ phong trần cát bụi. Cứ như thế mà trầm ngâm suy tư, rì rào tâm sự và...thieu đốt cuộc đời, đốt cháy thời gian. Nể không mảy.

Vừa ra khỏi quán Thu Hương, miệng mảy mấp máy ra cái điều làm một quả...queo trái đi? Ấy không được đâu! Lạng quạng mảy dám ngược dòng lịch sử để trở về thời hồng hoang. Như ngày nào mảy viễn mơ về những cuộc hành hương theo con đường Hai Bà, Cầu Kiệu, Võ Di Nguy, Chi Lăng. Là gặp lại một thoáng hương xưa với *một tiếng kêu cha* ở bệnh viện Cộng Hòa và xa hơn một chút nữa với *hai tiếng kêu chú* ở Ngã Ba Chú Ía. Đừng dại mảy, đừng bao giờ trở về tắm lại hai lần cùng một con rạch để thăm.... chốn cũ người xưa. Người kỹ nữ đâu không thấy, ngoảnh lại chỉ thấy đất xưa rày đã lên đồng, chỗ dựng nhà cửa chỗ trồng ngô khoai. Chuyện vật đổi sao rời là vậy đấy, thừa mảy.

Với Sài Gòn không nắng thì mưa, hay tháng sáu trời mưa, trời mưa không dứt. Hoặc giả như *gọi nắng cho cơn mê chiều nhiều hoa trắng bay* với đình

thụ bất tri nhân tận khứ, xuân lai hoàn phát cự thời hoa...Nay tao thấy khúc phố nào cũng có dăm nhà ẩn mình sau giàn bông giây mầu xác pháo hay dây thủy tiên chói đỏ. Có một điều lạ, đất khách quê người, lóang một cái như một giấc mơ hoang...Tao quên bằng đi những khóm hoa lạc loài ấy, mà chỉ ứ hự đến hoa phượng, hoa điệp như con cuộc gọi hồn. Những con đường Sài Gòn qua ký ức của tao là vậy.

Từ đầu thập niên 60 cùng cái “xây chừng” với 1 đồng 3 điều Ruby, tao lớn lên cùng tách cà phê đắng chát...sau đó phun khói mịt mù. À mày hỏi tao lâu bầu gì ấy hả...Ừ thì tạo hóa gây chi cuộc hí trường, đến nay thấm thoát mấy tinh sương, rằng đường mưa ướt đất để đi xuống một chút nữa, gặp một khúc phố...

Ấy là tao muốn mày ghé *quán Văn Hoa*.

Quán có món...cà phê đá, chẳng phải là đá bào, đá cục. Mà mỗi viên đá bằng đầu đũa đè lên nhau đầy ứ như bị ứ ứ, giầy giữa muốn phản kháng. Cầm cái ly lắc lắc kêu lanh canh, nhấp một ngụm, lạnh râm ran cả người ngòm. Nó chui tuốt xuống cổ họng, lại thấy cái lạnh lan man khắp lục phủ ngũ tạng, len lỏi thấm thú từng phân vuông da thịt. Ngoài một chỗ ngồi, tao muốn trở về hai bên vỉa hè đầy cây cao thẳng tắp, để trăm nhớ nghìn thương với quán Văn Hoa cùng gió nồm rồi lại gió hanh, bẻ dâu thì đành bẻ dâu. Chẳng là ở đây tao có nụ hôn đầu đời mùi ngô non với người tình *nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát, bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông*. Rồi

tao đưa em vào hạ, vào rạp Văn Hoa với bóng tối đèn mờ. Lần đầu tiên trong đời tao mới biết thế nào là ngứa ngáy, là bàn tay nắm ngón kiêu sa tháo mở với...xào khô, xào ướt đến...khó chịu. Tao đang khơi động tro tàn, nói đại chứ, ai chẳng muốn làm người lớn thì cũng phải bước qua giữa lối đi hẹp trong bóng tối âm u của rạp “ciné”. Chữ nghĩa buông xả và niệm rằng: Tao chỉ vọng cố hương qua đường xưa lối cũ cùng một vạt áo dài ngang ngang đầu gối. Trái nắng trở trời với mưa không ướt đất nắng không ẩm đầu, tao thương hoài nghìn năm về một tà áo tiểu thư qua tách cà phê đá và...không hơn đây thôi.

Thêm một cái quán nho nhỏ để gợi nhớ đường cuối đường Pasteur. Đầu ngã ba này là nhà may Thiết Lập phía đường Nguyễn Đình Chiểu, cuối ngã tư kia là phở Hòa:

Ấy là quán một thời một thuở với tên *quán cà phê Pasteur*.

Quán với một cái tên, gọi riết thành quen, quán có ba chị em, cô Hồng, cô Hà, cô út tên Khuê. Quán không có bảng hiệu, mặt tiền trông ử ử cũ kỹ với cửa nẻo màu xanh lá cây. Ngày ấy tao ngất ngư với dòng nhạc mệt mỏi cỡ...đại bác đêm đêm vọng về của họ Trịnh như...cánh vạc bay, để rồi bay lên vút tận trời, từ nay xa cách mãi. Nói rõ ra là với những âm hưởng này, khách đến quán với một chút cát bụi như...đàn bò vào thành phố.

Quán hồi đó có những ai nhỉ? Vẫn hồn ma bóng quế của những dị tướng, dị nhân. Những hiện tượng cổ quái của một thuở với tóc tai như tổ quạ, mặt mày nhăn nhó khó coi, quái nữa là những khứa này lại sính nói chuyện...vô vi. Có khứa mang vóc đáng khinh đời khinh bạc, đi guốc, mặc áo nâu sòng, ngồi vắt mặt vào tường và lầu bầu một mình như...Bùi Giáng. Ấy đấy, khách ngồi quán đêm không xuể kể không xong. Nay lâu lâu có nhằm thằng bạn cà phê một thuở thì thảo qua điện thoại. Chuyện cũng chỉ nhắc lại quán cũ cùng thằng này thằng kia, cùng một thời thế sự du du hề một thoáng bạch câu. Quán đã đi vào quá vãng, dãy phố buồn hiu trống vắng, ảm đạm của thành phố một thời người xe tấp nập như nệm cối. Một chiều, tao đứng ở đây rất lâu, trước mặt quán bây giờ cái đồng rác to bụi sự và u hoài về cô hàng cà phê tên Hồng giờ chẳng biết luân lạc ở nơi nao. Thì dùng một cái, qua một bài viết của Phan Nghị, ông tự sự cô là người tình liễu trai của ông trong cái tuổi thất thập cổ lai hy. Đêm đêm hồn ma bóng quế bác phu quét đường, đàn bò, cánh vạc, đại bác, cứ nhè tai ông kêu réo, sau đó ông đành già từ cõi nhân gian. Chuyện tình cô hàng cà phê là như thế đó. Cà phê nào mà chả đáng, cuộc tình nào mà chả...đen đui. Thì cũng là chuyện vậy, thừa mà.

Cùng Sài Gòn lang thang trên đường Hồng Thập Tự chạy dài là gặp.... Mày vỗ vai tao...Ừ thì sắp về đến một vùng thổ ngời mà âm hưởng là bánh

cuốn Thanh Trì nằm trong con hẻm Trần Khắc Chân. Thứ bánh cuốn mỏng tang, không nhân, chấm nước mắm nhĩ màu cua đồng, cay xè vị ớt bột, kèm miếng đậu rán nóng hôi, giòn tan, thêm miếng chả quế, giò lụa trắng phau, ăn quên chết. Cũng nơi chốn này, còn có quán chả cá Thăng Long, với xoong mỡ sôi đổ lên đĩa chả cá hòa nhập trong lá sung, lá ổi, lá mơ xanh um. Nghe tiếng mỡ xèo xèo đầy “ấn tượng”, vậy mà tao vất óc nghĩ mãi không quán nó nằm ở cái xó xỉnh nào, thoáng như hiện ra ở Xóm Chùa đường Lý Trần Quán thì phải. Ngựa xe rong ruổi, thôi thì hãy đảo qua đường xưa lối cũ với những Đình Tiên Hoàng, Hiền Vương, để còn gì nữa ở vùng đất im ắng này.

Ấy là tao muốn ngược về một buổi hoang sơ, hoang vắng trở lại với một góc phố Đa Kao bây giờ, mày ngó vào một căn nhà cửa đóng then gài mà trước kia là *quán cà phê Hân*.

Không nói mày cũng biết tổng là quán loại...cao cấp vì bàn ghế ở đây đều...cao để tạo cho khách một tư thế ngồi nghiêng ngả. Và bàn nào cũng thủ sẵn những tạp chí Pháp ngữ số phát hành mới nhất cho nó Tây, thì như tao đã luận ngữ ở trên, người Sài Gòn thuở đó rất Tây. Ấy là chưa kể cái nghĩa địa cũng Tây nốt gần đây. Ở quán Hân này, như mày thấy đấy, bàn này người rì rầm nói chuyện, bàn kia người trầm tư lơ đãng, tạm lắng xuống những lo toan vất vả của đời thường, chẳng ai để ý đến ai.

Ma đưa lối quỷ dẫn đường, tao vô tình vô được một rổ chữ nghĩa của mấy ông nhà văn miền Bắc...bức xúc với Hà Nội có con đường ngắn nhất tên Hồ Hoàn Kiếm. Gần đây có rạp ciné Lửa Hồng ở phố Hàng Trống. Xa hơn một tí nữa là phố Cầu Gỗ có với cả phê Giảng, cả phê Nhân. Nhưng họ đâu biết Sài Gòn, đường Hiền Vương với Cầu Bông có con phố ngắn nhất là Nguyễn Phi Khanh với *rạp Đa Kao*. Và cũng chẳng thể thiếu vắng một quán cà phê bằng vào cái tên của chủ quán.

Con phố Nguyễn Phi Khanh có từ đầu thế kỷ 19, theo cụ Hồ Biểu Chánh: “Phố là phố đúc được dựng lên chen chúc lẫn nhau không thứ tự, có cả nhà ngói, hàng rào sắt coi sạch sẽ san sát nhau...”. Hay nói khác đi nơi đây nào có khác gì khu phố cổ Hà Nội. Là một góc nhỏ ẩn khuất, khu phố cổ thu hẹp, khép kín của Sài Gòn. Mà nghĩ tao có nói quá chăng? Thì mày hãy thử ngắm mà xem, từ con phố này gặp con phố Nguyễn Văn Thạch cũng chỉ mấy trăm thước, ở đó không có cái tấp nập mắc cửi của phố thị, nó trầm lắng cô liêu, im ả tách biệt. Nhà nào cũng nhỏ, cất cao hơn mặt đường mấy với bực tam cấp xi măng. Mở cửa ra là có thể nghe người bên trái nói, thấy người bên phải cười và có cảm tưởng như có thể đưa tay ra bắt tay nhau được với người đối diện bên kia. Cả con phố ngắn nhất Sài Gòn trên, chỉ với dăm căn nhà chật chội, mái ngói xạm màu rêu, trời sụt nhấp nhô. Mà cũng có một cái lạ, như

tao đã thừa thoát. Rằng bỏ đi thì nhớ, về gặp lại thấy bồi hồi vì phố cũ vẫn như vậy chẳng đổi thay. Nhật mộ hương quan hà xứ thị, yên ba giang thượng cổ nhân sâu, sâu qua nỗi nhớ cùng con phố ấy một thời tao đã đi lại lăm lăm qua những ngôi nhà cửa đóng im ỉm như tro gan cùng tuế nguyệt.

Ở đây cũng có một quán cà phê mà gần đó có...cái cột đèn, dường như là cái chỗ người ta dựa lưng đợi nhau. Mà máy đang múa máy chỉ trở gì vậy, máy lâm râm hình như căn nhà của cụ thầy bói mù Ba La có vườn hoa giấy. Thằng khỉ, thì như tao vừa nói: đó *quán cà phê Thái Chi* năm xưa, năm xưa với một nhớ hai quên đây, thừa máy. Máy còn nhớ chứ, quán là cái phòng khách chỉ đủ chỗ cho ba bốn chiếc bàn, không nhạc, không gì cả trừ bức tranh đen trắng treo trên vách được cắt ra từ một tờ báo ngoại quốc. Tranh chụp một bàn tay giắt một em bé vai đeo cặp sách, mắt mở to, miệng mếu máo, phía dưới có hàng chữ: “Đi học hả? Hôm qua đã đi học rồi mà”.

Khách đến với quán nhiều lần thành quen, từ quen hóa thân, ngồi dai dẳng như muốn dính vào tường. Mà cũng hay, không biết từ hồi nào, khách hể vào quán cà phê mà ngồi không lâu y như rằng, là tự nhiên cảm thấy...áy náy. Và chị dường như chẳng quan tâm, cái chân lý bất biến của chị là: Khách ngồi không mặc khách. Vì chị còn phải làm công việc...một ngày như mọi ngày. Vậy đây. Chị pha cà

phê nhưng quen tay vẫn là trà xanh. Cả hai chẳng dây mơ rễ má đến nhau. Trà được bốc một nhúm ngang lòng ấm. Nước vừa độ sôi, thời gian vừa đủ, nước trà vàng tươi, ngai ngái thơm trong những chiếc ấm gan gà nhỏ nhắn, xinh xinh. Mỗi bộ ấm có kèm theo những chiếc tách cùng màu, to bằng hột mít, vừa đủ cho vài hớp nước nhỏ. Nhấp một ngụm trà, chuyện trên trời dưới đất, thoáng trông nhân nhả và thoát tục như ai.

Mỗi người một vẻ, như quán cà phê ông Nhân, ông Giảng. Quán đây có rượu “Rhum”, quán kia có bơ “Bretel”. Quán này số nhà 88, cái nọ số 100. Chẳng mấy ai nhớ đến số nhà của quán chị, chỉ biết rằng nó nằm ở con phố nhỏ Nguyễn Phi Khanh. Ấy vậy mà cách đây mấy năm, ngày chị đi vào cõi tỉnh mịch, có tới hơn hai trăm khách quen theo linh cữu chị để tiễn đưa. Nghĩ cho cùng mấy ai được như vậy. Tất cả chỉ vì cái tình tri ngộ qua hình bóng lẳng đọng với cái tên thân quen, gần gũi: *Quán chị Chi*.

Ừ thì bằng vào tất cả những gì tao nhắc tới qua tạp bút này chỉ là một thoáng ngày cũ, một chút cảnh xưa, một phần hơi thở và nhịp sống của Sài Gòn trong trí nhớ. Mây vẫn bay, ngày vẫn trôi đi, ai chẳng có một cái quán của riêng mình còn đang bồng bềnh ở đâu đó, nơi quê nhà. Và ngẫm cho cùng nếu có đi hết đất, có đi hết biển...Ai chẳng có một hạt sạn trong chiếc giày, mới đầu chỉ bằng hạt cát,

theo tuổi tác cứ lớn dần bằng hạt sỏi, rồi thì to bằng quả núi Tu Di. Để rồi...một ngày: “Anh về thăm chỗ đơi xưa - Cây cột đèn ấy hình như nhớ liền - Căn nhà có cội mai vàng - Người ta đã đôn mở hàng cà phê”.

Ừ thì bằng vào tuổi vắng gió đều hiu này. Ai chẳng một lần hoài cố quận, hoài cố nhân cùng Sài Gòn vắng những cơn mưa.

Rồi mây cũng sẽ có một ngày...

Trúc gia trang

Thu phân, Đinh Hợi 2007

Nguồn: Đếm số đoạn trường có hơn 20 bài viết về những quán cà phê. Và bài viết này được phỏng theo những tác giả như: Văn Lang, Nguyễn Huy Thiệp, Uyên Giang, Lâm Thiếu Mai, Hoàng Châu, Nguyễn Quốc Trụ, Đào Vũ Anh Hùng, Võ thị Diễm Đạm, và nhiều nữa, nhiều như những quán cà phê Sài Gòn ngày nào vậy.

Vườn nhà



Nghẹn ngào nào đưa bác tới đây, cũng lâu lắm rồi bác nhỉ, nhớ năm nào, như là cuối độ xuân sang hạ thì phải. Vậy chứ đường xa vời vợi mệt không bác, vậy ta cứ tạm ngồi nghỉ một lát, để tôi pha ấm trà, thú thực với bác, tôi mới biết uống trà gần đây thôi.

À mà trà đàm là phải nhắc đến cụ Nguyễn Tuân trong *Những chiếc ấm đất*, chỉ thoáng vài hạt trấu trong ấm trà là cụ biết ngay. Đất sinh cỏ già sinh tật, cái tật tôi vẫn cứ chuyện này xọ qua chuyện kia, lại thích lếch thếch, lang thang quay về thăm thú những ngày tháng cũ. Như nhà văn Nguyễn Khải về Hà Nội thăm ông cậu Hồ Dzếnh...Nhắc đến Hồ Dzếnh ai chẳng nằm lòng câu thơ *nhớ nhà trong điệu thuốc, khói huyền bay lên cây*. Ấy đấy, cũng chả dấu gì bác, nói đại chứ cái vườn nhà bé bằng lỗ mũi ngoài kia, chút nữa tôi đưa bác ra đảo một vòng nhá. Rõ ra lần thân cho lắm cũng cũng không ngoài: “Lần thân ngày qua, lại tháng qua - Nhìn hàng cam quất, con đường cũ...”. (*Hồ Dzếnh*)

Trong khi chờ đợi trà ngấm, ngày rộng tháng dài, hay là bác và tôi hãy theo hai cậu cháu Hồ Dzếnh thăm ngôi vườn của cụ Vĩnh ở phố Hàng Trống năm nào nha, thưa bác:

“...Đừng tưởng hội nhà văn mình là to, cái nghề viết của mình mới có đạo, nghề chơi cây cảnh cũng có cái đạo của nó, không biết nó cũng không ai chết, cũng như không đọc văn cũng không ai chết, nhưng sống sẽ nghèo đi, sẽ buồn hơn và chắc chắn cách sống sẽ tục hơn. Những năm 50, có cụ Vĩnh ở phố Hàng Trống, là bậc sư trong cái nghề chơi cây cảnh, ai mà có chút ít gì của cụ để lại, một cái chậu, một cái cây, thậm chí chỉ một hòn đá, bây giờ thì vô giá. Chớ có mở miệng hỏi cụ mua cái này cái nọ,

muốn mua phải mời cụ bữa rượu rồi nhân trong cái không khí thầy trò, bạn bè trong bữa rượu, ông cụ bốc nâng lên bằng lòng bán là phải chớp ngay, khi cụ hỏi thì cũng muộn rồi.

Có lần ông Kim Lân cùng họa sĩ Nguyễn Tiến Chung, Nguyễn Đức Nùng lại thăm cụ Vĩnh, có một người tiểu đồng, gọi thế thôi, chứ ông ta cũng phải năm chục tuổi, đầu cạo trọc như sư, mặc quần áo nâu đón khách ở nhà dưới rồi mới chạy lên hỏi cụ, hoặc cụ xuống tiếp hoặc cụ cáo bệnh. Một lát sau ông cụ xuống, quần áo lụa nâu, tóc trắng, râu bạc, thân thái phiêu dật như một đạo sĩ.

Trước khi ra vườn xem cây, cụ tự bê một cây cúc mốc, trong Nam gọi là nguyệt bạch, đặt lên cái đôn gỗ cao, phía sau là một bức thủy mặc của Tàu. Cái vườn của cụ là thượng uyển của tao nhân mặc khách, với muôn vàn vẻ đẹp của thiên nhiên đã thành mực thước cổ điển, đã thành thơ văn tự bao giờ. Đó là chính thiên nhiên, nhưng đã được rút nhỏ lại, được gạn lọc lại, để cái đẹp được biểu lộ một cách toàn vẹn. Là hội họa, điêu khắc, thi ca cộng lại. Là những tác phẩm hoàn mỹ của tác giả của nó. Là hiện thực và siêu thực. Là cuộc sống bị câu thúc trong hiện tại và những mơ mộng của những con người muôn thuở. Có những ngôi chùa trong hẻm núi, nhưng tường và mái ngói đã bị nứt ra, chum rề si buông xỏa xuống. Là một con thuyền ẩn dưới một vòm hang có nhũ đá lóng lánh. Là một ngư ông như ngồi quay lưng lại trên một hòn đá nhỏ.

Nhìn cây tùng già như treo vào vách núi lại nhớ câu thơ của Lý Bạch: “Khô tùng đảo quải ý tuyết bích”. Hoặc một cây tùng mọc chon von trên ngọn núi như trong thơ của Đỗ Phủ: “Minh minh cô cao, đa liệt phong”. Cảnh đã nhập vào thơ, nhập vào hồn, gọi lên cái băng khuâng khôn tả của người ngắm cảnh, phía xa có một mảnh tường cũ, lở lói một cách cố ý, phủ lên một lượt lá vẩy ốc xanh rì. Một cây mai trắng, trời càng rét mai càng nhiều, trắng như tuyết, không có một cái lá nào, không còn một chút tục nào, ngạo nghễ với gió bắc, nó là hàn mai. Lại có những chậu cúc Tàu, cúc ống, cánh to cánh ruồi, đã chơi cúc là coi như bỏ công danh ra ngoài, mãi mê suốt năm tháng với nó. Bất chợt thoáng đến, như có như không, cái mùi thơm sang trọng của mấy chậu địa lan, một mùi thơm mà cụ Không Tử đã đặt tên là vương giả chi hương.

Rải rác đây đó là mấy hòn đá vân xanh, đá là trùu tượng nhất, chả có ý nghĩa gì, chỉ thấy đẹp thôi. Chả ai hiểu gì nhưng đều nhận rằng rất đẹp, cái đẹp còn có ý nghĩa là khó có thể cất nghĩa được. Không cất nghĩa được là siêu rồi, là siêu thực chứ còn gì ! Các cụ đã chơi siêu thực tự cái thuở nào, thuở nào chứ không phải đến tự bây giờ.

Nhìn vào vườn của cụ Vĩnh, rồi lại nhìn những con hạc, con lân uốn xén, những chậu cúc, chậu quất đời thường mới thấy là tục. Đó là vườn cảnh của trọc phú, của quan lại, khoe danh khoe của chứ đâu có ý vị thâm trầm gì. Lại còn cá cảnh nữa, người xưa chơi lưng, chơi vây cá, bây giờ họ nhốt cá trong

tử kính, chơi bụng cá, chỉ thấy những cái bụng chình ình, trắng lợt, lượn qua lượn lại với những tia cút bắn thành vệt.

Đã chơi cây cảnh là cốt dinh dưỡng tính tình, phải tự mình chăm sóc tất cả, không nên nhờ, hay thuê. Mà cũng khó nhọc, vất vả lắm như thế mới vui, như trồng địa lan chẳng hạn, nó là loại hoa vương giả, thích mọc ở kẽ đá, trên mùn lá cây. Đất trồng nó phải lấy lớp bùn thứ để đầu hè, hai năm sau, nó khô trắng mới chặt nhỏ bằng quả vải xếp trong chậu sành, nó ưa chậu sành sộp, vì rễ lan mới thở được, còn chậu men màu lòe lẹt là bỏ, là dẹp.

Chơi lan phải chơi theo mùa, mùa xuân là hoàng lan, thanh lan, mặc lan, thu thì trần mộng, đông lan, hạ có bạch lan, ngọc vân hội, ngân biên, đông thì lan ngũ. Lại có lan tứ thời, thơm lừng lầy, lá dài hẹp, cứng đơ, trồng lại để khỏe. Nhưng các cụ khinh, liệt vào loại hoa hèn cỏ nội. Vì sao? Vì thời nào nó cũng sống được, cũng thơm được, cái thứ hoa nịnh đời, nịnh người đến thế thì trọng làm quái gì. Ông Nguyễn Tuân không chơi được lan, vì tính vốn lười, chỉ xin thôi, xin cây nào chết cây ấy, ông ta quen được vợ con hầu, bạn bè hầu, nhưng lan nó có chịu hầu ai bao giờ? Nhưng cũng có những ông chơi rất kỹ, rất công phu mà như không chơi gì cả. Cái chơi và nếp sống như nhập làm một, như trong võ thuật, kiếm với người là một, không còn chiêu số nữa, tức là đạt tới cái đạo của sự chơi rồi.

Đó là trường hợp của Trần Huyền Trân, nhà ông ở sau nhà thờ Nam Đồng, có một miếng đất nho

nhỏ, có vườn và có ao. Ông trồng một bụi trúc trước nhà, kê mấy hòn đá rửa chân, rửa rau ở bờ ao, dưới giàn thiên lý đặt mấy chậu lan, ông Trần chỉ chơi có lan hạc đỉnh vì là tên vợ ông, thêm mấy chậu cây thế và một bể cá. Bước vào nhà ông là thấy ngay cái nghèo nhưng thanh cao, phẳng phất có mùi thơm của lan, lại nghe tiếng chim gáy gù xa xôi, vắng lặng ở một góc vườn. Trong cái thế giới nho nhỏ, riêng biệt ấy, người ta và trời đất thoáng chốc như là một, bỗng nhiên nhận ra cái nực cười của bao nhiêu túi bụi một đời người, trước cái thông dong, thơ thới của cây cảnh và người, nói thì vô chừng. Như ông cậu Hồ Dzếnh của tôi, đã đặt chân đến đất kinh kỳ, từ hơn chục năm về trước, ở phố Hòa Mã, để cầu danh. Nay cũng lui về thành Nam, sống ở ven đô chứ không ở trong thành phố, vui thú điền viên cùng một mảnh vườn nho nhỏ...”

Khổ một nỗi vườn nhà tôi không được nét thanh cảnh, trầm mặc và tiên cốt như khu vườn cụ Vĩnh. Nhưng được cái rộng đến một sào rưỡi ta, một sào tức ba trăm sáu mươi mét vuông, hay mười công thợ ngoài Bắc mình chứ ít ỏi gì. Tôi biết bác đang nhăn mặt với ngôn từ, sao lại rắc rối với sào, với mẫu. Vâng, tôi cũng biết thế nhưng tôi không nhà quê, nhà mùa đâu bác ạ, cũng đi Tây đi Tàu cả đấy chứ. Đông dài một chút thì thời ông nội tôi, cả họ tộc hai ba đời bám vào ba sào ruộng, cũng qua ông cụ để tôi thì ông nội tôi môi mỏng, suốt ngày trà Tàu, thơ

phủ, công danh phù thế không qua chòm cau, khóm trúc. Đến thời thằng cháu đích tôn là tôi đây, ông cụ để tôi vẫn thường nhieć, mới nứt mắt đã cây với cỏ, trà với chiếc...Từ đó, tôi gần gũi ông nội tôi hơn qua hình ảnh sào ruộng, mảnh vườn là vậy, thừa bác.

Tôi biết đầu óc bác đang óc ách với cỏ cây, nào mời bác quá bộ ra vườn sau, thực tình tôi không biết bắt đầu từ đâu và ngừng lại ở chỗ nào. Này nhá, quẹo trái, đi thẳng hay rẽ phải đều phải bước qua cái cầu...Bác lắc đầu, tôi cũng tự nhận là ôm đồm thái quá, có một lần tần mần đếm khoảng chín cái đủ loại, cầu gỗ, cầu đá, cầu “bê-tông”. Phẳng lặng quá cũng nhàm chán, tôi muốn bước cao bước thấp như lên non tìm động hoa vàng ấy mà. Vả lại, tôi như chìm đắm trong mấy câu ca dao dân gian *giã ơn cái cọc, cầu ao, nửa đêm gà gáy, có tao có mày. (Ca dao)*

Hình như tôi bác đang hòa nhập với *ta đi thơ thần bên vườn mộng, em nấp sau hoa khúć khúć cười*. Thôi bác ơi, già rồi còn thần thơ, mộng với mơ gì nữa, tôi bây giờ chỉ còn bạn bè xa cũng như gần, như cái cọc, cầu ao. Mà bác vừa hỏi gì? Cái cọc ư! Không phải cái cọc đâu bác ơi, đó là mấy cái đế chôn quanh vườn, người phương Tây họ đặt tượng, riêng tôi để mấy chậu Bonsai lên cho lạ mắt đấy mà.

Bác nói gì vậy, tôi nghe không rõ, già cả rồi, đạo này tai nó hơi nghễnh ngãng. À bác hỏi vườn tôi là vườn Nhật hả? Ừ thì hình thức như làm dáng vậy

thôi, tôi nói thật đấy. Nói cho ngay tôi chả bon chen mầu mè ba cái lá lệ lắm đâu, vườn Tàu thì nặng nề, ở quê ta là vườn cây ăn trái, còn Nhật nhẹ nhàng hơn, lãng đãng một chút nào bằng bạc của thiên quán. Qua mảnh vườn này, tôi lồm bồm góp nhặt sỏi đá được chút nào hay chút nấy, như thế này đây, thưa bác: Bước trên lối đi nhỏ (roji) với lang thang của tâm thức, như góp nhặt cát bụi trên nẻo đường trần, rải rác với những chiếc lá vàng và bỏ lại đằng sau cơn mê hoang.

Bác nhòm tôi ngơ ngác ra điều lối đi gì mà như...như *con nai vàng ngơ ngác đạp trên lá vàng khô* thế này. Thôi thì cũng đành kể cho bác nghe một chuyện thiên:

“Thiền sư sửa soạn tiếp khách, ngài bảo các thiền sinh quét sạch ngõ từ cổng vào đến trà thất. Các thiền sinh lượm lật hết không sót một chiếc lá khô nào. Thiền sư lắc đầu. Vừa lúc người chuông môn đi về thấy vậy nói với các sư đệ: “Những gì toàn mỹ quá thì...bất toàn”. Xong lấy tay rung mấy cành cây cho lá vàng rơi rụng lác đác trên lối đi, gió thổi đưa những chiếc lá vàng bay lượn lờ đáp xuống thảm cỏ, đó đây và...bay vào hư không. Và người chuông môn nói: “Hãy nghe kìa, tiếng thì thầm của gió, của lá...”. Thiền sư gật gù: “Bây giờ ta mới nhìn thấy...chân không”.

Thế đấy, vì ảnh hưởng của thiên, vườn Nhật được hài hòa giữa giao động và tĩnh lặng: Giao động bố cục trong khu dày đặc từng bách, thác nước. Qua âm động của vô thức, tiếng róc rách rào rạt của

máng nước tre chảy xuống vai, xuống hồ, để bụi trần tan lờng, cùng tiếng thở dài của gió thoảng qua cỏ cây như hệ lụy mang mang bay bổng. Và tĩnh lặng là khoảng đất trống trải, rêu phong âm ướt mọc trải dài trên mảng đất mịn, rải rác đâu đây là năm ba hòn đá thô, thoáng trông chơi vơi lạc lõng. Nhưng thực sự được sắp xếp theo khuôn mẫu, có tan có hợp. Tất cả chỉ là giấc mộng đầu hôm cuối bãi cùng tiếng chuông tỉnh thức, qua biểu tượng trầm mặc là ngôi chùa bằng đá (ishidoro) thâm lặng dưới tàng cây, ẩn hiện giác ngộ là cơn mộng du giữa ban ngày...

Bác lắc đầu nhăn mặt, tôi cũng u mê, vườn tược quá quý gì mà khó khăn quá thế vậy. Trăm sự tại tôi, lụy vào chữ nghĩa để rồi lằng nhằng, nhồi nhét bác quá sức. Tôi cũng muốn chông chênh cùng khoảng vườn nhỏ bé trong một ngày nắng hanh qua các cụ ta xưa *trèo lên cây bươi hái hoa, bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân*. Chả là lúc này người mình qua đây, mang cả vườn tược qua, trải rộng khắp nơi khắp chốn...Bác hỏi gì mà “ôm ộp... ôm ộp...” ấy hả? Ấy là cóc nhái ềnh ương chúng đang rủ rê gọi nhau đẩy bác ạ, thế nào nay mai cũng giột giời với mưa gầm sấm chớp cho mà xem. Giời đất nghĩ cũng lạ, cứ đào hồ vét ao, y như rằng ềnh ương, châu chuộc bò ra nhìn trời ngấm mây, rồi ào một cái là mưa, mưa đấy rồi cũng tạnh ngay đấy, thưa bác...

Này bác ạ, vội năm vội tháng chứ ai lại vội ngày, bác cứ thông thả vừa đi vừa nói chuyện cỏ cây. Nào mời bác quẹo trái...

Thì đây là vườn thiền, trước kia trái sỏi gọn sòng, lmột tảng đá và ông thiền sư. Ở đấy, một ngày như mọi ngày, tôi học đòi đi tìm bản ngã, chân ngã gì gì đó của cái thằng tôi đến nhưc đầu chóng mặt. Tìm đâu không thấy, chỉ thấy sỏi trắng phẳng lặng buồn tênh, cùng màu tảng đá đen tro khắc gồ ghề và ông thiền sư thô kệch cục mịch. Vì thiền mà...không ngộ, nên tôi “phá ngộ” bằng cách “phá cách” nó đi. Sau này, tôi hì hục đào cái hố cá, loay hoay bắc cái cầu gỗ chênh vênh đến chơi với. Tảng đá tôi lụi đụi khoét hốc trồng cây lúa thừa như một hoang đảo đơn độc. Bức tượng thiền sư tôi giữ lại, ông cũng lưu lạc như tôi trong những ngày luân lạc. Nay ông ngồi không...không biết làm gì là làm thỉnh và chỉ tay qua bên kia bên nước...như muốn gửi gắm về một khoảnh khắc nào đó, thật xa, xa lắm, nằm tận sâu trong ký ức của tôi tự thuở chân ướt chân ráo qua đây *ai ra bến nước trông về Bắc, chỉ thấy mây trôi, chẳng thấy làng.* (Nguyễn Bính)

Làng nước của quá vãng, tôi gói ghém và gửi gắm ở cái hóc hẻm này. Bác thả bộ thêm vài bước nữa, tôi chỉ cho bác cái ngõ trúc và con đường nhỏ nhỏ sâu hun hút kia...Đường quê đất Bắc của riêng tôi đẩy bác ạ! Chưa hết, những cành trúc nghiêng ngả về một phía, như có một chút thanh tịnh và vắng lặng, âm hưởng của rừng chuối sau hè. Bác hãy chịu

khó lom khom chui dưới vòm trúc ấy và chậm rãi dẫm từng bước qua...ngõ hẹp ao sâu, chỉ thiếu chút mưa phùn, gió heo may, lá cành xào xạc và tận đặng cuối ngõ, xa vắng là...là...Mà bác đang lẩn đẩn gì vậy? Ha! tôi biết rồi bác đang râm ran *từng mây lơ lửng trời xanh ngắt, ngõ trúc quanh co, khách vắng teo.* (Nguyễn Khuyển)

Ừ thì cái tuổi vong gia thất thổ này, cái tâm thức bác cũng như tôi làm như lúc nào cũng...vắng teo thế đấy, chẳng còn gì để bám víu ngoài quê nhà, cây đa bến cũ. Mọi sự còn đó có đó, bác và tôi hãy trở lại cái cửa bước ra vườn hồi nãy. À mà bác nhìn cái hồ ngay trước mặt có hơi ngúc ngắc phải không bác! Nói cho ngay mò mẫm với cái thác nước ngật ngừ này, tôi có hơi rị mọ một chút là vay mượn hòn non bộ của miền bắc Trung Hoa, và gán ghép cách xếp đá của Nhật. Ngang mặt hồ, đặt một phiến đá mỏng như hòn cù lao, ở trên ấy tôi sắp ba hòn đá to nhỏ khác nhau theo thể thiên, địa, nhân, hòn này gần, cục kia xa, có cao có thấp...

Ha! bác hỏi hai chữ Nho...nhã ở cái chậu đằng kia ấy hả? Thực tình tôi cũng ngu ngơ vì nó là chữ Nhật, tên “tsukubai”, hòn đá được khoét sâu như cái vại để chứa nước, dùng để...”hồng trần bát đạo”, hiểu theo trà đạo là rửa tay trước khi vào trà thất.



Nước chảy qua đọt tre gộc khẳng khiu (kakeki), lửng lơ bắc ngang hòn đá với giải nước rơi lồm bồm không ngừng nghỉ xuống hồ dưới. Ấy là chưa kể hòn đá dựng đứng lơ lửng ở cái hồ trên kia... Vì gần cả mười năm tôi cứ choảnh hoảnh với nó, rồi qua khói thuốc, một giây phút yên sĩ phi lý thuần ập tới. Thế là tôi khoan một cái lỗ làm cái thác nước, nước róc rách từ trên cao len lõi chảy xuống qua tàn cây. Chưa hết, tôi còn đục đẽo sâu vào đá theo giải nước thành dòng thác như... nước chảy đá mòn, rồi quáng quàng với *nhớ nước đau lòng con quốc quốc...* Để rồi ngồi dài mòn mỏi đợi một ngày đá sẽ rêu xanh *biết cùng ai nói câu tâm sự, đá ngủ bên thềm gọi chẳng thừa.* (Tô Thùy Yên)

Tôi biết bác có hơi chệnh vênh chống chếnh. Vậy thì bác với tôi tạm ngồi ở cái ghế này một nhát. Ừ mà tôi nói chuyện với bác đến đâu rồi nhỉ. Ha! Nhớ ra rồi: “Một ngày nào đó bác cáo lão về hưu thì cũng như tôi thôi”. Chuyện là gõ trống qua cửa nhà sấm với bác thì chữ “hưu” chiết tự từ chữ “nhân” và “mộc”. Vì vậy khi nào bác về già hãy... vui thú điền viên với cây cỏ như tôi đây. Như lúc này chẳng hạn, tôi vẫn thường ngồi chỗ này... để phiêu lãng quên mình lãng du về một quán nước bên đường cùng

Quang Dũng ngày nào *tiền nước trả rồi nắng gắt, đường xa chóang vắng núi và mây*. Và phóng mắt nhìn qua dãy đá, hồ nước, cái cầu và tận đằng xa kia là một góc vườn hoang liêu trong một cõi đi về. Thôi thì cứ để tâm tư lãng đãng bồng bềnh về một chốn hư không cùng những người xưa năm cũ, hồn ở đâu bây giờ...Bác nhíu mày phân vân, thì cứ để đấy, tôi sẽ nhỏ to với bác sau.

Bây giờ bác bước xéo qua bên tay phải một chút, đó là cái cầu Nhật bắc qua dòng suối khô, rải rác trải rộng là những đá, sỏi lớn nhỏ hai bên bờ suối để *sau này sỏi đá cũng cần có nhau*. Ấy là tôi vay mượn lời nhạc Trịnh Công Sơn để hoài đồng vọng về một Văn Cao với *em đến chơi một lần* để rồi tất cả chỉ là một thoáng mờ nhân ảnh. Rồi lại vương vịu, hòa lẫn bởi hai câu thơ Đường thi: “Kỵ lư quá tiểu kiều, độc thán mai hoa sáu”, vì vậy năm ngoái, tôi lụi cùi trồng cây mai Nhật tên Toyo Nishiky là bên bờ suối:

Giang mai, mai ở bờ sông
Trong thơ Đỗ Phủ, ngàn năm vẫn buồn
Tàn rồi một độ hoa xuân
Thiên sư ngửa mặt tàn ngàn với mai

Bác đang mỉm cười vu vơ như...một thiên sư, mà ai chẳng một lần hoài cảm với mộng và mơ...Ấy là tôi muốn nhẹ nhõm tới mảnh vườn trúc đen cũng của Nhật này đây. Khi rày nó còn lưa thưa, mười năm nữa qua một thoáng mây bay. Bác sẽ thấy

những thân trúc đen tuyền, cao vút, ngả nghiêng loi lả theo gió chiều...Mà bác cứ lần ngẩn ngẩn mà xem, nếu làng quê đất Bắc mình mà thiếu vắng rặng tre đầu làng cuối ngõ, khóm trúc sau góc đình, bên bờ ao thì cũng một phần nào mất mát đi những nét bằng bạc trong tâm khảm. Để chẳng có Võ Phiến với *Quê ngoại*, hay *Trăng quê* với Bằng Bá Lân *hồi cô tát nước bên đàng, sao cô lại mướt trắng vàng đỏ đi đi vào văn học sử*, phải chăng thừa bác.

Quê ngoại cùng trăng quê, lại nhớ ngày nào như mới đầu đây về thăm quê nhà. Tôi lười biếng nằm thông người trên cái võng trong bụi tre góc đầy đặc. Giữa buổi trưa hè, gió hiu hiu thổi, đắm chìm trong tiếng kẽo kẹt của thân cây tre cọ vào nhau, lắng đọng qua tiếng lá tre xào xạc xanh um...Êm ả, thanh tịnh, nào có khác gì tiếng võng đưa âm ỷ của bà ngoại ru cháu bên chái nhà, hòa lẫn tiếng chó sủa vu vơ tận cuối thôn. Những nhật nhòa ẩn hiện ấy, đã đẩy đưa tôi hòa nhập vào âm vọng xa vắng, mộc mạc và bình dị của hương đồng cỏ nội. Tất cả bây giờ chỉ là hoài niệm xa vời vợi, nhưng gắn bó không rời, thừa bác.

Dường như tôi hơi...hơi hám cổ lỗ cù rù thì phải. À mà bác chòm hóm cái giống gì vậy? Ha! Hóa ra hòn non bộ. Bác và tôi lúc nào cũng vậy, thích quay quả về với các cụ ta cổ xưa *trời chân kỳ ký tra vào rọ, rút ruột tang bồng trả nợ com (Cao Bá Quát)*.. Chẳng là bóng ngả đường chiều, cả một

hòai bão tang bông thu nhỏ vào hòn giả sơn, như ốc mượn hồn đầy thôi, thừa bác...

Và cũng xin thừa với các, hòn non bộ này mang dáng dấp của miền nam Trung Hoa. Nó với nước non, sông núi cùng ngư tiều canh độc. Chả dẫu gì bác, chậu và đá được khuôn từ Hà Tiên qua. Của đi tìm người có khác, nặng khiếp, nặng kinh người.

Nhưng được cái sườn núi chênh vênh có nhiều hóc hẻm đây đó. Nên tôi cứ dầm dúi ông tiều, ông canh vào hóc này, mỏm kia để có chỗ che mưa dầm nắng qua hình tượng *lom khom dưới núi tiều vài chú, lác đác bên sông rợ mấy nhà*. Ngang ngang đỉnh núi phát phơ có mấy ông tiên đánh cờ với bình rượu túi thơ cùng ngàn năm mây bay. Mấy lần ông này không chịu *bước xuống đèo Ngang bóng sế tà, cỏ cây chen đá, đá chen hoa*. Thế nên tôi lại phải tần mẩn bắc cái cầu cho mấy tiên ông xuống núi ngắm bến bãi đâu đây *gác mái ngư ông về viễn phố, gõ sừng mục tử tại cô thôn*. Và ẩn hiện qua lùm cây bên dòng nước là *một chiếc thuyền câu bé tẻo teo, sóng biếc theo làn hơi gợn tí...*

Giờ đây bác đang ngâm ngùi, trong bác đang *thương nhà mỗi miếng cái gia gia*. Mà thôi bác ạ, sông có khúc người có lúc, vượn non nước nhà với nước non ngàn dặm ra đi đã vậy rồi, thở than u hòai ôm giấc mộng đầu hôm cuối bãi cũng thế thôi. Tất cả chỉ là giấc hòe, có tan có tụ, cùng sắc sắc không không:

Bản lai vô xứ sở

Xứ sở thị chân tông
Chân tông như thị huyễn
Huẩn hữu tức không không
(*Định hương trường lão*)

Chót chết tôi cũng phải dẫn bác tới khoảnh vườn hoang sơ như một ốc đảo mà lúc này tôi chỉ cho bác. Bác thấy trong dãy cây phong đỏ Nhật đầy đặc, có cái đầu tượng Phật Chàm bằng đá cẩm thạch trắng, to cũng gần bằng cái nồi ba mươi. Ấy đây bác thấy không, cùng vận nước nổi trôi, dân tộc Chàm mất nước rồi cũng có mặt ở đây, để dải dầu sương gió *đá vẫn tro gan cùng tuế nguyệt, nước còn cau mặt với tang thương*. Rồi bác cứ ngẫm mà xem, tháp Chàm với Thăng Long hoài cổ cùng bà Huyện Thanh Quan, qua những lớp sóng phé hưng cũng nhạt nhòa theo *lối xe ngựa cũ hồn thua thảo, nền cũ lâu đài bóng tịch dương*. Mọi nhẽ đang chìm dần dần vào quên lãng với vang bóng một thời. Nhất là trong lúc này, đất khách quê người tong tả với giắc hương quan lưỡng lẫn mơ canh dài, gặp nhau cũng không ngoài vấn vương tri giao quái ngã sầu đa mộng đầy thôi, thưa bác...

Bác có hơi hám khật khừ rồi đây, xin rước bác quá bộ về “trà thất” dùng tách trà đầu ngày. Tôi cũng hơi chém to kho mặn, gọi quá là trà thất cho có văn vẻ, văn ngữ đầy thôi. Thực ra như bác thấy, chỉ là giàn cây gỗ kèo này cột kia, gác ngang vắt dọc.

Nói cho cùng, chỉ có khác là mớ cây leo rậm rạp um tùm đầy bóng mát, lâu ngày cây rủ xuống che ngang tầm mắt, âm u, cô tịch như cái thảo am. Nào mời bác dùng trà, tôi không múa bút như một trà nhân nào đó: “Từ tốn ngồi xuống trong tĩnh lặng của chân không, qua làn khói trà nhẹ tênh, tan loãng và cùng đi tìm những giây phút lắng đọng của tâm thức”. Riêng tôi chỉ dung dị, mỗi buổi sáng dưới bóng mát màu xanh của giàn cây leo, tôi lại u hoài về một khúc nhạc có cái tên *Bóng mát*, cùng âm hưởng qua âm vọng: “Còn đâu nữa, tiếng hát ca dao ru tôi vào đời, dưới bóng tre xanh đong đưa nhịp võng, đã cho tôi bóng mát cuộc đời, còn đâu nữa, gió ngát hoa cau trong đêm dần tối, ngõ trúc trắng lên rong chơi hội làng, tiếng sáo lang thang theo chim về núi...mãi đi hoang, mãi lang thang...đã quên đi bóng mát cuộc đời”.

Và cũng mỗi buổi chiều cuối tuần, tôi thường ngồi ở đây, đắm chìm trong mộng lung xa vắng, đưa cay cùng...nhớ nhà trong điệu thuốc, khói huyền bay lên cây.

Trà tam rượu tứ rồi cũng xong. Nào mình đảo một vòng thăm thú mấy kệ cây của tôi. Bác lần lần về Bonsai ấy hả? Ngắn và gọn, nếu như từ đời Hán, đời Đường, người Tàu đã tận thu tứ hải sơn hà vào ao, hồ, hòn non bộ... Sau người Nhật với Bosai, cây cối, rừng rậm được thu gọn trong chậu nhỏ, và một thời có tên là “cây thế” hay “cây Nhật lùn”. Mặc dù

vườn nhà cũng có khá bộn, nhưng tôi chỉ chắt chiu hai loại tùng bách và cây si. Với cây tùng thì thẳng bạn tôi có hai câu Nho nhẹ, đủ nói lên tất cả: “Tuế bất hàn vô dĩ tri tùng bách, sự bất nan vô dĩ tri quân tử”.



Riêng vườn nhà có một cây si cổ thụ, cũng đâu đó gần trăm năm, mập mé sắp sủi cả một đời người với nhân sinh bách tuế vi kỳ. Bác cứ ngó chừng mà xem, gốc cằn cỗi sần sùi mốc meo, rễ buông chằng chịt chảy dài từ trên xuống dưới. Nào có khác cây đa cây đề cạnh miếu đền, vậy mà cũng lạ lắm bác ạ, nó như ngấm nhấm vào xương vào tủy. Mỗi lần ngắm cây si già nua ấy, tôi lại lãng đãng, mừng tượng về một khung trời nào đó, cùng những chiếc bình vôi lẩn lóc bên miếu thổ địa, mái âm dương rêu phong ẩm ướt. Mỗi mớ rễ cây, mỗi chiếc bình vôi, ẩn hiện cả một quãng đời, qua bao thế hệ, chôn chặt gắn bó với đất đai làng nước, năm này qua năm khác cùng những ngày tháng đông đưa.

Từ chậu Bonsai nhỏ đến những chậu kiểng lớn, ý đồ tôi muốn ngẫm khoe với bác. Tất cả đều được mang từ quê nhà sang. Thằng như bác hỏi tôi muốn gửi gắm gì ở vườn nhà? Chẳng đâu gì bác cũng thấy, không ngoài gói ghém qua mấy cái chậu vô tri vô giác kia. tôi nói thật đây thưa bác, mỗi lần lang thang, lẩn thẩn trong vườn nhà với gió và mây, trong những ngày nhạt nắng. Thì tôi lại băng khuâng nhìn cái chậu đồ gốm màu gạch cua đồng, hoa văn là con rồng đắp nổi uốn khúc đầy hồn tính. Hay cái chậu men sành màu ngọc bích, cùng những đường nét hoa văn thanh cảnh và dung dị. Hoặc giả như cái chậu màu huyết dụ, như cái đỉnh nhang, mộc mạc và đơn sơ...mang mang qua những địa danh cùng những niên đại một thời ngày nào năm ấy.

Bác tặc lưỡi một cái bép rằng hình tượng chỉ là cục đất sét, sau đó là nung với nung, thành cái chậu cái chum, có gì đâu mà nặng sị lên vậy? Một bác quá đi, này bác ạ, cứ theo tôi học được thì nghệ thuật đồ gốm chân truyền qua tay nghề của các cụ ta xưa của làng Bát Tràng, Chu Đậu. Hình dáng đường nét không gò bó của đời Tống, đời Minh. Nét vẽ thoáng đơn sơ, phóng khoáng đan thanh dăm ba ngọn cỏ, lá rau muống là biểu tượng thăng trầm đổi thay của đất quê. Bác cứ nhìn con rồng đắp nổi này, rồng đời Nguyễn khác với đời Trần, rồng đời Trần khác với rồng đời Hán. Cả một dòng lịch sử, từ triều đại này qua triều đại khác, nhưng vẫn giữ văn hóa cổ truyền chan chứa đầy tình tự dân tộc. Nay những cái

chậu mang hoa văn lá rau muống, cộng cỏ bèo dạt nổi trôi tấp về một mảnh đất nào đó ở quê hương thứ hai này, như nước chảy về cội cùng những đường nét gần gũi và thân quen. Tất cả chỉ có vậy và không hơn, thừa bác.

Giời đất ạ, chết chữa cũng gần trưa rồi. Mà bác nói gì? Vườn rộng rào thưa khó đuổi gà!. Vịt với gà, tôi biết bác muốn nhắc khéo gì nữa đây. Chuyến trước, một chuyến đò nên duyên đã ném qua chả cá rồi. Hôm nay có tiết canh vịt với bánh đa vùng. Nếu rằng cỏ bác có *trên thì móm mém nhai không vỡ, dưới lại chun choăn nhét chẳng* vào thì tôi bảo bu cháu xào xào nổi ốc giả ba ba mời bác xơi. Bu cháu múa bát múa đĩa cái toàng là xong ngay ấy mà. Có chuối xanh, nhăm lát đậu rán, ít sườn non, rau tía tô. Tôi dân đồng chua nước mặn, phải có tí ti mắm tôm mới đậm đà, thưa bác. Ấy là chưa kể dạo này bụng dạ nó hơi chộn rộn, chắc phải làm cút rượu rắn quê nhà mới xong. Riêng Bác đừng khách sáo, cùng người nhà cả, bác cứ dùng trà, nhất bác đấy.

Bác tặc lưỡi bảo tôi sướng. Sướng ở cái chỗ nào! Chả đâu gì bác, chẳng qua cũng trong cái vòng lẩn quẩn *đoạn tổng nhất sinh duy hữu tửu, trăm tư bách kế bất như nhàn* đấy thôi, thưa bác.

***Trúc gia trang
Lập xuân, Quý Mùi***

Bạt Một Chút Dối Già hay Lời chia tay nói sớm



1.

Tôi đợi đến bài cuối cùng trong loạt bài viết về Ngô Không mới nhắc đến quyển sách đầu tiên mà ông vừa in xong, với một hàm ý, có quyển sách đó hay không, thì những đóng góp chữ nghĩa của ông cho đời cũng đã được ghi nhận.

Cũng may, chúng ta sống trong thời đại có rất nhiều thành tựu của khoa học kỹ thuật, ảnh hưởng đến mọi lĩnh vực sinh hoạt, trong đó có việc xuất bản sách báo. Sách in đang mỗi ngày lui dần, nhường chỗ cho sách điện tử. Tạp chí văn học dưới dạng điện tử, hầu như đã thay thế hoàn toàn tiền thân tội nghiệp của mình. Văn đã chết. Người thư ký tòa soạn cuối cùng (nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng) hiện đang chịu đau đớn mỗi ngày vì một chứng bệnh nan y. Văn Học cũng đã chết. Người thư ký tòa soạn cuối cùng (Cao Xuân Huy) cũng sắp mãn 3 năm tang chế. Dù vậy, 10 năm nay cái tên Ngô Không Phí Ngọc Hùng cũng đã có mặt ở nhiều nơi và đã được trang trọng đón nhận. Và đặc biệt trên trang T.Vấn & Bạn Hữu này.

Quyển sách mà Ngô Không vừa in xong, có tên là Một Chút Dối Già. Anh bạn Ngọc Tự góp phần khá lớn trong nỗ lực thuyết phục ông sắp xếp việc này. Sách in với số lượng rất hạn chế. Chỉ gửi tặng bằng hữu xa gần, không bán.

Về hình thức, sách mang cái nét trang nhã cần thiết của một tác phẩm văn học. Bìa do sự hợp tác thân thiết giữa Ông Ngô Không và Bà Ngô Không. Bà chụp hình, ông chọn lại và tự làm lay-out. Sách dày hơn 600 trang khổ lớn. Cầm

hơi nặng tay. Khá nặng tay cho những ông già bà cả.

Sách gồm hai tuyển tập: Tuyển tập 1: 20 bài. Tuyển tập 2: 20 bài. Vị chi 40 bài với hơn 600 trang. Không Tựa, không Bạt.

Một số bài trong hai tuyển tập này đã được giới thiệu trên T.Vấn & Bạn Hữu. Cách phân chia thành hai tuyển tập trong một quyển chỉ giúp người đọc dễ theo dõi, ngoài ra không thấy gì chủ ý trong việc chọn và phân chia bài.

Về nội dung của 40 bài ấy, tôi dùng một trích đoạn trong bài giới thiệu tập sách Một Chút Dối Già của Ngọc Tự mà chúng ta đã đọc qua:

“Về đề tài và các loại câu chuyện trong nội dung thì thật cứ như gặp phải biển chữ, bơi lội có giỏi đến đâu chắc cũng ngộp đừ khi gặp vùng biển thế này. Thôi thì đủ cả, từ chữ nghĩa văn chương thơ phú, văn học sử, danh nhân, sử sách, đồ cổ đồ xưa, rượu chè ăn chơi, trà đàm trà đạo, cà phê cà pháo, triết lý, lý luận tu đạo, thiền môn cửa Phật, kỷ niệm yêu đương mộng mơ, hò hẹn ái tình, bạn hữu, anh em họ hàng...Tôi có ý nghĩ rằng đây cứ như là một khu chợ trời không bằng, theo cái nghĩa là đã bày biện ra thật nhiều thứ và không phải hoàn toàn cao sang quý trọng

ghê gớm gì. Tuy vậy rất nhiều thứ món mà lắm khi không thể tìm thấy ở một nơi chỗ nào khác cả thì bỗng bất ngờ thú vị vì lại có ở đây. Như thế mới sướng khoái làm sao.” (Ngọc Tự - Có lão vừa đối già).

Nếu Ngộ Không định in hết những tác phẩm của mình, giả sử ngày hôm nay ông hoàn toàn ngưng viết, thì sẽ phải cần đến ít nhất 5 quyển sách nữa có cùng một bề dày mới tạm gọi là xong. Đó là chưa kể những sưu tầm về điển cố, chữ nghĩa trong công trình "Chữ Nghĩa Làng văn". Và không thể bao gồm công trình "Tác Giả Tác Phẩm".

Nhưng quyển sách in đầu tiên (và cuối cùng?) này lại có cái tên: **Một Chút Đối Già**.

Kể ra, ở số tuổi "Thất thập cô lai hy" của ông, thì việc đối già cũng chả có gì để gọi là sớm, là "gỗ".

Trong "Đôi lời bộc bạch" của phần 1, ông "bộc bạch":

“Một ngày như mọi ngày, tay cà phê, tay thuốc lá, ngồi thuốc cù rữ đằng góc vườn, trong bóng tối đợi nắng lên, nắng lan man leo lên đụn cây,

nặng lạng lò bò xuống thăm cỏ để người viết có thêm một ngày...viết để dối già.

Mười năm sau, chiều đến, cũng ở chỗ ngôi cũ, tay điều thuốc, tay ly rượu, người viết ngồi rì mọ đọc lại dăm trang sách cũ vàng ó có tựa đề Một chút dối già để tìm thời gian đã mất. Cho đến lúc bóng ngả đường chiều phủ lên vườn nhà, nắng quái chiều hôm chụp xuống cái tuổi lá xanh lá vàng. Người viết nhẹ dần theo mây khói với ngày qua tháng lại, không còn biết mình đang ngồi đây hay là mây đang bay trên trời cao trong những ngày nhạt nắng... “

Tôi có cảm tưởng đúng là việc in quyển sách này chính "để dối già". Chính quyển sách cầm trên tay (nặng trĩu) là "vật" dối già. Có nghĩa là, sau quyển này, sẽ không còn quyển sách dối già nào khác nữa(?).

Một tiếng nói trong tôi bảo "*Thế phải rồi, in nữa cũng vậy thôi! Người đọc ngày càng thưa, kẻ bỏ tiền ra để mua sách về đọc lại còn thưa hơn nữa, dù chẳng phải nghèo khó thiếu thốn gì*". Nhưng trong miệng cứ đọng một vị đắng. Lẽ ra, sách của ông phải được in từ lâu rồi mới phải. Và chúng phải được nằm trang trọng trên những kệ sách gia đình khắp nơi. Công trình tim óc – dù

chỉ của 10 năm – đâu phải để bị lãng quên đau đớn như thế.

Tôi tự nhủ, ít nhất mình có được một phương tiện kỹ thuật trong tay và nhất quyết sẽ không để những công trình tim óc ấy bị mai một, nhưng làm sao gọi cho ông có được cái cảm giác "*Mười năm sau, chiều đến, cũng ở chỗ ngôi cũ, tay điều thuốc, tay ly rượu, người viết ngôi rì mọ đọc lại dăm trang sách cũ vàng ó có tựa đề Một chút dối già để tìm thời gian đã mất.*".

Chỗ cũ ấy trong khu vườn nhà ông, tôi đã từng ngồi. Mai sau dù có bao giờ, tôi ghé qua thành phố bụi bặm ấy, tìm trú ẩn trong ngôi vườn cô tịch, có giới lắm thì cũng chỉ một tay cầm ly rượu, một tay cầm cái máy đọc (E-Book Reader), giở ra đúng cái đoạn "*Một Chút Dối Già để tìm thời gian đã mất*". Nhưng mặt cái máy đọc lúc nào cũng như lúc nào, đâu có cái màu ó vàng để nhắc nhớ đến người muôn năm cũ, hồn ở đâu bây giờ.

Thời gian thì chắc chắn rồi sẽ mất. Có đi tìm cũng chỉ là hoài thiên cổ. Người thì cũng chắc chắn đã (sẽ) đi vào cõi hư không. Nhưng cái còn lại vẫn cứ sẽ còn lại. Dù là còn lại dưới hình thức "những trang giấy úa vàng" hay trong

những quyển sách điện tử không bao giờ mang dấu vết thời gian, ngoại trừ con số ngày tháng in trên đó.

Có phải vậy không ông Ngô Không Phí Ngọc Hùng?

2.

Tôi đã dùng tới 5 bài viết chỉ để nói về Ngô Không Phí Ngọc Hùng. Chính xác hơn, để đưa ra một cái nhìn – của riêng tôi – về văn chương Ngô Không.

Có phải là cung cách "mặc áo thụng vái nhau" mà người ta có thể thấy xảy ra đâu đó?

Nói của đáng tội, mang tiếng 5 bài riêng rẽ, nhưng nếu gộp chúng lại thì cũng có thể nằm gọn được trong chỉ 1 bài (tuy hơi dài). Tôi chia chúng ra, mỗi bài nói về một tính cách riêng của văn chương Ngô Không như tôi nhìn thấy, chỉ để cho dễ viết, dễ đọc, nhất là khi chúng đến với độc giả trên trang báo điện tử.

Tất nhiên chúng không hề có chút họ hàng gì với cung cách "mặc áo thụng vái nhau". Tôi "say" chữ nghĩa Ngô Không khi ông còn xa lạ, chưa là gì với tôi. Tôi "chóang" chữ nghĩa Ngô Không

từ vị thế độc giả, đọc văn một người, và tự cảm thấy mình nợ người ấy một đôi lời "phải quấy". Những ý tưởng nền tảng cho loạt bài về Ngộ Không hình thành trong tôi từ ngày tôi thức hân một đêm đọc văn "người viết mới" Ngộ Không Phí Ngọc Hùng mấy năm trước. Khi ấy, nghĩa bằng hữu mà cả ông lẫn tôi đều coi trọng hơn mọi thứ hư danh, hão danh vẫn chưa manh nha hình thành. Đó là việc sau này qua những lần gặp gỡ bên ly cà phê đắng, bên chén rượu nồng, bên những trang viết ngồn ngộn những chữ là chữ.

Mấy hôm trước, tôi nhận được lá thư "hốt hoảng" của Ngộ Không. Ông nửa đùa nửa thật trách tôi đã làm ông có cảm tưởng như người bị "tẩu hỏa nhập ma". Đến độ ông không còn quả quyết mình là ai nữa. Mới hôm nào, tôi bảo ông là "lão điên chữ". Ừ thì cũng được đi, vì quả có là như vậy. Rồi hôm qua, vào trang TV&BH, thấy mình được gọi là "gã thiến giả". Giả thiết thiệt giả cũng chẳng chết ai. Bỗng hôm nay, thấy mình được thêm danh xưng mới : Ông già Bắc "cực kỳ". Thế “nà” thế “lào”? Ấy là lúc đó Ngộ Không chưa biết sẽ còn danh xưng: *Gã biết chữ*. Tôi im lặng. Cứ để cho Ngộ Không "hốt hoảng". Tôi – với tư cách người đọc – có quyền có cái nhìn riêng của mình về ông – với tư cách người viết – dựa trên những gì ông đã phô bày cho

công chúng: chữ nghĩa. Thế nên, chữ nghĩa chỉ đóng vai trò trung gian. Còn người viết vẫn cứ là người viết, Ngô Không vẫn cứ là Ngô Không, bất kể người đọc gọi ông bằng bất cứ danh xưng gì. Chiếc áo chẳng thể làm nên ông thầy tu.

3.

"Ngày giời tháng bụi" qua mau như ánh chớp. Ngô Không Phí Ngọc Hùng đã hiên ngang bước qua ngưỡng cửa cổ lai hy. Tôi thì cũng đã đến giai đoạn nghe điều không thuận tai vẫn giữ được tâm lặng lẽ không mảy may xao động (lục thập nhi nhĩ thuận). Có thể "Một Chút Dối Già" là dịp duy nhất cho tôi được múa may đôi điều về ông già điên chữ Ngô Không. Cái ngày mai bất trắc mà chúng tôi trông chờ ấy tuy chưa gần nhưng cũng chẳng mấy xa. Chỉ sợ đến lúc không kịp nói cả lời chia tay. Nói gì đến tình tri ngộ qua chữ nghĩa.

Còn bây giờ, xin được trân trọng "Một Chút Dối Già" cho đời thêm hương sắc. Vì có thể, đó là lời chia tay nói sớm.

T.Vấn

**Tác phẩm "Một Chút Dối Già" của Ngô Không đã được Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu thực hiện ấn bản điện tử thành 2 tập (Một và Hai).*

Ngộ Không Phí Ngọc Hùng

Một Chút Dối Già

Tập Hai

Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu

Ấn bản điện tử

2017

©Tác Giả giữ bản quyền

©T.Vấn 2017



